



CARL SAGAN

THẾ GIỚI BỊ QUỶ ÁM



KHOA HỌC NHƯ
NGỌN NẾN TRONG ĐÊM

Table of Contents

Tựa sách

LỜI NÓI ĐẦU

§1. ĐIỀU QUÝ GIÁ NHẤT

§2. KHOA HỌC VÀ HY VỌNG

§3. HÌNH NGƯỜI TRÊN MẶT TRĂNG VÀ GƯƠNG MẶT TRÊN SAO HỎA

§4. NGƯỜI NGOÀI HÀNH TINH

§5. BỊP BỢM VÀ BÍ MẬT

§6. ÁO GIÁC

§7. THẾ GIỚI QUỶ ÁM

§8. SỰ KHÁC BIỆT GIỮA NHỮNG ẢO ẢNH THẬT VÀ GIẢ

§9. LIỆU PHÁP

§10. CON RỒNG TRONG NHÀ ĐỂ XE

§11. THÀNH PHỐ ĐAU KHỔ

§12. NGHỆ THUẬT NHẬN DIỆN NHỮNG ĐIỀU VÔ LÝ

§13. ÁM ẢNH VỚI THỰC TIỄN

§14. PHẢN KHOA HỌC

§15. GIẤC NGỦ CỦA NEWTON

§16. KHI CÁC NHÀ KHOA HỌC BIẾT TỘI

§17. CUỘC HÔN NHÂN CỦA THÁI ĐỘ HOÀI NGHI VÀ NHỮNG ĐIỀU KỲ DIỆU

§18. GIÓ GÂY BỤI

§19. LÀM GÌ CÓ CÂU HỎI NGỜ NGÃN

§20. NHÀ CHÁY

THẾ GIỚI BỊ QUỶ ÁM

Khoa học như ngọn nến trong đêm
(The Demon-Haunted World)

Tác giả: Carl Sagan

Người dịch: Nguyễn Xuân Hồng

Bản quyền tiếng Việt © 2012 Công ty Sách Alpha

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Vũ trụ bao la cùng bao điều bí ẩn đến nay vẫn chứa đựng nhiều vấn đề khó giải đáp. Bạn có biết đến thị trấn Roswell? Bạn có tin vào sự tồn tại của người ngoài hành tinh?...

Nếu bạn cũng đam mê những cuốn sách về vũ trụ thì không thể bỏ lỡ **Thế giới bị quỷ ám - Khoa học như ngọn nến trong đêm** của vị giáo sư thiên văn học nổi tiếng Carl Sagan.

Thế giới bị quỷ ám - Khoa học như ngọn nến trong đêm được mô tả như một hành trình khoa học gây tò mò, lôi cuốn, thân trọng với những yếu tố kích thích, đầy lòng trắc ẩn, tính nhân văn, những khám phá và những điềm báo không dứt, sẽ là cuốn sách bạn không thể bỏ lỡ.

Với những chủ đề hấp dẫn, cuốn sách như có một thứ ma thuật diệu kỳ thu hút bất cứ ai tò mò.

Thế giới bị quỷ ám - Khoa học như ngọn nến trong đêm là cuốn sách gối đầu giường tuyệt vời cho những bạn trẻ đam mê vũ trụ kì bí.

LỜI NÓI ĐẦU

NHỮNG NGƯỜI THẦY CỦA TÔI

Đó là một ngày thu gió thổi mạnh vào năm 1939. Trên những đường phố bên ngoài khu chung cư, những chiếc lá rơi cuộn xoáy thành những lốc xoáy nhỏ, với cuộc sống riêng của chúng. Thật may khi được ở trong nhà, ấm áp và an toàn, với mẹ tôi đang chuẩn bị bữa tối ở phòng bên. Trong căn hộ của chúng tôi, không còn đứa trẻ nào lớn hơn một chút chọc ghẹo ta chẳng vì lý do gì cả. Chỉ mới một tuần trước, tôi đã đánh nhau một trận – sau chừng ấy năm tháng, tôi không còn nhớ đã đánh nhau với ai nữa; có thể là Snoony Agata ở tầng ba – và sau một cú đấm rất mạnh, tôi thấy nắm đấm của mình đã xuyên qua ô cửa sổ lắp kính tấm của hiệu thuốc Schechter.

Bác Schechter rất ân cần: “Không sao, bác mua bảo hiểm rồi,” ông nói khi bôi một ít thuốc khử trùng đau không tả được lên cổ tay tôi. Mẹ tôi đưa tôi tới bác sĩ có phòng mạch ở tầng trệt trong dãy nhà của chúng tôi. Bằng một cái nhíp, ông rút ra một mảnh thủy tinh. Rồi ông khâu hai mũi bằng kim và chỉ.

“Hai mũi khâu!” tối hôm đó, bố tôi nhắc lại. Ông biết rõ về các mũi khâu bởi vì ông là một thợ cắt trong lĩnh vực may mặc; công việc của ông là dùng một lưỡi cưa điện rất đáng sợ để cắt ra các miếng ghép – lưng áo, hoặc ống tay áo choàng và còm lê của phụ nữ – từ cả chồng vải ngẫu nhiên. Sau đó, các miếng ghép này được chuyển tới hàng dãy vô tận những bà ngồi bên máy khâu. Ông rất hài lòng rằng tôi đã đủ kiên dữ để át cả cái tính nhút nhát bẩm sinh.

Có nhiều lúc, đánh trả lại là rất tốt. Tôi không định làm bất kỳ điều gì liên quan đến bạo lực. Nó tự xảy ra thôi. Một lần, Snoony đẩy tôi và một lúc sau nắm đấm của tôi đã xuyên qua cửa sổ hiệu Schechter. Tôi làm cổ tay mình bị thương, tào ra một khoản chi thuốc men bất ngờ, làm vỡ một ô cửa kính, và không ai nổi giận với tôi cả. Còn với Snoony, cậu ấy còn thân thiện hơn bao giờ hết.

Tôi cứ băn khoăn chuyện rút ra bài học gì. Nhưng ngồi trong căn hộ ấm áp, nhìn xuống Vịnh Lower New York qua cửa sổ phòng khách và nghĩ về việc đó thú vị hơn rất nhiều so với việc thử một tai nạn mới nào đó ở trên phố dưới kia.

Như thường lệ, mẹ tôi thay quần áo và trang điểm lại để chuẩn bị đón bố tôi về nhà. Mặt trời gần như đã lặn và chúng tôi cùng nhìn ra phía vùng nước sóng vỗ dập dềnh.

“Có người đang đánh nhau ngoài kia, giết hại lẫn nhau,” mẹ tôi nói, tay chỉ mơ hồ ra xa Đại Tây Dương. Tôi chăm chú nhìn theo.

“Con biết,” tôi đáp. “Con có thể nhìn thấy họ.”

“Không, con không thể thấy,” bà trả lời, gần như gay gắt, trước khi quay vào bếp. “Họ ở quá xa.”

Làm sao mẹ biết được liệu mình có nhìn thấy họ hay không cơ chứ? Tôi tự hỏi. Nheo nheo mắt, tôi nghĩ mình đã nhận ra cái dải đất mỏng manh ở phía chân trời, nơi nó những bóng người nhỏ xíu đang xô đẩy và vung kiếm đâm chém y như trong những cuốn truyện tranh của tôi. Nhưng có lẽ mẹ nói đúng. Có lẽ đó chỉ là trong tưởng tượng của tôi, hơi giống như những con quái vật lúc nửa đêm vẫn thỉnh thoảng làm tôi choàng tỉnh lúc đang ngủ say, quần áo ướt đầm mồ hôi, và tim đập thình thịch.

Làm cách nào bạn nói được rằng ai đó chỉ đang tưởng tượng? Tôi dăm dăm nhìn ra vùng nước xám xịt cho tới khi bóng tôi bao phủ và tôi được gọi đi rửa tay để ăn tối. Trước sự thích thú của tôi, bố tôi bế thốc tôi lên cánh tay ông. Tôi có thể cảm nhận được cái lạnh của thế giới bên ngoài vẫn còn trong bộ râu của ông.

—

Một ngày Chủ nhật cùng năm đó, bố tôi kiên trì giải thích cho tôi về số 0 như là một con số quan trọng trong môn số học, về những cái tên nghe rất kỳ quái của những con số lớn, và về sự thật là không có số lớn nhất. (“Con luôn luôn có thể thêm một số nữa,” ông nói). Đột nhiên, tôi có cái ham muốn rất trẻ con được viết lần lượt cả dãy toàn bộ các số nguyên từ 1 đến 1.000. Chúng tôi chẳng có thếp giấy nào cả, nhưng bố tôi chìa ra một tập bìa các tông màu xám mà

ông dành dụm được khi đem những chiếc áo sơ mi đi giặt. Tôi háo hức bắt tay vào việc, nhưng rất ngạc nhiên rằng sao nó lại chậm chạp đến vậy. Khi tôi mới viết được chưa quá vài trăm số, mẹ tôi bảo rằng đã đến lúc tôi phải đi tắm. Tôi cảm thấy chán nản. Tôi phải viết đến một nghìn chữ. Cả đời luôn trong vai trò hòa giải, bố tôi can thiệp ngay: Nếu tôi vui vẻ đi tắm, ông sẽ tiếp tục viết cho tôi. Tôi vô cùng phấn khởi. Đến lúc tôi quay ra, ông đang viết gần đến 900, và tôi có thể viết đến 1.000 chỉ quá giờ đi ngủ bình thường một chút. Tầm vóc của những con số lớn chưa bao giờ thôi ám ảnh tôi.

Cũng vào năm 1939, bố mẹ tôi đưa tôi tới Hội chợ Thế giới New York. Ở đó, tôi được nghe về viễn cảnh một tương lai hoàn hảo có thể đạt được nhờ khoa học và công nghệ cao. Người ta chôn giấu một khoảng thời gian, trong đó chứa nhiều đồ vật của thời đại chúng tôi để gửi lại cho các thế hệ tương lai – những người có thể không biết gì nhiều về con người năm 1939. “Thế giới Ngày mai” sẽ trù phú, sạch sẽ, hợp lý và, như tôi nghĩ, không hề có dấu vết của người nghèo.

“Nhìn âm thanh,” một sản phẩm trưng bày đưa ra lời tuyên bố khiến ai cũng phải bối rối. Và đúng như vậy, khi âm thoa được một chiếc búa nhỏ gõ vào, một sóng điện từ hình sin rất đẹp chạy ngang màn hình máy hiện sóng. “Nghe ánh sáng,” một áp phích khắc khảng định. Và quả thật, khi dùng đèn pin chiếu vào tế bào quang điện, tôi có thể nghe được tiếng gì đó như tiếng tĩnh điện trên cái máy thu thanh hiệu Motorola của chúng tôi khi kim dò sóng nằm giữa các điểm có sóng. Rõ ràng thế giới có những điều kỳ diệu mà tôi chưa bao giờ đoán ra. Làm thế nào một âm thanh lại *có thể* trở thành một hình ảnh và ánh sáng trở thành tiếng động?

Bố mẹ tôi không phải những nhà khoa học. Họ gần như chẳng biết gì về khoa học. Nhưng khi cho tôi làm quen với cách hoài nghi cùng những điều kỳ diệu, họ dạy tôi hai cách tư duy vốn không dễ cùng tồn tại nhưng lại là trung tâm của phương pháp khoa học. Họ không lấy gì làm sung túc. Nhưng khi tôi tuyên bố rằng tôi muốn trở thành một nhà thiên văn, tôi đã nhận được sự ủng hộ hết mức – thậm chí nếu họ (và cả tôi) chỉ có hiểu biết hết sức sơ đẳng về thế nào là một nhà thiên văn. Họ chưa bao giờ đề xuất rằng, nếu cân nhắc tất cả mọi điều thì có lẽ tốt hơn cả là tôi nên trở thành một bác sĩ hoặc luật sư.

Ước gì tôi có thể nói với các bạn về những người thầy khoa học đã truyền cảm hứng cho tôi từ thời còn học phổ thông. Nhưng khi tôi nghĩ lại thời kỳ đó, lại chẳng hề có ai cả. Trong tôi chỉ còn trí nhớ “thuộc lòng” về Bảng Tuần hoàn các Nguyên tố, về đôn bầy và mặt phẳng nghiêng, về quang hợp ở cây xanh, và về sự khác nhau giữa anthracite với than đá có bitumen. Nhưng không hề có cảm nhận gì về những điều kỳ diệu, không có may mắn gì về triển vọng tiến hóa, và chẳng có gì về những ý tưởng sai lầm mà tất cả mọi người từng tin tưởng. Trong các buổi thí nghiệm ở trường phổ thông, chúng tôi thường phải tìm cho được một câu trả lời. Chúng tôi sẽ bị mất điểm nếu không làm nổi. Không hề có sự khuyến khích theo đuổi những điều chúng tôi quan tâm hoặc những linh cảm hay những khái niệm chưa đúng. Ở bìa sau của sách giáo khoa, luôn có tài liệu mà bạn có thể nói rằng thú vị. Năm học luôn kết thúc trước khi chúng tôi tiếp thu được tài liệu đó. Bạn có thể tìm được những cuốn sách tuyệt vời về thiên văn học trong thư viện, nhưng không hề có trong lớp học. Phép chia dài được dạy như một loạt quy tắc rút ra từ một cuốn sách dạy nấu ăn vậy, chẳng hề có giải thích làm thế nào cái biểu thức gồm những phép chia ngắn, phép nhân và phép trừ này lại có thể đem lại cho bạn kết quả đúng. Ở trường phổ thông, phép tính căn bậc hai được dạy đầy vẻ cung kính, cứ như thể đó là một phương pháp từng được truyền lại từ núi thiêng Sinai vậy. Nhiệm vụ của chúng tôi là chỉ việc nhớ những gì chúng tôi được yêu cầu. Tìm câu trả lời đúng, và đừng bao giờ bận tâm rằng bạn không hiểu những gì bạn đang làm. Tôi từng học một giáo viên đại số năm thứ hai rất giỏi mà tôi đã học được rất nhiều về toán học; nhưng ông ấy cũng là một tay ưa bắt nạt rất khoái trò làm cho các cô gái trẻ phải bật khóc. Mỗi quan tâm của tôi đối với khoa học vẫn nguyên vẹn trong suốt những năm học phổ thông đó nhờ việc đọc sách và tạp chí về sự thật cũng như hư cấu khoa học.

Đại học chính là nơi thực hiện những giấc mơ của tôi: Tôi tìm thấy những vị thầy không chỉ hiểu khoa học mà thực tế còn có thể giải thích nó. Tôi may mắn được theo học một trong những cơ sở học thuật danh tiếng thời đó, Đại học Chicago. Tôi là sinh viên vật lý tại một khoa có nhà vật lý vĩ đại Enrico Fermi;[\[1\]](#) tôi phát hiện ra cái hay đích thực của môn toán học từ

Subrahmanyan Chandrasekhar;[\[2\]](#) tôi có cơ hội được trò chuyện về hóa học với Giáo sư Harold Urey;[\[3\]](#) các mùa hè, tôi được thực hành sinh học với H. J. Muller[\[4\]](#) tại Đại học Indiana; và tôi học về thiên văn học hành tinh từ nhà nghiên cứu toàn thời gian duy nhất thời đó là G. P. Kuiper.[\[5\]](#)

Chính từ Kuiper mà tôi lần đầu tiên có được cảm nhận về những gì được gọi là cách tính mặt sau phong bì: Một cách giải thích khả dĩ cho vấn đề gì đó chột đến với bạn, bạn chỉ việc lấy ra một cái phong bì cũ, huy động kiến thức vật lý cơ bản của mình, viết vội vài phương trình xấp xỉ lên phong bì, thay thế bằng các giá trị số, và xem xem liệu câu trả lời của bạn có đến được đâu đó gần giải thích cho vấn đề của bạn không. Nếu không, bạn lại tìm một lời giải khác. Nó khắc phục những điều vô lý dễ dàng chẳng khác gì dao cắt bơ.

Tại Đại học Chicago, tôi cũng có may mắn được học qua chương trình giáo dục đại cương do Robert M. Hutchins hoạch định, trong đó khoa học được xem như một phần không thể thiếu trong “tầm thâm” lòng lầy của tri thức nhân loại. Sẽ là không tưởng tượng nổi nếu một nhà vật lý lại không biết đến Plato, Aristotle, Bach, Shakespeare, Gibbon, Malinowski, và Freud – cùng nhiều người khác. Trong một buổi khoa học nhập môn, quan điểm của Ptolemy rằng Mặt trời quay quanh Trái đất được trình bày thuyết phục đến mức một số sinh viên đã cân nhắc lại niềm tin của họ đối với Copernicus. Địa vị của các giáo viên trong giáo trình Hutchins gần như không phải làm gì với nghiên cứu của họ cả; ngược lại – không như tiêu chuẩn đại học Mỹ ngày nay – các giáo viên được đánh giá theo khả năng dạy, năng lực truyền đạt thông tin và truyền cảm hứng cho thế hệ sau của họ.

Trong bầu không khí hùng hực này, tôi có thể lấp đầy một số trong rất nhiều lỗ hổng kiến thức của mình. Nhiều vấn đề vốn cực kỳ bí hiểm, và không chỉ trong lĩnh vực khoa học, trở nên sáng tỏ hơn. Tôi cũng tận mắt chứng kiến niềm vui sướng của những người có đặc ân được khám phá chút ít về sự vận hành của Vũ trụ.

Tôi luôn biết ơn những người thầy của tôi vào thập niên 1950, và cố gắng bảo đảm rằng từng người trong số họ đều biết lòng biết ơn của tôi. Nhưng khi nhìn lại, dường như tôi thấy rõ rằng mình học được những điều quan trọng nhất không phải từ các giáo viên ở trường, cũng không phải từ các giáo sư đại học, mà là từ bố mẹ tôi, những người chẳng biết gì về khoa học, kể từ cái năm 1939 xa xăm đó.

Chương 1.

ĐIỀU QUÝ GIÁ NHẤT

Toàn bộ nền khoa học của chúng ta, đem đo với thực tiễn, còn rất sơ đẳng và như trò trẻ con – và đó lại là điều quý giá nhất mà chúng ta có.

Albert Einstein
(1879-1955)

Khi tôi bước xuống máy bay, anh ta đang đợi tôi, tay cầm một tấm bìa có ghi nguêch ngoạc tên tôi trên đó. Tôi đang trên đường tới dự một hội nghị các nhà khoa học và các phát thanh viên truyền hình, những người rất nhiệt tình với khả năng dường như vô vọng là cải thiện sự hiện diện của khoa học trên truyền hình thương mại. Các nhà tổ chức đã chu đáo cử một lái xe đi đón tôi.

- Tôi xin phép hỏi một câu được không? – Anh ta hỏi khi chúng tôi đợi lấy hành lý của tôi.

Dĩ nhiên tôi sẵn lòng.

- Rất dễ gây nhầm lẫn khi có tên trùng với vị khoa học gia đó phải không ạ?

Tôi phải mất một lúc mới hiểu. Anh ta đang giễu cợt tôi chăng? Cuối cùng, tôi cũng hiểu ra ngọn ngành.

- Tôi chính là vị khoa học gia đó đây – tôi đáp.

Anh ta im bặt và sau đó mỉm cười.

- Tôi xin lỗi. Vậy là vấn đề do tôi rồi. Tôi cứ nghĩ ngài cũng như vậy.

Anh ta chìa tay ra.

- Tôi tên là William F. Buckley. (Chắc, *chính xác thì* anh ta không phải là William F. Buckley, nhưng đúng là anh ta có tên gọi giống hệt một phóng viên phỏng vấn trên truyền hình rất nổi tiếng, cho nên rõ ràng anh ta cũng rất có khiếu bông đùa).

Khi chúng tôi yên vị trên xe để bắt đầu một chuyến đi dài, trong khi mấy cái cần gạt nước cứ đều đều gạt qua gạt lại, anh ta nói với tôi rằng anh ta rất vui vì tôi chính là “vị khoa học gia đó” – anh ta cũng có rất nhiều câu hỏi về khoa học. Liệu tôi có vui lòng trả lời?

Dĩ nhiên tôi rất sẵn lòng.

Và cứ thế chúng tôi trò chuyện với nhau. Nhưng hóa ra lại không phải là nói về khoa học. Anh ta muốn nói về những sinh vật ngoài vũ trụ đã được hóa đông vẫn đang nằm trong một căn cứ không quân gần San Antonio, về “lên đồng” (một cách nghe những gì đang diễn ra trong tư duy người chết – những hóa ra chẳng được bao nhiêu), về các tinh thể, về những lời tiên tri của Nostradamus, về tử vi, về tấm vải liệm Turin... Anh ta nói đến từng chủ đề kỳ lạ này với thái độ cực kỳ nhiệt thành. Mỗi lần tôi đều phải làm anh ta thất vọng:

- Bằng chứng không có giá trị – tôi cứ liên tục đáp vậy. – Có cách giải thích đơn giản hơn nhiều.

Phải nói là anh ta đọc rất nhiều. Anh ta biết đủ mọi sắc thái suy đoán về “các lục địa bị chìm” là Atlantis và Lemuria. Anh ta biết rành rẽ những gì mà các cuộc thám hiểm dưới nước được cho là đang bắt đầu tìm ra những cây cột bị gãy và những tòa tháp đổ của một nền văn minh rực rỡ một thời mà nay những phế tích chỉ còn được các loài cá phát sáng ở vùng biển sâu và những con thủy quái khổng lồ viếng thăm. Ngoại trừ... trong khi đại dương còn giữ kín rất nhiều bí mật, tôi biết rằng không hề có dấu vết đại dương học hay địa vật lý gì ủng hộ cho giả thuyết về Atlantis và Lemuria. Với kiến thức khoa học hiện tại thì chúng chưa bao giờ tồn tại cả. Giờ thì tôi nói với anh ta như vậy, có hơi do dự một chút.

Khi chúng tôi lái xe trong mưa, tôi có thể thấy anh ta càng lúc càng cau có. Tôi đang thảo luận không chỉ một học thuyết sai sót nào đó mà còn cả một khía cạnh quan trọng trong đời sống nội tâm của anh ta.

Và trong khoa học thực tế có rất nhiều điều thú vị không kém, và huyền bí hơn, một thách

thức tri thức lớn hơn – cũng như gần với chân lý hơn nhiều. Liệu anh ta có biết về các khối hình thành phân tử sự sống đang tồn tại trong màn khí loãng lạnh ngắt giữa các vì sao không? Anh ta đã nghe nói đến những dấu chân của tổ tiên chúng ta tìm thấy trong tro than núi lửa có độ tuổi 4 triệu năm chưa? Rồi quá trình nhô cao của dãy Himalayas khi Ấn Độ va vào Châu Á nữa? Hay là cách thức các loại virus, được hình thành giống như các ống tiêm dưới da, phóng DNA của chúng qua các lớp phòng thủ của cơ thể vật chủ và phá hỏng bộ máy sinh sản của tế bào; hoặc việc tìm kiếm các nền văn minh ngoài vũ trụ bằng sóng vô tuyến; hay nền văn minh cổ đại Ebla^[6] mới được phát hiện gần đây vẫn được dùng trong quảng cáo bia Ebla? Không, anh ta chưa hề nghe nói đến. Anh ta cũng không hề biết, cho dù là mơ hồ, về đặc tính không xác định lượng tử, và anh ta nhận ra DNA chỉ như ba chữ cái viết hoa ghép thường xuyên được nhắc tới mà thôi.

Quý ông “Buckley” – ăn nói hoạt bát, thông minh, tò mò – rõ ràng chưa hề nghe nói về khoa học hiện đại. Anh ta có ham mê bẩm sinh đối với những điều kỳ diệu của Vũ trụ. Anh ta *muốn* biết về khoa học. Chỉ có điều toàn bộ kiến thức khoa học đã được sàng lọc trước khi đến được với anh ta. Các mô típ văn hóa của chúng ta, hệ thống giáo dục của chúng ta, bộ máy truyền thông của chúng ta đã đánh trượt người đàn ông này. Những gì xã hội được phép tiết lộ chủ yếu lại rất giả dối và gây nhầm lẫn. Người ta chưa bao giờ dạy anh ta biết cách phân biệt giữa khoa học thực sự với sự bắt chước rẻ tiền. Anh ta chẳng biết gì về cách hoạt động của khoa học.

Có hàng trăm cuốn sách nói về Atlantis – cái lục địa bí ẩn được nói là đã từng tồn tại khoảng 10.000 năm trước ở Đại Tây Dương. (Hay ở đâu đó. Một cuốn sách gần đây đặt lục địa này ở Nam Cực). Câu chuyện quay trở lại thời Plato, người nói rằng nó truyền đến ông như là những đồn đoán có từ thời xa xưa. Các cuốn sách gần đây mô tả nghe rất có căn cứ về trình độ công nghệ, đạo đức và đời sống tâm linh rất cao của người Atlantis, và cả thảm kịch về một lục địa có người ở bị chìm sâu dưới những ngọn sóng. Có một Atlantis “Thời đại Mới”, “nền văn minh huyền thoại của các ngành khoa học tiên tiến,” chủ yếu tập trung vào “khoa học” về các tinh thể. Trong bộ sách gồm ba tập có nhan đề *Khai sáng pha lê* (Crystal Enlightenment) của Katrina Raphaell – bộ sách chịu trách nhiệm chính cho cơn sốt pha lê ở Mỹ – các tinh thể của người Atlantis được tư duy, truyền tải được ý nghĩ, là nơi chứa đựng lịch sử cổ đại và là mô hình cũng như nguồn gốc cho các kim tự tháp của Ai Cập. Không hề có gì gần giống như là bằng chứng được đưa ra để củng cố cho những khẳng định này. (Cơn sốt pha lê có thể lại trỗi dậy sau khi có phát hiện gần đây của ngành địa chấn học cho biết lõi trong của Trái Đất có thể chỉ là một tinh thể khổng lồ, gần như hoàn hảo, duy nhất – của sắt).

Một vài cuốn sách – chẳng hạn cuốn *Những truyền thuyết của Trái Đất* (Legends of the Earth) của Dorothy Vitaliano – diễn giải những truyền thuyết Atlantis nguyên gốc như là một hòn đảo nhỏ ở Địa Trung Hải đã bị hủy hoại bởi một đợt núi lửa phun trào, hoặc là một thành phố cổ đại bị chìm xuống Vịnh Corinth sau một trận động đất. Đây, như tất cả chúng ta biết, có thể là nguồn gốc của truyền thuyết này, nhưng nó là tiếng vọng xa xăm từ quá trình hủy diệt của một lục địa nơi từng xuất hiện một nền văn minh huyền bí và cực kỳ tiến bộ về kỹ thuật.

Cái mà chúng ta hầu như không bao giờ tìm thấy – trong các thư viện công cộng hoặc các tạp chí bày bán tại quầy hay các chương trình truyền hình phát sóng giờ vàng – là bằng chứng từ đáy biển và ngành kiến tạo địa tầng học, và từ quá trình lập bản đồ đáy đại dương vốn cho thấy rành rành rằng có thể không hề có lục địa nào nằm giữa Châu Âu và Châu Mỹ vào bất kỳ giai đoạn nào trong tiến trình thời gian.

Những bài viết không xác thực chuyên đánh lừa những người cả tin lúc nào cũng đầy rẫy. Những nghiên cứu mang tính hoài nghi khó tìm hơn nhiều. Những ý kiến nghi ngờ vốn bán không chạy. Một người tò mò và thông minh chỉ dựa vào văn hóa đại chúng để được biết thông tin về những chuyện như Atlantis thì chắc chắn cả trăm hoặc thậm chí nghìn lần chỉ gặp được một câu chuyện bịa được mặc nhiên công nhận chứ không phải một đánh giá tỉnh táo và cân bằng.

Có lẽ Quý ông “Buckley” cũng biết nghi ngờ về những gì anh ta tiếp nhận từ văn hóa đại chúng. Nhưng ngoài chuyện đó, khó mà thấy được anh ta sai lầm đến đâu. Đơn giản là anh ta chấp nhận những gì mà các nguồn thông tin sẵn có khắp nơi vẫn cho rằng đúng. Với sự cả tin

của mình, anh ta “lạc lối” và bị lừa một cách có hệ thống.

Khoa học khơi dậy cảm nhận ngày càng tăng về những điều kỳ diệu. Nhưng khoa học giả hiệu cũng làm được như vậy. Những đợt phổ cập khoa học thừa thớt và nghèo nàn bỏ qua các vùng sinh thái mà khoa học giả hiệu lấp đầy ngay lập tức. Nếu hiểu rộng rãi rằng những tuyên bố đối với tri thức đòi hỏi phải có bằng chứng phù hợp trước khi được chấp nhận thì đã chẳng có chỗ dành cho khoa học giả hiệu. Nhưng một dạng Luật Gresham^[7] vẫn thịnh hành trong văn hóa đại chúng mà nhờ đó, khoa học giả hiệu thắng thế khoa học thật sự.

Trên khắp thế giới, có rất nhiều người thông minh, thậm chí có tài rất say mê khoa học. Nhưng niềm đam mê đó lại không được đền đáp. Nhiều khảo sát cho thấy khoảng 95% người Mỹ “mù khoa học.” Con số tương tự cũng từng được ghi nhận với những người Mỹ da đen, hầu hết là những nô lệ mù chữ trước thời Nội chiến – khi mà những hình phạt hà khắc được áp dụng cho bất kỳ ai dạy nô lệ biết đọc. Dĩ nhiên, hơi có phần khiên cưỡng trong việc xác định tỉ lệ thất học, cho dù điều này áp dụng với ngôn ngữ hay với khoa học. Nhưng bất kỳ điều gì như là tỉ lệ thất học ở mức 95% là cực kỳ nghiêm trọng.

Thế hệ nào cũng lo lắng rằng các tiêu chuẩn giáo dục đang giảm sút. Một trong những tiểu luận xa xưa nhất trong lịch sử loài người, có từ thời người Sumer cách đây khoảng 4.000 năm, than rằng giới trẻ ngu dốt hơn rất nhiều so với thế hệ trước đó. Hai nghìn bốn trăm năm trước, Plato đã đưa ra định nghĩa mù khoa học trong Cuốn VII bộ *Pháp luật*:

Ai không biết đếm một, hai, ba, hoặc phân biệt được các số chẵn lẻ, hoặc không biết đếm tí nào, hoặc ước tính ngày và đêm, và ai hoàn toàn không biết đến sự xoay vòng của Mặt trời và Mặt trăng, cũng như các ngôi sao khác... Tất cả những con người tự do, theo tôi quan niệm, cần học thật nhiều nhánh tri thức này giống như mọi đứa trẻ ở Ai Cập vẫn được dạy dỗ khi học bảng chữ cái. Ở đất nước đó, các trò chơi số học đã được nghĩ ra để dạy cho trẻ con, và chúng học rất hào hứng và thích thú... Tôi... đến cuối đời hết sức kinh ngạc nghe nói đến sự dốt nát của chúng ta ở những vấn đề này; với tôi chúng ta hình như giống lợn hơn là con người, và tôi rất xấu hổ, không chỉ với trước chính mình mà trước tất cả người Hy Lạp.

Tôi không biết tình trạng thiếu hiểu biết về khoa học và toán học góp phần vào sự suy tàn của người Athens cổ đại đến mức độ nào nhưng tôi biết rằng các hậu quả của tình trạng mù khoa học trong thời đại chúng ta còn nguy hiểm hơn rất nhiều so với bất kỳ thời kỳ nào trước kia. Sẽ rất nguy hiểm và liều mạng nếu một công dân bình thường vẫn hoàn toàn không biết đến tình trạng ấm lên toàn cầu, lấy ví dụ như vậy, hay các hiện tượng thủng tầng ozone, ô nhiễm không khí, các chất thải phóng xạ và độc hại, mưa a-xít, xói mòn lớp đất mặt, nạn phá rừng nhiệt đới, và sự gia tăng dân số theo cấp số mũ. Việc làm và lương lậu tùy thuộc vào khoa học và công nghệ. Nếu đất nước chúng ta không thể sản xuất, với chất lượng cao và giá thành thấp, những hàng hóa mà người dân muốn mua, thì các ngành công nghiệp sẽ tiếp tục để tuột sự phồn thịnh sang những khu vực khác của thế giới. Hãy suy nghĩ về những phân nhánh xã hội của năng lượng phân hạch và tổng hợp hạt nhân, các siêu máy tính, các “xa lộ” dữ liệu, nạo phá thai, nguyên tố radon, việc giảm mạnh vũ khí chiến lược, nạn nghiện hút, hiện tượng chính phủ “nghe lén” cuộc sống của các công dân, truyền hình độ phân giải cao, an toàn hàng không và sân bay, cấy ghép mô bào thai, chi phí y tế, các chất phụ gia thực phẩm, các loại thuốc điều trị tâm thần, trầm cảm hoặc tâm thần phân liệt, các quyền của động vật, hiện tượng siêu dẫn, các loại thuốc ngừa thai, các khuynh hướng phản xã hội được cho là di truyền, các trạm không gian, việc du hành tới Sao Hỏa, việc tìm kiếm thuốc chữa trị bệnh AIDS và ung thư.

Chúng ta có thể ảnh hưởng đến chính sách quốc gia – hoặc thậm chí đưa ra những quyết định thông minh trong đời mình – như thế nào nếu chúng ta không nắm bắt được những vấn đề bên dưới? Như tôi viết, Quốc hội sắp giải tán Văn phòng Thẩm định Công nghệ – tổ chức duy nhất chuyên trách tư vấn về khoa học và công nghệ cho Hạ viện và Thượng viện. Trong nhiều năm, cơ quan này đã chứng tỏ được năng lực của mình. Trong số 535 nghị sĩ Hoa Kỳ, thật hiếm hoi là trong thế kỷ 20 lại có tới 1% có kiến thức đáng kể về khoa học. Vị Tổng thống cuối cùng am tường về khoa học là Thomas Jefferson.^[8]

Vậy người Mỹ quyết định những vấn đề này như thế nào? Họ hướng dẫn những người đại diện cho mình như thế nào? Thực tế ai đưa ra những quyết định này, và trên cơ sở nào?

Hippocrates là cha đẻ của ngành y học. Ông vẫn được ghi nhớ 2.500 năm sau với Lời thề Hippocrates (một hình thức cải biến nào đó của lời thề này vẫn được các sinh viên y khoa tuyên thệ trong lễ tốt nghiệp). Nhưng ông chủ yếu được tôn vinh vì những nỗ lực đưa y học ra khỏi màn đêm mê tín dị đoan để bước vào ánh sáng khoa học. Trong một thông điệp, Hippocrates viết: “Con người nghĩ chúng động kinh là điều siêu phàm, đơn giản vì họ không hiểu nó. Nhưng nếu họ gọi mọi thứ họ không hiểu là những điều siêu phàm thì sẽ chẳng bao giờ hết những điều siêu phàm.” Thay vì thừa nhận rằng ở nhiều khu vực, chúng ta vẫn rất mông muội, chúng ta lại có xu hướng nói đến những điều kiểu như Vũ trụ đầy rẫy những gì không mô tả được. Một vị Thần Lỗ hồng chịu trách nhiệm cho những gì chúng ta không hiểu. Khi kiến thức về y khoa được cải thiện kể từ thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên, ngày càng có nhiều điều chúng ta hiểu và ngày càng ít việc phải quy cho sự can thiệp của thần thánh – hoặc liên quan đến các nguyên nhân hoặc liên quan đến cách điều trị bệnh. Tử vong ở trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ giảm, tuổi thọ tăng lên, và y học cải thiện chất lượng cuộc sống của hàng tỉ người trên khắp hành tinh này.

Trong chẩn đoán bệnh tật, Hippocrates giới thiệu các yếu tố của phương pháp khoa học. Ông ủng hộ quan sát cẩn thận và tỉ mỉ: “Không được bỏ sót gì cả. Không bỏ qua điều gì. Kết hợp những quan sát mâu thuẫn nhau. Bỏ ra đủ thời gian.” Trước khi phát minh ra nhiệt kế, ông đã vẽ được biểu đồ nhiệt độ của nhiều loại bệnh. Ông đề xuất rằng, từ các triệu chứng có được, các thầy thuốc có thể nói rõ tiến trình trước kia và trong tương lai của từng loại bệnh. Ông nhấn mạnh đến tính trung thực. Ông sẵn sàng thừa nhận những hạn chế trong kiến thức của thầy thuốc. Ông không hề xấu hổ khi cho thế hệ sau biết rằng hơn một nửa số bệnh nhân của ông đã bị chết vì những chứng bệnh mà ông điều trị. Dĩ nhiên những lựa chọn của ông rất hạn chế; thuốc men ở thời ông chủ yếu là thuốc nhuận tràng, gây nôn, và an thần. Phẫu thuật có được thực hiện, và cả phương pháp đốt nữa. Nhiều tiến bộ đáng kể đã đạt được vào thời cổ đại cho tới khi đế chế La Mã sụp đổ.

Trong khi y học phát triển mạnh trong thế giới Hồi giáo thì những gì diễn ra tiếp sau đó ở Châu Âu lại thực sự là một thời kỳ đen tối. Nhiều kiến thức về giải phẫu và phẫu thuật bị thất truyền. Người ta lại dựa vào cách điều trị bằng cầu nguyện và phép màu. Các thầy thuốc thế tục không còn nữa. Cầu kinh, thánh dược, tử vi, và bùa chú được sử dụng rộng rãi. Việc mổ tử thi bị cấm ngặt hoặc bị coi là phạm pháp, cho nên những người thực hành y khoa bị ngăn trở trong việc lĩnh hội kiến thức trực tiếp về cơ thể con người. Nghiên cứu y học lâm vào thế bế tắc.

Đây là tình trạng mà sử gia Edward Gibbon mô tả cho toàn bộ Đế chế phía Đông, với thủ đô là Constantinople:

Trong tiến trình suốt 10 thế kỷ, không một phát minh nào được thực hiện để nâng cao phẩm giá hoặc tăng cường hạnh phúc của con người. Không một ý tưởng nào được bổ sung cho các hệ thống tự biện của cổ nhân, và các môn đồ kế thừa lại trở thành những người thầy giáo điều của thế hệ mù quáng tiếp theo.

Thậm chí lúc thuận lợi nhất thì nền y học tiền hiện đại cũng không cứu chữa được nhiều người. Nữ hoàng Anne là vị vua dòng họ Stuart cuối cùng ở Anh. Trong 17 năm cuối cùng của thế kỷ 17, bà mang thai 18 lần. Nhưng chỉ có năm người con sinh ra sống sót được. Chỉ có một người trong số họ sống trọn thời thơ ấu nhưng người này cũng chết trước tuổi trưởng thành và trước lễ đăng quang của mình vào năm 1702. Dường như không có bằng chứng về tình trạng rối loạn ghen nào đó. Nhưng bà đã nhận được sự chăm sóc y tế tốt nhất có thể mua được bằng tiền.

Những loại bệnh từng cướp đi sinh mạng của vô số trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ nay đã được kiểm soát và điều trị nhờ khoa học – thông qua việc phát hiện ra thế giới vi khuẩn, thông qua hiểu biết rằng các thầy thuốc và các bà đỡ phải rửa sạch tay và khử trùng dụng cụ, thông qua dinh dưỡng, sức khỏe cộng đồng và các biện pháp vệ sinh, các chất kháng sinh, thuốc, vắc xin, việc phát hiện ra cấu trúc phân tử của DNA, sinh học phân tử, và hiện nay là liệu pháp gen. Ít ra trong thế giới phát triển, các bậc cha mẹ ngày nay có cơ hội nhìn thấy con cái mình sống tới lúc trưởng thành cao hơn rất nhiều so với người kế vị ngai vàng của một trong những quốc gia hùng mạnh nhất trên Trái đất ở cuối thế kỷ 17. Bệnh đậu mùa từng lan tràn khắp thế giới. Diện tích hành tinh của chúng ta bị các loại muỗi mang bệnh sốt rét hoành hành đã thu hẹp rất

hiều. Qua mỗi năm, số năm một đứa trẻ bị chẩn đoán mắc bệnh bạch cầu có thể sống được đã tăng đáng kể. Khoa học cho phép Trái đất nuôi sống số người nhiều thêm khoảng 100 lần và trong những điều kiện bớt nghiệt ngã hơn so với vài nghìn năm trước.

Chúng ta có thể cầu nguyện cho bệnh nhân bị tả, hoặc chúng ta có thể cấp cho người đó 500 mg tetracycline cứ sau 12 giờ một lần. (Vẫn có một tôn giáo, Khoa học Thiên Chúa giáo, không công nhận lý thuyết mầm bệnh; nếu cầu nguyện không thành công, các tín đồ thà nhìn con cái họ chết chứ không cho chúng uống kháng sinh). Chúng ta có thể thử liệu pháp trò chuyện phân tâm học gần như vô hiệu đối với bệnh nhân tâm thần phân liệt hoặc có thể cho người đó dùng 300 đến 500 mg clozapine mỗi ngày. Các biện pháp điều trị khoa học hiệu quả gấp hàng trăm hoặc hàng nghìn lần so với các giải pháp trên. (Và thậm chí khi các giải pháp này có vẻ có tác dụng thì chúng ta thực tế cũng không biết rằng chúng có vai trò gì không: Hiện tượng thuyên giảm tự phát, kể cả với bệnh dịch tả và tâm thần phân liệt, có thể xảy ra mà không cần cầu nguyện hay phân tâm học). Từ bỏ khoa học có nghĩa là từ bỏ rất nhiều thứ chứ không chỉ là điều hòa nhiệt độ, máy nghe CD, máy sấy tóc, và những chiếc xe hơi chạy nhanh.

Ở thời kỳ săn bắt-hái lượm tiền nông nghiệp, tuổi thọ con người chỉ khoảng 20-30 năm. Đó cũng là tuổi thọ ở Tây Âu vào thời kỳ cuối La Mã và Trung Cổ. Tuổi thọ này không tăng nổi tới 40 tuổi cho tới tận năm 1870. Con số này tăng lên 50 vào năm 1915, 60 vào 1930, 70 vào năm 1955, và hiện đang tiến gần đến 80 (cao hơn một chút ở phụ nữ và thấp hơn ở nam giới). Phần còn lại của thế giới cũng đang đi theo lộ trình của Châu Âu trong lĩnh vực tuổi thọ. Đây là nguyên nhân của quá trình chuyển tiếp nhân bản tuyệt vời chưa có tiền lệ này? Lý thuyết mầm bệnh, các biện pháp sức khỏe cộng đồng, thuốc men và công nghệ y khoa. Tuổi thọ có lẽ là số đo tốt nhất đối với chất lượng cuộc sống. (Nếu bạn bị chết, còn làm được gì nữa để mà sung sướng). Đây chính là một “lẽ vật” quý giá từ khoa học dành cho con người – không kém gì món quà cuộc đời.

Nhưng vi sinh vật có khả năng biến đổi. Những loại bệnh mới lan nhanh như cháy rừng. Có một cuộc chiến không ngừng nghỉ giữa các giải pháp của vi khuẩn với biện pháp đối phó của con người. Chúng ta theo kịp cuộc cạnh tranh này không chỉ bằng việc sáng chế ra những loại thuốc và cách điều trị mới mà còn bằng cách thâm nhập sâu hơn vào tri thức về bản chất của sự sống – một nghiên cứu rất cơ bản.

Nếu thế giới muốn thoát khỏi những hậu quả kinh khủng nhất do tăng trưởng dân số toàn cầu và con số 10-12 tỉ người trên hành tinh này vào cuối thế kỷ 21 thì chúng ta phải phát minh ra những biện pháp trồng lương thực hiệu quả hơn nhưng vẫn an toàn – đi kèm với giống cây trồng, thủy lợi, phân bón, thuốc trừ sâu, các hệ thống vận tải và bảo quản. Việc này cũng cần đến giải pháp tránh thai phổ biến và chấp nhận được, những bước đi quan trọng nhằm đem lại bình đẳng chính trị cho phụ nữ, và những cải thiện về mức sống cho những người nghèo nhất. Làm sao có thể thực hiện được tất cả những việc này nếu thiếu khoa học và công nghệ?

Tôi biết rằng khoa học và công nghệ không chỉ là những kho tàng quà tặng dành cho thế giới. Các nhà khoa học không chỉ nghĩ ra vũ khí hạt nhân; họ còn thuyết phục giới lãnh đạo chính trị rằng đất nước *của họ* phải có loại vũ khí đó đầu tiên. Sau đó họ sản xuất ra hơn 60.000 loại vũ khí đó. Thời Chiến tranh Lạnh, các nhà khoa học tại Hoa Kỳ, Liên Xô, Trung Quốc và các nước khác sẵn sàng để cho công dân của mình phơi nhiễm phóng xạ – trong hầu hết các trường hợp, người dân không hề biết – để chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân. Các nhà vật lý ở Tuskegee, bang Alabama đã khiến cho một nhóm cựu chiến binh lâm tưởng rằng họ đang được điều trị bệnh giang mai, trong khi không hề có việc đó. Những hành động tàn ác khủng khiếp của các bác sĩ chế độ Quốc xã cũng khét tiếng. Công nghệ của chúng ta sản sinh ra thuốc giảm đau thalidomide gây dị tật thai nhi, CFC, chất độc màu da cam, chất khí tấn công hệ thần kinh, ô nhiễm không khí và nguồn nước, tình trạng tuyệt chủng của nhiều giống loài, và những ngành công nghiệp mạnh đến mức có thể hủy hoại khí hậu của Trái đất. Gần một nửa số nhà khoa học trên Trái đất làm việc bán thời gian cho giới quân sự. Trong khi chỉ một số ít nhà khoa học vẫn bị coi là những kẻ ngoại đạo, dũng cảm lên tiếng chỉ trích những việc làm tai hại của xã hội và đưa ra những cảnh báo sớm về các thảm họa công nghệ tiềm tàng thì nhiều người lại được xem là những kẻ cơ hội dễ dãi, hoặc là nguồn gốc của lợi nhuận doanh nghiệp và vũ khí hủy diệt hàng loạt – không bao giờ buồn để tâm đến những hậu quả lâu dài. Những hiểm họa công

nghệ mà khoa học tạo ra, thách thức ngấm ngấm của nó đối với tri thức đã được thừa nhận, và khó khăn thấy rõ của nó, đều là những lý do khiến một số người không tin tưởng và né tránh khoa học. Có *lý do* khiến người ta lo lắng về khoa học và công nghệ. Và vì thế hình ảnh một nhà khoa học điên vẫn ám ảnh thế giới chúng ta – giống như những gã điên cổ cồn trong chương trình truyền hình dành cho trẻ em sáng thứ Bảy và vô vàn những thỏa thuận hắc ám trong văn hóa phổ thông, từ Tiến sĩ Faustus^[9] tới Tiến sĩ *Frankenstein*, Tiến sĩ *Strangelove* và Công viên kỷ *Jurass*.

Nhưng chúng ta không thể đơn giản kết luận rằng khoa học trao quá nhiều quyền lực vào tay những nhà kỹ nghệ kém đức hay những chính trị gia sa đọa đam mê quyền lực và vì vậy quyết định loại bỏ nó. Những tiến bộ về y khoa và nông nghiệp đã cứu được nhiều mạng sống hơn là số người bị giết hại vì tất cả các cuộc chiến trong lịch sử.^[10] Những tiến bộ về giao thông, liên lạc, và giải trí đã biến cải và thống nhất thế giới này. Theo nhiều cuộc thăm dò dư luận, khoa học được xếp hạng nằm trong số những công việc đáng tin cậy và được kính nể nhất, bất chấp còn nhiều e ngại. Thanh gươm của khoa học luôn có hai lưỡi. Sức mạnh đáng sợ của nó đặt lên vai tất cả chúng ta, kể cả các chính trị gia, nhưng dĩ nhiên đặc biệt là các nhà khoa học, một trách nhiệm mới – chú ý hơn nữa đến những hậu quả lâu dài của công nghệ, một tầm nhìn toàn cầu và xuyên thế hệ, một động lực để tránh sa đà vào chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa sô vanh. Những sai lầm đang trở nên quá đắt giá.

Liệu chúng ta có bận tâm xem cái gì là sự thật không? Nó có thành vấn đề không?

... ở đâu hạnh phúc là ngu dốt

Thì khôn ngoan là chuyện điên rồ.

Thi sĩ Thomas Gray đã viết như vậy. Nhưng có đúng thế chẳng? Edmund Way Teale trong cuốn sách viết năm 1950 nhan đề *Chu trình các mùa* (*Circle of the Seasons*) hiểu rõ song đề này hơn:

Về mặt đạo đức, việc không quan tâm xem liệu một điều gì đó có đúng hay không, chừng nào điều đó vẫn làm cho bạn cảm thấy ổn, thì cũng tệ hại như không quan tâm xem bạn có tiền bằng cách nào chừng nào bạn vẫn có nó.

Thật nản khi phát hiện ra tình trạng tham nhũng và bất lực của chính phủ, lấy ví dụ như vậy; nhưng *không* biết chuyện đó liệu có tốt hơn không? Sự ngu dốt phục vụ cho quyền lợi của ai đây? Nếu con người chúng ta cảm chịu những xu hướng truyền đời là thù ghét những người xa lạ thì phải chăng sự tự biết mình không phải là thứ thuốc giải duy nhất? Nếu chúng ta luôn tin rằng các vì sao mọc và lặn vì chúng ta, rằng chúng ta có lý khi cho rằng có một Vũ trụ, thì liệu khoa học có “chơi khăm” chúng ta bằng việc làm giảm bớt tính cao ngạo của chúng ta không?

Trong cuốn *Phả hệ đạo đức* (The Genealogy of Morals), Friedrich Nietzsche, như nhiều người trước và sau ông, công khai chỉ trích “tiến bộ không ngừng trong việc tự xem thường của con người” có được nhờ cách mạng khoa học. Nietzsche tiếc nuối vì con người đánh mất “niềm tin vào phẩm giá, vị thế độc tôn, tính bất khả thay thế của mình trong tiến trình tồn vong.” Với tôi, nắm bắt được Vũ trụ đúng với thực tiễn của nó sẽ tốt hơn nhiều so với việc cứ bám lấy ảo tưởng đem lại tâm trạng thỏa mãn và vững dạ. Thái độ nào sẽ có lợi hơn cho sự tồn tại lâu dài của chúng ta? Điều gì cho chúng ta thêm xung lực tin vào tương lai của mình? Và nếu sự tự tin chất phác của chúng ta xói mòn đôi chút trong tiến trình này thì liệu đó có phải là một tổn thất không? Phải chăng không có lý do gì để hoan nghênh điều đó với tư cách một trải nghiệm chín chắn và tạo nên cá tính?

Việc phát hiện ra rằng Vũ trụ khoảng 8-15 tỉ chứ không phải chỉ 6-12 nghìn năm tuổi^[11] giúp cải thiện nhận thức của chúng ta về sự kỳ vĩ và tầm vóc của nó; việc ấp ủ ý niệm cho rằng chúng ta là một sự sắp xếp cực kỳ phức tạp của các nguyên tử, chứ không phải chỉ là một hơi thở của thần thánh, giúp củng cố sự tôn trọng của chúng ta dành cho các nguyên tử; việc phát hiện ra rằng hành tinh của chúng ta là một trong hàng tỉ thế giới khác trong dải Thiên hà và rằng Thiên hà của chúng ta là một trong hàng tỉ thiên hà khác, đã mở rộng đáng kể phạm vi của những gì có thể; việc tìm ra rằng tổ tiên của chúng ta cũng là tổ tiên của loài vượn đã gắn kết chúng ta với phần còn lại của sự sống và làm cho những suy ngẫm quan trọng – đôi khi đáng thương – về bản chất con người là hoàn toàn có thể.

Rõ ràng, không có đường ngược lại. Dù thích hay không thì chúng ta cũng vẫn phải gắn với khoa học. Tốt hơn cả, chúng ta nên tận dụng nó. Cuối cùng, khi chúng ta dung hòa được với nó và công nhận đầy đủ sức mạnh cũng vẻ đẹp của nó thì chúng ta sẽ thấy, cả ở khía cạnh tinh thần lẫn thực tiễn, rằng chúng ta đã thực hiện được một cuộc ‘mặc cả’ rất có lợi cho mình.

Nhưng mê tín và giả khoa học cũng liên tục can thiệp, làm rối trí tất cả những “quý ông Buckley” trong chúng ta, đưa ra những câu trả lời dễ dãi, bốn cột quá trình khảo sát kỹ lưỡng, nhiều lúc còn nhấn những cái nút sợ sệt trong chúng ta và làm giảm giá trị của thực nghiệm, biến chúng ta thành những kẻ cả tin một cách dễ dãi cũng như là nạn nhân của chính sự cả tin ấy. Đúng, thế giới sẽ là một nơi thú vị hơn nếu có những chiếc UFO ẩn nấp tại những vùng nước sâu ngoài khơi Bermuda và nuốt chửng tàu thủy cùng máy bay, hoặc nếu người chết có thể kiểm soát bàn tay của chúng ta và viết cho chúng ta các thông điệp. Thế giới sẽ rất kỳ thú nếu những người vị thành niên có thể khiến cho tai nghe điện thoại bay vọt ra khỏi giá đỡ chỉ bằng cách nghĩ đến chúng, hoặc nếu những giấc mơ của chúng ta có thể tiên đoán chính xác tương lai thay vì được giải thích một cách tình cờ và bằng kiến thức của chúng ta về thế giới.

Đây đều là những ví dụ về giả khoa học. Chúng dường như sử dụng các phương pháp và phát hiện của khoa học, trong khi thực tế bản chất của chúng là giả trá – thường bởi vì chúng dựa trên bằng chứng không đầy đủ hoặc vì chúng bỏ qua những đầu mối chỉ tới một con đường khác. Chúng kích thích tâm lý cả tin. Với sự hợp tác thiếu hiểu biết (và thường là đồng lõa) của báo chí, các nhà xuất bản, phát thanh, truyền hình, các hãng phim, và những thứ như thế, những ý tưởng như vậy rất sẵn có. Những gì khó có được hơn rất nhiều, như tôi nhớ được qua cuộc gặp gỡ với quý ông “Buckley”, là những phát hiện khoa học mang tính thách thức hơn và thậm chí gây kinh ngạc hơn.

Giả khoa học dễ nghĩ ra hơn so với khoa học, bởi vì việc đương đầu với thực tiễn – nơi chúng ta không thể kiểm soát được kết quả của so sánh – dễ né tránh hơn. Các tiêu chuẩn của lập luận, những gì được cho là bằng chứng, linh hoạt hơn nhiều. Một phần vì chính những lý do này nên việc trình bày giả khoa học cho công chúng dễ hơn rất nhiều so với khoa học. Nhưng điều đó chưa đủ để lý giải tại sao giả khoa học lại phổ biến đến vậy.

Đương nhiên, con người luôn thử nhiều hệ thống tín hiệu khác nhau để xem liệu chúng có giúp ích gì không. Và nếu chúng ta đang ở hoàn cảnh tuyệt vọng, chúng ta sẵn sàng từ bỏ những gì có thể được xem là gánh nặng của thái độ hoài nghi. Giả khoa học nói với những nhu cầu tình cảm mạnh mẽ rằng khoa học thường để lại những điều dang dở. Nó nuôi dưỡng những tưởng tượng về các sức mạnh cá nhân mà chúng ta không có và chúng ta thêm muốn (như những sức mạnh được gán cho các siêu anh hùng trong truyện tranh ngày nay, và trước đó là

cho các vị thần). Ở một số hình thức biểu hiện, giả khoa học đem lại thỏa mãn cho những người đói khát về tâm linh, cứu chữa một số bệnh, hứa hẹn rằng cái chết không phải là kết thúc. Nó cam đoan với chúng ta về tầm quan trọng và vị thế trung tâm vũ trụ của chúng ta. Nó tuyên bố rằng chúng ta luôn gắn bó với Vũ trụ.^[12] Đôi khi đây là một kiểu thỏa hiệp giữa tôn giáo cũ và khoa học mới, nhưng đều bị cả hai phía ngờ vực.

Cốt lõi của giả khoa học (và một số tôn giáo) là ý tưởng cho rằng việc ước ao rất có tác dụng. Thật hài lòng khi hoàn thành được những khao khát trong lòng chỉ bằng cách ước ao, như trong văn hóa dân gian và các câu chuyện của trẻ em. Ý niệm này mới hấp dẫn làm sao, đặc biệt khi so với nỗ lực và may mắn cần có để đạt được những hy vọng của chúng ta. Con cá thần trong câu chuyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng* hay vị thần đèn sẽ ban cho chúng ta ba điều ước – bất kỳ điều gì chúng ta muốn ngoại trừ việc có thêm điều ước. Có ai lại không phân vân xem nên xin những gì chứ – nhất là để bảo đảm an toàn trong trường hợp tình cờ bắt gặp và ngẫu nhiên xoa xoa một cây đèn dầu bằng đồng cũ kỹ?

Tôi nhớ trong các truyện tranh và sách truyện trẻ em có một vị pháp sư có bộ ria dài và chiếc mũ chóp nhọn, trên tay vung vẩy một cây gậy chống bằng gỗ mun. Tên ông ấy là Zatarra. Ông ấy có thể làm cho mọi việc xảy ra, bất kỳ việc gì. Làm thế nào ông ấy làm được như vậy? Rất dễ. Ông ấy đọc ngược các mệnh lệnh của mình. Cho nên nếu ông ấy muốn có một triệu đô la, ông ấy chỉ việc nói “al ôđ uệirt tòm at ohc.” Chỉ cần vậy là có ngay. Việc này có phần giống như cầu nguyện, nhưng bảo đảm kết quả hơn.

Năm lên tám tuổi, tôi đã mất rất nhiều thời gian thử nghiệm việc ra lệnh cho một hòn đá bay lên một cách vô vọng: “nêl yab, ấđ.” Chẳng bao giờ có tác dụng. Tôi đổ tại do mình phát âm chưa đúng.

Có thể nói rằng giả khoa học được viên dẫn ở mức độ không kém gì chân khoa học bị hiểu nhầm – ngoại trừ ngôn ngữ diễn giải ở đây. Nếu bạn chưa bao giờ nghe nói đến khoa học (đến mức không biết nói gì về cách vận hành của nó) thì bạn khó có thể nhận ra rằng mình đang sa đà vào giả khoa học. Đơn giản là bạn nghĩ theo một trong những cách thức mà con người vẫn luôn nghĩ. Các tôn giáo thường là nơi nuôi dưỡng giả khoa học được nhà nước bảo vệ, mặc dù không rõ tại sao tôn giáo lại phải đóng vai trò đó. Từ xa xưa đến giờ nó vẫn chỉ là một sản phẩm nhân tạo. Tại một số quốc gia, gần như tất cả mọi người đều tin vào chiêm tinh và tiền nhận thức, kể cả các lãnh đạo chính phủ. Nhưng điều này không hẳn ngấm vào họ từ tôn giáo; nó được đúc rút từ nền văn hóa đang phát triển trong đó mọi người đều cảm thấy thoải mái với những cách thức này, và những chi tiết chúng thực hiện diện ở khắp mọi nơi.

Hầu hết các sự kiện tôi sẽ nói đến trong cuốn sách này ở Mỹ – bởi vì đây là những trường hợp tôi biết rõ nhất, không phải vì giả khoa học và chủ nghĩa thần bí ở Hoa Kỳ dễ thấy hơn so với nơi khác. Nhưng Uri Geller, thầy đồng có khả năng giao tiếp với người ngoài hành tinh và bẻ cong thìa, thì từ Israel đến. Khi căng thẳng gia tăng giữa những tín đồ theo chủ nghĩa thế tục người Algeria và những người theo chính thống giáo Hồi giáo, thì ngày càng có nhiều người kín đáo xin ý kiến của 10.000 thầy bói và nhà tiên tri ở đất nước này (khoảng một nửa trong số họ có giấy phép hành nghề do chính phủ cấp). Các quan chức cao cấp ở Pháp, kể cả một cựu Tổng thống, từng dành hàng triệu đô la đầu tư vào một kế hoạch (vụ bê bối Elf-Aquitaine) để tìm kiếm trữ lượng dầu mỏ mới từ không khí. Tại Đức, có tâm lý lo ngại về “các tia Trái đất” có khả năng gây ung thư mà khoa học không thể phát hiện ra; chỉ có những chuyên giadò tìm mạch nước tay vung vẩy những cây gậy dò mới có thể cảm nhận được chúng. “Phẫu thuật tâm linh” rất thịnh hành ở Philippines. Ma quỷ gần như là nỗi ám ảnh cấp quốc gia ở Anh. Kể từ Thế chiến II, tại Nhật Bản xuất hiện một số lượng hùng hậu các tôn giáo mới theo xu hướng siêu nhiên. Ước tính có đến 100.000 thầy bói hành nghề ở Nhật Bản; khách hàng chủ yếu là những phụ nữ trẻ. Aum Shinrikyo, một giáo phái được tin là dính líu đến vụ xả khí sarin độc vào hệ thống tàu điện ngầm ở Tokyo vào tháng Ba năm 1995, có đặc trưng là thuật thăng thiên, chữa bệnh bằng đức tin và ESP trong các giáo lý chính của mình. Các tín đồ uống nước “ao thần” – lấy từ nước tắm của Asahara, giáo chủ của họ. Tại Thái Lan, bệnh tật được điều trị bằng những viên thuốc chế xuất từ thánh Kinh nghiền thành bột. “Các thầy phù thủy” ngày nay bị thiêu sống tại Nam Phi. Lực lượng gìn giữ hòa bình của Australia tại Haiti từng cứu thoát một phụ

nữ bị trói vào cây; bà ấy bị kết tội bay lượn từ nóc nhà này sang nóc nhà khác, và hút máu trẻ em. Chiêm tinh rất thịnh hành ở Ấn Độ, còn thuật địa lý thì phổ biến khắp Trung Quốc.

Có lẽ giả khoa học quy mô toàn cầu thành công nhất gần đây – theo nhiều tiêu chí thì đã trở thành một tôn giáo – là lý thuyết Ấn Độ giáo về nhập thiền tung chú (transcendental meditation – TM). Những bài thuyết pháp gây buồn ngủ của người sáng lập kiêm thủ lĩnh tinh thần Maharishi Mahesh Yogi có thể xem trên truyền hình. Với mái tóc bạc điểm những sợi đen, ngồi trong tư thế kiết già, xung quanh là những vòng hoa và các lễ vật có kết hoa, trông ông thật có *phong cách*. Một hôm trong lúc xem lướt qua các kênh truyền hình, chúng tôi tình cờ bắt gặp gương mặt này. “Bố biết ông đó là ai không ạ?” cậu con trai bốn tuổi của chúng tôi hỏi. “Chúa đây.” Tổ chức TM toàn cầu có giá trị ước tính 3 tỉ đô la. Chỉ cần đóng một khoản phí, họ hứa hẹn có thể dẫn bạn đi xuyên tường, làm cho bạn trở thành vô hình, giúp bạn bay được, bằng cách ngồi thiền. Theo lời họ nói, bằng cách suy nghĩ đồng điệu với họ, sẽ giúp giảm tỉ lệ tội phạm ở Washington D.C. Và làm cho Liên Xô sụp đổ cũng như tạo nên những điều kỳ diệu thể tục khác. Chưa hề có mấy may bằng chứng thực sự nào được đưa ra cho bất kỳ tuyên bố nào như vậy. TM bán những phương thuốc dân gian, điều hành các công ty kinh doanh, các phòng mạch và các trường đại học “nghiên cứu”, và từng tham gia bất thành vào chính trường. Với vị thủ lĩnh uy tín và kỳ dị như thế, với hứa hẹn vì cộng đồng như thế, và với việc đưa ra những sức mạnh thần diệu để đổi lấy tiền và niềm tin cuồng nhiệt như thế, rất nhiều dạng giả khoa học được tiếp thị và xuất khẩu.

Mỗi trường hợp từ bỏ các hình thức kiểm soát dân sự và giáo dục khoa học thì giả khoa học lại bùng phát thêm một chút. Leon Trotsky đã mô tả hiện tượng này tại Đức ngay trước khi Hitler lên nắm quyền (nhưng cũng nằm trong một mô tả có thể áp dụng tương đương với Liên Xô năm 1933):

Không chỉ trong những gia đình nông dân mà cả trong những tòa nhà chọc trời ở đô thị, vẫn tồn tại thế kỷ 13 song song với thế kỷ 20. Hàng trăm triệu người sử dụng điện nhưng vẫn tin vào những sức mạnh huyền diệu của các dấu hiệu và phù chú... Nhiều minh tinh màn bạc tới gặp các ông đồng bà cốt. Phi công điều khiển những cỗ máy kỳ diệu do tài năng của con người tạo ra vẫn phải đeo bùa hộ mạng trong áo lót. Sự mông muội, ngu dốt và tàn ác mà họ sở hữu mới dồi dào làm sao!

Nước Nga là một trường hợp có thể lấy làm gương. Dưới thời Sa hoàng, người ta khuyến khích mê tín, nhưng lối tư duy khoa học và hoài nghi – trừ một số rất ít các nhà khoa học dễ bảo – bị loại bỏ không thương tiếc. Dưới thời cộng sản chủ nghĩa, cả tôn giáo và giả khoa học đều bị ngăn cấm một cách có hệ thống – ngoại trừ sự mê tín đối với tôn giáo mang tính hệ tư tưởng của nhà nước. Nó được quảng bá như là khoa học, nhưng thực ra chỉ là thứ tôn giáo huyền bí tự dung túng nhất. Lối tư duy phê phán – trừ các nhà khoa học trong những căn phòng kiến thức kín mít – bị nhìn nhận là nguy hiểm nên không được dạy ở trường, và bị trừng phạt nếu bộc lộ ra. Kết quả là, thời hậu cộng sản, nhiều người Nga nhìn khoa học với thái độ nghi ngờ. Khi mọi thứ được tiết lộ, cũng như sự thật về thái độ thù hằn sắc tộc ác nghiệt, thì những gì từ lâu vẫn chìm dưới bề mặt đều phơi lộ hết. Khu vực này giờ tràn ngập UFO, yêu tinh, các thầy lang chữa bệnh bằng đức tin, những phương thuốc lang băm, các loại nước thánh, và cả sự mê tín từ thời xa xưa. Tuổi thọ giảm sút mạnh, tỉ lệ tử vong trẻ sơ sinh gia tăng, bệnh dịch lan tràn, các tiêu chuẩn y tế dưới mức tối thiểu, và thái độ coi thường y tế dự phòng, tất cả cùng góp phần nâng cao cái ngưỡng mà ở đó, chủ nghĩa hoài nghi được kích thích trong một cộng đồng dân cư ngày càng tuyệt vọng. Như tôi đã viết, đại biểu Duma được cử tri biết đến nhiều nhất, một người mạnh mẽ ủng hộ cho nhân vật chủ nghĩa dân tộc cực đoan Vladimir Zhirinovskiy, là Anatoly Kashpirovskiy – một thầy lang chữa bệnh bằng đức tin từng tiến hành chữa bệnh từ xa với đủ thứ bệnh tật, từ thoát vị đến AIDS, bằng cách nhìn chăm chăm vào bạn từ máy thu hình.

Một tình huống có phần khá tương tự cũng đang hiện hữu ở Trung Quốc. Sau khi Mao Trạch Đông qua đời và nền kinh tế thị trường dần xuất hiện, các UFO, lên đồng và những ví dụ giả khoa học Phương Tây khác cũng xuất hiện, đi kèm với những tập trung Trung Hoa cổ xưa như thờ cúng tổ tiên, tử vi và bói toán – đặc biệt là hình thức bói cỏ thi và đoán việc qua bát quái của *Kinh Dịch*. Báo chí của chính phủ ca thán rằng “tình trạng mê tín đối với hệ tư tưởng phong

kiến đang sống lại ở vùng nông thôn của chúng ta.” Đây từng (và vẫn) là một mối họa ở nông thôn, chứ không phải ở đô thị.

Những người có “sức mạnh đặc biệt” giành được sự tin phục rất lớn. Họ nói rằng họ có thể phát ra Khí hay “trường năng lượng của Vũ trụ” từ chính cơ thể mình để làm thay đổi cấu trúc phân tử của một hóa chất ở cách xa 2000 km, để giao tiếp với người ngoài hành tinh, để chữa bách bệnh. Một số bệnh nhân đã chết vì chính sự chăm sóc của một trong những “bậc thầy Khí công”, người đã bị bắt và kết án năm 1993. Vương Hồng Thành, một nhà hóa học nghiệp dư, tuyên bố rằng có thể tổng hợp được một thứ chất lỏng mà chỉ cần một lượng nhỏ cho vào nước, sẽ biến nước thành dầu hỏa hoặc thứ gì đó tương tự. Đã có lúc ông ta được quân đội và cảnh sát mật tài trợ, nhưng khi người ta hiểu phát minh của ông ta chỉ là trò bịp thì ông ta bị bắt và bỏ tù. Đương nhiên, người ta đồn thổi rằng kiếp nạn của ông ta không phải là do lừa gạt mà là vì ông ta không chịu tiết lộ “công thức bí truyền” của mình cho chính phủ. (Những câu chuyện tương tự cũng lưu truyền ở Mỹ trong nhiều thập kỷ, thường vai trò của chính phủ được thay thế bằng một công ty xe hơi hoặc dầu khí lớn nào đó). Tê giác Châu Á đang bị dồn đến nguy cơ tuyệt chủng chỉ vì sừng của chúng được nói rằng, khi đem tán nhỏ, có thể ngăn được chứng liệt dương; thị trường của mặt hàng này phổ biến khắp khu vực Đông Á.

Chính phủ Trung Quốc và Đảng Cộng sản Trung Quốc rất lo ngại về những phát triển kiểu này. Ngày 5 tháng Mười hai năm 1994, họ đã cùng ban hành một thông cáo chung trong đó có đoạn:

Giáo dục công về khoa học đang giảm sút trong những năm gần đây. Đồng thời, các hoạt động mê tin và mù quáng gia tăng, các vụ việc phản khoa học và giả khoa học diễn ra liên tục. Do đó, cần phải sớm áp dụng các biện pháp hữu hiệu để tăng cường giáo dục khoa học. Trình độ giáo dục khoa học và công nghệ là một chỉ dấu quan trọng cho thành quả khoa học quốc gia. Đây là một vấn đề có tầm quan trọng chung trong phát triển kinh tế, tiến bộ khoa học và tiến bộ xã hội. Chúng ta phải hết sức chú trọng triển khai giáo dục như một phần trong chiến lược hiện đại hóa tổ quốc xã hội chủ nghĩa cũng như làm cho đất nước ngày càng giàu mạnh. Ngu dốt và đói nghèo không bao giờ là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Giả khoa học ở Mỹ là một phần của một xu hướng mang tính toàn cầu. Nguyên nhân, hiểm họa, cách chẩn đoán và điều trị của nó chắc chắn rất giống nhau ở mọi nơi. Ở đây, các nhà tâm linh học không ngừng quảng bá ‘sản phẩm’ của họ trên các chương trình truyền hình thương mại và được nhiều nhân vật trong giới giải trí hết sức tán thành. Họ có hẳn kênh riêng mang tên Psychic Friends Network (Mạng bằng hữu tâm linh); mỗi năm, có một triệu người đăng ký và sử dụng những hướng dẫn như vậy trong cuộc sống thường nhật của mình. Với giới lãnh đạo cao cấp của nhiều tập đoàn lớn, với các chuyên gia phân tích tài chính, với các luật sư và chủ ngân hàng, có hẳn một loại chiêm tinh gia / nhà tiên tri / chuyên gia tâm linh sẵn sàng tư vấn bất kỳ vấn đề gì. “Nếu mọi người biết có bao nhiêu người, đặc biệt những người giàu có và quyền thế, đến gặp các chuyên gia tâm linh, thì hàm dưới của họ sẽ rớt ngay xuống sàn nhà,” một chuyên gia tâm linh từ Cleveland, bang Ohio, đã nói như vậy. Ở Trung Hoa và La Mã cổ đại, chiêm tinh là lĩnh vực riêng của các hoàng đế; bất kỳ hành vi sử dụng riêng môn nghệ thuật đầy quyền năng này đều bị coi là phạm tội chết. Xuất thân từ văn hóa Nam California nổi tiếng cả tin, Nancy và Ronald Reagan đều dựa vào một chiêm tinh gia để xử lý các vấn đề công cũng như tư – nhưng điều này cử tri không hề biết. Một phần quá trình ra quyết định có ảnh hưởng đến tương lai nền văn minh của chúng ta lại nằm trong tay những kẻ bất tài lừa bịp. Thực tế này tương đối âm thầm ở Mỹ; địa bàn của nó rộng khắp thế giới kia.

Có lẽ một số khía cạnh giả khoa học dường như khá vui và có lẽ chúng ta cũng khá tự tin rằng chúng ta sẽ chẳng bao giờ cả tin đến mức để bị một học thuyết kiểu như vậy làm cho mê muội, chúng ta biết nó vẫn đang diễn ra quanh ta. Phái Thiền định tụng chú và Aum Shinrikyo dường như thu hút được một số lượng đông đảo những người có kiến thức, một số người còn có cả bằng cấp rất cao về vật lý hoặc kỹ thuật. Đây không phải là những học thuyết dành cho những kẻ đần độn. Rõ ràng, vẫn còn điều gì đó đang diễn ra.

Việc không ai bận tâm xem tôn giáo là gì và nó bắt đầu như thế nào có thể giúp lãng quên tôn giáo. Trong khi những rào cản lớn dường như trải dài giữa một luận điểm một trọng tâm mang

tính cục bộ về giả khoa học với cái gì đó như là một tôn giáo cấp độ thế giới, thì sự phân chia lại rất mong manh. Thế giới đem tới cho chúng ta nhiều vấn đề đến mức gần như không tính xuế. Rất nhiều giải pháp được đưa ra, một số với thế giới quan rất hạn hẹp, một số lại có sức lôi cuốn kỳ lạ. Theo chọn lọc tự nhiên kiểu Darwin đối với các học thuyết, một số phát triển mạnh ở một thời điểm nào đó, trong khi hầu hết biến mất một cách nhanh chóng. Nhưng một số ít – đôi khi lại là những học thuyết vớ vẩn và ít hấp dẫn nhất, như lịch sử đã cho thấy – có thể có sức mạnh làm thay đổi sâu sắc lịch sử thế giới.

Sự tiếp nối giữa khoa học hắc ám, giả khoa học và mê tín (kỷ nguyên mới hay cũ), cho đến tôn giáo thần bí, dựa vào khả năng, thực ra rất mơ hồ. Tôi cố gắng không sử dụng từ “sùng bái” trong cuốn sách này theo nghĩa thông thường của nó về một tôn giáo mà nhiều người không thích, mà cố gắng tìm ra điều cốt lõi của tri thức – người ta có thật sự biết những gì họ cho rằng mình biết không? Hóa ra tất cả mọi người đều thạo chuyên môn tương ứng.

Trong một số đoạn của cuốn sách này, tôi sẽ phê phán tình trạng quá nhiều lý thuyết, bởi vì ở cấp độ tốt cùng, sẽ rất khó phân biệt được giả khoa học với tôn giáo giáo điều cứng nhắc. Tuy nhiên, tôi muốn thừa nhận tính đa dạng kỳ lạ và tính phức tạp của tư duy và tập quán tôn giáo trải qua cả thiên niên kỷ; sự phát triển của tôn giáo tự do và hệ thống tín hữu giáo hội Cơ đốc giáo trong thế kỷ qua; và thực tế rằng – như trong Cải cách Tin lành, sự vươn lên của Do Thái giáo cải cách, Vatican II, và cái gọi là trào lưu phê phán Kinh thánh – tôn giáo đã đấu tranh với tình trạng dư thừa của chính mình (với mức độ thành công khác nhau). Nhưng song song với nhiều nhà khoa học có thái độ do dự trong việc tranh luận hoặc thậm chí là công khai thảo luận về giả khoa học, nhiều người đề xướng các tôn giáo chủ lưu cũng tỏ ra lưỡng lự khi phải đối mặt với những người bảo thủ cực đoan và những người theo trào lưu chính thống. Nếu xu hướng này tiếp tục thì cuối cùng lĩnh vực này sẽ thuộc về họ; họ có thể mặc nhiên thắng cuộc.

Một thủ lĩnh tôn giáo viết cho tôi nói về khát khao của ông ấy đối với “sự trọn vẹn có nguyên tắc” trong tôn giáo:

Chúng ta trở nên quá đa cảm... Một bên là thái độ mộ đạo và tâm lý học rẻ tiền, còn bên kia là thái độ ngạo mạn và không khoan dung một cách giáo điều đã làm méo mó đời sống tôn giáo đích thực đến mức khó chấp nhận. Nhiều khi tôi gần như thấy tuyệt vọng, nhưng sau đó tôi sống kiên định và luôn hy vọng... Tôn giáo chân chính, vốn quen thuộc hơn là những lời chỉ trích đi kèm những xuyên tạc và vô lý được gán cho tôn giáo, có sự quan tâm tích cực đến việc khuyến khích thái độ hoài nghi lành mạnh phục vụ cho những mục đích của chính mình... Hoàn toàn có khả năng để tôn giáo và khoa học hình thành lên một quan hệ đối tác hiệu quả chống lại giả khoa học. Thật lạ là tôi nghĩ sớm muộn tôn giáo cũng sẽ tham gia vào việc chống lại giả khoa học.

Giả khoa học khác với khoa học sai lạc. Khoa học không thiếu những sai lầm, và sẽ lần lượt loại bỏ chúng. Những kết luận sai lầm vẫn thường được đưa ra, nhưng chúng được đưa ra một cách thăm dò. Các giả thuyết được trình bày sao cho chúng có thể bị chứng minh là sai. Những giả thuyết kế tiếp nhau phải đương đầu với quá trình thực nghiệm và quan sát. Khoa học dò dẫm và nhích dần đến tri thức tiến bộ. Dĩ nhiên, những cảm xúc dễ chịu thường bị tác động khi một giả thuyết khoa học bị bác bỏ, nhưng những phản chứng như vậy được xem là cốt lõi cho khoa học.

Giả khoa học thì ngược lại. Các giả thuyết thường được trình bày một cách chính xác để chúng không bị đả phá trước bất kỳ thử nghiệm nào đưa ra phản chứng, cho nên thậm chí về nguyên tắc, chúng cũng không thể bị làm mất hiệu lực. Khi các giả thuyết giả khoa học không địch lại được các nhà khoa học thì những âm mưu đàn áp lại được vạch ra.

Khả năng vận động ở những người khỏe mạnh gần như là hoàn hảo. Chúng ta hiếm khi vấp và ngã, ngoại trừ ở độ tuổi còn nhỏ hoặc đã già. Chúng ta có thể học được những nhiệm vụ như đi xe đạp, trượt ván, nhảy dây hoặc lái xe hơi, và nhớ được kỹ năng đó trong suốt quãng đời còn lại. Thậm chí nếu chúng ta qua hẳn mười năm không làm việc đó thì nó vẫn trở lại với chúng ta một cách dễ dàng. Tuy nhiên, tính chính xác và khả năng duy trì những kỹ năng vận động của chúng ta có thể khiến chúng ta tự tin một cách sai lầm vào những năng lực khác của mình. Nhận thức của chúng ta có thể rất sai. Có lúc chúng ta nhìn thấy những điều không hiện hữu.

Chúng ta là mồi ngon của những ảo ảnh thị giác. Thỉnh thoảng, chúng ta lại bị ảo giác. Chúng ta có xu hướng làm sai. Một cuốn sách minh chứng có tên *Làm thế nào ta biết được những gì không có: Khả năng sai lầm của lý trí con người trong cuộc sống hằng ngày* (How We Know What Isn't So: The Fallibility of Human Reason in Everyday Life) của Thomas Gilovich cho thấy con người sai sót rất có hệ thống như thế nào trong việc hiểu các con số, loại trừ những bằng chứng khó cù, và dễ bị ảnh hưởng bởi ý kiến của người khác. Chúng ta giỏi trong một số việc nào đó nhưng không phải tất cả mọi việc. Trí khôn nằm ở chỗ ta hiểu được những hạn chế của mình. “Vì loài người là một thứ nhẹ dạ,” William Shakespeare đã dạy như vậy. Đó chính là chỗ thái độ hoài nghi nghiệt ngã của khoa học bước vào.

Có lẽ, nét khác biệt rõ nhất giữa khoa học và giả khoa học là ở chỗ khoa học có sự đánh giá về những điểm chưa hoàn hảo và dễ sai sót của con người sắc sảo hơn hẳn giả khoa học (hay là sự khải huyền “không sai lầm”). Nếu chúng ta dứt khoát từ chối thừa nhận chúng ta rất dễ sai sót thì chính khi đó, chúng ta có thể tin chắc rằng cái sai sót đó – thậm chí là sai sót nghiêm trọng hay những sai lầm sâu sắc – sẽ bám theo ta mãi mãi. Nhưng nếu chúng ta có khả năng dừng cảm tự đánh giá một chút, bất kỳ suy nghĩ phiến muộn nào mà chúng có thể tạo ra, thì cơ hội của chúng ta sẽ cải thiện rất nhiều.

Nếu chúng ta chỉ dạy những phát hiện và các sản phẩm của khoa học – không thành vấn đề những thứ đó hữu ích và thậm chí truyền cảm hứng đến đâu – mà không truyền tải phương pháp phê bình của khoa học, thì làm sao một người trung bình có thể phân biệt được khoa học với giả khoa học? Khi đó, cả hai đều được trình bày như một sự khẳng định không được chứng minh. Ở Nga và Trung Quốc, việc này rất dễ xảy ra. Khoa học của thể quyền là những gì chính quyền dạy. Điểm phân biệt giữa khoa học và giả khoa học được tạo sẵn *cho* bạn. Không cần có những điều rối rắm phức tạp đến mù mịt cả đầu óc. Nhưng khi những thay đổi chính trị sâu sắc xảy ra và việc kiểm soát chặt suy nghĩ tự do được nói lỏng thì rất nhiều tuyên bố tự tin hoặc đầy uy tín – đặc biệt là những người nói với chúng ta những gì chúng ta muốn nghe – lại thu hút được đông đảo công chúng. Tuy nhiên, không chắc rằng tất cả mọi ý niệm đều có thể tin được.

Một thách thức tối thượng cho những người phổ cập khoa học là làm sáng tỏ lịch sử khúc khuỷu trên thực tiễn của những phát hiện vĩ đại cũng như những hiểu lầm và thái độ khước từ một cách ương ngạnh của những người làm khoa học đối với tiến trình thay đổi. Nhiều, có lẽ là hầu hết, giáo trình khoa học dành cho các nhà khoa học tài năng chớm nở đề cập rất dè dặt ở đây. Trình bày một cách hấp dẫn vốn tri thức đúc kết từ hàng thế kỷ kiên trì “tra vấn” Thiên nhiên dễ dàng hơn rất nhiều so với việc trình bày tỉ mỉ một cỗ máy chung cất phức tạp. Phương pháp khoa học, có thể rất kém hấp dẫn và khô khan, quan trọng hơn rất nhiều so với những phát kiến khoa học.

Chương 2.

KHOA HỌC VÀ HY VỌNG

*Hai người gặp một lỗ thủng trên trời.
Một người bảo người kia kiêu mình lên...
Nhưng trên thiên đường đẹp đến mức
Anh chàng nhìn lên qua hàng rào
Quên bằng mọi thứ, quên bằng người bạn đường
Người anh ta đã hứa sẽ giúp kiêu lên
Và thế là chạy tọt vào trong
Thiên đường trắng lệt.*

—Từ một bài tụng ca Iglulik Inuit, đầu thế kỷ 20, do INUGPASUGJUK kể lại cho KNUD RASMUSSEN, nhà thám hiểm tới đảo Greenland.

Cái thời biết hy vọng, tôi mới chỉ là một đứa trẻ. Tôi muốn là một nhà khoa học ngay từ những ngày đầu đến trường. Cái thời khắc kết tinh ấy đến khi lần đầu tôi hiểu được rằng các ngôi sao là những mặt trời khổng lồ, khi lần đầu tiên tôi hiểu ra chúng phải cách xa chừng nào mới có thể xuất hiện chỉ như những đốm sáng trên bầu trời. Tôi không biết chắc thậm chí khi đó mình có biết ý nghĩa của từ “khoa học” hay không nhưng tôi muốn bằng cách nào đó đắm mình trong sự vĩ đại của nó. Tôi bị cuốn hút bởi sự lộng lẫy của Vũ trụ, sững sờ trước viễn cảnh hiểu rõ được sự vận động của mọi vật, tham gia giải đáp những bí ẩn sâu xa, khám phá những thế giới mới – có lẽ theo đúng nghĩa đen. Tôi thật may mắn đã phần nào hoàn thành được ước mơ đó. Với tôi, sự lãng mạn của khoa học vẫn hấp dẫn và mới mẻ như ngày hôm đó, cách đây hơn nửa thế kỷ, khi tôi được thấy những điều kỳ diệu ở Hội chợ Thế giới 1939.

Phổ cập khoa học – tức là cố gắng làm cho các phương pháp và phát hiện khoa học dễ tiếp cận với những người không làm khoa học – diễn ra tự nhiên và ngay lập tức. Với tôi, *không* giải thích được khoa học dường như là một việc rất bất công. Khi bạn yêu, bạn muốn nói với cả thế giới. Cuốn sách này là một tuyên ngôn cá nhân, phản ánh mối tình suốt đời của tôi với khoa học.

Nhưng còn một lý do khác: Khoa học không chỉ là một khối kiến thức; nó còn là cách tư duy. Tôi có một dự đoán về một nước Mỹ vào thời con hoặc cháu tôi – khi mà Hoa Kỳ là một nền kinh tế dịch vụ và thông tin; khi gần như tất cả các ngành chế tạo chính đều chuyển sang các nước khác; khi mà những sức mạnh công nghệ đáng sợ nằm trong tay một số rất ít người, và không một ai đại diện cho quyền lợi công chúng có thể nắm bắt được vấn đề; khi mà người dân mất khả năng xác định những chương trình nghị sự của riêng mình hoặc chất vấn những người trong bộ máy công quyền một cách am tường; khi mà, bằng cách nắm lấy những tinh thể và lo lắng trông chờ vào số tử vi của mình, mọi khả năng phê phán của chúng ta mai một, chúng ta không còn nhận biết được giữa những gì là tốt và những gì đúng, chúng ta dần quay trở lại với mê tín dị đoan và sự mê muội lúc nào không hay.

Sự suy thoái của nước Mỹ thấy rõ nhất qua tình trạng sa sút rất từ từ trong nội dung chính thức của giới truyền thông vốn có ảnh hưởng ghê gớm, những mẫu âm thanh dài 30 giây (giờ giảm xuống chỉ còn chưa đầy 10 giây), việc lập trình mẫu thức chung thấp nhất, những bài trình bày nhẹ dạ về giả khoa học và mê tín, nhưng đặc biệt là một dạng tôn vinh sự ngu dốt. Như tôi đã viết, băng video số 1 được thuê ở Mỹ là bộ phim *Dumb and Dumber* (Hai chàng ngốc). Phim hoạt hình nhiều tập “Beavis and Butthead” vẫn rất phổ biến (và có ảnh hưởng) đối với khán giả truyền hình trẻ. Bài học đơn giản là học hành – không chỉ khoa học, mà bất cứ thứ gì – là có thể tránh được, thậm chí chẳng có gì đáng hoan nghênh cả.

Chúng ta đã dàn xếp được một nền văn minh toàn cầu trong đó những yếu tố quan trọng nhất – giao thông, thông tin liên lạc, và tất cả các ngành khác; nông nghiệp, y tế, giáo dục, giải trí, bảo vệ môi trường; và thậm chí thiết chế bầu cử dân chủ – đều phụ thuộc rất nhiều vào khoa học và công nghệ. Chúng ta cũng đã sắp xếp được mọi việc để gần như không ai hiểu được khoa học và công nghệ. Đây là một “toa thuốc” cho thảm họa. Chúng ta có thể tránh được nó một lúc, nhưng sớm hay muộn cái sự kết hợp nguy hiểm giữa ngu dốt và quyền lực sẽ nổ

tung ngay mặt chúng ta.

Một ngọn nến trong màn đêm (A Candle in the Dark) là nhan đề một cuốn sách rất dũng cảm dựa trên Kinh thánh, của Thomas Ady và được xuất bản tại London năm 1656, công kích những cuộc săn lùng phù thủy đang diễn ra thời đó như là một âm mưu đen tối nhằm “lừa dối người dân.” Bất kỳ bệnh tật hay dông bão gì, bất cứ thứ gì bất thường, đều bị gán cho thuật phù thủy. Nếu phù thủy tồn tại, Ady lập luận – “những điều thế này cần ra sao nữa, hay vẫn xảy ra như dự định?” Phần lớn thời gian trong lịch sử của chúng ta, chúng ta sợ hãi thế giới bên ngoài, với những hiểm nguy khó lường của nó, đến mức chúng ta vui vẻ bầu vúi lấy bất cứ điều gì hứa hẹn làm dịu hoặc lý giải được tâm trạng khiếp sợ đó. Khoa học là một cố gắng rất thành công để hiểu về thế giới, để nắm bắt mọi việc, để làm chủ chính chúng ta, để đi theo một lộ trình an toàn. Vì sinh học và khí tượng học giờ đây lý giải những gì mà chỉ vài thế kỷ trước còn được xem là nguyên nhân đủ để thiêu sống nhiều phụ nữ.

Ady cũng cảnh báo mỗi hiểm họa rằng “các dân tộc [sẽ] tàn lụi vì thiếu kiến thức.” Cảnh khốn cùng có thể tránh được của con người thường không phải sinh ra do sự ngu dại mà bởi sự thiếu hiểu biết, đặc biệt là sự thiếu hiểu biết của chúng ta về chính mình. Tôi lo ngại rằng, đặc biệt khi Thiên niên kỷ mới đang ngấp nghé, giả khoa học và mê tín dị đoan dường như dần dần thu hút người ta hơn, những bài ca mê hoặc hấp dẫn và âm vang hơn. Trước kia, chúng ta đã nghe nói điều này ở đâu nhỉ? Bất kỳ khi nào những thiên kiến chủng tộc hay dân tộc của chúng ta được khơi gợi, vào những thời kỳ khan hiếm, trước những thách thức đối với lòng tự trọng hoặc khí phách của dân tộc, khi chúng ta trần trở về mục đích và cái vị trí đã bị thu nhỏ trong vũ trụ của chúng ta, hoặc khi sự cuồng tín được xây dựng quanh chúng ta – thì khi đó, những thói quen tư duy đã quen thuộc từ thời xa xưa sẽ nắm quyền kiểm soát.

Ngọn lửa nến chập chờn. Quầng ánh sáng nhỏ nhoi của nó run rẩy. Bóng tối vây quanh. Lũ quỷ sứ bắt đầu chồm vờn.

Có rất nhiều điều khoa học không hiểu được, nhiều bí ẩn vẫn cần giải đáp. Trong một Vũ trụ cách xa hàng chục tỉ năm ánh sáng và có tuổi thọ khoảng 10 hoặc 15 tỉ năm, đây có thể là tình huống vĩnh viễn. Chúng ta vẫn liên tục gặp phải những điều ngạc nhiên. Nhưng một số cây viết tôn giáo và Kỷ nguyên mới khẳng định rằng các nhà khoa học tin rằng “những gì họ tìm ra đều có sẵn.” Các nhà khoa học có thể bác bỏ những điều soi rọi huyền bí mà không hề có bằng chứng ngoại trừ tuyên bố của ai đó, nhưng họ cũng khó tin tưởng rằng kiến thức của họ về Tự nhiên là hoàn chỉnh.

Khoa học còn lâu mới là một công cụ tri thức hoàn hảo. Nó chỉ là thứ tốt nhất mà chúng ta có. Ở khía cạnh này, cũng như trong nhiều khía cạnh khác, nó giống như nền dân chủ. Khoa học tự nó không thể biện hộ cho phương hướng hành động của con người, nhưng chắc chắn nó có thể làm sáng tỏ những kết quả khả dĩ của những phương hướng hành động khác nhau.

Lối tư duy khoa học vừa mang tính tưởng tượng vừa có tính kỷ luật. Đây là trọng tâm cho thành công của nó. Khoa học yêu cầu chúng ta phải tính đến các sự thật, thậm chí khi những sự thật này không phù hợp với những định kiến có sẵn của chúng ta. Nó khuyến khích chúng ta nên có sẵn trong đầu những giả thuyết khác nhau và xem giả thuyết nào phù hợp với sự thật nhất. Nó đòi hỏi chúng ta có sự công bằng tinh tế giữa thái độ cởi mở với những ý tưởng mới, cho dù là kỳ dị, với việc nhìn nhận mọi thứ – những ý tưởng mới và tri thức đã xác định – bằng thái độ hoài nghi nghiêm khắc nhất. Cách suy nghĩ này cũng là một công cụ quan trọng cho một nền dân chủ trong một kỷ nguyên thay đổi.

Một trong những lý do khoa học thành công là vì khoa học có bộ máy sửa sai thường trực ngay trung tâm của nó. Một số người có thể coi đây là một đặc điểm bình thường, nhưng với tôi, mỗi lần chúng ta tự phê bình, mỗi lần chúng ta kiểm chứng những ý tưởng của mình so với thế giới bên ngoài, chính là chúng ta đang làm khoa học. Khi chúng ta tự dung túng và không biết phê bình, khi chúng ta từ chối hy vọng và sự thật, chúng ta đang thiên về giả khoa học và mê tín dị đoan.

Mỗi lần một bài viết khoa học trình bày được một chút dữ liệu, nó thường đi kèm với một mức sai sót – một yếu tố đơn giản nhưng kiên định gợi nhắc rằng không có kiến thức nào là

hoàn chỉnh hay hoàn hảo. Nó là một bước xác định xem chúng ta tin tưởng vào những gì chúng ta nghĩ là mình biết đến mức nào. Nếu mức sai sót nhỏ thì độ chính xác của kiến thức kinh nghiệm của chúng ta cao; nếu mức sai sót lớn thì kiến thức của chúng ta càng không chắc chắn. Trừ trong toán học thuần túy, còn lại không có gì là chắc chắn cả (mặc dù rất nhiều thứ chắc chắn là không đúng).

Hơn nữa, các nhà khoa học thường rất thận trọng mô tả tình trạng thật những nỗ lực của chúng ta nhằm hiểu về thế giới – từ những phỏng đoán và giả thuyết, vốn rất không chắc chắn, đến những quy luật của Tự nhiên vẫn liên tục được khẳng định một cách có hệ thống thông qua nhiều hình thức chất vấn xem thế giới vận hành như thế nào. Nhưng ngay cả các quy luật của Tự nhiên cũng không chắc chắn tuyệt đối. Có thể có những trường hợp mới chưa bao giờ được kiểm chứng trước đó – bên trong những lỗ đen chẳng hạn, hay ngay trong các electron, hoặc gần đạt tới tốc độ ánh sáng – trong đó ngay cả những quy luật Tự nhiên vẫn được ca ngợi cũng thất bại và vắn đính chính cho dù chúng có thể có giá trị trong những trường hợp bình thường.

Con người có thể rất muốn đạt được sự chắc chắn tuyệt đối; họ có thể khao khát điều đó; họ có thể vờ như đã đạt được điều đó, giống như tín đồ của một số tôn giáo nhất định. Nhưng lịch sử khoa học – kể cả khẳng định thành công nhất đối với vốn kiến thức mà loài người tiếp cận được – dạy rằng điều chúng ta có thể hy vọng nhất là liên tục cải thiện hiểu biết của mình, học hỏi từ những sai lầm của mình, một cách tiếp cận tiệm cận đến Vũ trụ, nhưng với điều kiện là sự chắc chắn tuyệt đối sẽ luôn vượt quá tầm hiểu biết của chúng ta.

Chúng ta sẽ luôn bị sa vào sai lầm. Điều mà mỗi thế hệ có thể hy vọng nhất là giảm bớt mức sai sót một chút, và bổ sung thêm vào kho dữ liệu mà mức sai sót có thể áp dụng. Mức sai sót là một sự tự đánh giá hữu hình, rộng khắp về mức độ đáng tin cậy của vốn kiến thức của chúng ta. Bạn có thể thường thấy sai sót trong các cuộc trưng cầu dân ý (“mức độ không chắc chắn là $\pm 3\%$ ”) Hãy tưởng tượng ra một xã hội trong đó mọi phát ngôn ghi trong *Hồ sơ Quốc hội*, mọi chương trình truyền hình thương mại, mọi bài thuyết giáo đều có sai sót hoặc gì đó tương đương đi kèm.

Một trong những lời răn rất lớn của khoa học là “Không tin vào những lý lẽ của giới có thẩm quyền.” (Các nhà khoa học, vốn đều là những người có địa vị, nếu xét trong hệ thống thứ bậc hiện hành, dĩ nhiên không phải lúc nào cũng theo đúng lời răn này). Có quá nhiều những lý lẽ như vậy sai hoàn toàn. Những người có thẩm quyền cũng phải chứng minh lý lẽ của mình như tất cả mọi người khác. Tính độc lập này của khoa học, thái độ không sẵn sàng chấp nhận tri thức thông thường của khoa học, khiến cho khoa học nguy hiểm đối với những học thuyết ít có tính tự phê bình, hoặc những học thuyết tự phụ.

Vì khoa học mang chúng ta đến với hiểu biết về cách vận hành của thế giới, chứ không phải là cách chúng ta mong ước nó vận hành, nên những phát kiến có thể không phải trong trường hợp nào cũng có thể lĩnh hội được ngay lập tức hoặc làm ta vừa ý. Có thể phải dùng công một chút để tái cơ cấu những nếp nghĩ của chúng ta. Một phần khoa học rất đơn giản. Khi khoa học trở nên phức tạp thì đó thường là vì thế giới vốn phức tạp – hoặc vì *chúng ta* phức tạp. Khi chúng ta né tránh nó chỉ vì dường như nó quá khó (hoặc vì chúng ta được dạy dỗ quá sơ sài), chúng ta đã từ bỏ mất khả năng kiểm soát tương lai của mình. Chúng ta đã bị tước bỏ quyền của mình. Sự tự tin của chúng ta bị xói mòn.

Nhưng khi chúng ta vượt qua rào cản đó, khi những phát hiện và phương pháp của khoa học đến được với chúng ta, khi chúng ta hiểu và đưa kiến thức này vào sử dụng, nhiều người cảm thấy cực kỳ hài lòng. Điều này hoàn toàn đúng với tất cả mọi người, nhưng đặc biệt là trẻ em – vốn được sinh ra với niềm đam mê dành cho kiến thức, với nhận thức rằng chúng phải sống trong một tương lai do khoa học định hình, nhưng cũng thường bị thuyết phục khi bước vào tuổi vị thành niên rằng khoa học không phải để dành cho chúng. Tôi biết rất rõ, cả từ việc người ta giải thích về khoa học cho tôi và từ những cố gắng của chính tôi nhằm giải thích khoa học cho người khác, rằng thật sung sướng khi chúng ta nắm bắt được khoa học, khi những thuật ngữ khó hiểu đột nhiên hé mở ý nghĩa, khi chúng ta nắm bắt được bản chất của cả mớ chuyện rắc rối, khi mà những điều kỳ diệu phi thường được tiết lộ.

Trong cuộc hội ngộ của nó với Tự nhiên, khoa học luôn luôn gợi lên cảm giác sùng kính và e

sợ. Hành động tìm hiểu là một hình thức tôn vinh sự kết hợp, hợp nhất, thậm chí trên quy mô khiêm tốn nhất, với sự vĩ đại của Vũ trụ. Và quá trình hình thành dần kiến thức trên quy mô toàn thế giới theo thời gian biến khoa học thành một thứ gì đó giống như trí tuệ siêu việt xuyên quốc gia, xuyên thế hệ.

Từ “tinh thần” (spirit) xuất phát từ một từ La tinh có nghĩa “hít thở.” Thứ chúng ta hít thở là không khí, một thứ vật chất rõ ràng, tuy loãng. Mặc dù bị dùng theo hướng trái ngược nhưng không nhất thiết có hàm nghĩa trong tính từ “tinh thần” mà chúng ta vẫn nói về bất cứ thứ gì khác không phải vật chất (kể cả thứ vật chất cấu thành nên não bộ), hay bất kỳ thứ gì bên ngoài lãnh địa khoa học. Thi thoảng, tôi cảm thấy thoải mái sử dụng từ này. Khoa học không chỉ tương hợp với yếu tố tinh thần; nó còn là nguồn gốc sâu thẳm của yếu tố tinh thần. Khi chúng ta nhận ra không gian của mình trong vũ trụ mênh mông tính bằng năm ánh sáng và trong tiến trình thời gian, khi chúng ta nắm bắt được những điều phức tạp, vẻ đẹp, và sự tinh tế của cuộc sống, thì cái cảm giác tăng lên đó, cái cảm xúc hân hoan và mặc cảm được kết hợp lại đó, chắc chắn mang tính tinh thần. Và những tình cảm của chúng ta trong lĩnh vực nghệ thuật hay âm nhạc hoặc văn học cũng vậy, hoặc đối với những hành động dũng cảm quên mình mẫu mực như của Mohanmas Gandhi hoặc Martin Luther King. Khái niệm cho rằng khoa học và tinh thần có gì đó mang tính loại trừ lẫn nhau hoàn toàn không đúng với cả hai khía cạnh này.

Khoa học có thể rất khó hiểu. Nó có thể thách thức những tín điều quen thuộc. Khi các sản phẩm của khoa học được sử dụng bởi các chính trị gia hoặc các nhà công nghiệp, nó có thể dẫn tới những loại vũ khí hủy diệt hàng loạt và những đe dọa ghê gớm cho môi trường. Nhưng có một điều bạn phải nói về khoa học: Nó cung cấp nhiều sản phẩm.

Không phải tất cả mọi nhánh khoa học đều có thể dự đoán tương lai – ngành cổ sinh vật học không làm được việc đó – nhưng nhiều ngành khác có thể làm được và với độ chính xác đến kinh ngạc. Nếu bạn muốn biết khi nào sẽ đến đợt Nhật thực tiếp theo, bạn có thể thử hỏi các thuật sĩ hoặc thầy pháp, nhưng tốt hơn cả bạn nên hỏi các nhà khoa học. Họ sẽ nói cho bạn biết cần đứng ở đâu trên Trái đất này, khi nào thì phải có mặt tại đó, và liệu đó sẽ là nhật thực một phần hay toàn phần, hay chỉ là nhật thực hình khuyên. Họ có thể dự đoán được nhật thực, rất đúng giờ, trước cả một thiên niên kỷ. Bạn có thể đến gặp pháp sư để giải một lời nguyền gây ra chứng thiếu máu ác tính, hoặc bạn có thể uống vitamin B12. Nếu bạn muốn cứu con cái mình khỏi bệnh bại liệt, bạn có thể cầu nguyện hoặc có thể tiêm chủng. Nếu bạn quan tâm đến giới tính của đứa con chưa ra đời, bạn có thể hỏi ý kiến các thầy bói chuyên sử dụng dây rọi tất cả những gì bạn muốn (trái-phải, con trai; trước-sau, con gái – hoặc có thể là một cách khác), nhưng họ sẽ chỉ nói đúng trung bình với tỉ lệ 50-50. Nếu bạn muốn thật sự chính xác (ở đây là chính xác 99%) thì hãy thử bằng phương pháp chọc ối và siêu âm. Hãy thử với khoa học.

Thử nghĩ xem có bao nhiêu tôn giáo cố gắng tạo giá trị cho mình bằng phương pháp tiên tri. Hãy nghĩ xem có bao nhiêu người dựa vào những lời tiên tri này, cho dù mơ hồ, cho dù không thực hiện được, để củng cố hoặc hỗ trợ cho những niềm tin của họ. Nhưng đã từng có một tôn giáo với khả năng tiên tri chính xác và mức độ đáng tin cậy của khoa học hay chưa? Trên hành tinh này không có một tôn giáo nào không thêm muốn có được khả năng tiên đoán những sự kiện tương lai – một cách chính xác, và liên tục được chứng minh trước những thái độ hoài nghi. Chưa có một thiết chế nào của con người tiến gần được đến chỗ đó.

Liệu đây có phải những gì đang được tôn thờ trên bàn thờ khoa học? Liệu đây có phải những gì thay thế tín điều này bằng tín điều khác, tùy tiện như nhau. Theo quan điểm của tôi, không hề như vậy. Thành công nhận thấy trực tiếp của khoa học là lý do tôi ủng hộ việc sử dụng khoa học. Nếu có gì đó khác hiệu quả hơn thì tôi sẽ ủng hộ cái đó. Phải chăng khoa học cách ly chính nó với sự phê bình triết học? Phải chăng nó định nghĩa chính mình như là giữ thế độc quyền về “chân lý”? Xin hãy thử nghĩ lại vấn đề nhật thực ở trong tương lai một nghìn năm nữa. Hãy so sánh thật nhiều học thuyết mà bạn có thể nghĩ ra, hãy lưu ý đến những dự đoán về tương lai của các học thuyết này, cái nào mơ hồ, cái nào chính xác, và học thuyết nào – tất cả đều bị ảnh hưởng bởi khả năng phạm sai lầm của con người – có các cơ chế sửa sai hình thành sẵn. Cần lưu tâm đến thực tế rằng không có học thuyết nào là hoàn hảo. Sau đó, chỉ việc chọn ra học thuyết có tác dụng nhất (không phải là cảm nhận) sau khi đã so sánh rất công bằng. Nếu các

học thuyết khác nhau tỏ ra ưu việt trong những lĩnh vực độc lập và khá tách biệt thì dĩ nhiên chúng ta hoàn toàn tự do lựa chọn một vài học thuyết – nhưng không làm vậy nếu chúng đối lập nhau. Khác hẳn với kiểu sùng bái thần tượng, đây là một biện pháp giúp chúng ta phân biệt những hình tượng giả từ cái chân thật.

Một lần nữa, lý do khoa học phát huy hiệu quả một phần là vì cái cơ chế sửa sai đã hình thành đó. Trong khoa học, không có câu hỏi cấm kỵ nào, không có vấn đề gì là quá nhạy cảm hay tinh tế đến mức không thể khảo sát, không có chân lý bất khả xâm phạm. Thái độ cởi mở trước những ý tưởng mới, kết hợp với việc nghiên cứu tỉ mỉ tất cả các ý tưởng một cách hoài nghi và nghiêm ngặt nhất, giúp đào cát lấy vàng. Việc bạn thông minh, oai vệ hay đáng yêu đến đâu cũng không có gì khác cả. Bạn phải chứng minh trường hợp của mình trước sự phê phán rất kiên quyết của giới chuyên gia. Tính đa dạng và việc tranh luận được đánh giá cao. Các ý kiến được khuyến khích tranh đấu – mạnh mẽ và theo chiều sâu.

Quy trình khoa học nghe có thể hỗn độn và rối ren. Ở mặt nào đó, đúng như vậy. Nếu bạn kiểm chứng khoa học ở phương diện thường nhật của nó, dĩ nhiên bạn thấy rằng các nhà khoa học trải qua tất cả tình cảm, tính cách và cá tính của con người. Nhưng có một khía cạnh thực sự ẩn tượng với người ngoài, và đó là gắng tay sắt của việc phê bình, được coi là chấp nhận được hay thậm chí đáng ao ước. Các nhà khoa học tập việc nhận được từ những người thầy của họ sự khuyến khích nồng nhiệt và đầy cảm hứng. Nhưng một sinh viên yếu trong buổi khảo thí miệng bậc tiến sĩ phải nhận những câu hỏi dồn dập từ những giáo sư nắm giữ tương lai của ứng viên trong tay. Lẽ đương nhiên, sinh viên rất lo lắng; có ai lại không như vậy chứ? Đúng, họ đã chuẩn bị điều này suốt nhiều năm. Nhưng họ hiểu rằng ở thời điểm sống còn này, họ phải đủ khả năng trả lời những câu hỏi tìm hiểu mà các chuyên gia nêu lên. Cho nên, khi chuẩn bị bảo vệ những đề tài này, họ phải thực hành một thói quen tư duy rất hữu ích: Họ phải tiên liệu các câu hỏi; họ phải hỏi: Trong luận văn của mình có điểm yếu ở chỗ nào khiến ai đó khác có thể tìm ra không? Tôi sẽ xác định điều này trước khi họ làm việc đó.

Bạn ngồi dự những hội nghị khoa học với nhiều tranh cãi. Bạn tham gia các hội thảo chuyên đề ở trường đại học trong đó diễn giả khó lòng nói được 30 giây mà vẫn không hề tối tăm mặt mũi vì những câu hỏi và bình luận từ phía cử tọa. Bạn kiểm chứng các hội thảo trong đó một báo cáo viết được gửi tới một tạp chí khoa học, để có thể xuất bản, nhưng sau đó được ban biên tập gửi tới hội đồng thẩm định khuyết danh có nhiệm vụ là đặt câu hỏi: Tác giả đã làm việc rất ngu ngốc chẳng? Ở đây có gì đủ thú vị để xuất bản không nhỉ? Những khiếm khuyết của bài viết này là gì? Có ai khác đã tìm ra những kết quả chính chưa? Luận điểm có phù hợp không, hoặc bài viết này có cần đệ trình lại sau khi tác giả đã chứng minh những gì chỉ được nghiên cứu ở đây không? Và mọi việc đều khuyết danh: Tác giả không hề biết những người phê bình là ai. Đây là chuyện thường ngày trong cộng đồng khoa học.

Tại sao chúng ta lại phải chấp nhận nó? Chúng ta thích bị phê bình chẳng? Không, không nhà khoa học nào thích chuyện này cả. Tất cả các nhà khoa học đều cảm thấy một tình cảm yêu mến riêng đối với các ý tưởng và phát hiện của mình. Tuy vậy, bạn không đáp lại các ý kiến phê bình bằng những câu thể này: Đợi một phút; đây thật sự là một ý tưởng hay; tôi rất quan tâm đến nó; nó có hại gì cho các vị đâu; xin để cho nó được yên. Thay vào đó, quy luật khắc nghiệt nhưng công bằng là nếu các ý tưởng không có ý nghĩa thì bạn phải từ bỏ chúng. Đừng phí các nơ ron thần kinh vào những gì không có tác dụng. Hãy dành những nơ ron thần kinh ấy cho những ý tưởng mới giúp giải thích dữ liệu tốt hơn. Nhà vật lý người Anh Michael Faraday từng nói về sức mê hoặc mạnh mẽ

Trong việc tìm kiếm những bằng chứng và biểu hiện có lợi cho những ước muốn của chúng ta, và coi thường những gì đối lập với chúng... Chúng ta đón nhận một cách thân thiện những gì đồng ý với [chúng ta], chúng ta phản ứng lại những gì đối lập với mình; nhưng ngược lại theo lẽ thường, vẫn cần có cái trái ngược.

Phê bình hợp lý rất có lợi cho bạn.

Một số người coi khoa học là kiêu ngạo – đặc biệt khi nó có mục đích phủ nhận những tín hiệu đã có tồn tại lâu hoặc khi nó đưa ra những khái niệm lạ lùng dường như trái lập với lẽ thường. Như một trận động đất, nó thách thức niềm tin nền tảng của chúng ta, thách thức

những tín hiệu quen thuộc của chúng ta, làm chần chừ cả những học thuyết mà chúng ta đã nuôi dưỡng để làm chỗ dựa. Tuy nhiên, tôi tin rằng khoa học rất khiêm nhường. Các nhà khoa học không tìm cách áp đặt nhu cầu và mong muốn của họ lên Tự nhiên, mà thay vào đó tìm hiểu Tự nhiên một cách khiêm nhường và đón nhận một cách nghiêm túc những gì họ tìm ra. Chúng ta nhận thức được rằng các nhà khoa học đáng kính cũng sai. Chúng ta hiểu sự không hoàn hảo của con người. Chúng ta nhấn mạnh đến việc xác minh độc lập và – ở chừng mực có thể – định lượng đối với những nguyên lý tín hiệu được đề xuất. Chúng ta không ngừng khơi gợi, nghi ngờ, tìm kiếm những điều mâu thuẫn hoặc những sai sót nhỏ nhỏ không tránh khỏi, đưa ra những lời giải thích thay thế, khuyến khích dị giáo. Chúng ta dành những phần thưởng cao quý nhất cho những ai bác bỏ được một cách thuyết phục những tín hiệu đã được xác lập.

Đây là một trong rất nhiều ví dụ: Các định luật chuyển động và định luật vạn vật hấp dẫn gắn liền với tên tuổi Isaac Newton rất được coi trọng trong số các thành tựu của loài người. Ba trăm năm sau, chúng ta sử dụng động năng Newton để dự đoán thiên thực. Nhiều năm sau khi rời bề phóng, ở cách xa Trái đất hàng tỉ dặm (với những hiệu chỉnh nhỏ duy nhất từ Einstein), con tàu vũ trụ tới được một điểm đã xác định trước trong quỹ đạo của thế giới đích. Độ chính xác thật kinh ngạc. Rõ ràng, Newton đã biết những gì ông thực hiện.

Nhưng các nhà khoa học không chấp nhận cứ mặc nhiên như vậy. Họ vẫn không ngừng tìm kiếm những vết rạn trên bộ giáp Newton. Ở tốc độ cao và trọng lực lớn, vật lý Newton sụp đổ. Đây là một trong những phát hiện vĩ đại của Thuyết Tương đối Tổng quát của Albert Einstein, và là một trong những lý do trí tuệ của ông được tôn vinh đến vậy. Môn vật lý Newton có ý nghĩa trong một loạt điều kiện, kể cả đời sống thường nhật. Nhưng trong những tình huống đặc biệt nhất định đối với con người – rất cuộc, chúng ta không có thói quen đi lại gần bằng tốc độ ánh sáng – nó không đưa ra được câu trả lời đúng; nó không thích hợp với những quan sát của Tự nhiên. Thuyết Tương đối Tổng quát không có gì khác biệt với vật lý Newton về mặt giá trị, nhưng lại đưa ra những dự đoán rất khác – những dự đoán rất tương thích với quan sát – trong những cơ chế khác (tốc độ cao, trọng lực mạnh). Vật lý Newton hóa ra chỉ ở mức gần đạt tới chân lý, hữu ích trong các trường hợp chúng ta đã quen, nhưng lại vô hiệu với các trường hợp khác. Nó là một thành tựu rực rỡ và đáng tôn vinh của tư duy con người, nhưng nó có nhiều hạn chế.

Tuy nhiên, theo hiểu biết của chúng ta về khả năng dễ sai sót của con người, lưu ý tới ý kiến cho rằng chúng ta có thể tiếp cận chân lý một cách tiệm cận nhưng sẽ chẳng bao giờ đạt được nó, các nhà khoa học ngày nay đang khảo sát những cơ chế trong đó Thuyết Tương đối Tổng quát có thể sai. Chẳng hạn, Thuyết Tương đối Tổng quát dự đoán một hiện tượng gọi là các sóng hấp dẫn vốn chưa bao giờ được nhận biết một cách trực tiếp. Nhưng nếu chúng không tồn tại thì Thuyết Tương đối Tổng quát có gì đó sai cơ bản. Các ẩn tinh là những ngôi sao neutron quay rất nhanh có tốc độ chớp sáng hiện đo được tới 15 đơn vị thập phân. Hai ẩn tinh rất đậm đặc trong quỹ đạo của nhau được dự đoán phát ra lượng sóng hấp dẫn rất lớn – mà sẽ có lúc làm thay đổi chút ít quỹ đạo và chu kỳ quay của hai ngôi sao này. Joseph Taylor và Russell Hulse từ Đại học Princeton đã sử dụng phương pháp này để kiểm chứng những dự đoán của Thuyết Tương đối Tổng quát theo một cách hoàn toàn mới. Với tất cả những gì họ biết, kết quả sẽ không tương thích với Thuyết Tương đối Tổng quát và có thể đánh đổ một trong những trụ cột chính của vật lý hiện đại. Chúng không chỉ sẵn sàng thách thức Thuyết Tương đối Tổng quát mà người ta còn rất khuyến khích chúng làm được điều đó. Những quan sát đối với các ẩn tinh nhị nguyên đem lại sự xác thực một cách chính xác những dự đoán của Thuyết Tương đối Tổng quát, và vì thành công này, Taylor và Hulse cùng nhận được giải Nobel Vật lý vào năm 1993. Bằng nhiều cách khác nhau, có nhiều nhà vật lý khác đang kiểm chứng Thuyết Tương đối Tổng quát – chẳng hạn bằng cách trực tiếp dò tìm các sóng hấp dẫn khó phát hiện. Họ hy vọng áp dụng triệt để lý thuyết này đến ngưỡng cao nhất và phát hiện xem liệu có tồn tại một cơ chế của Tự nhiên trong đó bước tiến vĩ đại của Einstein về tri thức bắt đầu sai sót không.

Những nỗ lực này sẽ tiếp tục chừng nào vẫn còn các nhà khoa học. Thuyết Tương đối Tổng quát chắc chắn là một cách mô tả chưa đầy đủ về Tự nhiên ở cấp độ lượng tử, nhưng thậm chí nếu không phải như vậy, thậm chí nếu Thuyết Tương đối Tổng quát đúng ở mọi nơi và có giá trị mãi mãi thì còn cách nào thuyết phục chúng ta về giá trị của nó hơn là một nỗ lực chung

nhằm phát hiện những nhược điểm và hạn chế của nó chứ?

Đây là một trong những lý do các tôn giáo có tổ chức không khiến cho tôi thấy tin tưởng. Những thủ lĩnh nào của các tín điều chính dám thừa nhận rằng tín điều của họ có thể không hoàn chỉnh hoặc sai lầm và dám thiết lập các thiết chế để tìm ra những khiếm khuyết mang tính chủ thuyết có thể có? Ngoài quá trình kiểm nghiệm trong cuộc sống thường nhật, liệu có ai đang kiểm nghiệm một cách có hệ thống những tình huống trong đó những lời dạy tôn giáo truyền thống có thể không còn áp dụng được nữa không? (Chắc chắn có thể thừa nhận rằng các học thuyết vào đạo đức từng vận hành rất ổn thỏa trong thời trung cổ hay trong chế độ gia trưởng hoặc giáo lý có thể không còn giá trị trong một thế giới rất khác mà chúng ta đang sống hiện nay?) Có bài thuyết giáo nào công tâm kiểm chứng giả thuyết về Chúa không? Những người hoài nghi tôn giáo nhận được phần thưởng gì từ các tôn giáo đã định hình – hay, cũng với lý do đó, những người hoài nghi kinh tế và xã hội nhận được phần thưởng gì từ xã hội nơi họ sống?

Khoa học, như Ann Druyan nhận xét, mãi mãi thì thầm bên tai chúng ta rằng “Hãy nhớ, bạn còn rất rất mới mẻ ở lĩnh vực này. Bạn có thể sai lầm. Bạn đã từng sai rồi đấy thôi.” Bất chấp tất cả những bàn luận về tính khiêm nhường, xin hãy chỉ cho tôi thấy gì đó có thể so sánh trong tôn giáo. Người ta nói Kinh thánh lấy cảm hứng từ thần thánh – một cách nói rất nhiều ý nghĩa. Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu nó chỉ đơn thuần được tạo ra bởi chính người trần mắt thịt rất dễ phạm sai lầm? Nhiều phép màu được nhìn nhận, nhưng điều gì xảy ra nếu thực ra đó chỉ là sự pha trộn giữa trò bịp bợm, những trạng thái ý thức không quen thuộc, tình trạng hiểu sai về các hiện tượng tự nhiên, và bệnh tâm thần? Đối với tôi, dường như không một tôn giáo và niềm tin hiện tại nào xem xét đầy đủ sự vĩ đại, tráng lệ, tinh vi và phức tạp của cái Vũ trụ mà khoa học đã khám phá. Trong tâm thức tôi, thực tế rằng Kinh thánh dự báo được quá ít những phát hiện của khoa học hiện đại càng làm tăng thêm nghi ngờ về cảm hứng thần thánh của Kinh thánh.

Nhưng dĩ nhiên có thể tôi sai.

Hãy đọc hai đoạn trích dưới đây – không phải để hiểu thứ khoa học được mô tả, mà là có được cảm nhận về cách tư duy của tác giả. Ông ấy đối mặt với những dị thường, những nghịch lý rõ ràng trong vật lý; những gì ông ấy gọi là “mất cân xứng.” Chúng ta có thể học được gì từ những điều này?

Người ta biết rằng điện động lực học của Maxwell – như vẫn thường được hiểu ở thời điểm hiện tại – khi áp dụng cho các bộ phận chuyển động, dẫn tới những mất cân xứng có vẻ như không phải là đặc điểm vốn có trong các hiện tượng ấy. Lấy ví dụ về hoạt động điện động thuận nghịch của một nam châm và một thiết bị dẫn điện. Hiện tượng có thể quan sát được ở đây chỉ lệ thuộc vào chuyển động tương đối của thiết bị dẫn điện và nam châm, trong khi quan điểm thông thường nêu ra điểm khác biệt rõ rệt giữa hai trường hợp trong đó một trong hai bộ phận ở tình trạng chuyển động. Nếu như nam châm chuyển động và thiết bị dẫn điện đứng yên thì xung quanh nam châm xuất hiện một trường điện tích với một năng lượng rõ rệt nhất định, sản sinh ra một dòng điện tại những vị trí nơi bố trí các bộ phận của thiết bị dẫn điện. Nhưng nếu nam châm tĩnh và thiết bị dẫn điện chuyển động, không có trường điện nào xuất hiện xung quanh nam châm cả. Tuy nhiên, trong thiết bị dẫn điện, chúng ta lại thấy một lực điện động nhưng không có năng lượng tương thích nào trong đó. Lực này làm tăng – cứ cho rằng có sự cân bằng chuyển động tương đối ở cả hai trường hợp – các dòng điện với cùng đường dẫn và cường độ như các dòng điện do các lực điện tạo ra trong trường hợp thứ nhất.

Những ví dụ kiểu này, cùng với những nỗ lực không thành công nhằm phát hiện ra bất cứ chuyển động nào của trái đất có liên quan đến “ê te”, đều cho thấy rằng những hiện tượng điện động cũng như cơ học không hề có những thuộc tính tương ứng với ý tưởng về sự nghỉ tuyệt đối. Thay vào đó, như đã thấy đối với nhóm số lượng nhỏ đầu tiên, chúng gợi ý rằng những quy luật tương tự về điện động và quang học sẽ có giá trị với tất cả các khung tham chiếu mà các phương trình cơ học có thể áp dụng được.

Tác giả đang cố gắng nói với chúng ta điều gì ở đây? Tôi sẽ thử giải thích thông tin nền tảng ở phần sau của cuốn sách này. Còn giờ đây, có lẽ chúng ta cùng thừa nhận rằng ngôn ngữ là

thừa thãi, mang tính kỹ thuật, thận trọng, rõ ràng và không hề phức tạp hơn cần phải vậy một tí nào. Từ cách diễn đạt (hoặc từ cái tiêu đề hết sức giản dị “Về điện động của các vật chuyển động”), bạn sẽ không thể đoán ngay được rằng bài viết này miêu tả sự ứng dụng quan trọng của lý thuyết Tương đối Hẹp trong thế giới, cửa ngõ đi tới tuyên bố mang tính chiến thắng của mối tương quan giữa khối lượng và năng lượng, sự giảm bớt của tính tự cao tự đại cho rằng thế giới nhỏ bé của chúng ta chiếm lĩnh một “khung tham chiếu ưu tiên” nào đó trong Vũ trụ, và bằng nhiều cách khác nhau, một sự kiện mang tính thời đại trong lịch sử loài người. Những lời mở đầu trong bài viết năm 1905 của Albert Einstein mang đặc điểm của một báo cáo khoa học. Nó không mang tính tự phục vụ, rất thận trọng và khá dè dặt. Hãy thử so sánh sắc thái kiểm chế của nó với những sản phẩm của quảng cáo hiện đại, những bài diễn văn chính trị, những tuyên bố mang tính lý thuyết rất đao to búa lớn – hay lời quảng bá trên bìa cuốn sách này cũng vậy.

Xin hãy lưu ý cách mở đầu bài viết của Einstein bằng việc cố gắng làm cho các kết quả thí nghiệm có ý nghĩa. Bất kỳ ở đâu có thể, các nhà khoa học đều thí nghiệm. Những thí nghiệm nào gợi mở cho họ thường tùy thuộc vào lý thuyết nào hiện chiếm ưu thế. Các nhà khoa học gắng sức kiểm chứng những lý thuyết đó đến tận điểm tới hạn của chúng. Họ không tin những gì hiển nhiên về mặt trực giác. Quan điểm cho rằng Trái đất phẳng từng hiển nhiên như một chân lý. Người ta từng hiển nhiên cho rằng những con đĩa hút máu chữa được hầu hết các loại bệnh. Người ta từng hiển nhiên cho rằng một số người phải làm nô lệ là điều đương nhiên và do thiên mệnh. Người ta từng hiển nhiên cho rằng có một nơi ở trung tâm Vũ trụ, và rằng Trái đất tọa lạc ở cái vị trí cao quý ấy. Người ta từng hiển nhiên cho rằng có trạng thái nghỉ ở mức độ tuyệt đối. Chân lý có thể khiến người ta hoang mang hoặc mang tính phản trực giác. Nó có thể phủ nhận những niềm tin đã bám rễ rất sâu. Thí nghiệm là cách chúng ta luận giải nó.

Trong một bữa tối nhiều thập kỷ về trước, người ta mời nhà vật lý Robert W. Wood đáp lễ ly rượu mừng “Vì vật lý và siêu vật lý”. Cụm từ “siêu vật lý” thời đó có nghĩa là một môn gì đó giống như triết học, hoặc là những chân lý bạn có thể công nhận chỉ bằng cách nghĩ về chúng. Chúng cũng có thể bao hàm cả giả khoa học. Wood đã đáp lại như thế này:

Có một nhà vật lý nảy ra một ý tưởng. Ông càng suy ngẫm về nó, dường như nó càng có ý nghĩa. Ông tham khảo tài liệu khoa học. Ông càng đọc thì ý tưởng càng trở nên có triển vọng. Do đó chuẩn bị sẵn sàng, ông tới phòng thí nghiệm và nghĩ ra một thí nghiệm để kiểm chứng nó. Thí nghiệm thật khó nhọc. Nhiều khả năng được kiểm tra. Độ chính xác của các thông số được tăng dần trong khi mức sai sót giảm đi. Ông hoàn toàn thoải mái thí nghiệm mà không cần bận tâm đến hậu quả. Ông chỉ toàn tâm toàn ý vào vấn đề: Thí nghiệm nói lên điều gì. Kết thúc công việc này, qua quá trình thí nghiệm cẩn thận, ý tưởng tìm thấy lại chẳng có giá trị gì. Cho nên nhà vật lý vứt bỏ nó, để cho đầu óc mình khỏi vướng bận với vấn đề sai sót, và tiếp tục với việc khác.[\[13\]](#)

Sự khác nhau giữa vật lý và siêu vật lý, Wood kết luận khi ông nâng cao ly rượu của mình, không phải là ở chỗ những người thực hành một trong hai lĩnh vực này thông minh hơn những người thực hành lĩnh vực kia. Sự khác biệt là các nhà siêu vật lý không hề có phòng thí nghiệm.

Với tôi, có bốn lý do chính cho một nỗ lực chung nhằm truyền tải khoa học – trên sóng phát thanh, truyền hình, phim ảnh, báo chí, sách vở, các chương trình máy tính, những công viên giải trí, và các lớp học – tới mọi công dân. Trong mọi hình thức sử dụng khoa học, vẫn chưa phải là đủ – trên thực tế còn khá nguy hiểm – để tạo ra chỉ một chức thầy tu nhỏ nhoi, thạo việc và được tưởng thưởng xứng đáng cho những người có chuyên môn. Thay vào đó, một số hiểu biết căn bản về những phát hiện và phương pháp của khoa học phải rất sẵn ở quy mô rộng nhất.

- Mặc dù có rất nhiều cơ hội bị sử dụng sai, khoa học có thể chính là con đường vàng thoát khỏi nghèo nàn và lạc lậu cho những quốc gia đang nổi lên. Nó làm cho các nền kinh tế quốc gia và nền văn minh toàn cầu vận hành trơn tru. Nhiều quốc gia hiểu điều này. Đó là lý do vì sao nhiều sinh viên tốt nghiệp đại học về khoa học và kỹ sư tại các trường đại học Mỹ – vẫn là nơi tốt nhất trên thế giới – là đến từ các quốc gia khác. Hệ luận, cái mà nhiều khi Hoa Kỳ lại không nắm bắt

- được, là từ bỏ khoa học chính là con đường quay trở lại đói nghèo và lạc hậu.
- Khoa học cảnh báo chúng ta về những hiểm họa do chính những công nghệ làm thay đổi thế giới của chúng ta mang lại, đặc biệt là đối với môi trường toàn cầu mà cuộc sống của chúng ta lệ thuộc vào. Khoa học cung cấp một hệ thống cảnh báo sớm rất cần thiết.
 - Khoa học dạy cho chúng ta về những vấn đề sâu xa nhất của nguồn gốc, bản chất, và số phận – của các giống loài chúng ta có, của cuộc sống, Vũ trụ. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, chúng ta có thể đạt được hiểu biết thật sự về một số vấn đề này. Mọi nền văn hóa trên Trái đất đều đã tìm cách giải quyết những vấn đề như vậy và rất coi trọng tầm quan trọng của chúng. Tất cả chúng ta đều cảm thấy mình thật ngổ khi tiếp cận những vấn đề lớn này. Về lâu dài, món quà lớn nhất của khoa học có thể nằm việc dạy cho chúng ta, bằng những cách thức mà không một nỗ lực nào khác của con người có thể làm được, điều gì đó về bối cảnh vũ trụ của chúng ta, về vấn đề chúng ta ở đâu, ở thời điểm nào và là ai.
 - Những giá trị của khoa học và những giá trị của dân chủ rất phù hợp với nhau, trong nhiều trường hợp còn không thể phân biệt được. Khoa học và dân chủ bắt đầu – ở những hình thức biểu hiện văn minh của chúng – cùng lúc và cùng một nơi, tại Hy Lạp vào thế kỷ thứ 7 và 6 trước Công nguyên. Khoa học trao quyền lực cho bất kỳ ai bỏ công học về nó (mặc dù quá nhiều người đã bị ngăn chặn làm việc này một cách rất hệ thống). Khoa học phát triển, trên thực tế đòi hỏi, mạnh nhờ việc tự do trao đổi các ý tưởng; những giá trị của nó đối chọi với sự bí mật. Khoa học không hề bám chặt lấy một ưu thế đặc biệt hay một vị thế ưu tiên nào. Cả khoa học và dân chủ đều khuyến khích những ý tưởng phi truyền thống và tranh luận mạnh mẽ. Cả hai đều đòi hỏi lẽ phải, luận điểm chặt chẽ, những tiêu chuẩn nghiêm ngặt về bằng chứng và sự trung thực. Khoa học là một cách để “bóc mẽ” những người chỉ vờ như hiểu biết. Nó là bức tường thành chống lại thuyết thần bí, chống lại mê tín dị đoan, chống lại tôn giáo bị lợi dụng ở những nơi không cần đến tôn giáo. Nếu chúng ta trung thành với những giá trị của khoa học, nó có thể cho ta biết khi nào mình bị lừa dối. Nó giúp hiệu chỉnh lại những sai sót của chúng ta. Ngôn ngữ, quy tắc, và phương pháp của khoa học càng phổ biến thì chúng ta càng có cơ hội tốt để giữ gìn những gì Thomas Jefferson và các cộng sự đã nghĩ đến. Nhưng dân chủ cũng có thể bị biến thái thông qua những sản phẩm của khoa học sâu sắc hơn bất kỳ nhân vật mị dân thời tiền công nghiệp nào từng mơ ước.

Việc tìm kiếm “con rơm” chân lý trôi nổi trên đại dương nhằm lẫn và lèo bịp đòi hỏi sự cảnh giác, sự tận tụy, và lòng dũng cảm. Nhưng nếu chúng ta không tập những thói quen tư duy cứng rắn này, chúng ta không thể hy vọng giải quyết được những vấn đề thật sự nghiêm túc mà chúng ta gặp phải – và chúng ta có nguy cơ trở thành một dân tộc, một thế giới toàn những kẻ khờ khạo, làm mồi cho những kẻ lừa gạt.

Một người ngoài hành tinh mới đặt chân đến Trái đất – xem xét rất kỹ những gì chúng ta trình bày cho con cháu mình trên truyền hình, đài phát thanh, phim ảnh, báo chí, truyền tranh, và nhiều loại sách vở – có thể dễ dàng kết luận rằng chúng ta chỉ mãi mê dạy chúng giết người, cưỡng hiếp, tàn bạo, mê tín, nhẹ dạ, và hưởng thụ. Chúng ta vẫn luôn làm như vậy, và thông qua việc liên tục lặp lại, nhiều con cháu chúng ta cuối cùng tiêm nhiễm điều đó. Chúng ta có thể tạo nên mô hình xã hội gì nếu, thay vào đó, chúng ta dạy cho thế hệ sau về khoa học và hy vọng?

Chương 3.

HÌNH NGƯỜI TRÊN MẶT TRẮNG VÀ GƯƠNG MẶT TRÊN SAO HỎA

*Nguyệt dững đại giang lưu ...
Phiêu phiêu hà sở tự
Thiên địa nhất sa ôu*

“Lữ dạ thư hoài”, Đỗ Phủ
(Trung Quốc, Đường triều, 765)

Sông dài cuộn cuộn bóng trăng thâu.

...
Thân thể chơi vơi tường ngoại vật,
Bãi sa trời rộng giống chim âu.

“Nỗi niềm đêm đất khách”, dịch thơ: Chi Điền

Mỗi lĩnh vực khoa học có phần bù đắp của riêng nó cho giải khoa học. Các nhà địa vật lý có Trái đất phẳng, Trái đất rỗng, Trái đất với các trục chao đảo dữ dội khiến cho các lục địa trôi lên và chìm xuống nhanh chóng, cộng thêm những lời tiên tri về động đất. Các nhà thực vật học có những loại cây với đời sống tình cảm có thể theo dõi được bằng máy phát hiện nói dối, các nhà nhân loại học thì có người vượn vẫn còn sống sót, các nhà động vật học có khủng long còn tồn tại, và các nhà sinh học tiến hóa thì tranh cãi với những người giải thích Kinh thánh theo nghĩa đen. Các nhà khảo cổ có những phi hành gia thời cổ đại, chữ rune, và những bức tượng giả. Các nhà vật lý có những cỗ máy chuyển động không ngừng, vô số những chứng nhân phủ nhận tính tương đối nghiệp dư, và có lẽ cả hiện tượng nấu chảy nguội. Các nhà hóa học vẫn còn thuật giả kim. Giới tâm lý học theo đuổi phân tâm học rất nhiều và hầu như tất cả đều nghiên cứu cận tâm lý học. Các chuyên gia kinh tế có những dự báo kinh tế tầm xa. Cho đến nay, giới khí tượng học cũng có những dự đoán thời tiết tầm xa, như trong *Niên giám Nông dân* (Farmer's Almanac) dựa theo vết đen trên Mặt trời (mặc dù dự báo khí hậu lâu dài lại là vấn đề khác). Ngành thiên văn có môn tử vi, với tư cách là môn giả khoa học nổi trội nhất của mình. Các lĩnh vực giả khoa học nhiều khi giao cắt, càng khiến mọi người dễ lầm lẫn – như trong các cuộc tìm kiếm những kho báu đã bị chôn vùi từ lục địa Atlantis bằng hình thức ngoại cảm, hoặc những dự đoán kinh tế dựa vào tử vi.

Nhưng vì tôi chủ yếu nghiên cứu các hàng tinh, và vì tôi quan tâm đến khả năng có sự sống ngoài Trái đất, cho nên những lĩnh vực giả khoa học thường dính dáng đến tôi nhất chủ yếu liên quan đến các thế giới khác và những gì chúng ta thường gọi là “người ngoài hành tinh.” Trong các chương kế tiếp, tôi muốn đưa ra hai học thuyết giả khoa học gần đây, có phần liên quan với nhau. Chúng đều cùng chung khả năng rằng những điều không hoàn hảo liên quan đến nhận thức và tri giác của con người đóng một vai trò trong việc đánh lừa chúng ta về những vấn đề quan trọng. Học thuyết thứ nhất cho rằng trên lớp cát ở Sao Hỏa có một gương mặt bằng đá khổng lồ từ xa xưa đang dăm dăm vô cảm nhìn lên bầu trời. Học thuyết thứ hai thì khẳng định rằng những sinh vật ngoài hành tinh từ những thế giới xa xôi thỉnh thoảng lại tới thăm Trái đất.

Thậm chí tóm lược một cách cấu thả thì chẳng lẽ suy ngẫm về những luận điểm này lại không có hề gọi chút ly kỳ nào ư? Sẽ sao nếu những ý tưởng khoa học viễn tưởng rất cổ xưa ấy – chắc chắn là thấm đẫm tâm lý sợ sệt và khát khao của loài người – thực tế lại đúng như vậy? Lợi ích của ai có thể chịu thiệt thòi đây? Chìm đắm trong mớ tư liệu như vậy thì ngay đến kể hoài nghi dần dần nhất cũng bị lay động. Liệu chúng ta có dám chắc một cách tuyệt đối rằng chúng ta có thể gạt bỏ những luận điểm như vậy không? Và nếu những debunker dày dạn có thể cảm nhận được sức hấp dẫn thì những người không được rèn luyện về kỹ năng nghi ngờ khoa học, như Ngài “Buckley”, sẽ cảm thấy gì?

Trong hầu hết lịch sử – trước khi có tàu vũ trụ, trước cả kính viễn vọng, khi chúng ta vẫn còn

chìm đắm trong tư duy phép thuật – thì Mặt trăng là một bí ẩn. Gần như không ai nghĩ đến nó với tư cách một thể giới.

Thực tế chúng ta nhìn thấy gì khi ngược nhìn lên Mặt trăng bằng mắt thường? Chúng ta nhận thấy hình dạng những vệt sáng và tối không theo quy tắc nào cả – không phải là biểu hiện gẫu của bất kỳ sự vật quen thuộc nào. Nhưng, gần như không cưỡng lại được, mắt ta kết nối các hình thù, nhấn mạnh một số hình, bỏ qua những hình khác. Chúng ta tìm kiếm một hình mẫu, và chúng ta tìm ra. Trong thế giới huyền thoại và văn hóa dân gian, nhiều hình ảnh được nhìn ra: Một người phụ nữ đang dệt vải, vườn cây nguyệt quế, một con voi đang nhảy khỏi vách đá, một cô gái với cái gùi trên lưng, một con thỏ, những khúc ruột của Mặt trăng bị xoắn ra ngay trên bề mặt sau khi bị một con chim không biết bay nổi điên moi ruột, một phụ nữ đang đập vải, một con báo bốn mắt. Người của nền văn hóa này thấy khó hiểu được những điều kỳ quái kiểu như vậy mà người của nền văn hóa khác nhìn ra.

Hình ảnh phổ biến nhất là gương Mặt người trên Mặt trăng. Dĩ nhiên, nó không thật sự trông đúng như một người. Các đặc điểm của nó không cân xứng, méo mó, ủ rũ. Bên trên mắt trái có một miếng bít tết bò hay gì đó. Còn cái miệng đó thể hiện cảm xúc gì chứ? Một chữ “O” đầy ngạc nhiên chăng? Hay một nét buồn, thậm chí là than khóc chăng? Rầu rĩ công nhận những cực nhọc của cuộc sống trên Trái đất chăng? Chắc chắn là gương mặt quá tròn. Tai thì không có. Tôi đoán đỉnh đầu anh ta trọc lóc. Tuy nhiên, lần nào nhìn nó, tôi cũng nhìn ra một gương mặt người.

Nền văn hóa dân gian thế giới mô tả Mặt trăng như một thứ gì đó tẻ ngắt. Ở thế hệ trước khi có các tàu vũ trụ Apollo, trẻ em được kể rằng Mặt trăng làm bằng pho mát màu xanh lục (tức là đã ôi) và vì một lý do nào đó, người ta nghĩ điều này không hề kỳ lạ mà rất vui nhộn. Trong sách của trẻ em và truyện tranh, hình người trên Mặt trăng thường được vẽ giản dị là một gương mặt đặt trong một vòng tròn, không quá khác so với “gương mặt vui cười” với hai chấm và một vòng cung lộn ngược. Gương mặt ấy hiện từ nhìn xuống cảnh vui đùa ban đêm của muôn loài và trẻ em.

Hãy xem lại hai dạng địa hình chúng ta biết khi chúng ta khám phá Mặt trăng bằng mắt thường: Phần trán, hai gò má và cằm sáng hơn; còn mắt và miệng thì tối hơn. Qua kính thiên văn, những điểm sáng được thể hiện là những cao nguyên cổ với nhiều miệng núi lửa, có niên đại như chúng ta biết hiện nay (từ phương pháp xác định niên đại bằng phóng xạ đối với các mẫu vật mà các phi hành gia Apollo mang về) cách đây gần 4,5 tỉ năm. Những điểm tối có vẻ là những dòng dung nham basalt mới hơn gọi là “nguyệt hải”[\[14\]](#) mặc dù chúng ta biết rõ Mặt trăng rất khô. Các nguyệt hải xuất hiện trong vài trăm triệu năm đầu tiên trong lịch sử Mặt trăng, một phần do tác động tốc độ cao của các tiểu hành tinh khổng lồ và các sao chổi. Con mắt bên phải là Vũ Hải, miếng thịt bò trùn lên mắt trái là kết hợp của Trùng Hải và Tĩnh Hải (nơi tàu *Apollo 11* hạ cánh), và cái miệng mở lệch tâm là Thấp Hải.[\[15\]](#) (Mắt người bình thường không thể nhìn thấy bất kỳ miệng núi lửa nào nếu không có thiết bị hỗ trợ).

Hình người trên Mặt trăng thực tế là một hồ sơ về những thảm họa cổ xưa – hầu hết đều xảy ra trước khi có con người, trước các loài động vật có vú, trước các loài động vật có xương sống, trước các sinh vật đa bào, và thậm chí có lẽ trước cả khi sự sống hình thành trên Trái đất. Việc dung một gương mặt người để mô tả sự dữ dội của vũ trụ quả là một ý tưởng hài hước.

Con người, cũng như các loài linh trưởng khác, thường sống thành bầy đàn. Chúng ta thích ở cùng với nhau. Chúng ta là động vật có vú, và việc cha mẹ chăm sóc con cái là rất cần thiết để bảo đảm duy trì nòi giống. Cha mẹ mỉm cười với con cái, con cái cười lại, và mối liên hệ được hình thành hoặc củng cố. Đứa trẻ sơ sinh có khả năng nhìn được thì nó sẽ nhận ra các gương mặt, và chúng ta biết rằng kỹ năng này được não bộ chúng ta kiểm soát. Những đứa trẻ mà cách đây một triệu năm không biết nhận diện một gương mặt sẽ ít mỉm cười đáp lại hơn, ít chiếm được tình cảm của cha mẹ hơn, và ít phát triển được hơn. Còn ngày nay, gần như mọi trẻ sơ sinh đều nhanh chóng nhận ra được một gương mặt người, và đáp lại bằng một nụ cười ngây thơ.

Như một tác dụng phụ vô ý, cơ chế nhận dạng trong não bộ chúng ta hình dung ra một gương

mặt từ cả mớ chi tiết hiệu quả đến mức đôi khi chúng ta nhìn ra những gương mặt ở những chỗ chẳng hề có. Chúng ta kết hợp những mảng sáng tối rời rạc và cố gắng nhìn ra một gương mặt một cách vô thức. Hình người trên Mặt trăng là một kết quả như vậy. Bộ phim *Blowup* của Michelangelo Antonioni là một ví dụ nữa. Còn rất nhiều ví dụ khác.

Nhiều khi, đó chỉ là một cấu trúc địa lý, chẳng hạn dãy Sơn Lão (Old Man of the Mountains) ở Franconia Notch, New Hampshire. Chúng ta nhận ra rằng đây chỉ là sản phẩm của quá trình bào mòn và sụp đổ một bề mặt đá chứ chẳng phải một tổ chức siêu nhiên hay một nền văn minh cổ chưa được phát hiện nào đó. Nhưng dù sao, nó cũng không còn giống một gương mặt nữa.^[16] Có Đầu Quỷ (Devil's Head) ở North Carolina, Đá Nhân sư (Sphinx Rock) ở Westwater, xứ Anh, Lão Bà (Old Woman) ở Pháp, Đá Vartan ở Armenia. Có lúc đó là một người phụ nữ nằm ngửa, như Núi Ixtaccihuatl ở Mexico. Có lúc lại là các bộ phận cơ thể, như núi Grand Tetons (Núm Vú) ở Wyoming – tiếp cận từ phía Tây, cặp đỉnh núi được các nhà thám hiểm người Pháp đặt tên. (Trên thực tế có ba đỉnh núi). Đôi khi lại là những hình dạng thay đổi do lẫn trong mây. Ở Tây Ban Nha thời cuối Trung cổ và Phục hưng, những hình ảnh Đức mẹ Đồng trinh Mary được “khắc định” bởi những người dân nhìn thấy các vị thánh hiện ra trong các khối mây. (Trong lúc giông bão rời khỏi Suva, Fiji, tôi từng nhìn thấy đầu của một con quái vật thật sự kinh khủng, miệng há hoác, hình thành trong một đám mây giông).

Thỉnh thoảng, một loại rau hoặc một dạng vân gỗ hay một tấm da bò cũng giống gương mặt người. Đã từng có quả cà tím nổi tiếng vì quá giống Richard M. Nixon. Chúng ta suy ra điều gì từ thực tế này? Sự can thiệp của thánh thần hoặc người ngoài hành tinh chăng? Hay Đảng Cộng hòa can thiệp vào bộ gen của cà tím? Không hề. Chúng ta thừa nhận rằng có rất nhiều quả cà tím trên thế giới và rằng sớm hay muộn chúng ta cũng tình cờ phát hiện ra một quả giống với gương mặt người, thậm chí một gương mặt rất cụ thể.

Khi gương mặt là của một nhân vật tôn giáo – chẳng hạn một cái bánh ngô giống với gương mặt Jesus – các tín đồ có xu hướng nghĩ ngay đến bàn tay can thiệp của Chúa. Trong một thời đại hoài nghi hơn bao giờ hết, họ rất cần được làm yên lòng. Nhưng dường như không chắc rằng một phép màu đang được tiến hành với một phương tiện tầm thường như vậy. Hãy thử nghĩ xem có bao nhiêu chiếc bánh ngô đã được làm ra kể từ khi thế giới bắt đầu, sẽ rất lạ nếu như chỉ có một vài chiếc không hề có những đặc điểm tương tự dù là mơ hồ.^[17]

Những thuộc tính thần kỳ đã được gán cho nhân sâm và rễ cây phong gia,^[18] một phần vì chúng hơi giống với hình dạng con người. Một số mầm hạt dẻ cũng thể hiện gương mặt cười. Một số loại san hô trông như bàn tay. Mọc nhĩ trên thực tế trông giống vành tai, và hình thù gì đó khá giống những con mắt khổng lồ có thể nhìn thấy trên cánh của một số loài bướm nhất định. Một số trường hợp này có thể không đơn thuần là trùng hợp; các loài động và thực vật gọi lên một gương mặt có thể không hẳn đã bị tiêu hóa bởi những sinh vật có gương mặt – hoặc những sinh vật sợ những kẻ săn mồi có gương mặt. Một “cái que biết đi” là một giống côn trùng đặc biệt giả trang thành một cái que. Dĩ nhiên, nó có xu hướng sống trên và quanh cây cối. Việc bắt chước giống hệt thế giới thực vật của nó giúp nó thoát khỏi các loài chim và những sinh vật săn mồi khác, và đây gần như chắc chắn là lý do hình dạng của nó dần dần hình thành theo thuyết chọn lọc tự nhiên của Darwin. Những hình thức vượt ranh giới giữa các vương quốc sự sống như vậy khá đáng ngại. Một đứa trẻ nhìn thấy một con bọ que có thể dễ dàng tưởng tượng ra cả một đám que, cành và cây cối hành quân vì một mục đích đáng ngại nào đó.

Nhiều ví dụ kiểu này được mô tả và minh họa trong một cuốn sách năm 1979 có tên *Sự giống nhau tự nhiên* (Natural Likeness) của John Michell, một người Anh nhiệt thành ủng hộ thuật huyền bí. Ông xem xét rất nghiêm túc những tuyên bố của Richard Shaver, người, như mô tả bên dưới – đóng vai trò trong khởi nguồn của cơn sốt UFO tại Mỹ. Shaver cắt các tảng đá có tại nông trại Wisconsin của mình và phát hiện cả một lịch sử toàn diện của thế giới, được viết bằng một thứ ngôn ngữ hình tượng mà chỉ có ông mới có thể đọc được. Michell cũng chấp nhận giá trị bề ngoài những tuyên bố của kịch gia kiêm lý thuyết gia theo trường phái siêu thực Antonin Artaud, người mà một phần chịu ảnh hưởng của chất gây ảo giác, đã nhìn ra những hình ảnh khiêu dâm, một người đàn ông đang bị tra tấn, những con vật dữ tợn, và nhiều thứ khác, từ những hoa văn phía ngoài các tảng đá. “Toàn bộ cảnh quan thể hiện rằng,” Michell

nói, “nó là sự sáng tạo của một tư duy duy nhất.” Nhưng một câu hỏi then chốt đặt ra: Tư duy đó nằm bên trong hay bên ngoài cái đầu của Artaud? Artaud kết luận, và Michell tán đồng, rằng những hoa văn rành rành trên đá được tạo ra bởi một nền văn minh cổ, chứ không phải bởi trạng thái ý thức bị tác động ảo giác phần nào của Artaud. Khi Artaud từ Mexico trở lại Châu Âu, ông được chẩn đoán mắc chứng điên. Michell đã công khai chỉ trích “cách nhìn duy vật” soi xét những hình ảnh của Artaud với thái độ hoài nghi.

Michell cho chúng tôi xem một bức ảnh Mặt trời được chụp bằng ánh sáng X quang, trông hơi giống một gương mặt và báo với chúng tôi rằng “những tín đồ của Gurdjieff^[19] nhìn thấy gương mặt của Thầy mình” trong hào quang mặt trời. Có vô số những gương mặt trên cây cối, núi non, và đá tảng trên khắp thế giới đã được suy luận là sản phẩm của trí tuệ cổ đại. Có lẽ một số đúng là như vậy: Một trò đùa rất thực tiễn, hoặc một biểu tượng tôn giáo hấp dẫn, để tạo ra những câu chuyện để trông những khu vực ấy giống như một gương mặt khổng lồ khi nhìn từ xa.

Quan điểm cho rằng hầu hết những hình dạng này là những cấu trúc tự nhiên do các quá trình hình thành đá và tính đối xứng hai chiều của cây cối và động vật, cộng thêm một chút chọn lọc tự nhiên – tất cả được xử lý thông qua “máy lọc” rất thiên kiến do nhận thức của chúng ta – Michell mô tả là “chủ nghĩa duy vật” và một “ảo tưởng thế kỷ 19.” “Chịu tác động của những tín điều duy lý, thế giới quan của chúng ta u tối và hạn chế hơn tự nhiên.” Theo quy trình mà ông xem xét thì những mục đích của Tự nhiên không được tiết lộ.

Qua những hình ảnh mà ông đưa ra, Michell kết luận rằng

Sự bí ẩn của chúng vẫn chưa được giải đáp, một nguồn bất tận về những điều kỳ diệu, thích thú và nghiên cứu. Tất cả những gì chúng ta biết chắc là thiên nhiên tạo ra chúng và đồng thời cho chúng ta bộ máy để nhận thức chúng cùng với tư duy để hiểu rõ sức quyến rũ không cùng của chúng. Vì lợi ích và niềm vui to lớn nhất, chúng cần được xem như do thiên nhiên ban tặng, bằng con mắt trong trẻo, được làm sáng tỏ bằng những lý thuyết và định kiến, với tầm nhìn đa dạng, có sẵn trong tất cả chúng ta, giúp làm giàu và tôn cao cuộc sống loài người, chứ không phải bằng tầm nhìn đơn lẻ bị nhồi nhét của những kẻ ngu muội và ngoan cố.

Có lẽ, tuyên bố giả mạo nổi tiếng nhất về một hình ảnh kỳ lạ là tuyên bố liên quan đến những con kênh trên Sao Hỏa. Lần đầu tiên được nhìn thấy vào năm 1877, chúng được xác nhận bởi liên tiếp các nhà thiên văn học chuyên nghiệp tận tụy quan sát qua những kính thiên văn lớn trên khắp thế giới. Người ta đã nhận thấy có một mạng lưới những đường thẳng đơn và kép, đan chéo trên bề mặt Sao Hỏa và với độ đều đặn hình học kỳ lạ như vậy thì chúng chỉ có thể có nguồn gốc rất thông minh. Những kết luận mang tính gợi ý đã được rút ra nói về một hành tinh khô khan, nơi có một nền văn minh kỹ thuật lâu đời và thông thái hơn toàn tâm toàn ý vào việc bảo vệ các nguồn nước. Hàng trăm con kênh đã được lập bản đồ và đặt tên. Nhưng, thật kỳ lạ, chúng lại không hề xuất hiện trên các bức ảnh. Điều này gợi ra rằng mắt người có thể ghi lại độ trong suốt khí quyển hoàn hảo hiện ra trong những khoảnh khắc ngắn ngủi, trong khi các tấm ảnh không biết phân biệt lại ít ‘chớp’ được những cảnh sang rõ mà chủ yếu là những lúc mờ mờ. Một số nhà thiên văn nhìn thấy những con kênh. Nhiều người khác thì không. Có lẽ một số nhà quan sát có kỹ năng nhìn thấy các con kênh tốt hơn. Hoặc có lẽ toàn bộ việc này chỉ là một dạng ảo giác nhận thức nào đó.

Ý tưởng cho rằng Sao Hỏa là nơi chứa sự sống, cũng như sự thịnh hành của “người Hỏa tinh” trong văn chương giả tưởng, khởi phát từ những con kênh này. Chính tôi cũng từng mê mẩn dòng văn học này, và khi tôi là một chuyên gia thí nghiệm trên tàu du hành *Mariner 9* tới Sao Hỏa – tàu vũ trụ đầu tiên bay vòng quanh quỹ đạo của hành tinh đỏ – lẽ tự nhiên tôi rất háo hức muốn thấy tình hình thực tiễn như thế nào. Với các tàu *Mariner 9* và *Viking*, chúng ta có thể vẽ được bản đồ hành tinh này từ cực này tới tận cực kia, tìm ra những đặc điểm nhỏ hơn hàng trăm lần so với những đặc điểm rõ nét nhất có thể nhìn được từ Trái Đất. Tôi không lấy gì làm ngạc nhiên khi chẳng thấy một dấu vết nào của các con kênh cả. Cũng có một vài đặc điểm tuyến mà chúng ta đã nhận diện được qua kính viễn vọng – chẳng hạn, một thung lũng đứt gãy dài 5000 km rất dễ nhận ra. Nhưng hàng trăm kênh mương “kinh điển” vận chuyển nước từ các chỏm cực qua những hoang mạc khô cằn tới những thành phố vùng xích đạo khô nẻ thì không

hề tồn tại. Chúng đều chỉ là ảo ảnh, một hình thức sai chức năng kết hợp giữa tay-mắt-não của con người ở ngưỡng phân giải khi chúng ta nhìn qua một bầu khí quyển hỗn loạn và không ổn định.

Ngay cả các nhà khoa học chuyên nghiệp – kể cả những nhà thiên văn nổi tiếng đã có những phát hiện được xác nhận và được ca ngợi – cũng kế tiếp nhau phạm những sai lầm nghiêm trọng, thậm chí rất sâu sắc trong vấn đề nhận diện các hình ảnh. Đặc biệt, nếu những gì chúng ta nghĩ rằng mình đang nhìn thấy dường như có những hàm ý sâu đậm thì khi đó chúng ta không thể thực hiện tự phê bình và tự kiểm chế một cách thích đáng được. Giai thoại kênh mương Sao Hỏa chính là một câu chuyện mang tính cảnh báo rất quan trọng.

Với các con kênh, những tàu vũ trụ đã cung cấp phương tiện để đính chính lại những hiểu lầm của chúng ta. Nhưng đúng là từ quá trình thám hiểm bằng tàu vũ trụ này, cũng xuất hiện một số tuyên bố đầy ám ảnh về những hình ảnh bất ngờ. Trong những năm đầu thập niên 1960, tôi nhấn mạnh rằng chúng ta quá chú ý đến khả năng tìm ra những di vật của các nền văn minh cổ – hoặc là những thứ thuộc về một thế giới nhất định, hoặc là những thứ do các vị khách từ nơi khác đến kiến tạo nên. Tôi không ngờ rằng việc này sẽ dễ dàng hay có thể thực hiện được, và chắc chắn tôi không cho rằng có bất kỳ điều đáng để xem xét trừ phi có bằng chứng chắc chắn.

Bắt đầu từ báo cáo đầy tính khơi gợi của John Glenn về “những con đom đóm” bay quanh khoang không gian của mình, mỗi lần một phi hành gia báo cáo rằng nhìn thấy gì đó không hiểu ngay được, là lại có những người nghĩ ngay đến “người ngoài hành tinh.” Những cách giải thích đơn giản – những hạt sơn tróc khỏi thân tàu trong môi trường vũ trụ chẳng hạn – bị gạt bỏ với thái độ khinh thị. Sức quyến rũ của những điều kỳ lạ làm cho những khả năng phê bình của chúng ta cùn nhụt. (Cứ như thể việc một người trở thành một mặt trăng vẫn chưa đủ kỳ lạ).

Ở thời điểm có sự kiện tàu Apollo hạ cánh lên Mặt trăng, nhiều người không phải chuyên gia – những người sở hữu các kính viễn vọng loại nhỏ, những người cuồng tín về đĩa bay, những cây bút cho các tạp chí không gian vũ trụ – miệt mài nghiên cứu những tấm ảnh được gửi về để tìm kiếm những điểm dị thường mà các nhà khoa học và nhà du hành của NASA bỏ sót. Không lâu sau đó, có những báo cáo về các chữ cái Latin và số A-rập khổng lồ được khắc trên bề mặt Mặt trăng, rồi các kim tự tháp, đường cao tốc, chữ thập, các UFO rực rỡ. Người ta cũng nói đến các cây cầu trên Mặt trăng, rồi đến ăng ten vô tuyến, vết bánh xe của những phương tiện khổng lồ, và sự tàn phá bị bỏ lại bởi những cỗ máy có thể chẻ miệng núi lửa ra làm hai. Những mọi tuyên bố như thế này hóa ra đều là cấu trúc địa lý tự nhiên của Mặt trăng bị các nhà phân tích nghiệp dư đánh giá sai, hoặc do những phản xạ bên trong các mắt kính của các máy ảnh Hasselblad của phi hành gia, và những nguyên nhân tương tự. Một số người rất nhiệt thành còn nhận ra những cái bóng đồ dài của các tên lửa đạn đạo – những tên lửa của Liên Xô nhằm vào Mỹ. Nhưng những tên lửa này, còn được mô tả là “ngọn tháp”, hóa ra là những quả đồi thấp có bóng đồ dài khi Mặt trời ở gần đường chân trời của Mặt trăng. Một chút kiến thức lượng giác học cũng giúp xua tan ảo tưởng này.

Những trải nghiệm này cũng đưa ra một lời cảnh báo rõ ràng: Với một địa hình phức tạp được tạo hình bằng những quy trình mới lạ thì giới nghiệp dư (và đôi khi cả những người chuyên nghiệp) kiểm chứng các bức ảnh, đặc biệt là gần đến ngưỡng phân giải, có thể sẽ gặp rắc rối. Những hy vọng và sợ hãi của họ, tâm lý hưng phấn với việc có thể thực hiện những phát hiện quan trọng, có lẽ đã lấn át cách tiếp cận mang tính thận trọng và hoài nghi của khoa học.

Nếu chúng ta kiểm chứng những hình ảnh hiện có về bề mặt Sao Kim, có lúc ta sẽ nhìn thấy một dạng địa mạo rất lạ – lấy ví dụ, trông giống như một bức chân dung thô của Joseph Stalin do các nhà địa chất Mỹ phát hiện khi phân tích hình ảnh ra đa quỹ đạo của Liên Xô. Tôi kết luận, chẳng có ai thừa nhận rằng những người ủng hộ Stalin đã làm giả những đoạn băng từ, hoặc rằng Liên Xô trước đây nhúng tay vào các hoạt động kiến tạo với quy mô chưa từng có và chưa được tiết lộ cho đến nay trên bề mặt Sao Kim – nơi mọi tàu vũ trụ hạ cánh xuống đều bị thiêu cháy chỉ trong một hai tiếng. Quan điểm chính là đặc điểm này, cho dù nó là gì, là do địa chất. Sự thật cũng tương tự với những gì có vẻ là chân dung của nhân vật hoạt hình thỏ Bugs Bunny trên mặt trăng Ariel của Sao Thiên Vương. Một hình ảnh chụp dưới dạng cận hồng ngoại qua Kính Viễn vọng Không gian Hubble về mặt trăng Titan của Sao Thổ cho thấy những đám

mây hỗn độn tạo thành một gương mặt cười to bằng cả thế giới. Tất cả các nhà khoa học hành tinh đều có một ví dụ mà họ thích.

Ngành thiên văn học nghiên cứu Thiên hà cũng là có vô số những bức chân dung được chụp ảnh lại – chẳng hạn, Đầu ngựa (Horsehead), Eskimo, Con cú (Owl), Người lùn (Homunculus), Nhện đen Nam Âu (Tarantula), và Tinh vân Bắc Mỹ, tất cả đều là những đám mây khí và bụi hỗn độn, được chiếu sáng bởi các ngôi sao ở một quy mô khiến hệ mặt trời của chúng ta trở nên nhỏ xíu. Khi giới thiên văn lập bản đồ phân bố của các thiên hà trải rộng tới vài trăm triệu năm ánh sáng, họ nhận thấy bản thân mình đang phác họa ra một nhân dạng khá thô mộc được gọi là “Người que.” Hình thể ấy được hiểu là gì đó giống như những bong bóng xà phòng khổng lồ ở gần nhau, những thiên hà được hình thành trên bề mặt của những bong bóng ở gần nhau và gần như không có thiên hà nào ở phía bên trong. Điều này cho thấy nhiều khả năng là chúng sẽ hình thành lên một mô hình với độ đối xứng hai chiều trông như Người que.

Sao Hỏa ôn hòa hơn Sao Kim rất nhiều, mặc dù các tàu đổ bộ *Viking* không cung cấp bằng chứng thuyết phục nào về sự sống. Địa hình của nó cực kỳ hỗn tạp và đa dạng. Với 100.000 bức ảnh cận cảnh hiện có, không có gì lạ khi rất nhiều tuyên bố được đưa ra trong thời gian qua về điều gì đó bất thường trên Sao Hỏa. Chẳng hạn, có một “gương mặt hân hoan” rạn rở ở bên trong một miệng trũng hình thành do va chạm với bề ngang tới 8km trên Sao Hỏa, với một loạt dấu vết các mảnh vụn vương vãi xung quanh ở phía ngoài, làm cho nó trông như một Mặt trời đang mỉm cười vẫn thường được thể hiện. Nhưng không một ai nói rằng cấu trúc này được kiến tạo bởi một nền văn minh Sao Hỏa tiên tiến (và cực kỳ vui vẻ), có lẽ để thu hút sự chú ý của chúng ta. Chúng ta công nhận rằng, với những vật thể đủ mọi kích cỡ rơi từ trên trời xuống, với bề mặt trời lên, chìm xuống, và tự tái tạo sau mỗi va chạm, với các nhân tố xa xưa như nước, sỏi bùn hay hiện đại như cát dịch chuyển theo gió đang tác động đến phần bề mặt thì rất nhiều kiểu địa mạo được tạo ra. Nếu chúng ta xem xét kỹ 100.000 bức ảnh, không có gì lạ là thỉnh thoảng chúng ta sẽ bắt gặp chi tiết gì đó trông như một khuôn mặt. Với bộ não được lập trình để làm việc này ngay từ bé thì việc chúng ta không thể tìm ra một thứ như vậy ở đâu đó mới là điều lạ.

Một vài ngọn núi nhỏ trên Sao Hỏa trông giống các kim tự tháp. Tại cao nguyên Thiên đường (Elysium), có một nhóm núi như vậy – núi lớn nhất có chân rộng tới vài ki-lô-met – và tất cả đều theo một hướng. Có gì đó hơi kỳ quái liên quan đến những kim tự tháp này trong hoang mạc, gợi nhớ đến cao nguyên Gizeh ở Ai Cập, và tôi rất thích được kiểm chứng chúng kỹ hơn nữa. Nhưng liệu có hợp lý khi nói rằng có các pha-ra-ông Sao Hỏa không?

Những đặc điểm tương tự cũng được biết đến trên Trái Đất ở dạng thu nhỏ, đặc biệt tại Nam Cực. Một số rất gần các bạn. Nếu chúng ta không biết gì về chúng thì liệu có khách quan khi kết luận rằng chúng được tạo ra bởi những người Ai Cập sống ở hoang mạc Nam Cực không? (Giả thuyết không phù hợp lắm với những quan sát, nhưng rất nhiều điều khác mà chúng ta biết về môi trường vùng cực và sinh lý học của con người lại phản bác lại điều đó). Trên thực tế, chúng được tạo ra bởi quá trình bào mòn do gió – hàng loạt phân tử mịn bị những trận gió mạnh cuốn đi thối cùng một hướng và, qua nhiều năm, tác động những gì từng là gò đồi không đều nhau thành những kim tự tháp cân đối hoàn hảo. Chúng được gọi là những *dreikanter* (tam diện tháp), một từ trong tiếng Đức mang nghĩa ba mặt. Đây là trật tự được tạo ra từ hỗn độn nhờ những quá trình tự nhiên – điều chúng ta thường xuyên thấy trong Vũ trụ (chẳng hạn trong các thiên hà xoáy ốc quay tròn). Mỗi lần điều đó xảy ra, chúng ta lại háo hức suy luận ra sự can thiệp trực tiếp của một Đấng Sáng tạo nào đó.

Trên Sao Hỏa, có bằng chứng cho thấy gió còn dữ dội hơn ở bất kỳ nơi nào trên Trái Đất, có tốc độ đạt tới nửa tốc độ âm thanh. Những trận bão bụi ở quy mô cả hành tinh rất phổ biến – cuốn theo những hạt cát mịn. Qua nhiều thời đại tính theo thời gian địa lý, cả chuỗi liên tục nhiều phân tử di chuyển nhanh hơn trong bất kỳ trận bão nào ở Trái Đất sẽ tạo ra những thay đổi sâu sắc trên bề mặt đá và địa mạo. Không có gì quá lạ nếu một vài đặc điểm – thậm chí là những đặc điểm rất lớn – được những quá trình lưu thông gió gọt đẽo thành những hình dạng kim tự tháp mà chúng ta nhìn thấy.

Có một nơi trên Sao Hỏa gọi là Cydonia, nơi có một gương mặt đá rất lớn bề ngang tới 1km dăm dăm nhìn không chớp mắt lên trời. Đây là một gương mặt không lấy gì làm thân thiện,

nhưng lại là gương mặt giống người thấy rõ. Trong một số mô tả, nó có thể do Praxiteles[20] tạc lên. Nó nằm ở một khu vực cảnh quan nơi nhiều ngọn đồi thấp đã được bào thành các hình dạng kỳ lạ, có lẽ nhờ sự kết hợp nào đó giữa các suối bùn cổ và quá trình bào mòn do gió. Từ nhiều hố trứng va chạm, địa hình xung quanh trông như có độ tuổi ít nhất vài trăm triệu năm.

Thỉnh thoảng, “Gương mặt” lại thu hút sự chú ý, cả ở Hoa Kỳ lẫn ở Liên Xô trước đây. Báo *Weekly World News*, một tờ báo lá cải bày bán ở siêu thị không được ca ngợi về tính chính trực, số ra ngày 20 tháng 11 năm 1984 chạy hàng tít:

TUYÊN BỐ GÂY KINH NGAC CỦA GIỚI KHOA HỌC LIÊN XÔ: TÌM THẤY PHẪU TÍCH ĐỀN THỜ TRÊN SAO HỎA. TÀU THĂM DÒ VŨ TRỤ PHÁT HIỆN TÀN TÍCH CỦA NỀN VĂN MINH 50.000 NĂM

Những phát hiện ấy được gán cho một nguồn tin khuyết danh từ Liên Xô và mô tả rất gay cấn những phát hiện do một tàu vũ trụ không hề tồn tại của Liên Xô thực hiện.

Nhưng câu chuyện “Gương mặt” gần như hoàn toàn là một câu chuyện của Mỹ. Nó được một trong những tàu vũ trụ *Viking* bay theo quỹ đạo tìm ra năm 1976. Một quan chức phụ trách dự án đã bác bỏ điều này, cho rằng đây là một ‘trò đùa’ do ánh sáng và bóng tối tạo ra. Việc phủ nhận này đã dẫn tới lời quy kết sau đó rằng NASA đang cố che giấu một phát hiện của Thiên niên kỷ. Một số kỹ sư, chuyên gia máy tính và những người khác – một số trong đó là nhân viên hợp đồng của NASA – đã tự mày mò tìm cách làm rõ hình ảnh. Có lẽ họ hy vọng tìm ra những phát hiện ẩn tượng. Điều đó có thể chấp nhận được trong khoa học, thậm chí còn được khuyến khích – chừng nào các tiêu chí bằng chứng của bạn ở mức cao. Một số người trong nhóm này tỏ ra khá thận trọng và xứng đáng được tuyên dương vì đã thúc đẩy chủ đề này. Những người khác tỏ ra ít thận trọng hơn, không chỉ suy diễn rằng Gương mặt đó là tác phẩm điêu khắc cỡ lớn đích thực của một con người, mà còn tuyên bố đã tìm ra một thành phố ở gần đó với những đền thờ và pháo đài.[21] Từ những lý lẽ sai, một cây viết đã tuyên bố rằng những tượng đài này có một định hướng thiên văn đặc biệt – mặc dù không phải lúc này mà là nửa triệu năm trước – để từ đó các kỳ quan Cydonia được dựng lên vào cái thời kỳ xa xăm ấy. Nhưng như thế thì làm sao những người xây dựng lại có thể là con người được chứ? Nửa triệu năm trước, tổ tiên của chúng ta còn đang bận rộn với việc làm chủ các công cụ đá và lửa. Họ không có tàu vũ trụ.

Gương mặt trên Sao Hỏa được so sánh với “những gương mặt tương tự... được xây dựng trong những nền văn minh trên Trái Đất. Các gương mặt đều nhìn lên bầu trời bởi vì chúng nhìn lên Chúa trời.” Hoặc Gương mặt ấy được kiến tạo bởi những đối tượng còn sống sót sau một cuộc chiến tranh liên hành tinh và đã rời khỏi bề mặt Sao Hỏa (và Mặt trăng) bị tàn phá nam nhở. Vậy cái gì đã tạo ra những miệng trứng đó? Phải chăng Gương mặt là tàn tích còn sót lại của một nền văn minh con người đã tuyệt chủng từ lâu? Những người tạo ra nó có nguồn gốc từ Trái Đất hay Sao Hỏa? Liệu Gương mặt có phải được kiến tạo bởi những vị khách du hành giữa các vì sao đã dừng chân trên Sao Hỏa? Phải chăng nó được để lại để chúng ta phát hiện? Có thể họ cũng đã đến Trái Đất và khởi tạo cuộc sống ở đó chẳng? Hay ít nhất là cuộc sống của loài người? Phải chăng họ, cho dù họ là ai, là những vị thần? Rất nhiều suy đoán nhiệt thành đã được nêu lên.

Gần đây hơn, có những tuyên bố về một sự liên hệ giữa “các tượng đài” trên Sao Hỏa và “những vòng tròn ruộng lúa” trên Trái Đất; về những nguồn cung năng lượng vô tận đang đợi được khai thác từ các cỗ máy Hỏa tinh cổ xưa; và về một âm mưu của NASA nhằm che giấu sự thật không để công chúng Mỹ biết. Những tuyên bố như vậy không đơn thuần là những suy đoán khinh suất thuần túy về những địa mạo bí ẩn.

Vào tháng 8 năm 1993, khi tàu vũ trụ *Mars Observer* gặp sự cố ngay trong khi tiếp cận Sao Hỏa, đã có nhiều người buộc tội NASA dàn dựng sự cố để có thể nghiên cứu Gương mặt một cách chi tiết mà không phải công bố các hình ảnh ra công chúng. (Nếu đúng vậy, màn kịch này quá ư tình vi: Tất cả các chuyên gia về địa mạo Hỏa tinh đều chẳng biết gì về việc này, và một số người trong chúng ta đang phải rất nỗ lực thiết kế những tàu vũ trụ mới bay tới Sao Hỏa sao cho bớt nguy cơ gặp phải sự cố đã hủy hoại tàu *Mars Observer*). Thậm chí có cả người đứng biểu tình bên ngoài cổng Phòng Thí nghiệm Sức đẩy Phản lực, lên án điều mà họ cho là lạm quyền này.

Tờ báo lá cải *Weekly World News* số ngày 14 tháng 9 năm 1993 đã dành toàn bộ trang nhất cho tựa bài “Ảnh mới của NASA cho thấy có con người trên Sao Hỏa!” (New NASA Photo Proves Humans Lived on Mars!) Một gương mặt giả, được khẳng định là do tàu *Mars Observer* chụp từ quỹ đạo Sao Hỏa (thực tế, có vẻ tàu vũ trụ này đã hỏng từ trước khi đến được quỹ đạo), được một “nhà khoa học vũ trụ hàng đầu” không hề có thật tuyên bố chứng minh rằng người Hỏa tinh đã thuộc địa hóa Trái Đất từ 200.000 năm trước. Thông tin này bị im đi, theo lời ông ta, để ngăn “cơn hoảng loạn trên toàn thế giới.”

Hãy gạt bỏ câu chuyện đầu đầu cho rằng một phát hiện kiểu như vậy thực tế sẽ dẫn tới “cơn hoảng loạn trên toàn thế giới.” Với bất kỳ ai đã chứng kiến một phát hiện khoa học kỳ diệu đang hình thành – ta nhớ ngay tới vụ va chạm của sao chổi Shoemaker-Levy 9 với Sao Mộc vào tháng 7 năm 1994 – rõ ràng là các nhà khoa học có xu hướng rất sôi nổi và không hề giấu giếm. Họ có ham muốn không sao cưỡng được trong việc chia sẻ dữ liệu mới. Chỉ có thông qua thỏa thuận trước, không phải *ảnh hưởng bởi quá khứ*, các nhà khoa học mới thật sự phải tôn trọng bí mật quân sự. Tôi phản đối quan niệm cho rằng về mặt bản chất, khoa học mang tính bí mật. Đặc tính và văn hóa của khoa học, và vì lý do chính đáng, là tập thể, hợp tác và cởi mở.

Nếu chúng ta giới hạn mình trước những gì biết đến trên thực tế, và bỏ qua ngành công nghiệp báo lá cải chuyên tạo ra những phát hiện mang tính thời đại từ không khí thì chúng ta sẽ ở đâu đây? Khi chúng ta chỉ biết chút ít về Gương mặt, nó làm chúng ta sờn da gà. Khi chúng ta biết thêm chút nữa, thì bí ẩn nhanh chóng chìm lắng.

Sao Hỏa có một vùng bề mặt rộng gần 150 triệu ki-lô-mét vuông, tương đương diện tích đất liền trên Trái Đất. Khu vực có “nhân sư” Hỏa tinh ngự trị rộng khoảng 1 ki-lô-mét vuông. Liệu có phải là lạ lùng khi một diện tích chỉ bằng cỡ con tem bưu chính (tương đối) trong số 150 triệu trông như nhân tạo – đặc biệt nếu xét đến thiên hướng thích tìm kiếm các gương mặt từ khi mới lọt lòng của chúng ta? Khi chúng ta kiểm tra vô số những ngọn đồi, núi mặt bàn và những hình dạng bề mặt phức tạp khác ở xung quanh, chúng ta nhận ra rằng đặc điểm này nọ nán với nhiều đặc điểm chẳng hề giống gương mặt người tí nào. Tạo sao lại có sự giống như vậy? Phải chăng các kỹ sư Hỏa tinh cổ xưa chỉ kiến tạo lại ngọn núi này (chắc, có thể còn vài nơi khác nữa) và để nguyên những nơi khác không cải tiến bằng các công trình điêu khắc tượng đài? Hay chúng ta sẽ kết luận rằng những ngọn núi đồ sộ khác cũng được đẽo khắc thành hình dạng gương mặt, nhưng là những gương mặt khó hiểu hơn, không quen thuộc với con người trên Trái Đất?

Nếu chúng ta nghiên cứu hình ảnh nguyên gốc kỹ càng hơn, chúng ta thấy rằng “cái mũi” được bố trí rất có chiến lược – đặc điểm làm nổi bật ấn tượng của một gương mặt – trên thực tế là một đốm đen tương ứng với những dữ liệu bị mất trong quá trình truyền sóng vô tuyến từ Sao Hỏa tới Trái Đất. Hình ảnh rõ nét nhất của Gương mặt cho thấy một bên được Mặt trời chiếu sáng, còn bên kia thì tối đen. Sử dụng dữ liệu số hóa nguyên gốc, chúng ta có thể tăng độ tương phản ở phần tối. Khi làm như vậy, chúng ta thấy gì đó không hề giống gương mặt tí nào. Gương mặt chỉ còn là nửa gương mặt. Mặc dù chúng ta hồi hộp đến nín thở và tìm đập thành thích nhưng nhân sư Hỏa tinh đúng là rất tự nhiên – không phải nhân tạo, không hề giống với một gương mặt người. Có lẽ nó được kiến tạo bởi quá trình địa lý từ từ trải qua hàng triệu năm.

Nhưng có thể tôi nhầm. Rất khó biết chắc về một thế giới chúng ta quan sát được quá ít ỏi ở cự ly thật gần. Những đặc điểm này cần được chú ý kỹ hơn với độ phân giải cao hơn. Nhiều bức ảnh chi tiết hơn về “Gương mặt” chắc chắn sẽ giải quyết được những vấn đề về độ cân đối và giúp giải quyết cuộc tranh luận giữa địa chất học với điêu khắc tượng đài. Những miệng trứng va chạm tìm thấy trên hoặc gần Gương mặt có thể giải quyết câu hỏi về độ tuổi của nó. Trong trường hợp (không chắc theo quan điểm của tôi) các cấu trúc gần kề thật sự từng là một thành phố thì sự thật đó cũng rất cần được xem xét kỹ hơn. Liệu có các đường phố bị đứt gãy không? Có các lỗ châu mai trên “pháo đài” không? Các đền thờ kim tự tháp, [\[22\]](#) các tòa tháp, các đền thờ có cột chống, những thánh đường đồ sộ, những bức bích họa rộng lớn? Hay chỉ là những tảng đá?

Thậm chí nếu những tuyên bố này không có thực – như tôi nghĩ – chúng cũng rất đáng để

kiểm chứng. Không như hiện tượng UFO, ở đây chúng ta có cơ hội để làm một thử nghiệm dứt khoát. Kiểu giả thuyết này rất dễ giả mạo, một thuộc tính giúp nó dễ dàng xuất hiện trong lĩnh vực khoa học. Tôi hy vọng rằng những tàu thám hiểm của Nga và Mỹ trong tương lai tới Sao Hỏa, đặc biệt là các tàu bay quanh quỹ đạo với các máy ảnh truyền hình độ phân giải cao, sẽ đặc biệt cố gắng – cùng với hàng trăm sứ mệnh khoa học khác – quan sát gần hơn nữa các kim tự tháp và những gì một số người gọi là Gương mặt và thành phố.

Thậm chí nếu tất cả mọi người đều thấy rõ rằng những đặc điểm của Sao Hỏa chỉ là địa lý và không phải nhân tạo thì, tôi đoán chừng, những gương mặt đồ sộ trong vũ trụ (và những kỳ quan tương tự) sẽ không hề phai nhạt. Đã có những tờ báo siêu thị đưa tin về những gương mặt gần như giống hệt nhìn thấy từ Sao Kim tới Sao Hải Vương (nổi trong các đám mây?). Những “phát hiện” thường được gán cho tàu vũ trụ hư cấu của Nga và các nhà khoa học không gian tưởng tượng – dĩ nhiên điều này làm cho một người có óc hoài nghi thêm khó kiểm chứng được câu chuyện.

Một trong những tờ báo ủng hộ thuyết gương mặt trên Sao Hỏa tuyên bố

**TIN TỨC ĐỘT PHÁ MANG TẦM THẾ KỶ
BỊ NASA KIỂM DUYỆT
VÌ SỢ NHỮNG BIẾN ĐỘNG VÀ THẤT BẠI TÔN GIÁO.
PHÁT HIỆN PHÉ TÍCH LẠ LÙNG
CỔ XƯA TRÊN MẶT TRĂNG**

Một “thành phố rộng lớn, quy mô bằng cả bình nguyên Los Angeles, dày đặc những mái vòm kính đồ sộ, bị bỏ hoang từ hàng triệu năm trước, và bị phá hủy bởi các sao băng với tòa tháp khổng lồ cao tới 5 dặm, với khối lập phương khổng lồ một dặm vuông trên đỉnh” được “XÁC NHẬN” – trên Mặt trăng vốn đã được nghiên cứu rất kỹ lưỡng. Bằng chứng ư? Những bức ảnh do các tàu Apollo và người máy của NASA chụp nhưng bị chính phủ ‘dìm bót’ tầm quan trọng và tất cả các nhà khoa học về Mặt trăng không làm việc cho “chính phủ” bỏ sót trong nhiều thế kỷ.

Số báo *Weekly World News* số ra ngày 18 tháng 8 năm 1992 đưa tin một phát hiện của “một vệ tinh NASA bí mật” về “hàng nghìn, thậm chí có lẽ hàng triệu, giọng nói” bắt nguồn từ hố đen ở trung tâm thiên hà M51, tất cả cùng “hát đi hát lại ‘Vinh quang, vinh quang, vinh quang Chúa ở trên cao.’” Bằng tiếng Anh hân hoan. Thậm chí có hẳn một bài báo, được minh họa đầy đủ dù đen đặc, về một tàu thám dò vũ trụ đã chụp được hình ảnh Chúa, hoặc ít nhất là đôi mắt và sống mũi của ngài, xuất hiện ở Tinh vân Thiên Lang (Orion).

Tờ WWN số ra ngày 20 tháng 7 năm 1993 trưng ra một tiêu đề chữ khổ lớn tràn trang “Clinton gặp gỡ JFK!” cùng với một bức ảnh giả mạo mô tả Tổng thống John Kennedy già nua, lưng còng, vẫn bí mật sống sót sau âm mưu ám sát, ngồi trên một chiếc xe lăn ở Trại David. Ở nhiều trang bên trong tờ báo, chúng ta được nghe nói về một câu chuyện đáng quan tâm khác. Trong bài “Tiểu hành tinh ngày tận thế”, một tài liệu được cho là tối mật trích dẫn nguồn được cho là các nhà khoa học “hàng đầu” về cái được cho là một tiểu hành tinh (“M-167”) được cho là sẽ va vào Trái Đất vào ngày 11 tháng 11 năm 1993 và “có thể đồng nghĩa với sự chấm dứt sự sống trên Trái Đất.” Tổng thống Clinton được mô tả là đang “liên tục nghe thông báo về vị trí và tốc độ của tiểu hành tinh.” Có lẽ đây là một trong những vấn đề mà ông đã thảo luận trong cuộc gặp với Tổng thống Kennedy. Thực tế rằng Trái Đất tránh được thảm họa này thậm chí còn không hề xuất hiện trong một mẫu tin có tính hồi tưởng sau khi ngày 11 tháng 11 năm 1993 trôi qua êm đềm. Ít nhất thì phán đoán của tác giả bài viết không đề nặng trang nhất bằng tin tức về hồi kết của thế giới đã được chứng minh là đúng.

Một số người xem đây chỉ là một dạng trò vui. Tuy nhiên, chúng ta sống trong một thời đại khi một hiểm họa dài hạn có thật dựa trên thống kê về sự va chạm của một tiểu hành tinh với Trái Đất đã được xác định. (Môn khoa học thật sự này dĩ nhiên chính là nguồn cảm hứng, nếu nói cho đúng, của câu chuyện trên WWN). Các cơ quan chính phủ đang tìm hiểu xem nên làm gì với việc này. Những câu chuyện như thế này nhuốm đẫm chủ đề này với sự thoải phòng và vẻ kỳ bí, khiến cho công chúng càng khó nhận biết được những hiểm nguy thật sự từ những hư cấu

của báo lá cải, và có thể tin rằng sẽ cản trở khả năng của chúng ta trong việc thực hiện những bước phòng ngừa để giảm nhẹ hiểm nguy.

Các báo lá cải thường bị kiện – thường bởi các diễn viên khăng khăng phủ nhận việc họ đã có những hành động gây khó chịu – và những khoản tiền lớn đôi khi bị thay tay đổi chủ. Báo lá cải phải coi những vụ kiện cáo như vậy là một trong những khoản chi phí để tiến hành một hoạt động kinh doanh rất có lợi nhuận. Để tự vệ, họ thường nói rằng họ phó mặc tất cả cho các cây viết và không chịu trách nhiệm kiểm chứng sự thật về những gì họ xuất bản. Sal Ivone, biên tập viên quản lý của tờ *Weekly World News*, khi thảo luận về những câu chuyện ông ấy xuất bản, đã nói rằng “Theo tất cả những gì tôi biết, chúng có thể là sản phẩm của trí tưởng tượng. Nhưng vì chúng tôi là báo lá cải, chúng tôi không cần phải tự vấn mình về một câu chuyện.” Thói quen hoài nghi không giúp bán được báo. Các cây viết đã ly khai mảng báo lá cải mô tả về những buổi “sáng tạo” trong đó các cây bút và biên tập viên bịa ra những câu chuyện và tít bài từ đầu đến cuối, càng thái quá càng tốt.

Xét ở góc độ độc giả đông đảo của họ, phải chăng không có nhiều người tiếp nhận các câu chuyện theo đúng nội dung bề nổi, những người tin rằng báo lá cải “không thể” in ra những điều không hề có như vậy? Một số độc giả mà tôi trò chuyện nhấn mạnh rằng họ chỉ đọc những câu chuyện ấy để giải trí, giống như họ xem “vật nhau” trên truyền hình, rằng họ không hề tin, rằng cả người xuất bản lẫn độc giả đều hiểu các báo lá cải chỉ là những thứ kỳ quái chuyên khai thác chuyện nhố nhăng. Chúng đơn thuần tồn tại bên ngoài bất kỳ lĩnh vực nào chịu ràng buộc bởi những quy định về bằng chứng. Nhưng tôi lại thấy rằng thực tế có rất đông người Mỹ tin tưởng vào các báo lá cải.

Trong thập niên 1990, mảng báo lá cải mở rộng, hăm hở ăn tươi nuốt sống những mảng truyền thông khác. Báo, tạp chí, hay các chương trình truyền hình hoạt động theo những kiếm thức ngặt nghèo không bán chạy bằng những sản phẩm truyền thông với những tiêu chuẩn kém chân thật hơn. Chúng ta có thể thấy điều này ở thể hệ truyền hình lá cải mới đã được thừa nhận, và ngày càng tăng ở những gì được coi là các chương trình thời sự và thông tin.

Những bài báo như vậy vẫn tồn tại và phát triển mạnh vì chúng bán chạy. Và chúng bán chạy, theo tôi nghĩ, vì có nhiều người trong chúng ta rất thèm muốn được nếm trải cảm giác thay đổi trong cuộc sống buồn tẻ của mình, được sống lại cảm giác kỳ diệu mà chúng ta còn nhớ từ thời niên thiếu, và với một số ít câu chuyện, được tin – vào Ai đó cao niên hơn, hiểu biết hơn và thông thái hơn đang tìm kiếm chúng ta – thật sự là như vậy. Niềm tin rõ ràng không đủ cho nhiều người. Họ khao khát có bằng chứng, chứng cứ khoa học. Họ mong đợi sự xác nhận khoa học, nhưng lại không chịu chấp nhận những tiêu chí ngặt nghèo về chứng cứ giúp đem lại độ tin cậy cho xác nhận đó. Thật nhẹ người: Nghi ngờ bị xóa bỏ! Rồi, gánh nặng khó chịu của việc tìm kiếm chính bản thân mình sẽ được trút bỏ. Chúng ta lo lắng – và vì lý do chính đáng – về vấn đề tương lai con người sẽ ra sao nếu chúng ta chỉ biết dựa vào chính bản thân mình.

Đây là những phép màu hiện đại – được xác nhận một cách trơ tráo bởi những người nhào nặn ra chúng từ con số không, phớt lờ bất kỳ quy trình xem xét kỹ lưỡng và hoài nghi một cách chính thức nào, và rất sẵn có với chi phí thấp ở mọi siêu thị, cửa hàng tạp hóa và các cơ sở nhu yếu phẩm. Một trong những điểm tựa của báo lá cải là chúng tạo ra khoa học, thứ công cụ hoài nghi của chúng ta, xác nhận những tín hiệu xa xưa của chúng ta và tác động đến sự hội tụ của giả khoa học và giả tôn giáo.

Nhìn chung, tâm trí của giới khoa học luôn mở rộng khi khám phá những thế giới mới. Nếu chúng ta biết trước về những gì mình tìm thấy, sẽ chẳng cần phải đi tới nữa. Trong các điệp vụ tới Sao Hỏa hoặc tới những thế giới kỳ diệu khác trong tương lai, trong khu rừng vũ trụ mênh mông của chúng ta, những điều kỳ lạ – thậm chí một số còn đậm chất huyền thoại – là hoàn toàn có thể, thậm chí còn rất chắc chắn. Nhưng con người chúng ta luôn có năng khiếu đánh lừa chính mình. Thái độ hoài nghi phải là một thành phần trong bộ công cụ của nhà thám hiểm, hoặc chúng ta sẽ lạc đường. Ở ngoài kia có vô số những điều kỳ diệu mà không cần chúng ta phải phát minh gì.

Chương 4. NGƯỜI NGOÀI HÀNH TINH

“Thật sự, điều làm tôi tin không có cư dân nào trên thiên cầu này là ở chỗ, với tôi dường như không có sinh vật có tri giác nào lại sẵn lòng sống ở đây cả.”

“Chắc, đúng vậy!” Micromegas nói, “có lẽ những sinh vật sống ở đó không có tri giác nhạy bén.”

Một sinh vật lạ nói với sinh vật lạ khác, trên đường tiếp cận Trái Đất, trong *Micromegas: A Philosophical History* (1752) của Voltaire

Trời vẫn tối om. Bạn đang nằm trên giường, nhưng hoàn toàn thức giấc. Bạn phát hiện mình bị tê liệt. Bạn cảm thấy có ai đó trong phòng. Bạn cố gắng hét to lên. Nhưng không thể. Một vài sinh vật xám xám nhỏ bé, chỉ cao hơn 1m chút xíu, đang đứng dưới chân giường. Đầu của họ hình quả lê, trọc lóc, và quá lớn so với thân hình. Hai mắt của họ rất to, gương mặt vô cảm và giống hệt nhau. Họ mặc áo choàng và đi giày cao cổ. Bạn hy vọng đây chỉ là một giấc mơ. Nhưng bạn gần như có thể nói rằng chuyện này đang thật sự diễn ra. Họ nhắc bổng bạn lên và, thật kỳ lạ, họ và bạn cũng chui qua tường phòng ngủ của bạn. Bạn trôi lơ lửng trong không khí. Bạn bay dần lên cao về phía một con tàu vũ trụ hình đĩa bằng kim loại. Khi đã vào trong đó, bạn được đưa vào một phòng kiểm tra y tế. Một sinh vật to lớn hơn nhưng cũng y như vậy – chắc chắn là một bác sĩ – tiếp quản mọi việc. Những gì tiếp theo thậm chí còn kinh khủng hơn.

Cơ thể bạn được xem xét rất kỹ bằng cái loại dụng cụ và máy móc, đặc biệt là các cơ quan sinh dục của bạn. Nếu bạn là đàn ông, họ có thể lấy mẫu tinh trùng; nếu bạn là phụ nữ, họ có thể lấy trứng hoặc phôi thai, hoặc cấy tinh dịch. Họ có thể bắt bạn phải quan hệ tình dục. Sau đó, có thể bạn được dẫn tới một căn phòng khác, nơi những đứa trẻ hoặc bào thai, nửa người và nửa giống những sinh vật này, dăm dăm nhìn bạn. Bạn có thể được nhắc nhở về hành vi xấu của con người, đặc biệt là trong việc hủy hoại môi trường hoặc lan truyền đại dịch AIDS; những viễn cảnh về tình trạng tàn phá trong tương lai được đưa ra. Cuối cùng, những sứ thần xám xịt lạnh lùng này đưa bạn ra khỏi tàu vũ trụ và trở lại giường vẫn theo cách xuyên qua tường. Đến lúc bạn có thể cử động và nói được thì... học đã biến mất.

Có thể bạn không nhớ được biến cố này ngay. Thay vào đó, có thể bạn chỉ thấy một khoảng thời gian nào đó bị mất một cách khó hiểu, và cứ thắc mắc về điều đó. Vì tất cả mọi việc dường như rất kỳ quái cho nên bạn cũng hơi lo lắng về sự minh mẫn của mình. Lẽ tự nhiên, bạn thấy do dự khi kể về nó. Đồng thời, trải nghiệm này bất thường đến mức khó lòng hé lộ ra. Tất cả chỉ được công khai khi bạn nghe nói đến những trường hợp tương tự, hoặc khi bạn được thôi miên bởi một chuyên gia trị liệu bằng hình thức giao cảm, hoặc thậm chí khi bạn nhìn thấy một tấm ảnh “sinh vật lạ” trên một trong rất nhiều tờ tạp chí, sách phổ thông và các “chuyên đề” truyền hình về UFO. Một số người nói rằng họ có thể nhớ ra những trải nghiệm như thế từ thời niên thiếu. Họ nghĩ rằng con cái họ hiện nay bị sinh vật lạ bắt cóc. Việc này diễn ra trong các gia đình. Đó là một chương trình ưu sinh, họ nói vậy, nhằm cải thiện dự trữ nòi giống của loài người. Có lẽ các sinh vật lạ vẫn luôn làm việc này. Một số người nói rằng có lẽ đó chính là nguồn gốc con người xuất hiện.

Như minh chứng qua các cuộc thăm dò dư luận được tiến hành qua nhiều năm, hầu hết người Mỹ tin rằng chúng ta vẫn được viếng thăm bởi những sinh vật ngoài Trái Đất đến trong các UFO. Trong cuộc thăm dò của Roper năm 1992 đối với gần 6.000 người Mỹ trưởng thành – đặc biệt lại được ủy thác bởi những người chấp nhận câu chuyện bắt cóc của sinh vật lạ – có đến 18% nói rằng thỉnh thoảng tỉnh giấc trong trạng thái tê liệt, nhận thấy có một hoặc vài sinh vật lạ trong phòng. Khoảng 13% nói về những kịch bản lạ lùng liên quan đến một khoảng thời gian bị mất, và 10% nói đến chuyện bay lơ lửng trong không khí mà không có sự trợ giúp gì về máy móc. Căn cứ theo những kết quả này, các nhà tài trợ cho cuộc thăm dò kết luận rằng 2% người Mỹ đã từng bị bắt cóc, nhiều người bị bắt nhiều lần, bởi những sinh vật đến từ các thế giới khác. Câu hỏi liệu có đúng những người tham gia trả lời đã từng bị sinh vật lạ bắt cóc hay không thực tế chưa bao giờ được nêu ra với họ.

Nếu chúng ta tin vào kết luận của những người tài trợ và diễn giải các kết quả của cuộc thăm dò dư luận này, và nếu sinh vật lạ không phải là một phần cuộc sống của người Mỹ, thì con số

cho cả hành tinh này sẽ là hơn một trăm triệu người. Điều này có nghĩa là cứ vài giây lại xảy ra một vụ bắt cóc trong vài thập kỷ qua. Điều ngạc nhiên là rất nhiều hàng xóm láng giềng không hề hay biết.

Điều gì xảy ra ở đây? Khi bạn nói chuyện với những kẻ bắt cóc tự mô tả bản thân, hầu hết có vẻ rất chân thật, mặc dù bị ‘trói chặt’ trong những cảm xúc mãnh liệt. Một số thầy thuốc tâm thần từng khám cho họ nói rằng họ không tìm thấy bằng chứng về bệnh tâm thần ở những người này nhiều hơn so với những người còn lại trong chúng ta. Tại sao lại có ai đó nói rằng bị những sinh vật lạ bắt cóc nếu như điều đó chưa hề xảy ra? Phải chăng tất cả những người này đều sai lầm, hoặc nói dối, hoặc có ảo tưởng về cùng một câu chuyện (hoặc câu chuyện giống nhau)? Hay phải chăng sẽ là ngạo mạn và thậm chí là khinh khi nếu nghi ngờ tri giác của quá nhiều người như vậy?

Mặt khác, có thật sự đã có một cuộc xâm lược quy mô lớn của sinh vật lạ; có những phác đồ y tế khó chịu được tiến hành trên hàng triệu nam giới, phụ nữ và trẻ em vô tội; có những con người rõ ràng bị sử dụng như nguồn giống dự trữ trong nhiều thập kỷ – và tất cả những điều này không được biết một cách rộng rãi và được đề cập bởi truyền thông có trách nhiệm, các nhà vật lý, các nhà khoa học và các chính phủ từng tuyên thệ bảo vệ sinh mạng và sự bình yên cho các công dân của mình? Hay, như nhiều người gợi ý, phải chăng có một âm mưu lớn ở cấp chính phủ nhằm giấu giếm sự thật trước các công dân?

Tại sao những sinh vật tiến bộ đến vậy trong lĩnh vực vật lý và kỹ thuật – vượt qua được những khoảng cách rất xa giữa các vì sao, đi xuyên qua tường như những bóng ma – lại quá lạc hậu trong lĩnh vực sinh học? Nếu những sinh vật lạ đang tìm cách bí mật tiến hành công việc của họ thì tại sao họ lại không xóa toàn bộ ký ức về các vụ bắt cóc? Việc này quá khó thực hiện với họ chẳng? Tại sao những công cụ khám nghiệm lại vĩ mô và gợi nhớ đến những gì có thể tìm thấy tại các phòng mạch địa phương như vậy? Tại sao phải rắc rối với những vụ giao phối giữa sinh vật lạ và con người? Tại sao lại không đánh cắp vài tế bào trứng và tinh trùng, đọc bộ mã gen đầy đủ, và sau đó sản xuất ra thật nhiều bản sao tùy thích với bất kỳ biến đổi gen nào phù hợp với sức tưởng tượng? Thậm chí loài người chúng ta, vốn chưa thể vượt qua vũ trụ bao la hay đi xuyên tường, cũng có thể nhân bản vô tính các tế bào. Loài người sao có thể là kết quả của một chương trình lai giống xa lạ nếu như chúng ta có chung đến 99,6 phần trăm gen hoạt động với tinh tinh? Chúng ta gần gũi với tinh tinh hơn còn hơn cả chuột cống so với chuột nhắt. Mỗi quan tâm đến việc sinh sản trong những mô tả này phát lên một ngọn cờ cảnh báo – hãy đặc biệt cân nhắc sự cân bằng khó khăn giữa xung lực dục tính và ức chế xã hội vốn luôn tiêu biểu cho điều kiện của con người, và cả thực tế rằng chúng ta đang sống trong một thời kỳ đầy rẫy những câu chuyện rùng rợn, cả thật và giả, về tình trạng lạm dụng tình dục trẻ em.

Trái ngược với nhiều báo cáo của giới truyền thông,[\[23\]](#) những người tiến hành thăm dò ý kiến dư luận theo kiểu Roper[\[24\]](#) và những người viết báo cáo “chính thức” chưa bao giờ hỏi xem liệu có đúng là chủ thể của họ đã từng bị sinh vật lạ bắt cóc hay không. Họ tự suy diễn điều đó: Những người từng thức giấc và thấy những sinh vật lạ hiện diện xung quanh mình, những người dường như bay lơ lửng trong không trung, và những trường hợp tương tự, đều bị bắt cóc cả. Những người đi thăm dò ý kiến thậm chí còn không kiểm chứng xem liệu việc cảm nhận thấy có ai đó hiện diện, việc bay lơ lửng, v.v... là một phần trong các biến cố giống nhau hay tách bạch nhau. Kết luận của họ – rằng hàng triệu người Mỹ đã từng bị bắt cóc – không xác thực, dựa trên mẫu thử nghiệm rất cầu thả.

Nhưng ít nhất vẫn có hàng trăm, có lẽ hàng nghìn, người nói rằng họ từng bị bắt cóc, từng tìm kiếm các chuyên gia trị liệu theo hình thức giao cảm, hoặc tham gia vào các nhóm hỗ trợ những người bị bắt cóc. Nhiều người khác có thể có những vấn đề tương tự nhưng họ sợ bị chế cười hoặc mang tiếng mắc bệnh tâm thần nên không nói ra hoặc tìm kiếm sự giúp đỡ.

Một số người từng bị bắt cóc cũng nói rằng họ rất phân vân khi nói vì sợ thái độ gay gắt và phản bác của những người hoài nghi cực đoan (mặc dù nhiều người sẵn sàng xuất hiện trong các chương trình tọa đàm trên đài hoặc trên truyền hình). Sự thiếu tự tin của họ thậm chí còn lan tới cả cử tọa là những người đã tin vào các vụ bắt cóc của sinh vật lạ. Nhưng có lẽ còn một lý do khác: Bản thân các chủ thể cũng không dám chắc – ít nhất là lúc đầu, ít nhất là trước khi

nhiều người kể lại câu chuyện của mình – rằng liệu đó có phải là một sự kiện mà họ nhớ được hay chỉ là một trạng thái tâm lý?

“Một dấu hiệu không thể lầm lẫn của việc chuồng sự thật,” – John Locke viết vào năm 1690, “là không tin tưởng vào bất kỳ định đề nào nhiều hơn so với khả năng xác nhận của những bằng chứng làm cơ sở cho định đề đó.” Về vấn đề vật thể bay không xác định (UFO), bằng chứng thuyết phục đến mức nào?

Cụm từ “đĩa bay” xuất hiện khi tôi bước vào bậc trung học. Báo chí đầy rẫy các câu chuyện về những con tàu đến từ không gian bao la ngoài Trái Đất. Điều đó với tôi có vẻ hoàn toàn đáng tin cậy. Có rất nhiều vì sao khác, ít nhất một vài nơi trong số đó có thể có các hệ hành tinh như của chúng ta. Nhiều vì sao có độ tuổi ngang bằng hoặc thậm chí còn hơn cả Mặt Trời, cho nên có đủ thời gian để sự sống thông minh phát triển. Thời kỳ đó, Phòng thí nghiệm Sức đẩy Phản lực Caltech vừa phóng một tên lửa hai giai đoạn lên bầu khí quyển Trái Đất. Rõ ràng, chúng ta đang trên đường tới Mặt Trăng và các hành tinh. Tại sao những sinh vật khác, tồn tại lâu hơn, thông minh hơn, lại không thể đi từ ngôi sao của họ tới chỗ chúng ta chứ? Sao lại không?

Giai đoạn này chỉ mới vài năm sau vụ ném bom xuống Hiroshima và Nagasaki. Có lẽ những chủ nhân của các UFO rất lo ngại cho chúng ta và tìm cách giúp chúng ta. Hoặc có lẽ họ muốn bảo đảm rằng chúng ta và vũ khí nguyên tử của chúng ta không thể tìm tới và làm phiền họ. Nhiều người dường như đã nhìn thấy đĩa bay – trong số đó có cả những nhân vật trụ cột trong cộng đồng, các sĩ quan cảnh sát, phi công lái máy bay thương mại, binh sĩ. Và ngoài một vài ý kiến cười cợt và bĩ bác, tôi không thể tìm thấy bất kỳ lý lẽ phản bác nào. Làm sao tất cả các nhân chứng này có thể cùng nhầm lẫn chứ? Thêm nữa, các đĩa bay cũng được phát hiện trên ra đa, và hình ảnh của chúng cũng đã được chụp lại. Quý vị có thể thấy những tấm ảnh trên báo và các tạp chí. Thậm chí còn có cả những bài viết về các đĩa bay bị rơi với những xác sinh vật lạ nhỏ thó đang được lưu giữ trong các hầm ướp lạnh của Không lực ở miền Tây Nam.

Vài năm sau đó, xu thế chung nổi bật lúc ấy được tổng kết lại trong tạp chí *Life* bằng những lời lẽ này: “Khoa học hiện nay không thể giải thích những đối tượng này là các hiện tượng tự nhiên – mà chỉ có thể là những thiết bị nhân tạo, được tạo ra và vận hành bởi một trí tuệ siêu việt.” Không có thứ gì “từng được biết hoặc tạo ra trên Trái Đất này có thể giải thích được cho hoạt động của những thiết bị này.”

Và không có một người lớn nào mà tôi biết tỏ ra ám ảnh với UFO. Tôi không thể đoán ra tại sao lại như vậy. Thay vào đó, họ quan tâm đến Trung Hoa Cộng sản, vũ khí hạt nhân, chủ nghĩa McCarthy, và tiền thuê nhà. Tôi tự hỏi liệu họ có quyết định đúng những gì là quan trọng với họ không.

Vào đại học, khoảng đầu những năm 1950, tôi bắt đầu học chút ít về khoa học vận hành ra sao, những bí mật thành công lớn lao của nó, các tiêu chuẩn bằng chứng phải khắt khe như thế nào nếu chúng ta thực sự biết điều gì đó là sự thật, có bao nhiêu khởi đầu sai lầm và kết cục bế tắc đã ám ảnh tư duy con người, những thiên kiến của chúng ta có thể ảnh hưởng đến cách ta diễn giải bằng chứng như thế nào, và các hệ thống niềm tin vẫn được các hệ thống chính trị, tôn giáo và học thuật ủng hộ và tôn vinh một cách rộng rãi hóa ra lại thường xuyên rất sai lầm chứ không phải chỉ sai chút ít.

Tôi tìm được một cuốn sách có nhan đề *Những ảo tưởng phổ biến phi thường và sự điên rồ của đám đông* (Extraordinary Popular Delusions and the Madness of Crowds), của tác giả Charles Mackay viết năm 1841, và hiện vẫn được in ấn. Trong sách, có thể tìm thấy nhiều câu chuyện về các cơn cuồng loạn kinh tế kiểu bùng nổ rồi vỡ bong bóng, kể cả các “Bong bóng” Mississippi và South Sea hay hiện tượng sốt hoa tulip Hà Lan,^[25] những phi vụ lừa bịp đám người giàu có và danh vọng của nhiều quốc gia. Trong đó, có cả đám những nhà giả kim, kể cả câu chuyện thẩm thía về ông Kelly và Bác sĩ Dee (cùng với cậu con trai 8 tuổi của Dee là Arthur, rất ấn tượng với khả năng của cha mình trong việc giao tiếp với thế giới linh hồn bằng cách nhìn vào một quả cầu thủy tinh); những đoạn mô tả rất đau buồn về phép tiên tri, bói toán và dự báo bất thành; tình trạng khủng bố đối với giới phù thủy; những ngôi nhà bị ma ám; “sự ngưỡng mộ của dân chúng dành cho những tên trộm vĩ đại”; và nhiều điều khác. Được khắc

họa rất hấp dẫn là Bá tước St. Germain, người được cho sống thọ hàng trăm tuổi nếu không nói là bất tử. (Khi, trong bữa tối, thái độ ngờ vực được thể hiện trong chi tiết ông ấy kể lại cuộc trò chuyện với Richard Sư tử Tâm, ông quay sang người hầu của mình để xác thực. “Ngài quên rồi, thưa ngài,” người hầu trả lời, “tôi chỉ mới phục vụ ngài 500 năm thôi ạ.” “À, đúng,” St. Germain nói, “có hơi trước thời gian của anh thật.”

Một chương đầy hấp dẫn về các cuộc Thập tự chinh bắt đầu

Mọi thời đại đều có chuyện điên rồ riêng của nó; một kế hoạch, dự án, hay ý tưởng kỳ cục nào đó đeo đẳng lấy nó, được kích thích bằng ham muốn lợi lộc, nhu cầu nhiệt náo, hoặc chỉ là ham muốn bất chước. Sa vào những điều này, sẽ có tình trạng cuồng loạn, được kích thích bởi những nguyên nhân chính trị hoặc tôn giáo, hoặc kết hợp cả hai.

Bản in tôi đọc đầu tiên có một câu trích dẫn từ Bernard M. Baruch, nhà tài phiệt kiêm cố vấn cho nhiều đời tổng thống, tuyên bố rằng nhờ đọc Mackay mà ông có được hàng triệu bạc.

Đã có một lịch sử rất dài về những tuyên bố không đúng rằng từ tính có khả năng chữa bệnh. Chẳng hạn, Paracelsus sử dụng một nam châm để hút bệnh tật ra khỏi cơ thể con người và thải vào Trái Đất. Nhưng nhân vật chủ chốt phải là Franz Mesmer. Đại khái tôi hiểu từ “mesmerize” có nghĩa là gì đó giống như thôi mien. Nhưng kiến thức thực sự đầu tiên của tôi về Mesmer lại có được từ Mackay. Thầy thuốc ở thành Vienne này nghĩ rằng vị trí của các hành tinh có ảnh hưởng đến sức khỏe con người, và nắm bắt được qua những điều kỳ diệu của điện và từ tính. Ông mua vui cho giới quý tộc Pháp đang hồi suy đồi ngay đêm trước khi nổ ra cuộc Cách mạng Pháp. Họ tụ tập trong một căn phòng tối. Khoác trên người chiếc áo bào lụa trang trí hoa bằng vàng và vung vẩy một cây đũa ngà, Mesmer vạch những dấu hiệu của mình xung quanh một cái thùng chứa a xít sulfuric loãng. Bậc thầy Nam châm cùng các cộng sự nam trẻ tuổi của mình nhìn xoáy vào mắt bệnh nhân của họ, và xoa bóp cơ thể họ. Họ nắm chặt những thanh sắt nhúng vào dung dịch hoặc cầm tay nhau. Trong trạng thái mê loạn có sức lây lan, đám quý tộc – đặc biệt là những phụ nữ trẻ – đã được chữa bệnh xong.

Mesmer trở thành nhân vật khiến quần chúng xúc động. Ông gọi đó là “từ tính động vật.” Mặc dù vậy, với một thầy thuốc theo phương pháp thông thường, cách này không lợi cho kinh doanh, cho nên các thầy thuốc Pháp gây sức ép đòi Vua Louis XVI phải đàn áp. Họ nói rằng, Mesmer là một mối đe dọa cho sức khỏe công chúng. Một hội đồng được Viện Khoa học Pháp bổ nhiệm, trong đó có cả nhà hóa học tiên phong Antoine Lavoisier, và nhà ngoại giao kiêm chuyên gia về điện người Mỹ, Benjamin Franklin. Họ tiến hành thí nghiệm kiểm soát: Khi các tác dụng từ tính được triển khai mà không có sự nhận biết của bệnh nhân thì không hề chữa trị được gì hết. Hội đồng kết luận rằng, kết quả chữa trị, nếu có, đều nằm trong suy nghĩ của khán giả mà thôi. Mesmer và các tín đồ của mình không hề nao núng. Một trong số họ sau này thúc đẩy quan điểm dưới đây về tư duy:

Hãy quên toàn bộ kiến thức vật lý của quý vị trong chốc lát... Hãy vứt bỏ khỏi tư duy của mình tất cả những phản kháng có thể xảy ra... Đừng tranh luận trong vòng sáu tuần... Hãy thật tin tưởng, thật kiên nhẫn; gạt bỏ hết kinh nghiệm quá khứ, và đừng lắng nghe lý trí.

Ồ, vâng, còn một lời khuyên cuối cùng nữa: “Đừng từ hóa trước những kẻ tọc mạch.”

Một thứ nữa làm cho ta tỉnh ngộ là cuốn *Mất nhất thời và những nguy hiểm nhân danh khoa học* (Fads and Fallacies in the Name of Science) của Martin Gardner. Ở đây có nói đến Wilhelm Reich khám phá ra chìa khóa về cấu trúc các thiên hà ngay bên trong năng lượng của trạng thái cực khoái; Andrew Crosse tạo ra các loại côn trùng siêu nhỏ từ muối bằng phương pháp điện năng; Hans Horbiger với sự bảo trợ của chế độ Quốc xã tuyên bố rằng Ngân hà không phải cấu thành từ các vì sao, mà là những nắm tuyết; Charles Piazzi Smyth phát hiện từ các chiều của Đại Kim tự tháp Gizeh một bảng niên đại thế giới từ giai đoạn Sáng tạo tới lần trở lại của Chúa lúc phán quyết cuối cùng; L. Ron Hubbard viết một bản thảo có thể khiến người đọc phát điên (Tôi tự hỏi điều này đã được chứng minh chưa?); trường hợp Bridey Murphy, dẫn dắt hàng triệu người tới kết luận rằng rốt cuộc có bằng chứng nghiêm túc về sự đầu thai; “những minh chứng” của Joseph Rhine về tri giác ngoại cảm (ESP – extra-sensory perception); bệnh viêm ruột thừa được chữa chạy bằng biện pháp thụt nước lạnh, các bệnh do vi khuẩn thì chữa bằng các ống đồng, còn bệnh lậu thì bằng ánh sáng màu lục – và trong tất cả những câu chuyện tự

huyền hoặc và bí bợm này, tôi ngạc nhiên thấy có một chương nói về UFO.

Dĩ nhiên, đơn thuần bằng việc viết những cuốn sách ghi lại những niềm tin không xác thực, Mackay và Gardner có phần tỏ ra trịch thượng và ngiệt ngã. Chẳng nhẽ họ không chấp nhận điều gì? Nhưng thật ngạc nhiên là biết bao nhiêu tuyên bố được tranh luận và bảo vệ một cách say sưa về tri thức rốt cuộc lại chẳng có ý nghĩa gì cả. Dần dần tôi hiểu rằng sự sai lầm của con người là điều tất yếu và có thể có cách giải thích khác cho những chiếc đĩa biết bay.

Ngay từ thời còn nhỏ, từ rất lâu trước khi tôi nghe nói đến các đĩa bay, tôi đã quan tâm đến khả năng về sự sống ngoài vũ trụ. Tôi vẫn thích thú với chủ đề này khá lâu sau khi nhiệt huyết ban đầu của tôi dành cho UFO phai nhạt – khi tôi hiểu hơn về những gì mà tay đốc công tàn nhẫn gọi là phương pháp khoa học: Mọi thứ xoay quanh vấn đề bằng chứng. Với một câu hỏi quan trọng đến vậy, bằng chứng phải rất chặt chẽ. Chúng ta càng muốn nó đúng thì chúng ta càng phải thận trọng. Chưa có tuyên bố của nhân chứng nào đủ mạnh cả. Người ta thường mắc sai lầm. Người ta vẫn diễn những trò đùa để mua vui. Người ta thối phờng sự thật vì tiền hoặc để gây chú ý hay mua danh. Người ta đôi khi lại hiểu nhầm những gì họ nhìn thấy. Người ta nhiều lúc thậm chí còn nhìn thấy những thứ không hề hiện diện ở đó.

Về cơ bản, tất cả các trường hợp UFO đều chỉ là giai thoại, một điều gì đó được quả quyết như vậy. UFO được mô tả rất khác nhau tùy từng trường hợp là chuyển động hoặc bay lượn rất nhanh; hình đĩa, hình điệu xì gà, hoặc hình quả cầu; chuyển động im lặng hoặc gây ồn; thả ra cột lửa dữ dội, hoặc không hề thả ra gì cả; kèm theo những ánh đèn nhấp nháy, hoặc phát sáng đồng một màu bạc, hoặc tự phát sáng. Tính chất phong phú của những trường hợp quan sát được cho thấy rằng chúng không hề có chung nguồn gốc, và rằng việc sử dụng những thuật ngữ như UFO hoặc “đĩa bay” chỉ gây nhầm lẫn cho vấn đề này bằng việc gộp chung một loạt hiện tượng chẳng liên quan gì đến nhau.

Có gì đó hơi kỳ quặc trong việc phát minh ra cụm từ “đĩa bay.” Khi tôi viết chương sách này, tôi để trước mặt mình phần văn bản ghi lại một cuộc phỏng vấn vào ngày 7 tháng 4 năm 1950 giữa Edward R. Murrow, nhà báo nổi tiếng của hãng CBS, và Kenneth Arnold, một phi công dân sự từng nhìn thấy gì đó rất lạ thường ở gần Núi Rainier thuộc bang Washington vào ngày 24 tháng 6 năm 1947 và là người nghĩ ra cụm từ trên. Arnold khẳng định rằng báo chí

Không trích dẫn đúng lời tôi... Khi tôi nói với báo giới họ đã trích dẫn sai lời tôi, và trong trạng thái phẫn khích, lần lượt các báo đều dẫn theo cho tới khi không ai biết chính xác họ nói gì nữa... Những vật thể này ít nhiều chao đảo giống như những con thuyền trên mặt nước nổi sóng... Và khi tôi mô tả cách chúng bay lượn, tôi nói rằng chúng bay giống như người ta vớ lấy một cái đĩa và lia nó ngang qua mặt nước. Hầu hết các báo đều hiểu sai và trích dẫn sai câu này. Họ nói rằng tôi nói là chúng giống như những cái đĩa; tôi nói rằng chúng bay giống như cái đĩa.

Arnold nghĩ ông đã nhìn thấy một loạt chín vật thể, một trong số đó tạo ra một “luồng sáng lam tuyết đẹp.” Ông kết luận đó là một loại máy bay có cánh mới. Murrow tổng kết: “Đó là một trích dẫn sai lệch mang tính lịch sử. Trong khi cách giải thích nguyên gốc của ông Arnold bị người ta quên lãng thì thuật ngữ “đĩa bay” lại trở thành một từ cửa miệng.” Những chiếc đĩa bay của Kenneth Arnold trông và vận hành hoàn toàn khác với những gì mà chỉ vài năm sau sẽ được nêu rõ trong cách hiểu của công chúng về thuật ngữ này: Một thứ gì đó giống như một chiếc đĩa nhẹ rất lớn và di chuyển nhanh.

Hầu hết mọi người đều báo cáo trung thực những gì họ nhìn thấy, nhưng những gì họ thấy là các hiện tượng tự nhiên, nếu không quen thuộc lắm. Một số trường hợp nhìn thấy UFO hóa ra chỉ là những chiếc máy bay mới mẻ, những máy bay thông thường với kiểu bố trí đèn khác lạ, những khinh khí cầu ở tầng cao, những loài côn trùng phát sáng, những hành tinh nhìn trong các điều kiện khí quyển khác lạ, những ảo ảnh thị giác và những đám mây hình hạt đậu hiện ra lờng lờng, sét hòn, ảo nhật, sao băng kể cả những quả cầu lửa màu lục, và các vệ tinh, đầu nhọn của tên lửa, và bộ phận tăng thể đạn đạo đang bay trong khí quyển.^[26] Có thể tin rằng, một số ít có lẽ là những sao chổi nhỏ đang tan biến ở tầng trên của khí quyển. Ít nhất một số báo cáo của các máy ra đa là do “truyền âm bất thường” – các sóng vô tuyến đi theo những đường cong do hiện tượng nghịch chuyển nhiệt độ khí quyển. Theo truyền thống, chúng được gọi là các

“thiên thần” ra đa – một thứ gì đó dường như hiện diện nhưng lại không có. Quý vị có thể gặp phải những trường hợp quan sát bằng mắt hoặc ra đa đồng thời mà không hề có bất kỳ thứ gì “ở đó” cả.

Khi chúng ta chú ý đến gì đó lạ lùng trên bầu trời, một số người trong chúng ta trở thành những nhân chứng tồi, dễ phẫn khích và không còn khả năng phê phán. Đã từng có nghi ngờ rằng lĩnh vực này thu hút đám lừa đảo và lừa bịp. Nhiều bức ảnh chụp UFO hóa ra là giả mạo – những mô hình thu nhỏ được treo lên bằng những sợi dây mỏng manh, thường được chụp bằng một kiểu phơi sáng kép. Một UFO được hàng nghìn người nhìn thấy trong một trận bóng đá hóa ra là trò đùa của đám nam sinh viên – một mảnh bìa cứng, vài cây nến, và một cái túi nylon mỏng, tất cả được phối hợp lại để tạo thành một khinh khí cầu khí nóng rất thô sơ.

Tài liệu về chiếc đĩa bay bị rơi nguyên gốc (với những người ngoài hành tinh nhỏ bé và bộ răng hoàn hảo của họ) hóa ra là một trò lừa đảo. Frank Scully, cây viết của tờ *Variety*, sáng tạo một câu chuyện do một người bạn làm nghề bán dầu kể lại; nó đóng vai trò trung tâm trong cuốn sách ăn khách viết năm 1950 của Scully có nhan đề *Phía sau những chiếc đĩa bay* (Behind the Flying Saucers). Mười sáu sinh vật lạ đã chết đến từ Sao Thủy, mỗi sinh vật cao khoảng 1m, đã được tìm thấy bên trong một trong ba chiếc đĩa bay bị rơi. Người ta thu hồi được những cuốn sổ tay với các đồ hình lạ lùng. Giới quân sự đang giữ kín những thứ này. Hàm ý đưa ra rất sâu sắc.

Những kẻ đánh lừa là Silas Newton, người cho biết đã sử dụng sóng vô tuyến để tìm kiếm vàng và dầu, và một vị “Tiến sĩ Gee” bí ẩn mà sau này hóa ra là một ông GeBauer. Newton chế tạo một bánh răng từ cỗ máy UFO và trưng ra những tấm ảnh đĩa bay cận cảnh. Nhưng ông ấy không cho phép thẩm định. Khi một người có thái độ hoài nghi, bằng trò ảo thuật tay, đánh tráo bánh răng và gửi thứ này đi phân tích, hóa ra nó được làm bằng nhôm nồi nấu.

Âm mưu đĩa bay rơi là này là một “giao thời” nho nhỏ trong cả một phần tư thế kỷ toàn những trò lừa gạt do Newton và GeBauer dàn dựng – chủ yếu bán những hợp đồng dầu vô giá trị và những loại máy móc thăm dò. Năm 1952, họ bị FBI bắt giữ, và năm sau bị kết tội lạm dụng tín nhiệm. Những “kỳ tích” của họ – được nhà sử học Curtis Peebles ghi chép lại – sẽ khiến cho những tin đồn UFO phải thận trọng với những câu chuyện đĩa bay rơi từ vùng Tây Nam nước Mỹ khoảng năm 1950. Không như ta tưởng đâu.

Ngày 4 tháng 10 năm 1957, tàu *Sputnik 1*, vệ tinh nhân tạo quay quanh quỹ đạo Trái Đất đầu tiên, được phóng lên. Trong số 1.178 trường hợp nhìn thấy đĩa bay tại Mỹ vào năm đó, có 701 vụ, hoặc 60% – chứ không phải 25% như quý vị nghĩ – xảy ra trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12. Hàm ẩn rõ ràng chính là do vệ tinh Sputnik và việc thông tin về nó đã tạo ra những báo cáo về UFO. Có lẽ người ta nhìn bầu trời đêm nhiều hơn, và nhìn thấy nhiều hiện tượng tự nhiên hơn mà họ không hiểu. Hoặc có thể là họ nhìn lên nhiều hơn và thấy nhiều tàu vũ trụ lạ vẫn luôn hiện diện trên đó chẳng?

Ý tưởng đĩa bay có những tiền lệ đáng ngờ, từ một vụ lừa đảo có chủ định với tiêu đề *Tôi nhớ Lemuria!*, do Richard Shaver viết, được xuất bản vào số tháng 3 năm 1945 của tạp chí khoa học giật gân *Amazing Stories*. Đó đúng là một thể loại mà tôi nghiên cứu ngẫu nhiên khi còn là một đứa trẻ. Tôi đọc được rằng, sinh vật lạ ngoài vũ trụ cư trú tại những lục địa bị mất từ 150.000 năm trước, dẫn tới sự xuất hiện của một chủng tộc những sinh vật sống ngầm trong lòng đất có tài xuất quỷ nhập thần chịu trách nhiệm về những nỗi khổ cực của loài người và sự tồn tại của quỷ dữ. Thậm chí trước cả khi Arnold nhìn thấy đĩa bay, chủ biên của tạp chí, Ray Palmer – chỉ cao khoảng 1,2m, y như những sinh vật sống ngầm trong lòng đất mà ông đã nói đến – đã thúc đẩy ý tưởng cho rằng Trái Đất đã từng được viếng thăm bởi con tàu vũ trụ xa lạ hình đĩa và rằng chính phủ đang giấu kín thông tin về nó. Chỉ từ những bìa tạp chí như vậy, hàng triệu người Mỹ đã tiêm nhiễm cái ý tưởng về các đĩa bay trước cả khi thuật ngữ này ra đời.

Nhìn chung, những gì được cho là bằng chứng dường như rất mỏng manh – hầu hết thường biến hóa thành tâm lý cả tin, sự lừa gạt, ảo giác, thực trạng hiểu sai về thế giới tự nhiên, những hy vọng và sợ hãi đối峙 chứng cứ, và thói hám danh, tiền tài hoặc muốn gây chú ý. Tôi nhớ mình đã nghĩ rằng, thật quá tệ.

Kể từ đó, tôi đủ may mắn để được tham gia vào việc phá vỡ những con tàu vũ trụ tới các hành

tin khác nhằm tìm kiếm sự sống, và lắng nghe các tín hiệu vô tuyến có thể có phát đi từ những nền văn minh xa lạ, nếu có, trên các hành tinh xa xôi. Chúng ta đã có một vài thời điểm như true người. Nhưng nếu những tín hiệu đáng ngờ không phải luôn sẵn có để cho những người có thái độ hoài nghi nhận biết được thì chúng ta không thể gọi đó là bằng chứng về sự sống ở ngoài vũ trụ được – cho dù chúng ta thấy ý tưởng này hấp dẫn đến đâu đi chăng nữa. Chúng ta sẽ chỉ còn biết chờ đợi cho tới khi có được những dữ liệu tốt hơn, nếu như đến một lúc như vậy. Chúng ta chưa tìm thấy bằng chứng thuyết phục về sự sống bên ngoài Trái Đất. Chúng ta chỉ mới ở giai đoạn rất sơ khai của công cuộc tìm kiếm mà thôi. Những thông tin mới mẻ và xác thực hơn có thể sẽ xuất hiện vào ngày mai, cho tất cả chúng ta cùng biết.

Tôi không nghĩ có ai đó có thể còn quan tâm hơn cả tôi đến việc liệu có phải chúng ta vẫn được khách lạ viếng thăm không. Điều đó sẽ tiết kiệm cho tôi rất nhiều thời gian và nỗ lực nhằm nghiên cứu về sự sống ngoài vũ trụ một cách trực tiếp và ở ngay gần đầu đây, thay vì gián tiếp và ở khoảng cách xa xôi diệu vợi. Thậm chí nếu sinh vật là rất nhỏ bé, khắc khổ, và bị ám ảnh về mặt tình dục – nhưng nếu họ ở đây, tôi vẫn muốn biết về họ.

Những kỳ vọng của chúng ta về “các sinh vật lạ” mới khiêm nhường làm sao, và các tiêu chí bằng chứng mà nhiều người trong chúng ta sẵn sàng chấp nhận có thể tìm được trong trường thiên tiểu thuyết về những vòng tròn trên cánh đồng mới giả tạo làm sao. Nó khởi nguồn từ Anh quốc và lan ra khắp thế giới như một điều gì đó không chỉ là lạ lùng mà thôi.

Những người nông dân hoặc khách bộ hành đã phát hiện ra những vòng tròn (và, ở những năm sau, nhiều đồ hình phức tạp hơn) in rõ trên những cánh đồng lúa mì, yến mạch, lúa mạch, và cải dầu. Khởi đầu bằng những vòng tròn đơn giản vào giữa thập niên 1970, hiện tượng này phát triển dần theo năm tháng, cho tới cuối thập niên 1980 và đầu những năm 1990 khu vực nông thôn, đặc biệt tại nam xứ Anh, được tô điểm bằng những hình kỷ hà khổng lồ, một số có kích thước bằng cả sân bóng đá, in rõ trên cánh đồng ngũ cốc trước vụ thu hoạch – những vòng tròn tiếp tuyến với những vòng tròn, hoặc được kết nối bằng các trục, những đường song song uốn lượn. Một số hình cho thấy một vòng tròn trung tâm có bốn vòng tròn nhỏ hơn bố trí đối xứng vây quanh – rõ ràng, người ta kết luận rằng chúng được tạo ra bởi một chiếc đĩa bay và bốn chân hạ cánh của nó.

Một trò bịp chẳng? Không thể, gần như tất cả mọi người đều nói vậy. Có hàng trăm trường hợp. Nhiều khi nó được hình thành chỉ trong một hoặc hai tiếng lúc đêm khuya, và với quy mô lớn đến vậy. Không hề tìm thấy vết chân của những kẻ đùa dai dẫn tới hoặc đi khỏi các đồ hình. Và bên cạnh đó, động cơ có thể là gì để thực hiện một trò đùa như vậy chứ?

Nhiều phỏng đoán hiểm hoi hơn cũng được đưa ra. Những người có chút kiến thức khoa học đã tới khảo sát hiện trường, bắt bẻ mọi lý lẽ, xuất bản nhiều tạp chí dành riêng cho chủ đề này. Phải chăng những đồ hình là do những cơn lốc xoáy lạ có tên gọi “trụ lốc,” hoặc thậm chí những cơn lốc lạ lùng hơn nữa gọi là “lốc vòng nhẫn”? Còn sét hòn thì sao? Các nhà điều tra người Nhật đã cố gắng mô phỏng lại, trong phòng thí nghiệm và ở quy mô nhỏ, vật lý plasma mà họ nghĩ đang tồn tại trên hành tinh Wiltshire xa xôi.

Nhưng đặc biệt khi những đồ hình trên cánh đồng trở nên phức tạp hơn thì những cách giải thích khí tượng hoặc điện học lại càng gương ép. Hiển nhiên là đó do UFO tạo ra, những sinh vật lạ đang liên lạc với chúng ta bằng một thứ ngôn ngữ hình học. Hoặc có lẽ đó là tác phẩm của quỷ sứ, hoặc Trái Đất vẫn bị dày vò lâu nay đang kêu than về tình trạng suy thoái mà nó phải gánh chịu do bàn tay Con người. Hàng đoàn du khách Kỷ nguyên mới tìm đến. Nhiều người hăng hái thức trắng đêm với máy ghi âm và kính nhìn đêm hồng ngoại. Các phương tiện truyền thông in và điện tử trên khắp thế giới ra sức truy lùng các chuyên gia ngũ cốc can trường. Những cuốn sách ăn khách về người ngoài hành tinh chuyên làm biến dạng hoa màu được công chúng hồi hộp và ngưỡng mộ đón nhận. Đúng, thực tế người ta không hề nhìn thấy đĩa bay nào đáp xuống ruộng lúa mì, không hề có hình kỷ hà nào được ghi lại trong lúc đang được tạo ra cả. Nhưng người ta cứ thừa nhận nguồn gốc lạ lùng của chúng, và giới truyền thông cứ liên hệ với những cơ quan có thẩm quyền. “Năng lượng orgone” được phát hiện trong những vòng tròn đó.

Nhiều câu hỏi được nêu ra tại Quốc hội. Hoàng gia triệu tập Thượng Nghị sĩ Solly

Zuckerman, nguyên trưởng cổ vấn khoa học tại Bộ Quốc phòng, để tham vấn đặc biệt. Người ta nói rằng có thể có ma trong trường hợp này; rồi cả, các Hiệp sĩ Đền thánh Malta và nhiều hội kín khác nữa. Các tín đồ tôn thờ quỷ Sa tăng cũng bị liên can. Bộ Quốc phòng tìm cách giấu nhẹm mọi việc. Vài vòng tròn vớ vẩn và thô kệch được cho là những cố gắng của giới quân sự nhằm đánh lạc hướng dư luận. Báo lá cải tha hồ khai thác. Tờ *Daily Mirror* thuê hẳn một nông dân cùng con trai ông ta tạo ra năm vòng tròn với hy vọng như tờ báo đối địch là *Daily Express* nhảy vào đưa tin. Thế nhưng tờ *Express* không mắc mưu, ít nhất là trong vụ việc này.

Các tổ chức “ngũ cốc học” đua nhau xuất hiện và thành một nhóm riêng. Các nhóm đối địch gửi cho nhau đủ thứ hăm bà lằng. Những lời cáo buộc về năng lực yếu kém hoặc còn tệ hơn nữa được đưa ra. Số lượng các “vòng tròn” trên cánh đồng tăng lên đến hàng nghìn. Hiện tượng này còn lan sang cả Hoa Kỳ, Canada, Bulgaria, Hungary, Nhật Bản, Hà Lan. Các đồ hình – đặc biệt những hình phức tạp hơn – bắt đầu được trích dẫn ngày càng nhiều trong các tranh luận về sự ghé thăm Trái Đất của sinh vật lạ. Người ta còn vẽ ra cả những mối liên hệ rất khiên cưỡng với “Gương mặt” trên Sao Hỏa. Một nhà khoa học mà tôi quen biết viết thư cho tôi nói rằng trong những hình này ẩn giấu kiến thức toán học cực kỳ tinh diệu; chúng chỉ có thể là kết quả của một trí thông minh siêu việt. Thực tế, một vấn đề mà gần như tất cả các nhà nghiên cứu ngũ cốc đều nhất trí là những đồ hình trên cánh đồng xuất hiện sau này quá phức tạp và đẹp nên không thể là sản phẩm do sự can thiệp của con người chứ đừng nói là do những kẻ lừa đảo vô trách nhiệm và bẽ tha nào đó tạo ra. Rõ ràng người ta nghĩ ngay đến trí thông minh ngoài Trái Đất...

Năm 1991, Doug Bower và Dave Chorley, hai anh chàng đến từ Southampton, tuyên bố rằng họ là những người tạo ra các đồ hình trên cánh đồng trong suốt 15 năm. Họ nghĩ ra việc đó vào một buổi tối tại quán rượu quen thuộc của họ, The Percy Hobbes. Họ đã rất thích thú trước những bài viết về UFO và nghĩ có thể sẽ rất thú vị nếu đánh lừa những người cả tin vào chuyện UFO. Mới đầu, họ làm cho lúa mì đổ rạp xuống bằng thanh sắt nặng mà Bower dùng làm dụng cụ chống trộm ở cửa hậu hiệu bán khung tranh của anh ấy. Sau đó, họ sử dụng ván gỗ và dây chấu. Những công trình đầu tiên của họ chỉ mất có vài phút. Nhưng vốn là những anh chàng tinh nghịch thành “bản chất” và cũng là những nghệ sĩ thực thụ, thách thức bắt đầu tăng dần trong họ. Dần dần, họ thiết kế và thực hiện những đồ hình ngày càng công phu hơn.

Mới đầu, dường như chẳng ai chú ý. Không hề có cơ quan truyền thông nào đưa tin. Thế loại nghệ thuật của họ chẳng được “bộ tộc” UFO mảy may để tâm. Họ sắp sửa từ bỏ các vòng tròn trên cánh đồng để chuyển sang trò lừa bịp gì đó khác thỏa mãn về mặt tình cảm hơn.

Đột nhiên, các vòng tròn trên cánh đồng được chú ý. Giới UFO học say như điên. Bower và Chorley vô cùng phấn khởi – đặc biệt khi các nhà khoa học và những người khác bắt đầu đưa ra những nhận định rất có sức nặng rằng không có trí thông minh thuần túy của con người nào có thể thực hiện được.

Họ thân trọng lên kế hoạch cho từng “phi vụ” ban đêm – nhiều khi theo đúng những hình vẽ tỉ mỉ mà họ đã chuẩn bị bằng màu nước. Họ theo dõi sát sao những cách giải thích của mọi người. Khi một nhà khí tượng ở địa phương suy luận ra một loại lốc xoáy bởi vì tất cả hoa màu đều bị rạp xuống theo chiều kim đồng hồ, họ bèn phản bác lại nhận định của ông ấy bằng cách tạo ra một hình mới với một vòng tròn bên ngoài đổ ngược chiều kim đồng hồ.

Ít lâu sau, những đồ hình trên cánh đồng khác xuất hiện ở miền nam xứ Anh và các nơi khác. Những tay lừa đảo bắt chước một cách máy móc liền xuất hiện. Bower và Chorley bèn tạo ra một thông điệp đáp lại trên cánh đồng lúa mì: “WEARENOTALONE” (Chúng tôi không đơn độc). Thậm chí một số người xem đây là một thông điệp đích thực của người ngoài Trái Đất (mặc dù đúng ra cần phải là “YOUARENOTALONE” (Các bạn không đơn độc)). Doug và Dave bắt đầu ký tên vào những tác phẩm nghệ thuật của mình bằng hai chữ D; thế là chuyện này cũng được gán cho một mục đích bí ẩn nào đó của sinh vật lạ. Những lần vắng mặt vào ban đêm của Bower khiến cho vợ anh ấy, Ilene, nghi ngờ. Sau rất nhiều khó khăn – Ilene bám theo Dave và Doug vào một buổi tối, và sau đó nhập vào những người cả tin đến chiêm ngưỡng tác phẩm của họ vào ngày hôm sau – cô ấy mới chịu tin rằng những buổi vắng mặt của chồng mình hoàn toàn vô hại.

Cuối cùng, Bower và Chorley chán với trò đùa ngày càng cầu kỳ này. Mặc dù có điều kiện thể lực rất sung mãn nhưng giờ đây cả hai đều đã ở vào độ tuổi lục tuần và có phần già để thực hiện những chuyến đi đêm trên cánh đồng của những người nông dân xa lạ và thường là không dễ mẫn. Có thể hai người thấy bức tức với những người chỉ đến chụp ảnh tác phẩm của họ và tuyên bố rằng những nghệ sĩ tạo ra chúng là sinh vật lạ. Và họ thấy lo rằng nếu họ cứ chần chừ, người ta sẽ không tin tuyên bố của họ nữa.

Vậy là họ thú nhận tất cả. Họ chứng minh với các phóng viên cách họ thực hiện ngay cả những hình phức tạp nhất. Quý vị có thể nghĩ rằng không bao giờ có chuyện một trò lừa lại được duy trì qua nhiều năm đến như vậy, và chúng ta sẽ chẳng bao giờ lại nghe nói rằng ai đó có thể có động cơ để đánh lừa những người nhẹ dạ tin rằng sinh vật lạ có tồn tại như vậy. Nhưng giới truyền thông không mấy chú ý. Những nhà ngũ cốc học yêu cầu họ bỏ bớt lại; nói cho cùng, họ làm niềm vui của việc tưởng tượng ra những chuyện kỳ lạ giảm đi rất nhiều.

Kể từ đó, những tay bịp chuyên tạo ra các vòng tròn trên cánh đồng khác cũng ‘hắt nước theo mưa’, nhưng chủ yếu theo một mô thức lộn xộn hơn và không tạo cảm hứng bằng. Và lúc nào cũng vậy, việc thú nhận chuyện đánh lừa thường bị lấn át bởi tâm lý háo hức ban đầu. Nhiều người nghe nói đến những đồ hình trên các cánh đồng và mối liên hệ với UFO của chúng, nhưng lại cut hứng khi tên tuổi Bower và Chorley hoặc ý tưởng cho rằng toàn bộ việc này có thể chỉ là một trò lừa bịp được nêu lên. Một câu chuyện chứa đựng nhiều thông tin được nhà báo Jim Schnabel (cuốn *Round in Circles*, Penguin Books, 1994) – nhiều nội dung bài viết của tôi lấy từ đây – được in ra. Schnabel trước đó đã cùng tham gia với các chuyên gia ngũ cốc và cuối cùng tự mình đưa ra một vài đồ hình rất thành công. (Ông ấy thích dùng trục lăn làm vườn hơn là ván gỗ, và nhận thấy rằng chỉ cần dùng chân giẫm hoa màu cũng khá ổn). Nhưng tác phẩm của Schnabel, vốn được một nhà phê bình gọi là “cuốn sách nực cười nhất mà tôi đọc được,” cũng chỉ thành công ở một chừng mực nhất định. Những tay bịp bợm trở nên nhàm và chẳng còn được chuộng nữa.

Những nguyên tắc của thái độ hoài nghi không đòi hỏi phải nắm vững một mức độ cao cấp nào đó, như những người mua xe hơi đã qua sử dụng thành công nhất đã minh chứng. Ý tưởng về việc ứng dụng một cách dân chủ thái độ hoài nghi chính là ở chỗ mọi người đều nên có những công cụ quan trọng để đánh giá một cách hiệu quả và mang tính xây dựng những khẳng định về mặt kiến thức. Tất cả những gì khoa học đặt dấu hỏi là áp dụng thái độ hoài nghi đúng như chúng ta có khi mua một chiếc xe hơi đã qua sử dụng hoặc khi đánh giá chất lượng của những loại thuốc giảm đau hoặc bia quảng cáo trên các chương trình truyền hình thương mại.

Nhưng những công cụ hoài nghi nói chung không có sẵn với các công dân trong xã hội chúng ta. Chúng hiếm khi được nhắc đến trong trường học, thậm chí cả trong lĩnh vực trình bày khoa học, lĩnh vực sôi nổi nhất của nó, mặc dù thái độ hoài nghi thường xuyên xuất hiện bột phát từ những điều thất vọng của cuộc sống thường ngày. Nền chính trị, kinh tế, quảng cáo, và các tôn giáo của chúng ta (cả cũ và mới) vẫn rất nhẹ dạ cả tin. Một người có thái độ hoài nghi có thể cho rằng, chính những người có gì đó đem bán, những người muốn gây ảnh hưởng tới công luận, những người nắm quyền lực, luôn có quyền lợi gắn chặt với việc ngăn trở thái độ hoài nghi.

Chương 5. BỊP BỢM VÀ BÍ MẬT

Hãy tin vào một nhân chứng trong tất cả những vấn đề không hề dính dáng đến lợi ích riêng, những đam mê, định kiến của người đó cũng như tình yêu đối với những điều kỳ diệu. Khi có dính tới những yếu tố này thì cần có bằng chứng xác thực tương xứng với mức độ làm ảnh hưởng tới khả năng chứng thực cho vụ việc.

Thomas Henry Huxley
(1825-1895)

Khi mẹ của Travis Walton, nhân vật nổi tiếng bị sinh vật lạ bắt cóc, được thông báo rằng một chiếc UFO đã bắt con trai bà đi bằng một ánh chớp và sau đó đưa cậu ta vào vũ trụ, bà đã trả lời rất thờ ơ “Vây ư, thì những chuyện như thế này vẫn xảy ra mà.” Liệu có đúng vậy chăng?

Việc đồng ý rằng UFO hiện diện trên bầu trời của chúng ta không có nghĩa là rất tán đồng với luận điểm: “UFO” là một cụm từ viết tắt cho “Unidentified Flying Object” (Vật thể bay không xác định). Đây là một thuật ngữ mang tính bao hàm hơn cả “Đĩa bay.” Thực tế rằng có những thứ được nhìn thấy nhưng người quan sát bình thường, hoặc thậm chí một chuyên gia trong lĩnh vực nào đó, cũng không hiểu nổi là điều tất yếu. Nhưng tại sao chúng ta lại kết luận đó là một con tàu đến từ các vì sao nếu như chúng ta nhìn thấy thứ gì đó chúng ta không nhận ra? Có rất nhiều khả năng thực tiễn hơn để lý giải kia mà.

Sau khi những sự kiện tự nhiên bị hiểu sai, những trò lừa bịp và những sai lệch về mặt tâm lý được loại ra khỏi tập hợp dữ liệu, liệu có còn tàn dư nào của bất kỳ vụ việc rất đáng tin cậy nhưng cực kỳ kỳ quái nào nữa không, đặc biệt là những vụ việc có bằng chứng tự nhiên? Liệu còn có “tín hiệu” nào ẩn giấu trong những tiếng ồn ào đó không? Theo quan điểm của tôi, không hề có tín hiệu nào được phát hiện cả. Có những vụ việc rất xác thực nhưng lại chẳng hề lạ lùng, và có những vụ việc lạ lùng nhưng lại không xác thực. Chưa hề có trường hợp nào – mặc dù có hơn một triệu báo cáo về UFO kể từ năm 1947 – trong đó có thứ gì đó lạ lùng đến mức nó chỉ có thể là một con tàu vũ trụ đến từ ngoài Trái Đất từng được ghi nhận với mức độ xác thực đến mức có thể loại trừ khả năng hiểu sai, lừa bịp hay ảo giác. Bản thân tôi vẫn có phần lên tiếng “Dở tệ.”

Chúng ta thường xuyên nghe nói đến những tuyên bố về UFO rất phi lý được truyền bố, nhưng hiếm khi chúng ta nghe nói đến chuyện chỉ trích chúng. Điều này không có gì khó hiểu: Cái gì bán được nhiều báo và sách hơn, cái gì thu được mức xếp hạng cao hơn, cái gì thú vị hơn để tin theo, cái gì vang vọng với những dẫn vật đau khổ của thời đại chúng ta hơn – những xác tàu xa lạ có thật, hay những kẻ lợi dụng lòng tin lão luyện chuyên sản lòng những người nhẹ dạ; những sinh vật ngoài Trái Đất với sức mạnh vô biên đùa bỡn loài người, hay những tuyên bố xuất phát từ sự yếu đuối và thiếu hoàn hảo của con người?

Đã nhiều năm, tôi liên tục dành thời gian cho vấn đề UFO. Tôi nhận được nhiều thư từ nói về chủ đề này, thường đi kèm với những mô tả mắt thấy tai nghe rất chi tiết. Có lúc lại rất dễ có được những phát hiện quan trọng nếu tôi gọi cho người viết thư. Sau khi có các bài giảng – gần như về bất kỳ chủ đề nào – tôi thường được hỏi “Ngài có tin vào UFO không?” Tôi nhận thấy rằng câu hỏi này thường được nêu ra theo khía cạnh đây là vấn đề niềm tin chứ không phải bằng chứng. Tôi gần như không bao giờ được hỏi “Bằng chứng cho thấy UFO là những con tàu vũ trụ xa lạ xác thực đến đâu?”

Tôi thấy rằng thái độ của nhiều người là đã có từ trước. Một số người tin tưởng rằng những lời chứng thực của nhân chứng là đáng tin cậy, rằng người ta không hề bịa ra mọi việc, rằng ảo giác hay trò bịp với quy mô như vậy là không thể có, và rằng chắc chắn chính phủ vẫn luôn có âm mưu bưng bít sự thật với chúng ta. Niềm tin vào UFO phát triển nhờ thái độ thiếu tin tưởng đối với chính phủ, xuất phát rất tự nhiên từ tất cả các trường hợp chính phủ nói dối – trong bối cảnh căng thẳng giữa yên ổn của công chúng với “an ninh quốc gia.” Sự dối trá và những âm mưu giữ im lặng của chính phủ đã từng bị phơi bày với nhiều vấn đề khác nên khó có thể nói rằng việc giấu giếm chủ đề lạ lùng này là không thể xảy ra, rằng chính phủ sẽ không bao giờ che

giấu những thông tin quan trọng trước công dân của mình. Một cách giải thích phổ biến về việc tại sao phải bưng bít là nhằm tránh tình trạng hoảng loạn trên khắp thế giới hoặc sự xói mòn lòng tin đối với chính phủ.

Tôi là một thành viên của ủy ban Tư vấn Khoa học Không lực Hoa Kỳ có nhiệm vụ thẩm nghiên cứu về UFO của lực lượng không quân – mang tên “Dự án Sách Xanh”, nhưng trước đó và thường vẫn được gọi là “Dự án Đố kỵ”. Chúng tôi nhận thấy nỗ lực đang làm rất yếu và tùy tiện. Vào giữa thập niên 1960, “Dự án Sách Xanh” đặt trụ sở chính tại Căn cứ Không quân Wright-Patterson tại Ohio – nơi “Sở Tình báo Kỹ thuật Nước ngoài” (chủ yếu tìm hiểu xem Liên Xô có những loại vũ khí mới nào) cũng đặt trụ sở. Họ có hồ sơ về những công nghệ tối tân trong tay. Quý vị hỏi về một sự kiện UFO nào đó và, có gì đó giống như áo len và áo vét tại tiệm giặt khô ngày nay, quý vị phải lục cả chồng hồ sơ cho tới khi hồ sơ quý vị muốn đến tay quý vị.

Nhưng những gì nằm trong số hồ sơ đó lại không đáng giá cho lắm. Chẳng hạn, nhiều người già nói đến những ánh sáng bay lơ lửng phía trên thị trấn New Hampshire nhỏ bé của họ trong suốt hơn một giờ, và trường hợp này được giải thích là cánh của những oanh tạc cơ chiến lược xuất hiện từ một căn cứ không quân gần đó trong quá trình bay tập. Không lẽ các oanh tạc cơ phải mất hơn một giờ mới bay qua được thị trấn? Không thể. Hay oanh tạc cơ bay qua đúng lúc có tin báo về UFO? Cũng không thể. Ngài có thể giải thích với chúng tôi, thưa ngài Đại tá, làm thế nào các oanh tạc cơ chiến lược lại có thể được mô tả là “bay lơ lửng” được không? Không. Những điều tra Sách Xanh cầu thả thực hiện vai trò khoa học rất ít, nhưng chúng lại phục vụ mục đích quan trọng là thuyết phục công chúng rằng không quân đang làm nhiệm vụ; và rằng có lẽ không có gì liên quan đến UFO cả.

Dĩ nhiên, điều đó không ngăn được khả năng là một nghiên cứu khác về UFO, nghiêm túc và khoa học hơn, đang được tiến hành ở đâu đó – do một thiếu tướng chứ không phải một trung tá chỉ đạo. Tôi nghĩ chuyện này hoàn toàn là chắc chắn, không phải vì tôi tin chúng ta vẫn đang được sinh vật lạ ghé thăm, mà vì những gì bị giấu đi trong hiện tượng UFO chính là những dữ liệu từng được coi là có tầm quan trọng về mặt quân sự. Chắc chắn nếu có các UFO như báo cáo – những con tàu rất nhanh và rất dễ điều khiển – thì giới quân sự đã có nhiệm vụ tìm cho ra chúng hoạt động như thế nào. Nếu các UFO do Liên Xô tạo ra thì trách nhiệm của không quân là bảo vệ chúng ta. Xem xét những đặc điểm hoạt động đáng chú ý đã được ghi nhận thì những gợi ý chiến lược về các UFO của Liên Xô ngang nhiên bay lượn trên các cơ sở quân sự và hạt nhân của Hoa Kỳ là điều đáng lo ngại. Mặt khác nếu các UFO do người ngoài hành tinh tạo ra thì chúng ta có thể học hỏi công nghệ (nếu chúng ta tiếp cận được một chiếc đĩa bay thôi) và giành được ưu thế lớn trong Chiến Tranh lạnh. Và thậm chí nếu giới quân sự tin rằng UFO không phải do Liên Xô hay người ngoài hành tinh tạo ra thì vẫn có lý do chính đáng để theo dõi chặt các báo cáo:

Trong những năm 1950, các khinh khí cầu được không quân sử dụng rộng rãi – không chỉ như những phương tiện dự báo thời tiết, như vẫn quảng cáo rầm rộ, hay các thiết bị phản xạ radar, như vẫn được công nhận, mà còn bí mật làm những phi thuyền do thám tự động, với các máy ảnh có độ phân giải cao cùng các thiết bị tình báo đặc biệt. Trong khi bản thân các khinh khí cầu không bí mật lắm nhưng các chương trình do thám mà chúng tiến hành thì lại rất bí mật. Các khinh khí cầu ở tầng cao dường như mang hình dáng đĩa bay khi quan sát từ mặt đất. Nếu quý vị đánh giá sai tầm cao của chúng thì quý vị có thể dễ dàng tưởng tượng rằng chúng di chuyển nhanh một cách vô lý. Đôi khi, được một trận gió thổi đi, chúng tạo ra những thay đổi đột ngột về phương hướng, một đặc điểm không thấy có đối với máy bay và dường như bất chấp nguyên tắc bảo tồn động lượng – nếu quý vị không nhận ra rằng chúng rỗng không và gần như không nặng bao nhiêu cả.

Nổi tiếng nhất trong những hệ thống khinh khí cầu quân sự này là “Skyhook”, từng được thử nghiệm rộng rãi tại Hoa Kỳ vào đầu những năm 1950. Các dự án và hệ thống khinh khí cầu khác được chế tạo là “Mogul”, “Moby Dick”, “Grandson” và “Genetrix.” Urner Lidell, người chịu trách nhiệm về một số điệp vụ này tại Phòng Thí nghiệm Nghiên cứu Hải quan, và là người sau này trở thành một quan chức của NASA, từng kể với tôi rằng ông ấy nghĩ đến tất cả các báo cáo UFO đều là do các khinh khí cầu quân sự. Trong khi cụm từ “tất cả” đi quá xa thì tôi nghĩ rằng vai trò của chúng lại chưa được đánh giá một cách đầy đủ. Theo tôi biết thì vẫn chưa hề có một

thử nghiệm có kiểm soát chủ động và có hệ thống – trong đó các khinh khí cầu tầng cao được bí mật phóng lên và theo dõi, và các báo cáo UFO từ những trạm quan sát bằng mắt và ra đa được ghi nhận.

Năm 1956, những vụ khinh khí cầu do thám của Hoa Kỳ bay trên vùng trời của Liên Xô bắt đầu. Ở đỉnh điểm, có hàng chục khinh khí cầu phóng lên mỗi ngày. Các chuyến bay khinh khí cầu sau đó được thay thế bằng các loại máy bay tầng cao, chẳng hạn U-2, nhưng rồi cũng được thay thế một loạt bằng các vệ tinh do thám. Nhiều UFO xuất hiện trong giai đoạn này rõ ràng là các khinh khí cầu khoa học. Những khinh khí cầu tầng cao hiện vẫn đang được phóng lên – kể cả những thiết bị mang theo các máy cảm biến tia vũ trụ, các kính viễn vọng quang học và hồng ngoại, các thiết bị thu sóng vô tuyến chuyên khảo sát bức xạ nền vũ trụ, và những thiết bị khác ở phía trên tầng khí quyển Trái Đất.

Đã từng có vụ ồn ào về một hoặc vài đĩa bay được cho là bị rơi gần Roswell, New Mexico, vào năm 1947. Một số báo cáo ban đầu và các bức ảnh trên báo chí về vụ việc hoàn toàn thích hợp với ý tưởng cho rằng các mảnh vỡ là một khinh khí cầu tầng cao bị rơi. Nhưng những cư dân khác tại khu vực này – đặc biệt là nhiều thập kỷ về sau – lại nhớ đến những thứ lạ lùng hơn, những chữ tượng hình bí ẩn, những lời đe dọa của giới chức quân sự nhắm vào các nhân chứng nếu như họ không giữ kín những điều họ biết, và câu chuyện kinh điển rằng cỗ máy và các xác sinh vật lạ đã được đưa lên một máy bay và bay tới Sở Chỉ huy Trang thiết bị Hàng không tại Căn cứ Không quân Wright-Patterson. Một số, nhưng không phải là tất cả, câu chuyện về xác sinh vật lạ được mang đi có liên quan tới vụ việc này.

Philip Klass, một người luôn hoài nghi UFO, từng tiết lộ một bức thư được công bố sau đó đề ngày 27 tháng 7 năm 1948, một năm sau “sự kiện” Roswell, từ Thiếu tướng C. B. Cabell – khi đó là Giám đốc Tình báo Không lực Hoa Kỳ (và sau này, với tư cách một quan chức CIA, là nhân vật chính trong vụ Hoa Kỳ xâm nhập Cu Ba tại Vịnh Con lợn). Cabell thăm vấn những người báo cáo với ông ấy về khả năng UFO có thể là gì. Ông ấy không hề có manh mối gì cả. Trong một phúc đáp tổng hợp ngày 11 tháng 10 năm 1948, có chứa nhiều thông tin hiện lưu giữ tại Sở Chỉ huy Trang thiết bị Hàng không, chúng tôi thấy ngài Giám đốc Tình báo được báo cáo rằng không có ai khác trong Không lực có lấy một manh mối. Điều này cho thấy khả năng chắc chắn rằng các mảnh vỡ UFO và những người trên đó đã được đưa tới Wright-Patterson một năm trước đó.

Điều Không quân lo lắng nhất là các UFO chính là sản phẩm của Nga. Tại sao người Nga lại thử nghiệm các đĩa bay trên bầu trời Hoa Kỳ là một câu đố với bốn câu trả lời có thể có dưới đây: “(1) Nhằm bác bỏ niềm tin của Hoa Kỳ vào bom nguyên tử như là vũ khí quyết định và hiện đại nhất trong chiến tranh. (2) Để tiến hành các nhiệm vụ do thám hình ảnh. (3) Để kiểm tra khả năng phòng vệ không phận của Hoa Kỳ. (4) Để tiến hành những chuyến bay thường xuyên (cho các oanh tạc cơ chiến lược) trên lãnh thổ Hoa Kỳ.” Giờ đây chúng ta biết rằng UFO không phải là của Nga, và mặc dù quy kết cho mối quan tâm của Liên Xô có thể là các mục tiêu (1) tới (4) nhưng các đĩa bay không phải là cách họ theo đuổi những mục tiêu này.

Nhiều bằng chứng về “sự kiện” Roswell dường như đều chỉ tới một loạt khinh khí cầu tầng cao, có lẽ được phóng lên gần Phi trường Quân sự Alamogordo hoặc Bãi phóng Thí nghiệm Bạch Sa, rồi bị rơi gần Roswell, tới các mảnh vỡ của những thiết bị bí mật được giới quân sự vội vã thu lượm, tới những bản tin trên báo lúc ban đầu nói rằng đó là một con tàu vũ trụ từ một hành tinh khác (“Không lực bắt được đĩa bay tại nông trại gần vùng Roswell”), tới vô số những hồi tưởng xuất hiện trong nhiều năm, và tới những hồi ức sống lại khi có cơ hội nổi danh hoặc kiếm tiền. (Hai bảo tàng UFO tại Roswell trở thành những điểm du lịch hàng đầu).

Một báo cáo năm 1994 theo yêu cầu của Bộ trưởng Không quân và Bộ Quốc phòng nhằm phúc đáp đề nghị của một nghị sĩ bang New Mexico đã xác định các mảnh vỡ Roswell là từ một hệ thống dò tìm âm thanh tần số thấp tầm xa tuyệt mật đặt trên khinh khí cầu gọi là “Dự án Mogul” – một kế hoạch nhằm phát giác những vụ nổ vũ khí hạt nhân của Liên Xô ở độ cao đỉnh tầng đối lưu. Các thanh tra viên của Không lực, khi lục lại kỹ những hồ sơ mật của năm 1947, đã không tìm thấy bằng chứng gì:

Không có dấu hiệu và cảnh báo, báo động, hoặc nhịp độ hoạt động tác chiến cao hơn được

ghi thường được đưa ra nếu như có một con tàu lạ, với những mục đích không rõ, thâm nhập vào lãnh thổ Hoa Kỳ... Mọi hồ sơ cho thấy rằng không có điều nào trong số này xảy ra (hoặc nếu có thì nó được kiểm soát bởi một hệ thống an ninh hiệu quả và chặt chẽ đến mức không một ai, dù ở Hoa Kỳ hay nơi nơi khác, có thể mô phỏng lại. Nếu một hệ thống như thế đã phát huy hiệu quả thì nó cũng sẽ được sử dụng để bảo vệ những bí mật hạt nhân của chúng ta trước Liên Xô, điều mà lịch sử trước đây đã chứng minh rành rành là không phải như vậy).

Các mục tiêu ra đa được tiến hành bằng kính khí cầu phần nào do các công ty đồ chơi tại New York sáng tạo ra. Những công ty này có cả loạt hình tượng trang trí được ghi nhớ mãi suốt nhiều năm sau này như là những ký tự của sinh vật lạ.

Thời hoàng kim của UFO tương ứng với thời kỳ khi phương tiện chính để phóng vũ khí hạt nhân được chuyển từ máy bay sang tên lửa. Một vấn đề kỹ thuật ban đầu và quan trọng liên quan đến giai đoạn hồi quyển – tức là cho đầu đạn hạt nhân quay trở lại xuyên qua khí quyển Trái Đất mà không thiêu hủy trong suốt quá trình này (vì các tiểu hành tinh và sao chổi đều bị phá hủy khi đi qua tầng khí phía trên). Một số vật liệu nhất định, môn hình học dạng chóp, và các góc thâm nhập phát triển hơn những lĩnh vực khác. Các quan sát đối với quá trình hồi quyển (hoặc những đợt phóng ngoạn mục hơn) có thể cho thấy rất rõ sự tiến bộ của Hoa Kỳ trong ngành công nghệ chiến lược quan trọng này hoặc, tệ hơn nữa, những chi tiết kém hiệu quả trong thiết kế; những quan sát như vậy có thể gợi ý những giải pháp phòng thủ mà một đối thủ có thể sử dụng. Điều dễ hiểu là chủ đề này được xem là cực kỳ nhạy cảm.

Rõ ràng là phải có những trường hợp trong đó giới chức quân sự được yêu cầu không nói về những gì họ đã nhìn thấy, hoặc khi những lần chứng kiến tưởng như vô thưởng vô phạt đột nhiên lại được xác định là tối mật với những tiêu chí cần biết được kiểm soát gắt gao. Các quan chức không quân và các nhà khoa học dân sự nghĩ đến điều này những năm sau này đều có thể kết luận rằng chính phủ đã dàn dựng một biện pháp che giấu UFO. Nếu những đầu đạn bị xem là UFO thì nhiệm vụ là rất công bằng.

Hãy xem xét khả năng lừa bịp. Trong tình trạng đối đầu chiến lược giữa Hoa Kỳ và Liên Xô, sự tương thích về phòng không là một vấn đề thiết yếu. Nó chính là hạng mục (3) trong danh sách của Tướng Cabell. Nếu quý vị có thể tìm ra một điểm yếu thì nó có thể là chìa khóa dẫn tới “chiến thắng” trong một cuộc chiến tranh hạt nhân tổng lực. Cách bảo đảm duy nhất để kiểm nghiệm khả năng phòng thủ của đối phương là cho máy bay bay lượn bên trên biên giới của họ và xem họ mất bao nhiêu lâu mới phát hiện ra nó. Hoa Kỳ đã thực hiện việc này đều đặn để kiểm nghiệm khả năng phòng không của Liên Xô.

Những năm 1950 và 1960, Hoa Kỳ có các hệ thống phòng thủ ra đa tân tiến nhất phủ kín các vùng duyên hải phía tây và đông của mình, và đặc biệt là những vùng tiếp cận phía bắc (nơi có nhiều khả năng các oanh tạc cơ hay tên lửa tấn công của Liên Xô sẽ thâm nhập nhất). Nhưng vẫn có một chỗ hiểm – không có hệ thống cảnh báo sớm đáng kể nào bao quát vùng phía nam vốn hiểm trở về mặt địa lý hơn nhiều. Dĩ nhiên đây là thông tin quan trọng cho một đối thủ tiềm năng. Nó ngay lập tức gợi ra âm mưu đánh lừa: Một hoặc vài máy bay siêu hạng của đối thủ phóng từ vùng Caribbean, giả sử như vậy, tiến vào không phận Hoa Kỳ, thâm nhập vài trăm dặm ngược theo Sông Mississippi cho tới khi một ra đa phòng không của Hoa Kỳ phát hiện ra. Sau đó, những kẻ xâm nhập vội vàng rút lui. (Hoặc, với tư cách một thử nghiệm kiểm soát, một đơn vị máy bay Hoa Kỳ được điều động riêng và cử tham gia các đợt xuất kích không công bố nhằm xác định xem khả năng phòng không của Mỹ đến đâu). Trong trường hợp như thế, có thể có khả năng xảy ra việc các quan sát viên dân sự và quân sự nhìn thấy cả bằng mắt và trên ra đa cũng như sẽ có nhiều thông báo độc lập về việc nhìn thấy các vật thể bay. Những gì được báo lại không khớp với bất kỳ loại máy bay đã biết nào. Không lực và các cơ quan hàng không dân dụng đều tuyên bố rằng không có máy bay nào của họ liên can cả. Thậm chí nếu họ thúc giục Quốc hội chi tiền cho một Hệ thống Cảnh báo Sớm ở phía nam thì chưa chắc Không lực đã chịu thừa nhận rằng các máy bay Liên Xô hoặc Cuba đã vào tới tận New Orleans, không xa Memphis, trước khi có bất kỳ ai phát giác ra.

Ở đây một lần nữa chúng ta có mọi lý do để hy vọng vào một nhóm điều tra kỹ thuật cấp cao, các quan sát viên của Không lực và dân sự được yêu cầu phải kín miệng, và không chỉ về sự xuất hiện mà cả việc bùng phát thông tin trên thực tế. Một lần nữa, âm mưu giữ im lặng này

chẳng cần gì liên quan tới tàu vũ trụ của sinh vật lạ cả. Thậm chí nhiều thập kỷ về sau, Bộ Quốc phòng vẫn có những lý do rất quan liêu để im hơi lặng tiếng về những chuyện khiến họ lúng túng như vậy. Có xung đột lợi ích tiềm tàng giữa những lo ngại thiển cận của Bộ Quốc phòng với giải pháp cho câu chuyện UFO đầy bí ẩn.

Thêm vào đó, điều gì đó cả Cơ quan Tình báo Trung ương lẫn Không lực Hoa Kỳ đều cảm thấy lo lắng chính là các UFO là phương tiện cản trở các kênh liên lạc khi xảy ra khủng hoảng ở cấp quốc gia, và gây nhiều việc phát hiện máy bay của kẻ thù cả trên ra đa lẫn bằng mắt – một vấn đề tín hiệu-nhiều[27] chính là mặt trái của hành động lừa bịp.

Xem xét tất cả những vấn đề này, tôi hoàn toàn tin rằng ít nhất một số báo cáo và phân tích về UFO, và có lẽ cả đồng hồ sơ, đã được giấu kín trước công chúng là những người phải nộp thuế. Chiến tranh Lạnh đã qua, công nghệ hỏa tiễn và khinh khí cầu đã quá lỗi thời hoặc quá phổ biến, và những người cảm thấy lúng túng đều không còn tại vị nữa. Điều tệ nhất có thể xảy ra, xét từ góc độ quân sự, là có thể có trường hợp được thừa nhận rộng rãi hơn rằng công chúng Mỹ đang bị đánh lạc hướng hoặc nói dối vì mục tiêu an ninh quốc gia. Đã đến lúc các hồ sơ phải được tiết lộ hoặc công bố cho mọi người.

Cơ quan An ninh Quốc gia (NSA) còn lo ngại một trường hợp kết hợp giữa tính cách bày mưu với văn hóa giữ bí mật. Tổ chức này giám sát điện thoại, sóng phát thanh và các hình thức thông tin liên lạc khác của cả bạn bè lẫn đối thủ của Hoa Kỳ. Họ đọc lên thư từ của cả thế giới. Lượng giao dịch bị họ chặn mỗi ngày rất lớn. Trong những thời điểm căng thẳng, rất nhiều nhân viên NSA thành thạo những ngôn ngữ phù hợp phải ngồi trước tai nghe để theo dõi mọi chuyện đang diễn ra, từ những mệnh lệnh đã được mã hóa phát đi từ Bộ Tổng tư lệnh của quốc gia mục tiêu tới những cuộc trò chuyện phòng the. Với những tư liệu khác, có các từ khóa giúp máy vi tính lựa chọn ra những điện tín cụ thể đáng chú ý hoặc những cuộc đàm thoại về các vấn đề quan ngại khẩn cấp hiện tại. Mọi thứ được lưu lại, để khi cần đến có thể tìm lại bằng từ – nhằm truy nguyên lần xuất hiện đầu tiên của một từ mã (code word) hoặc trách nhiệm chỉ huy trong một cuộc khủng hoảng. Một số trường hợp chặn giao dịch được thực hiện từ các chốt nghe tại các quốc gia gần kề (Thổ Nhĩ Kỳ với trường hợp Nga, Ấn Độ với trường hợp Trung Quốc), từ máy bay và các con tàu đang lưu thông gần đó, hoặc từ các vệ tinh tìm kiếm trong quỹ đạo Trái Đất. Giữa NSA và các cơ quan an ninh của những nước khác vốn đương nhiên không hề muốn bị nghe lén vẫn có cuộc chạy đua về các biện pháp và biện pháp đối phó lại.

Giờ đây vấn đề vốn đã nan giải này còn được tăng thêm bằng Luật Tự do Thông tin (FOIA). NSA nhận được yêu cầu phải công bố toàn bộ thông tin họ có về UFO. Theo luật, họ có trách nhiệm phúc đáp, nhưng dĩ nhiên không làm tiết lộ “các phương pháp và nguồn tin.” NSA cũng có nghĩa vụ không đánh động các nước khác, dù là bạn bè hay kẻ thù, về những hoạt động của mình, bằng một hình thức gây khó chịu và khó xử về mặt chính trị. Do đó, một trường hợp chặn giao dịch điển hình mà NSA thực hiện theo yêu cầu của luật FOIA sẽ là một phần ba trang viết bị kiểm duyệt, một dòng chữ nói rõ “đã ghi nhận một UFO ở tầm cao thấp,” kế tiếp là hai phần bat rang viết bị kiểm duyệt. Quan điểm của NSA là việc công bố phần còn lại của trang viết sẽ có khả năng làm ảnh hưởng đến nguồn tin và phương pháp, hoặc ít nhất cũng đánh động quốc gia có liên quan về việc các giao dịch vô tuyến hàng không của họ đã bị chặn như thế nào. (Nếu NSA bỏ ngỏ những tín hiệu truyền từ máy bay tới tháp thu phát dường như rất mờ nhạt ở xung quanh thì rất có khả năng quốc gia liên quan sẽ nhận ra rằng các cuộc đối thoại kiểm soát không lưu quân sự của họ đang bị theo dõi và chuyển sang các phương tiện thông tin liên lạc – chẳng hạn thay đổi tần số – khiến cho việc chặn song của NSA trở nên khó khăn hơn). Nhưng những người tin rằng có âm mưu UFO đang nhận được hàng chục trang tài liệu gần như đều đã bị kiểm duyệt, theo yêu cầu FOIA của họ, rất dễ suy diễn rằng NSA nắm trong tay nhiều thông tin về UFO và đây là một phần của âm mưu giữ im lặng.

Khi nói chuyện với các viên chức của NSA, tôi được biết câu chuyện sau đây: Những trường hợp chặn sóng điển hình thường là liên lạc vô tuyến máy bay dân sự hoặc quân sự thông báo rằng họ nhìn thấy UFO, tức là một vận thể không xác định ở không gian xung quanh. Đó thậm chí có thể là một máy bay Hoa Kỳ đang thực hiện nhiệm vụ do thám hoặc gây nhiễu. Trong hầu hết các trường hợp, có thể là gì đó bình thường hơn nhiều, và việc xác minh cũng được báo cáo lại trong các hoạt động chặn sóng của NSA sau này.

Lôgic tương tự có thể sử dụng để khiến cho NSA dường như chính là một phần trong bất kỳ âm mưu nào. Chẳng hạn, theo lời họ nói, đã có phúc đáp được đưa ra khi có đề nghị theo luật FOIA về những gì NSA biết liên quan đến ca sĩ Elvis Presley. (Đã có báo cáo về những trường hợp thấy Presley hiện hồn và thực hiện những ca chữa bệnh màu nhiệm). Chà, NSA chỉ biết vài việc. Chẳng hạn, một báo cáo về tình trạng kinh tế của một quốc gia nào đó cho biết có bao nhiêu băng và CD của Elvis Presley đã được bán tại đó. Thông tin này cũng được cung cấp như là một vài dòng rõ ràng trong cả một đại dương những chi tiết bị kiểm duyệt lược bỏ. Liệu NSA có can dự vào một kế hoạch che giấu liên quan đến Elvis Presley không? Dĩ nhiên cá nhân tôi không điều tra việc thông tin liên lạc liên quan đến UFO của NSA, nhưng với tôi câu chuyện của họ có vẻ rất đáng tin cậy.

Nếu chúng ta tin rằng chính phủ đang giữ bí mật những chuyến viếng thăm của sinh vật lạ, thì chúng ta cần nghĩ đến văn hóa giữ bí mật của các cơ quan quân sự và tình báo. Chỉ ít, chúng ta có thể thúc ép việc tiết lộ những thông tin liên quan có từ nhiều thập kỷ trước – trong đó báo cáo của Không lực vào tháng 7 năm 1994 về “Sự kiện Roswell” là một ví dụ điển hình.

Quý vị có thể tìm thấy hơi hướng phong cách hoang tưởng của nhiều chuyên gia UFO, cũng như sự ngây ngô trước văn hóa giữ bí mật, trong một cuốn sách của cựu phóng viên báo *New York Times*, Howard Blum (cuốn *Out There* – Ngoài kia; Nhà xuất bản Simon and Schuster, 1990):

Tôi không thể tránh được việc đắm sầm vào những ngõ cụt bất ngờ, cho dù tôi đã cố gắng xoay sở thế nào. Tôi đi đến chỗ tin rằng, toàn bộ câu chuyện vẫn luôn dai dẳng, một cách chủ tâm, vượt ra khỏi tầm kiểm soát của tôi.

Tại sao vậy?

Đây là một câu hỏi rất thực tế nhưng không khả thi, được cân bằng ngay ở đỉnh điểm những nghi ngờ mỗi lúc một tăng của tôi. Tại sao tất cả những phát ngôn nhân và cơ quan chính thức này đều ra sức gây khó dễ cho những cố gắng của tôi? Tại sao những câu chuyện hôm nay đúng và đến hôm sau lại sai? Tại sao lại có tình trạng giấu giếm một cách kiên quyết và mạnh mẽ này? Tại sao các nhân viên tình báo quân sự lại loan truyền thông tin sai lạc, khiến cho những người tin vào UFO như hóa rồ? Chính phủ đã phát hiện ra điều gì ở ngoài kia? Họ đang tìm cách che giấu điều gì?

Dĩ nhiên, có sự phản bác lại. Một số thông tin được xác định một cách hợp pháp; như với phần cứng quân sự, việc giữ bí mật đôi khi thật sự là lợi ích quốc gia. Hơn nữa, các cộng đồng quân sự, chính trị và tình báo có xu hướng coi trọng việc giữ bí mật vì mục đích của họ. Đây là một cách bịt miệng những người hay chỉ trích và lẩn tránh trách nhiệm – vì không đủ thẩm quyền hoặc tệ hơn nữa. Nó tạo ra một nhóm tinh túy, một nhóm huynh đệ là nơi có thể ký thác niềm tin của cả quốc gia, khác với số đông công dân mà người ta nhân danh để giữ bí mật thông tin trước nhất. Chỉ với một số ít ngoại lệ, việc giữ bí mật cực kỳ không phù hợp với nền dân chủ và khoa học.

Một trong những giao cắt có tính kích thích nhất giữa UFO và chuyện giữ bí mật chính là các tài liệu mệnh danh MJ-12. Cuối năm 1984, là thời điểm diễn ra câu chuyện, một phong bì có chứa một chiếc hộp phim đã tráng nhưng chưa rửa được nhét vào hòm thư gia đình của một nhà sản xuất phim tên là Jaime Shandera, người rất quan tâm đến UFO và việc che giấu của chính phủ – đáng chú ý là, đúng lúc ông sắp sửa ra ngoài ăn trưa với tác giả của một cuốn sách nói về những sự kiện tại Roswell, New Mexico. Khi được rửa ra, cuộn phim “hóa ra là” các trang liên tiếp của một mật lệnh “đích danh” [\[28\]](#) đề ngày 24 tháng 9 năm 1947 trong đó Tổng thống Harry S. Truman có vẻ đã thành lập một ủy ban gồm 12 nhà khoa học và quan chức chính phủ để kiểm tra một loạt đĩa bay bị rơi cùng những xác sinh vật lạ nhỏ bé. Làm thành viên trong ủy ban MJ-12 là điều rất đặc biệt bởi vì đây là những người thuộc giới quân sự, tình báo, khoa học và kỹ thuật được triệu tập để điều tra những vụ tai nạn như vậy nếu chúng xảy ra. Trong các tài liệu MJ-12, có những tài liệu tham khảo và phụ lục về bản chất của sinh vật lạ, công nghệ tàu của họ và vân vân, nhưng các phụ lục lại không có trong cuộn phim bí ẩn kia.

Không lực nói rằng tài liệu này không có thật. Chuyên gia UFO Philip J. Klass và những người khác phát hiện thấy có những bất hợp lý về mặt từ vựng và in ấn cho thấy toàn bộ vụ này chỉ là

một trò lừa bịp. Những người chuyên sưu tầm mỹ thuật rất quan tâm đến nguồn gốc tranh ảnh của họ – tức là, ai sở hữu nó gần đây nhất và ai sở hữu trước đó... và cứ như vậy truy ngược lại tới người nghệ sĩ đầu tiên. Nếu có những gián đoạn trong chuỗi mắt xích này – nếu một bức tranh 300 năm tuổi có thể lần ngược lại được có 60 năm và sau đó chúng ta không còn biết gì về những tư gia hoặc bảo tàng đã trưng bày nó – thì cần phải nghi ngờ về khả năng nó là đồ giả. Vì lợi nhuận của việc làm giả trong lĩnh vực mỹ thuật rất cao nên giới sưu tầm phải rất thận trọng. Đây chính là lúc các tài liệu MJ-12 dễ bị công kích nhất và có sự nghi ngờ về vấn đề nguồn gốc này – bằng chứng bỗng nhiên xuất hiện ngay tại cửa nhà cứ như có gì đó bước ra từ một câu chuyện cổ tích, chẳng hạn “Chàng thợ giày và đám yêu tinh,” vậy.

Trong lịch sử loài người, có nhiều trường hợp có đặc điểm tương tự – một tài liệu có nguồn gốc mơ hồ đột nhiên xuất hiện mang theo những thông tin quan trọng chứng minh mạnh mẽ cho trường hợp của những người đã có phát hiện gì đó. Sau khi điều tra kỹ lưỡng và mạnh bạo, trong một số trường hợp, tài liệu được chứng minh là trò lừa đảo. Không có gì khó khăn trong việc hiểu động cơ của những trò lừa đảo. Một ví dụ điển hình là cuốn sách Deuteronomy – được Vua Josiah phát hiện bị giấu trong Đền thánh ở Jerusalem. Và kỳ diệu thay, Vua Josiah đã tìm thấy trong Deuteronomy sự xác thực cho tất cả những quan điểm của mình, đúng thời điểm đang có một đợt đấu tranh cải đạo lớn.

Một trường hợp khác là văn kiện vẫn được gọi là Sự dâng cúng của Constantine. Constantine Đại đế là Hoàng đế đã đưa Thiên Chúa giáo trở thành tôn giáo chính thức của Đế chế La Mã. Thành phố Constantinople (nay là Istanbul), thủ đô của Đế chế Đông La Mã trong hơn một nghìn năm, được đặt theo tên ông. Ông mất năm 337. Vào thế kỷ 9, những chi tiết xác nhận Sự dâng cúng của Constantine đột nhiên xuất hiện trong các tài liệu của Thiên Chúa giáo; trong đó, Constantine đồng ý dâng toàn bộ Đế chế Tây La Mã, bao gồm cả Rome cho Giáo hoàng lúc đó là Sylvester I. Câu chuyện này còn nói rằng, món quà nhỏ này phần nào để bày tỏ lòng biết ơn vì Sylvester đã chữa khỏi bệnh phong cho Constantine. Đến thế kỷ 11, các giáo hoàng thường xuyên nhắc đến Sự dâng cúng của Constantine để bảo vệ cho những tuyên bố của họ không chỉ với những nhà lãnh đạo giáo hội mà cả những nhà lãnh đạo thế tục ở miền trung Italia. Trong suốt thời Trung Đại, Sự dâng cúng được phân xử là hoàn toàn xác thực bởi cả những người ủng hộ lẫn những người phản đối các tuyên bố đương thời của Nhà thờ.

Lorenzo xứ Valla là một trong những học giả ở Italia thời Phục hưng. Là người ưa tranh luận, cứng nhắc, hay phê phán, kiêu căng, mô phạm, ông đã bị những người cùng thời chỉ trích vì thái độ báng bố thánh thần, xúc phạm, lừa dối và ngạo mạn – cùng với những khiếm khuyết khác. Sau khi ông kết luận rằng trên thực tế, xét về mặt ngữ pháp, Kinh Tin kính của các Thánh Tông đồ không thể do 12 Thánh Tông đồ viết ra, Tòa án dị giáo đã tuyên bố ông là một kẻ dị giáo, và chỉ có sự can thiệp của người bảo trợ cho ông, Vua Alfonso xứ Naples, mới ngăn được việc ông bị xử tử. Không nao núng, năm 1440, ông đưa ra một luận thuyết chứng minh rằng văn kiện về Sự dâng cúng của Constantine là một sự ngụy tạo thô thiển. Ngôn ngữ viết văn kiện này là chữ La tinh dùng trong cung đình ở thế kỷ 4 khi ngôn ngữ Cockney là tiếng Anh của nhà vua. Nhờ Lorenzo xứ Valla, Nhà thờ Thiên Chúa giáo La Mã không còn ra sức đòi hỏi cai trị các nước Châu Âu theo văn kiện Sự dâng cúng của Constantine nữa. Tác phẩm này, mà nguồn gốc còn một lỗ hổng dài đến 5 thế kỷ, nhìn chung được hiểu là do một tăng lữ có liên hệ với triều chính của Nhà thờ dựng lên vào thời Charlemagne, khi chế độ giáo hoàng (và đặc biệt là Giáo hoàng Adrian I) đang cố thuyết phục việc thống nhất nhà thờ và nhà nước.

Giả định rằng cả hai văn kiện đều thuộc về cùng một nhóm, thì những tài liệu MJ-12 là một trò bịp khôn khéo hơn so với văn kiện Sự dâng cúng của Constantine. Nhưng về vấn đề nguồn gốc, lợi lộc và những điểm mâu thuẫn về mặt ngôn từ thì chúng đều có nhiều điều chung.

Một kế hoạch nhằm giữ kín vốn hiểu biết về sự sống ngoài Trái Đất hay những cuộc bắt cóc của sinh vật là gần như hoàn toàn bí mật suốt 45 năm, với hàng trăm nếu không nói là hàng nghìn nhân viên chính phủ biết đến bí mật này, là một vấn đề khá lớn. Chắc chắn, những bí mật của chính phủ thường xuyên được giữ kín, thậm chí những bí mật thuộc lợi ích chung của cả cộng đồng. Nhưng quan điểm bề ngoài của việc giữ bí mật ấy là để bảo vệ đất nước và các công dân. Mặc dù vậy, ở đây lại khác hẳn. Mục đích của những người nắm tin mật về an ninh là không để người dân biết về một cuộc tấn công liên tục của sinh vật lạ nhằm vào loài người.

Nếu những sinh vật lạ thực sự đang bắt cóc hàng triệu người trong chúng ta thì không đơn thuần chỉ là vấn đề an ninh quốc gia nữa. Nó sẽ tác động đến an ninh của toàn bộ loài người ở khắp mọi nơi trên Trái Đất. Nếu như vậy, liệu có hợp lý khi không một ai với kiến thức và bằng chứng thực sự, ở gần 200 quốc gia, đứng ra thổi còi, lên tiếng và sát cánh với loài người chứ không phải là những sinh vật lạ?

Kể từ khi chấm dứt Chiến tranh Lạnh NASA vẫn đang cố gắng tìm kiếm những nhiệm vụ để biện hộ cho sự tồn tại của mình – đặc biệt là một lý do chính đáng để con người xuất hiện trong vũ trụ. Nếu Trái Đất hằng ngày vẫn có những sinh vật lạ thù nghịch ghé thăm thì lẽ nào NASA lại không nắm ngay lấy cơ hội này để tăng thêm ngân sách của mình? Và nếu một cuộc xâm lăng của sinh vật lạ đang tiếp diễn thì tại sao Không lực, thường do các phi công dẫn dắt, lại không tham dự những chuyến du hành vũ trụ có con người mà dồn hết ngân sách cho những cỗ máy không người lái?

Hãy nhớ lại Tổ chức Sáng kiến Quốc phòng Chiến lược trước đây, chịu trách nhiệm về các cuộc “Chiến tranh giữa các vì sao.” Tổ chức này giờ đang gặp khó khăn, đặc biệt là mục tiêu lập căn cứ phòng thủ trong vũ trụ. Tên gọi và tầm nhìn của nó đã được giảm bớt. Giờ nó mang tên Tổ chức Phòng thủ Tên lửa Đạn đạo. Nó thậm chí không còn báo cáo trực tiếp với Bộ trưởng Quốc phòng nữa. Sự bất lực của những công nghệ nhằm bảo vệ Hoa Kỳ trước một cuộc tấn công quy mô lớn bằng các loại tên lửa hạt nhân là rất rõ ràng. Nhưng lẽ nào chúng ta lại không muốn ít nhất là thử triển khai những thể trận quốc phòng trong vũ trụ nếu như chúng ta đang đối mặt với một cuộc xâm lăng của sinh vật lạ?

Bộ Quốc phòng, giống như các bộ tương tự ở mọi quốc gia, phát triển được nhờ có kẻ thù, cả thực tế lẫn tưởng tượng. Sẽ cực kỳ bất hợp lý ở chỗ sự tồn tại của một địch thủ như vậy lại bị ém nhem bởi một tổ chức được hưởng lợi nhiều nhất nhờ sự tồn tại của chính địch thủ ấy. Toàn bộ tình hình thời hậu Chiến tranh Lạnh của các chương trình không gian quân sự và dân sự của Hoa Kỳ (và các nước khác) đều lớn tiếng phản bác lại ý tưởng cho rằng có những sinh vật lạ trong số chúng ta – dĩ nhiên trừ phi tin tức được giấu kín trước những người có trách nhiệm lên kế hoạch quốc phòng.

Vì có những người chấp nhận mọi báo cáo về UFO nên cũng có những người bác bỏ ngay lập tức và kiên quyết ý tưởng về sự viếng thăm của sinh vật lạ. Họ nói rằng không cần thiết phải kiểm chứng, và thậm chí rất “phi khoa học” khi cứ suy nghĩ vấn đề này. Tôi từng giúp tổ chức một cuộc tranh luận công khai tại cuộc họp thường niên của Hiệp hội Vì sự Tiến bộ Khoa học Hoa Kỳ giữa các nhà khoa học ủng hộ và phản đối quan điểm cho rằng một số UFO chính là những con tàu vũ trụ; và rồi một nhà vật lý có tiếng, người có những cách nhìn đối với nhiều vấn đề mà tôi rất kính trọng, đã dọa dùng Phó Tổng thống Hoa Kỳ gây sức ép với tôi nếu tôi cứ khẳng định theo đuổi chuyện điên rồ này. (Tuy nhiên, cuộc tranh luận đã được tổ chức và công bố, các vấn đề được xác định rõ hơn một chút, và tôi không nghe nói đến tin tức gì từ Spiro T. Agnew).

Một nghiên cứu năm 1969 của Viện Khoa học Quốc gia, trong khi công nhận rằng có những báo cáo “không dễ giải thích”, kết luận rằng “lời giải thích ít khả dĩ nhất về UFO là giả thuyết về những cuộc viếng thăm của những sinh vật thông minh đến từ vũ trụ.” Hãy nghĩ xem có thể có bao nhiêu “cách giải thích” khác: Những nhà du hành thời gian; quỷ sứ đến từ xứ sở phù thủy; những du khách đến từ một chiều không gian khác – như Ngài Mxyztlk (hay là Mxyzptlk nhỉ? Tôi luôn quên cái tên này) từ vùng Zrfff trong Chiều không gian thứ năm trong loạt truyện tranh *Siêu nhân*; những linh hồn của âm phủ; hay một hiện tượng “phi Cartes” không tuân theo những quy luật của khoa học hoặc thậm chí là logic. Mỗi cách “giải thích” này trên thực tế đều được đưa ra một cách rất nghiêm túc. Cụm từ “ít khả dĩ nhất” thực sự nói lên điều gì đó. Sự cường điệu này là một chỉ số cho thấy toàn bộ chủ đề này đã trở lên khó chịu với nhiều nhà khoa học đến mức nào.

Người ta nói rằng cảm xúc có thể tuôn trào với một vấn đề mà chúng ta thực sự biết rất ít. Điều này đặc biệt đúng với sự xôn xao gần đây về những trường hợp được cho là bị sinh vật lạ bắt cóc. Sau hết, nếu đúng như vậy, một trong hai giả thuyết – sự xâm lăng của những người ngoài Trái Đất hấp dẫn về mặt tình dục hoặc một đại dịch ảo giác – dạy cho chúng ta điều gì đó

mà chắc chắn chúng ta nên biết. Có lẽ lý do cho những cảm xúc mạnh mẽ là cả hai khả năng đều có những hàm ẩn không dễ chịu gì.

Nữ thần Rạng đông

Số lượng báo cáo và sự nhất quán của những báo cáo ấy cho thấy rằng có thể có cơ sở gì đó cho những trường hợp nhìn thấy này chứ không đơn thuần là do thuốc gây ảo giác.

Máy bay bí mật, báo cáo,

Hiệp hội Các nhà khoa học Mỹ,

20 tháng 8 năm 1992

Nữ thần Rạng đông (Aurora) là một máy bay do thám tầm cao tối mật của Mỹ – thế hệ kế tiếp của U-2 và SR-71 *Blackbird*. Có thể nó tồn tại hoặc không hề tồn tại. Vào năm 1993, có những báo cáo của những người nhìn thấy nó ở gần Căn cứ Không quân Edwards tại California và Hồ Groom, Nevada, và đặc biệt là tại khu vực Hồ Groom gọi là Khu vực 51 nơi máy bay thử nghiệm của Bộ Quốc phòng được thử nghiệm. Nhìn chung những báo cáo này rất nhất quán. Các báo cáo xác nhận thu được từ khắp nơi trên thế giới. Không như những thế hệ tiền nhiệm, người ta nói rằng loại máy bay này siêu thanh, di chuyển nhanh hơn nhiều, có lẽ nhanh gấp 6 đến 8 lần, so với tốc độ của âm thanh. Nó để lại một vệt kỳ lạ được mô tả là “những chiếc bánh rán trên một sợi thừng.” Có lẽ nó cũng là một phương tiện để phóng những vệ tinh bí mật loại nhỏ vào quỹ đạo, được phát triển, người ta đoán chừng vậy, sau khi thảm họa *Challenger* cho thấy tính chất không đáng tin cậy theo từng giai đoạn của tàu con thoi đối với ngân sách quốc phòng. Nhưng CIA “thề sống thề chết rằng không hề có chương trình như thế,” theo lời Thượng Nghị sĩ và là cựu phi hành gia John Glenn. Chuyên gia thiết kế chính của một số loại máy bay Hoa Kỳ tối mật cũng nói giống như vậy. Một quan chức Không quân từng kịch liệt phủ nhận sự tồn tại của một loại máy bay như thế, hoặc bất kỳ chương trình nào nhằm chế tạo loại máy bay ấy, trong Không lực Hoa Kỳ hay ở nơi nào khác. Phải chăng ông ấy nói dối? “Chúng tôi đã xem xét tất cả những trường hợp quan sát như vậy, như chúng tôi đã làm với các báo cáo về UFO,” một phát ngôn viên của Không lực nói, có lẽ với những ngôn từ được lựa chọn cẩn thận, “và chúng tôi không thể giải thích được.” Trong khi đó, vào tháng 4 năm 1995, Không lực tiếp nhận 4.000 mẫu đất gần Khu vực 51. Diện tích mà công chúng không được phép tiếp cận ngày càng mở rộng.

Vậy hãy thử xem xét hai khả năng: Một là *Nữ thần Rạng đông* có tồn tại, và hai là nó không tồn tại. Nếu nó tồn tại, rõ ràng là có hẳn một kế hoạch chính thức nhằm che giấu sự tồn tại này, việc giữ bí mật đó rất hiệu quả, và loại máy bay này có thể đã được thử nghiệm hoặc tiếp liệu ở khắp nơi trên thế giới mà không có một bức ảnh nào hoặc bất kỳ bằng chứng nào khác được công bố. Mặt khác, nếu *Nữ thần Rạng đông* không hề tồn tại thì chắc chắn đã có một câu chuyện hoang đường được dựng lên, và đi quá xa. Tại sao những lời phủ nhận chính thức và nhất quán lại được đưa ra không mấy đủ sức nặng như vậy? Phải chăng sự tồn tại của một điệp vụ – trong trường hợp này là *Nữ thần Rạng đông* – có thể giúp tạo ra một tên gọi chung cho cả một loạt hiện tượng khác nhau? Dù thế nào đi chăng nữa, thì có vẻ như *Nữ thần Rạng đông* vẫn có liên quan đến các UFO.

Chương 6. ẢO GIÁC

Cũng như trẻ con rùng mình và sợ mọi thứ trong bóng tối mịt mù, chúng ta đôi khi ở trong ánh sáng nhưng lại sợ những điều không đáng sợ hơn so với những gì trẻ con khiếp hãi ở trong bóng tối...

Thi sĩ Lucretius

Bản chất sự vật

(khoảng năm 60 trước Công nguyên)

Các nhà quảng cáo phải biết về đối tượng nhắm tới của mình. Đó là một vấn đề rất đơn giản liên quan đến sản phẩm và sự tồn vong của doanh nghiệp. Do đó, chúng ta có thể tìm hiểu cách giới doanh nhân tự do, thương mại của Mỹ nhìn nhận những người mê UFO bằng cách xem xét những quảng cáo trên các tạp chí chuyên về UFO. Đây là một số tiêu đề quảng cáo (rất điển hình) từ một số tạp chí *UFO Universe*:

- Khoa học gia nghiên cứu cao cấp phát hiện bí mật 2000 năm về tiền tài, quyền lực và tình yêu lãng mạn.
- Đã xếp hạng! Trên cả tối mật. Âm mưu của chính phủ giật gân nhất thời đại chúng ta cuối cùng đã được tiết lộ với thế giới bởi một sĩ quan quân đội về hưu.
- “Nhiệm vụ đặc biệt” của bạn là gì khi đang ở trên Trái Đất? Sự thức giấc quy mô vũ trụ của những nhân công ánh sáng, những vụ hoán hồn đối xác, & tất cả những đại diện sinh ra trên các vì sao đã bắt đầu!
- Đây là điều quý vị đang chờ đợi. 24 điểm báo UFO siêu hạng từ thế giới thần linh giúp cải thiện cuộc đời.
- Tôi đã có bạn gái. Còn quý vị? Đừng bỏ lỡ! Có ngay đi!
- Hãy đặt mua ngay tờ tạp chí tuyệt vời nhất vũ trụ.
- Hãy mang may mắn, tình yêu và tiền bạc vào đời mình! Những sức mạnh này đã phát huy tác dụng suốt nhiều thế kỷ! Chúng có thể giúp cho quý vị.
- Bước đột phá phi thường trong nghiên cứu tâm linh. Chỉ mất 5 phút để chứng minh rằng sức mạnh tâm linh thần diệu thực sự có tồn tại!
- Quý vị có đủ can đảm để trở nên may mắn, được yêu thương và giàu có không? Vận may được bảo đảm sẽ đến với quý vị! Hãy đón nhận mọi thứ quý vị muốn với những lá bùa mạnh nhất thế giới.
- Hắc y nhân: Đặc vụ của chính phủ hay sinh vật lạ?
- Tăng sức mạnh của đá quý, bùa mê, điểm bảo và biểu tượng. Cải thiện hiệu quả của mọi thứ quý vị làm. Tăng cường sức mạnh tinh thần và khả năng của quý vị với MÂY PHÓNG ĐÀI sức mạnh tinh thần.
- Máy hút tiền nổi tiếng: Quý vị có thích có nhiều tiền không?
- Kinh thánh Lael, thánh kinh của một nền văn minh bị mất.
- Một cuốn sách mới của “Chỉ huy X” từ ánh sáng nội tâm: Những người điều khiển và người thống trị Trái Đất trong bí mật đã được xác định. Chúng ta là sở hữu của một trí thông minh ngoài Trái Đất!

Sợi chỉ xuyên suốt gắn kết những mẫu quảng cáo này lại với nhau là gì? Không phải là UFO. Chắc chắn đó chính là tâm lý kỳ vọng do tính cả tin của một bộ phận công chúng. Đó là lý do vì sao chúng được bố trí trong các tạp chí về UFO – bởi vì nhìn chung hành động mua một tờ các chí như vậy giúp phân loại độc giả. Rõ ràng, có những người mua các tạp chí định kỳ này với tâm trạng có phần hoài nghi và họ bị hạ thấp bởi những kỳ vọng như vậy của những nhà quảng cáo và biên tập viên. Nhưng nếu họ đoán đúng về phần đông độc giả của mình thì điều đó có thể mang ý nghĩa gì cho mẫu thức về hiện tượng bắt cóc người của sinh vật lạ?

Thỉnh thoảng, tôi lại nhận được thư của ai đó có “liên hệ” với những sinh vật ngoài Trái Đất. Tôi được mời “hỏi họ bất kỳ điều gì.” Và trong nhiều năm, tôi đã chuẩn bị được một danh sách các câu hỏi. Xin nhớ rằng những sinh vật ngoài Trái Đất rất phát triển. Cho nên tôi hỏi những việc như thế này “Xin hãy đưa ra một bằng chứng ngắn gọn về Định lý cuối cùng của

Fermat.” [29] Hoặc Phỏng đoán Goldbach.[30] Và sau đó tôi phải giải thích những vấn đề này là gì, bởi vì sinh vật ngoài Trái Đất sẽ không gọi đó là Định lý Cuối cùng của Fermat. Cho nên tôi sẽ viết ra phương trình đơn giản với những điều dẫn giải. Tôi chưa bao giờ có được câu trả lời. Mặt khác, nếu tôi hỏi điều gì đó như là “Chúng tôi có ổn không?” tôi gần như luôn nhận được câu trả lời. Bất kỳ điều gì mơ hồ, đặc biệt liên quan đến những đánh giá đạo đức thông thường thì những sinh vật lạ này đều cực kỳ hào hứng trả lời. Nhưng với bất kỳ vấn đề gì cụ thể, trong đó có khả năng phát hiện xem họ có thực sự biết bất kỳ điều gì hơn những gì đã phân con người đã biết không, thì đều chỉ nhận được sự im lặng.[31] Có thể suy ra điều gì đó từ khả năng trả lời các câu hỏi rất khác biệt này.

Thời kỳ trước khi có mẫu thức sinh vật lạ bắt cóc người, theo lời thuật lại của những người bị đem lên các UFO, họ được nghe những bài giảng mở mang đầu óc về hiểm họa của vũ khí hạt nhân. Ngày nay, khi những chỉ dẫn như vậy được đưa ra, sinh vật ngoài Trái Đất dường như thường gắn liền với vấn đề suy thoái môi trường và AIDS. Tôi tự hỏi mình rằng làm thế nào mà những vị chủ nhân của các UFO lại quan tâm tới những vấn đề thời thượng hoặc cấp thiết trên hành tinh này đến vậy? Tạo sao không hề có một lời cảnh báo dù là ngẫu nhiên nào về khí CFC hay vấn đề thủng tầng ozone ngày từ thập niên 1950, hoặc về virus HIV vào những năm 1970, khi mà những cảnh báo như thế thực sự có tác dụng? Tạo sao ngay lúc này không báo động cho chúng ta về một số hiểm họa môi trường và sức khỏe cộng đồng mà chúng ta vẫn chưa nhận ra? Phải chăng là những sinh vật lạ chỉ hiểu biết giống như những người nói rằng thấy sinh vật lạ xuất hiện? Và nếu một trong những mục đích chính của việc viếng thăm là cảnh báo về những hiểm họa toàn cầu thì tại sao lại chỉ nói với một vài người với những báo cáo rất đáng ngờ? Tại sao không sử dụng các mạng truyền hình vào một buổi tối nào đó, hoặc xuất hiện với những thiết bị nghe nhìn cảnh báo thật sinh động ngay trước Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc? Chắc chắn điều đó không có gì là quá khó với những chủ thể có thể đi lại trong không gian tính bằng năm ánh sáng.

Người có mối “liên hệ” với UFO thành công về mặt thương mại sớm nhất là George Adamski. Ông ấy mở một nhà hàng nhỏ ở chân núi Palomar tại California, và dựng một kính thiên văn nhỏ ở sân sau. Trên đỉnh núi là kính thiên văn lớn nhất Trái Đất, gương phản xạ hơn 5m của Viện Carnegie Washington và Viện Công nghệ California. Adamski tự xưng là *Giáo sư Adamski của Đài Thiên văn Núi Palomar*. Ông ấy còn xuất bản một cuốn sách – tôi nhớ là nó từng gây xôn xao – trong đó ông mô tả ông đã gặp gỡ những sinh vật lạ trông rất xinh đẹp, với mái tóc dài vàng óng và, nếu tôi nhớ chính xác, khoác áo choàng trắng tại hoang mạc gần đó và những sinh vật này đã cảnh báo Adamski về những hiểm họa của chiến tranh hạt nhân như thế nào. Họ đến từ Sao Kim (nơi có nhiệt độ bề mặt hơn 482°C mà hiện chúng ta biết là một trở ngại cho tính xác thực của Adamski). Cá nhân ông ấy hoàn toàn bị thuyết phục. Sĩ quan của Không lực chính thức chịu trách nhiệm về các cuộc điều tra UFO thời đó đã mô tả Adamski bằng những lời này:

Nhìn người đàn ông đó và nghe câu chuyện của ông ta, quý vị lập tức có sự thôi thúc tin tưởng ông ta ngay. Có lẽ đó là vẻ ngoài của ông ta. Ông ta mặc bộ đồ bảo hộ đã sờn nhưng gọn gàng. Ông ta có mái tóc đang ngả bạc và đôi mắt thành thực nhất mà tôi từng nhìn thấy.

Ngôi sao của Adamski dần dần nhạt nhòa khi ông về già, nhưng ông còn tự xuất bản những cuốn sách khác và là nhân vật hiện diện rất lâu tại các cuộc gặp của những “tín đồ” đĩa bay.

Câu chuyện về sinh vật lạ bắt cóc người đầu tiên trong thời hiện đại là câu chuyện về Betty và Barney Hill, một cặp vợ chồng ở New Hampshire – bà vợ là một người làm công tác xã hội còn ông chồng là một nhân viên Bưu điện. Trong một lần lái xe lúc tối muộn vào năm 1961 qua dãy núi White, Betty đã nhìn thấy một UFO sáng rực như một vì sao dường như bám theo họ. Vì Barney sợ nó có thể làm hại họ nên hai vợ chồng rời khỏi đường lớn đi vào đường núi hẹp hơn, và về đến nhà trễ hai tiếng so với dự định của họ. Trải nghiệm này thúc giục Betty đọc ngay một cuốn sách mô tả về UFO như là những con tàu vũ trụ đến từ các thế giới khác; chủ nhân của chúng là những con người bé nhỏ thỉnh thoảng lại bắt cóc con người.

Không lâu sau đó, bà trải qua một cơn ác mộng kinh khủng lặp đi lặp lại trong đó bà và Barney bị bắt cóc và đưa lên UFO. Barney tình cờ nghe được vợ kể lại giấc mơ này với bạn bè,

đồng nghiệp và những điều tra viên UFO tình nguyện. (Thật là là Betty không hề thảo luận chuyện này trực tiếp với chồng mình). Khoảng một tuần sau trải nghiệm trên, họ lại mô tả về một UFO giống như “chiếc bánh đa” với những hình nhân mặc đồng phục nhìn thấy qua những ô cửa sổ trong suốt của phi thuyền.

Vài năm sau, bác sĩ tâm thần của Barney giới thiệu ông tới gặp một chuyên gia trị liệu bằng thôi miên ở Boston là Benjamin Simon. Betty cũng đến để được thôi miên. Khi bị thôi miên riêng, họ đã bổ sung thêm các chi tiết về những gì xảy ra trong hai tiếng đồng “bị mất”: Họ nhìn thấy chiếc UFO đáp xuống đường cao tốc, và họ bị đưa vào trong phi thuyền trong tình trạng bất động một phần. Trong phi thuyền, những sinh vật giống con người, màu xám xịt và nhỏ thó với những chiếc mũi dài (một chi tiết không đồng nhất với mẫu thức lúc đó) bắt họ phải kiểm tra y tế rất khác thường, kể cả đâm một mũi kim vào rốn Betty (trước khi phương pháp chọc ối được nghĩ ra trên Trái Đất). Hiện nay có nhiều người tin rằng những sinh vật kia đã lấy trứng của Betty và tinh trùng của Barney, mặc dù chi tiết này không có trong câu chuyện ban đầu.^[32] như cần câu, đồ trang sức các loại, kính đeo mắt hoặc một cốc xà phòng giặt.” – TG] Viên thuyền trưởng còn cho Betty xem một bản đồ vũ trụ với nhiều chòm sao và những lộ trình được đánh dấu của phi thuyền.

Martin S. Kottmeyer đã cho thấy là có thể tìm được nhiều mô típ trong câu chuyện của gia đình Hill từ một bộ phim năm 1953 mang tên *Những kẻ xâm lược từ Sao Hỏa* (Invaders from Mars). Và câu chuyện của Barney về diện mạo của sinh vật lạ, đặc biệt là đôi mắt to của họ, được đưa ra trong một buổi thôi miên chỉ 12 ngày sau buổi trình chiếu một tập trong loạt phim truyền hình *Giới hạn vũ trụ* (The Outer Limits) trong đó có một sinh vật lạ y như vậy.

Trường hợp của gia đình Hill được thảo luận rất rộng rãi. Nó còn được dựng thành một phim truyền hình năm 1975 để đưa ra ý tưởng rằng những kẻ bắt cóc lạ lùng, xám xịt, nhỏ thó tồn tại ngay trong chúng ta, thâm nhập vào linh hồn của hàng triệu người. Nhưng thậm chí một vài nhà khoa học thời đó từng nghĩ rằng một số UFO thực tế có thể chính là những tàu vũ trụ lạ cũng tỏ ra rất thận trọng. Cuộc tiếp xúc này gây chú ý do không hề có trong danh mục những trường hợp UFO được James E. McDonald, một nhà vật lý khí quyển tại Đại học Arizona, lập ra. Nhìn chung, những nhà khoa học xem xét vấn đề UFO một cách nghiêm túc đều có xu hướng tránh không “kết thân” với những câu chuyện bị sinh vật lạ bắt cóc – trong khi những người tin vào việc sinh vật lạ bắt cóc lại ít thấy lý do để phân tích những ánh sáng nhỏ nhoi trên bầu trời.

Theo lời McDonald, quan điểm của ông về UFO không dựa vào bằng chứng không thể phản bác, mà là một kết luận tối hậu: Đối với ông, tất cả những cách giải thích khác dường như càng khó tin hơn. Vào giữa thập niên 1960, tôi sắp xếp cho McDonald trình bày những trường hợp hay nhất của ông tại một cuộc họp riêng với những nhà vật lý và thiên văn học hàng đầu, những người trước đó chưa hề quan tâm gì đến vấn đề UFO. Ông ấy không chỉ thất bại trong việc thuyết phục họ rằng chúng ta vẫn đang được những người ngoài Trái Đất viếng thăm mà ông ấy còn thất bại trong việc kích thích mối quan tâm của họ. Và đây là một nhóm có chỉ số ngạc nhiên rất cao. Đơn giản vì chỗ McDonald nhìn thấy là những sinh vật lạ thì họ thấy những cách giải thích bình thường hơn rất nhiều.

Tôi rất vui có cơ hội dành vài giờ với ông bà Hill và với Bác sĩ Simon. Không thể nhầm lẫn được về tính đúng đắn và ngay thật của Betty và Barney, và cảm xúc hỗn tạp của họ về việc trở thành những nhân vật của công chúng trong hoàn cảnh kỳ quặc và rắc rối như vậy. Với sự cho phép của gia đình Hill, Simon cho tôi nghe (và, theo lời mời của tôi, cả McDonald) một số băng âm thanh các buổi thôi miên của họ. Cho đến giờ, ấn tượng mạnh nhất của tôi là sự sợ hãi tột độ trong giọng nói của Barney khi ông ấy mô tả – nói chính xác hơn là “sống lại” – cuộc gặp gỡ.

Simon, trong khi là người đi đầu đề xướng cho những ưu điểm của phương pháp thôi miên trong chiến tranh cũng như thời bình, không hề bị cuốn vào cơn sốt của công chúng về UFO. Ông ấy hưởng một phần vừa phải trong số tiền nhuận bút từ cuốn sách ăn khách của John Fuller, *Chuyến đi đứt quãng* (Interrupted Journey), nói về trải nghiệm của nhà Hill. Nếu Simon khẳng định câu chuyện của họ là xác thực thì doanh số bán sách có thể đã tăng vọt và ông ấy sẽ được hưởng lợi tài chính rất lớn. Nhưng ông ấy không làm vậy. Ông ấy cũng lập tức phản đối quan niệm cho rằng họ nói dối, hoặc như gợi ý của một chuyên gia tâm thần khác, rằng đây là một

folie à deux – một ảo giác chung trong đó một người phụ thuộc có cùng ảo giác với người thân chỉ phối mình. Vậy rút ra điều gì? Gia đình Hill, theo lời chuyên gia chữa bệnh bằng tâm lý liệu pháp, đã trải qua một loại “giấc mơ.” Cùng một lúc.

Có lẽ có rất nhiều nguồn của những câu chuyện về sinh vật lạ bắt cóc người, giống như các trường hợp nhìn thấy UFO. Chúng ta hãy điểm qua một số khả năng:

Năm 1894, *Điều tra quốc tế về những trường hợp ảo giác thức giấc* được xuất bản ở London. Từ thời kỳ đó tới giờ, những khảo sát lặp đi lặp lại cho thấy rằng 10 đến 25% những người bình thường đã trải qua một ảo giác sống động, ít nhất một lần trong đời – nghe thấy một giọng nói hoặc nhìn thấy một hình thù khi mà không hề có ai ở đó. Hiếm gặp hơn, có người cảm nhận được một mùi vị đầy đe dọa, hoặc nghe thấy tiếng nhạc, hoặc nhận được một khám phá xuất hiện hoàn toàn không qua các giác quan. Trong một số trường hợp, đây trở thành những sự kiện cá nhân mang tính thay đổi hoặc những trải nghiệm tôn giáo sâu sắc. Ảo giác có thể là một cách cửa thấp bị bỏ qua trên bức tường đi tới một sự hiểu biết khoa học về những điều thiêng liêng.

Có lẽ đã hàng chục lần kể từ ngày cha mẹ tôi qua đời, tôi vẫn nghe thấy họ gọi tên tôi, bằng một giọng thường đàm. Dĩ nhiên họ gọi tôi thường vào lúc tôi làm gì đó cùng họ – làm việc nhà, nhắc tôi về một trách nhiệm, đi ăn tối, góp chuyện, nghe một sự kiện trọng ngày. Tôi vẫn nhớ họ nhiều đến mức có vẻ chẳng có gì lạ lùng nếu não tôi thỉnh thoảng lại đánh thức một hồi ức rõ ràng về giọng nói của họ.

Những ảo giác như thế có thể xảy ra với những người hoàn toàn bình thường trong những hoàn cảnh hoàn toàn bình thường. Những ảo giác cũng có thể được gọi lên nhờ một đồng lửa trại trong đêm, hoặc trong tình trạng ức chế tình cảm, hoặc khi bị cơn tai biến biến động kinh, đau nửa đầu hay sốt cao, hoặc do ăn kiêng kéo dài, mất ngủ hay chứng mất cảm giác (chẳng hạn, trong tình trạng bị biệt giam), hoặc thông qua những loại ma túy gây ảo giác như LSD, psilocybin, mescaline hay hashish. (Chứng mê sảng của người nghiện rượu nặng (DT) là một biểu hiện nổi tiếng của một triệu chứng cai nghiện rượu). Cũng có những phân tử, chẳng hạn phenothiazine (Thorazine chẳng hạn) làm cho các ảo giác tan đi. Chắc chắn là cơ thể người bình thường tạo ra các chất – có lẽ bao gồm cả những loại protein não nhỏ xíu giống như morphine gọi là endorphin – tạo ra ảo giác, và những chất khác kiềm chế những ảo giác ấy. Những nhà thám hiểm lòng danh (và không quá kích động) như Đô đốc Richard Byrd, Thuyền trưởng Joshua Slocum, và Sir Ernest Shackleton đều trải qua những ảo giác sống động khi đối mặt với sự trợ trợ và cô độc khác thường.

Cho dù tiền sử phân tử và thần kinh của chúng có là gì thì các ảo giác vẫn rất thật. Chúng được tìm thấy ở nhiều nền văn hóa, và được xem như một dấu hiệu của sự khai sáng tinh thần. Chẳng hạn, trong cộng đồng thổ dân châu Mỹ ở Đồng bằng phía Tây, hay nhiều nền văn hóa Siberia bản địa, tương lai của một chàng trai được tiên đoán bởi tính chất của ảo giác mà anh ta trải qua sau một nghi lễ trưởng thành thành công; ý nghĩa của nó được thảo luận hết sức nghiêm túc giữa các bộ lão và pháp sư của bộ lạc. Có rất nhiều trường hợp trong các tôn giáo trên thế giới, trong đó giới tăng lữ, các nhà tiên tri, hoặc các đấng cứu thế tự tìm vào sa mạc hoặc núi cao và, với sự hỗ trợ của cái đói và mất cảm giác, gặp gỡ thần linh hay ma quỷ. Những trải nghiệm tôn giáo do ảo giác là một dấu hiệu của văn hóa thanh niên phương Tây những năm 1960. Tuy nhiên, trải nghiệm thường được mô tả một cách trang trọng bằng những ngôn từ như “siêu việt”, “thiên liêng”, “linh thiêng” và “thần thánh.”

Ảo giác rất phổ biến. Nếu quý vị có ảo giác, điều đó không có nghĩa là quý vị bị điên. Tài liệu nhân chủng học rất sẵn về tâm thần-dân tộc học ảo giác, những giấc mơ não hoạt động tích cực (REM), và lên đồng, trong đó có nhiều yếu tố chung giữa các nền văn hóa và trải qua nhiều thời kỳ. Ảo giác thường được diễn giải như là sự nhập xác của các linh hồn xấu hoặc tốt. Nhà nhân chủng ở Đại học Yale là Weston La Barre còn tiến xa tới chỗ cho rằng “một trường hợp kỳ lạ có thể được tạo ra ở nhiều nền văn hóa là ảo giác,” và rằng “toàn bộ mục đích và chức năng của nghi lễ có vẻ là... [một] nhóm mong muốn gọi ra ảo giác thực tế.”

Đây là sự mô tả của Louis J. West, nguyên giám đốc y khoa của Bệnh viện Tâm thần Thần kinh tại Đại học California, Los Angeles, coi ảo giác như là một vấn đề nhiễu tiếng ồn. Đoạn này

trích từ bản in lần thứ 15 cuốn *Từ điển bách khoa Britanica*:

Hãy tưởng tượng một người đứng bên một ô kính cửa sổ khép kín đối diện với lò sưởi, nhìn ra khu vườn lúc chiều tà. Người đó chăm chú nhìn ra thế giới bên ngoài đến mức không hình dung ra được bài trí bên trong căn phòng. Tuy nhiên, khi ngoài trời tối hơn, hình ảnh các đồ vật trong căn phòng phía sau anh ta có thể thấy được phản chiếu mờ mờ trong kính cửa sổ. Có lúc, người đó có thể nhìn thấy hoặc là khu vườn (nếu anh ta chăm chú nhìn ra xa) hoặc là hình chiếu nội thất căn phòng (nếu anh ta tập trung nhìn tấm kính chỉ cách vài phân ngay trước mặt). Đêm xuống, nhưng lửa vẫn cháy sáng trong lò và chiếu sáng căn phòng. Giờ người đó nhìn trong kính thấy hình phản chiếu sinh động toàn bộ nội thất căn phòng phía sau mình, trông có vẻ như ở bên ngoài ô cửa sổ. Áo giắc này trở nên mờ hơn khi lửa lụi dần, và cuối cùng, khi cả bên ngoài và trong phòng tối hẳn, chẳng nhìn thấy gì nữa. Nếu thỉnh thoảng ánh lửa bùng lên, những hình ảnh trong kính sẽ lại xuất hiện.

Theo một hình thức tương tự, những trải nghiệm ảo giác như là những giấc mơ bình thường xảy ra khi “ánh sáng ban ngày” (tín hiệu tiếp nhận qua giác quan) bị giảm đi trong khi “ánh sáng nội thất” (mức độ đánh thức não chung) vẫn “rực rỡ,” và những hình ảnh khởi nguồn từ trong các “căn phòng” của não bộ chúng ta có thể được hiểu (gọi ảo giác) như thể chúng xuất hiện từ bên ngoài những “cửa sổ” của các giác quan chúng ta.

Một phép loại suy khác có thể là những giấc mơ, như các vì sao, chiếu sáng liên tục. Mặc dù các vì sao thường không nhìn thấy được vào ban ngày, vì mặt trời quá rực rỡ, nhưng nếu ban ngày, có nhật thực, hoặc nếu một người quan sát chọn cách nhìn thật kỹ một lúc sau hoàng hôn hoặc trước lúc bình minh, hoặc nếu người đó thỉnh thoảng tỉnh giấc trong một đêm quang đãng để nhìn lên bầu trời, thì khi đó các vì sao, giống như những giấc mơ, có thể nhìn thấy được, mặc dù thường bị quên mất.

Một khái niệm liên quan tới não bộ hơn là khái niệm về một hoạt động xử lý thông tin liên tục (một loại “suối tiềm thức”) không ngừng bị ảnh hưởng bởi những lực cả ý thức và vô thức và cấu thành lên nguồn cung cấp tiềm năng cho những nội dung mộng mị. Giấc mơ là một trải nghiệm trong đó cá nhân, trong một vài phút, có nhận thức nào đó về dòng dữ liệu đang được xử lý. Ảo giác ở trạng thái thức giấc cũng sẽ liên quan đến hiện tượng tương tự, được tạo ra bởi một tập hợp những hoàn cảnh tâm lý và sinh lý có phần khác đi...

Có vẻ như là toàn bộ cách ứng xử và trải nghiệm của con người (bình thường cũng như bất thường) đều kèm theo các hiện tượng ảo giác. Trong khi mối quan hệ giữa những hiện tượng này với bệnh tâm thần đã được ghi rõ trong nhiều tài liệu thì vai trò của chúng trong đời sống thường nhật có lẽ lại chưa được xem xét đầy đủ. Hiểu biết kỹ hơn về ảo giác ở người bình thường có thể đem lại những cách lý giải cho nhiều trải nghiệm vẫn được gắn với tính chất phi thường, “ngoại cảm” hoặc siêu nhiên.

Chúng ta chắc chắn sẽ bỏ qua điều gì đó quan trọng về bản chất của chính chúng ta nếu chúng ta không chịu đối diện với sự thật rằng ảo giác là một phần của loài người. Tuy nhiên, không vì thế mà điều này biến ảo giác thành một phần của một thực thể bên ngoài hơn là bên trong. Từ 5 đến 10% trong chúng ta cực kỳ dễ ám thị, có thể rơi vào trạng thái thôi miên sâu theo mệnh lệnh. Khoảng 10% người Mỹ cho biết đã từng nhìn thấy một hoặc nhiều bóng ma. Con số này còn lớn hơn số người được cho là nhớ rằng mình đã bị sinh vật là bắt cóc, gần ngang bằng với số người cho biết đã nhìn thấy một hoặc vài UFO, và ít hơn số người mà trong tuần cuối cùng ở cương vị tổng thống của Richard Nixon – trước khi ông từ chức để tránh bị buộc tội – nghĩ rằng ông đang làm việc rất tốt trên cương vị một Tổng thống. Ít nhất có 1% trong chúng ta bị tâm thần phân liệt. Con số này lên đến hơn 50 triệu bệnh nhân tâm thần phân liệt trên hành tinh này, còn nhiều hơn cả dân số nước Anh.

Trong cuốn sách năm 1970 nói về ác mộng của mình, nhà tâm thần học John Mack – tôi sẽ nói thêm nhiều về ông – viết:

Thời niên thiếu, có một thời kỳ trong đó những giấc mơ được xem là rất thật và trong đó những sự kiện, quá trình chuyển hóa, sự ban thưởng, và lời hăm dọa mà chúng được cấu thành lên được đưa trẻ xem như là một phần cuộc sống thường nhật thực tế của mình giống như những trải nghiệm ban ngày. Khả năng thiết lập và duy trì những điểm riêng biệt rõ ràng giữa

cuộc sống trong mơ và cuộc sống ở thế giới bên ngoài là rất khó khăn và đòi hỏi vài năm mới hoàn thành được, không thể làm được ngay cả với những trẻ em bình thường trước độ tuổi từ 8 đến 10. Ác mộng, do tính chất sống động và cường độ ảnh hưởng rất thuyết phục của chúng, đặc biệt khó cho trẻ đánh giá một cách duy thực.

Khi một đứa trẻ kể một câu chuyện hoang đường – một phù thủy trợn mắt trợn mũi trong một căn phòng tối tăm; một con hổ ẩn nấp dưới gầm giường; chiếc bình bị một con chim sắc sảo bay qua cửa sổ làm vỡ chứ không phải vì, trái với quy định trong gia đình, một trái bóng được đá trong nhà – phải chăng là nó đang cố ý nói dối? Chắc chắn phụ huynh thường hành xử như thể đứa trẻ không thể phân biệt được giữa tưởng tượng và thực tế. Một số trẻ có trí tưởng tượng rất năng động; số khác lại không được phú cho khả năng này. Một vài gia đình có thể tôn trọng khả năng tưởng tượng và khuyến khích trẻ, trong khi đồng thời nói những lời như thế này “Ồ, đó không phải là chuyện thật; đó chỉ là con tưởng tượng ra thôi.” Những gia đình khác có thể không chấp nhận chuyện ba hoa khoác lác – điều này làm cho việc điều hành gia đình và phân xử những tranh chấp thêm khó khăn – và không khuyến khích con cái họ tưởng tượng, có lẽ thậm chí còn dạy chúng nghĩ đó là điều đáng xấu hổ. Một vài phụ huynh có thể chưa rõ về sự khác biệt giữa thực tế và tưởng tượng, hoặc có thể thậm chí còn rất nặng về tưởng tượng. Từ tất cả những thiên hướng và cách nuôi dạy trẻ này, một số người lớn lên với một khả năng tưởng tượng nguyên vẹn, và có rất thạo việc tán chuyện, phát triển cả sang giai đoạn trưởng thành. Những người khác thì lớn lên với niềm tin rằng bất kỳ ai không biết sự khác nhau giữa thực tại và tưởng tượng đều bị khùng. Hầu hết chúng ta ở đâu đó quãng giữa.

Những người bị bắt cóc thường nói rằng họ nhìn thấy “sinh vật lạ” khi còn niên thiếu – tiến vào qua cửa sổ hoặc từ dưới gầm giường hay bước ra từ tủ. Nhưng ở nơi nào trên thế giới cũng có trẻ kể những câu chuyện tương tự – với các nàng tiên, phúc thần, ma, người lùn, phù thủy, yêu tinh, và vô số “những người bạn” tưởng tượng khác. Chúng ta nên hình dung ra hai nhóm trẻ khác nhau – một là nhóm nhìn thấy những sinh vật trên Trái Đất tưởng tượng và nhóm kia nhìn thấy những sinh vật ngoài Trái Đất thực sự. Phải chăng như vậy sẽ càng không hợp lý ở chỗ cả hai nhóm đều cùng nhìn thấy, hoặc có ảo tưởng, về cùng một việc?

Hầu hết chúng ta đều nhớ, khi lên 2 hoặc lớn hơn một chút, chúng ta rất sợ hãi những “quái vật” hoàn toàn tưởng tượng nhưng có vẻ rất thật, đặc biệt là ban đêm hoặc trong bóng tối. Tôi vẫn còn nhớ rõ những dịp tôi cực kỳ hãi hùng, núp kín dưới đồng chăn cho tới khi tôi không thể chịu được nữa, và sau đó chạy trốn sang phòng ngủ của bố mẹ – giả như tôi có thể đến được đó trước khi rơi vào nanh vuốt của... Hiện tại. Họa sĩ truyện tranh Mỹ Gary Larson, người chuyên vẽ thể loại kinh dị, đề trong một cuốn sách của ông như sau:

Khi tôi còn nhỏ, căn nhà của chúng tôi đầy rẫy quái vật. Chúng sống trong tủ, dưới gầm giường, trên gác xép, trong tầng hầm và – khi trời tối – gần như khắp mọi nơi. Cuốn sách này dành tặng cho cha tôi, người đã bảo vệ tôi trước tất cả bọn chúng.

Có lẽ các chuyên gia trị liệu cho người bị sinh vật lạ bắt cóc nên làm nhiều hơn thế.

Một phần lý do trẻ em sợ bóng tối có thể là vì, trong toàn bộ lịch sử tiến hóa của chúng ta cho tới tận cách đây chỉ vài nghìn năm, chúng chưa bao giờ ngủ một mình. Thay vào đó, chúng được người lớn – thường là Mẹ – bảo bọc an toàn. Ở Phương Tây khai sáng, chúng ta để trẻ một mình trong gian phòng tối, chúc chúng ngủ ngon, và cảm thấy khó khăn không rõ tại sao nhiều lúc chúng ỉu xiu. Trẻ em có những tưởng tượng về những quái vật đáng sợ chính là một tiến hóa rất tốt. Trong một thế giới luôn có sư tử và linh cẩu rình rập thì những câu chuyện tưởng tượng như thế giúp ngăn ngừa không để những đứa trẻ mới tập đi không có khả năng tự vệ thơ thẩn đi tách xa khỏi những người bảo hộ chúng. Làm thế nào cỗ máy an toàn này có thể hữu hiệu cho một động vật mới lớn đầy hiếu kỳ trừ phi nó tạo ra tâm lý sợ hãi khủng khiếp? Những người không sợ sệt quái vật có xu hướng không có hậu duệ. Cuối cùng, như tôi hình dung, trong quá trình tiến hóa của loài người, gần như tất cả trẻ em đều sợ quái vật. Nhưng nếu chúng ta có khả năng gọi lên những con quái vật đáng sợ khi còn nhỏ thì tại sao một số trong chúng ta, ít nhất là thỉnh thoảng, lại không nên tưởng tượng ra một điều gì đó tương tự, một điều gì đó thật sự đáng sợ, một ảo giác, khi đã trưởng thành?

Người ta vẫn nói rằng các vụ sinh vật lạ bắt cóc xảy ra chủ yếu khi đang lơ mơ ngủ hoặc khi

tỉnh giấc, hoặc lúc lái xe đường dài là lúc rất dễ có nguy cơ rơi vào trạng thái mơ màng tự thôi miên. Các chuyên gia trị liệu cho người bị sinh vật lạ bắt cóc thấy lung túng khi bệnh nhân của họ nói rằng họ hãi hùng kêu cứu trong khi vợ chồng họ cứ ngủ say như chết ngay bên cạnh. Nhưng điều này – chúng ta kêu cứu mà không ai nghe thấy cả – không phải cũng rất đặc thù với những khi mơ sao? Phải chăng những câu chuyện này có gì đó liên quan tới giấc ngủ và, như Benjamin Simon đã đề xuất với gia đình Hill, một dạng giấc mơ?

Một triệu chứng tâm lý phổ biến, mặc dù chưa được biết một cách đầy đủ khá giống hiện tượng sinh vật lạ bắt cóc được gọi là bóng đè. Nhiều người đã trải qua hiện tượng này. Nó xảy ra trong thế giới chạng vạng giữa trạng thái thức giấc hoàn toàn và say ngủ hoàn toàn. Trong một vài phút, có thể còn lâu hơn, quý vị như tê liệt và cực kỳ lo lắng. Quý vị cảm thấy một sức nặng trên ngực như thể có ai đó đang ngồi hoặc nằm bên trên. Nhịp tim của quý vị đập nhanh, quý vị thở khó nhọc. Quý vị có thể trải qua những ảo giác nghe hoặc nhìn – thấy người, quý, ma, động vật, hoặc chim. Trong bối cảnh phù hợp, trải nghiệm này có thể có “đầy đủ sức mạnh và tác động của thực tế”, theo lời Robert Baker, một chuyên gia tâm lý tại Đại học Kentucky. Đôi khi còn có một yếu tố nhục dục thêm vào ảo giác. Baker cho rằng những xáo trộn giấc ngủ phổ biến này chính là nguyên nhân phía sau nhiều nếu không nói là hầu hết các câu chuyện sinh vật lạ bắt cóc. (Ông và những người khác cho rằng có những dạng câu chuyện bắt cóc khác nữa, do những người thích tưởng tượng, hay đám lừa đảo, bịa ra).

Tương tự, cuốn *Thư Sức khỏe Tâm thần Harvard* (Harvard Mental Health Letter), xuất bản tháng 9 năm 1994, nhận xét

Bóng đè có thể kéo dài vài phút, và đôi khi đi kèm với những ảo giác như mơ rất sống động tạo ra những câu chuyện về sự xuất hiện của thần thánh, ma và những sinh vật ngoài Trái Đất.

Qua công trình trước kia của chuyên gia bệnh học thần kinh người Canada Wilder Penfield, chúng ta biết rằng kích điện tại các khu vực trung tâm não bộ gợi ra những ảo giác phát triển mạnh. Những người bị động kinh thùy thái dương – liên quan đến một tầng xung điện được tạo ra tự nhiên tại một phần não bên dưới trán – trải qua một loạt những ảo giác gần như không thể phân biệt được so với thực tế: Bao gồm cả sự hiện diện của một hoặc vài sinh vật lạ lùng, tâm trạng lo lắng, hiện tượng bay lơ lửng trong không trung, những trải nghiệm tình dục, và cảm giác thời gian bị mất. Cũng có cả cảm giác giống như hiểu biết sâu sắc về những câu hỏi hóc búa nhất và nhu cầu lo âu báo điều đó. Ít nhất là trong một trường hợp được nhà khoa học thần kinh người Canada Michael Persinger báo cáo lại, việc dùng thuốc chống động kinh, carbamazepine, đã giúp một phụ nữ khỏi cảm giác lặp đi lặp lại là trải qua một kịch bản bị sinh vật lạ bắt cóc. Cho nên những ảo giác như vậy, được tạo ra tự phát, hoặc với sự hỗ trợ của hóa chất hay kinh nghiệm, có thể đóng một vai trò – có lẽ là vai trò trung tâm – trong những câu chuyện về UFO.

Nhưng quan điểm như vậy rất dễ bị chế giễu: UFO lại được giải thích là “những ảo giác đồng loạt.” Mọi người đều biết rằng không hề có cái gọi là ảo giác chung. Phải vậy không?

Khi khả năng về sự sống ngoài Trái Đất bắt đầu được phổ biến rộng rãi – đặc biệt bởi Percival Lowel với thuyết về những con kênh trên Sao Hỏa, ở thời điểm chuyển giao thế kỷ – người ta bắt đầu nói đến mối liên hệ với sinh vật lạ, chủ yếu là người Sao Hỏa. Cuốn sách năm 1901 của nhà tâm lý Theodore Flournoy, *Từ Ấn Độ đến Hỏa Tinh* (From India to the Planet Mars), mô tả một đồng cốt nói tiếng Pháp trong trạng thái nhập đồng đã vẽ những bức tranh về người Sao Hỏa (họ trông giống như chúng ta) và còn đưa ra cả bảng chữ cái và ngôn ngữ của họ (rất giống tiếng Pháp). Bác sĩ tâm thần Carl Jung, trong luận văn tiến sĩ năm 1902 của ông, cũng mô tả một thiếu nữ Thụy Sĩ đã rất kích động khi nhận ra ra một “cư dân vũ trụ” đến từ Sao Hỏa, ngồi đối diện với cô trên tàu hỏa. Cô được kể rằng, người Hỏa tinh không hề biết đến khoa học, triết học, và linh hồn nhưng lại có nền công nghệ tiên tiến. “Những cỗ máy bay lượn tồn tại trên Sao Hỏa từ rất lâu; toàn bộ Sao Hỏa được phủ kín những kênh mương,” và vân vân. Charles Fort, nhà sưu tầm các câu chuyện khác thường, qua đời năm 1932, từng viết “Có lẽ có những cư dân của Sao Hỏa, đang bí mật gửi những báo cáo về thế giới này cho chính phủ của họ.” Trong những năm 1950, có một cuốn sách của Gerald Heard tiết lộ rằng chủ nhân của đĩa bay là những con ong Sao Hỏa rất thông minh.

Nhưng sau khi các con kênh được chứng minh là hão huyền bởi tàu *Mariner 9* vào năm 1971, và sau khi không hề có bằng chứng thuyết phục cho thấy các tàu *Viking 1* và *2* tìm thấy vi khuẩn trên Sao Hỏa vào năm 1976, thái độ nhiệt thành của công chúng dành cho những cư dân Sao Hỏa kiểu Lowel nhạt dần và chúng ta ít nghe nói đến những cuộc thăm viếng của người Sao Hỏa. Những sinh vật lạ sau đó được báo lại là từ những nơi khác đến. Tại sao vậy? Tại sao không phải là Sao Hỏa nữa? Và sau khi bề mặt của Sao Kim được phát hiện là đủ nóng để làm chảy chì, thì không hề có chuyện về người Sao Kim đến thăm. Phải chăng một số câu chuyện này đã điều chỉnh theo xu hướng niềm tin hiện hành? Điều đó nói lên gì về nguồn gốc của chúng?

Rõ ràng loài người rất dễ bị ảo giác. Có nghi ngờ thấy rõ là có đúng người ngoài Trái Đất có tồn tại, thường xuyên ghé thăm hành tinh của chúng ta không, hoặc bắt cóc và quấy rầy chúng ta hay không. Chúng ta có thể tranh luận về những chi tiết, nhưng chắc chắn có một cách giải thích được ủng hộ hơn hẳn các cách khác. Luận điểm chính quý vị có thể có khi đó là: Tại sao hiện nay nhiều người lại nói đến một loạt ảo giác cụ thể này như vậy? Tại sao lại là những sinh vật nhỏ bé xám xịt, và những chiếc đĩa bay, cùng với những thí nghiệm tình dục?

Chương 7. THẾ GIỚI QUỶ ÁM

*Có những thế giới bị quỷ ám,
Những vùng đất tối tăm hoàn toàn*

ÁO NGHĨA THU

(Ấn Độ, khoảng năm 600 trước Công nguyên)

Tâm lý sợ những thứ vô hình là mầm mống tự nhiên của điều mà trong mỗi người được gọi là tôn giáo

Thomas Hobbes
Leviathan
(1651)

Các vị thần quan sát chúng ta và dẫn dắt số phận chúng ta, nhiều nền văn hóa dạy như vậy; những thực thể khác, độc ác hơn, chịu trách nhiệm về sự tồn tại của cái xấu. Cả hai loại thực thể này, cho dù được coi là tự nhiên hay siêu nhiên, có thật hay tưởng tượng, đều phục vụ cho nhu cầu của con người. Thậm chí nếu chúng hoàn toàn kỳ quặc, thì người ta vẫn cảm thấy tin vào chúng sẽ tốt hơn. Cho nên, trong một thời đại khi những tôn giáo truyền thống đang có nguy cơ lép vế trước khoa học thì khoắc cho các vị thần và quỷ dữ ngày xưa bộ trang phục khoa học và gọi họ là sinh vật lạ sẽ là điều không tự nhiên?

Niềm tin vào quỷ dữ rất phổ biến trong thế giới cổ đại. Người ta nghĩ chúng là những sinh vật tự nhiên chứ không phải siêu nhiên. Hesiod thỉnh thoảng có nhắc đến chúng. Socrates mô tả cảm hứng triết học của ông là tác phẩm của một con quỷ nhân từ trong cá nhân ông. Thầy của ông, Diotima xứ Mantinea, dạy ông (trong *Nghị luận* (Symposium) của Plato) rằng “Mọi thứ ma quỷ đều là trung gian giữa Thần linh và cái chết. Thần linh không có liên hệ với con người.” Bà nói tiếp rằng “Chỉ có thông qua ma quỷ mới có sự giao tiếp và đàm thoại giữa con người và thần linh, cho dù lúc thức giấc hay trong giấc ngủ.”

Plato, học trò xuất sắc nhất của Socrates, dành cho ma quỷ một vai trò rất lớn: “Không con người nào được phú sức mạnh siêu việt để có thể sắp xếp các mối quan hệ của con người, và không mang trong mình đầy rẫy sai lầm và xác xược...”

Chúng ta không cho bò làm chúa tể loài bò, hay dê làm chúa loài dê, nhưng bản thân chúng ta là một giống loài siêu việt và cai quản chúng. Trong quyền năng của Chúa, với tình yêu chúng sinh của ngài, ngài đưa quỷ dữ, một giống loài siêu việt, lên trên chúng ta. Và quỷ dữ, không thua kém gì chúng ta, cai quản chúng ta và đem lại cho chúng ta sự bình yên, sung kính, trật tự và công lý không bao giờ mai một, làm cho các bộ tộc người hạnh phúc và đoàn kết.

Ông kiên quyết bác bỏ rằng quỷ dữ là nguồn gốc của xấu xa, và mô tả Thần Ái tình, người nắm giữ những cảm xúc nhục dục, như một quỷ dữ chứ không phải vị thần, “không bất tử cũng chẳng dễ chết,” “không tốt cũng chẳng xấu.” Nhưng tất cả những người theo trường phái Plato sau này, kể cả những người theo trường phái Tân Plato vốn rất có ảnh hưởng lên triết lý Thiên Chúa giáo, đều cho rằng một số ma quỷ tốt và một số xấu. Xu hướng này vẫn thay đổi qua lại như con lắc. Aristotle, học trò nổi tiếng của Plato, xem xét rất nghiêm túc quan điểm cho rằng những giấc mơ là do ma quỷ tạo ra. Plutarch và Porphyry gợi ý rằng ma quỷ, vốn đầy rẫy trong bầu không khí trên cao, đến từ Mặt trăng.

Các Giáo phụ Thiên Chúa giáo thời sơ khai, mặc dù thấm nhuần học thuyết Tân Plato từ nền văn hóa của mình, đều rất quan tâm đến chuyện tách biệt họ với hệ thống tín điều “ngoại giáo.” Họ dạy rằng tất cả tôn giáo ngoại giáo đều có thờ cúng ma quỷ và con người, hai đối tượng bị hiểu sai là các vị thần. Khi Thánh Paul nói (Ephesians 6:14) về thói ác độc ở những nơi cao xa, ông không chỉ nói đến sự sa đọa của chính quyền mà còn nói đến ma quỷ, những thực thể sống ở những nơi cao xa:

Vì chúng ta tranh đấu chống lại không chỉ bản tính con người, mà còn chống lại cả các bậc vương giả, chống lại cường quyền, chống lại những kẻ cai trị phần bóng tối của thế giới này,

chống lại thói ác độc tinh thần ở những nơi cao xa.

Ngay từ đầu, có rất nhiều ý nghĩa được gán cho ma quỷ, không chỉ đơn thuần là một ẩn dụ thi ca nhằm chỉ thói xấu trong tâm hồn con người.

Thánh Augustine rất khó chịu với ma quỷ. Ông trích dẫn tư tưởng ngoại giáo phổ biến thời kỳ của ông: “Thần thánh chiếm ngự những tôn giáo cao quý nhất, con người thấp nhất, còn ma quỷ ở giữa... Họ có cơ thể bất tử, nhưng lại có những cảm xúc trong tư duy chung với loài người.” Trong *Cuốn VIII* bộ *Thành phố của Chúa* (bắt đầu ở trang 413), Augustine so sánh truyền thống cổ xưa này, thay thế thần thánh bằng Chúa, và tạo dựng hình ảnh quỷ dữ – với quan điểm rằng chúng rất ác độc, không hề có ngoại lệ. Chúng không hề có những đức tính cứu rỗi loài người. Chúng là nguồn gốc của mọi thói xấu xa vật chất và tinh thần. Ông gọi chúng là “những động vật trên không... luôn hào hứng gây hại, căm ghét sự ngay thẳng, kiêu ngạo, đồ kỵ, và vô cùng mãnh khỏe.” Chúng có thể tự nhận là truyền đạt những thông điệp giữa Chúa và con người, mạo xưng là những thiên thần của Chúa, nhưng điều này chỉ là cái bẫy để lừa chúng ta tự diệt vong. Chúng có thể biến thành bất kỳ hình thức nào, và biết rất nhiều thứ – từ “demon” *cổ nghĩa là “tri thức”* trong tiếng Hy Lạp^[33] – đặc biệt là về thế giới vật chất. Tuy uyên bác, chúng lại không có lòng nhân ái. Chúng sẵn lòng “những bộ óc lấu cá và bị giam hãm của con người,” như lời Tertullian viết. “Chúng trú ngụ trong không gian, các tinh tú là lán giềng của chúng, chúng giao thiệp với các đám mây.”

Vào thế kỷ 11, Michael Psellus, nhà thần học, triết học và chính trị gia Byzantine rất có ảnh hưởng, đã mô tả ma quỷ bằng những từ này:

Những động vậy này tồn tại trong cuộc sống của chính chúng ta, vốn đầy những cảm xúc, vì chúng hiện diện trong cảm xúc, và nơi cư ngụ của chúng chính là nơi của vật chất, giống như địa vị và thứ bậc của chúng vậy. Vì lý do này nên chúng cũng khó tránh khỏi những cảm xúc và bị câu thúc bởi những cảm xúc ấy.

One Richalmus, cha trưởng tu viện Schonthal, khoảng năm 1270 đã viết ra toàn bộ luận thuyết về ma quỷ, với nhiều kiến thức mắt thấy tai nghe: Ông nhìn (nhưng chỉ khi đã nhắm mắt lại) thấy vô số ác quỷ, như là những hạt bụi, bay vo ve quanh đầu ông – và tất cả những người khác. Bất chấp liên tiếp có nhiều trào lưu thế giới quan duy lý, Ba Tư, Do Thái, Thiên Chúa giáo và Hồi giáo, bất chấp những biến động triết học, chính trị và xã hội mang tính cách mạng, sự tồn tại và thậm chí là tên gọi của ma quỷ vẫn không thay đổi từ thời Hesiod trải qua các cuộc Thập Tự chinh.

Ma quỷ, “những thế lực của không trung”, từ trời cao giáng xuống và có quan hệ tình dục bất hợp pháp với phụ nữ. Augustine tin rằng phù thủy là hậu duệ của những lần kết hợp bị cấm này. Thời Trung đại, gần như tất cả mọi người đều tin những câu chuyện như vậy. Ma quỷ cũng được gọi là ác quỷ, hoặc những thiên thần sa ngã. Những kẻ dụ dỗ phụ nữ này được gọi là thần ác mộng; còn nếu dụ dỗ nam giới thì gọi là hồ ly tinh. Có những trường hợp các nữ tu nói đến sự giống nhau kỳ lạ giữa thần ác mộng và giáo sĩ nghe xưng tội, hay là giám mục, và sáng hôm sau thức giấc, như một biện niên sử thế kỷ 15 kể lại, “thấy họ bị ô uế như thể họ đã thất thân với một người đàn ông.” Ở Trung Hoa cổ đại có những mô tả tương tự, nhưng trong hậu cung chứ không phải các nữ tu viện. Nhà văn tôn giáo thuộc Giáo hội Trưởng lão Richard Baxter (trong cuốn *Sự chắc chắn của thế giới linh hồn* – *Certainty of the World of Spirits*, 1691) cho rằng có nhiều phụ nữ nói đến các thần ác mộng “đến mức việc phủ nhận điều đó trở thành hành động vô liêm sỉ.”^[34]

Khi họ quyến rũ đối tượng, thần ác mộng và hồ ly tinh được cảm nhận như một sức nặng đè xuống ngực của người nằm mộng. Từ *mare*, bắt kể nghĩa Latin của nó, là một từ tiếng Anh cổ để chỉ thần ác mộng, và từ *nightmare* nguyên nghĩa là loài quỷ chuyên đè lên ngực người nằm ngủ, hành hạ họ bằng những giấc mơ. Trong cuốn *Cuộc đời của Thánh Anthony* (Life of St. Anthony) do Athanasius viết khoảng năm 360, ma quỷ được mô tả như tùy ý xuất hiện và biết mất trong những căn phòng khóa chặt; 1400 năm sau, trong tác phẩm *De Daemonialitate* của mình, học giả người Franciscan là Ludovico Sinistrari quả quyết với chúng ta rằng ma quỷ có khả năng đi xuyên qua các bức tường.

Thực tiễn tồn tại bên ngoài của ma quỷ gần như hoàn toàn không bị nghi ngờ ngay từ thời

xưa trải qua thời trung đại muộn. Maimonides^[35] phủ nhận thực tế tồn tại của chúng, nhưng đa số áp đảo các giáo sĩ Do Thái lại tin vào *dybbuks* (quỷ dữ). Một trong vài trường hợp tôi có thể nhận thấy ám chỉ rằng ma quỷ có thể là từ *bên trong*, được tạo ra trong tâm trí chúng ta, chính là khi Abba Poemen – một trong những đức cha của Giáo hội sơ khai – được hỏi

- Ma quỷ chống lại cha như thế nào?

- Vậy là có ma quỷ chống lại con ư? – Cha Poemen hỏi ngược lại. – Ý chí của chính chúng ta trở thành ma quỷ, và chính những thứ này tấn công chúng ta.

Quan điểm thời trung cổ về thần ác mộng và hồ ly tinh chịu ảnh hưởng từ tác phẩm ở thế kỷ thứ 4 *Dẫn giải về giấc mơ của Scipio* (Commentary on the Dream of Scipio) của Macrobius^[36] từng được công bố qua hàng chục ấn bản trước thời Khai sáng ở Châu Âu. Macrobius mô tả những bóng ma (*phantasma*) được nhìn thấy “trong khoảnh khắc giữa lúc thao thức khó ngủ và lúc chìm vào giấc ngủ.” Những người nằm mộng “tưởng tượng ra” ma như là những kẻ sẵn mồi. Macrobius có khía cạnh hoài nghi mà những độc giả thời trung đại của ông có xu hướng bỏ qua.

Nỗi ám ảnh về ma quỷ bắt đầu lên tới đỉnh điểm khi, trong Sắc lệnh nổi tiếng năm 1484, Giáo hoàng Innocent VIII tuyên bố,

Tại Chúng ta được nghe nói rằng có những người ở cả hai giới đã không tránh được việc giao hợp với những thiên thần ác độc, thần ác mộng và hồ ly tinh, và rằng bằng ma thuật, bùa chú, ma lực, và phù phép của chúng, chúng bóp ngạt, hủy diệt, và gây ra cái chết cho những hài nhi mới sinh.

Cũng như tạo ra vô số tai ương khác. Với Sắc lệnh này, Innocent khởi xướng việc buộc tội, tra tấn và hành quyết mang tính hệ thống đối với vô số “phù thủy” ở trên toàn Châu Âu. Họ bị buộc tội vì những gì Augustine đã mô tả như là “một sự can thiệp tội lỗi đối với thế giới vô hình.” Mặc dù ngôn từ của Sắc lệnh nói rất rõ đến “những người ở cả hai giới” nhưng không có gì lạ khi chủ yếu các cô gái và phụ nữ bị ngược đãi.

Nhiều tín đồ Tin Lành ở các thế kỷ tiếp theo, bất kể sự khác biệt của họ với Nhà thờ Công giáo, đã chấp nhận những quan điểm gần như giống hệt. Ngay cả những nhà nghiên cứu nhân văn như Desiderius Erasmus và Thomas Moore cũng tin có phù thủy. “Việc từ bỏ phép phù thủy,” John Wesley, người sang lập Hội Giám lý, nói “trên thực tế chính là từ bỏ Kinh Thánh.” William Blackstone, một luật gia lừng danh, khẳng định trong tác phẩm *Dẫn giải về Luật nước Anh* (Commentaries on the Laws of England) viết năm 1765:

Việc phủ nhận khả năng, không, sự tồn tại trên thực tế của phép phù thủy và ma thuật dứt khoát chính là đối lập với thế giới thiên khai của Chúa trong rất nhiều đoạn văn cả ở Kinh Tân ước lẫn Cựu ước.

Innocent khen ngợi “những người con trai đáng quý của Chúng ta Henry Kramer và James Sprenger,” những người “được Thư Tòa thánh ủy quyền làm Quan tòa dị giáo phán xét những hành vi đồi bại dị giáo này.” Nếu “những hành động ghê tởm và tội ác vẫn còn chưa bị trừng phạt” thì linh hồn của dân chúng sẽ phải đối mặt với kiếp đọa đầy vĩnh viễn.

Giáo hoàng giao cho Kramer và Sprenger viết hẳn một phân tích toàn diện, sử dụng toàn bộ kho vũ khí học thuật ở cuối thế kỷ 15. Với những trích dẫn thấu đáo từ Kinh Thánh và từ những học giả cổ đại cũng như đương đại, họ đưa ra tác phẩm *Malleus Maleficarum*, “Lưỡi búa của phù thủy” – được mô tả như một trong những tài liệu đáng sợ nhất trong lịch sử loài người. Thomas Ady, trong cuốn *Ngọn nến trong bóng tối* (A Candle in the Dark), chỉ trích tài liệu này như “những phát minh và học thuyết tàn bạo”, “những lời dối trá và điều không thể có khủng khiếp,” nhằm mục đích che giấu “sự tàn bạo không gì bằng của họ trước tai mắt của cả thế giới.” Cốt lõi của *Malleus* là nếu quý vị bị buộc tội là phù thủy, quý vị chính là phù thủy. Tra tấn là một phương tiện rất hữu hiệu để chứng minh cho giá trị của lời buộc tội. Không hề có quyền bào chữa. Không hề có cơ hội đối chất với những người buộc tội. Rất ít ai chú ý đến khả năng là những lời buộc tội có thể được đưa ra vì những mục đích nghịch đạo – ghen ghét hoặc trả thù, hoặc do lòng tham của những quan tòa vốn thường xuyên tịch thu tài sản của những bị cáo để trực lợi cho mình. Cuốn cẩm nang kỹ thuật của những kẻ tra tấn này còn bao gồm cả những

phương pháp trừng phạt được cải biến để xua đuổi ma quỷ ra khỏi cơ thể của nạn nhân trước khi người đó bị chính quá trình hành hạ này giết chết. Với cuốn *Malleus* trong tay và có sự bảo đảm từ lời khích lệ của Giáo hoàng, nhưng quan tòa dị giáo bắt đầu xuất hiện ở khắp Châu Âu.

Nó nhanh chóng trở thành một âm mưu liên quan đến tiền bạc. Toàn bộ chi phí điều tra, xét xử, và hành quyết đều do người bị kết tội hoặc thân nhân họ gánh chịu – đến tận lương công nhật cho những thám tử tư được thuê dò thám nạn nhân, rượu cho lính canh, những bữa tiệc cho các quan tòa, tiền đi lại của người đưa tin được cử đến một thành phố khác để mời một chuyên gia tra tấn có kinh nghiệm hơn, và cả củi, hắc ín và dây treo cổ. Rồi còn có tiền thưởng cho các thành viên của tòa án sau mỗi trường hợp phù thủy bị thiêu sống. Tài sản còn lại của phù thủy bị kết tội, nếu có, được phân chia giữa Nhà thờ và Nhà nước. Khi tình trạng ăn cướp và giết người tràn lan được thừa nhận về mặt luật pháp và đạo đức này được thể chế hóa, vì có hẳn một bộ máy quan lại đồ sộ xuất hiện để phục vụ cho nó, sự chú ý được chuyển từ những mục phù thủy và bà già nghèo khó sang những người trung lưu và giàu có ở cả hai giới.

Càng có nhiều người, do bị tra tấn, thừa nhận là phù thủy thì càng khó chấp nhận rằng thực chất phép phù thủy chỉ là điều tưởng tượng. Vì mỗi “phù thủy” đều bị ép khai ra những người khác nên con số tăng chóng mặt. Những chi tiết này tạo ra những “bằng chứng đáng sợ cho thấy Quỷ dữ vẫn đang tồn tại,” giống như tình trạng xảy ra sau này ở Mỹ trong các tòa án xét xử phù thủy diễn ra tại Massachussettes giai đoạn từ tháng 2 năm 1692 đến tháng 5 năm 1693. Ở một thời đại cả tin như vậy, thì lời khai hão huyền nhất được chấp nhận hết sức nghiêm chỉnh – kiểu như hàng vạn phù thủy tụ tập dự lễ Sabbath ở các quảng trường công cộng tại Pháp, hay là 12.000 phù thủy làm bầu trời u ám khi họ bay tới Newfoundland. Kinh thánh đã chỉ bảo “Các con sẽ không dung thứ cho phù thủy tồn tại.” Vô số phụ nữ đã bị thiêu sống.[\[37\]](#) Và những hình thức tra tấn khủng khiếp nhất thường xuyên được áp dụng cho mọi bị cáo, trẻ cũng như già, sau khi các dụng cụ tra tấn được các cha xứ làm phép. Innocent chết năm 1492, kéo theo những cố gắng bất thành nhằm giúp ông ta sống lại bằng truyền máu (khiến cho ba cậu bé bị chết) hay bằng cách bú sữa của một người mẹ đang nuôi con nhỏ. Ông được vợ con an táng.

Tại Anh, những người săn phù thủy, còn được gọi là những “mũi dùi”, được thuê và sẽ nhận được khoản tiền thưởng hậu hĩnh cho mỗi cô gái hoặc phụ nữ họ đến tới hành quyết. Họ không hề được nhắc nhở phải thận trọng trong những lời cáo buộc của mình. Thông thường, họ tìm kiếm “những dấu hiệu của quỷ” – những vết sẹo hoặc vết chàm – mà khi dùng kim nhọn đâm vào không thấy đau hay chảy máu. Một thủ pháp đơn giản thường cũng cho thấy cây kim cắm sâu vào thịt của phù thủy. Khi không có dấu hiệu rõ ràng nào thì “những dấu hiệu vô hình” sẽ được sử dụng. Lúc lên giá treo cổ, một “mũi dùi” ở giữa thế kỷ 17 “thú nhận đã gây ra cái chết cho hơn 220 phụ nữ ở Anh và Scotland, để nhận 20 shillings mỗi trường hợp.”[\[38\]](#)

Trong các phiên tòa xử phù thủy, những bằng chứng giảm nhẹ hay nhân chứng bào chữa không được thừa nhận. Trong bất kỳ trường hợp nào, gần như không thể cung cấp chứng cứ ngoại phạm thuyết phục cho những phù thủy bị cáo buộc: Các quy tắc bằng chứng có một đặc điểm đặc biệt. Chẳng hạn, trong nhiều trường hợp, một người chồng chứng thực rằng vợ mình vẫn ngủ trong tay mình vào thời điểm cô ấy bị cáo buộc là đang nô giỡn với quỷ sứ tại một lễ Sabbath của phù thủy; nhưng tổng giám mục kiên nhẫn giải thích rằng đã có một con quỷ khác thế chỗ cho người vợ. Người chồng không thể ngờ rằng sức mạnh nhận thức của mình có thể áp đảo được sức mạnh lừa gạt của quỷ Satan. Người phụ nữ trẻ trung xinh đẹp tất yếu bị đưa lên giàn hỏa thiêu.

Có những yếu tố tình dục và thù ghét đàn bà – điều dễ thấy trong một xã hội bị kìm nén về tình dục và đàn ông chiếm ưu thế, với những quan tòa dị giáo xuất thân từ tầng lớp giáo sĩ không lập gia đình. Các phiên tòa rất chú ý đến chất lượng và số lượng cực khoái trong những lần giao hợp giữa phạm nhân với quỷ sứ (mặc dù Augustine quả quyết “chúng ta không thể gọi Quỷ sứ là kẻ gian dâm”) và tới bản chất “thành viên” của gia đình Quỷ sứ (theo hầu hết các báo cáo là lạnh lẽo). “Những dấu hiệu của Quỷ sứ” được tìm thấy “thường ở trên ngực hoặc những bộ phận kín” theo cuốn sách năm 1700 của Ludovico Sinistrari. Kết quả là, phần lông mu bị cạo sạch, và cơ quan sinh dục ngoài được những ông quan tòa dị giáo khám xét rất kỹ càng.

Khi hành quyết cô gái 20 tuổi Joan of Arc, sau khi vấy áo của cô đã bén lửa, đao phủ Rouen cời bớt lửa để người xem có thể nhìn rõ “toàn bộ bí mật có thể hoặc nên có ở một phụ nữ.”

Biên niên sử về những người bị thiêu sống chỉ riêng tại thành phố Wurzburg, Đức, trong năm 1598 nhìn thấu những con số thống kê và cho chúng ta đối mặt với một chút sự thật của loài người:

Ủy viên nguyên lão viện, có tên Gering; bà già Kanzler; bà vợ béo của ông thợ may; bà đầu bếp của ông Mengerdorf; một người lạ mặt; một phụ nữ lạ mặt; Baunach, một nguyên lão, công dân béo nhất tại Wurzburg; ông thợ rèn già của tòa án; một bà già; một cô bé khoảng 9-10 tuổi; một cô bé nhỏ hơn, em gái cô kia; mẹ của hai cô gái nhỏ vừa nói trên; con gái của Liebler; con của Goebel, thiếu nữ xinh đẹp nhất Wurzburg; một sinh viên biết nhiều thứ tiếng; hai cậu bé từ Minster, đều 12 tuổi; con gái nhỏ của Stepper; người phụ nữ giữ cổng lên cầu; một bà già; cậu con trai nhỏ của chấp hành viên tòa án hội đồng thành phố; vợ của anh đồ tể Knertz; cô con gái còn ẵm ngửa của Bác sĩ Schultz; một cô gái mù; Schwartz, giáo sĩ tại Hach...

Danh sách còn dài mãi. Một số người nhận được sự chú ý rất nhân bản: “Cô con gái nhỏ của Valkenberger bị hành quyết kín và thiêu sống.” Có 28 vụ hành hình công khai, mỗi vụ gồm trung bình 4 đến 6 nạn nhân, tại thành phố nhỏ bé đổ chỉ trong cùng một năm. Đây chỉ là một thế giới vi mô của những gì diễn ra trên toàn Châu Âu. Không một ai biết có bao nhiêu người đã bị giết – có lẽ hàng trăm nghìn, có lẽ hàng triệu. Những người chịu trách nhiệm truy tố, tra tấn, xét xử, thiêu sống và bào chữa đều hết mình. Cứ hỏi họ mà xem.

Họ không phạm sai lầm. Những lời thú nhận về phép phù thủy không thể dựa trên những ảo giác hoặc những cố gắng tuyệt vọng nhằm thỏa mãn các vị quan tòa dị giáo và chấm dứt việc tra tấn. Trong trường hợp như vậy, như lời giải thích của quan tòa phù thủy Pierre de Lancre (trong cuốn sách năm 1612 của ông nhan đề *Mô tả về tính thiếu chung thủy của những thiên thần độc ác* – Description of the Inconstancy of Evil Angels), Nhà thờ Công giáo đã phạm một tội ác rất lớn khi thiêu sống các phù thủy. Do đó, những người nêu lên khả năng đó cũng bị coi là đang tấn công Nhà thờ và *bởi tự bản thân việc đó* nên họ đang phạm một tội ác đáng chết. Những người chỉ trích tình trạng thiêu sống phù thủy bị trừng phạt và, trong một số trường hợp, chính họ cũng bị thiêu sống. Các vị quan tòa và đao phủ tra tấn đang làm công việc của Chúa. Họ đang cứu rỗi các linh hồn. Họ đang đẩy lùi quỷ dữ.

Dĩ nhiên thuật phù thủy không phải là phương thức duy nhất để dung túng việc tra tấn và thiêu sống người. Dị giáo là một tội danh còn nghiêm trọng hơn, và cả Công giáo lẫn Tin Lành đều trừng phạt rất tàn nhẫn. Vào thế kỷ 16, học giả William Tyndale đã liều lĩnh dự tính dịch Kinh Tân ước sang tiếng Anh. Nhưng nếu người ta có thể đọc Kinh thánh bằng ngôn ngữ của mình thay vì tiếng Latin bí hiểm thì người ta cũng có thể hình thành những quan điểm tôn giáo độc lập của riêng mình. Họ có thể hình thành đường dây riêng không hề có trung gian với Chúa. Đây là một thách thức đối với nhiệm vụ của các giáo sĩ Công giáo La Mã. Khi Tyndale tìm cách xuất bản bản dịch của mình, ông bị săn lùng và truy đuổi trên khắp Châu Âu. Cuối cùng, ông bị bắt, thắt cổ đến chết và sau đó, như một biện pháp răn đe, bị thiêu. Các bản Kinh Tân ước của ông (chỉ một thế kỷ sau trở thành cơ sở cho bản dịch tuyệt vời của Vua James) sau đó bị đội vũ trang – những tín đồ Thiên Chúa giáo sùng đạo bảo vệ Thiên Chúa giáo bằng cách ngăn những tín đồ khác biết đến những lời dạy của Chúa Jesus – săn lùng trong từng ngôi nhà. Luồng tư duy như vậy, bầu không khí tự tin tuyệt đối rằng tri thức cần được đền đáp bằng tra tấn và giết chóc như vậy không chắc giúp gì cho những người bị kết tội phù thủy.

Thiêu sống phù thủy là một đặc điểm của nền văn minh phương Tây vốn thoái trào kể từ thế kỷ 16, với những ngoại lệ chính trị hiếm hoi. Trong đợt hành quyết phù thủy cuối cùng ở Anh, một phụ nữ và cô con gái 9 tuổi của bà bị treo cổ. Tội danh của họ là gây ra mưa bão bằng cách tháo bỏ đôi tất. Trong thời đại chúng ta, phù thủy và ma được tìm thấy thường xuyên trong những nội dung giải trí cho trẻ con, phép phù chú của quỷ sứ vẫn được thực hiện tại các nhà thờ Công giáo La Mã và các nhà thờ khác, và những người đề xướng một tín ngưỡng vẫn kích liệt lên án những tập tục thờ cúng của người khác là ma thuật. Chúng ta vẫn sử dụng từ “xử quỷ” (nghĩa đen là toàn bộ ma quỷ). Một người phát cuồng và hung hãn vẫn bị gọi là đồ quỷ. (Mãi cho tới thế kỷ 18, bệnh tâm thần mới không còn bị gán cho những nguyên nhân siêu nhiên; ngay cả chứng mất ngủ cũng từng bị coi là một sự trừng phạt do ma quỷ gây ra). Hơn

một nửa người Mỹ nói với những người thăm dò ý kiến rằng họ “tin” vào sự tồn tại của Quỷ sứ, và 10% từng giao tiếp với quỷ, như Martin Luther từng nói ông thường xuyên làm việc đó. Trong một “cẩm nang chiến tranh tinh thần” viết năm 1992 gọi là *Chuẩn bị chiến tranh* (Prepare for War), Rebecca Brown thông báo với chúng ta rằng náo thai và tình dục ngoài hôn nhân “sẽ gần như luôn dẫn đến tình trạng quấy phá của ma quỷ;” rằng ngồi thiền, yoga và võ thuật được sáng tạo ra để những tín đồ Thiên Chúa giáo đầy đức tin sẽ bị dụ dỗ đi vào con đường thờ cúng ma quỷ; và rằng “nhạc rock không chỉ ‘vậy vậy thôi’ mà đó là một kế hoạch được hoạch định kỹ càng bởi không ai khác hơn là quỷ Satan.” Đôi khi, “những người yêu thương của bạn bị ma quỷ trói buộc và che mắt.” Ngành nghiên cứu ma quỷ ngày nay vẫn là một phần của nhiều tín điều đứng đắn nhất.

Vậy đám ma quỷ đó làm những việc gì? Trong *Malleus*, Kramer và Sprenger hé lộ rằng “quỷ sứ... bận rộn với việc can thiệp vào quá trình giao hợp và thụ thai bình thường, với việc thu lấy tinh dịch của loài người, và truyền tinh dịch của chúng.” Quá trình thụ tinh nhân tạo thời Trung Đại ít nhất có nguồn gốc từ thời Thánh Thomas Aquinas, người nói với chúng ta trong cuốn *Về Chúa ba ngôi* (On the Trinity) rằng “ma quỷ có thể truyền tinh dịch mà chúng thu được và phóng vào cơ thể người khác.” Người cùng thời với ông, Thánh Bonaventura, nói kỹ hơn một chút: Hồ ly tinh “chui hiển mình cho đàn ông và nhận tinh dịch của họ; bằng kỹ năng quỷ quyết, ma quỷ duy trì khả năng giao cấu của chúng, và sau đó, với sự cho phép của Chúa, chúng trở thành những thần ác mộng và trút vào những kho chứa là cơ thể phụ nữ.” Sản phẩm của những sự kết hợp có ma quỷ làm trung gian này cũng được ma quỷ chăm chút, khi chúng trưởng thành. Một mối liên hệ nhục dục giữa hai giống loài qua nhiều thế hệ được hình thành. Và những sinh vật này, chúng ta gọi như vậy, có khả năng bay lượn; thực tế, chúng cư trú trong bầu không khí phía trên.

Không hề có con tàu vũ trụ nào trong câu chuyện này. Nhưng hầu hết các yếu tố trung tâm trong câu chuyện về hiện tượng sinh vật lạ bắt cóc người đều hiện diện, kể cả những sinh vật không phải người bị ám ảnh về tình dục, sống trong không trung, đi xuyên qua tường, giao tiếp bằng ngoại cảm, và thực hiện những thí nghiệm lai giống trên loài người. Trừ phi *chúng ta* tin rằng ma quỷ thực sự tồn tại, nếu không làm sao chúng ta có thể hiểu được một hệ thống tín điều lạ lùng, ăn sâu bén rễ ở toàn bộ thế giới phương Tây (kể cả những người được coi là khôn ngoan nhất trong số chúng ta), được củng cố bởi những trải nghiệm cá nhân ở mọi thế hệ, và được Nhà thờ và Nhà nước rao giảng như vậy? Liệu có khả năng thay thế thực sự nào khác bên cạnh một ảo tưởng chung dựa vào môn hóa học và mạng lưới não bộ chung hay không?

Trong *Sáng thế ký*, chúng ta đọc được những thiên thần cặp đôi với “những cô con gái của người trần.” Văn hóa thần thoại Hy Lạp và La Mã nói đến các vị thần tìm đến phụ nữ trong hình dạng bò đực hoặc thiên nga hoặc những cơn mưa vàng và khiến cho họ thụ thai. Trong một truyền thống Thiên Chúa giáo xưa, triết học khởi nguồn không phải từ sự khéo léo của con người mà từ những lời đường mật lúc đầu gối tay ấp của ma quỷ – những thiên thần sa ngã tiết lộ những bí mật của Thiên đình cho vợ/ chồng mình ở trần thế. Những câu chuyện với các yếu tố tương tự xuất hiện trong nhiều nền văn hóa trên khắp thế giới. Song song với các thần ác mộng còn có ma thần của người Arab (djinn), thần rừng nửa người nửa dê (satyr) của Hy Lạp, tà thần (bhut) của người Hindu, dân thần (hotua poro) của người Samoa, quỷ (dusii) của người Celtic, và nhiều loại khác. Trong một kỷ nguyên bị mê cuồng về ma quỷ thì quá dễ để quỷ thần hóa những đối tượng mà chúng ta sợ hoặc thù ghét. Cho nên Merlin được đồn là con của một thần ác mộng. Rồi Plato, Alexander Đại đế, Augustus, và Martin Luther cũng vậy. Đôi khi, cả một dân tộc – chẳng hạn người Hung Nô hay những cư dân ở đảo Cyprus – cũng bị kẻ thù của họ quy kết là nòi giống của ma quỷ.

Theo truyền thống và luật Do Thái, hồ ly tinh nguyên mẫu là Lilith, được Chúa trời tạo ra từ cát bụi cùng với Adam. Nàng bị trục xuất khỏi vườn Địa đàng vì không chịu vâng lời – không phải với Chúa trời mà với Adam. Kể từ đó, nàng quyến rũ con cháu của Adam vào ban đêm. Trong nền văn hóa Iran và nhiều nền văn hóa khác, những lần xuất tinh về đêm được tin là do hồ ly tinh gây ra. Thánh Teresa xứ Avila từng nói đến một lần ăn nằm với một thiên thần – một thiên thần ánh sáng, không phải bóng tối, bà tin chắc như vậy – giống như những phụ nữ khác được Nhà thờ Công giáo phong thánh sau này. Cagliostro, thuật sĩ ở thế kỷ 18, tìm cách để cho mọi người hiểu rằng ông ta, giống như Jesus xứ Nazareth, là một sản phẩm của sự kết hợp “giữa hậu duệ của thiên đàng và trái đất.”

Năm 1645, một thiếu nữ người Cornish tên là Anne Jefferies được phát hiện trong tình trạng lão đạo và ngã gục xuống sàn. Rất lâu sau, cô nhớ lại cô bị nửa tá những người nhỏ bé tấn công, đưa tới một lâu đài trong không trung, bị dụ dỗ giao hợp và đưa trở lại nhà. Cô gọi những người nhỏ bé ấy là tiên. (Với nhiều tín đồ Thiên Chúa giáo mộ đạo, cũng như với các quan tòa dị giáo xử Joan of Arc, đây là một sự phân biệt không có khác biệt. Tiên là ma quỷ, đơn giản vậy thôi). Họ trở lại để dọa dẫm và hành hạ cô. Năm sau, cô bị bắt vì tội danh phù thủy. Theo truyền thống, tiên đều có sức mạnh kỳ diệu, và có thể gây ra tình trạng tê liệt chỉ bằng một cái chạm nhẹ. Sự trôi chảy bình thường của thời gian bị chậm lại trong cõi tiên. Tiên không có khả năng sinh sản, cho nên họ giao hợp với con người và bắt những đứa trẻ trong nôi mang đi – thỉnh thoảng để lại một đứa trẻ cõi tiên thay thế. Giờ đây, có vẻ như có một câu hỏi rõ ràng: Nếu Anne Jefferies lớn lên trong một nền văn hóa biết đến sinh vật lạ hơn là thần tiên, và UFO hơn là những lâu đài trong không trung, thì liệu câu chuyện của cô có thể nhận diện được trong bất kỳ khía cạnh chính nào so với những câu chuyện mà “những người bị bắt cóc” kể lại hay không?

Trong cuốn sách viết năm 1982, *Nỗi hãi hùng về đêm: Một nghiên cứu tập trung vào trải nghiệm đối với những vụ tấn công siêu nhiên* (The Terror Comes in the Night: An Experience-Centered Study of Supernatural Assault Traditions), David Hufford mô tả một nhà quản trị, trình độ đại học, độ tuổi ngoài 30, nhớ lại một mùa hè tại nhà cô ruột của mình khi còn niên thiếu. Có một đêm, cậu đã nhìn thấy những ánh sáng bí ẩn di chuyển trên bến cảng. Sau đó, cậu thấy buồn ngủ. Từ trên giường, cậu chứng kiến một hình dáng màu trắng, tỏa sáng leo lên cầu thang. Bà ta bước vào phòng cậu, dừng lại và nói – với tôi dường như hạ thấp dần – “Đó là vải sơn lót nhà.” Có một số buổi tối, hình dáng đó là một bà già; lúc khác lại là một con voi. Đôi khi chàng trai trẻ tin chắc toàn bộ sự việc chỉ là một giấc mơ; có lúc cậu ta lại tin chắc mình tỉnh táo. Cậu bị ép chặt xuống giường, không cử động được, không thể nhúc nhích hay hét lên. Tim cậu đập dồn. Cậu thấy hụt hơi. Những sự kiện tương tự diễn ra trong nhiều đêm liên tiếp. Chuyện gì đang diễn ra ở đây? Những sự kiện này diễn ra trước khi các vụ bắt cóc của sinh vật lạ được mô tả rộng rãi. Nếu chàng trai trẻ đã biết đến các vụ bắt cóc của sinh vật lạ thì phải chăng bà già của cậu ta sẽ có một cái đầu to hơn và cặp mắt lớn hơn?

Trong một số bài viết nổi tiếng trong cuốn *Sự suy tàn và sụp đổ của Đế chế La Mã* (The Decline and Fall of the Roman Empire), Edward Gibbon mô tả sự cân bằng giữa tính cả tin và

thái độ hoài nghi trong truyền thống kinh điển xưa:

Tính cả tin thực hiện nghi lễ cho tín điều; sự cuồng tín được phép chiếm lấy ngôn ngữ của cảm hứng, và những hiệu quả của sự ngẫu nhiên và thủ đoạn được gán cho những nguyên nhân siêu nhiên...

Ở thời hiện tại [Gibbon viết vào giữa thế kỷ 18], một thái độ hoài nghi ngấm ngầm hoặc thậm chí vô tình bám chặt lấy những thiên hướng đạo đức giả nhất. Việc họ thừa nhận những chân lý siêu nhiên không phải là một nội dung tích cực mà là một sự mặc nhận thụ động và lạnh lùng. Từ lâu đã quen với việc tuân thủ và tôn trọng trật tự cố định của Tự nhiên, lý trí chúng ta, hay ít nhất là trí tưởng tượng của chúng ta, không được chuẩn bị đầy đủ để chống lại hành động hữu hình của Thượng đế. Nhưng trong những giai đoạn đầu của Thiên Chúa giáo, tình thế của nhân loại cực kỳ khác. Những người ngoại giáo tò mò nhất, hoặc cả tin nhất, thường được thuyết phục để tham dự vào một xã hội vốn khẳng định trên thực tế những quyền lực nhiệm màu. Những tín đồ Thiên Chúa giáo nguyên thủy liên tục đặt chân trên nền tảng thần bí, và tâm trí họ được rèn luyện bởi những thói quen tin tưởng vào những sự kiện phi thường nhất. Họ cảm thấy, hoặc họ tưởng tượng, rằng ở mọi phương diện, họ không ngừng bị ma quỷ tấn công, được an ủi bằng những ảo ảnh, được dẫn dắt bằng những lời tiên tri, và thật ngạc nhiên là được giải thoát khỏi hiểm nguy, bệnh tật và cả cái chết, bởi những lời cầu khẩn của giáo hội...

Chính tín ngưỡng kiên định của họ cho rằng cái bầu không khí mà chúng ta hít thở đầy rẫy những kẻ thù vô hình; đầy rẫy những ma quỷ theo dõi mọi sự kiện, và ẩn núp dưới mọi hình thức, để dọa nạt, và trên hết để xúc giục, đức hạnh không được bảo vệ của họ. Trí tưởng tượng, và thậm chí các giác quan, bị đánh lừa bởi những ảo giác của sự cuồng tín bị xáo trộn; và nhà ẩn sĩ, người mà mọi lời cầu nguyện lúc nửa đêm bị giấc ngủ vô tình đè xuống, có thể dễ dàng gây lúng túng cho lũ ma quỷ khiếp sợ hoặc khoái lạc đã chiếm ngự giấc ngủ hoặc những giấc mơ lúc tỉnh giấc của mình...

Thói mê tín thích hợp với quần chúng đến mức, nếu họ bị đánh thức, họ vẫn tiếc nuối việc đánh mất những ảo ảnh dễ chịu của mình. Sự mê cuồng những điều kỳ diệu và siêu nhiên, sự tò mò của họ đối với những sự kiện tương lai, và xu hướng mạnh mẽ muốn mở rộng những hy vọng và sợ hãi của mình vượt hẳn mọi giới hạn của thế giới hữu hình, là những nguyên nhân chính dung dưỡng cho sự hình thành đa thần giáo. Vì thế quần chúng rất cần có đức tin, rằng sự sụp đổ của bất kỳ hệ thống thần thoại nào cũng sẽ được kế tục bởi việc ra đời một hình thái mê tín nào đó...

Xin hãy gạt bỏ sắc thái màu mè xã hội của Gibbon: Quỷ sứ cũng quấy nhiễu các tầng lớp trên, và thậm chí một vị vua xứ Anh là James I, vị vua Stuart đầu tiên – còn viết hẳn một cuốn sách đầy chất mê tín và cả tin về ma quỷ (*Ma quỷ học* – *Daemonology*) vào năm 1597. Ông cũng là người bảo trợ cho việc dịch Kinh thánh sang tiếng Anh và bản dịch này vẫn được mang tên ông. Chính ý kiến của Vua James cho rằng thuốc lá là “quỷ thảo” và nhiều phù thủy bị phát giác do họ nghiện thứ thuốc này. Nhưng vào năm 1618, James trở thành một người hoài nghi triệt để – chủ yếu vì người ta phát hiện ra nhiều thanh thiếu niên giả mạo hiện tượng quỷ ám, và ở hiện trạng đó, người ta buộc tội cho những người vô tội là thực hiện phép phù thủy. Nếu chúng ta cho rằng thái độ hoài nghi mà Gibbon nói đến là đặc trưng cho thời đại của ông và suy tàn ở thời đại chúng ta, và thậm chí nếu một chút tàn dư của tính cả tin mà ông gán với thời kỳ xa xưa còn sót lại trong thời chúng ta thì phải chăng chúng ta cũng không nên kỳ vọng điều gì đó như ma quỷ sẽ tìm được một chỗ trong nền văn hóa đại chúng hiện tại?

Dĩ nhiên, như những người nhiệt thành tin vào các cuộc viếng thăm của người ngoài Trái Đất thường nhanh chóng nhắc cho tôi nhớ, có một cách diễn giải khác cho những điểm tương đương mang tính lịch sử này: Họ nói rằng, sinh vật lạ *luôn* ghé thăm chúng ta, thúc giục chúng ta, đánh cắp tinh trùng và trứng của chúng ta, làm chúng ta thụ thai. Ở giai đoạn trước, chúng ta nhìn nhận họ như những vị thần, ma quỷ, thần tiên, hay các linh hồn; chỉ giờ đây chúng ta mới thật sự hiểu rằng chính những sinh vật lạ vẫn đang đánh lừa chúng ta suốt những thiên niên kỷ qua. Jacques Vallee^[39] đã đưa ra những luận điểm như thế. Nhưng vậy tại sao thực tế lại không hề có báo cáo nào về các đĩa bay vào trước năm 1947? Tại sao không hề có một tôn

giáo nào trên thế giới sử dụng hình ảnh chiếc đĩa làm biểu tượng của thần thánh? Tại sao không có cảnh báo nào về những hiểm họa công nghệ cao? Tại sao thử nghiệm di truyền này, cho dù mục tiêu là gì, lại không được hoàn thành vào lúc này – hàng nghìn năm hoặc hơn thế sau khi được khởi xướng bởi những sinh vật được cho là đã đạt được trình độ công nghệ cực kỳ siêu việt? Tại sao chúng ta lại ở trong tình trạng phiền toái như vậy nếu như chương trình lai giống được vạch ra để cải thiện số mệnh chúng ta?

Theo dõi mạch luận điểm này, chúng ta có thể dự đoán những môn đồ hiện tại của những tín điều cũ để hiểu “sinh vật lạ” là tiên, các vị thần, hoặc quỷ sứ. Trên thực tế, có một số trường phái đương đại – chẳng hạn nhóm Raelian – cho rằng các vị thần hoặc Chúa Trời đã đến Trái Đất trong những chiếc UFO. Một số người bị bắt cóc mô tả những sinh vật lạ, mặc dù trông rất đáng ghê, như những “thiên thần”, hoặc “sứ giả của Chúa.” Và có những người vẫn nghĩ đó chính là quỷ sứ:

Trong cuốn *Giao tiếp* (Communication) của Whitley Strieber, một câu chuyện mắt thấy tai nghe về “vụ bắt cóc của sinh vật lạ,” tác giả kể

Có thứ gì đó dường như xấu quỷ quái, tởm lợm, u ám và đầy sát khí. Dĩ nhiên đó chính là quỷ sứ. Chúng hẳn phải... Tôi vẫn nhớ cái thứ đó núp ở đó, xấu xí kinh khủng, những cánh tay và chân của nó trông như chân cẳng của một con côn trùng to tướng, mắt nó nhìn tôi chòng chọc.

Theo như đưa tin, Strieber hiện để ngỏ khả năng rằng những nỗi hãi hùng ác mộng này là những giấc mơ hoặc ảo giác.

Các bài viết về UFO trên *Từ điển bách khoa Tin tức Thiên Chúa giáo* (The Christian News Encyclopedia), một tài liệu biên soạn theo trào lưu chính thống, bao gồm cả bài “Nỗi ám ảnh cuồng tín phi Thiên Chúa” và “Giới khoa học tin UFO làm việc cho Quỷ sứ.” Dự án Những vật giả mạo tinh thần Berkeley, California, dạy rằng UFO có nguồn gốc ma quỷ; Giáo hội Phụng vụ Vũ trụ Aquarian ở McMinnville, Oregon, thì cho rằng tất cả sinh vật lạ đều có thái độ thù nghịch. Một tờ bản tin “Giao tiếp Nhận thức Vũ trụ” năm 1993 thông báo với chúng ta rằng những chủ nhân của UFO nghĩ loài người như những động vật thí nghiệm, muốn chúng ta tôn thờ họ, nhưng lại có xu hướng bị ngăn cản bởi những lời cầu nguyện Chúa Trời. Một số người bị bắt cóc bị trục xuất khỏi các giáo đoàn tôn giáo Phúc âm của họ; những câu chuyện của họ nghe quá gần với phái thờ cúng Satan. Một tiểu luận tôn giáo trào lưu chính thống năm 1980, nhan đề *Bùng nổ tôn thờ* (The Cult Explosion), của Dave Hunt, tiết lộ rằng

UFO... rõ ràng không mang tính vật chất và dường như là những biểu hiện ma quỷ từ một chiều không gian khác được tính toán để thay thế cách tư duy của con người... Những thực thể được xem là UFO đã giao tiếp tâm linh với con người luôn thuyết giảng bốn điều dối trá mà con rắn đã nói cho Eve... Những sinh vật này là quỷ sứ và chúng đang chuẩn bị Kẻ chống Chúa.

Nhiều môn phái cho rằng UFO và các vụ bắt cóc của sinh vật lạ là điềm báo trước về “thời kỳ chấm dứt.”

Nếu các UFO đến từ một hành tinh khác hoặc một chiều không gian khác thì phải chăng chúng do cùng một vị Chúa Trời mà chúng ta đã biết đến trong bất kỳ tôn giáo lớn nào cử đến? Quan điểm trào lưu chính thống cho rằng, không có gì trong các hiện tượng UFO đòi hỏi phải tin vào một Chúa Trời đích thực, trong khi nhiều chi tiết trong đó lại đối lập với Chúa Trời được khắc họa trong Kinh Thánh và truyền thống Thiên Chúa giáo. Cuốn *Kỷ nguyên mới: Phê bình Thiên Chúa giáo* (The New Age: A Christian Critique) của Ralph Rath (1990) thảo luận về UFO – điển hình cho dòng văn học như vậy, với đặc tính cả tin thái quá. Nó phục vụ mục đích của họ là chấp nhận UFO là có thực và xem chúng như những công cụ của quỷ Satan và Kẻ chống Chúa, chứ không phải sử dụng lưới gươm hoài nghi khoa học. Công cụ đó, một khi được mài sắc, có thể hoàn tất không chỉ một vấn đề dị giáo hạn chế.

Tác giả Thiên Chúa giáo trào lưu chính thống Hal Lindsey, trong cuốn sách tôn giáo ăn khách năm 1994 nhan đề *Hành tinh Trái Đất – năm 2000 sau Công nguyên* (Planet Earth – 2000 AD), viết

Tôi hoàn toàn bị thuyết phục rằng UFO là có thật... Chúng được vận hành bởi những sinh vật lạ có trí tuệ và sức mạnh lớn lao... Tôi tin những sinh vật này không chỉ ở ngoài Trái Đất mà

còn có nguồn gốc siêu nhiên. Nói thẳng ra, tôi nghĩ họ là quỷ sứ... một phần trong âm mưu của quỷ Satan.

Vậy cái gì là bằng chứng cho kết luận này? Trước hết chính là những câu thơ ở thế kỷ 11 và 12 của Luke, Chương 21, trong đó Jesus nói về “những dấu hiệu lớn từ Thiên Đàng” – chẳng có gì giống một UFO được miêu tả – vào những ngày cuối cùng. Lindsey bỏ qua đoạn thơ 32, trong đó Jesus nói rất rõ ngài đang nói về những sự kiện ở thế kỷ 1, chứ không phải thế kỷ 20.

Cũng có một truyền thống Thiên Chúa giáo theo đó sự sống ngoài Trái Đất không thể tồn tại. Trong *Tin tức Thiên Chúa giáo* ngày 23 tháng 5 năm 1994, lấy ví dụ, W. Gary Crampton, Tiến sĩ Thần học, nói cho chúng ta biết tại sao:

Kinh Thánh, hoặc nói thẳng hoặc ẩn ý, nói đến mọi lĩnh vực của cuộc sống; nó không bao giờ để ngỏ cho chúng ta mà lại không có một câu trả lời. Kinh Thánh không có chỗ nào công khai khẳng định hay phủ nhận sự sống thông minh ngoài Trái Đất. Tuy nhiên, về mặt ẩn ý, Kinh Thánh thực sự phủ nhận sự tồn tại của những sinh vật như vậy, do đó cũng phủ nhận khả năng có các đĩa bay... Kinh Thánh xem Trái Đất là trung tâm của vũ trụ... Theo Peter, một Đấng Cứu thế “ngao du giữa các hành tinh” là điều không nên nghi ngờ. Đây là một câu trả lời cho vấn đề sự sống thông minh trên những hành tinh khác. Nếu có như vậy, ai sẽ cứu rỗi cho họ? Chắc chắn không phải Chúa Jesus... Những trải nghiệm không tương ứng với những lời dạy trong Kinh Thánh luôn cần bị xem là sai lầm. Kinh Thánh là độc quyền chân lý.

Nhưng nhiều trường phái Thiên Chúa giáo khác – chẳng hạn Công giáo La Mã – lại hoàn toàn phóng khoáng, không hề có những phản bác suy diễn hay khẳng định quả quyết nào về thực tế của những sinh vật lạ và UFO.

Vào đầu những năm 1960, tôi từng cho rằng những câu chuyện UFO được tạo ra chủ yếu nhằm thỏa mãn những mong đợi tôn giáo. Ở thời điểm khoa học có mối liên hệ chặt chẽ phức tạp và không thể chỉ trích với những tôn giáo thời xưa thì một khả năng được dành cho giả thuyết Chúa Trời: Khoác bộ áo khoa học, sức mạnh to lớn của họ “được lý giải” bằng hệ thống thuật ngữ khoa học hời hợt, thần thánh và ma quỷ từ thiên đàng giáng xuống để ám ảnh chúng ta, để đưa ra những cảnh mộng mang tính tiên báo, và để phỉnh phờ chúng ta bằng những ảo tưởng về một tương lai hứa hẹn hơn: Một tôn giáo bí ẩn ở thời đại vũ trụ đang hình thành.

Nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Thomas E. Bullard viết vào năm 1989 rằng

Những báo cáo về hiện tượng bắt cóc nghe như những gì viết lại truyền thống hội ngộ với các thể lực siêu nhiên trước kia trong đó sinh vật lạ đóng vai trò chức năng của thần thánh.

Ông kết luận:

Khoa học có thể tổng khứ ma quỷ và phù thủy ra khỏi tín điều của chúng ta, nhưng nó nhanh chóng lấp đầy khoảng trống bằng những sinh vật lạ có những chức năng giống hệt. Chỉ có những vụ bắt cóc của người ngoài Trái Đất là mới. Tất cả nỗi sợ hãi và những kịch bản tâm lý để giải quyết vấn đề này dường như lại tìm thấy đường trở về nhà, nơi chúng có ảnh hưởng chẳng khác gì những tiếng động gây kinh hãi trong vương quốc truyền thuyết.

Có khả năng là người dân ở mọi thời đại và mọi nơi đôi khi trải qua những ảo giác rất thật, sống động, thường với nội dung tình dục, về hiện tượng bắt cóc của những sinh vật lạ lùng trên trời, có khả năng ngoại cảm và đi xuyên tường – với những chi tiết được lấp đầy bằng những thành ngữ văn hóa thông dụng, rút ra từ hệ tư tưởng của thời đại? Những người khác, vốn không hề có trải nghiệm, thì thấy vấn đề này rất thú vị và có phần quen thuộc. Họ loan truyền câu chuyện. Chẳng mấy chốc, nó có cuộc sống của riêng nó, truyền cảm hứng cho những người khác đang cố gắng hiểu những hình ảnh và ảo ảnh của chính họ, và bước vào lãnh địa văn hóa dân gian, truyền thuyết, và huyền thoại. Sự kết nối giữa nội dung của những ảo ảnh thể tục tự phát và mô hình sinh vật lạ bắt cóc người rất nhất quán với một giả thuyết như vậy.

Có lẽ khi tất cả mọi người biết thần thánh giáng xuống Trái Đất, chúng ta liền tưởng tượng ra các vị thần; khi tất cả chúng ta đã quen với quỷ sứ, liền có những thần ác mộng và hồ ly tinh; khi thần tiên được chấp nhận một cách rộng rãi, chúng ta liền nhìn thấy thần tiên; trong một thời đại của thuyết duy linh, chúng ta liền gặp gỡ các linh hồn; và khi những huyền tích xưa phải nhạt và chúng ta bắt đầu nghĩ rằng có khả năng là sinh vật ngoài Trái Đất thì đó là lúc hình ảnh

tưởng tượng của chúng ta xuất hiện.

Những đoạn trích bài hát hoặc ngoại ngữ, những hình ảnh, sự kiện mà chúng ta chứng kiến, những câu chuyện chúng ta nghe được thời niên thiếu có thể được gọi lại một cách chính xác hàng thập kỷ sau này mà không cần bộ nhớ có ý thức nào xem bằng cách nào chúng lọt vào đầu chúng ta. “Trong những trận sốt cao, có người, hoàn toàn không hay biết, nói được những ngôn ngữ cổ xưa,” Herman Melville viết trong cuốn *Moby-Dick*; “và... khi điều bí ẩn này được khảo sát kỹ, hóa ra là vào thời niên thiếu đã bị lãng quên hoàn toàn của họ, những ngôn ngữ cổ xưa này đã thực sự được nói cho họ nghe.” Trong đời sống thường nhật của chúng ta, chúng ta tiếp hợp những chuẩn mực văn hóa một cách vô thức và không tốn mấy sức lực và biến chúng thành của riêng mình.

Một sự tiếp nhận tương tự với những mô típ cũng thấy trong những “ảo giác mệnh lệnh” ở người tâm thần phân liệt. Ở đây, người ta cảm thấy họ được nói cho biết những gì phải làm bởi một nhân vật tưởng tượng hoặc oai nghiêm. Họ được lệnh ám sát một thủ lĩnh chính trị hoặc một người hùng dân gian, hoặc đánh bại những kẻ xâm lăng người Anh, hoặc tự làm hại bản thân, bởi vì đó là mong muốn của Chúa, hoặc Jesus, hoặc Quỷ sứ, hoặc ma quỷ, hoặc thiên thần, hoặc – sau này – những sinh vật lạ. Người bị tâm thần phân liệt sững sờ bởi một mệnh lệnh rõ ràng và mạnh mẽ từ một giọng nói mà không ai khác có thể nghe được, và rằng đối tượng phải nhân dạng được bằng cách nào đó. Ai đưa ra một mệnh lệnh như thế? Ai *có thể* nói ở trong đầu chúng ta? Nền văn hóa trong đó chúng ta được nuôi dạy cho chúng ta câu trả lời.

Hãy nghĩ về sức mạnh của hình tượng lặp đi lặp lại trong những quảng cáo, đặc biệt là với những khán giả và độc giả dễ bị ảnh hưởng. Nó có thể làm cho chúng ta tin gần như bất kỳ điều gì – thậm chí rằng hút thuốc lá là rất ổn. Trong thời đại chúng ta, những thực thể vẫn được cho là sinh vật lạ là đối tượng của vô vàn câu chuyện khoa học viễn tưởng, tiểu thuyết, phim truyền hình, và phim truyện. UFO là một đặc điểm thường thấy trên những tờ tuần báo lá cải chuyên xuyên tạc và bịp bợm. Một trong những phim truyện có doanh thu cao nhất mọi thời đại là về sinh vật lạ rất giống những gì được những người bị bắt cóc mô tả. Những câu chuyện về sinh vật lạ bắt cóc người tương đối hiếm cho tới năm 1975, khi một chương trình phim truyền hình về trường hợp gia đình Hill được phát sóng; một bước nhảy nửa tiến tới sự nổi bật trước công chúng diễn ra sau năm 1987, khi câu chuyện tai nghe mắt thấy nổi tiếng của Strieber với hình vẽ trang bìa đầy ám ảnh về một “sinh vật lạ” mắt to trở thành một ấn phẩm ăn khách. Ngược lại, sau này chúng ta rất ít nghe nói đến thần ác mộng, tiên, và yêu tinh. Họ biến đi đâu cả rồi?

Còn lâu mới mang tính toàn cầu, những câu chuyện về sinh vật lạ bắt cóc người như vậy chỉ ở cấp địa phương mà thôi. Đa số xuất phát từ Bắc Mỹ. Chúng chỉ thịnh hành trong văn hóa Mỹ. Ở những quốc gia khác, người ta nói đến những sinh vật lạ đầu chim, đầu côn trùng, lưỡng cư, người máy, và những sinh vật lạ tóc vàng mắt xanh (nhóm này có thể đoán ngay được là từ Bắc Âu). Mỗi nhóm sinh vật lạ lại có cách hành xử khác nhau. Rõ ràng những nhân tố văn hóa đang đóng một vai trò quan trọng.

Từ rất lâu trước khi các thuật ngữ “đĩa bay” hoặc “UFO” được nghĩ ra, khoa học giả tưởng đã đầy những “người màu xanh nhỏ xíu” và những “quái vật mắt rệp.” Ít nhiều những sinh vật không có tóc nhỏ thó với cái đầu to (và cả mắt) đã là những sinh vật lạ chủ yếu của chúng ta suốt một thời gian dài. Quý vị có thể thấy chúng trong các tạp chí giật gân khoa học viễn tưởng của những năm 1920 và 1930 (và lấy ví dụ, trong một hình minh họa một người Sao Hỏa đang gửi những điện tín vô tuyến tới Trái Đất trong số tạp chí *Sóng ngắn và Truyền hình* – Short Wave and Television – tháng 12 năm 1937). Có lẽ nó trở lại với những hậu duệ xa xôi của chúng ta như mô tả bởi nhà tiên phong khoa học viễn tưởng người Anh H. G. Wells. Wells cho rằng con người tiến hóa từ những linh trưởng lông lá nhưng não nhỏ với khả năng vận động vượt xa những viên sĩ thời Victoria; ngoại suy xu hướng này vào văn học xa xưa, ông gợi ý rằng hậu duệ của chúng ta có thể gần như không có lông tóc, với cái đầu thật to, mặc dù khó có thể tự mình đi lại được. Những sinh vật tiên tiến từ các thế giới khác có thể cũng có đặc điểm tương tự như vậy.

Người ngoài Trái Đất hiện đại điển hình được ghi nhận tại Mỹ vào những năm 1980 và đầu 1990 rất nhỏ bé, với đầu và mắt to một cách mất cân đối, những đặc điểm mặt không phát triển, không có lông mày hoặc cơ quan sinh dục, và nước da xám xịt trơn láng. Với tôi trông họ

như bào thai gần ở tuần thứ 12, hoặc một đứa trẻ chết đói. Tại sao có nhiều người trong chúng ta lại có thể ám ảnh với những bào thai hoặc trẻ con suy dinh dưỡng, và tưởng tượng rằng chúng đang tấn công và thao túng chúng ta về mặt tình dục, đến như vậy vẫn là một câu hỏi thú vị.

Trong những năm gần đây tại Mỹ, sinh vật lạ khác hẳn với mô típ xám xịt nhỏ thó bắt đầu xuất hiện. Một bác sĩ chữa bệnh bằng liệu pháp tâm lý, Richard Boylan ở Sacramento, nói:

Quý vị đã có nhóm loại 1-1,2m, quý vị đã có loại 1,5-1,8m; quý vị đã có loại 2,1-2,4m; quý vị đã có loại ba, bốn và năm ngón tay, đầu ngón tay phồng to như ếch nhái hoặc có giác hút; quý vị đã có những ngón tay có màng và không màng; quý vị đã có loại mắt to hình quả hạnh xéch ngược lên, xéch ra ngoài, hoặc nằm ngang; trong một số trường hợp cặp mắt to hình trứng không xéch hình quả hạnh; quý vị đã có những người ngoài Trái Đất với đồng tử chẻ; quý vị đã có những dạng cơ thể khác nhau – nào là loại bộ ngựa, loại bò sát... Đây là những loại mà tôi thấy lặp đi lặp lại. Có một vài báo cáo rất lạ và duy nhất mà tôi có xu hướng không cần để tâm cho tới khi nào tôi có được nhiều bằng chứng hơn.

Bất chấp sự đa dạng thấy rõ này của những người ngoài Trái Đất, với tôi dường như hồi chứng UFO bắt cóc khắc họa một Vũ trụ tầm thường. Hình dạng của những gì được cho là sinh vật lạ được khắc họa bằng sự thất bại của trí tưởng tượng và những lo lắng của con người. Không phải một sinh vật duy nhất hiện diện trong tất cả những câu chuyện này là điều đáng ngạc nhiên không khác gì một con vẹt màu nếu như quý vị chưa bao giờ sở hữu một con chim cả. Bất kỳ cuốn sách giáo khoa về động vật nguyên sinh hoặc vi khuẩn hay nấm nào cũng đầy rẫy những điều kỳ lạ soi sáng những mô tả lạ lùng nhất về những sinh vật lạ bắt cóc người. Những người cả tin đều đưa những yếu tố chung vào câu chuyện của họ như là những bằng chứng cho tính chân thật, chứ không phải là bằng chứng cho thấy họ bịa ra những câu chuyện từ một kiến thức văn hóa và sinh học chung.

Chương 8.

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA NHỮNG ẢO ẢNH THẬT VÀ GIẢ

Một tư duy cả tin... tìm thấy sự thích thú nhất ở việc tin vào những điều lạ lùng, và chúng càng lạ lùng thì chúng càng dễ đeo bám người đó; nhưng không bao giờ coi những điều đó là đơn giản và khả thi, vì mọi người đều có thể tin như vậy.

Samuel Butler

Các đặc điểm (Characters)
(1667-1669)

Trong khoảnh khắc, tôi cảm thấy có kẻ nào đó trong căn phòng tối tăm – phải chăng là một bóng ma? Hay đó là một chuyển động thoáng qua; tôi liếc nhìn nó, nhưng khi tôi quay đầu lại thì chẳng có gì cả. Phải chăng đó là tiếng chuông điện thoại, hay chỉ là “trí tưởng tượng” của tôi? Đầy ngạc nhiên, tôi dường như đang ngửi thấy mùi không khí mặn mòi của bờ biển vào hè ở Đảo Coney thời niên thiếu của tôi. Tôi rẽ ở một góc phố trong cái thành phố nước ngoài mà tôi đến thăm lần đầu tiên, và trước mắt tôi là một đường phố quen thuộc đến mức tôi cảm thấy mình đã biết nó cả đời rồi.

Trong những trải nghiệm rất bình thường này, nhìn chung chúng ta không biết chắc những gì cần làm tiếp theo. Phải chăng mắt tôi (hay tai, mũi, hoặc trí nhớ) đang “chơi” tôi? Hay thực sự tôi đã chứng kiến điều gì đó trong tiến trình bình thường của Tự nhiên? Tôi sẽ giữ im lặng chuyện này hay sẽ nói ra?

Câu trả lời tùy thuộc rất nhiều vào môi trường, bạn bè, những người thân, và văn hóa của tôi. Trong một xã hội thực dụng, cứng nhắc, có lẽ tôi sẽ rất thận trọng với việc thừa nhận những trải nghiệm như vậy. Chúng có thể khiến tôi mang tiếng đồng bóng, bất chính, không đáng tin cậy. Nhưng trong một xã hội sẵn sàng tin vào ma quỷ, câu chuyện về những trải nghiệm như vậy có thể được hấp nhận, thậm chí đem lại danh tiếng. Trong xã hội thứ nhất, tôi sẽ cố nén mọi chuyện lại; còn ở xã hội thứ hai, có lẽ thậm chí còn thổi phồng hoặc thêm mắm dặm muối một chút để làm cho câu chuyện thêm kỳ ảo hơn.

Charles Dickens, người sống trong một nền văn hóa lý trí đang nở rộ trong đó thuyết duy linh cũng đang phát triển, đã mô tả thể lưỡng nan ấy bằng những ngôn từ này (từ truyện ngắn “Bị đem đi cùng một hạt muối” của ông):

Tôi luôn chú ý đến tình trạng thiếu can đảm rất thịnh hành, thậm chí ngay trong những người có trí tuệ và văn hóa hơn hẳn, liên quan đến việc truyền đạt những trải nghiệm tâm lý của chính họ khi những trải nghiệm ấy thuộc loại lạ lùng. Gần như tất cả mọi người đều sợ rằng những gì họ có thể kể ra như thế sẽ không hề có sự tương ứng hoặc hưởng ứng nào trong cuộc sống nội tâm của người nghe, và có thể bị nghi ngờ hoặc cười cợt. Một lữ khách chân thật từng nhìn thấy một sinh vật lạ lùng nào đó giống như một con rắn biển chẳng hạn sẽ không e ngại đề cập đến nó; nhưng cũng lữ khách ấy khi có linh cảm đặc biệt, sự thôi thúc, suy nghĩ thất thường, ảo giác (nếu gọi như vậy), giấc mơ, hoặc những ấn tượng tâm lý đáng kể khác, sẽ rất do dự trước khi dám thừa nhận điều đó. Tôi quý kết thái độ dè dặt này cho thực trạng còn rất mông lung ít biết đến của những đối tượng như vậy.

Ở thời đại chúng ta, vẫn có tình trạng cười nhạo và chế giễu rất thô bạo. Nhưng tính trầm lặng và khó hiểu dễ khắc phục hơn nhiều – chẳng hạn, trong bối cảnh “được ủng hộ” từ một bác sĩ trị liệu hoặc chuyên gia thôi miên. Rủi thay – và với một số người là không thể tin được – sự khác biệt giữa trí tưởng tượng và trí nhớ thường bị xóa nhòa.

Một số “người bị bắt cóc” nói rằng họ nhớ được trải nghiệm mà không cần thôi miên; nhiều người không làm được như vậy. Nhưng thôi miên là một cách thức không đáng tin cậy để gọi nhớ lại. Nó thường kích thích trí tưởng tượng, có khi rất kỳ quặc, và cũng thực sự giúp nhớ lại, cho nên cả bệnh nhân lẫn bác sĩ trị liệu đều không thể phân biệt được hai thứ. Thôi miên dường như liên quan đến một trạng thái dễ bị ám thị được đẩy cao lên. Nhiều tòa án đã cấm sử dụng phương pháp này làm bằng chứng hoặc thậm chí công cụ điều tra tội phạm. Hiệp hội Y khoa Mỹ xem những ký ức xuất hiện nhờ thôi miên không đáng tin cậy bằng những ký ức tự

nhớ được không cần thôi miên. Một cuốn sách giáo khoa y học tiêu chuẩn (cuốn *Giáo khoa tâm thần học* – Comprehensive Textbook of Psychiatry, của Harold I. Kaplan, 1989) cảnh báo về “khả năng rất cao rằng những tín hiệu của nhà thôi miên sẽ được tiếp xúc với bệnh nhân và kết hợp với những gì bệnh nhân tin là ký ức, thường với sức thuyết phục mạnh mẽ.” Cho nên quan điểm cho rằng, khi được thôi miên, người ta có lúc sẽ thuật lại được những câu chuyện sinh vật lạ bắt cóc không có mấy sức nặng. Có một nguy cơ là các đối tượng – ít nhất là về một số vấn đề – rất hồ hởi làm hài lòng chuyên gia thôi miên đến mức nhiều khi họ phản hồi lại những gợi ý hết sức tinh tế mà ngay cả chuyên gia thôi miên cũng không nhận ra.

Trong một nghiên cứu của Alvin Lawson tại Đại học bang California, Long Beach, tám đối tượng được kiểm tra trước để loại bỏ những trường hợp quá mê UFO và sau đó được thôi miên bởi một bác sĩ. Họ được thông báo rằng họ đã bị bắt cóc, mang tới một con tàu vũ trụ, và được khám nghiệm. Không hề có thêm nhắc nhở gì, họ được đề nghị mô tả lại trải nghiệm. Những mô tả của họ, hầu hết đều rất dễ suy luận ra, gần như không thể phân biệt được so với những mô tả mà những người bị bắt cóc tự mô tả đã trình bày. Đúng, Lawson đã gợi ý cho các đối tượng của mình rất nhanh gọn và trực tiếp; nhưng trong nhiều trường hợp các nhà trị liệu vốn thường xuyên phải giải quyết các trường hợp sinh vật lạ bắt cóc đã gợi ý cho đối tượng của họ – một số với nhiều chi tiết, số khác tinh vi và gián tiếp hơn.

Chuyên gia tâm thần học George Ganaway (theo lời kể của Lawrence Wright) từng gợi ý cho một bệnh nhân rất dễ bị ám thị bằng phương pháp thôi miên rằng trong trí nhớ của bà ấy về một ngày nào đó đã bị mất đi 5 tiếng. Khi ông đề cập đến một thứ ánh sáng chói lòa ở trên đầu, bà lập tức nói với ông về UFO và những sinh vật lạ. Khi ông khẳng định rằng bà đã bị làm thí nghiệm, một câu chuyện bắt cóc rất chi tiết liền xuất hiện. Nhưng khi bà ra khỏi trạng thái xuất thần, và xem lại đoạn video về buổi thôi miên, bà thừa nhận rằng có gì đó như một giấc mơ đã hiện diện. Mặc dù vậy, năm tiếp theo, bà liên tục nhớ lại nguồn tư liệu trong mơ này.

Nhà tâm lý học từ Đại học Washington Elizabeth Loftus phát hiện ra rằng rất dễ làm cho những đối tượng không bị thôi miên tin rằng họ đã nhìn thấy thứ gì đó mà họ không hề thấy. Trong một thử nghiệm, các đối tượng sẽ xem một đoạn phim về một vụ tai nạn xe hơi. Trong quá trình được hỏi về những gì họ đã nhìn thấy, thỉnh thoảng họ lại cung cấp những thông tin sai. Chẳng hạn, một tấm biển báo dừng được nhắc tới rất tự nhiên, mặc dù không hề có trong đoạn phim. Nhiều đối tượng sau đó còn nhớ lại một cách hết sức nghiêm túc rằng đã nhìn thấy một tấm biển báo dừng. Khi chi tiết sai lệch này được khẳng định, một số người phản đối rất quyết liệt, nhấn mạnh rằng họ nhớ rất rõ tấm biển. Thời gian giữa lúc xem đoạn phim và lúc cung cấp thông tin sai càng kéo dài, thì càng có nhiều người cho phép trí nhớ của họ sai lệch. Loftus cho rằng “trí nhớ về một sự kiện giống với một câu chuyện được đọc đi đọc lại liên tục hơn là một gói thông tin nguyên sơ.”

Có nhiều ví dụ khác, một số trong đó – ký ức sai lệch về việc bị lạc trong một trung tâm mua sắm khi còn nhỏ chẳng hạn – có tác động tình cảm lớn hơn hẳn. Một khi ý tưởng chính được gợi ra, bệnh nhân thường đưa ra những chi tiết hỗ trợ rất hợp lý. Những hồi ức dễ hiểu nhưng hoàn toàn sai có thể dễ dàng xuất hiện bằng một vài gợi ý và câu hỏi, đặc biệt trong bối cảnh trị liệu. Trí nhớ có thể lung lạc. Những ký ức sai có thể được truyền vào những bộ óc vốn không hề nghĩ rằng mình dễ bị tổn thương và không muốn phê bình.

Không có gì ngạc nhiên khi Stephen Ceci từ Đại học Cornell, Loftus và các đồng nghiệp của họ thấy rằng những học sinh vỡ lòng cực kỳ dễ chấp nhận những gợi ý. Khi được hỏi lần đầu tiên, đứa trẻ từng phủ nhận hoàn toàn chính xác việc đã thò tay vào bầy chuột ngay sau đó sẽ nhớ lại sự việc với những chi tiết tự sáng tạo một cách sinh động. Khi được nói trực tiếp hơn về “vài chuyện đã xảy ra với quý vị khi quý vị còn bé”, theo thời gian người ta dễ đồng ý với những ký ức được tiêm nhiễm cho họ. Các chuyên gia xem những đoạn băng video về trẻ em không khó khăn gì để phân biệt những chi tiết nhớ sai từ những chi tiết đúng. Liệu có bất kỳ lý do nào để nghĩ rằng người lớn hoàn toàn “miễn dịch” trước những khả năng sai lầm vẫn thấy ở trẻ con không?

Tổng thống Ronald Reagan, người sống ở Hollywood thời Thế Chiến II, đã mô tả rất sinh động vai trò của mình trong quá trình giải phóng các nạn nhân trại tập trung của Đức Quốc xã. Sống trong thế giới phim ảnh, rõ ràng ông nhầm lẫn một bộ phim ông đã xem với thực tế mà

ông không hề có. Có rất nhiều lần trong các chiến dịch vận động tranh cử Tổng thống của mình, ông Reagan kể lại câu chuyện hào hùng về lòng dũng cảm và sự hy sinh thời Thế Chiến II, một cảm hứng cho tất cả chúng ta. Chỉ có điều nó chưa bao giờ xảy ra; nó chỉ là kịch bản cho bộ phim *Cánh bay và lời cầu nguyện* (A Wing and a Prayer) – vốn gây ấn tượng mạnh cho tôi khi tôi xem phim vào lúc 9 tuổi. Nhiều ví dụ khác kiểu này có thể thấy ngay trong những diễn văn đọc trước công chúng của ông Reagan. Không khó khăn gì để hình dung ra những nguy cơ nghiêm trọng nổi lên từ những ví dụ trong đó các thủ lĩnh chính trị, quân sự, khoa học hoặc tôn giáo không thể phân biệt được sự thực với những hư cấu sinh động.

Khi chuẩn bị bản khai trước tòa, các nhân chứng được luật sư của họ huấn luyện trước. Thông thường, họ được chỉ dẫn kể đi kể lại câu chuyện, cho tới khi họ làm cho câu chuyện đó “ổn.” Sau đó, quan điểm là những gì họ nhớ chính là câu chuyện họ vừa kể tại văn phòng luật sư. Mọi sắc thái đều bị xóa nhòa. Hoặc nó có thể không còn tương thích, thậm chí với những đặc điểm chính của nó, với những gì thực sự diễn ra nữa. Những nhân chứng này có thể quên rằng trí nhớ của họ đã được xử lý lại.

Những thực tế này rất phù hợp trong việc đánh giá những tác động xã hội của quảng cáo và tuyên truyền. Nhưng ở đây, chúng cho thấy rằng về vấn đề sinh vật lạ bắt cóc – trong đó các cuộc phỏng vấn thường diễn ra nhiều năm sau sự kiện liên quan – các chuyên gia trị liệu cần phải rất thận trọng rằng họ không tình cờ truyền bá hay lựa chọn những câu chuyện họ nghĩ ra.

Có lẽ những gì chúng ta thật sự ghi nhớ là một loạt các mảnh ký ức được dính trên một mảnh vải do chúng ta nghĩ ra. Nếu chúng ta khâu một cách khéo léo, chúng ta sẽ đem lại cho mình một câu chuyện đáng nhớ rất dễ gọi lên. Các mảnh ghép khó khôi phục hơn. Tình trạng này khá giống phương pháp của khoa học – trong đó nhiều điểm dữ liệu bị cô lập có thể được nhớ ra, tổng hợp và giải thích trong khuôn khổ của một lý thuyết. Khi đó chúng ta dễ nhớ ra lý thuyết chứ không phải là dữ liệu hơn nhiều.

Trong khoa học, các lý thuyết luôn được đánh giá lại và kiểm chứng với những thực tế mới; nếu thực tế không hòa hợp – vượt cả ngưỡng sai sót – thì lý thuyết có thể phải xem xét lại. Nhưng trong cuộc sống hằng ngày, rất hiếm có chuyện chúng ta được kiểm chứng với những thực tế mới về các sự kiện xảy ra từ lâu. Trí nhớ của chúng ta gần như không bao giờ bị thử thách. Thay vào đó, trí nhớ có thể bị đông cứng, bất kể nó sai sót đến đâu, hoặc trở thành một tác phẩm trong quá trình chỉnh sửa nghệ thuật không ngừng.

Còn hơn cả thần thánh và ma quỷ, những thực thể được chứng thực nhiều nhất là các vị thánh – đặc biệt là Đức mẹ Đồng trinh Mary ở Tây Âu từ cuối thời trung cổ đến thời hiện đại. Trong khi những câu chuyện sinh vật lạ bắt cóc người có hơi hướng của những ma quỷ hiện hình, thì cũng có thể hiểu rõ câu chuyện UFO nhờ những hình ảnh được mô tả là thần thánh. Có lẽ, nổi tiếng nhất là những hình ảnh của Jeanne d’Arc ở Pháp, Thánh Bridget ở Thụy Điển, và Girolamo Savonarola ở Italia. Nhưng thích hợp cho mục đích của chúng ta hơn cả là những bóng ma mà những người chăn cừu, nông dân và trẻ con nhìn thấy. Trong một thế giới đầy bất trắc và hãi hùng thì những người này luôn mong muốn được liên lạc với thần thánh. Một tài liệu chi tiết về những sự kiện như vậy tại Castile và Catalonia do William A. Christian Jr. Cung cấp trong cuốn sách *Những bóng ma ở Tây Ban Nha cuối thời trung cổ và Phục hưng* (Apparitions in Late Medieval and Renaissance Spain, nhà xuất bản Đại học Princeton, 1981):

Một trường hợp đặc trưng là một phụ nữ hoặc đứa trẻ nhà quê cho biết đã gặp một cô gái hoặc một bà già nhỏ bé kỳ dị – có lẽ chỉ cao hơn 1m – tự nhận là Đức mẹ Đồng trinh Mary, Mẹ của Chúa. Người đó yêu cầu nhân chứng còn đang khiếp hãi tới gặp các già làng hoặc giới chức nhà thờ địa phương và bảo họ cầu nguyện cho những người chết, hoặc tuân theo những điều răn của Chúa, hoặc xây dựng một thánh đường tại vùng nông thôn này. Nếu họ không nghe theo, những hình phạt thảm khốc, có lẽ là bệnh dịch hạch, sẽ được giáng xuống. Đương nhiên, ở những thời kỳ bệnh dịch hạch còn lan tràn, Đức Mary hứa hẹn chữa khỏi bệnh nhưng chỉ với điều kiện yêu cầu của bà được đáp ứng.

Nhân chứng cố gắng làm theo những gì được bảo. Nhưng khi người đó thông báo cho cha hoặc chồng hoặc tu sĩ của mình, họ được lệnh không được kể lại câu chuyện với bất kỳ ai khác; đó chỉ thuần túy là sự ngu ngốc hoặc thói nhẹ dạ của phụ nữ hoặc là ảo ảnh quỷ ám. Cho nên

nhân chứng giữ im lặng. Nhiều ngày sau, nhân chứng lại gặp lại Mary, cảnh báo rằng yêu cầu của bà đã không được tôn trọng.

“Người ta không tin con,” nhân chứng giải thích. “Xin hãy cho con một dấu hiệu.” Cần có *bằng chứng*.

Vậy là Đức Mary – người dường như không hề biết trước rằng sẽ phải đưa ra bằng chứng – đưa ra một dấu hiệu. Dân làng và các cha xứ lập tức bị thuyết phục. Thánh đường được xây dựng. Những trường hợp khởi bệnh rất màu nhiệm xuất hiện trong vùng. Những người hành hương từ khắp nơi đổ về. Các tu sĩ bận tối tăm mặt mũi. Nền kinh tế của khu vực bùng nổ. Nhân chứng ban đầu được chỉ định làm người trông coi thánh điện.

Trong hầu hết những trường hợp chúng ta biết, có hẳn một hội đồng thẩm tra, gồm những thủ lĩnh của dân và của giáo hội, những người kiểm chứng tính xác thực của trường hợp hiện hình – bất chấp thái độ hoài nghi ban đầu, gần như chủ yếu của cánh đàn ông. Nhưng những tiêu chuẩn của bằng chứng nói chung không cao. Trong một trường hợp, chứng có của một cậu bé 8 tuổi nói năng lung tung, nhận được hai ngày trước khi cậu ta chết vì dịch hạch, được chấp nhận. Một số hội đồng như thế này thảo luận hàng thập kỷ hoặc thậm chí cả thế kỷ sau khi sự kiện xảy ra.

Trong cuốn *Về sự khác biệt giữa những ảo ảnh đúng và sai* (On the Distinction between True and False Visions), một chuyên gia về chủ đề này, Jean Gerson, vào khoảng năm 1400, đã tổng hợp những tiêu chí để nhận biết một nhân chứng chứng kiến thần thánh hiện thân là đáng tin cậy: Một là thái độ sẵn sàng chấp nhận lời khuyên từ các bề trên chính trị và tôn giáo. Do đó, bất kỳ ai nhìn thấy một hình ảnh quấy nhiễu những người nắm giữ quyền lực thì vì chính việc đó nên sẽ bị coi là một nhân chứng không đáng tin cậy, và các vị thánh cũng như trinh nữ có thể được dùng để nói bất kỳ điều gì mà giới chức muốn nghe.

Những “dấu hiệu” được cho là của Đức Mary đưa ra, bằng chứng cung cấp và được xem là thuyết phục, bao gồm một cây nến bình thường, một mảnh lụa, và một hòn đá nam châm; một mảnh ngói màu; những vết chân; khả năng thu gom cây kế nhanh đến khác thường của nhân chứng; một cây thập giá bằng gỗ đơn giản được cắm trên đất; những lằn roi và vết thương trên người nhân chứng; và rất nhiều dị tật – một cô gái 12 tuổi với bàn tay co quắp, hay đôi chân bị gập về phía sau, hoặc miệng ngậm chặt khiến cô bị câm tạm thời – được “chữa khỏi” ngay lúc câu chuyện của cô được chấp nhận.

Trong một vài trường hợp, lời kể có thể được so sánh và phối hợp trước khi bằng chứng được đưa ra. Chẳng hạn, nhiều nhân chứng tại một thị trấn nhỏ có thể kể về một phụ nữ cao, tỏa sáng mặc toàn đồ trắng dắt theo một hài nhi và được bao bọc trong vòng hào quang làm sáng bừng cả đường phố vào đêm trước. Nhưng trong những trường hợp khác, những người đứng ngay bên cạnh nhân chứng có thể không nhìn thấy gì, như trong bản cáo cáo về một lần hiện thân năm 1617 ở Castile này:

“Bartolome, cô gái đã đến gặp tôi mấy ngày qua đang đi qua đồng cỏ kia, cô ấy đang quỳ xuống, ôm lấy cây thánh giá – hãy nhìn cô ấy, hãy nhìn cô ấy kìa!” Trông điệu bộ cậu bé nghiêm túc như thể chẳng nhìn thấy gì khác ngoại trừ mấy con chim nhỏ đang bay ngang phía trên cây thánh giá.

Động cơ khá dễ để sáng chế và chấp nhận những câu chuyện như vậy không khó tìm ra: Công việc cho các giáo sĩ, công chứng viên, thợ mộc và thương gia, và những tăng trưởng khác đối với nền kinh tế khu vực trong thời kỳ suy thoái; địa vị xã hội được tăng thêm của nhân chứng và gia đình; những lễ cầu nguyện lại được tiến hành cho những người thân được an táng trong nghĩa địa đã bị bỏ hoang vì bệnh dịch hạch, hạn hán, và chiến tranh; nâng cao tin thần chống kẻ thù của dân chúng, đặc biệt là quân Moor; cải thiện thái độ tôn trọng và chấp hành luật giáo hội; và khẳng định niềm tin của những người sùng đạo. Sự nhiệt thành của những người hành hương tại những thánh điện như vậy rất lớn; không hiếm cảnh bột đá hoặc chất bẩn từ đèn thờ được trộn với nước để làm thuốc. Nhưng tôi không cho rằng hầu hết nhân chứng cố ý tạo ra toàn bộ mọi việc. Còn có điều gì đó khác cũng đang diễn ra.

Gần như tất cả những đề nghị cấp bách của Đức Mary đều đáng chú ý vì tính chất rất dung dị của chúng – chẳng hạn, trong sự kiện hiện thân năm 1483 này tại Catalonia:

Ta giao nhiệm vụ cho linh hồn con được giao nhiệm vụ cho linh hồn của những người ở các giáo xứ El Torn, Milleras, El Salent, và Sant Miquel de Campmaior để giao nhiệm vụ cho linh hồn của những giáo sĩ phải yêu cầu dân chúng nộp thuế thập phân và thực hiện mọi nghĩa vụ với nhà thờ và hoàn trả những thứ không phải của họ mà họ lén lút hoặc công khai cất giữ cho những người chủ đích thực trong vòng 30 ngày, vì điều này rất cần thiết, và tuân thủ ngày Chủ nhật thánh.

Và thứ hai là họ cần chấm dứt và thôi ngay việc bang bố, họ cần nộp những khoản cứu tế thông thường mà tổ tiên đã khuất của họ ủy nhiệm lại.

Thường sự hiện thân chỉ được nhìn thấy sau khi nhân chứng thức giấc. Francisca la Brava xác nhận vào năm 1523 rằng bà đã rời khỏi giường “mà không biết liệu mình có còn kiểm soát được các giác quan của mình không,” mặc dù trong bản khai sau này, bà nói hoàn toàn tỉnh táo. (Điều này trả lời cho một câu hỏi cho phép có sự thay đổi các khả năng: Hoàn toàn tỉnh táo, ngủ lơ mơ, nhập định, ngủ say). Thỉnh thoảng, các chi tiết hoàn toàn biến mất, chẳng hạn các thiên thần hộ tống trông ra sao; hoặc Đức Mary được mô tả là vừa cao vừa thấp, có cả mẹ lẫn con – những đặc điểm cho thấy đều là những tư liệu mơ ngủ không thể nhầm lẫn được. Trong cuốn *Đối thoại về những phép màu* (Dialogue on Miracles) do Caesarius xứ Heisterbach viết khoảng năm 1223, những lần nhìn thấy Đức mẹ Đồng trinh Mary thường xảy ra vào các buổi cầu kinh tăng sáng, diễn ra vào giờ mọi người say ngủ.

Hoàn toàn tự nhiên khi đặt nghi vấn rằng nhiều, có lẽ là tất cả, những trường hợp hiện thân này đều là một loại giấc mơ, lúc tỉnh hoặc lúc ngủ, được pha trộn bởi những trò lừa phỉnh (và bằng những hành động giả mạo; có một lĩnh vực rất màu mỡ trong những phép màu giả tạo: Tranh và tượng tôn giáo được đào lên một cách tình cờ hoặc theo lệnh thần thánh). Vấn đề này được giải quyết trong cuốn *Siete Partidas*, tập hợp các luật dân sự và nhà thờ được soạn dưới sự chỉ đạo của Alfonso Trí giả, vua xứ Castile, khoảng năm 1248. Trong đó, chúng ta có thể đọc được những dòng sau:

Một vài người phát hiện một cách gian lận hoặc xây dựng những đài thờ trên cánh đồng hoặc trong thị trấn, nói rằng có những di vật của những vị thánh nào đó tại những nơi đó và giả vờ như họ thực hiện phép màu, và vì lý do này, người dân từ nhiều nơi bị thuyết phục đến đó hành hương, để mang một thứ gì đó đi; và có những người khác bị ảnh hưởng của những giấc mơ hoặc những bóng ma trống rỗng xuất hiện trước họ, dựng lên những đài thờ và giả vờ phát hiện ra chúng tại những địa phương nêu tên ở trên.

Khi liệt kê lý do cho những tín điều sai lầm, Alfonso nêu ra cả loạt từ giáo phái, ý kiến, trí tưởng tượng, và giấc mơ đến ảo ảnh. Một loại tưởng tượng có tên là *antoianca* được định nghĩa như sau:

Antoianca là thứ gì đó dừng lại trước mắt và sau đó biến mất, khi có người nhìn hoặc nghe thấy nó lúc nhập định, và vì thế không hề có thực thể.

Một sắc lệnh của giáo hoàng vào năm 1517 đã xác định rõ những dạng hiện thân xuất hiện “trong giấc mơ hoặc rất thần thánh.” Rõ ràng, giới chức thế tục và giáo hội, thậm chí trong những thời kỳ người dân cực kỳ cả tin, đều rất thận trọng với những khả năng bịp bợm hoặc ảo tưởng.

Tuy nhiên, tại phần lớn Châu Âu thời trung cổ, những trường hợp hiện thân như vậy rất được giới tăng lữ Công giáo La Mã hoan nghênh nhiệt liệt – đặc biệt vì những lời răn dạy của Đức Mary rất thích hợp với giáo giới. Một vài “dấu hiệu” bằng chứng tầm thường – một hòn đá hoặc một vết chân và không bao giờ có thứ gì thật cả – cũng đủ. Nhưng bắt đầu sang thế kỷ 15, khoảng thời kỳ Cải cách Tin lành, quan điểm của nhà thờ thay đổi. Những người nói đến một kênh liên hệ độc lập với Thiên Đàng đang công kích vào chuỗi mệnh lệnh của giáo hội lên tận tới Chúa. Hơn nữa, một vài trường hợp hiện thân – chẳng hạn Jeanne d’Arc – có những hàm ẩn đạo đức hoặc chính trị nguy hiểm. Những hiểm họa từ hình ảnh của Jeanne d’Arc được mô tả vào năm 1431 bởi những quan tòa dị giáo xét xử cô bằng những lời này:

Mỗi nguy hại lớn có thể thấy là ai đó táo bạo đến mức tin rằng họ đã nhìn thấy các vị thánh hiện thân và nhân được thiên khải, và do đó nói dối về những vấn đề liên quan đến Chúa, đưa ra những lời tiên tri và dự báo sai lệch chưa hề được nghe nói đến từ Chúa, mà là được sáng

chế ra. Từ những thứ này có thể kéo theo tình trạng lôi kéo người dân, các giáo phái mới xuất hiện, và nhiều hành động bất kính khác sẽ phá hoại giáo hội và Công giáo.

Cả Jeanne d'Arc và Girolamo Savonarola đều bị thiêu sống vì những gì họ nhìn thấy.

Năm 1516, Hội đồng Giáo đoàn thứ 5 dành cho “vị trí Tông đồ” quyền kiểm chứng tính xác thực của những trường hợp hiện thân. Với những nông dân nghèo mà những gì họ nhìn thấy không có màu sắc chính trị, hình phạt không đủ mức độ nghiêm khắc tối hậu. Trường hợp Đức Mary hiện thân do Francisca la Brava, một bà mẹ trẻ, nhìn thấy được Licenciado Mariana, Đại Pháp quan, mô tả là “có hại đến và làm giảm bớt uy quyền của tín điều Công giáo thiêng liêng của chúng ta.” Trường hợp hiện thân này “hoàn toàn hão huyền và phù phiếm.” “Theo quyền chúng ta có thể xử lý ả nghiêm khắc hơn,” Pháp quan tiếp tục.

Nhưng thể theo những lý do chính đáng đã khiến chúng ta giảm nhẹ sự nghiêm khắc của những hình phạt, chúng ta ra một hình phạt với Francisca la Brava và làm gương cho những kẻ khác đừng cố làm những điều tương tự nên chúng ta quyết định cho ngồi lên lưng lừa và lột trần, phạt đánh 100 roi từ thắt lưng trở lên trong khi đi bêu qua các phố ở Belmonte, phạt đánh số lượng tương tự tại thị trấn El Quintera với hình thức tương tự. Và kể từ nay trở đi, ả không được nói hay khẳng định nơi công cộng hoặc bí mật bằng lời hoặc ám chỉ những điều ả đã nói trong bản thú tội nếu không ả sẽ bị hành quyết như một kẻ không biết hối cải và đã không tin hoặc đồng ý với những gì có trong tín điều Công giáo thiêng liêng của chúng ta.

Bất chấp những hình phạt, đáng chú ý là nhân chứng sẵn sàng đối mặt với những hòng sung và – bỏ mặc những lời khuyến khích người đó thú nhận rằng mình đang nói dối hoặc nằm mơ hoặc bị nhầm lẫn – kiên quyết khẳng định họ thật sự và đích thực đã nhìn thấy thánh hiện.

Ở thời đại khi gần như tất cả mọi người đều mù chữ, trước khi có báo chí, đài phát thanh và truyền hình, làm thế nào phần chi tiết mang tính tôn giáo và biểu tượng của những trường hợp hiện thân này là quen thuộc đến vậy? William Christian tin rằng có một câu trả lời sẵn sàng trong kịch nghệ ở giáo đường (đặc biệt là những vở kịch Giáng sinh), ở những nhà thuyết pháp lưu động và những người hành hương, và ở bài thuyết pháp của nhà thờ. Những huyền tích về các tu viện gần đó lan đi rất nhanh. Người dân đôi khi tìm đến từ cách xa hàng trăm dặm hoặc hơn thế để hy vọng đứa con bị ốm của họ có thể được chữa khỏi bằng một hòn sỏi đã được Mẹ Chúa dẫm chân lên. Huyền tích ảnh hưởng lên những lần hiện thân và ngược lại. Ở một thời đại bị đe dọa bởi hạn hán, dịch bệnh và chiến tranh, lại không hề có sẵn các dịch vụ y tế hay xã hội cho những người bình thường, chưa hề nghe nói đến tri thức công chúng và phương pháp khoa học, thì tư duy hoài nghi là rất hiếm hoi.

Tại sao những lời răn bảo lại tầm thường đến vậy? Tại sao hình ảnh của một nhân vật lưng lầy như Mẹ Chúa lại cần thiết để, trong một địa hạt nhỏ bé chỉ có vài nghìn sinh mạng, một đền thờ sẽ được tu sửa hay quần chúng sẽ tránh bớt được tai ương đến vậy? Tại sao không phải là những thông điệp quan trọng và mang tính tiên tri với tầm vóc được công nhận nhiều năm sau này như là điều gì đó chỉ có thể có được từ Chúa hoặc các vị thánh? Phải chăng điều này sẽ không củng cố sự nghiệp của Công giáo trong cuộc đấu tranh sống còn với đạo Tin Lành và thời đại Khai sáng? Nhưng chúng ta không hề có những trường hợp hiện thân báo trước cho Giáo hội chống lại việc chấp nhận niềm tin sai lầm về một Vũ trụ Địa tâm, hay cảnh báo cho Giáo hội về tội a tông với Đức Quốc xã – hai vấn đề có tầm quan trọng lớn cả về đạo đức lẫn lịch sử, khiến cho Giáo hoàng John Paul II phải thừa nhận rằng Giáo hội đã sai.

Không hề có một vị thánh nào phê phán việc tra tấn và thiêu sống những “phù thủy” và những người dị giáo. Tại sao không? Phải chăng họ không nhận thức được những gì đang diễn ra? Phải chăng họ không hiểu điều sai trái của Giáo hội? Và tại sao Đức Mary lại luôn ra lệnh cho những nông dân nghèo đi thông báo với giới chức? Tại sao bà không đích thân khiển trách giới chức? Hay nhà vua? Hoặc Giáo hoàng? Ở thế kỷ 19 và 20, điều này đúng, một số trường hợp hiện thân có tầm quan trọng lớn hơn – tại Fatima, Bồ Đào Nha, năm 1917, nơi Đức mẹ Đồng trinh đã nổi giận khi một chính phủ thế tục thay thế cho một chính phủ do Nhà thờ điều hành, và tại Garabandal, Tây Ban Nha, trong giai đoạn 1961-1965, nơi thế giới có thể diệt vong trừ phi các học thuyết tôn giáo và chính trị bảo thủ được chấp nhận ngay lập tức.

Tôi nghĩ tôi có thể nhìn thấy nhiều điểm tương đồng giữa những lần hiện thân của Đức Mary

và những vụ bắt cóc của sinh vật lạ – cho dù các nhân chứng ở những trường hợp đầu không bị đưa lên Thiên Đàng và không bị động chạm đến các cơ quan sinh sản. Những sinh vật được nói đến đều nhỏ xíu, hầu hết thường chỉ cao từ hơn 0,7 đến 1,2m. Họ từ không trung tìm đến. Nội dung giao tiếp rất bình thường, bất chấp nguồn gốc thiên đường. Đường như có một sự liên hệ rõ ràng với giấc ngủ và những giấc mơ. Các nhân chứng, thường là nữ, gặp phiền phức trong việc nói ra mọi việc, đặc biệt sau khi vấp phải sự chế giễu từ cánh đàn ông ở các vị trí quyền thế. Tuy nhiên, họ vẫn khẳng định: Họ thật sự nhìn thấy một chuyện như vậy, họ kiên quyết. Phương tiện truyền tải câu chuyện có tồn tại; chúng được thảo luận một cách hồ hởi, cho phép nhiều chi tiết được kết hợp lại, thậm chí giữa những nhân chứng chưa bao giờ gặp nhau. Những người khác có mặt tại thời điểm và nơi hiện thân chẳng hề thấy điều gì khác thường. Những “dấu hiệu” hoặc bằng chứng không phải là thứ gì con người không thể có được hoặc tự thêm dặt lên, không hề có ngoại lệ. Trên thực tế, Đức Mary dường như không đồng tình với nhu cầu phải đưa ra bằng chứng, và hóa hoàn bà mới sẵn lòng cứu chữa cho những người tin vào câu chuyện bà hiện thân *trước khi* bà đưa ra các “dấu hiệu.” Và trong khi không hề có các chuyên gia trị liệu, thực chất xã hội đã có sẵn một mạng lưới những giáo sĩ đầy ảnh hưởng và những bề trên của họ, những người có mối quan tâm được bảo đảm bất di bất dịch đối với tính thực tế của những cảnh mộng.

Sang thời đại chúng ta, vẫn có những lần hiện thân của Đức Mary và các thiên thần khác, nhưng cũng có cả trường hợp của Jesus – như chuyên gia trị liệu tâm lý kiêm chuyên gia thôi miên G. Scott Sparrow đã tổng kết. Trong cuốn *Ta luôn bên các con: Những câu chuyện thật về các cuộc gặp gỡ Jesus* (I Am With You Always: True Stories of Encounters with Jesus, Bantam, 1995), những tường thuật mắt thấy tai nghe, một số rất xúc động, một số sáo rỗng, về những cuộc gặp gỡ như vậy được nêu ra. Kỳ quặc thay, đa phần những câu chuyện này là những giấc mơ thấy rõ, được thừa nhận như vậy, và những thực thể được gọi là hình bóng khác với những giấc mơ “chỉ vì chúng tôi trải nghiệm điều đó trong lúc tỉnh ngủ.” Nhưng, với Sparrow, việc đánh giá điều gì “chỉ là một giấc mơ” không làm ảnh hưởng đến tính thực tế bên ngoài của nó. Với Sparrow, bất kỳ đối tượng nào quý vị mơ thấy, và bất kỳ biến cố nào, đều thực sự tồn tại ở thế giới bên ngoài đầu óc quý vị. Ông đặc biệt phủ nhận rằng những giấc mơ “hoàn toàn chủ quan.” Bằng chứng không thể lọt vào giấc mơ. Nếu quý vị nằm mơ, nếu giấc mơ ấy ngọt ngào, nếu nó gọi lên điều kỳ diệu, thì khi đó nó đã thực sự diễn ra. Trong cơ thể Sparrow không hề có cái xương hoài nghi nào hết. Khi chúa Jesus bảo một phụ nữ trong một đám cưới “không thể chấp nhận được” to throw the bum out, Sparrow thừa nhận rằng chi tiết này làm nảy sinh những vấn đề cho “những người ủng hộ một quan điểm nhất quán dựa trên Kinh thánh.” Trong trường hợp đó, “cuối cùng, có lẽ, người ta có thể nói rằng gần như toàn bộ chỉ dẫn đều được tạo ra từ bên trong.” Chuyện gì xảy ra nếu ai đó kể về một giấc mơ trong đó chúa Jesus khuyên rằng về vấn đề phá thai – hoặc trả thù? Và nếu thực tế ở đâu đó, bằng cách nào đó chúng ta phải vạch ra ranh giới và kết luận rằng *một số* giấc mơ đã được những người nằm mơ sáng chế ra, tại sao lại không chứ?

Tại sao người ta lại sáng tác ra những câu chuyện bắt cóc? Tại người ta lại xuất hiện trên các chương trình có khán giả truyền hình tham gia chuyên về vấn đề khiếm khuyết tình dục của “các vị khách” – chủ đề rất được chuộng hiện nay trong đời sống văn hóa tinh thần cần cỗi ở Mỹ? Việc phát hiện ra rằng quý vị là một nạn nhân bị sinh vật lạ bắt cóc ít nhất cũng là một đột phá trong mạch sống thường nhật. Quý vị được mọi người chú ý, từ bạn bè, các chuyên gia trị liệu và thậm chí có thể cả truyền thông. Có cảm giác về sự khám phá, niềm vui, sợ hãi. Quý vị sẽ nhớ được gì tiếp theo? Quý vị bắt đầu tin rằng quý vị có thể là người báo hiệu hoặc thậm chí công cụ của những sự kiện vĩ đại giờ đây đang tiến dần tới chúng ta. Và quý vị không muốn làm thất vọng bác sĩ trị liệu của mình. Quý vị cầu khẩn người đó chấp nhận. Tôi nghĩ rất có thể việc trở thành một nạn nhân bị sinh vật lạ bắt cóc sẽ được nhiều lợi ích tâm lý.

Dem so sánh, hãy xem xét những trường hợp giả mạo sản phẩm, vốn truyền tải rất ít cái cảm giác kỳ diệu bao bọc quanh UFO và những vụ sinh vật lạ bắt cóc: Ai đó tuyên bố tìm thấy một ống tiêm dưới da trong một chai nước khoáng thông dụng. Rất dễ hiểu là việc này gây khó chịu. Nó được đưa lên báo và đặc biệt là trên bản tin thời sự truyền hình. Chỉ ít lâu sau, có cả cơn lũ những báo cáo tương tự từ khắp cả nước. Nhưng rất khó hình dung làm thế nào một ống

tiêm dưới da lại có thể chui vào chai nước tại nhà máy, và không có trường hợp nào các nhân chứng có mặt khi một chai nước còn nguyên vẹn được mở ra và phát hiện thấy một ống tiêm bên trong.

Dần dần, bằng chứng tích tụ cho thấy rằng đây là một tội danh “bắt chước mù quáng.” Người ta chỉ đang giả vờ tìm thấy ống tiêm trong chai nước. Tại sao ai đó lại làm vậy? Họ có những động cơ gì ở đây? Một số chuyên gia tâm thần nói rằng động cơ cơ bản là lòng tham (họ sẽ kiện nhà sản xuất), tâm lý thèm được người khác chú ý, và mong muốn được khắc họa như một nạn nhân. Lưu ý không hề có chuyên gia trị liệu nào “móm” tính xác thực của những ống tiêm trong chai nước và thúc giục bệnh nhân của mình – dù là kín đáo hoặc trực tiếp – công khai tin đó. Thêm nữa, hình phạt rất nặng được áp dụng cho tội danh giả mạo sản phẩm, và thậm chí cả việc tuyên bố sai cho rằng các sản phẩm đã bị làm ẩu. Ngược lại, có nhiều chuyên gia trị liệu khuyến khích nạn nhân bị bắt cóc kể ra câu chuyện của họ cho đồng đảo công chúng biết, và không hề có hình phạt nào được thực thi cho việc tuyên bố sai rằng quý vị đã bị một UFO bắt cóc. Cho dù lý do của quý vị là gì khi bước trên con đường này thì, để thuyết phục người khác rằng quý vị đã được những sinh vật cao cấp hơn lựa chọn cho mục đích bí ẩn của họ, phải thỏa đáng hơn rất nhiều so với tình huống xảy ra ngẫu nhiên là quý vị tìm thấy một ống tiêm dưới da trong lon cola của mình.

Chương 9. LIỆU PHÁP

Lập giả thuyết khi chưa có đủ dữ liệu là một sai lầm nghiêm trọng. Người ta bóp méo sự thật cho phù hợp với lý thuyết, chứ không phải bóp méo lý thuyết cho phù hợp với sự thật.

Sherlock Holmes

Trong chuyện *Vụ tai tiếng xứ Bohemia* của Arthur Conal Doyle
(1891)

Những ký ức đích thực dường như giống những bóng ma, trong khi những ký ức sai lệch lại thuyết phục đến mức chúng thay thế cho sự thật.

Gabriel Garcia Marquez

Những người hành hương kỳ lạ
(1992)

John Mack là một chuyên gia tâm thần ở Đại học Harvard, người tôi biết đã nhiều năm.

Cách đây rất lâu, ông ấy từng hỏi tôi: Có chuyện gì liên quan tới vấn đề UFO này không?

Tôi đáp rằng cũng không có gì nhiều. Dĩ nhiên ngoại trừ khía cạnh tâm thần.

Ông ấy nghiên cứu mảng này, phỏng vấn những người bị bắt cóc, và đã thay đổi. Hiện giờ ông ấy chấp nhận những lời kể của những người bắt cóc. Tại sao vậy?

“Tôi không tìm kiếm vấn đề này,” ông ấy nói. “Vốn kiến thức nền của tôi không hề có gì giúp tôi” tiếp nhận câu chuyện sinh vật lạ bắt cóc cả. “Nó hoàn toàn thuyết phục nhờ sức mạnh cảm xúc của những trải nghiệm này.” Trong cuốn sách *Những vụ bắt cóc* (Abductions) của mình, Mack công khai đề xướng một học thuyết rất nguy hiểm rằng “sức mạnh và cường độ cảm nhận được từ cái gì đó” chính là một chỉ dẫn để xem liệu cái gì đó có phải là thật hay không.

Cá nhân tôi có thể kiểm chứng sức mạnh cảm xúc. Nhưng phải chăng những cảm xúc mạnh lại không phải là một thành tố thường thấy trong những giấc mơ của chúng ta? Không phải thỉnh thoảng chúng ta lại choàng tỉnh trong cảm giác sợ hãi tột độ sao? Không phải là Mack, tác giả của một cuốn sách về ác mộng, cũng đã biết sức mạnh cảm xúc của những ảo giác sao? Một số bệnh nhân của Mack nói rằng họ đã từng bị ảo giác thời niên thiếu. Phải chăng các chuyên gia thôi miên và trị liệu tâm thần đang làm việc với “những người bị bắt cóc” đã rất cố gắng thâm nhập vào khối kiến thức về ảo giác và những hiện tượng sai chức năng giác quan? Tại sao họ lại tin vào những nhân chứng này chứ không phải những người thông báo, với mức độ khá thuyết phục, về những lần tiếp xúc với thần linh, ma quỷ, các vị thánh, các thiên thần, và các vị tiên? Và còn những người nghe được những mệnh lệnh khó cưỡng từ một giọng nói nội tâm nữa? Phải chăng tất cả những câu chuyện này đều là sự thật?

Một nhà khoa học mà tôi quen biết nói rằng “Nếu sinh vật lạ chỉ lưu giữ những người họ bắt cóc thì thế giới của chúng ta sẽ lạnh mạnh hơn một chút.” Nhưng đánh giá của bà ấy quá nghiêm khắc. Dường như đây không phải là vấn đề về sự lạnh mạnh. Nó là điều gì đó khác hẳn. Nhà tâm lý học người Canada Nicholas Spanos và các đồng nghiệp kết luận rằng không hề có những dấu hiệu bệnh lý rõ ràng ở những người nói rằng họ bị UFO bắt cóc. Tuy nhiên,

Những trải nghiệm UFO mạnh mẽ chắc chắn diễn ra ở những cá nhân sẵn sàng tin theo những tin điều bí truyền nói chung và sinh vật lạ nói riêng và là những người hiểu các trải nghiệm hình ảnh và giác quan bất thường theo giả thuyết sinh vật lạ. Trong số những người tin vào UFO, những người có xu hướng thích những sản phẩm tưởng tượng mạnh hơn đặc biệt dễ tạo ra những trải nghiệm như thế. Hơn nữa, những trải nghiệm ấy dễ được tạo ra và hiểu là những sự kiện có thật chứ không phải chuyện tưởng tượng khi chúng gắn với môi trường cảm giác bị hạn chế... (chẳng hạn, những trải nghiệm xảy ra ban đêm và liên quan tới giấc ngủ).

Những gì một tư duy phê phán hơn có thể nhận biết như là một ảo giác hoặc một giấc mơ, thì một tư duy cả tin hơn lại hiểu như là một hình ảnh thoáng qua của một thực thể khó nhận biết nhưng hoàn toàn ở bên ngoài.

Một số câu chuyện sinh vật lạ bắt cóc có thể mang dáng dấp những hồi ức về các vụ cưỡng bức và lạm dụng tình dục lúc nhỏ, với ông bố, bố dượng, chú, hoặc bạn trai của mẹ là một sinh vật lạ. Chắc chắn, tin rằng một sinh vật lạ lạm dụng quý vị sẽ dễ chịu hơn khi việc đó do ai đó quý vị tin tưởng và yêu quý thực hiện. Các chuyên gia trị liệu tiếp nhận giá trị bề mặt của những câu chuyện sinh vật lạ bắt cóc người phủ nhận điều này, nói rằng họ biết rõ liệu bệnh nhân của họ có bị lạm dụng tình dục hay không. Qua những cuộc thăm dò ý kiến, một số người ước tính được mức độ cao tới 1/4 số phụ nữ Mỹ và 1/6 nam giới đã từng bị lạm dụng tình dục lúc nhỏ (mặc dù những ước tính này có thể quá cao). Thật kinh ngạc nếu một con số đáng kể những bệnh nhân đến gặp các chuyên gia trị liệu vấn đề sinh vật lạ bắt cóc lại *không hề* bị lạm dụng, thậm chí tỉ lệ còn cao hơn nữa trong tổng dân số.

Cả chuyên gia trị liệu lạm dụng tình dục và chuyên gia trị liệu sinh vật lạ bắt cóc đều mất nhiều tháng, có khi hàng năm, khuyến khích đối tượng của mình nhớ rằng đã bị lạm dụng. Phương pháp của họ giống nhau, và mục đích của họ cũng phần nào như nhau – phục hồi lại ký ức đau đớn, thường là đã xảy ra rất lâu rồi. Trong cả hai trường hợp, các chuyên gia trị liệu đều tin rằng bệnh nhân đang phải chịu những chấn thương đi kèm với một sự kiện khủng khiếp đến mức chúng bị đè nén xuống. Tôi thấy rất ấn tượng là các chuyên gia trị liệu sinh vật lạ bắt cóc phát hiện ra rất ít trường hợp lạm dụng tình dục, và ngược lại.

Những người trên thực tế bị lạm dụng tình dục hoặc loạn luân lúc nhỏ đều, vì những lý do dễ hiểu, rất nhạy cảm với bất cứ điều gì dường như giảm thiểu hoặc phủ nhận trải nghiệm của họ. Họ nổi cáu, và họ có quyền như vậy. Tại Hoa Kỳ, ít nhất 1/10 phụ nữ từng bị cưỡng bức, gần 2/3 bị trước tuổi 18. Một khảo sát gần đây cho biết 1/6 số nạn nhân bị cưỡng bức có báo cáo với cảnh sát ở độ tuổi dưới 12. (Và đây là dạng cưỡng bức ít được báo cáo nhất). Một phần năm các cô gái này bị cưỡng bức bởi chính cha ruột của họ. Họ đã bị phản bội. Tôi muốn nói rất rõ về điểm này: Có nhiều trường hợp cha mẹ xâm hại tình dục cực kỳ ghê tởm diễn ra trên thực tế, hoặc những người giữ vai trò làm cha mẹ. Bằng chứng vật chất rất xác thực – chẳng hạn ảnh chụp hoặc nhật ký, hoặc bệnh lậu hay Chlamydia ở trẻ – đã được phơi bày ở một số trường hợp. Lạm dụng trẻ em được hiểu như một nguyên nhân chính gây ra các vấn đề xã hội. Theo một khảo sát, 85% những tù nhân hung bạo bị lạm dụng khi còn nhỏ. Hai phần ba các bà mẹ vị thành niên bị cưỡng hiếp hoặc lạm dụng tình dục khi còn bé hoặc ở tuổi thiếu niên. Nạn nhân bị cưỡng bức dễ sử dụng rượu và các loại ma túy cao hơn gấp 10 lần so với những phụ nữ khác. Vấn đề hoàn toàn có thật và rất cấp bách. Tuy nhiên, hầu hết các trường hợp lạm dụng tình dục trẻ em không thể chối cãi được và rất bị kịch sẽ được lưu giữ cho đến tận khi trưởng thành. Không hề có ký ức bị che giấu nào được khôi phục.

Trong khi hiện nay có nhiều trường hợp được báo cáo lại hơn là trước đây nhưng dường như thật sự có sự gia tăng mạnh số vụ lạm dụng trẻ em được ghi nhận mỗi năm bởi các bệnh viện và các cơ quan thi hành luật, tăng 10 lần tại Hoa Kỳ (lên tới 1,7 triệu trường hợp) trong khoảng 1967 đến 1985. Rượu và ma túy, cũng như sức ép kinh tế, được xem là những “lý do” khiến người lớn thời nay dễ lạm dụng trẻ em hơn so với trước đây. Có lẽ việc ngày càng có nhiều người biết đến các trường hợp lạm dụng trẻ em hiện nay khiến cho người lớn nhớ lại và chú trọng đến sự lạm dụng họ từng trải qua.

Một thế kỷ trước, Sigmund Freud đã đưa ra khái niệm ức chế, quên đi những sự kiện để tránh tổn thương tâm lý nghiêm trọng, như là một cơ chế sao chép rất cần cho sức khỏe tâm thần. Dường như nó đặc biệt cần cho những bệnh nhân được chẩn đoán bị chứng “cuồng loạn,” những triệu chứng bao gồm cả ảo giác và mất tri giác. Ban đầu, Freud tin rằng đằng sau mọi trường hợp cuồng loạn là một trường hợp lạm dụng tình dục thời niên thiếu bị kiểm chế. Cuối cùng, Freud thay đổi cách giải thích của mình theo hướng cuồng loạn tạo ra do những *ảo tưởng* – không phải tất cả ảo tưởng đều khó chịu – rằng bị lạm dụng tình dục khi còn nhỏ. Gánh nặng tội lỗi được chuyển từ cha mẹ sang con cái. Hiện nay cũng có vấn đề gì đó giống như tranh luận này đang diễn ra. (Lý do sự thay đổi của Freud vẫn còn đang được tranh cãi – có nhiều cách lý giải, từ thái độ giận dữ của ông đối với cánh đàn ông trung niên ở Vienne, tới việc ông thừa nhận rằng ông xem xét những câu chuyện cuồng loạn rất nghiêm túc).

Những ví dụ trong đó “ký ức” đột nhiên hiện lên, đặc biệt với sự hỗ trợ của một chuyên gia trị liệu tâm lý hoặc chuyên gia thôi miên, và khi những “ký ức” đầu tiên có tính chất mà quái

hoặc giống như mơ đặc biệt đáng ngờ. Nhiều tiết lộ về lạm dụng tình dục có vẻ như được sáng chế ra. Nhà tâm lý học ở Đại học Emory là Ulric Neisser nói:

Có việc lạm dụng trẻ em, và có những điều như ký ức bị kìm nén. Nhưng cũng có những điều như các ký ức sai lệch và những chuyện tán phét, và những điều này không hiểm hoi chút nào. Chuyện nhớ sai là nguyên tắc, không phải là ngoại lệ. Những trường hợp này xảy ra liên tục. Chúng xảy ra ngay cả trong những trường hợp đối tượng thấy tự tin tuyệt đối – thậm chí khi ký ức chỉ như một bóng đèn chớp dường như khó quên, một trong những bức ảnh mang tính ẩn dụ trong trí não. Chúng vẫn dễ xảy ra trong những trường hợp trong đó gợi ý là một khả năng sinh động, nơi các ký ức có thể được định hình hoặc tái định hình để đáp ứng các nhu cầu mạnh mẽ giữa các cá nhân trong một buổi trị liệu. Và một khi một ký ức đã được tái định hình theo cách này, nó rất, rất khó thay đổi.

Những nguyên tắc chung này không thể giúp chúng ta quyết định một cách chắc chắn xem chân lý nằm ở đâu trong bất kỳ trường hợp cá biệt nào. Nhưng trung bình, trong vô số các trường hợp ấy, vị trí chúng ta có thể đặt cược là khá rõ. Nhớ sai và hồi tưởng lại quá khứ là một phần bản chất con người; chúng diễn ra ở mọi lĩnh vực và mọi lúc.

Những người sống sót trong các trại tập trung giết người của Đức Quốc xã đưa ra mình chứng rõ ràng nhất cho thấy rằng ngay cả trường hợp lạm dụng tàn bạo nhất cũng có thể được thực hiện liên tục trong ký ức con người. Thực tế, vấn đề với rất nhiều người sống sót trong thời kỳ tàn sát người Do Thái đã đặt ra một khoảng cách cảm xúc nào đó giữa họ và các trại tị nạn giết người, để quên đi. Nhưng nếu trong một thế giới khác với cái ác không thể trốn tránh được, họ buộc phải sống tại nước Đức Phát xít – lấy ví dụ là trong một đất nước hậu Hitler với hệ tư tưởng Phát xít còn nguyên, ngoại trừ việc đã thay đổi tư duy về vấn đề bài Do Thái – khi đó, hãy tưởng tượng gánh nặng tâm lý đối với những người sống sót. Khi đó, có lẽ họ sẽ có thể quên, bởi vì việc ghi nhớ sẽ làm cho cuộc sống hiện tại của họ thêm rất nặng nề. Nếu có một thứ như sự kìm nén và tiếp theo đó là nhớ lại những ký ức kinh khủng, thì có lẽ nó đòi hỏi hai điều kiện: (1) lạm dụng đã xảy ra trên thực tế, và (2) nạn nhân được yêu cầu vờ như chuyện đó chưa bao giờ xảy ra trong suốt thời gian dài.

Nhà tâm lý học xã hội ở Đại học California là Richard Ofshe giải thích:

Khi bệnh nhân được đề nghị giải thích xem ký ức của họ quay trở lại như thế nào, họ cho biết đã lắp ghép các mảnh hình ảnh, ý tưởng, cảm xúc và tình cảm thành những câu chuyện mạch lạc. Công trình ký ức ấy kéo dài nhiều tháng, những cảm xúc trở thành những hình ảnh mơ hồ, những hình ảnh lại trở thành hình dáng, và những hình dáng trở thành những con người thật. Cảm giác khó chịu mơ hồ ở những bộ phận cơ thể nhất định được diễn giải lại là do bị cưỡng bức khi còn nhỏ... Những cảm xúc vật chất nguyên gốc, đôi khi được tăng lên nhờ thôi miên, khi đó được gọi là “những ký ức cơ thể.” Không hề có cơ chế có thể nhận biết được nào giúp các cơ trong thể có thể lưu trữ ký ức. Nếu những phương pháp này không thuyết phục nổi thì chuyên gia trị liệu có thể phải dùng đến những phương thức “nặng tay” hơn. Một số bệnh nhân được tuyển dụng vào các nhóm những người sống sót nơi người ta tận dụng áp lực giữa những người cùng cảnh ngộ, và họ được yêu cầu minh chứng sự đoàn kết đúng đắn về mặt chính trị bằng cách xác định bản thân như những thành viên của một nhóm những người sống sót.

Một tuyên bố thận trọng năm 1993 của Hiệp hội Tâm thần Mỹ chấp nhận khả năng một số người trong chúng ta quên chuyện bị lạm dụng thời niên thiếu như là một phương tiện giải quyết, nhưng cảnh báo

Chúng ta chưa biết làm cách nào phân biệt, với độ chính xác hoàn toàn, những ký ức dựa trên các sự kiện thật với những ký ức xuất phát từ các nguồn khác... Việc liên tục đặt câu hỏi có thể khiến người ta nói đến những “ký ức” về các sự kiện chưa bao giờ xảy ra. Chúng ta chưa biết có bao nhiêu người nói đến những ký ức về lạm dụng tình dục đã bị lạm dụng trên thực tế... Niềm tin mạnh mẽ có từ trước của chuyên gia tâm thần cho rằng lạm dụng tình dục, hoặc các nhân tố khác, là hoặc không phải là nguyên nhân cho các vấn đề của bệnh nhân chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến đánh giá và điều trị phù hợp.

Một mặt, việc thăng trầm gạt bỏ mọi ảnh hưởng của lạm dụng tình dục có thể là hành động bất công nhãn tâm. Mặt khác, việc làm xáo trộn ký ức của ai đó, việc tiêm nhiễm những câu

chuyện sai lệch về lạm dụng khi còn nhỏ, việc phá vỡ những gia đình đang yên ổn, và thậm chí làm cho những ông bố bà mẹ vô tội phải vào tù cũng là hành động bất công tàn nhẫn. Thái độ hoài nghi đều rất cần ở cả hai phía. Việc chọn ra lối đi riêng cho chúng ta ở giữa hai thái cực này có thể phải rất khéo léo.

Những ấn bản trước kia của cuốn sách rất có ảnh hưởng của Ellen Bass và Laura Davis (cuốn *Can đảm chữa trị: Cẩm nang cho những phụ nữ bị lạm dụng tình dục lúc nhỏ* - *The Courage to Heal: A Guide for Women Survivors of Child Sexual Abuse*, Nhà xuất bản Perennial Library, 1988) đưa ra lời khuyên rất tốt cho các chuyên gia trị liệu:

Hãy tin vào bệnh nhân. Quý vị cần phải tin khách hàng của mình đã bị lạm dụng tình dục, thậm chí nếu bản thân người đó nghi ngờ... Khách hàng của quý vị cần quý vị để vững tin rằng họ đã bị lạm dụng. Đồng ý với một khách hàng còn đang nghi ngờ thì cũng giống như đồng ý với một khách hàng tự sát có niềm tin rằng tự sát là cách giải thoát tốt nhất. Nếu một khách hàng không dám chắc rằng mình đã bị lạm dụng mà lại nghĩ rằng có thể như vậy, hãy xem như họ đã bị lạm dụng. Cho đến nay, trong số hàng trăm phụ nữ chúng tôi đã từng trò chuyện và hàng trăm người khác chúng tôi đã lắng nghe, không một ai nghi ngờ rằng họ có thể đã bị lạm dụng, tìm hiểu chuyện đó và kết luận rằng họ không hề bị lạm dụng.

Nhưng Kenneth V. Lanning, Đặc vụ Giám sát tại Phòng Nghiên cứu và Hướng dẫn Khoa học Ứng xử thuộc Học viện FBI ở Quantico, Virginia, một chuyên gia hàng đầu về vấn đề ngược đãi tình dục trẻ em, băn khoăn: “Phải chăng chúng ta đang hình thành nên hàng thế kỷ phủ nhận bằng việc lúc này đây, chúng ta chấp nhận một cách mù quáng *bất kỳ* lý do lạm dụng trẻ em nào, cho dù có vô lý hay không chắc chắn đến đâu đi chăng nữa?” “Tôi không quan tâm điều đó có đúng hay không,” một chuyên gia trị liệu ở California mà tờ *The Washington Post* đưa tin đã trả lời. “Điều gì xảy ra trên thực tế không hề liên quan đến tôi... Chúng tôi đều tin vào ảo giác.”

Dường như với tôi, sự hiện diện của *bất kỳ* cáo buộc sai lệch nào về lạm dụng tình dục lúc nhỏ – đặc biệt là những cáo buộc được tạo ra do sự hỗ trợ của một nhân vật thể lực – đều có liên quan đến vấn đề sinh vật lạ bắt cóc. Nếu ai đó có thể bị dẫn dắt đến chỗ nhớ sai rằng đã bị cha mẹ mình lạm dụng, thì tại sao những người khác lại không thể bị dẫn dắt đến chỗ nhớ ai rằng họ đã bị những sinh vật lạ lạm dụng?

Tôi càng nghiên cứu những trường hợp sinh vật lạ bắt cóc, thì dường như chúng càng giống với những báo cáo về “ký ức được tìm thấy” về lạm dụng tình dục thời niên thiếu. Và còn một loại báo cáo liên quan thứ ba, những “ký ức” bị đè nén về các nghi lễ thờ cúng ma quỷ – trong đó việc hành hạ về tình dục, chứng thích phân, tục giết trẻ nhỏ, và tục ăn thịt người được cho là những đặc điểm nổi bật. Trong một khảo sát với 2700 thành viên của Hiệp hội Tâm lý Mỹ, 12% trả lời rằng họ đã điều trị các trường hợp lạm dụng nghi lễ ma quỷ (trong khi 30% cho biết các trường hợp lạm dụng được thực hiện nhân danh tôn giáo). Mỗi năm ở Hoa Kỳ có khoảng 10.000 trường hợp xảy ra trong những năm gần đây. Một con số đáng kể những người trình bày về sự nguy hiểm của tàn dư tục thờ cúng Satan tại Mỹ, kể cả các quan chức thực thi pháp luật vẫn tổ chức những buổi hội thảo về chủ đề này, hóa ra là những tín đồ Thiên Chúa giáo theo trào lưu chính thống; các giáo phái của họ công khai mong muốn có một con quỷ theo đúng nghĩa đen can thiệp vào đời sống thường nhật của loài người. Mỗi liên hệ được xác định rất rành mạch trong câu nói “Không quỷ Satan thì cũng chẳng có Chúa.”

Rõ ràng, có một vấn đề về tính cả tin lan tỏa ngay trong đội ngũ cảnh sát về vấn đề này. Đây là một số trích dẫn từ phân tích “Tội phạm liên quan đến quỷ Satan, thuật huyền bí và nghi lễ” của chuyên gia FBI Lanning, dựa trên trải nghiệm cay đắng, được xuất bản trong số tháng 10 năm 1989 của tạp chí chuyên ngành *Cảnh sát trưởng* (The Police Chief):

Hầu như bất kỳ thảo luận nào về tục thờ cúng quỷ Satan và thuật phù thủy đều được hiểu theo những tín điều tôn giáo của những người trong số cử tọa. Niềm tin, không hề logic và hợp lý, kiểm soát các tín điều tôn giáo của hầu hết mọi người. Do đó, một số quan chức thực thi pháp luật thường có thái độ hoài nghi chấp nhận thông tin được loan truyền tại những hội nghị này mà không hề đánh giá nó với thái độ phê phán hoặc nghi ngờ các nguồn... Với một số người, tục thờ cúng quỷ Satan là bất kỳ hệ thống tín điều tôn giáo nào không phải tín điều của họ.

Sau đó, Lanning đưa ra một danh sách dài các hệ thống tín điều mà bản thân ông đã nghe nói được mô tả như là tục thờ cúng quỷ Satan tại những hội nghị như vậy. Danh sách này bao gồm cả Công giáo La Mã, Giáo hội Chính thống giáo, Hồi giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo, đa thần giáo, nhạc rock and roll, chiêm tinh và các tín điều Kỷ nguyên Mới nói chung. Phải chăng ở đây không hề có gợi ý cho thấy các vụ săn lùng phù thủy và tàn sát tôn giáo đã khởi sự như thế nào?

“Ngay trong hệ thống tín điều tôn giáo cá nhân của một quan chức thực thi pháp luật,” Lanning tiếp tục

Thiên Chúa giáo có thể rất tốt và tục thờ cúng quỷ Satan là xấu xa. Tuy nhiên, theo Hiến pháp, cả hai đều trung tính. Đây là một quan niệm quan trọng, nhưng khó khăn, mà nhiều quan chức thực thi pháp luật có thể chấp nhận. Họ được trả lương để bảo đảm thực thi luật hình sự, chứ không phải 10 điều răn của Chúa... Thực tế là tình trạng tội phạm và lạm dụng trẻ em mà những kẻ cuồng tín phạm phải nhân danh Chúa Trời, Jesus, và Mohammed còn cao hơn nhân danh quỷ Satan. Nhiều người không thích tuyên bố này, nhưng một số ít người có thể tranh cãi về nó.

Nhiều người nói đến nạn lạm dụng nhân danh ma quỷ mô tả những nghi lễ truy hoan lồ bịch trong đó những đứa trẻ sơ sinh bị giết và ăn thịt. Những báo cáo như vậy về các nhóm người bị lên án đã được nhắc đến bởi những người lên án họ trong suốt lịch sử Châu Âu – kể cả những người chủ mưu cuộc nổi dậy Cataline ở La Mã,[\[40\]](#) cáo buộc hiến máu nhằm vào người Do Thái, [\[41\]](#) và các Hiệp sĩ Đền thánh khi họ bị giải tán vào thế kỷ 14 tại Pháp. Buồn cười là, những báo cáo về nạn giết trẻ em để ăn thịt và các cuộc truy hoan loạn luân lại chỉ nằm trong số những sự kiện mà giới chức La Mã sử dụng để khủng bố những người Thiên Chúa giáo đầu tiên. Sau đó, chính Jesus được trích lời nói rằng (John 6:53): “Nếu các ngươi không ăn thịt của Con người, cùng không uống huyết Ngài, thì chẳng có sự sống trong các ngươi đâu.” Mặc dù dòng tiếp theo chỉ rõ Jesus đang nói về chuyện ăn chính thịt của ngài và uống chính máu của ngài, nhưng những người phê phán không có thái độ đồng cảm có thể hiểu sai cụm từ “Con [của] người” trong tiếng Hy Lạp thành “trẻ em” hoặc “trẻ sơ sinh.” Tertullian[\[42\]](#) và các cha khác trong Giáo hội thời kỳ đầu hết sức bào chữa cho bản thân họ trước những cáo buộc kỳ cục.

Ngày nay, việc thiếu những con số tương ứng cho số lượng trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ bị mất tích trong hồ sơ cảnh sát được giải thích bằng nhận định rằng trên toàn thế giới, trẻ nhỏ đang được nuôi dưỡng vì mục đích này – chắc chắn gợi nhớ lại những báo cáo của những bị bắt cóc rằng các thí nghiệm lai tạo giữa sinh vật lạ/người đang lan tràn. Cũng tương tự như mô hình sinh vật lạ bắt cóc, lạm dụng thờ cúng ma quỷ được cho rằng truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong một số gia đình. Theo kiến thức tôi có, như trong mô hình sinh vật lạ bắt cóc, không hề có bằng chứng vật chất nào từng được cung cấp trước tòa để củng cố cho những tuyên bố. Mặc dù vậy, sức mạnh cảm xúc thì thấy rõ. Khả năng cho rằng những việc như vậy vẫn đang diễn ra khiến chúng ta sốt sắng hành động. Khi chúng ta tin vào nghi thức ma quỷ, chúng ta cũng nâng địa vị xã hội của những người cảnh báo cho chúng ta về điều tưởng là hiếm hoi.

Hãy xem xét năm trường hợp này: (1) Myra Obasi, một giáo viên ở Louisiana, bị ma quỷ ám – bà và các chị em gái của bà tin như vậy sau khi hỏi ý kiến một thầy số. Những cơn ác mộng của cháu trai bà là một phần bằng chứng. Cho nên họ rời khỏi Dallas, bỏ lại năm đứa trẻ, và mấy chị em này sau đó chọc mù mắt Bà Obasi. Tại phiên xét xử, bà lại biện hộ cho các chị em mình. Họ đang cố gắng giúp bà, bà nói vậy. Nhưng phương pháp đoán vận may rủi không phải là hình thức thờ quỷ dữ; đó là sự kết hợp giữa Công giáo và tôn giáo bản địa của người Haiti gốc Phi. (2) Các bậc cha mẹ đánh đập con tới chết vì đứa con không chịu đi theo Thiên Chúa giáo của gia đình. (3) Một kẻ chuyên dụ dỗ trẻ em biện hộ cho hành vi của mình bằng cách đọc Kinh Thánh cho các nạn nhân. (4) Một cậu bé 14 tuổi móc nhãn cầu ra khỏi hốc mắt trong một nghi lễ phù phép. Kẻ tấn công cậu không phải là tín đồ thờ quỷ Satan, mà là một mục sư Tin Lành theo đuổi những mục đích tôn giáo. (5) Một phụ nữ nghĩ cậu con trai 12 tuổi của mình bị quỷ ám. Sau khi có quan hệ loạn luân với cậu bé, bà mẹ chặt đầu cậu. Nhưng không hề có nội dung nghi thức ma quỷ nào.

Các trường hợp thứ 2 và 3 lấy từ hồ sơ FBI. Hai trường hợp cuối lấy từ một nghiên cứu năm

1994 của Tiến sĩ Gail Goodman, một chuyên gia tâm lý học tại Đại học California, Davis, và các đồng nghiệp của bà, thực hiện cho Trung tâm Quốc gia về lạm dụng và Bỏ bê Trẻ em. Họ đã kiểm chứng hơn 12.000 cáo buộc lạm dụng tình dục liên quan tới các nghi thức ma quỷ, và không thể tìm thấy cáo buộc nào chỉ dựa trên, xin lấy ví dụ, “sự vạch trần của phụ huynh qua phương pháp thôi miên” hoặc “tâm lý sợ hãi các biểu tượng ma quỷ” của trẻ. Trong một số trường hợp, chẩn đoán được thực hiện trên cơ sở hành vi chung với nhiều trẻ em. “Chỉ trong một số ít trường hợp bằng chứng vật chất mới được đề cập – thường là “những vết sẹo”. Nhưng trong hầu hết các trường hợp “vết sẹo” rất mờ nhạt hoặc không hề tồn tại. “Ngay cả khi có sẹo, cũng không thể quyết đoán xem liệu có phải chính nạn nhân đã tự gây ra hay không.” Điều này cũng rất quen thuộc với các trường hợp sinh vật lạ bắt cóc, như mô tả bên dưới. George K. Ganaway, Giáo sư tâm thần học tại Đại học Emory, đề xuất rằng “nguyên nhân khả dĩ chung nhất gây ra những ký ức liên quan đến tín ngưỡng có thể hóa ra lại là một sự đánh lừa lẫn nhau giữa bệnh nhân và chuyên gia trị liệu.”

Một trong những trường hợp rắc rối nhất liên quan đến “ký ức được phục hồi” về lạm dụng nghi thức ma quỷ đã được Lawrence Wright ghi lại trong cuốn sách *Nhớ quỷ Satan* (Remembering Satan, Knopf, 1994). Nó liên quan đến Paul Ingram, một người có thể đã hủy hoại vợ mình vì anh ta quá cả tin, quá dễ bị lôi kéo, quá ít kinh nghiệm trong việc có thái độ hoài nghi. Vào năm 1988, Ingram là Chủ tịch Đảng Cộng hòa ở Olympia, Washington, phó cảnh sát trưởng dân sự tại văn phòng cảnh sát trưởng địa phương, được trọng vọng, rất mộ đạo, và có trách nhiệm phổ biến cho trẻ em tại các buổi họp mặt ở trường về những hiểm họa của ma túy. Sau đó xảy ra thời khắc hãi hùng khi một cô con gái của ông ta – sau một buổi lễ rất nhiều cảm xúc tại một giáo đường chính thống – công khai cáo buộc đầu tiên trong rất nhiều cáo buộc, cái sau luôn khủng khiếp hơn cái trước, rằng Ingram đã lạm dụng tình dục mình, làm cho cô bé mang thai, hành hạ cô, bắt cô phục vụ những tay phó cảnh sát trưởng khác, đưa cô tới những nghi lễ ma quỷ, chặt chân tay và ăn thịt trẻ nhỏ... Việc này diễn ra từ lúc cô còn bé, cô cho biết, kéo dài gần như tới tận khi cô bắt đầu “nhớ được” toàn bộ.

Ingram có thể không hiểu tại sao con gái mình lại nói dối một việc như vậy – mặc dù bản thân ông không hề nhớ gì cả. Nhưng những điều tra viên của cảnh sát, một chuyên gia trị liệu tâm thần, và mục sư của ông tại Nhà thờ Living Water đều giải thích rằng những người phạm tội tình dục thường đè nén ký ức về những tội ác của họ. Khách quan một cách kỳ lạ nhưng đồng thời cũng rất sốt sắng hợp tác, Ingram đã cố gắng nhớ lại. Sau khi một chuyên gia tâm lý thực hiện kỹ thuật thôi miên nhắm mắt để đem lại trạng thái nhập định, Ingram bắt đầu hình dung ra điều gì đó rất giống với những gì cảnh sát đang mô tả. Những gì hiện về trong trí não không giống như những ký ức thật sự, mà là thứ gì đó giống như những hình ảnh mờ ảo trong sương. Mỗi lần ông cung cấp một chi tiết – càng nhiều thì nội dung càng kinh khủng – ông lại được khuyến khích và thúc bách thêm. Mục sư của ông quả quyết với ông rằng Chúa sẽ chỉ cho phép những ký ức thật sự hiện về trong những giấc mộng của ông.

“Gần như tôi đang tự sáng tạo ra,” Ingram nói, “nhưng tôi không hề.” Ông cho rằng có thể do một con quỷ nào đó. Cũng dưới những ảnh hưởng như vậy, với hệ thống tin mật của nhà thờ loan truyền những chi tiết hãi hùng mới nhất mà Ingram khai nhận, và cảnh sát càng ráo riết khai thác, thì những người con khác và cả vợ ông cũng bắt đầu “nhớ ra.” Những công dân xuất sắc bị cáo buộc tham gia vào những nghi lễ truy hoan. Các quan chức thực thi pháp luật ở nơi khác trên đất nước Mỹ bắt đầu chú ý. Đây chỉ là phần chỏm của tảng băng trôi, một số người nói như vậy.

Khi Richard Ofshe ở Berkeley được bên công tố mời tham gia, ông đã tiến hành một thí nghiệm có kiểm soát. Đó là một luồn không khí mới. Việc gợi ý với Ingram rằng ông ấy đã bắt ép con trai và con gái mình quan hệ loạn luân và việc yêu cầu ông sử dụng kỹ thuật “phục hồi ký ức” mà ông đã học được, lập tức gợi ra một “ký ức” như vậy. Nó không hề cần đến áp lực, không cần hăm dọa – chỉ cần gợi ý và kỹ thuật cũng đủ. Nhưng những người tham gia, vốn: “nhớ được” nhiều đến vậy, lại phủ nhận đã từng xảy ra mọi chuyện. Đối mặt với bằng chứng này, Ingram kịch liệt bác bỏ rằng ông đã tự tạo ra bất kỳ chuyện gì hoặc là bị ảnh hưởng bởi những người khác. Ký ức của ông về biến cố này rõ ràng và “thật” như tất cả những chuyện khác ông nhớ được.

Một cô con gái mô tả lại những vết sẹo đáng sợ trên cơ thể cô do bị tra tấn và nạo thai cưỡng bức. Nhưng cuối cùng khi cô được khám y tế, không hề nhìn thấy vết sẹo tương ứng nào. Bên công tố không hề kết tội Ingram với những tội danh lạm dụng ma quỷ. Ingram thuê một luật sư vốn chưa bao giờ tham gia một vụ án hình sự. Theo lời khuyên của mục sư, ông ấy thậm chí còn không đọc báo cáo của Ofshe: Người ta bảo ông ấy rằng điều đó sẽ chỉ làm cho ông ấy thêm rối. Ông ấy nhận 6 tội danh cưỡng bức, và cuối cùng bị tù. Trong tù, trong khi chờ kết án, cách biệt hẳn với các con gái của mình, các đồng nghiệp cảnh sát cũng như mục sư của ông, ông ấy mới suy nghĩ lại. Ông ấy đề nghị rút lại lời nhận tội. Ký ức của ông ấy đã bị cưỡng ép mà ra. Ông ấy không phân biệt được ký ức thật với ký ức tưởng tượng. Lời nhận tội của ông ấy bị hủy bỏ. Ông ấy đang thi hành bản án 20 năm. Nếu giờ là thể kỷ 16 chứ không phải 20 thì có lẽ toàn bộ gia đình sẽ bị thiêu sống – cùng với một bộ phận công dân đứng đầu của Olympia, Washington.

Sự hiện diện của một báo cáo FBI gây nhiều nghi ngờ về chủ đề chung là lạm dụng ma quỷ (Kenneth V. Lanning, “Hướng dẫn cho điều tra viên về những cáo buộc lạm dụng trẻ em phục vụ ‘nghỉ lễ,’” tháng 1 năm 1992) bị nhiều người rất nhiệt thành bác bỏ. Tương tự, một nghiên cứu năm 1994 của Bộ Y tế Anh quốc về những cáo buộc lạm dụng ma quỷ ở đó kết luận rằng, trong số 84 trường hợp cáo buộc, không có trường hợp nào được nghiên cứu cẩn thận. Vậy toàn bộ những điều này là gì? Nghiên cứu giải thích,

Chiến dịch Thiên Chúa giáo Phúc Âm chống lại các phong trào tôn giáo mới là một ảnh hưởng mạnh mẽ khuyến khích cho việc nhận diện lạm dụng ma quỷ. Cũng có tầm quan trọng tương đương, nếu không nói là hơn, trong việc loan truyền ý tưởng về lạm dụng ma quỷ ở Anh chính là các “chuyên gia,” cả Mỹ và Anh. Họ có rất ít hoặc thậm chí là không có năng lực như các chuyên gia thực thụ, nhưng lại gán cho mình khả năng có được nhờ “trải nghiệm các trường hợp.”

Những người tin rằng các nghi thức thờ ma quỷ là một hiểm họa cho xã hội chúng ta có xu hướng thiếu kiên nhẫn với những người có thái độ hoài nghi. Hãy xem xét phân tích này của Tiến sĩ Corydon Hammond, cựu Chủ tịch Hội Thôi miên Lâm sàng Mỹ:

Tôi sẽ gợi ý với quý vị rằng những người này [những người có thái độ hoài nghi] một là rất ngây thơ và có kinh nghiệm lâm sàng hạn chế; hai là ngờ nghệch y như người dân thời kỳ tàn sát Do Thái, hoặc họ hiểu biết và hoài nghi đến mức họ nghi ngờ tất cả mọi thứ; hoặc thứ ba, chính họ là những người tôn thờ. Và tôi có thể quả quyết rằng có những người ở vị thế đó... Có những người là bác sĩ, là chuyên gia sức khỏe tâm thần, những người theo đạo, những người đang khai sáng những kiểu thờ cúng liên thế hệ... Tôi nghĩ nghiên cứu thật sự rõ ràng: Chúng ta có ba nghiên cứu, một cho thấy 25%, một cho thấy 20% bệnh nhân đa xơ cứng (những rối loạn tính cách phức tạp) ngoại trú có vẻ là nạn nhân của lạm dụng thờ cúng, và một nghiên cứu nữa về một chuyên khoa bệnh nhân nội trú cho thấy 50%.

Trong một số nhận định của mình, dường như ông tin rằng những thí nghiệm kiểm soát trí não của Đức Quốc xã đã được CIA tiến hành với hàng chục nghìn công dân Mỹ cả tin. Hammond tin rằng, động cơ bao trùm là “tạo ra một trật tự ma quỷ thống trị cả thế giới.”

Trong cả ba loại “ký ức được phục hồi,” có các chuyên gia – các chuyên gia về sinh vật lạ bắt cóc, các chuyên gia thờ cúng ma quỷ, và các chuyên gia gọi lại những ký ức bị đè nén về lạm dụng tình dục lúc nhỏ. Cũng phổ biến như trong cách chữa bệnh về tâm thần, các bệnh nhân lựa chọn hoặc được giới thiệu tới một chuyên gia trị liệu có chuyên môn dường như thích hợp với vấn đề của họ. Trong cả ba nhóm, chuyên gia trị liệu giúp gợi ra những hình ảnh về các sự kiện được cho là đã xảy ra từ lâu (trong một số trường hợp, từ hàng chục năm về trước); trong cả ba nhóm, các chuyên gia đều rất xúc động trước những đau khổ rất thật đến không thể nhầm lẫn của bệnh nhân; trong cả ba nhóm, ít nhất một số chuyên gia trị liệu có đặt ra những câu hỏi then chốt – thực tế là những mệnh lệnh từ các nhân vật quyền thế nhằm làm cho những bệnh nhân cả tin khẳng định rằng họ nhớ được (tôi rất muốn viết là “thú nhận”); trong cả ba nhóm, có những mạng lưới chuyên gia trị liệu trao đổi hồ sơ khách hàng và phương pháp trị liệu với nhau; trong cả ba nhóm, những người hành nghề đều cảm thấy cần phải bảo vệ công việc của mình trước những đồng nghiệp có thái độ hoài nghi; trong cả ba nhóm, phương pháp thôi miên điều trị được khai thác; trong cả ba nhóm, đa số những người cho biết bị lạm dụng

đều là phụ nữ. Và trong cả ba nhóm – trừ những ngoại lệ đã đề cập – không hề có bằng chứng vật chất. Cho nên không khó khi đặt câu hỏi liệu các vụ sinh vật lạ bắt cóc có phải là một phần của bức tranh lớn hơn nào đó không.

Bức tranh lớn hơn này có thể là gì? Tôi đã đặt câu hỏi này với Tiến sĩ Fred H. Frankel, giáo sư tâm thần học tại Trường Y Harvard, Chủ nhiệm Tâm thần học tại Viện Beth Israel ở Boston, và là một chuyên gia hàng đầu về thôi miên. Câu trả lời của ông:

Nếu các vụ bắt cóc của sinh vật lạ là một phần của một bức tranh lớn hơn thì thực tế bức tranh đó là gì? Tôi sợ phải nhảy vào nơi mà các thiên thần cũng sợ đặt chân đến; tuy nhiên, những nhân tố quý vị đưa ra đều hậu thuẫn cho những gì đã được mô tả ở thời điểm chuyển giao thế kỷ là “chứng cuồng loạn.” Buồn thay, thuật ngữ này đã được sử dụng rộng rãi đến mức những người cùng thời với chúng ta, trong tri thức mơ hồ của họ... không chỉ bỏ qua nó, mà còn đánh mất cả cách nhìn nhận về những hiện tượng mà nó đại diện: Mức độ cả tin rất cao, khả năng tưởng tượng, sự nhạy cảm trước những tâm trạng và kỳ vọng theo ngữ cảnh, và yếu tố tiềm ẩn... Rất ít chi tiết của điều này được đánh giá bởi một số lượng đông đảo các thầy thuốc lâm sàng đang hành nghề.

Song song với việc hồi cố cho mọi người để họ khôi phục lại những ký ức đã bị lãng quên về “cuộc đời trước đây,” Frankel còn lưu ý rằng các chuyên gia trị liệu có thể sẵn sàng thúc đẩy mọi người bằng phương pháp thôi miên để họ có thể “nhớ” ra tương lai của họ. Điều này tạo ra cường độ xúc cảm tương tự như phương pháp hồi cố hoặc kiểu thôi miên những người bị sinh vật lạ bắt cóc của Mack. “Những người này không lừa gạt chuyên gia trị liệu. Họ lừa gạt chính mình,” Frankel nói. “Họ không thể nhận biết được những điều họ bốc phét với những trải nghiệm của họ.”

Nếu chúng ta không giải quyết được, nếu chúng ta mang gánh nặng tội lỗi vì đã không nỗ lực hơn, phải chăng chúng ta sẽ không hoan nghênh ý kiến chuyên môn của một chuyên gia trị liệu có bằng cấp trên cơ sở rằng đó không phải là lỗi của chúng ta, rằng chúng ta không còn gặp trở ngại, rằng những kẻ tôn thờ ma quỷ, hoặc những kẻ lạm dụng tình dục, hoặc những sinh vật lạ từ các hành tinh khác mới phải chịu trách nhiệm? Phải chăng chúng ta sẽ không sẵn lòng trả chi phí cho lời cam đoan này? Và phải chăng chúng ta sẽ không phản kháng những người có thái độ hoài nghi nói với chúng ta rằng tất cả nằm sẵn trong đầu chúng ta, hoặc rằng nó được gieo rắc bởi chính những chuyên gia trị liệu đã khiến cho chúng ta cảm thấy hạnh phúc hơn về bản thân mình?

Những chuyên gia trị liệu này đã được đào tạo đến đâu về phương pháp khoa học và nghiên cứu với thái độ hoài nghi, về thống kê, hoặc thậm chí về khả năng sai lầm của con người? Phân tâm học không phải là một chuyên môn có khả năng tự phê phán, nhưng ít nhất nhiều người theo đuổi ngành này có bằng bác sĩ y khoa (MD). Hầu hết các giáo trình y học đều có liên hệ rất lớn đến các kết quả và phương pháp khoa học. Nhưng nhiều người đang xử lý các trường hợp lạm dụng đường như lại không mấy quen thuộc với khoa học. Những người cung cấp dịch vụ sức khỏe tâm thần ở Mỹ chắc chắn chỉ là những người làm công tác xã hội hơn là các chuyên gia tâm thần hoặc tâm lý trình độ tiến sĩ.

Hầu hết những chuyên gia trị liệu này cho rằng trách nhiệm của họ là hỗ trợ bệnh nhân của mình, chứ không phải đặt câu hỏi, tỏ thái độ hoài nghi, hoặc nêu ra nghi vấn. Bất kỳ điều gì được thể hiện, cho dù kỳ quặc đến đâu, đều được chấp nhận. Nhiều khi sự nhắc nhở của chuyên gia trị liệu rất lộ liễu. Đây [rút ra từ *Bản tin FMS* của Quỹ Triệu chứng Ký ức Sai, tập 4, số 4, trang 3, 1995] là một báo cáo không điển hình cho lắm:

Chuyên gia trị liệu trước của tôi đã thừa nhận rằng ông ấy vẫn tin rằng mẹ tôi là một tín đồ thờ cúng ma quỷ, [và] cha tôi quấy rối tôi... Chính hệ thống niềm tin ảo giác và các kỹ thuật liên quan đến gợi ý và thuyết phục của vị chuyên gia trị liệu này đã đưa tôi đến chỗ tin những lời nói dối là ký ức. Khi tôi tỏ ra nghi ngờ về tính xác thực của những ký ức ấy thì ông ấy khẳng định rằng tất cả đều thật. Ông ấy không chỉ khẳng định cho rằng chúng là thật mà còn cho tôi biết rằng để phục hồi, tôi không những phải chấp nhận rằng chúng là thật, mà còn ghi nhớ chúng.

Trong một trường hợp năm 1991 tại Hạt Allegheny, Pennsylvania, một thiếu nữ tên là Nicole

Althaus, được giáo viên và một người làm công tác xã hội khích lệ, đã cáo buộc cha mình lạm dụng tình dục cô, khiến ông này bị bắt. Nicole cũng khai rằng cô đã sinh ba đứa con, nhưng đều bị người thân giết đi, rằng cô đã bị cưỡng hiếp tại một nhà hàng đông khách, và rằng bà nội cô dùng chổi để bay. Năm sau Nicole xin rút lời khai của mình, và tất cả cáo buộc nhằm vào cha cô đều được xóa bỏ. Nicole và cha mẹ cô phát đơn kiện chuyên gia trị liệu và bệnh viện tâm thần mà Nicole được giới thiệu tới ngay sau khi cô bắt đầu đưa ra những cáo buộc. Hội đồng xét xử thấy rằng vị bác sĩ và cơ sở khám bệnh đã cấu thả và yêu cầu họ đền bù gần 250.000 đô la cho Nicole và cha mẹ cô. Những vụ việc loại này đang ngày càng tăng lên.

Phải chăng sự cạnh tranh giữa các chuyên gia trị liệu để giành bệnh nhân, và lợi ích tài chính thấy rõ của các chuyên gia trị liệu nhờ việc điều trị kéo dài, đã làm cho họ bớt gây khó chịu cho bệnh nhân bằng việc chứng tỏ một chút hoài nghi đối với những câu chuyện của bệnh nhân? Họ nhận thức đến đâu về tình thế khó xử của một bệnh nhân chất phác đang bước vào một cơ sở chuyên môn và được nói rằng chúng mất ngủ hoặc béo phì chính là lý do (với mức độ kỳ quái ngày càng tăng) khiến họ quên mất việc bị cha mẹ lạm dụng, những nghi thức ma quỷ, hay bị sinh vật lạ bắt cóc? Trong khi có những giới hạn đạo đức và cả những giới hạn khác, chúng ta cần thứ gì đó giống như một thử nghiệm kiểm soát: Có lẽ cũng bệnh nhân đó được gửi tới các chuyên gia ở cả ba lĩnh vực. Liệu có người nào trong số họ nói “Không, vấn đề của quý vị không phải do lạm dụng hồi nhỏ” (hoặc những nghi thức ma quỷ, hoặc sinh vật lạ bắt cóc, tùy trường hợp)? Có bao nhiêu người trong số họ nói “Có cách giải thích thông thường hơn”? Thay vào đó, Mack đi đến chỗ nói với một bệnh nhân của ông một cách rất ngưỡng mộ và quả quyết rằng người đó đang thực hiện một “hành trình của người hùng.” Một nhóm “những người bị bắt cóc” – người nào cũng có trải nghiệm riêng nhưng tương tự nhau – viết

Vài người trong chúng tôi rất cuộc đã có đủ can đảm để trình bày những trải nghiệm của mình cho các nhà tư vấn có chuyên môn, chỉ để thấy họ lo lắng né tránh chủ đề này, nhướng mày im lặng hoặc hiểu trải nghiệm như là một giấc mộng hoặc ảo giác và “quả quyết” một cách rất kẻ cả với chúng tôi rằng những chuyện như thế vẫn xảy ra với mọi người, “nhưng đừng lo, quý vị vẫn ổn về mặt tâm thần.” Tuyệt vời! Chúng tôi không điên, nhưng nếu chúng tôi xem xét những trải nghiệm của mình một cách nghiêm túc thì có thể chúng tôi lại thành những kẻ điên!

Với niềm tin rất lớn, họ tìm được một chuyên gia trị liệu có thái độ cảm thông, không chỉ chấp nhận những câu chuyện của họ mà còn có rất nhiều câu chuyện về các cơ quan sinh vật lạ và việc chính phủ che giấu về UFO.

Một chuyên gia trị liệu UFO điển hình tìm được đối tượng của mình theo ba cách: Họ viết thư cho người đó theo địa chỉ được cung cấp ở phía sau các cuốn sách của ông ấy; họ được giới thiệu tới gặp ông ấy qua các chuyên gia trị liệu khác (chủ yếu những người cũng chuyên về các vụ sinh vật lạ bắt cóc); hoặc họ tìm đến ông ấy sau khi ông trình bày một bài giảng. Tôi tự hỏi không biết có bệnh nhân nào tới cơ sở của ông ấy mà lại hoàn toàn không biết đến các trường hợp sinh vật lạ bắt cóc đã quá quen thuộc và những phương pháp cũng như niềm tin của chuyên gia trị liệu ấy hay không. Trước khi lên tiếng trao đổi, họ biết khá nhiều về nhau.

Một chuyên gia trị liệu nổi tiếng khác trao cho bệnh nhân của mình những bài viết của chính ông ấy về các trường hợp sinh vật lạ bắt cóc để giúp họ “nhớ” những trải nghiệm của họ. Ông ấy hài lòng khi những điều họ nhớ lại nhờ thôi miên rất giống những gì ông ấy mô tả trong các bài viết. Sự tương thích giữa các trường hợp là một trong những lý do chính để ông ấy tin rằng các vụ bắt cóc xảy ra trên thực tế.

Một học giả hàng đầu về UFO nhận xét rằng “Khi chuyên gia thôi miên không có kiến thức phù hợp về chủ đề [sinh vật lạ bắt cóc] thì bản chất thật sự của hiện tượng bắt cóc có thể không bao giờ được tiết lộ.” Theo nhận xét này, liệu chúng ta có thể nhận thức được bệnh nhân có thể được dẫn dắt như thế nào nếu không có chuyện chuyên gia trị liệu nhận ra rằng mình đang dẫn dắt?

Có lúc, khi giấc ngủ “ập đến”, chúng ta cảm giác bị rơi từ một độ cao, và chân tay chúng ta đột nhiên tự vùng vẫy. Điều này được gọi là phản xạ giật mình. Có lẽ nó là phản ứng còn sót lại khi tổ tiên chúng ta còn ngủ trên cây. Tại sao chúng ta lại tưởng tượng rằng chúng ta nhớ (một từ rất tuyệt vời) bất kỳ điều gì tốt hơn là chúng ta biết khi chúng ta có cơ sở vững vàng? Tại sao

chúng ta lại cho rằng, trong cái kho tàng ký ức mênh mông được lưu trữ trong đầu chúng ta, không có ký ức nào bị gieo rắc sau khi sự kiện xảy ra – bởi việc một câu hỏi được cấu tứ như thế nào khi chúng ta đang ở trạng thái tâm lý dễ bị ám thị, bởi tâm trạng khoa khoái khi được kể hoặc nghe một câu chuyện hay, bởi sự lẫn lộn với chuyện gì đó chúng ta từng đọc hoặc từng nghe?

Chương 10.

CON RỒNG TRONG NHÀ ĐỂ XE

Ảo thuật, cần phải ghi nhớ, là một nghệ thuật đòi hỏi sự hợp tác giữa nghệ sĩ và công chúng.

E. M. Butler

Truyền thuyết Magus (The Myth of the Magus)
(1948)

“Có con rồng phun lửa trong nhà để xe của tôi.”

Giả sử (tôi đang theo phương pháp trị liệu nhóm của nhà tâm lý học Richard Franklin) tôi đưa ra khẳng định hết sức nghiêm túc như vậy với quý vị. Chắc hẳn quý vị muốn kiểm tra và tự mắt mình nhìn. Đã có vô khối những câu chuyện về rồng trải qua nhiều thế kỷ, nhưng không hề có bằng chứng thật sự. Đúng là cơ hội khó khăn!

“Hãy cho tôi xem,” quý vị nói. Tôi dẫn quý vị tới nhà để xe. Quý vị nhìn vào trong và thấy một cái thang, những hộp sơn rồng không, một cái xe ba bánh cũ rích – nhưng không thấy con rồng nào.

“Con rồng đâu?” quý vị hỏi.

“Ờ, nó ở kia thôi,” tôi đáp, tay chỉ mơ hồ. “Tôi quên không nói rằng nó là một con rồng tàng hình.”

Quý vị đề nghị rải bột lên sàn nhà để lấy dấu chân rồng.

“Ý kiến rất hay,” tôi nói, “nhưng con rồng này bay trong không khí.”

Sau đó quý vị sẽ dùng một thiết bị cảm biến hồng ngoại để tìm kiếm ngọn lửa vô hình.

“Hay quá, nhưng lửa vô hình cũng không thấy nóng.”

Quý vị sẽ phun sơn lên con rồng để bắt nó hiện hình.

“Quá được, chỉ có điều nó là một con rồng vô thể và sơn không dính vào nó được.”

Và cứ như vậy. Tôi phản bác mọi kiểm nghiệm vật lý mà quý vị đề xuất với một cách giải thích đặc biệt cho lý do tại sao kiểm nghiệm đó không có tác dụng.

Giờ, đâu là sự khác nhau giữa một con rồng bay, vô thể, vô hình phun ra lửa không nóng và không có con rồng nào cả? Nếu không có cách nào bác bỏ lý lẽ của tôi, không thử nghiệm nào có thể phản bác lại thì việc nói rằng có con rồng mang ý nghĩa gì? Việc quý vị bó tay khi bác bỏ luận điểm của tôi không hề giống với việc chứng minh nó là đúng. Những tuyên bố không thể kiểm chứng, những khẳng định không thể bác bỏ đều vô giá trị, bất kể chúng có giá trị gì trong việc truyền cảm hứng cho chúng ta hoặc khiến chúng ta thấy hứng thú. Những gì tôi đang đề nghị quý vị làm đều nhằm dẫn tới chỗ tin vào những gì tôi nói, mặc dù thiếu bằng chứng.

Điều duy nhất quý vị thật sự tiếp nhận được từ thái độ khẳng định của tôi cho rằng có một con rồng trong nhà để xe là có chuyện gì đó rất buồn cười đang diễn ra trong đầu tôi. Quý vị tự hỏi, nếu không có cách kiểm nghiệm vật lý nào áp dụng được thì cái gì khiến tôi tin như vậy. Khả năng đó chỉ là một giấc mơ hoặc ảo ảnh chắc chắn sẽ nảy ra trong đầu quý vị. Nhưng khi đó thì tại sao tôi lại nghiêm túc đến vậy? Có lẽ tôi cần giúp đỡ. Ít nhất, có lẽ tôi đã đánh giá quá sai khả năng dễ mắc sai sót của con người.

Hãy tưởng tượng rằng, mặc dù không kiểm nghiệm nào thành công, quý vị vẫn muốn là người có đầu óc cởi mở tuyệt đối. Vậy quý vị đừng kiên quyết bác bỏ quan niệm cho rằng có một con rồng phun lửa trong nhà để xe của tôi. Quý vị chỉ cần chấp nhận điều đó. Bằng chứng hiện tại hoàn toàn phủ nhận điều đó, nhưng nếu một xuất hiện một loạt dữ liệu mới thì quý vị đã sẵn sàng kiểm tra và xem chúng có thuyết phục quý vị không. Chắc hẳn sẽ là rất không công bằng cho tôi vì phải khó chịu với việc không được tin tưởng; hoặc chỉ trích quý vị vì không giàu trí tưởng tượng.

Hãy tưởng tượng rằng mọi việc đều suôn sẻ. Con rồng vô hình, đúng, nhưng có dấu chân hiện ra trên sàn như quý vị thấy. Thiết bị hồng ngoại của quý vị tăng hết cỡ. Sơn phun khiến một cái bờm lồm chồm rằng cửa xuất hiện trong không khí ngay trước mắt quý vị. Dù quý vị có thể

nghe ngò về sự kiện diên của loài rồng đến đâu – đó là chưa nói đến những con vô hình – thì lúc này quý vị cũng phải thừa nhận rằng ở đây có chuyện gì đó, và về cơ bản, chuyện đó ăn khớp với một con rồng phun lửa vô hình.

Giờ có một kịch bản khác: Giả sử không phải chỉ có tôi. Giả sử rằng vài người quý vị quen biết, kể cả những người quý vị biết chắc không hề biết nhau, đều bảo với quý vị rằng trong nhà để xe của họ có rồng – nhưng trường hợp nào bằng chứng cũng rất khó nắm bắt. Tất cả chúng ta đều thừa nhận chúng ta thấy bối rối trước một lý lẽ kỳ cục không có những bằng chứng vật chất hậu thuẫn. Không ai trong chúng ta điên cả. Chúng ta suy xét về ý nghĩa của mọi việc nếu thật sự có những con rồng vô hình ẩn náu trong nhà để xe trên khắp thế giới, và những con người trần tục chúng ta đây chợt nhận ra chúng. Tôi khẳng định với quý vị rằng điều đó không phải sự thật. Nhưng có lẽ tất cả những truyền thuyết ở Trung Quốc và Châu Âu về rồng đều không hề chỉ là truyền thuyết...

Thật phần khởi là một số dấu chân rồng xuất hiện trên bột đã được ghi nhận. Nhưng chúng lại chưa bao giờ xuất hiện khi có mặt một người có thái độ hoài nghi. Một cách giải thích khác thế này: Khi kiểm tra kỹ thì dường như rõ ràng những dấu chân ấy có thể được làm giả. Một người mê rồng khác trưng ra một ngón tay bị bỏng và bảo nguyên nhân là do sự hơi thở nóng bỏng hiểm khi hiện hình của rồng. Nhưng một lần nữa, có nhiều khả năng khác tồn tại. Chúng ta hiểu rằng có nhiều cách khác khiến tay bị bỏng ngoài hơi thở của những con rồng vô hình. Những “bằng chứng” như vậy – những người ủng hộ rồng coi vấn đề này quan trọng đến đâu không thành vấn đề – quá không thuyết phục. Một lần nữa, cách tiếp cận thực tế duy nhất là thận trọng bác bỏ quan điểm về rồng, tiếp nhận những dữ liệu vật lý trong tương lai, và tự hỏi xem nguyên nhân có thể là gì khiến cho có quá nhiều người hoàn toàn tỉnh táo và rõ ràng đầu óc bình thường lại cùng tin vào một ảo giác kỳ lạ như vậy.

Ma thuật cần có sự hợp tác ngầm của khán giả với thuật sĩ – đó là việc từ bỏ thái độ hoài nghi, hoặc những gì được mô tả là sẵn sàng tạm ngừng thái độ không tin tưởng. Như thế hiểu ngay rằng để nắm rõ trò ma thuật, để lật tẩy thủ thuật, chúng ta phải ngừng hợp tác.

Làm thế nào đạt được thêm tiến bộ trong chủ đề gây nhiều tranh cãi, nặng về tình cảm này? Bệnh nhân có thể thận trọng với các chuyên gia trị liệu để suy luận hoặc khẳng định những vụ sinh vật lạ bắt cóc. Những người điều trị cho những đối tượng bị bắt cóc có thể giải thích cho bệnh nhân của họ rằng ảo giác là điều bình thường, và rằng lạm dụng tình dục thời niên thiếu rất phổ biến. Họ có thể ghi nhớ trong đầu rằng, trong nền văn hóa đại chúng, không khách hàng nào lại hoàn toàn không dấn dáp gì đến sinh vật lạ. Họ có thể tiến hành điều trị kỹ càng để dẫn dắt nhân chứng. Họ có thể dạy cho khách hàng của mình biết cách hoài nghi. Họ có thể làm đầy lại những kho chứa “mặt hàng” hoài nghi đang bị vơi dần ấy của chính họ.

Những vụ sinh vật lạ bắt cóc có mục đích gây rắc rối cho nhiều người và ở nhiều phương diện. Chủ đề này là một ô cửa sổ nhìn vào đời sống nội tâm của những người xung quanh ta. Nếu nhiều người nói dối việc bị bắt cóc, thì đây là một nguyên nhân đáng lo ngại. Nhưng còn đáng lo ngại hơn nữa là quá nhiều chuyên gia trị liệu lại chấp nhận những báo cáo này – nhưng lại không chú ý một cách thích đáng đến khả năng dễ bị ám thị của khách hàng và đến sự gợi ý vô thức từ những người trò chuyện với họ.

Tôi ngạc nhiên là có những bác sĩ tâm thần và nhiều người khác có đào tạo về khoa học, những người biết rõ tư duy con người là không hoàn hảo, nhưng lại bác bỏ ý kiến cho rằng những câu chuyện này có thể là một dạng ảo giác nào đó, hoặc một dạng ký ức tưởng tượng. Tôi thậm chí càng ngạc nhiên trước những tuyên bố rằng câu chuyện sinh vật lạ bắt cóc người chính là phép lạ đích thực, rằng đây là một thách thức đối với hiểu biết của chúng ta về thực tế, hoặc rằng nó hậu thuẫn cho một thế giới quan huyền bí. Hoặc, như cách đặt vấn đề của John Mack, “có những hiện tượng đủ quan trọng để tiến hành nghiên cứu nghiêm túc, và môn siêu hình học của mô hình khoa học nổi bật ở phương Tây có thể chưa đủ để hậu thuẫn cho nghiên cứu này.” Trong một cuộc phỏng vấn với tạp chí *Time*, ông còn nói thêm:

Tôi không biết tại sao lại có thái độ sốt sắng tìm kiếm một cách giải thích vật lý thông thường như vậy. Tôi không biết tại sao mọi người lại mua dây buộc mình bằng việc chấp nhận rằng có gì đó không bình thường đang diễn ra ở đây... Chúng ta đã đánh mất toàn bộ

Nhưng chúng ta biết rằng ảo giác nảy sinh từ sự ức chế cảm giác, ma túy, bệnh tật và sốt cao, thiếu thời gian ngủ trong lúc não hoạt động (REM sleep), những thay đổi trong cơ chế hóa học của não, và vân vân. Và thậm chí nếu, với Mack, chúng ta chấp nhận các trường hợp được ghi nhận thì những khía cạnh đáng chú ý của chúng (đi xuyên qua tường và vân vân) có thể quy cho điều gì đó ngay bên trong lãnh đạo “vật lý” – công nghệ tiên tiến của sinh vật lạ – hơn là cho thuật phù thủy.

Một người bạn của tôi cho rằng câu hỏi thú vị duy nhất trong mô hình sinh vật lạ bắt cóc người là “Ai điều khiển ai?” Phải chăng khách hàng đang nói dối chuyên gia tri liệu, hay ngược lại? Tôi không đồng ý. Thứ nhất, có nhiều câu hỏi thú vị khác liên quan đến việc sinh vật lạ bắt cóc người. Thêm nữa, hai khả năng này đều không loại trừ nhau:

Có gì đó liên quan đến các trường hợp sinh vật lạ bắt cóc người cứ gợn lên trong ký ức tôi suốt nhiều năm. Cuối cùng, tôi đã nhớ ra. Đó là một cuốn sách năm 1954 mà tôi đọc hồi học đại học, cuốn *Giờ chỉ có 54 phút* (The Fifty-Minute Hour). Tác giả, nhà phân tâm học Robert Lindner, được Phòng Thí nghiệm Quốc gia Los Alamos mời tới điều trị cho một nhà vật lý hạt nhân còn trẻ đang để cho hệ thống ảo giác của mình làm ảnh hưởng đến công trình nghiên cứu mật cấp chính phủ mà anh tat ham gia. Hóa ra nhà vật lý (có biệt danh Kirk Allen) có một cuộc sống khác ngoài việc chế tạo vũ khí hạt nhân: Anh ta tâm sự rằng, trong tương lai xa anh ta đã điều khiển (hoặc sẽ điều khiển – cách chia thời động từ có phần lẫn lộn) con tàu vũ trụ đi xuyên các chòm sao. Anh ta thích thú với những chuyến phiêu lưu kỳ trên những hành tinh ở các chòm sao khác. Anh ta là “chúa tể” của nhiều thế giới. Có lẽ người ta gọi anh ta là Thuyền trưởng Kirk. Anh ta không chỉ “nhớ rõ” cuộc sống khác biệt này mà anh ta còn có thể bước vào cuộc sống đó bất cứ khi nào anh ta muốn. Bằng cách suy nghĩ theo hướng đó, anh ta có thể du hành xuyên qua nhiều thế kỷ và năm ánh sáng.

Bằng cách nào đó mà tôi không thể nhận thức, tôi đã vượt qua khoảng không bao la của vũ trụ, vượt mọi thời gian, và hòa nhập với cái bản ngã tương lai xa vời ấy... Đừng bảo tôi giải thích. Tôi không làm được, mặc dù Chúa biết tôi đã cố gắng lắm.

Lindner nhận thấy anh ta thông minh, mẫn cảm, vui vẻ, nhã nhặn, và hoàn toàn có khả năng giải quyết những vấn đề thường nhật. Nhưng – khi phản ánh đời sống sôi động của mình trên các vì sao – Allen thấy mình có phần buồn chán với đời sống trên Trái Đất, thậm chí cả việc chế tạo những loại vũ khí hủy diệt hàng loạt. Khi bị cấp trên ở phòng thí nghiệm nhắc nhở vì thái độ phân tâm và mơ màng, anh ta đã xin lỗi; anh ta quả quyết với họ rằng anh ta sẽ cố gắng dành nhiều thời gian ở hành tinh này hơn. Khi đó người ta bèn liên hệ với Lindner.

Allen đã viết 12.000 trang về những thí nghiệm của mình trong tương lai, và hàng chục chuyên luận kỹ thuật về địa lý, chính trị, kiến trúc, thiên văn học, địa chất học, các dạng sống, phả hệ học, và sinh thái học của các hành tinh ở những chòm sao khác. Những tiêu đề chuyên khảo dưới đây cho ta biết chút ít ‘dư vị’ của những tài liệu trên: “Quá trình phát triển não bộ độc đáo của các chrystoped ở Srom Norba X”, “Tục thờ lửa và hiến tế ở Srom Sodrat II”, “Lịch sử Viện Khoa học Liên Thiên hà” và “Ứng dụng Thuyết Trường đơn trường và các cơ chế truyền động tinh thể trong việc du hành vũ trụ.” (Tiêu đề cuối cùng là tài liệu tôi muốn xem; sau rốt, người ta cho biết Allen là một nhà vật lý hạng nhất). Thật thú vị là Lindner say mê xem những tài liệu này.

Allen không hề ngại ngùng khi đưa những bài viết của mình cho Lindner hoặc thảo luận về những tài liệu ấy một cách chi tiết. Điềm tĩnh và rất có kiến thức, anh ta dường như không biến chuyển chút nào sau những cố gắng hỗ trợ tâm lý của Lindner. Khi mọi cách đều không thành, chuyên gia tâm lý đành thử một cách khác:

Tôi cố gắng... tránh tạo ra ấn tượng, dù bằng bất kỳ cách nào, rằng tôi đang cố tìm cách chứng minh rằng anh ta bị loạn thần kinh, rằng đây là một trò chơi kéo co liên quan đến vấn đề đầu óc anh ta có tỉnh táo hay không. Thay vào đó, bởi vì rõ ràng cả tính khí và trình độ học vấn của anh ta đều rất cao nên tôi quyết định tận dụng một phần chất mà anh ta đã thể hiện trong suốt cuộc đời mình... cái phẩm chất đã thúc đẩy anh ta đến với sự nghiệp khoa học: Đó là tính

tò mò... Điều này có nghĩa là... ít nhất vào thời điểm tôi “chấp nhận” giá trị những thử nghiệm của anh ta...Tôi đột nhiên nảy ra cảm hứng là để giúp Kirk thoát khỏi trạng thái điên rồ thì cần phải thâm nhập vào thế giới tưởng tượng của anh ta và, từ vị thế đó, giúp anh ta dần giảm bớt rối loạn tâm thần.

Lindner đánh dấu những mâu thuẫn rõ ràng trong các tài liệu và đề nghị Allen giải quyết. Việc này đòi hỏi nhà vật lý phải tiến vào tương lai lần nữa để tìm ra câu trả lời. Hết sức nghiêm túc, Allen tiến đến bước tiếp theo với một tài liệu giải thích được viết tay rất ngay ngắn. Lindner nhận thấy anh ta rất háo hức chờ đợi từng cuộc phỏng vấn, như thể anh ta lại được đắm mình trong cuộc sống và vốn tri thức phong phú trên Thiên hà. Giữa hai người với nhau đã có thể giải quyết được nhiều vấn đề liên quan đến tính nhất quán.

Sau đó, có một chuyện lạ xảy ra: “Những tài liệu về chứng rối loạn tâm thần của Kirk và cái gót chân Achilles trong cá tính của tôi đã gặp nhau và ăn khớp như những bánh răng của một cái đồng hồ.” Chuyên gia phân tâm học trở thành một người đồng lõa với chứng ảo giác ở bệnh nhân của mình. Ông bắt đầu phản đối những cách giải thích mang tính tâm lý cho câu chuyện của Allen. Liệu chúng ta biết chắc được đến đâu rằng chuyện đó thực tế không thể là sự thật? Lindner quay ra bảo vệ cho quan niệm rằng có thể bước vào một cuộc sống khác, cuộc sống của một nhà lữ hành không gian trong tương lai xa, bằng một nỗ lực của ý chí.

Với tốc độ mau lẹ đến kinh ngạc... những khu vực ngày càng rộng lớn trong tâm trí tôi bị thế giới tưởng tượng chiếm ngự... Với sự hỗ trợ khó hiểu của Kirk, tôi tham gia vào những cuộc phiêu lưu trong vũ trụ, cùng chia sẻ tâm trạng thích thú từ khúc phóng túng mà anh ta dàn dựng.

Nhưng cuối cùng, một chuyện còn lạ hơn nữa xảy ra: Lo lắng cho sức khỏe của chuyên gia trị liệu cho mình, và thu hết can đảm và tính ngay thẳng của mình, Kirk Allen thú nhận: Anh ta đã tự nghĩ ra tất cả mọi chuyện. Nó có căn nguyên từ thời niên thiếu cô độc cũng như những mối quan hệ không thành công với phụ nữ của anh ta. Anh ta tự xóa nhòa, và sau đó quên luôn, ranh giới giữa thực tại và tưởng tượng. Việc lấp đầy các chi tiết hợp lý và dệt lên một tấm thảm rực rỡ về những thế giới khác là công việc rất khó nhọc và thú vị. Anh tax in lỗi vì đã dẫn dắt Lindner đi vào con đường hoan lạc này.

“Tại sao,” chuyên gia tâm thần học hỏi, “tại sao anh lại giả vờ? Tại sao anh khẳng khẳng nói với tôi...?”

“Bởi vì tôi cảm thấy tôi phải làm vậy,” nhà vật lý trả lời. “Bởi vì tôi cảm thấy ông *muốn tôi như vậy*.”

“Kirk và tôi đã đảo vai cho nhau,” Lindner giải thích,

Và, trong một trong những kết cục kỳ lạ khiến cho công việc của tôi trở thành một mục đích bổ ích, tuyệt vời và khó dự đoán, toàn bộ câu chuyện điên rồ của chúng tôi tan tành... tôi vận dụng cách giải thích duy lý của hành động vị tha lâm sàng cho những giới hạn cá nhân và vì thế rơi vào một cái bẫy đang chờ đợi tất cả các nhà trị liệu tâm lý thiếu thận trọng... Cho tới khi Kirk Allen xuất hiện trong cuộc đời tôi, tôi chưa bao giờ nghi ngờ khả năng kiên định của mình. Những sai lầm của tư duy, tôi luôn nghĩ như vậy, chỉ xảy ra với người khác... Tôi thấy xấu hổ với sự tự mãn này. Nhưng giờ đây, khi tôi ngồi trên ghế phía sau đi vắng và lắng nghe, tôi đã hiểu hơn. Tôi biết rằng cái ghế của tôi và cái đi vắng được tách bạch chỉ bởi một lần ranh mỏng manh. Tôi biết rằng, sau rốt, chính sự kết hợp những tai nạn mới quyết định ai là người nằm trên đi vắng và ai ngồi phía sau nó.

Từ câu chuyện này, tôi không dám chắc rằng Kirk Allen có thật sự bị ảo giác không. Có lẽ anh ta chỉ bị chứng rối loạn tính cách nào đó. Tôi không biết Lindner có thể tô điểm hoặc sáng chế câu chuyện tới mức độ nào. Trong khi ông ấy viết về chuyện “chia sẻ” và “bước vào” thế giới tưởng tượng của Allen, không có gì cho thấy rằng chuyên gia tâm lý này tưởng tượng chính ông ấy du hành tới tương lai xa và tham gia vào những cuộc phiêu lưu giữa các hệ hành tinh. Tương tự như vậy, John Mack và những chuyên gia trị liệu cho các trường hợp sinh vật lạ bắt cóc khác không thể hiện rằng họ cũng từng bị bắt cóc; chỉ có bệnh nhân của họ mà thôi.

Chuyện gì xảy ra nếu vị bác sĩ không thú nhận? Phải chăng Lindner đã thuyết phục chính

mình, vượt qua tâm lý ngờ vực đầy lý trí, rằng thực sự có thể thâm nhập vào một kỷ nguyên lãng mạn hơn? Phải chăng lẽ ra ông ấy nên nói rằng ban đầu ông ấy là người hoài nghi, nhưng rồi bị thuyết phục trước bằng chứng đầy sức nặng? Phải chăng ông ấy có thể quảng bá bản thân như một chuyên gia chuyên giúp đỡ những nhà du hành không gian đến từ tương lai nhưng bị kẹt lại thế kỷ 20? Phải chăng sự tồn tại của một chuyên gia tâm thần như vậy sẽ khuyến khích những người khác xem xét những câu chuyện tưởng tượng hoặc ảo giác kiểu này một cách nghiêm túc? Sau một vài trường hợp tương tự, phải chăng Lindner sẽ nôn nóng phản bác tất cả mọi luận điểm kiểu “Hãy tỉnh táo nào, Bob”, và suy luận rằng ông ấy đang thâm nhập vào một cấp độ thực tại mới mẻ nào đó?

Nền tảng khoa học của Kirk Allen giúp anh ta thoát khỏi bệnh điên của mình. Đã có lúc chuyên gia trị liệu và bệnh nhân đổi vai cho nhau. Tôi muốn gọi trường hợp này là bệnh nhân cứu bác sĩ. Có lẽ John Mack không được may mắn như vậy.

Hãy xem xét một cách tiếp cận rất khác đối với vấn đề tìm kiếm sinh vật lạ – tìm kiếm trí tuệ ngoài Trái Đất bằng sóng vô tuyến. Cách này khác biệt như thế nào với tưởng tượng và giả khoa học? Tại Moscow vào đầu thập niên 1960, các nhà thiên văn học Xô viết đã tổ chức một cuộc họp báo trong đó họ tuyên bố rằng sóng vô tuyến mạnh phát ra từ một vật thể bí ẩn ở xa được gọi là CTA-102 biến thiên rất đều, như một bước sóng hình sin, với chu kỳ khoảng 100 ngày. Không hề có nguồn ở xa định kỳ nào từng được phát hiện trước đó. Tại sao họ lại mở một cuộc họp báo để công bố một phát hiện bí mật đến vậy? Bởi vì họ nghĩ họ đã dò được một nền văn minh ngoài Trái Đất có sức mạnh to lớn. Chắc chắn, việc đó rất xứng đáng để mở một cuộc họp báo. Báo cáo này nhanh chóng trở thành một sự kiện nổi bật trên truyền thông, và nhóm nhạc rock Byrds thậm chí còn soạn và ghi âm một ca khúc về nó. [“CTA-102, chúng tôi ở đây đã nhận ra các vị. / Những tín hiệu cho chúng tôi biết rằng quý vị ở đó. / Chúng tôi có thể nghe được chúng rất to và rõ ràng...”]

Sóng vô tuyến phát ra từ CTA-102 ư? Chắc chắn. Nhưng CTA-102 là gì? Ngày nay, chúng ta biết rằng CTA-102 là một chuẩn tinh ở rất xa. Thời đó, từ “chuẩn tinh” thậm chí còn chưa được nghĩ ra. Chúng ta vẫn không biết rõ chuẩn tinh là gì; và có nhiều cách giải thích về chúng trong các tài liệu khoa học. Tuy nhiên, không nhà du hành vũ trụ nào hiện nay – kể cả những người liên quan đến cuộc họp báo ở Moscow – dám chắc rằng một chuẩn tinh như CTA-102 là một nền văn minh nào đó ở cách xa hàng tỉ năm ánh sáng và tiếp cận được với những cấp độ sức mạnh ghê gớm. Tại sao lại không? Bởi vì chúng ta có những cách giải thích khác về những thuộc tính của các chuẩn tinh hoàn toàn phù hợp với những quy luật vật lý đã biết và điều đó không gợi ý về sự sống xa lạ. Những sinh vật ngoài Trái Đất chỉ đại diện cho một giả thuyết sau chót. Quý vị chỉ nghĩ đến giả thuyết ấy khi mọi cách giải thích khác đều thất bại.

Năm 1967, các nhà khoa học Anh tìm thấy một nguồn sóng vô tuyến mạnh ở gần hơn rất nhiều liên tục bật tắt với độ chính xác đến kinh ngạc, chu kỳ của nó bất biến đến hơn 10 con số. Đó là gì vậy? Ý nghĩ đầu tiên của họ là đó là một thông điệp dành cho chúng ta, hoặc có lẽ một chuyển động liên ngân hà và tín hiệu thời gian cho tàu vũ trụ lưu thông trong khoảng không gian giữa các vì sao. Họ thậm chí còn đặt cho nó, thỏa thuận giữa họ với nhau tại Đại học Cambridge, cái tên rất gọn là LGM-1 – LGM nghĩa là Người da xanh bé nhỏ (Little Green Men).

Tuy nhiên, họ tỏ ra khôn ngoan hơn các đồng nghiệp Xô viết. Họ không tổ chức họp báo. Chỉ ít lâu sau, thấy rõ là những gì họ quan sát được chính là cái hiện nay được gọi là “ẩn tinh,” ẩn tinh đầu tiên. Vậy thì ẩn tinh là gì? Một ẩn tinh là trạng thái cuối cùng của một ngôi sao khổng lồ, một mặt trời bị thu gọn lại chỉ còn bằng kích thước một thành phố, tồn tại được không phải nhờ các ngôi sao khác, không phải bằng áp lực khí, không phải bằng hiện tượng thoái hóa các điện tử, mà bằng các lực hạt nhân. Nó là một trạng thái mà một hạt nhân nguyên tử có bề ngang lên đến 10 dặm. Theo tôi, *điều đó* là một khái niệm ít nhất cũng kỳ quái chẳng kém gì tín hiệu lưu thông liên ngân hà. Câu trả lời xem ẩn tinh là gì phải là điều cực kỳ lạ lùng. Đó không phải là một nền văn minh ngoài Trái Đất. Nó là thứ gì đó khác: Nhưng là thứ gì khác khai mở mắt và đầu óc chúng ta cũng như cho thấy những khả năng chưa đoán được trong Tự nhiên. Anthony Hewish từng đoạt giải Nobel vật lý nhờ phát hiện ra các ẩn tinh.

Thí nghiệm Ozma nguyên thủy (công trình đầu tiên tìm kiếm trí thông minh ngoài Trái Đất),

chương trình META (Megachannel Extraterrestrial Assay – Thí nghiệm Vũ trụ Siêu Kênh) của Hiệp hội Hành tinh/Đại học Harvard, dự án tìm kiếm của Đại học bang Ohio, Dự án SERENDIP ở Đại học California, Berkeley, và nhiều nhóm khác đều đã phát hiện được những tín hiệu bất thường từ vũ trụ khiến cho tim của người quan sát đập thành thịch. Chúng ta từng có lúc nghĩ rằng chúng ta đã nhận được tín hiệu đích thực của một nền văn minh ở cách xa hệ mặt trời của chúng ta. Trên thực tế, chúng ta chưa hề có được ý tưởng mờ mịt nhất xem đó là gì, bởi vì tín hiệu không lặp lại. Vài phút sau, hoặc ngày hôm sau, hoặc nhiều năm sau quý vị xoay chính chiếc kính thiên văn đó tới đúng vị trí cũ trên bầu trời với tần số, thông dải (bandpass), mức phân cực và mọi thứ khác như cũ, và quý vị không nghe thấy gì hết. Quý vị không suy diễn ra, lại càng không tuyên bố, những sinh vật lạ. Nó có thể là một đợt sóng điện từ thống kê quen thuộc, hoặc một sự cố của hệ thống dò tìm, hay một con tàu vũ trụ (từ Trái Đất), hoặc một máy bay quân sự bay ngang qua và phát tín hiệu trên các kênh vẫn được mặc định dành riêng cho giới thiên văn học vô tuyến. Có lẽ, thậm chí đó chỉ là một thiết bị mở cửa nhà để xe ở dưới phố hay một trạm vô tuyến cách xa 100km. Có rất nhiều khả năng. Quý vị phải kiểm tra một cách hệ thống tất cả các trường hợp, và xem những khả năng nào có thể loại bỏ. Quý vị đừng tuyên bố rằng đã tìm thấy sinh vật lạ khi bằng chứng duy nhất của quý vị chỉ là một tín hiệu bí ẩn không hề lặp lại.

Và nếu tín hiệu có lặp lại đi chẳng nữa thì liệu quý vị có tuyên bố điều đó với báo giới và công chúng không? Không nên. Có lẽ ai đó đang đánh lừa quý vị. Có lẽ đó là thứ gì đó quý vị chưa đủ khả năng đoán ra nhưng lại đang diễn ra trước hệ thống dò tìm của quý vị. Có lẽ đó là một nguồn vật lý học thiên thể chưa được công nhận nào đó. Thay vào đó, quý vị hãy gọi cho các nhà khoa học ở những trạm quan sát vô tuyến khác và thông báo với họ rằng tại điểm cụ thể này trong bầu trời, ở tần số và thông dải này, hình như quý vị đang nhận ra một điều gì đó thú vị. Liệu họ có vui lòng thử xác nhận không? Chỉ khi vài nhà quan sát độc lập – tất cả đều phải nhận thức đầy đủ về mức độ phức tạp của Tự nhiên và khả năng sai lệch của giới quan sát – thu được cùng một thông tin từ cùng một điểm trên bầu trời thì quý vị mới thật sự nghĩ đến khả năng mình đã phát hiện được một tín hiệu đích thực từ các sinh vật lạ.

Ở đây có một nguyên tắc. Chúng ta không thể cứ việc la toáng lên “người da xanh bé nhỏ” mỗi lần chúng ta phát hiện được điều gì đó chúng ta không hiểu lúc ban đầu, bởi vì chúng ta sẽ trở nên cực kỳ lỗ bịch – như các nhà thiên văn học vô tuyến Xô viết đã làm với CTA-102 – khi hóa ra đó lại là một thứ gì khác. Rất cần đặc biệt thận trọng khi rủi ra cao. Chúng ta không nên huyền hoặc trí óc mình trước khi có bằng chứng xác thực. Trí óc chúng ta được phép không khẳng định.

Tôi thường xuyên bị hỏi “Ông có tin rằng có trí thông minh ngoài Trái Đất không?” Tôi đưa ra những quan điểm chuẩn mực – có rất nhiều nơi ở ngoài kia, những phân tử của sự sống ở khắp mọi nơi, tôi sử dụng từ *hàng tỉ*, và vân vân. Sau đó tôi nói tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu không hề có nền văn minh ngoài Trái Đất, nhưng dĩ nhiên vẫn chưa hề có bằng chứng thuyết phục về điều đó.

Thông thường, tiếp theo tôi sẽ bị hỏi “Thế thật sự ông nghĩ gì?”

Tôi đáp “Tôi chỉ nói với các vị những gì tôi thực sự nghĩ.”

“Vâng, nhưng trong bụng ông cảm thấy gì?”

Nhưng tôi không nghĩ bằng cái bụng của mình. Nếu tôi nghiêm túc trong việc tìm hiểu thế giới thì việc nghĩ bằng thứ gì khác ngoài bộ não của tôi chắc chắn sẽ khiến tôi gặp rắc rối. Thật sự, rất nên tạm ngừng đánh giá cho tới khi có đủ bằng chứng.

Tôi sẽ rất sung sướng nếu những người ủng hộ đĩa bay và những người đề xướng khả năng sinh vật lạ bắt cóc đều đúng và bằng chứng thật sự về sự sống ngoài Trái Đất được đưa ra cho chúng ta kiểm chứng. Mặc dù vậy, họ không đề nghị chúng ta phải tin niềm tin của họ. Họ đề nghị chúng ta tin vào sức mạnh bằng chứng của họ. Chắc chắn, nhiệm vụ của chúng là xem xét cẩn thận bằng chứng với sự kỹ lưỡng và thái độ hoài nghi ít nhất cũng giống như các nhà thiên văn học vô tuyến đang tìm kiếm các tín hiệu vô tuyến xa lạ vẫn làm.

Không một tuyên bố mang tính giai thoại nào – cho dù thành thật đến đâu, cho dù cảm nhận sâu sắc đến đâu, cho dù cuộc sống của những công dân đứng ra làm chứng mẫu mực đến đâu – mang đủ sức nặng đối với một câu hỏi quan trọng như vậy. Như trong các trường hợp UFO xa xưa hơn, những câu chuyện mang tính giai thoại đều có sai sót không thể tinh giản được. Đây không phải là lời phê phán cá nhân đối với những người nói rằng họ bị bắt cóc hoặc những người thẩm vấn họ. Điều này không hề tương đương với thái độ coi thường đối với những nhân chứng nổi tiếng.[\[44\]](#) Đây không – hoặc không nên – phải là sự phủ nhận ngạo mạn đối với những lời chứng thực thành thật và xúc động. Nó chỉ là một phản ứng do dự trước khả năng dễ mắc sai lầm của con người.

Nếu bất kỳ sức mạnh nào, cho dù là gì, có thể đem gán cho sinh vật lạ – bởi vì công nghệ của họ quá tiên tiến – thì chúng ta có thể giải thích được bất kỳ nghịch lý, mâu thuẫn, hoặc điểm đáng ngờ nào. Chẳng hạn, một học giả nghiên cứu UFO cho rằng cả sinh vật lạ lẫn những người bị bắt cóc đều bị biến thành vô hình trong suốt thời gian bắt cóc (mặc dù hai phía nhìn thấy nhau); đó là lý do tại sao có nhiều láng giềng không hề hay biết. Những “cách giải thích” như thế có thể giải thích bất kỳ điều gì, và do đó trên thực tế là chẳng giải thích gì cả.

Quy trình làm việc của cảnh sát Mỹ tập trung vào bằng chứng chứ không phải giai thoại. Đúng như những vụ xét xử phù thủy ở Châu Âu gợi nhớ cho chúng ta, những đối tượng tình nghi có thể bị hăm dọa trong quá trình thẩm vấn; người ta thừa nhận những tội danh mà họ chẳng bao giờ phạm phải; các nhân chứng có thể bị nhầm lẫn. Đây cũng là điểm then chốt của nhiều câu chuyện trinh thám. Nhưng bằng chứng thật, không hề thêu dệt – những vết thuốc súng, dấu vân tay, mẫu DNA, dấu chân, tóc ở móng tay của nạn nhân trong quá trình vật lộn – có trọng lượng rất lớn. Các chuyên gia tội phạm học sử dụng thủ pháp rất gần với phương pháp khoa học, và với những lý do tương tự. Cho nên trong thế giới UFO và các vụ sinh vật lạ bắt cóc, hoàn toàn công bằng khi đặt câu hỏi: Bằng chứng – những bằng chứng vật chất thật sự, không mơ hồ, những dữ liệu thuyết phục hội thẩm đoàn – nằm ở đâu?

Một số người nhiệt tình ủng hộ thì cho rằng có “hàng nghìn” trường hợp về các vùng đất “bị cày xới” nơi được cho là UFO hạ cánh xuống, và tại sao như thế lại vẫn chưa đủ? Như thế chưa đủ vì có nhiều cách cày xới đất chứ không chỉ riêng những sinh vật lạ trong các UFO – con người sử dụng xẻng là một khả năng bật ra ngay trong tâm trí. Một chuyên gia UFO trách cứ tôi đã phớt lờ “4400 trường hợp có dấu vết vật chất từ 65 quốc gia.” Nhưng không một trường hợp nào trong số này, theo tôi biết cho đến nay, từng được phân tích, với những kết quả được công bố trong một tạp chí học thuật về vật lý hoặc hóa học, kim loại học hoặc khoa học thổ nhưỡng, cho thấy rằng “những dấu vết” ấy không thể do con người tạo ra. Nó cũng đơn thuần là một âm mưu – nếu đem so với những vòng tròn trên cánh đồng ở Wiltshire.

Tương tự, những bức ảnh không chỉ bị làm giả một cách dễ dàng mà còn có rất nhiều bức ảnh UFO đã bị làm giả thấy rõ. Một số người nhiệt tình ủng hộ mất nhiều đêm mò tới các cánh đồng để tìm kiếm những luồng ánh sáng rực rỡ trên bầu trời. Khi họ nhìn thấy một luồng ánh sáng như vậy, họ bật đèn pin lên. Đôi lúc, theo lời họ kể, có tín hiệu đèn đáp lại. Vâng, rất có thể. Nhưng những chiếc máy bay tầm thấp có thể phát ra ánh sáng trên bên trời, và phi công có thể nhấp nháy đèn đáp lại. Chẳng có chi tiết nào trong chuyện này tạo ra điều gì đó được xem là bằng chứng nghiêm túc cả.

Vậy bằng chứng vật chất ở đâu? Như trong các báo cáo về hiện tượng lạm dụng nghi thức ma quỷ (và “những dấu hiệu của Quỷ sứ” trong các vụ xét xử phù thủy), bằng chứng vật chất chung nhất được chỉ ra là những vết sẹo và “những dấu lõm” trên cơ thể người bị bắt cóc – những người nói rằng họ không hề biết những vết sẹo của họ do đâu mà có. Nhưng điểm này rất quan

trong: Nếu những vết sẹo nằm trong khả năng con người tạo ra được thì chúng không thể là bằng chứng vật chất thuyết phục về sự lạm dụng của sinh vật lạ. Thực tế, có những rối loạn tâm thần trong đó người ta cào cấu, gây sứt sẹo, xét, cắt, và gây tổn thương cho chính mình (hoặc người khác. Và một số người trong chúng ta có ngưỡng chịu đau cao và trí nhớ kém có thể tự gây thương thích một cách vô tình mà không hề nhớ đến việc đó.

Một trong những bệnh nhân của John Mack nói rằng có những vết sẹo trên khắp cơ thể khiến cho các bác sĩ đều phải bó tay. Trông chúng ra sao? Ôi, bà ấy không thể cho người khác xem; giống như trong cơn cuồng loạn liên quan đến phù thủy, chúng đều nằm ở những chỗ kín. Mack coi đây là một bằng chứng thuyết phục. Liệu ông ấy đã nhìn thấy những vết sẹo đó chưa? Liệu chúng ta có thể có ảnh chụp những vết sẹo do một bác sĩ có thái độ hoài nghi chụp chưa? Mack biết, theo lời ông ấy nói, một người bị liệt cả tay chân với những vết lõm và xem đây là một phương pháp bác bỏ quan điểm hoài nghi; làm cách nào một người bị liệt cả chân tay có thể gây sứt sẹo cho chính mình được? Luận điểm này rất ổn chỉ nếu như người bị liệt đó được nhốt kín trong một căn phòng mà không một người nào khác có thể tiếp cận. Chúng ta có thể xem những vết sẹo của ông ta không? Liệu đã có một bác sĩ độc lập nào khám chưa? Một bệnh nhân nữa của Mack nói rằng sinh vật lạ đã lấy trứng của cô ấy vì cô ấy hoàn toàn phát triển về mặt sinh lý, và rằng hệ sinh sản của cô ấy khiến bác sĩ phụ khoa bó tay. Liệu trường hợp này có đủ đặc biệt để viết và gửi hẳn một bài nghiên cứu tới *Tạp chí Y học New England* không? Rõ ràng không đủ đặc biệt đến mức ấy.

Rồi chúng tôi biết được sự thực rằng một trong những đối tượng của ông ấy đã tự nghĩ ra tất cả, như tạp chí *Time* đưa tin, và Mack không hề biết mảy may. Ông ấy tin hoàn toàn. Những tiêu chuẩn nghiên cứu và phê bình của ông ấy là gì? Nếu ông ấy cho phép mình bị một đối tượng đánh lừa thì làm thế nào chúng ta biết được điều tương tự không phải là sự thật?

Mack nói về những trường hợp, “hiện tượng”, này khi nêu lên một thách thức cơ bản đối với tư duy phương Tây, đối với khoa học, đối với chính tính logic. Có lẽ, theo lời ông ấy, những chủ thể bắt cóc người không phải là sinh vật lạ đến từ vũ trụ của chúng ta, mà là những vị khách từ “chiều khác.” Đây là một đoạn văn điển hình, và nói lên nhiều điều, rút ra từ cuốn sách của ông ấy:

Khi những người bị bắt cóc gọi trải nghiệm của họ là “những giấc mơ,” mà họ thường có, việc đặt câu hỏi có thể gọi ra rằng đây có thể là một uyển ngữ để che giấu những gì họ tin chắc là không như vậy, nhất là một sự kiện trong đó không hề có hành vi nhận thức từng xảy ra ở một chiều khác.

Vậy là ý tưởng về nhiều chiều hơn không xuất hiện từ ngành UFO học hay Kỷ nguyên Mới. Thay vào đó, nó là một bộ phận của ngành vật lý thế kỷ 20. Kể từ khi ra đời thuyết tương đối rộng của Einstein, một sự thật hiển nhiên của ngành vũ trụ học là không gian-thời gian bị bẻ cong hoặc uốn cong thông qua một chiều vật lý cao hơn. Lý thuyết Kaluza-Klein thừa nhận một vũ trụ 11 chiều. Mack xem một ý tưởng rất khoa học như là chìa khóa cho “các hiện tượng” vượt ra khỏi tầm với của khoa học.

Chúng ta biết được điều gì đó liên quan đến việc một đối tượng có nhiều chiều hơn trông sẽ như thế nào khi gặp vũ trụ ba chiều của chúng ta. Để rõ hơn, chúng ta sẽ cùng xem xét một chiều: Một quả táo xuyên qua một tấm ván sẽ thay đổi hình dạng như nhận thấy bởi các thực thể hai chiều trong giới hạn tấm ván. Trước hết có vẻ như chỉ là một điểm, sau đó là những lát cắt quả táo lớn hơn, rồi những lát cắt nhỏ hơn, lại trở về một điểm – và cuối cùng, búp, xuyên qua. Tương tự, một vật thể bốn chiều hoặc nhiều hơn nữa – miễn sao không phải là một hình dạng rất đơn giản như một hình siêu trụ đi xuyên qua ba chiều dọc theo trục của nó – sẽ biến dạng hình học của nó rất nhiều khi chúng ta chứng kiến nó đi qua vũ trụ của chúng ta. Nếu có những báo cáo thật hệ thống rằng các sinh vật lạ là những đối tượng thay đổi hình dạng, ít nhất tôi có thể hiểu làm thế nào Mack lại theo đuổi quan niệm về một nguồn nhiều chiều. (Vấn đề nữa là cố gắng hiểu xem kết quả lai tạo giữa một thực thể ba chiều và một thực thể bốn chiều nghĩa là gì. Phải chăng là hậu duệ của 3,5 chiều?)

Những gì Mack thật sự muốn chỉ ra khi nói về những sinh vật đến từ các chiều khác là – bất chấp việc họa hoằn các bệnh nhân của ông lại mô tả những trải nghiệm của họ như là những

giấc mơ hoặc ảo giác – ông không hề có một khái niệm dù là mơ hồ nhất xem đó là gì. Nhưng, đáng chú ý là, khi ông ấy tìm cách mô tả chúng, ông phải vận dụng vật lý và toán học. Ông ấy muốn theo cả hai cách – ngôn ngữ và tính chất đáng tin cậy của khoa học, nhưng không bị ràng buộc bởi những phương pháp và quy luật của nó. Đường như ông ấy không nhận ra rằng tính chất đáng tin cậy là một kết quả của phương pháp.

Thách thức chính mà các trường hợp của Mack tạo ra là vấn đề làm thế nào dạy được lối tư duy phê phán một cách sâu rộng hơn trong xã hội – thậm chí có thể hiểu là bao gồm cả những giáo sư tâm thần học của Harvard – vốn luôn vô cùng cả tin. Ý tưởng cho rằng tư duy phê phán là một nhất thời ở phương Tây thật vô vẩn. Nếu quý vị mua một chiếc xe đã qua sử dụng tại Singapore hay Bangkok – hoặc một cỗ xe ngựa ở Susa hay La Mã cổ đại – thì những chi tiết lưu ý như nhau sẽ rất có ích chẳng khác gì ở Cambridge, Massachusetts.

Khi quý vị mua một chiếc xe hơi đã qua sử dụng, quý vị có thể rất muốn tin những gì người bán nói: “Chiếc xe tốt như thế mà chỉ mất chừng ấy tiền!” Và dù sao, rất đáng để tỏ ra nghi ngờ; quý vị phải biết điều gì đó về chiếc xe, và thật chẳng thú vị gì khi làm cho người bán hàng nổi khùng với quý vị. Mặc dù vậy, bất chấp tất cả những chuyện đó, quý vị thừa nhận rằng người bán hàng có thể có động cơ gì đó để che giấu sự thật, và quý vị đã nghe lời những người khác cũng ở những tình huống tương tự. Cho nên quý vị đá chân vào lốp xe, xem xét phía dưới mui xe, lái thử, hỏi những câu hỏi thăm dò. Thậm chí quý vị có thể dẫn theo một người bại thao về máy móc. Quý vị biết rằng nên có chút hoài nghi, và quý vị hiểu tại sao lại phải vậy. Thông thường chỉ ít cũng sẽ có chút va chạm căng thẳng khi mua một chiếc xe hơi đã qua sử dụng và chẳng có ai cho rằng đó là một trải nghiệm thú vị cả. Nhưng nếu quý vị không có chút hoài nghi ở mức tối thiểu, nếu quý vị cả tin một cách tuyệt đối thì sau đó quý vị sẽ phải trả giá. Khi đó, quý vị sẽ ước rằng giá như trước đó quý vị chịu đầu tư một ít hoài nghi.

Nhiều căn nhà ở Mỹ hiện có lắp những hệ thống báo động chống trộm khá tinh vi, kể cả cảm biến hồng ngoại và các máy ghi hình kích hoạt khi có chuyển động. Một cuộn băng video xác thực, với thời gian và ngày giờ được hiển thị rõ, cho thấy có một sinh vật lạ xâm nhập – đặc biệt khi họ đi xuyên qua tường – có thể là một bằng chứng rất tốt. Nếu hàng triệu người Mỹ đã từng bị bắt cóc thì chẳng lẽ lại không có gì lạ là không hề có một ai từng sống trong một căn nhà như vậy?

Một số phụ nữ, theo diễn biến câu chuyện, mang thai với sinh vật lạ hoặc tinh trùng của sinh vật lạ; các bào thai sau đó bị sinh vật lạ lấy đi. Người ta cho rằng đã có rất nhiều trường hợp như thế này. Lẽ nào việc chưa hề phát hiện được điều gì bất thường trong quá trình siêu âm thông thường đối với những bào thai như vậy, hoặc trong quá trình chọc ối, và việc chưa bao giờ có trường hợp xảy thai nào cho ra một đứa trẻ lai với sinh vật lạ lại không kỳ lạ sao? Hay phải chăng những nhân viên y tế trình độ kém đến mức họ chỉ nhìn lướt qua cái bào thai nửa người, nửa sinh vật lạ rồi chuyển sang bệnh nhân tiếp theo luôn? Hiện tượng mất bào thai ở quy mô lớn hẳn phải là điều gì đó chắc chắn sẽ gây náo loạn cho giới thầy thuốc phụ khoa, nhân viên đỡ đẻ, y tá sản khoa – đặc biệt trong một thời đại mà nhận thức của giới nữ đã được nâng cao. Nhưng không hề có hồ sơ y tế nào từng được lập ra, trong đó có những ghi nhận như vậy.

Một số nhà nghiên cứu UFO lưu ý đến một điểm rất quan trọng là có những phụ nữ vô sinh cho biết họ mang thai, và khẳng định kết quả này là do thụ thai với sinh vật lạ. Rất nhiều trường hợp vẫn còn ở độ tuổi thiếu niên. Việc chấp nhận nội dung bề nổi của những câu chuyện như thế không phải là lựa chọn duy nhất đối với những điều tra viên nghiêm túc. Chắc chắn chúng ta có thể hiểu tại sao, trong tâm trạng đau khổ vì mang thai ngoài ý muốn, một thiếu niên sống trong một xã hội ngập tràn những báo cáo về việc sinh vật lạ viếng thăm lại sáng tác ra một câu chuyện như vậy. Ở đây có thể cũng có những tiền lệ tôn giáo.

Một số người bị bắt cóc nói rằng họ đã bị cấy vào người những vật nhỏ xíu, có lẽ bằng kim loại – có khi lên đến tận mũi họ. Những vật cấy ghép này, theo lời các chuyên gia trị liệu các trường hợp sinh vật lạ bắt cóc tiết lộ với chúng tôi, đôi khi tình cờ rơi ra ngoài, nhưng “trong hầu hết các trường hợp, đồ vật này đã bị mất hoặc bị vứt đi.” Những người bị bắt cóc này dường như tỏ ra thờ ơ đến ngu muội. Một vật lạ – có lẽ là một chiếc máy phát đang truyền những dữ liệu vô tuyến về thể trạng của quý vị tới một con tàu vũ trụ lạ lừng ở đâu đó phía trên

Trái Đất – rơi ra khỏi mũi quý vị; quý vị xem xét qua loa và sau đó vứt vào sọt rác. Người ta nói với chúng tôi rằng những chuyện thể này hoàn toàn đúng với đa số các trường hợp bắt cóc.

Một vài vật “cấy ghép” như vậy đã được các chuyên gia chế tạo và kiểm tra. Không có hề gì được khẳng định là sản phẩm ngoài Trái Đất. Không hề có bộ phận nào được chế tạo từ những chất đồng vị khác lạ, bất chấp thực tế là người ta biết rõ những ngôi sao và thế giới khác được cấu thành từ những thành phần đồng vị khác hẳn với Trái Đất. Không hề có kim loại gì từ những “hòn đảo có độ bền” phóng xạ cao, nơi các nhà vật lý nghĩ rằng sẽ có một nhóm nguyên tố hóa học phi phóng xạ hoàn toàn mới chưa từng biết đến trên Trái Đất.

Trường hợp được những người nhiệt tình ủng hộ giả thuyết bắt cóc xem là trường hợp rõ ràng nhất là Richard Price, người nói rằng bị sinh vật lạ bắt cóc khi ông ấy lên tám và bị cấy một vật rất nhỏ vào dương vật. Một phần tư thế kỷ sau, một bác sĩ khẳng định rằng có một “ngoại vật” nằm ở đó. Lại thêm tám năm nữa, nó rơi ra ngoài. Với đường kính gần 1mm và dài 4mm, nó được các nhà khoa học từ Viện Công nghệ Massachusetts và Bệnh viện Đa khoa Massachusetts kiểm tra kỹ lưỡng. Kết luận của họ ra sao? Chỉ là chất tạo keo được hình thành bởi cơ thể tại những vị trí viêm nhiễm cộng với các sợi bông từ quần lót của Price.

Ngày 28 tháng 8 năm 1995, các đài truyền hình thuộc sở hữu của Rupert Murdoch phát sóng những gì được cho là một cuộc giải phẫu tử thi của một sinh vật lạ đã chết, được ghi hình lại trên một đoạn phim 16mm. Những nhà nghiên cứu bệnh học đeo mặt nạ trong những bộ đồ chống phóng xạ đặc trưng (với ô kính hình chữ nhật để nhìn ra) mổ phanh một hình thể có 12 ngón tay và mắt to rồi kiểm tra các cơ quan nội tạng. Mặc dù đoạn phim thỉnh thoảng lại bị lệch trọng tâm, và góc nhìn vào tử thi thường xuyên bị che khuất bởi những người vây quanh, một số khán giả vẫn thấy rùng mình. Tờ *Times* ở London, cũng thuộc sở hữu của Murdoch, không biết phải nói sao về sự kiện này, mặc dù báo có trích lời một chuyên gia nghiên cứu bệnh học cho rằng vụ khám nghiệm tử thi này được thực hiện với mức độ gấp rút không phù hợp và không thực tế (mặc dù rất lý tưởng cho khán giả truyền hình). Người ta nói rằng đoạn phim được một người tham gia sự kiện, nay đã ở tuổi 80 và muốn giấu tên, ghi hình tại New Mexico vào năm 1947. Những gì có vẻ là lý lẽ vững chắc chính là một tuyên bố rằng phần đầu của thước phim (vài phân đầu tiên) có chứa những thông tin đã mã hóa mà Kodak, hãng sản xuất, đề từ năm 1947. Tuy nhiên, hóa ra toàn bộ ổ phim không hề được gửi cho Kodak, chỉ có phần đầu được cắt riêng ra mà thôi. Như tất cả chúng ta đều biết, phần đầu có thể được cắt ra từ một thước phim năm 1947, vốn được lưu trữ rất nhiều tại Mỹ, và ca “giải phẫu tử thi” được dàn dựng và ghi hình riêng và chỉ mới gần đây. Vậy là có dấu chân rỗng rỗng – những là dấu chân giả tạo. Nếu đây là một trò bịp thì nó cũng chẳng đòi hỏi sự sáng suốt nhiều hơn những vòng tròn trên cánh đồng và tài liệu MJ-12 là bao nhiêu.

Trong những câu chuyện này, không hề có bất kỳ chi tiết gì thực sự cho thấy nguồn gốc ngoài Trái Đất. Chắc chắn là không có việc thu hồi được những máy móc tinh xảo vượt xa công nghệ hiện có. Không có người bị bắt cóc nào đánh cắp được một trang viết từ nhật ký hải trình của thuyền trưởng, hay một thiết bị khám nghiệm, hoặc chụp được một bức ảnh chính xác nội thất con tàu, hay quay trở về mang theo những thông tin khoa học chi tiết và có khả năng xác minh vẫn chưa hề có trên Trái Đất cho đến nay. Tại sao lại không? Những trường hợp “không” này hẳn phải cho chúng ta biết điều gì đó.

Kể từ giữa thế kỷ 20, chúng ta được nghe cam đoan của những người đề xướng giả thuyết ngoài Trái Đất rằng bằng chứng vật chất – không hề có bản đồ tinh tú nào còn nhớ rõ từ nhiều năm trước, không vết sẹo, không đất bị cày xới, mà là công nghệ xa lạ thực sự – đã có trong tay. Kết quả phân tích sẽ được công bố ngay tức khắc. Những tuyên bố này xem xét lại vụ giả mạo đĩa bay rơi đầu tiên của Newton và GeBauer. Giờ đây, nhiều thập kỷ đã qua và chúng ta vẫn đang chờ đợi. Những bài viết được xuất bản ở đâu trong các tài liệu khoa học đã được chứng thực, trong các tạp chí về kim loại và gốm sứ, trong các ấn phẩm của Viện Kỹ sư Điện và Điện tử, trong tạp chí *Science* hoặc *Nature*?

Một phát hiện như vậy sẽ vô cùng lớn lao. Nếu có những hiện vật thật, các nhà vật lý và hóa học hẳn sẽ tranh giành đặc quyền là người phát hiện ra rằng có những sinh vật lạ hiện diện trong số chúng ta – những đối tượng sử dụng những hợp chất chưa từng biết, hoặc những vật liệu có sức căng hoặc sức bền hoặc khả năng truyền dẫn siêu việt. Những hàm ẩn thực tiễn của

một phát hiện như vậy – đừng bận tâm đến việc khẳng định về sự xâm lược của sinh vật lạ – sẽ vô cùng lớn lao. Những phát hiện như thế này chính là điều các nhà khoa học muốn. Nhưng việc thiếu vắng những phát hiện ấy hẳn phải nói với chúng ta điều gì đó.

Luôn mở mang đầu óc là một phẩm chất – nhưng, như kỹ sư không gian James Oberg từng nói, không mở mang đến mức não của quý vị rơi ra ngoài. Dĩ nhiên chúng ta phải luôn sẵn sàng thay đổi tư duy của mình khi có những bằng chứng mới. Nhưng bằng chứng phải thuyết phục. Không phải tất cả mọi tuyên bố về tri thức đều có giá trị như nhau. Chuẩn mực bằng chứng trong hầu hết các trường hợp sinh vật lạ bắt cóc người mới chỉ tương đương những gì tìm thấy trong các trường hợp hiện hình của Đức Mẹ Mary Đồng trinh ở Tây Ban Nha thời Trung cổ.

Nhà phân tâm học tiên phong Carl Gustav Jung đã nhấn mạnh rằng rất thực tế khi bàn về những vấn đề dạng này. Ông cho rằng UFO là một dạng phản chiếu của tư duy vô thức. Trong một buổi thảo luận về hồi quy và những gì giờ được gọi là “lên đồng,” ông viết

Ai đó có thể... coi đó chỉ là một báo cáo về những sự thực tâm lý hay một chuỗi giao tiếp liên tiếp từ vô thức... Họ có điều này kèm theo những giấc mơ; những giấc mơ cũng chính là những tuyên ngôn về vô thức... Các vấn đề hiện tại cho chúng ta đủ lý do để im lặng chờ đợi cho tới khi những hiện tượng vật lý ẩn tượng hơn xuất hiện. Nếu, sau khi chấp nhận việc xuyên tạc, tự huyền hoặc, thiên kiến, v.v... cả vô thức và có ý thức, chúng ta vẫn tìm thấy điều gì đó tích cực đằng sau hoạt động ấy, thì khoa học chân xác chắc chắn sẽ chinh phục được lĩnh vực này bằng thí nghiệm và xác minh, như đã từng xảy ra trong mọi lĩnh vực khác liên quan đến trải nghiệm của con người.

Về những người chấp nhận giá trị bề nổi của những lời khai như vậy, ông nhận xét

Những người này không chỉ thiếu năng lực phê phán mà cả kiến thức tâm lý học sơ đẳng. Họ không muốn được dạy dỗ thêm, mà chỉ đơn thuần là tiếp tục tin tưởng – chắc chắn là cả những giả định khờ khạo nhất do những nhược điểm của loài người chúng ta.

Có lẽ một ngày nào đó sẽ có một UFO hay trường hợp sinh vật lạ bắt cóc người được chứng thực một cách rõ ràng, kèm theo bằng chứng vật chất thuyết phục, và chỉ có thể giải thích được bằng sự viếng thăm từ ngoài Trái Đất. Rất khó nghĩa ra được một phát hiện quan trọng hơn nữa. Mặc dù vậy, cho đến nay, vẫn chưa có trường hợp nào như vậy, cũng chẳng có gì đến gần hơn nữa. Cho đến nay, con rỗng vô hình vẫn chưa để lại vết chân đích thực nào.

Vậy điều gì có khả năng xảy ra hơn: Rằng chúng ta đang hứng chịu một đợt xâm lăng quy mô lớn nhưng khó nhận thấy của những sinh vật lạ lạm dụng tình dục, hay rằng người ta đang trải nghiệm một trạng thái tâm thần nội tại không phổ biến nào đó mà họ không hiểu rõ? Phải thừa nhận rằng, chúng ta rất dốt cả về những sinh vật ngoài Trái Đất, nếu có, lẫn về tâm lý con người. Nhưng nếu thật sự chỉ có hai khả năng này thì quý vị sẽ chọn khả năng nào?

Và nếu những câu chuyện sinh vật lạ bắt cóc người chủ yếu là do sinh lý học não bộ, ảo giác, những ký ức bị bóp méo thời niên thiếu, và lừa gạt, thì phải chăng chúng ta không hề có ngay trước mặt mình một vấn đề có tầm quan trọng rất lớn – việc tiếp cận được những giới hạn của chúng ta, sự dễ dãi khiến chúng ta có thể bị lầm đường lạc lối hoặc thao túng, việc rập khuôn những tín điều của chúng ta, và có lẽ cả nguồn gốc các tôn giáo của chúng ta? Vẫn có một phát hiện khoa học hữu ích đích thực trong vấn đề UFO và sinh vật lạ bắt cóc người – những theo tôi nghĩ, đó là một khía cạnh hoàn toàn trên Trái Đất này.

Chương 11.

THÀNH PHỐ ĐAU KHỔ

... thế nào mà sinh vật lạ, Chúa ơi, lại ngay trên phố
Trong thành phố đau khổ

Rainer Maria Rilke

Khúc bi ca thứ mười (The Tenth Elegy)
(1923)

Một tổng kết ngắn gọn luận điểm trong bảy chương trước đã được đăng trên tạp chí *Parade* ngày 7 tháng 3 năm 1993. Tôi rất bất ngờ vì bài tổng kết ấy lại mang lại không biết bao nhiêu thư từ, những phản ứng thật nồng nhiệt, và nỗi đau đớn lớn lao đi kèm với trải nghiệm lạ lùng này – cho dù lời giải thích thật sự có thể là gì đi nữa. Những câu chuyện về sinh vật lạ bắt cóc người tạo ra một ô cửa sổ bất ngờ để nhìn vào cuộc sống của một số người trong chúng ta. Một số người viết thư cho tôi suy luận, một số khẳng định, một số diễn thuyết, một số lúng túng thấy rõ, và một số lại cực kỳ lo lắng.

Bài viết trên cũng bị hiểu sai rất nhiều. Một người dẫn chương trình đàm thoại truyền hình là Geraldo Rivera, còn gởi ra một số tạp chí *Parade* và tuyên bố rằng chính tôi nghĩ chúng ta đang bị thăm viếng. Một cây viết phê bình bằng videocassette cho tờ *Washington Post* còn trích lời tôi nói rằng cứ vài giây lại có một vụ bắt cóc, thiếu hẳn sắc thái châm biếm và phần câu tiếp theo (“Kỳ lạ là nhiều láng giềng không hề hay biết”). Phần mô tả của tôi (Chương 6) về những dịp hiếm hoi dường như nghe thấy giọng nói của cha mẹ đã khuất của tôi – những gì tôi mô tả là “hồi ức tỉnh táo” – được Raymond Moody dẫn ra trong *Tại chí Kỷ nguyên Mới* (*New Age Journal*) và trong phần giới thiệu cuốn sách *Đoàn tụ* (*Reunions*) của ông ấy, như là bằng chứng rằng chúng ta “sống qua” cả cái chết. Tiến sĩ Moody dành cả đời ra sức tìm kiếm bằng chứng về sự sống sau khi chết. Nếu những mô tả của tôi đáng trích dẫn ra thì dường như rõ ràng ông ấy chưa tìm kiếm được gì nhiều. Nhiều người viết thư cho tôi kết luận rằng vì tôi nghiên cứu về khả năng có sự sống ngoài Trái Đất nên chắc chắn tôi phải “tin” vào UFO; hoặc ngược lại là, nếu tôi tỏ ra hoài nghi về UFO thì hẳn tôi phải bám lấy niềm tin ngớ ngẩn rằng con người là những sinh vật thông minh duy nhất trong vũ trụ. Có điều gì đó liên quan đến chủ đề này hoàn toàn không có lợi cho lối tư duy mạch lạc.

Đây là một mẫu đại diện cho thư từ của tôi về chủ đề này, không có thêm bình luận gì:

- Tôi tự hỏi làm thế nào để một số động vật cùng tồn tại với chúng ta có thể mô tả về những lần chúng bắt gặp chúng ta. Chúng nhìn một vật thể to lớn đang bay lượn và gây ra tiếng động khủng khiếp trên đầu chúng. Chúng bắt đầu bỏ chạy và cảm thấy đau buốt ở bên sườn. Đột nhiên chúng ngã quy xuống đất... Một vài sinh vật hình dáng loài người tiếp cận chúng, mang theo những dụng cụ trông rất lạ lẫm. Họ khám xét cơ quan sinh dục và răng của bạn. Họ đặt một tấm lưới bên dưới bạn và sau đó để cho tấm lưới ấy nâng bổng bạn lên không trung bằng một thiết bị lạ lùng. Sau tất cả mọi thủ tục khám nghiệm, họ bấm một vật bằng kim loại rất lạ lùng lên tai bạn. Sau đó, cũng đột ngột như khi họ xuất hiện, họ biến mất. Cuối cùng, khả năng kiểm soát gân cốt trở lại như cũ, và con vật bị mất phương hướng loạng choạng tiến vào rừng, không hề biết [liệu] những gì vừa mới xảy ra là một cơn ác mộng hay là thực tại.
- Tôi bị lam dụng tình dục khi còn bé. Trong ký ức của tôi, tôi hình dung ra nhiều “sinh vật vũ trụ” và cảm thấy nhiều lần mình bị chế ngự, đè xuống, và có cảm giác rời khỏi cơ thể mình và bay lơ lửng quanh phòng. Không có tài liệu về bắt cóc nào thật sự là một điều ngạc nhiên đối với ai đó từng phải giải quyết những vấn đề lam dụng tình dục thời niên thiếu... Hãy tin tôi, tôi thà quy trách nhiệm vụ lam dụng của tôi cho một sinh vật lạ ngoài vũ trụ hơn là phải đối diện với sự thật về những gì đã xảy đến cho tôi với những người lớn mà tôi cứ nghĩ là có thể tin tưởng. Tôi phát điên khi phải nghe một số bạn bè nói về những ký ức của họ ám chỉ rằng họ đã từng bị sinh vật lạ bắt cóc... Tôi tiếp tục nói với họ rằng đây là một

vai diễn nạn nhân sau chót trong đó chúng ta, với tư cách là những người trưởng thành, hoàn toàn vô lực khi những con người nhỏ bé xám xịt mò đến chỗ chúng ta lúc chúng ta đang ngủ! Điều này không hề có thật. Vai diễn nạn nhân sau chót chính là vai diễn giữa một ông bố/bà mẹ chuyên lạm dụng và đứa trẻ bị biến thành nạn nhân.

- Tôi không biết liệu những người này có phải là một thứ quỷ sứ nào đó, hoặc liệu họ thực sự không hề tồn tại hay không. Con gái tôi nói rằng nó có những thiết bị cảm biến trong cơ thể khi nó còn nhỏ. Tôi không biết nữa... Chúng tôi luôn khóa chặt cửa và cài then chắc chắn, việc này thật sự khiến tôi sợ. Tôi không có tiền để đưa con bé tới một bác sĩ giỏi, và nó không thể nào nói đến vấn đề này... Con gái tôi nghe thấy một giọng nói trên một cuộn băng. Những người này xuất hiện vào ban đêm và bắt bọn trẻ đi rồi lạm dụng tình dục chúng. Nếu quý vị không làm như lời họ yêu cầu, ai đó trong gia đình quý vị sẽ bị tổn thương. Theo suy nghĩ của họ, ai lại nỡ làm hại những đứa trẻ bé bỏng? Họ biết tất cả mọi chuyện nói ra trong nhà... Ai đó nói rằng từ lâu rồi, có người đã ám lời nguyền lên gia đình chúng tôi. Nếu có ai đó làm như vậy, làm thế nào gỡ bỏ lời nguyền đây? Tôi biết tất cả chuyện này nghe rất lạ lùng và kỳ quặc, nhưng xin hãy tin tôi rằng nó rất đáng sợ.
- Có bao nhiêu phụ nữ không may bị cưỡng bức biết nghĩ đến việc lấy thẻ nhận dạng của kẻ tấn công mình, hay một bức ảnh của kẻ cưỡng bức, hoặc bất cứ thứ gì khác có thể dùng làm bằng chứng cho vụ cưỡng bức chứ?
- Chắc chắn từ nay trở đi tôi sẽ đi ngủ cùng với cái kính phân cực của mình, với hy vọng là lần sau bị bắt cóc, tôi có thể cung cấp được bằng chứng cần thiết... Tại sao cứ phải là những người bị bắt cóc chứng minh những gì đang xảy ra chứ?
- Tôi là nhân chứng sống cho nhận định của Carl Sagan về khả năng những vụ sinh vật lạ bắt cóc người chỉ xảy ra trong tư duy của những người bị chứng tê liệt trong lúc ngủ. Họ thực sự tin điều đó là thật.
- Vào năm 2000 sau Công nguyên, những con tàu đến từ 33 hành tinh trong Liên minh Liên Hành tinh sẽ đổ bộ lên Trái Đất mang theo 33.000 tín hữu! Họ là những giáo viên và nhà khoa học ngoài Trái Đất giúp mở mang hiểu biết của chúng ta về sự sống giữa các hành tinh, vì hành tinh Trái Đất của chúng ta sẽ trở thành thành viên thứ 33 của Liên minh!
- Đây là một đấu trường đầy thách thức một cách lố bịch... Tôi nghiên cứu UFO suốt hơn 20 năm. Cuối cùng, tôi hoàn toàn tỉnh ngộ nhờ những nhóm thờ cúng cực đoan.
- Tôi là một người bà 47 tuổi từng là nạn nhân của hiện tượng này từ thời còn bé xíu. Tôi không – tôi cũng chưa hề – chấp nhận chuyện này. Tôi không – tôi cũng chưa hề – nói rằng tôi hiểu chuyện đó là gì... Tôi rất vui lòng chấp nhận phân tích triệu chứng tâm thần phân liệt, hoặc một hình thức nghiên cứu bệnh lý nào đó, để đối lại những chuyện chưa biết đến này... Tôi hoàn toàn đồng ý rằng việc thiếu những bằng chứng vật chất là điều bức bối nhất với cả nạn nhân lẫn các nhà nghiên cứu. Tiếc thay, việc đoạt được những bằng chứng như thế là cực kỳ khó thực hiện trong hoàn cảnh của những nạn nhân bị bắt cóc. Thường thì tôi bị bắt đi hoặc vẫn mặc nguyên đồ ngủ (nhưng sau đó sẽ bị lột bỏ) hoặc đã bị lột trần truồng. Tình cảnh này khiến cho việc giấu được một chiếc máy ảnh là hoàn toàn không thể được... Tôi thức giấc với những vết rạch sâu, những vết thương do kim đâm, những chỗ mô hõm sâu, mắt bị ảnh hưởng, máu chảy từ mũi và tai, những vết bồng, và những dấu tay cùng vết bầm tím giữ nguyên nhiều ngày sau đó. Tôi đã nhờ những bác sĩ có trình độ kiểm tra những vết thương này nhưng chưa có lời giải thích thỏa đáng nào cả... Xin hãy lưu ý rằng đa số những người bị bắt cóc đều nói rằng trước đó họ không hề để ý đến UFO (tôi cũng vậy), không hề có tiền sử bị lạm dụng lúc nhỏ (tôi cũng vậy), không hề có ý định nổi tiếng (tôi cũng vậy), và trên thực tế, đã phải mất cả quãng thời gian dài né tránh việc thừa nhận bất kỳ rắc rối nào, cho dù đó là gì, cho thấy rằng người đó đang trải qua tình

trạng suy nhược thần kinh hoặc rối loạn tâm lý (tôi cũng vậy). Đồng ý rằng, có nhiều người tự nhận là bị sinh vật lạ bắt cóc tìm cách nổi tiếng để kiếm tiền hoặc để thỏa mãn nhu cầu được chú ý. Tôi sẽ kiên quyết phản đối những người này. Những gì tôi phủ nhận là TẤT CẢ những người bị bắt cóc đều đang tưởng tượng hoặc giả mạo những sự kiện này để thỏa mãn những vấn đề của riêng họ.

- UFO không hề tồn tại. Tôi nghĩ điều đó đòi hỏi một nguồn năng lượng vĩnh cửu và điều này không tồn tại... Tôi đã trò chuyện với Chúa Jesus. Những bình giải trên tạp chí *Parade* rất tiêu cực, và nó chỉ làm xã hội sợ hãi, tôi cầu xin ông hãy suy nghĩ cởi mở hơn vì những sinh vật thông minh của chúng ta đến từ vũ trụ bên ngoài thực sự tồn tại và họ chính là những chủ thể sáng tạo của chúng ta... Tôi cũng là một người bị bắt cóc. Nói thật, những sinh vật đáng kính này đã đối xử tốt với tôi chứ không phải bạc đãi. Họ đã cứu vớt cuộc đời tôi... Điều rắc rối với những sinh vật Trái Đất là họ muốn có bằng chứng, bằng chứng, và bằng chứng!
- Trong Kinh Thánh có nói về những thực thể trần tục và thần tiên. Chi tiết này không nhằm nói rằng Chúa xuất hiện để lạm dụng tình dục con người hay rằng chúng ta bị điên.
- Tôi có khả năng ngoại cảm mạnh mẽ suốt 27 năm. Tôi không hề nhận – tôi truyền đi... Những sóng đến từ vũ trụ bên ngoài ở đâu đó – rơi qua đầu tôi và truyền những ý nghĩ, ngôn từ, và hình ảnh và đầu của bất kỳ ai trong phạm vi... Những hình ảnh sẽ bật ra trong đầu tôi mà *tôi không hề định làm như vậy*, và biến mất rất đột ngột. Những giấc mơ không còn là giấc mơ nữa – chúng giống như những sản phẩm Hollywood hơn... Họ là những sinh vật thông minh và họ sẽ không bỏ cuộc... Có lẽ tất cả những gì các sinh vật nhỏ bé này muốn thực hiện là giao tiếp... Nếu tôi bị loạn thần kinh do toàn bộ áp lực này – hoặc bị một cơn đau tim nữa – thì đó chính là bằng chứng xác đáng cuối cùng cho ngài thấy rằng có sự sống trong vũ trụ.
- Tôi nghĩ tôi đã tìm được lời giải thích khoa học hợp lý cho vô số những báo cáo về UFO. [Sau đó người viết thảo luận về sét hòn]. Nếu ngài thấy thích những kiến giải của tôi, ngài có thể giúp tôi công bố được không?
- Sagan từ chối xem xét một cách nghiêm túc các báo của nhân chứng về bất kỳ điều gì mà khoa học thế kỷ 20 không thể giải thích được.
- Lúc này độc giả sẽ cảm thấy thoải mái coi những người bị bắt cóc... như thể họ là nạn nhân của không phải điều gì khác hơn là một ảo giác. Những người bị bắt cóc cũng phải chịu những tổn thương y hệt như một nạn nhân bị cưỡng bức, và việc những trải nghiệm của họ bị chính những người gần gũi với họ nhất bác bỏ chính là sự ngược đãi thứ hai khiến cho họ không còn chỗ dựa nào nữa. Những lần tiếp xúc với sinh vật lạ rất khó giải quyết; các nạn nhân cần sự giúp đỡ, chứ không phải là những lời giải thích duy lý.
- Bạn tôi, Frankie, muốn tôi mang về một cái gạt tàn hoặc một bao diêm, nhưng tôi nghĩ những vị khách này có thể quá thông minh nên chẳng đời nào hút thuốc cả.
- Cảm giác của riêng tôi là hiện tượng sinh vật lạ bắt cóc người chẳng là gì ngoài một chuỗi giấc mơ được gọi lên từ bộ lưu trữ ký ức. Không hề có những con người màu xanh nhỏ thỏ hay những đĩa bay ngoại trừ hình ảnh của những thứ ấy đã được lưu trữ trong não bộ chúng ta.
- Khi những người được cho là nhà khoa học hòa nhau kiểm duyệt và dọa dẫm những người đang cố gắng đưa ra những nhận định sâu sắc hơn về những lý thuyết kinh điển... họ không còn đáng được coi là nhà khoa học nữa, mà chỉ thuần túy là những kẻ mạo danh hay đạo động đúng như bản chất của họ... Cũng với lẽ ấy, liệu chúng ta vẫn phải cho rằng J. Edgar Hoover là một giám đốc FBI xuất sắc, chứ không phải là thứ công cụ đồng tính của giới tội phạm có tổ chức chẳng?
- Kết luận của ông rằng một số lượng lớn những người ở đất nước này, có lẽ phải

tới 5 triệu, là nạn nhân của hiện tượng ảo giác đại trà đồng nhất thật ngu xuẩn.

- Xin cảm ơn Tòa Thượng thẩm... Nước Mỹ hiện đã cởi mở với những tôn giáo ngoại đạo phương Đông, dưới sự che chở của quỷ Satan cùng lũ quỷ sứ của hắn, để giờ đây chúng ta có những sinh vật bốn chân xám xịt bắt cóc những con người trần thế và thực hiện tất cả các loại thí nghiệm trên họ, và lại được tuyên truyền bởi những kẻ được giáo dục vượt xa trí thông minh của họ và hiểu biết hơn... Câu hỏi của ngài ["Phải chăng chúng ta vẫn đang được viếng thăm?"] không là gì với những người *biết* đến từ Chúa, và là những tín đồ được cải đạo theo Thiên Chúa giáo, và đang tìm kiếm Đấng Cứu thế của chúng ta đến từ Thiên đàng, để cứu vớt chúng ta khỏi cái thế giới tội lỗi, bệnh tật, chiến tranh, AIDS, tội ác, nạo phá thai, đồng tính luyến ái, truyền bá Trật tự Thế giới Cũ-Thế giới Mới, tẩy não bằng truyền thông, sa đọa và phá phách trong chính phủ, giáo dục, kinh doanh, tài chính, xã hội, tôn giáo, v.v... này. Những người bác bỏ Chúa Đấng Sáng tạo trong Kinh thánh chắc chắn sẽ gục ngã trước những câu chuyện thần tiên mà bài viết của ngài cố gắng tuyên truyền như là sự thật.
- Nếu không có lý do gì để xem xét vấn đề sinh vật lạ viếng thăm một cách nghiêm túc thì tại sao đây lại là chủ đề tuyệt mật trong chính phủ Hoa Kỳ?
- Có lẽ một chủng tộc xa lạ tồn tại từ lâu nào đó, từ một hệ thiên hà khan hiếm kim loại, đang tìm cách kéo dài sự tồn tại của mình bằng cách tiếp quản một thế giới trẻ trung và tốt hơn và đang hòa trộn với những cư dân ở thế giới ấy.
- Nếu tôi là một tay chơi cá cược, tôi sẽ cược với ông rằng hòm thư của ông sẽ tràn ngập những câu chuyện như tôi vừa kể. Tôi ngờ rằng giới đồng cốt [linh hồn] mang ma quỷ và thiên thần, những ánh sáng và vòng tròn đến như là một phần trong quá trình phát triển của chúng ta. Đó là một bộ phận trong giới tự nhiên của chúng ta.
- Khoa học đã trở thành "ma thuật." Đám nghiên cứu UFO là những kẻ dị giáo bị rút phép thông công hoặc bị thiêu sống.
- [Một số độc giả viết thư để nói rằng sinh vật lạ là ma quỷ được Quỷ Satan, kẻ có khả năng làm vẩn đục đầu óc chúng ta, phái tới. Một người còn cho rằng mục đích quỷ quyệt của Satan là làm cho chúng ta thấy lo lắng về một cuộc xâm lăng của sinh vật lạ, để khi Jesus và các thiên thần của ngài xuất hiện ở Jerusalem, chúng ta sẽ hoảng sợ chứ không phải vui mừng]. Tôi hy vọng ngài sẽ không gạt bỏ tôi [bà ấy viết] như là một kẻ có suy nghĩ lập dị về tôn giáo. Tôi hoàn toàn bình thường và được nhiều người trong cộng đồng nhỏ của tôi biết đến.
- Thừa ngài, ngài ở vị thế làm được một trong hai việc: Biết về những vụ bắt cóc và che giấu chúng, hoặc cảm thấy rằng bởi vì ngài không hề bị bắt cóc (có lẽ họ không quan tâm đến ngài) nên những việc đó không xảy ra.
- Một vụ kiện về tội phản quốc [đã được đệ trình] chống lại Tổng thống và Quốc hội Hoa Kỳ liên quan đến một hiệp định được lập với sinh vật lạ vào đầu thập kỷ 1940, những kẻ sau này lộ thái độ thù địch... Hiệp định này đồng ý bảo vệ bí mật của sinh vật lạ để đổi lại một số công nghệ của họ [máy bay tàng hình và sợi quang, một người viết thư khác tiết lộ].
- Một số sinh vật này có khả năng chặn được thực thể linh hồn khi nó đang di chuyển.
- Tôi vẫn liên lạc với một sinh vật lạ. Việc liên lạc này bắt đầu từ đầu năm 1992. Tôi có thể nói gì khác đây?
- Sinh vật lạ có thể vượt xa một đến hai bước về mặt tư duy so với giới khoa học, và biết cách để lại những manh mối không đầy đủ chỉ thỏa mãn cho những kẻ như Sagan, cho tới khi xã hội này được chuẩn bị kỹ hơn về mặt tâm lý nhằm đối diện với tất cả... Có lẽ ông cũng có quan điểm cho rằng những gì đang diễn ra liên quan đến UFO và sinh vật lạ, nếu là thật, sẽ vô cùng chấn động đến mức khó tin. Tuy nhiên... họ đã xuất hiện từ khoảng 5000-15.000 năm trước hoặc hơn thế khi họ có mặt ở đây suốt thời gian dài, sinh ra những câu chuyện về các vị thần ở tất cả các nền văn hóa. Điểm cốt yếu là suốt thời gian đó, họ không hề tiếp quản Trái

Đất; họ không hề khuất phục chúng ta hay loại bỏ chúng ta.

- Người *Homo sapien* (người khôn ngoan) được tạo hình về mặt di truyền, ban đầu được tạo ra để làm những lao động thay thế và đầy tớ cho CÁC VỊ THẦN TRÊN TRỜI (DINGIRS / ELOHIM / ANUNNAKI).
- Vụ nổ mà người ta nhìn thấy là nhiên liệu hydrogen từ một tàu tuần tiểu giữa các vì sao, địa điểm hạ cánh là Bắc California... Những người trên tàu tuần tiểu đó trông giống nhân vật Spock trong loạt phim truyền hình *Star Trek*.
- Nghiên cứu những báo cáo từ thế kỷ 15 hoặc 20, có một mạch chung gắn kết chúng. Các cá nhân từng trải qua chấn thương tình dục đều gặp rất nhiều khó khăn trong việc hiểu và giải quyết tổn thương này. Những thuật ngữ được sử dụng để mô tả những ảo giác [phát sinh] có thể khá tạp nham và không đủ bao quát.
- Chúng ta thấy mình không thông minh như chúng ta tưởng mặc dù chúng ta vẫn bướng bỉnh và lỗi lớn nhất của chúng ta chính là niềm tự hào của mình. Và chúng ta thậm chí không biết mình đang được dẫn dắt tới Armageddon.^[45] Ngôi sao chỉ thẳng tới một cỗ xe duy nhất, di chuyển ngang qua bầu trời để dẫn dắt những bậc trí giả tới cỗ xe đó, làm khiếp hãi những người chần chừ không biết đến từ Sự hãi. Đèn pha của nó chính là hào quang của Chúa như nhà tiên tri Do Thái Ezekiel ghi nhận, thứ ánh sáng mà Thánh Paul từng ghi nhận khiến cho ông bị mù trong chốc lát... Đó chính là con tàu trong đó những con người nhỏ bé lột bỏ cái lột xấu xí, những con người nhỏ bé được gọi là các phúc thần, tiên, yêu tinh, những “sáng tạo” này của các đấng sáng tạo được giao những nhiệm vụ cụ thể... Những người của Chúa vẫn chưa sẵn sàng hiện diện cho chúng ta biết. Trước hết là Armageddon, sau đó, sau khi chúng ta ĐÃ BIẾT, chúng ta có thể đến đó một mình. Khi chúng ta bị hạ nhục, khi chúng ta không đánh gục được chúng, Chúa sẽ quay trở lại.
- Câu trả lời cho những sinh vật lạ đến từ vũ trụ bên ngoài này rất đơn giản. Nó đến từ chính con người. Con người sử dụng thuốc với người khác. Trong những viện tâm thần trên khắp cả nước, có những người không kiểm soát được cảm xúc và hành vi của họ. Để kiểm soát những người này, họ được phát nhiều loại thuốc phản tâm thần... Nếu ngài thường xuyên phải uống thuốc... ngài sẽ bắt đầu có hiện tượng gọi là “máu thấm.” Đây là những hình ảnh lóe lên trong óc ngài về những con người kỳ dị xuất hiện ngay trước mặt ngài. Hiện tượng này sẽ khiến ngài bắt đầu tìm kiếm câu trả lời xem những sinh vật lạ đang làm gì với ngài. Ngài sẽ trở thành một trong những người bị UFO bắt cóc. Người ta sẽ cho ngài là điên. Lý do cho những sinh vật lạ lùng mà ngài nhìn thấy là do chất Thorazine đã làm méo mó khả năng tưởng tượng của trí não tiềm thức của ngài... Nhà văn bị cười nhạo, chế giễu, và cuộc sống bị đe dọa [vì nêu ra những ý tưởng này].
- Thôi miên chuẩn bị tâm trí cho cuộc xâm lăng của quỷ sứ, ma quỷ, và những con người nhỏ bé xám xịt. Chúa muốn chúng ta bị che chắn và trong tư duy đúng đắn của chúng ta... Bất kỳ điều gì “những con người nhỏ bé xám xịt” của ngài có thể làm thì Chúa đều có thể làm tốt hơn!
- Tôi hy vọng rằng tôi không bao giờ cảm thấy cao siêu đến mức tôi không thể thừa nhận rằng Khả năng sáng tạo là không có giới hạn đối với tôi, nhưng lại hoàn thành được cả Vũ trụ và tất cả những thực thể của nó.
- Năm 1977, một sinh vật siêu phàm đã nói chuyện với tôi về một tổn thương ở đầu tôi có từ năm 1968.
- [Một lá thư của một người đã có 24 cuộc gặp gỡ khác nhau với] một thiết bị hình đĩa bay lượn lạng lẽ [và là người sau đó] trải qua một giai đoạn phát triển và mở rộng các chức năng tâm thần như khả năng nhìn thấy tương lai, thần giao cách cảm, và kích thích năng lượng sự sống vạn vật cho mục đích chữa bệnh.
- Suốt nhiều năm, tôi đã gặp và trò chuyện với “ma”, được những sinh vật lạ thăm viếng (mặc dù chưa bị bắt cóc), nhìn thấy những cái đầu 3 chiều trôi lên bên

cạnh giường tôi, nghe thấy những tiếng gõ cửa nhà tôi... Những trải nghiệm này dường như rất thực. Tôi chưa bao giờ nghĩ về những trải nghiệm này như là chuyện gì đó khác với chính bản thân chúng: Tâm trí tôi đang đánh lừa chính nó.

[46]

- Một ảo giác có thể chiếm tới 99%, nhưng liệu nó có thể chiếm tới 100% không?
- UFO là... một chủ thể của trí tưởng tượng sâu không hề có CĂN CỨ THỰC SỰ. Tôi cầu xin ông đừng phí niềm tin của mình vào một trò lừa bịp.
- Tiến sĩ Sagan phục vụ trong ủy ban của Không lực chuyên đánh giá những cuộc điều tra của chính phủ về UFO, và ông muốn chúng ta tin rằng không hề có bằng chứng chắc chắn cho thấy UFO tồn tại. Xin hãy giải thích tại sao chính phủ lại cần được đánh giá.
- Tôi sẽ vận động Dân biểu của tôi cố gắng hủy bỏ những nguồn ngân sách dành cho chương trình dò tìm các tín hiệu sinh vật lạ đến từ vũ trụ này, bởi vì đó là việc lãng phí tiền bạc. Họ đã hiện diện trong số chúng ta.
- Chính phủ chi hàng triệu đô la để nghiên cứu UFO. Dự án SETI (tìm kiếm nền văn minh ngoài Trái Đất) là một sự lãng phí tiền bạc nếu chính phủ thực sự tin rằng UFO không hề tồn tại. Cá nhân tôi rất thích thú với dự án SETI bởi vì nó cho thấy rằng chúng ta đang đi đúng hướng; tiến tới chỗ giao tiếp với sinh vật lạ, chứ không chỉ là một đối tượng quan sát bất đắc dĩ.
- Thần ác mộng, mà tôi nhận diện giống như là kẻ cưỡng dâm thì đúng hơn, xuất hiện từ những năm 1978-1992. Đây là vấn đề khó chịu đối với một tín đồ Công giáo đạo đức và mộ đạo, đôi phong bại tục, vô nhân đạo, và nó khiến tôi rất lo lắng trước những hậu quả vật chất do tác động bệnh tật.
- Những người vũ trụ đang đến! Họ hy vọng mang những đối tượng, đặc biệt là trẻ em, những “hạt giống” của thế hệ người kế tiếp cùng với cha mẹ, ông bà của chúng và những người trưởng thành khác, tới nơi an toàn trước khi xảy ra hiện tượng vết đen mặt trời *chính* đang rất gần. Con tàu vũ trụ xuất hiện mỗi tối và tiến gần lại để giúp đỡ chúng ta khi Lửa Mặt trời bùng lên, trước khi chuyển động dữ dội bắt đầu trên bầu khí quyển. Hiện tượng Đảo Cực đã đến hạn khi nó dịch chuyển tới vị trí mới trong Thời kỳ Bảo Bình (Aquarian Age)... [Tác giả cũng thông báo với tôi rằng họ đang] làm việc với Bộ Tư lệnh Ashtar, nơi Chúa Jesus gặp gỡ với những người ở ngoài Trái Đất để xin chỉ dẫn. Nhiều chức sắc cũng có mặt, kể cả Tổng thiên thần Michael và Gabriel.
- Tôi có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực năng lượng trị bệnh, có liên quan đến việc gỡ bỏ những sơ đồ lưới, các dây ký ức âm, và những vật cấy ghép lạ ra khỏi cơ thể con người và các trường năng lượng bao quanh họ. Công trình của tôi cơ bản được sử dụng như một hỗ trợ phụ thêm cho tâm lý liệu pháp. Khách hàng của tôi gồm đủ từ doanh nhân, nội trợ, các nghệ sĩ chuyên nghiệp, đến các chuyên gia trị liệu, và trẻ em... Nguồn năng lượng của sinh vật lạ rất linh động, cả bên trong cơ thể lẫn khi đã được loại bỏ, và phải được lưu trữ càng sớm càng tốt. Các mạng lưới năng lượng thường nghẽn ở quanh vùng tim hoặc trong một bố cục tam giác ngang qua hai bả vai.
- Tôi không rõ bằng cách nào, sau một trải nghiệm như vậy, tôi lại có thể gỡ mình và ngủ lại.
- Tôi tin vào kết thúc có hậu. Tôi luôn được như vậy. Một khi ông nhìn thấy một kẻ cao bằng cả gian phòng – với mái tóc vàng, và tỏa sáng như một cây thông Giáng sinh, nhắc bóng đứa con nhỏ nằm ngay bên cạnh chúng tôi, làm sao ông có thể không tin được? Tôi hiểu thông điệp nhân vật này đang truyền đạt – sang đứa con nhỏ – và đó chính là tôi. Chúng tôi vẫn luôn trò chuyện với nhau. Cuộc sống làm sao có thể chịu đựng nổi – ở một nơi như thế này?... Những trạng thái tâm thần xa lạ ư? Ông đã chạm tay đến rồi đấy.
- Ai *thực sự* chịu trách nhiệm về hành tinh này?

Chương 12.

NGHỆ THUẬT NHẬN DIỆN NHỮNG ĐIỀU VÔ LÝ

Hiếu biết của con người là nguồn ánh sáng không bao giờ cạn, nhưng tiếp nhận sự truyền dẫn từ ý chí và những tình cảm; từ đâu khởi phát ra khoa học để có thể gọi là “khoa học như một thể.” Với những gì một người nắm bắt được là sự thật thì người đó càng thêm sẵn sàng tin tưởng. Do đó, anh ta sẽ loại bỏ những điều khó khăn từ sự nồn nóng của nghiên cứu; những điều đúng mực, bởi chúng thu hẹp hy vọng; những điều sâu xa hơn của tự nhiên, từ sự dị đoan; ánh sáng của trải nghiệm, từ thói ngạo mạn và kiêu hãnh; những điều không được tin tưởng một cách rộng rãi, xuất phát từ thái độ trân trọng đối với ý kiến của quần chúng. Có vô số con đường, và đôi khi không cảm nhận được, trong đó tình cảm tô điểm và lan tỏa sang tri thức.

Francis Bacon

Novum Organon (Công cụ mới)
(1620)

Cha mẹ tôi qua đời đã nhiều năm. Tôi rất gần gũi với họ. Tôi vẫn còn nhớ họ rất nhiều. Tôi biết tôi sẽ vẫn luôn nhớ họ. Tôi ước sao có thể tin rằng tinh túy của họ, những cá tính của họ, những gì tôi yêu kính rất nhiều ở họ – thật sự và đích thực – vẫn còn tồn tại ở đâu đó. Tôi sẽ không hỏi nhiều, chỉ 5 hoặc 10 phút mỗi năm, để kể với họ về các cháu của họ, để cập nhật cho họ những tin tức mới nhất, để nhắc cho họ nhớ rằng tôi yêu thương họ. Trong tôi có một phần – không thành vấn đề rằng nghe rất trẻ con – vẫn thắc mắc giờ họ ra sao. “Mọi thứ có ổn thỏa không a?” Tôi muốn hỏi như vậy. Những lời cuối cùng tôi nhớ mình nói với cha tôi, lúc ông ấy qua đời, là “Xin cha bảo trọng.”

Thỉnh thoảng tôi mơ thấy mình trò chuyện với cha mẹ, và đột nhiên – vẫn đắm chìm trong thế giới mơ mộng – tôi có nhận thức rất mãnh liệt rằng họ thật sự vẫn chưa chết, rằng tất cả chỉ là một nhầm lẫn kinh khủng. Tại sao chứ, họ vẫn ở đây, còn sống và khỏe mạnh, cha tôi vẫn đang pha trò, còn mẹ tôi vẫn sốt sắng khuyên tôi đeo khăn quàng bởi vì thời tiết rất lạnh. Khi tôi choàng tỉnh tôi lại trải qua tâm trạng thương nhớ. Rõ ràng, trong tôi có gì đó khiến cho tôi sẵn sàng tin vào sự sống sau khi chết. Và nó chẳng may mắn bận tâm đến khía cạnh liệu có bằng chứng xác thực nào không.

Tôi không hề cười nhạo người phụ nữ thỉnh thoảng vẫn đến thăm mộ chồng và trò chuyện với ông ấy, có lẽ vào những dịp kỷ niệm ngày ông ấy mất. Không có gì khó hiểu. Và nếu tôi có khó khăn với địa vị bản thể của người mà bà ấy đang cùng trò chuyện, thì điều đó cũng bình thường. Đó không phải là vấn đề chuyện này nói lên điều gì. Chuyện này nói rằng con người là con người. Hơn một phần ba người Mỹ trưởng thành tin rằng ở mức độ nào đó họ đã có liên hệ với người chết. Con số này dường như tăng 15% trong giai đoạn 1977 và 1988. Một phần từ người Mỹ tin vào đầu thai.

Nhưng điều đó không có nghĩa là tôi sẵn sàng chấp nhận những ý muốn của một “đồng cốt,” người khẳng định có thể kết nối linh hồn của những người thân bị chia lìa, khi tôi nhận thức được rằng nghề đồng cốt có vô số chuyện giả trá. Tôi biết mình rất muốn tin rằng cha mẹ mình chỉ rời bỏ phần vỏ cơ thể của họ, giống như các loài côn trùng hoặc rắn lột xác, và đi đến nơi nào đó. Tôi hiểu rằng những cảm xúc này có thể khiến tôi dễ trở thành con mồi cho một gã bịp bợm thậm chí ở hạng bét, hoặc cho những người bình thường vốn không quen với tư duy vô thức của họ, hoặc cho những người đang bị một chứng rối loạn tâm thần phân tích. Tôi miễn cưỡng khuấy động một chút hoài nghi.

Tôi tự hỏi mình, làm thế nào mà giới đồng cốt lại chẳng bao giờ cung cấp cho chúng ta những thông tin có thể thẩm định được vốn không sẵn có? Tại sao Alexander Đại đế lại chẳng bao giờ nói với chúng ta về vị trí chính xác lăng mộ của ông ấy, Fermat thì nói về Định lý Cuối cùng, John Wilkes Booth nói về âm mưu ám sát Lincoln, Hermann Goring nói về vụ cháy nhà Quốc hội Đức? Tại sao Sophocles, Democritus, và Aristarchus lại không đọc lại những cuốn sách đã thất lạc của họ? Tại sao họ không muốn các thế hệ tương lai tiếp cận được với những kiệt tác của mình?

Nếu một bằng chứng xác thực về sự sống sau khi chết nào đó được công bố, tôi rất háo hức muốn kiểm chứng nó; nhưng nó sẽ phải là những dữ liệu khoa học thực sự, không phải những giai thoại. Giống như với khuôn mặt trên Sao Hỏa và các vụ sinh vật lạ bắt cóc người, sự thật khó chịu vẫn tốt hơn là trí tưởng tượng dễ chịu. Và rốt cuộc, thường hóa ra lại là những sự thật còn dễ chịu hơn là trí tưởng tượng.

Tiền đề cơ bản của “lên đồng,” thông linh, và những hình thức gọi hồn khác là: Khi chúng ta chết, chúng ta không hề chết. Không hoàn toàn chính xác. Một bộ phận suy nghĩ, cảm xúc, và ghi nhớ nào đó của chúng ta vẫn tiếp tục. Cái gì gì đó ấy – một linh hồn, không phải vật chất cũng chẳng phải năng lượng, mà là gì đó khác – có thể tái nhập vào thể xác con người và những sinh linh khác trong tương lai, và vì thế sự khó chịu của cái chết giảm đi rất nhiều. Thêm nữa, chúng ta có cơ hội, nếu như các luận điểm duy linh hoặc cầu đồng là đúng, liên hệ với những người thân yêu đã qua đời của mình.

J. Z. Knight ở bang Washington cho biết đã liên hệ với một ai đó hơn 35.000 tuổi tự nhận là “Ramtha.” Ông ta nói tiếng Anh rất thạo, sử dụng lược, môi và thanh quản của Knight, tạo ra những gì tôi nghe như chất giọng từ thời người Anh cai trị Ấn Độ. Vì hầu hết mọi người đều biết nói năng, và nhiều người – từ trẻ em đến những diễn viên chuyên nghiệp – có cả kho giọng nói theo ý họ nên giả thuyết đơn giản nhất là Bà Knight tự nói thay cho “Ramtha”, và rằng bà ấy chẳng hề liên hệ với những thực thể không còn thân xác từ thời Kỷ Băng hà thể Canh Tân (Pleistocene). Nếu có bằng chứng ngược lại, tôi rất muốn được nghe. Sẽ càng thêm ấn tượng nếu Ramtha có thể tự nói, không cần sự hỗ trợ của miệng Bà Knight. Nếu không làm được vậy, làm sao chúng ta có thể kiểm chứng tuyên bố của Bà Knight được? (Nữ diễn viên Shirley MacLaine xác nhận rằng Ramtha là anh trai của cô ở Atlantis, nhưng đó lại là một câu chuyện khác).

Giả sử Ramtha hiện diện để ta đặt câu hỏi. Liệu chúng ta có thể thẩm định xem có đúng ông ấy là người ông ấy tự nhận không? Làm sao ông ấy biết rõ mình sống cách đây 35.000 năm, thậm chí chỉ là con số xấp xỉ thôi? Ông ấy sử dụng loại lịch nào? Ai theo dõi được quãng thời gian nhiều thiên niên kỷ xen giữa? Ba mươi lăm nghìn có dư hay chưa tới như vậy? Mọi việc cách đây 35.000 năm trông như thế nào? Có thật Ramtha đã 35.000 tuổi không, trong trường hợp nào chúng ta phát hiện được điều gì đó về thời kỳ ấy, hay ông ấy chỉ là người giả mạo và ông ấy sẽ (hay bà ấy sẽ) bại lộ.

Ramtha đã sống ở đâu? (Tôi biết ông ấy nói tiếng Anh với chất giọng Ấn Độ, nhưng 35.000 năm trước, họ làm điều đó ở đâu?) Thời tiết ra sao? Ramtha ăn gì? (Các nhà khảo cổ biết vài chi tiết về thức ăn của con người thời kỳ đó). Ngôn ngữ bản địa và cấu trúc xã hội như thế nào? Ramtha sống cùng với ai khác – vợ, các bà vợ, con cái, cháu chắt? Vòng đời, tỉ lệ tử vong sơ sinh, tuổi thọ ra sao? Họ có kiểm soát sinh đẻ không? Họ mặc quần áo gì? Quần áo được sản xuất ra sao? Những loài săn mồi nguy hiểm nhất là gì? Các phương tiện và chiến lược săn bắn và câu cá? Vũ khí? Thành kiến giới tính đặc hữu? Xu hướng bài ngoại và chủ nghĩa vị chủng? Và nếu Ramtha đến từ “nền văn minh cao cấp” ở Atlantis thì đâu là các chi tiết ngôn ngữ, công nghệ, lịch sử và nhiều điều khác? Chữ viết của họ trông ra sao? Hãy cho chúng tôi biết. Nếu không, tất cả những gì chúng ta nhận được đều là những lời thuyết giáo vô vị.

Xin lấy một ví dụ khác. Đây là một loạt thông tin thu được nhờ thông linh không phải với một người cổ xưa, mà với những thực thể không phải con người chưa hề biết đến chuyên tạo ra những vòn tròn trên cánh đồng, do nhà báo Jim Schnabel ghi chép lại:

Chúng tôi rất lo lắng trước việc quốc gia tội lỗi này đang loan truyền những điều dối trá về chúng tôi. Chúng tôi không đến đây trong những cỗ máy, chúng tôi không đáp xuống Trái Đất của các vị trong những cỗ máy... Chúng tôi đến như những cơn gió. Chúng tôi là Sức Sống. Sức Sống từ mặt đất... Đến đây... Chúng tôi chỉ cách có có một hơi thở... cách có một hơi thở... chúng tôi không ở cách xa hàng triệu dặm đường... một Sức Sống lớn hơn cả những nguồn năng lượng trong cơ thể các vị. Nhưng chúng tôi đạt đến một cấp độ sự sống cao hơn... Chúng tôi không cần tên gọi. Chúng tôi tồn tại song song với thế giới các vị, bên cạnh thế giới các vị... Những bức tường bị quật đổ. Hai người sẽ xuất hiện từ trong quá khứ... gấu lớn... thế giới sẽ được bình yên.

Người ta chú ý tới những điều kỳ diệu vật vĩnh này chủ yếu vì chúng hứa hẹn điều gì đó giống như tôn giáo thời cổ, nhưng đặc biệt là sự sống sau khi chết, thậm chí là sự sống vĩnh hằng.

Một viễn cảnh rất khác cho thứ gì đó giống như sự sống vĩnh hằng đã từng được đề xướng bởi nhà khoa học tháo vát người Anh J.B.S. Haldane, một trong những người sáng lập ngành di truyền học dân số, cùng với nhiều việc khác. Haldane tưởng tượng ra một tương lai xa khi các vì sao tối lại và vũ trụ chủ yếu toàn một loại khí loãng, lạnh lẽo. Tuy nhiên, nếu chúng ta chờ đợi đủ lâu thì những thay đổi thống kê về mật độ thứ loại khí này sẽ xảy ra. Trải qua những giai đoạn rất dài, những thay đổi sẽ đủ để tái tạo một Vũ trụ giống như của chúng ta. Haldane chỉ ra rằng, nếu Vũ trụ rất già, sẽ có một lượng vô hạn những tái tạo như thế.

Như vậy trong một vũ trụ rất già với một lượng vô hạn những lần xuất hiện của các thiên hà, các vì sao, hành tinh, và sự sống, một Trái Đất đồng nhất chắc chắn sẽ tái xuất hiện mà ở trên đó quý vị và những người thân của mình sẽ lại được đoàn tụ. Tôi sẽ có thể gặp được cha mẹ mình và giới thiệu họ với những đứa cháu mà họ chưa bao giờ biết. Và tất cả những việc này sẽ xảy ra không chỉ một lần, mà vô hạn định số lần.

Mặc dù vậy, bằng cách nào đó, điều này không hoàn toàn đem lại niềm an ủi giống như tôn giáo. Nếu không ai trong chúng ta nhớ được bất kỳ điều gì về những gì đã xảy ra *lần này*, tức là quãng thời gian mà quý độc giả và tôi đang cùng sống đây, thì những cảm giác mãn nguyện của việc hồi sinh, ít nhất là với đôi tai của tôi, nghe rất vô nghĩa.

Nhưng theo nhận xét này, tôi đã đánh giá thấp ý nghĩa của tính chất vô hạn. Trong bức tranh của Haldane, sẽ có nhiều vũ trụ, trên thực tế là một lượng vô hạn, trong đó bộ não của chúng ta sẽ đầy kín ký ức về nhiều vòng đời trước đây. Cảm giác mãn nguyện nằm trong tầm tay – mặc dù có giảm bớt do ý nghĩ về tất cả những vũ trụ khác cũng sẽ tồn tại (lại một lần nữa, không chỉ một lần mà vô hạn định số lần) với những bi kịch và nỗi hãi hùng vượt xa rất nhiều bất kỳ điều gì mà tôi từng trải qua ở kiếp sống này.

Mặc dù vậy, niềm An ủi của Haldane tùy thuộc vào loại vũ trụ chúng ta sống, và có lẽ phụ thuộc cả vào những bí mật như liệu có đủ lượng vật chất để đảo ngược quá trình mở rộng của vũ trụ, và đặc điểm của những biến thiên chân không, hay không. Dường như những người vô cùng khát khao về một cuộc sống sau khi chết có thể hiện mình cho vũ trụ học, trọng lực lượng tử, vật lý hạt cơ bản, và số học siêu hạn.

Clement xứ Alexandria, một đức cha của Giáo hội sơ khai, trong cuốn *Những lời cổ vũ gửi dân Hy Lạp* (Exhortations to the Greeks) viết khoảng năm 190 của mình đã bác bỏ những tín điều ngoại đạo bằng những lời lẽ mà giờ đây có thể hơi châm biếm:

Trên thực tế, chúng ta còn lâu mới cho phép người lớn nghe những câu chuyện như thế. Thậm chí với con cái của chính mình, khi chúng khóc lóc thảm thiết, như ngạn ngữ vẫn nói, chúng ta cũng không hề có thói quen kể những câu chuyện thần thoại để dỗ dành chúng.

Ở thời đại của chúng ta, chúng ta có những tiêu chuẩn bớt nghiêm ngặt hơn. Chúng ta kể cho con cái về ông già Noel, về chú thỏ Phục sinh, và Nàng tiên Răng sữa vì những lý do mà chúng ta nghĩ là nghe rất xúc động, nhưng sau đó lại làm cho chúng hết tin vào những câu chuyện này trước khi chúng trưởng thành. Tại sao lại “nuốt lời” thế? Bởi vì hạnh phúc của chúng khi trưởng thành tùy thuộc vào việc chúng hiểu biết thế giới đúng như thực tế. Chúng ta lo ngại, và vì lý do chính đáng này, khi có những người trưởng thành nhưng vẫn tin vào ông già Noel.

Nói về các tôn giáo giáo điều, “Con người không dám thú nhận, ngay cả với lương tâm mình”, triết gia David Hume viết

những mối hoài nghi mà họ ấp ủ về những chủ đề như thế. Họ hình thành một niềm tin ngầm ngấm; và che giấu với cả chính mình sự bội tín thực sự của họ, bằng những lời quả quyết mạnh mẽ nhất và thái độ mù quáng tích cực nhất.

Sự bội tín này có những hậu quả đạo đức sâu xa, như nhà cách mạng Mỹ Tom Paine viết trong cuốn *Kỷ nguyên lý trí* (The Age of Reason):

Bội tín không nằm ở việc tin tưởng, hay ở việc không tin; nó thể hiện ở việc tự cho là tin vào

những gì ai đó không tin. Không thể tính toán được tổn hại về mặt đạo đức, nếu tôi có thể nói như vậy, mà sự dối trá tinh thần gây ra trong xã hội. Khi một người tha hóa và bán rẻ tâm trí trình bạch của mình, để tán thành niềm tin của mình đối với những điều mà anh ta không tin, thì anh ta đã tự chuẩn bị phạm vào tất cả mọi tội lỗi khác.

Còn công thức của T.H. Huxley là

Nền tảng của đạo đức là... bỏ ngay việc giả vờ tin vào những điều không có bằng chứng, và lặp lại những định đề khó hiểu về những điều vượt quá khả năng của kiến thức.

Clement, Hume, Paine và Huxley đều nói về tôn giáo. Nhưng rất nhiều ý mà họ viết lại có thể áp dụng rộng rãi – chẳng hạn cho thói nhiều lan tràn trong nền văn minh thương mại của chúng ta: Có hẳn một dạng chương trình quảng cáo thuốc aspirin trong đó các diễn viên vờ là bác sĩ tiết lộ rằng sản phẩm cạnh tranh chỉ có thành phần giảm đau mà các bác sĩ vẫn hay khuyến nghị – họ không nói rõ cho quý vị thành phần bí mật đó là gì. Trong khi đó, sản phẩm của họ có hàm lượng lớn hơn rất nhiều (nhiều hơn 1,2 đến 2 lần trong mỗi viên). Vì thế hãy mua sản phẩm của họ. Nhưng tại sao lại không uống có hai viên loại thuốc cạnh tranh thôi? Hoặc hãy xem xét tác dụng giảm đau phát huy tốt hơn so với sản phẩm “công dụng thông thường” của đối thủ cạnh tranh xem sao. Sau đó tại sao lại không dùng sản phẩm cạnh tranh “công dụng vượt trội”? Và dĩ nhiên họ không cho chúng ta biết về hơn 1000 ca tử vong mỗi năm ở Hoa Kỳ do sử dụng aspirin, hay 5000 ca suy thận mỗi năm do sử dụng acetaminophen, với nhãn hiệu bán chạy nhất là Tylenol. (Tuy nhiên, điều này có thể cho thấy một trường hợp tương liên mà không hề gây ra hậu quả). Hay có ai bận tâm xem loại ngũ cốc ăn sáng nào có nhiều vitamin hơn khi chúng ta có thể uống một viên vitamin trong bữa sáng? Tương tự như vậy, tại sao lại phải lưu ý xem liệu một viên antacid (chất giảm độ axit trong dạ dày) có chứa can xi không nếu như can xi để dùng cho dinh dưỡng và không thích hợp cho viêm dạ dày? Văn hóa thương mại đầy rẫy những chỉ dẫn sai lệch và đánh lừa tương tự như vậy mà người tiêu dùng phải chịu. Quý vị không thể đặt câu hỏi. Đừng nghĩ ngợi gì. Hãy mua đi.

Những xác nhận sản phẩm có trả phí, đặc biệt bởi các chuyên gia thật sự, gây ra cả một ‘trận mưa tầm tã’ những chuyện lừa gạt. Chúng thể hiện sự coi thường trí thông minh của khách hàng. Chúng âm thầm hủy hoại thái độ của quần chúng về tính khách quan khoa học. Ngày nay, thậm chí còn có cả những chương trình quảng cáo thương mại trong đó các nhà khoa học thực sự, một số người rất có tiếng tăm, làm cò mồi cho các doanh nghiệp. Điều này cho thấy rằng các nhà khoa học cũng sẽ nói dối vì tiền. Như Tom Paine cảnh báo, việc khiến chúng ta quen với những điều dối trá đặt nền tảng cho nhiều thói xấu khác.

Khi tôi đang viết, ngay trước mặt tôi là chương trình của một trong những Triển lãm Trọn đời (Whole Life Expo) thường niên, triển lãm Kỷ nguyên Mới tổ chức tại San Francisco. Thông thường, vài chục nghìn người sẽ tham dự triển lãm. Những chuyên gia rất đáng ngờ sẽ chào hàng cho những sản phẩm rất đáng ngờ. Dưới đây là một số kiểu chào hàng: “Protein gây nghẽn máu tạo ra đau đớn và khó chịu như thế nào”. “Tinh thể là bùa chú hay chỉ là đá?” (Tôi có quan điểm của riêng mình). Quảng cáo này tiếp tục: “Vì một tinh thể hội tụ sóng âm thanh và ánh sáng cho radio và truyền hình” – đây là một sự hiểu nhầm rất vô vị về cơ chế hoạt động của radio và truyền hình – “cho nên nó có thể làm tăng những rung động tinh thần cho những người có khả năng tương hợp.” Hay đây là một quảng cáo khác: “Nữ thần đã trở lại, lễ yết kiến.” Quảng cáo khác: “Khả năng đồng bộ, trải nghiệm công nhận.” Quảng cáo đó của “Đạo hữu Charles.” Hoặc, ở trang tiếp theo, “Quý vị, Thánh Germain, và chữa bệnh qua ngọn lửa sắc tia.” Cứ thế tiếp tục với vô số quảng cáo về “những cơ hội” – chạy từ những thứ rất đáng ngờ tới những thứ hoàn toàn giả mạo – sẵn có tại Triển lãm Trọn đời.

Những nạn nhân quần trí của bệnh ung thư vẫn hành hương tới Philippines, nơi “các bác sĩ phẫu thuật tâm linh”, giấu trong bàn tay những mẫu gan gà hoặc tim dê, vờ như có thể chạm được vào nội tạng của bệnh nhân và lấy ra phần mô bị bệnh để trưng ra một cách đắc thắng. Các nhà lãnh đạo ở những nền dân chủ phương Tây thường hỏi ý kiến giới chiêm tinh và thần bí trước khi đưa ra những quyết định quan trọng. Dưới sức ép của công chúng muốn có kết quả, cảnh sát điều tra một vụ giết người chưa có lời giải đáp hay một người bị mất tích phải tư vấn “các chuyên gia” thần giao cách cảm (những người chẳng bao giờ phán đoán được gì hơn lý trí thông thường, nhưng cảnh sát vẫn cứ tư vấn họ). Người ta sẽ phán về một lỗ hổng trong

tương lai với các quốc gia đối địch, và Cơ quan Tình báo Trung ương, dưới sự thúc bách của Quốc hội, sẽ chi tiền thuế để tìm xem liệu có định vị được những chiếc tàu ngầm ở sâu dưới lòng đại dương bằng cách tập trung suy nghĩ đến chúng hay không. Một “chuyên gia tâm linh” – sử dụng các quả lắc bên trên những tấm bản đồ và các que dò trên máy bay – ngụ ý rằng mình có thể tìm ra các mỏ khoáng sản mới; một công ty mỏ Australia liền trả luôn cho ông ta một món tiền lớn, không phần nào trong số tiền này phải hoàn trả trong trường hợp thất bại, và một phần trong lượng quặng khai thác được nếu thành công. Chẳng phát hiện được gì cả. Những bức tượng Jesus hay các bức tranh tường Đức mẹ Mary bị ố vì hơi ẩm, và hàng nghìn người tốt bụng tự thuyết phục mình rằng họ đã chứng kiến một phép màu.

Đây đều là những trường hợp về những chuyện vô lý có cơ sở hoặc đã được xác nhận. Một trò lừa dối xuất hiện, có lúc vô hại nhưng có sự cộng tác, có lúc với chủ tâm tính toán trước. Thông thường, nạn nhân sẽ nhiễm một cảm xúc mãnh liệt – kinh ngạc, sợ sệt, tham lam, sầu khổ. Việc chấp nhận một cách cả tin những điều vô lý có thể khiến quý vị tốn tiền; đó là ý của P.T. Barnum khi ông nói “Cứ mỗi phút lại có một gã khờ sinh ra.” Nhưng có thể còn nguy hiểm hơn thế nhiều, và khi các chính phủ và xã hội mất khả năng tư duy phê phán thì kết quả có thể vô cùng tai hại – tuy nhiên, chúng ta có thể cảm thông với những người phải bỏ tiền cho những chuyện vô lý.

Trong khoa học, chúng ta có thể bắt đầu với những kết quả thực nghiệm, những dữ liệu, quan sát, số đo, “cơ sở lập luận.” Chúng ta sáng chế ra, nếu chúng ta có thể, vô số những cách giải thích khả dĩ và giải quyết từng cách giải thích ấy một cách hệ thống bằng những thực tế. Trong quá trình đào tạo của họ, các nhà khoa học được trang bị một bộ công cụ phát hiện những điều vô lý. Bộ công cụ ấy đương nhiên được mang ra bất cứ khi nào có những ý tưởng mới xuất hiện cần xem xét. Nếu ý tưởng mới trụ vững sau khi được kiểm chứng bởi bộ công cụ của chúng ta, chúng ta sẽ nhiệt thành chấp nhận nó, mặc dù mang tính chất thăm dò. Nếu quý vị có ý thích hoặc nếu quý vị không muốn mua lấy những thứ vô lý ngay cả khi hoàn toàn vững lòng làm như vậy thì có thể tiến hành nhiều cách đề phòng; có hẳn một phương pháp kiểm nghiệm mức độ đáng tin cậy mà người tiêu dùng có thể áp dụng.

Vậy bộ công cụ có những gì? Những công cụ để có tư duy hoài nghi.

Những gì tư duy hoài nghi cô đúc lại chính là những phương tiện để xây dựng, và để hiểu, một lý lẽ hợp lý và – đặc biệt rất quan trọng – để nhận ra một lý lẽ sai lầm hoặc lừa đảo. Câu hỏi không phải là liệu chúng ta có *thích* cái kết luận rút ra từ cả chuỗi lập luận hay không, mà là liệu kết luận ấy có *đi từ* tiền đề hoặc xuất phát điểm và tiền đề đó có đúng hay không.

Trong số các công cụ:

- Bất cứ ở đâu có thể, đều phải có bước xác nhận độc lập đối với các “cơ sở lập luận.”
- Khuyến khích tranh luận thực sự về bằng chứng qua những đề xuất am tường về mọi quan điểm.
- Mọi lý lẽ từ giới chức đều không có mấy sức nặng – “giới chức” đã phạm sai lầm rất nhiều trong quá khứ. Họ sẽ vẫn như vậy trong tương lai. Có lẽ cách nói rõ hơn là trong khoa học, không có giới chức; chỉ có các chuyên gia mà thôi.
- Hình thành nhiều giả thuyết. Nếu có gì đó để giải thích thì hãy nghĩ đến tất cả những cách khác nhau để *có thể* giải thích nó. Sau đó, hãy nghĩ đến những cách kiểm nghiệm mà nhờ đó quý vị có thể bác bỏ một cách có hệ thống từng khả năng. Những gì trụ lại được, giả thuyết đứng vững trước phản chứng trong quá trình chọn lọc kiểu Darwin giữa “nhiều giả thuyết có thể chấp nhận được” này, có nhiều khả năng là câu trả lời đúng hơn là nếu quý vị chỉ đơn thuần bám lấy ý tưởng đầu tiên khiến quý vị thích thú.^[47]
- Cố gắng không quá bám chặt lấy một giả thuyết chỉ vì nó là của quý vị. Đó chỉ là một trạm dừng trên con đường theo đuổi kiến thức. Hãy tự hỏi mình tại sao quý vị lại thích ý tưởng ấy. Hãy so sánh nó với những khả năng thay thế khác. Hãy xem liệu quý vị có thể tìm ra những lý do để bác bỏ nó không. Nếu quý vị không thể, người khác sẽ làm được.

- Định lượng. Nếu bất kỳ điều gì quý vị đang giải thích có một thông số nào đó, một số lượng bằng số nào đó gắn với nó, quý vị sẽ càng có khả năng phân biệt được những giả thuyết cạnh tranh nhau. Những gì mơ hồ và mang tính định tính đều có khả năng giải thích nhiều cách. Dĩ nhiên, có những chân lý được tìm thấy trong nhiều vấn đề định tính mà chúng ta giải quyết, nhưng việc tìm kiếm *chúng* khó khăn hơn nhiều.
- Nếu có cả chuỗi lập luận, *mọi* mắt xích trong chuỗi đều phải có tác dụng (kể cả tiền đề) – chứ không chỉ hầu hết các mắt xích.
- Lưỡi dao cạo Occam.[\[48\]](#) Quy tắc theo kinh nghiệm (rule of thumb) rất tiện lợi này gợi ý chúng ta, khi gặp phải hai giả thuyết giải thích những dữ liệu *có giá trị ngang nhau*, thì chọn lấy giả thuyết đơn giản hơn.
- Luôn hỏi xem liệu giả thuyết có thể bị sai lệch không, ít nhất là về nguyên tắc. Các định đề không thể kiểm chứng, không thể sai lệch đều không đáng giá. Hãy xem xét ý tưởng tổng quát rằng Vũ trụ của chúng và mọi thứ trong đó chỉ là một phân tử cơ bản – một hạt điện tử chẳng hạn – trong một Vũ trụ lớn hơn nhiều. Nhưng nếu chúng ta không thể có được những thông tin từ bên ngoài Vũ trụ của chúng ta thì ý tưởng đó không phải là không thể bác bỏ? Quý vị phải kiểm tra mọi khẳng định. Những người có thái độ hoài nghi phải có cơ hội theo dõi lập luận của quý vị, mô phỏng những thí nghiệm của quý vị và xem liệu họ có thu được cùng kết quả hay không.

Việc dựa vào những thí nghiệm được vạch ra và kiểm soát cẩn thận chính rất quan trọng, như tôi đã cố gắng nhấn mạnh ở phần trước. Chúng ta sẽ không học hỏi được nhiều nếu chỉ ngồi suy ngẫm. Sẽ rất thú vị khi để nội dung dựa vào cách giải thích đầu tiên mà chúng ta có thể nghĩ ra. Một còn hơn không. Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta có thể nghĩ ra vài cách giải thích? Làm cách nào chúng ta quyết định được? Chúng ta không thể. Chúng ta để cho thực nghiệm làm việc đó. Francis Bacon đưa ra lý do kinh điển này:

Tranh luận không đủ để phát hiện điều mới mẻ, vì sự ảo diệu của Tự nhiên còn hơn rất nhiều lần so với sự tinh tế của tranh luận.

Những thí nghiệm có kiểm soát rất cần thiết. Chẳng hạn, nếu một loại thuốc mới được cho là chữa khỏi một căn bệnh với tỉ lệ 20% lần thì chúng ta phải bảo đảm rằng một nhóm có kiểm soát, uống một viên thuốc giả làm từ đường mà các đối tượng đều nghĩ có thể là loại thuốc mới, cũng không tự nhiên thuyên giảm căn bệnh đó 20% lần.

Các biến số phải được tách riêng. Giả sử quý vị bị say sóng, và được cấp một cái chặn trị liệu bằng sức ép (acupressure) và 50mg meclizine. Quý vị thấy trạng thái khó chịu biến mất. Cái gì đã tạo ra kết quả ấy – cái chặn hay thuốc? Quý vị chỉ có thể khẳng định nếu quý vị dùng cái này mà không dùng cái kia, nếu lần sau quý vị bị say sóng. Bây giờ hãy hình dung rằng quý vị không say mê khoa học đến mức sẵn sàng bị say sóng. Khi đó quý vị sẽ không tách bạch các biến số. Quý vị sẽ lại sử dụng cả hai biện pháp cùng lúc. Quý vị thu được kết quả thực tiễn như mong muốn; quý vị có thể nói rằng kiến thức mới thu được không đáng để phải chịu cảm giác khó chịu.

Thường thì thí nghiệm phải được thực hiện khách quan,[\[49\]](#) để những người hy vọng vào một kết quả nhất định không thể ở vị thế đánh giá được kết quả. Chẳng hạn, khi kiểm nghiệm một loại thuốc mới, quý vị có thể muốn các thầy thuốc là những người quyết định những triệu chứng nào của bệnh nhân có thuyên giảm không được biết trước bệnh nhân nào đã được uống loại thuốc mới. Kiến thức có thể làm ảnh hưởng đến quyết định của họ, thậm chí nếu chỉ là vô thức. Thay vào đó danh sách những người có thuyên giảm các triệu chứng có thể được đem so sánh với danh sách những người uống loại thuốc mới, mỗi danh sách phải được xác định độc lập. Sau đó quý vị có thể xác định xem mối tương quan. Hoặc khi tiến hành nhận diện tội phạm trực tiếp hoặc qua ảnh, sĩ quan cảnh sát làm nhiệm vụ không nên biết ai là đối tượng tình nghi chính, như thế sẽ không gây ảnh hưởng đến nhân chứng dù là vô thức hay có ý thức.

Ngoài việc dạy cho chúng ta cần làm gì khi đánh giá một tuyên bố liên quan đến kiến thức, bất kỳ bộ công cụ nhận diện những điều vô lý hữu hiệu nào cũng đều phải dạy cho chúng ta

biết những gì *không* nên làm. Nó giúp chúng ta nhận ra những sai lầm phổ biến và nguy hiểm nhất về mặt logic. Nhiều ví dụ hữu ích có thể thấy trong tôn giáo và chính trị, bởi vì những người tham gia vào các lĩnh vực này đều thường buộc phải phân định hai định đề đối lập nhau. Trong số những sai lầm này sẽ có:

- *Ad hominem* – cụm từ Latin chỉ “liên quan đến con người,” nhằm vào người tranh luận chứ không phải lập luận (ví dụ, *Đức cha Tiến sĩ Smith là một tín đồ Kinh thánh trào lưu chính thống nổi tiếng, vì thế những phản bác của ông đối với quá trình tiến hóa không cần phải xem xét một cách kỹ càng*);
- Lý lẽ từ phía giới chức (ví dụ, *Tổng thống Richard Nixon nên được bầu lại bởi vì ông ấy có một kế hoạch bí mật nhằm kết thúc chiến tranh ở Đông Nam Á – nhưng vì nó bí mật, nên không có cách nào cho cử tri đánh giá được giá trị của nó; lý lẽ vận động tin tưởng ông ấy bởi vì ông ấy là Tổng thống: Đó là một sai lầm, đúng như thực thể chứng minh*);
- Lý lẽ từ những kết quả đối nghịch (ví dụ, *Chắc chắn có tồn tại một vị Chúa thực hiện việc thưởng phạt, bởi vì nếu Ngài không tồn tại thì xã hội sẽ nguy hiểm và vô pháp vô thiên hơn nhiều – có lẽ thậm chí còn không thể quản lý nổi*.^[50] Hoặc: *Bị cáo trong một vụ xét xử tội giết người đã được phổ biến rộng rãi chắc chắn là kẻ có tội; nếu không, đây sẽ là một sự khuyến khích những kẻ khác giết vợ của mình*);
- Lý lẽ thiếu bằng chứng ngược lại (appeal to ignorance) – là khẳng định cho rằng bất kỳ điều gì không thể chứng minh là sai thì phải đúng, và ngược lại (ví dụ, *Không có bằng chứng thuyết phục rằng UFO không hề tới thăm Trái Đất; do đó UFO có tồn tại – và có sự sống thông minh ở đâu đó trong Vũ trụ*. Hoặc: *Có thể có 70 kazillion thế giới khác, nhưng không có thế giới nào có sự tiến bộ về mặt đạo đức bằng Trái Đất, cho nên chúng ta vẫn là trung tâm Vũ trụ*). Kiểu nóng vội với sự mơ hồ này có thể bị phê phán trong câu: Thiếu bằng chứng không phải là bằng chứng về tình trạng thiếu.
- Biện hộ đặc biệt, thường để cứu một định đề đang gặp rắc rối (ví dụ, *Làm sao một vị Chúa nhân từ lại bắt các thế hệ tương lai phải chịu khổ chỉ vì một người đàn bà, bất chấp mệnh lệnh, xúi giục người đàn ông ăn quả táo? Biện hộ đặc biệt: Quý vị chưa hiểu Thuyết Tự nguyện vô cùng ảo diệu*. Hoặc: *Làm sao lại có thể có Cha, Con và Thánh thần ngang bằng nhau trong cùng một Con người? Biện hộ đặc biệt: Quý vị chưa hiểu Sự Huyền ảo Thần thánh của Chúa Ba ngôi*. Hoặc: *Làm thế nào Chúa lại cho phép các tín đồ Do Thái, Thiên Chúa, và Hồi giáo – mỗi tôn giáo, bằng cách riêng của họ, vẫn tuân thủ những biện pháp từ tâm và trặc ẩn vĩ đại – phạm nhiều tội ác suốt một thời gian dài đến vậy? Biện hộ đặc biệt: Quý vị lại chưa hiểu về sự Tự nguyện. Và Chúa xuất hiện bằng những cách thức huyền bí*).
- Xin câu hỏi, cũng gọi là thừa nhận câu trả lời (ví dụ, *Chúng ta phải áp dụng án tử hình để ngăn chặn tội phạm nghiêm trọng*. Nhưng thực tế tỉ lệ tội phạm nghiêm trọng có giảm khi án tử hình được áp dụng không? Hoặc: *Thị trường chứng khoán sụt giảm ngày hôm qua do nhà đầu tư điều chỉnh kỹ thuật và thu lợi nhuận – nhưng có bằng chứng độc lập nào cho thấy vai trò mang tính nguyên nhân của việc “điều chỉnh” và thu lợi nhuận hay không; chúng ta có biết được gì từ cách giải thích này không?*);
- Sàng lọc quan sát, cũng gọi là liệt kê những trường hợp hữu ích, hoặc như triết gia Francis Bacon mô tả, chỉ tính phần ăn điểm và bỏ qua phần đánh trượt^[51] (ví dụ, *Một bang luôn tự hào với những vị Tổng thống của mình nhưng lại im lặng trước những tên giết người hàng loạt ở đây*);
- Hiểu sai bản chất số liệu thống kê (ví dụ, *Tổng thống Dwight Eisenhower tỏ ra ngạc nhiên và hoảng hốt khi phát hiện ra đến một nửa số người Mỹ có trí thông minh dưới mức trung bình*);
- Mâu thuẫn (ví dụ, *Hãy lên kế hoạch thật cẩn trọng cho khả năng xấu nhất về một đối thủ quân sự tiềm tàng, nhưng chớ phớt lờ những dự đoán khoa học về các hiểm họa môi trường chỉ vì chúng chưa được “chứng minh”*. Hoặc: *Hãy quy kết*

mức suy giảm tuổi thọ ở Liên Xô trước đây cho những thất bại của chủ nghĩa cộng sản từ nhiều năm trước, nhưng đừng bao giờ quy kết tỉ lệ tử vong sơ sinh cao ở Hoa Kỳ (hiện cao nhất trong số các nước công nghiệp hàng đầu) cho những thất bại của chủ nghĩa tư bản. Hoặc: Hãy xem việc Vũ trụ tiếp tục tồn tại mãi mãi trong tương lai là điều hoàn toàn hợp lý, nhưng hãy đánh giá khả năng nó có tuổi đời vô hạn trong quá khứ là điều phi lý);

- *Non sequitur* – cụm từ Latin mang nghĩa “không nhất quán” (ví dụ, *Đất nước chúng ta sẽ thắng thế vì Chúa thật vĩ đại*. Nhưng gần như mọi quốc gia đều xem điều này là đúng). Thường thì những người rơi vào sai lầm *non sequitur* thường không nhận ra các khả năng khác nhau;
- *Post hoc, ergo propter hoc* – cụm từ Latin mang nghĩa “Nó đã xảy ra, ắt là do vậy” (ví dụ, Hồng y Giáo chủ Jaime Sin, Tổng Giám mục ở Manila: “*Ta biết... một cô gái 26 tuổi trông như 60 bởi vì cô sử dụng thuốc [tránh thai]*.” Hoặc: *Trước khi phụ nữ được quyền bỏ phiếu, không hề có vũ khí hạt nhân*);
- Câu hỏi vô nghĩa (ví dụ, *Chuyện gì xảy ra khi một lực không thể cản lại được gặp một vật không thể di chuyển được?* Nhưng nếu có một thứ làm lực không thể cản lại được như thế thì có thể lại không có những vật không thể di chuyển được và ngược lại);
- Bỏ phần giữa, hay lưỡng phân giả – chỉ xem xét hai thái cực trong một thể liên tục gồm các khả năng trung gian (ví dụ, “*Chắc chắn, theo ý anh ấy; chồng tôi hoàn hảo; tôi lúc nào cũng sai.*” Hoặc: “*Hoặc quý vị yêu nước mình hoặc ghét nó.*” Hoặc: “*Nếu quý vị không phải là một phần của giải pháp thì quý vị là một phần của vấn đề*”);
- Ngắn hạn so với dài hạn – một tập hợp con của lưỡng phân giả, nhưng quan trọng đến mức tôi phải tách riêng để quý vị đặc biệt lưu ý (ví dụ, *Chúng ta không thể kham được những chương trình nuôi dưỡng trẻ suy dinh dưỡng và giáo dục trẻ vỡ lòng. Chúng ta cần khẩn trương giải quyết tội phạm trên đường phố*. Hoặc: *Tại sao lại thăm dò không gian hoặc theo đuổi khoa học cơ bản khi chúng ta đang thâm hụt ngân sách rất lớn?*);
- Dốc trơn, liên quan đến bỏ phần giữa (ví dụ, *Nếu chúng ta cho phép phá thai trong vài tuần đầu tiên mang thai thì sẽ không thể nào ngăn chặn được chuyện giết hại một đứa trẻ sơ sinh*. Hoặc, ngược lại: *Nếu nhà nước cấm phá thai kể cả ở tháng thứ 9 thì điều đó sẽ nhanh chóng cho chúng ta biết phải làm gì với cơ thể của mình ngay từ lúc thụ thai*);
- Lẫn lộn tương quan và kết quả (ví dụ, *Một khảo sát cho thấy có nhiều người tốt nghiệp đại học bị đồng tính hơn là những người có học vấn thấp hơn; do đó giáo dục khiến cho người dân đồng tính*. Hoặc: *Những trận động đất ở Andean tương liên với những lần tiếp cận gần nhất tới Thiên Vương tinh; do đó – mặc dù thiếu tương liên đối với Mộc tinh ở gần hơn và lớn hơn – yếu tố sau gây ra yếu tố trước*[\[52\]](#));
- Người rơm – cách nói châm biếm một vị thế dễ công kích hơn (ví dụ, *Các nhà khoa học cho rằng các sinh vật ngẫu nhiên tự hợp lại với nhau – một công thức cố ý bỏ qua hiểu biết thấu đáo đóng vai trò trung tâm của Darwin, rằng Tự nhiên lựa chọn bằng cách giữ lại những gì có tác dụng và loại bỏ những gì không*. Hoặc – đây cũng là sai lệch ngắn hạn/dài hạn – *các nhà môi trường quan tâm đến chim cổ rắn và cú mèo hoa hơn là với con người*);
- Bằng chứng bị lấp liếm, hoặc bán sự thật (ví dụ, *Một “lời tiên tri” được trích dẫn nhiều và chính xác đến kỳ lạ về âm mưu ám sát Tổng thống Reagan được trình chiếu trên truyền hình; nhưng – một chi tiết quan trọng – liệu nó được ghi lại trước hay sau sự kiện?* Hay: *Những hành động bất minh này của chính phủ đòi hỏi phải có cách mạng, thậm chí nếu quý vị không thể làm món trứng ốp lết mà không phải đập vài quả trứng*. Đúng, nhưng phải chăng đây có thể là một cuộc cách mạng trong đó sẽ thêm nhiều người bị giết hại hơn là dưới chế độ trước không? Kinh nghiệm của các cuộc cách mạng khác đã gợi ý điều gì? Phải chăng tất cả các

cuộc cách mạng chống lại những chế độ áp bức đều được mong muốn và phù hợp với lợi ích của người dân?);

- Nói tránh (ví dụ, Việc tách bạch quyền lực của Quốc hội Hoa Kỳ chỉ rõ rằng Hoa Kỳ có thể không cần tiến hành chiến tranh nếu không được Quốc hội tuyên bố. Mặc khác, các Tổng thống được giao kiểm soát chính sách ngoại giao và tiến hành chiến tranh, vốn là những công cụ hùng mạnh giúp họ được tái đắc cử. Do đó, các Tổng thống của chính đảng nào cũng có thể muốn dàn xếp chiến tranh trong khi phất cờ và gọi chiến tranh là gì đó khác – “hành động của cảnh sát”, “xâm nhập có vũ trang”, “tấn công phản ứng tự vệ”, “bình định”, “bảo vệ quyền lợi nước Mỹ”, và rất nhiều “chiến dịch”, chẳng hạn “Chiến dịch Just Cause.” Những kiểu nói trại về chiến tranh là một trong những hình thức sáng tạo lại ngôn ngữ cho các mục đích chính trị. Talleyrand nói “Một nghệ thuật quan trọng của các chính trị gia là tìm ra những tên gọi mới cho những thiết chế đã trở thành ghê tởm với công chúng nếu mang tên gọi cũ”).

Việc biết rõ sự tồn tại của những sai lầm mang tính logic và tu từ như thế sẽ hoàn chỉnh bộ công cụ của chúng ta. Như tất cả mọi công cụ, bộ công cụ phát hiện những điều vô lý có thể bị sử dụng sai, áp dụng không đúng bối cảnh, hoặc thậm chí được dùng thay thế cho việc tư duy. Nhưng khi áp dụng một cách không ngoan, nó có thể tạo ra khác biệt trên thế giới này – ít nhất trong việc đánh giá những luận điểm của chính chúng ta trước khi chúng ta trình bày cho người khác.

Ngành công nghiệp thuốc lá của Mỹ thu được tổng số 50 tỉ đô la mỗi năm. Ngành thuốc lá thừa nhận rằng, có sự tương liên về mặt thống kê giữa việc hút thuốc và bệnh ung thư, nhưng không phải là mối quan hệ kết quả. Họ ám chỉ rằng, ở đây có một sai lầm về mặt logic. Điều này nghĩa là gì? Có lẽ những người có xu hướng di truyền đối với ung thư cũng có xu hướng di truyền với việc sử dụng các loại thuốc gây nghiện – cho nên bệnh ung thư và hút thuốc có thể tương liên với nhau, nhưng bệnh ung thư không phải do hút thuốc gây ra. Có thể nghĩ ra những liên hệ ngày càng cường điệu kiểu này. Đây chính xác là một trong những lý do khoa học luôn cần đến thí nghiệm có kiểm soát.

Giả sử quý vị bôi nhựa thuốc lá lên lưng một số lượng lớn chuột, và cũng theo dõi sức khỏe của một số lượng lớn chuột gần như giống hệt, quý vị có thể hoàn toàn tin chắc rằng quan hệ tương liên có tính chất nguyên nhân-kết quả. Hít khói thuốc lá, và khả năng mắc ung thư tăng lên; không hít, và tỉ lệ giữ nguyên ở mức cơ bản. Tương tự như vậy với bệnh khí thũng, viêm phế quản, và các bệnh tim mạch.

Khi công trình đầu tiên được công bố trên các ấn phẩm khoa học vào năm 1953 cho thấy các chất trong khói thuốc lá khi được bôi lên lưng chuột tạo ra những khối u ác tính, phản ứng của sáu công ty thuốc lá lớn là phát động một chiến dịch quan hệ công chúng để công kích công trình nghiên cứu, được Quỹ Sloan Kettering tài trợ. Sự kiện này chẳng khác gì những gì Công ty Du Pont đã làm khi nghiên cứu đầu tiên được công bố năm 1974 cho thấy sản phẩm Freon tấn công vào tầng ozone. Có nhiều ví dụ khác nữa.

Quý vị có thể nghĩ rằng trước khi họ lên án những phát hiện nghiên cứu gây khó chịu, các doanh nghiệp lớn sẽ dành những khoản đáng kể để kiểm tra mức độ an toàn của sản phẩm mà họ sản xuất. Và nếu họ bỏ sót gì đó, nếu các nhà khoa học độc lập chỉ ra một nguy cơ, thì tại sao các công ty này lại phản đối? Phải chăng họ thà giết người còn hơn mất lợi nhuận? Nếu, trong một thế giới không đáng tin cậy, luôn xảy ra sai sót thì phải chăng không nên có thiên kiến đối với việc bảo vệ khách hàng và công chúng? Và, rất tình cờ, những trường hợp này nói lên điều gì cho cảnh sát về khả năng của hệ thống doanh nghiệp tự do? Phải chăng đây không phải là những ví dụ trong đó ít nhất một sự can thiệp nào đó của chính phủ chính là mối quan tâm của công chúng?

Một báo cáo nội bộ năm 1971 của Công ty Thuốc lá Brown và Williamson liệt kê một mục tiêu của doanh nghiệp là “xóa bỏ trong tâm trí của hàng triệu người lời quy kết sai lầm rằng hút thuốc lá gây ra ung thư phổi và các bệnh khác; một cáo buộc dựa trên những giả định cuồng tín, những lời đồn thổi sai lệch, những tuyên bố không có cơ sở và những phát ngôn phi

khoa học cũng như những phỏng đoán của đám người cơ hội chủ nghĩa muốn nổi danh.” Họ trình bày

Sự công kích bất chính lạ thường và chưa từng có tiền lệ nhằm vào thuốc lá, cấu thành lên tội danh phỉ báng và vu khống tệ hại nhất từng biết đối với bất kỳ sản phẩm nào trong lịch sử thương mại tự do; lời phỉ báng mang tính chất tội phạm với tầm vóc và hàm ẩn đủ khiến người ta tự hỏi làm thế nào một cuộc thập tự chinh bằng những lời vu khống như vậy lại có thể được chấp nhận theo Hiến pháp.

Lời nói khoa trương này chỉ hơi gây phẫn nộ hơn một chút so với những gì ngành thuốc lá thỉnh thoảng lại tung ra cho công chúng tiêu thụ.

Có rất nhiều nhãn hiệu thuốc lá quảng cáo hàm lượng “nhựa” thấp (10 mg mỗi điếu thuốc hoặc thấp hơn). Tại sao đây lại là một ưu điểm? Bởi vì đó chính là những loại nhựa chịu lửa trong đó tập trung nhiều hydrocarbon thơm đa chu kỳ và một số chất gây ung thư khác. Các quảng cáo nhựa thấp không phải là lời ngảm thừa nhận của các công ty thuốc lá rằng thực tế thuốc lá gây ra ung thư đấy sao?

Healthy Buildings International là một tổ chức lợi nhuận, tiếp nhận hàng triệu đô la từ ngành thuốc lá trong nhiều năm. Nó tiến hành nghiên cứu về khói thứ cấp, và làm chứng cho các công ty thuốc lá. Năm 1994, ba kỹ sư của tổ chức này cho biết lãnh đạo cao cấp đã giả mạo dữ liệu về các phân tử thuốc lá có thể hít được trong không khí. Dù thế nào thì các dữ liệu sáng chế hoặc “đã chỉnh lý” đều làm cho khói thuốc lá có vẻ an toàn hơn so với những thông số của những kỹ sư này thể hiện. Phải chăng các bộ phận nghiên cứu của doanh nghiệp hoặc các đối tác nghiên cứu bên ngoài đã tìm được một sản phẩm nguy hiểm hơn cả những gì doanh nghiệp thuốc lá công khai tuyên bố? Nếu đúng vậy, công việc của họ có tiếp tục không?

Thuốc lá là thứ gây nghiện; theo nhiều tiêu chí, còn hơn cả heroin và cocaine. Có lý do khiến mọi người, như quảng cáo từ thập niên 1940 ghi rõ, “đi bộ cả dặm đường vì một điếu Camel.” Có nhiều người chết vì thuốc lá hơn tổng số người chết trong Thế Chiến 2. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, hút thuốc giết chết 3 triệu người trên toàn thế giới mỗi năm. Con số này sẽ tăng lên 10 triệu mỗi năm vào năm 2020 – một phần vì chiến dịch quảng cáo quy mô nhằm khắc họa việc hút thuốc như là một mối thời thượng và tân tiến đối với phụ nữ trẻ ở thế giới đang phát triển. Một phần thành công của ngành thuốc lá trong việc cung cấp sản phẩm chứa chất độc hại gây nghiện này có thể chính là nhờ người dân chưa quen với việc phát hiện những điều vô lý, với tư duy phê phán, và phương pháp khoa học. Tính cả tin cũng giết chết người ta.

Chương 13.

ÂM ẢNH VỚI THỰC TIỄN

Một chủ tàu định phái một con tàu trở di dân ra biển. Ông ấy biết rằng con tàu đã cũ, và không được đóng chắc chắn ngay từ đầu; rằng nó đã đi tới nhiều vùng biển và miền đất, và thường xuyên cần phải duy tu. Ông cảm thấy nghi ngờ rằng có thể nó không còn phù hợp đi biển nữa. Những nghi ngờ này day dứt trong tâm trí ông, và làm cho ông không vui; ông nghĩ rằng có lẽ ông nên đại tu và sửa chữa lại con tàu thật kỹ lưỡng, cho dù việc này khiến ông khá tốn kém. Tuy nhiên, trước khi con tàu giương buồm ra khơi, ông đã thành công trong việc chế ngự những suy nghĩ sầu muộn này. Ông tự nhủ mình rằng nó đã an toàn vượt qua nhiều hải trình và chịu được rất nhiều cơn bão, rằng thật vô căn cứ khi cho rằng nó sẽ không an toàn về đến nhà sau chuyến đi này. Ông đặt niềm tin vào sự phù hộ của Thượng đế, vốn hiếm khi lại không bảo vệ tất cả những gia đình khốn khổ đang phải rời bỏ quê cha đất tổ để tìm kiếm thời vận tốt hơn ở xứ người. Ông sẽ gạt bỏ khỏi tâm trí mình tất cả những nghi ngờ nhỏ mọn về tính trung thực của những người công nhân và các nhà thầu. Cứ như thế, ông có niềm tin thoải mái và thành thật rằng con tàu này của ông hoàn toàn an toàn và đủ khả năng ra biển; ông nhìn nó ra khơi với trái tim nhẹ nhõm, và những hy vọng nhân từ rằng những người tha hương sẽ thành công ở quê hương mới xa lạ của họ; và ông đã phải nhận tiền bảo hiểm khi con tàu chìm giữa đại dương.

Chúng ta sẽ nói gì với ông ấy? Chắc chắn là điều này, rằng ông ấy thực sự là kẻ có tội gây ra cái chết của những người đó. Phải thừa nhận rằng ông ấy đã rất tin vào khả năng của con tàu; nhưng sự tin tưởng chắc chắn của ông ấy tuyệt không thể giúp gì cho ông ấy, bởi vì *ông ấy không có quyền tin vào bằng chứng trước mặt mình*. Ông ấy có niềm tin không phải nhờ kiên trì thẩm tra, mà bằng cách xua tan những nghi ngờ của mình...

William K. Clifford

Đạo đức Niềm tin (The Ethics of Belief)
(1874)

Ở ranh giới của khoa học – và đôi khi như một sự chuyển giao từ tư duy tiền khoa học – lấp ló một loạt ý tưởng lôi cuốn, hoặc ít nhất cũng khá dị thường, nhưng lại không được xem xét một cách thấu đáo bằng bộ công cụ phát hiện những điều vô lý, ít nhất là bởi những người ủng hộ các ý tưởng ấy: Quan niệm cho rằng bề mặt Trái Đất nằm ở bên trong, chứ không phải bên ngoài, của địa cầu; hoặc những tuyên bố rằng quý vị có thể tự mình bay bổng lên nhờ ngồi thiền và rằng các vũ công ba lê và các cầu thủ bóng rổ thường xuyên nhảy cao được bằng cách bay lên; hoặc định đề cho rằng tôi có cái gọi là linh hồn, không phải cấu thành từ vật chất hay năng lượng, mà từ thứ gì đó khác nhưng hiện chưa có bằng chứng gì, và linh hồn đó có thể trở lại nhập vào một con bò hay một con sâu sau khi tôi chết đi.

Món quà điển hình của giả khoa học và mê tín – đây chỉ là một danh sách đại diện, chưa phải đầy đủ – là chiêm tinh; Tam giác Bermuda; “Người Chân to” và quái vật Loch Ness; ma; “mắt quỷ”; “quầng hào quang” nhiều màu được cho là xuất hiện quanh đầu của tất cả mọi người (với màu sắc tùy thuộc vào từng người); năng lực ngoại cảm (ESP) như thần giao cách cảm, linh cảm, siêu năng, và “thiên lý nhãn” đến tận những nơi xa tít; niềm tin cho rằng 13 là con số “không may mắn” (vì điều này mà nhiều tòa nhà văn phòng và khách sạn ở Mỹ nhảy cóc từ tầng 12 lên 14 – tại sao lại như thế?); những bức tượng chảy máu; quan niệm cho rằng đeo một cái chân thỏ theo người sẽ mang lại may mắn; phương pháp tìm kiếm mạch nước hay kim loại bằng que dò hoặc phép thuật; “giao tiếp dễ dàng” nhờ bệnh tự kỷ; niềm tin cho rằng lưỡi dao cạo càng sắc hơn khi được cất giữ bên trong những hình kim tự tháp bằng bìa cứng, và những nguyên lý khác về “môn nghiên cứu kim tự tháp”; các cuộc điện đàm (chưa hề có cuộc nào được ghi lại) từ cõi âm; những lời tiên tri của Nostradamus;[\[53\]](#) phát kiến về những con giun det chưa hề được đào tạo có thể nhận biết một nhiệm vụ nhờ ăn phần xác đã tán nhỏ của những con giun det đã được rèn luyện khác; quan niệm cho rằng khi Mặt trăng tròn tỉ lệ tội phạm sẽ tăng lên; thuật xem tướng tay; mệnh lý học; máy phát hiện nói dối; sao chổi, lá trà, và những ca sinh nở “kỳ quái” được xem như những điềm báo cho các sự kiện tương lai (cộng thêm những hình thức bói toán rất thịnh hành ở các thời đại trước, thực hiện bằng cách xem

ruột, khối, hình dạng ngọn lửa, bóng, và cả phân; nghe tiếng bụng sôi; và thậm chí, có một thời gian ngắn, kiểm tra các bảng loga); “chụp ảnh” những sự kiện quá khứ, như vụ hành hình Jesus; một con voi Nga có thể nói trôi chảy; “những người dễ thôi mien” có khả năng, khi bị bịt mắt qua loa, đọc sách bằng đầu ngón tay; Edgar Cayce (người tiên đoán rằng vào thập niên 1960 lục địa “bị mất” Atlantis sẽ “nổi lên”) và những “nhà tiên tri” khác, cả khi ngủ hoặc lúc thức; chế độ ăn kiêng theo lời khuyên của đám lang băm bịp bợm; những trải nghiệm thoát xác (ví dụ, chết lâm sàng) được diễn giải như là những sự kiện thật ở thế giới bên ngoài; trò lừa gạt của những kẻ chữa bệnh bằng đức tin; bảng cầu cơ; đời sống tình cảm của cây phong lữ, được phát hiện nhờ mạnh dạn sử dụng một “thiết bị phát hiện nói dối”; thứ nước nhớ được những phân tử nào thường được hòa tan trong nó; phán xét tính cách qua các đặc điểm khuôn mặt hoặc các khoáy trên đầu; quan niệm rất nhầm lẫn kiểu “con khỉ thứ 100” và những tuyên bố khác cho rằng bất kỳ điều gì mà một bộ phận nhỏ nào trong chúng ta muốn là đúng thì thật sự luôn đúng; chuyện nhiều người tự bốc cháy và bị thiêu rụi; nhịp sinh học 3 chu kỳ; những cỗ máy chuyển động vĩnh cửu, hứa hẹn cung cấp nguồn năng lượng vô hạn (nhưng tất cả những thứ này, vì lý do này hay lý do khác, đều bị những người có quan điểm hoài nghi từ chối thẩm định); những dự đoán vô lý một cách có hệ thống của Jeane Dixon (người “dự đoán” Liên Xô sẽ xâm lược Iran vào năm 1953 và năm 1965 dự đoán rằng Liên Xô sẽ đánh bại Hoa Kỳ trong việc đưa người đầu tiên lên Mặt Trăng^[54]) và những chuyên gia “đồng cốt” khác; dự đoán của Những nhân chứng của Đức Jehovah rằng thế giới sẽ kết thúc vào năm 1917, và nhiều lời tiên tri tương tự; dianetics và Khoa Luận giáo (Scientology); Carlos Castaneda và “ma thuật”; những tuyên bố về việc phát hiện ra phế tích của Con thuyền Noah; “Nổi hãi hừng Amityville”^[55] và những ám ảnh khác; và những câu chuyện về một con khủng long ăn lá nhỏ lao rầm rầm qua những cánh rừng rậm nhiệt đới ở Cộng hòa Congo. [Một cuộc thảo luận sâu về nhiều nhận định như trên có thể thấy trong *Bách khoa thư những điều huyền bí* (Encyclopedia of the Paranormal) do Gordon Stein chủ biên, Buffalo: Prometheus Books, 1996].

Nhiều luận thuyết như thế này bị bác bỏ bởi các tín đồ Thiên Chúa giáo theo trào lưu chính thống và cả người Do Thái vì Kinh thánh ra lệnh như vậy. Deuteronomy (18:10, 11), cuốn thứ 5 trong bộ Kinh thánh Do Thái ghi rõ (theo bản dịch của Vua James):

Trong các ngươi sẽ không thể tìm ra bất kỳ ai làm cho con trai hay con gái anh ta đi qua lửa, hoặc sử dụng năng lực tiên tri, hoặc một người quan sát thời gian, hoặc một thầy bùa, hoặc một phù thủy. Hoặc một người làm phép mê, hoặc người tham vấn được những linh hồn quen biết, hoặc một phù thủy, hoặc một thầy đồng.

Thuật tử vi, lên đồng, bảng cầu cơ, dự đoán tương lai, và nhiều điều khác bị cấm. Tác giả Deuteronomy không cho rằng những việc làm như thế không đem lại những gì chúng hứa hẹn. Nhưng đó là “những việc kinh tởm” – có lẽ thích hợp với những dân tộc khác, không phải cho những tín đồ của Chúa. Và ngay cả Tông đồ Paul, vốn rất dễ tin nhiều vấn đề, cũng khuyên chúng ta “chứng minh tất cả mọi điều.”

Triết gia Do Thái ở thế kỷ 12 là Moses Maimonides còn đi xa hơn cả Deuteronomy khi ông nói thẳng rằng những dạng giả khoa học này không có tác dụng gì:

Người ta cấm dính dáng đến chiêm tinh, sử dụng bùa phép, niệm thần chú... Tất cả những việc làm này đều không là gì khác ngoài những điều dối trá và lừa gạt được những kẻ ngoại giáo cổ đại dùng để đánh lừa quần chúng và khiến họ sai hướng... Những người thông minh và khôn ngoan hiểu biết rõ hơn. [Trích từ *Mishneh Torah, Avodah Zara*, Chương 11].

Một số tuyên bố rất khó kiểm nghiệm – chẳng hạn, nếu một cuộc thám hiểm không phát hiện được ma hoặc con khủng long ăn lá thì điều đó không có nghĩa là chúng không tồn tại. Thiếu bằng chứng không phải bằng chứng về việc không tồn tại. Những tuyên bố khác dễ hơn – chẳng hạn, giun dẹt ăn thịt đồng loại có khả năng nhận biết hoặc tuyên bố cho rằng các quần thể vi khuẩn chịu tác động của một loại kháng sinh trên đĩa agar sẽ sinh sôi khi được cầu nguyện (trong khi vi khuẩn bị kiểm soát lại bị kiểm chế bằng hình thức cầu nguyện). Một vài tuyên bố – ví dụ, những cỗ máy chuyển động vĩnh cửu – có thể bác bỏ ngay dựa trên những căn cứ về vật lý cơ bản. Trừ những tuyên bố này, chúng ta không thể biết *trước khi* kiểm tra bằng chứng cho rằng các quan điểm là sai; những điều lạ lùng thường xuyên được tích hợp vào trong thân xác

khoa học.

Câu hỏi luôn là bằng chứng có tác dụng đến đâu? Gánh nặng bằng chứng chắc chắn đặt trên vai của những người đưa ra những tuyên bố như thế. Một số người đề xướng cho rằng thái độ hoài nghi là một thứ tội nợ, rằng khoa học đích thực tìm hiểu mà *không cần* hoài nghi. Có lẽ họ chỉ mới hiểu nửa chừng. Nhưng nửa chừng thì chưa có nghĩa gì cả.

Nhà cận tâm lý học Susan Blackmore mô tả một trong các bước chuyển hóa của bà sang một thái độ hoài nghi hơn đối với các hiện tượng “tâm linh”:

Một bà mẹ và cô con gái từ Scotland khẳng định họ có thể chụp được hình ảnh trong ý nghĩ của nhau. Họ chọn cách sử dụng các lá bài để tiến hành thử nghiệm bởi vì đó là phương pháp họ vẫn sử dụng ở nhà. Tôi để họ chọn lựa căn phòng nơi họ sẽ được thử nghiệm và đảm bảo rằng không có cách thông nào khiến người “nhận biết” nhìn thấy lá bài. Họ thất bại. Họ chỉ dự đoán được ngẫu nhiên và họ vô cùng thất vọng. Họ đã rất từng tin rằng mình có thể làm được và tôi bắt đầu hiểu rằng rất dễ bị đánh lừa bởi chính khát vọng tin tưởng của chính bạn.

Tôi có những trải nghiệm tin tưởng với vài người dò mạch mỏ, những đứa trẻ nói rằng chúng có thể di chuyển đồ vật bằng ý nghĩ, và vài người nói rằng họ có năng lực ngoại cảm. Tất cả đều thất bại. Thậm chí lúc này tôi có một con số gồm 5 chữ số, một từ, và một đồ vật nhỏ để trong bếp ở nhà tôi. Vị trí và các đồ vật do một thanh niên lựa chọn và người này khẳng định có thể “nhìn thấy” chúng trong lúc xuất thần khỏi cơ thể. Chúng vẫn ở nguyên đó suốt ba năm. Mặc dù vậy, cho đến giờ, chàng trai vẫn chưa hề thành công.

“Thần giao cách cảm” (telepathy) theo nghĩa đen là cảm nhận từ một khoảng cách xa – giống như “điện thoại” (telephone) là nghe từ một khoảng cách xa và “truyền hình” (television) là nhìn từ một khoảng cách xa. Từ này gợi ra cách giao tiếp không phải bằng ý nghĩ mà bằng cảm xúc, tình cảm. Khoảng ¼ người Mỹ tin họ đã từng trải qua thứ gì đó giống như thần giao cách cảm. Những người biết nhau rất rõ, sống cùng nhau, có kinh nghiệm về sắc thái cảm xúc, các mối liên hệ, và cách suy nghĩ của người khác thường đều có thể dự đoán được những gì đối tác của mình sẽ nói ra. Đây chỉ đơn thuần là năm giác quan thông thường cộng thêm thấu cảm, sự nhạy bén, và trí thông minh của con người. Nó có thể có vẻ rất ngoại cảm, nhưng hoàn toàn không phải là những gì theo hàm nghĩa của từ “thần giao cách cảm.” Nếu có gì đó như thế này *từng* được chứng minh một cách thuyết phục thì tôi nghĩ nó sẽ có những nguyên nhân vật lý hoàn toàn nhận thức được – có lẽ những xung điện trong não bộ. Giả khoa học, dù gọi tên đúng hay sai, không bao giờ giống với siêu nhiên, một tính chất mà theo định nghĩa là thứ gì đó bên ngoài Tự nhiên.

Rất có thể là một vài tuyên bố huyền bí này một ngày nào đó có thể được xác minh bằng những dữ liệu khoa học vững chắc. Nhưng sẽ thật ngớ ngẩn khi chấp nhận bất kỳ điều gì trong số đó mà không có bằng chứng phù hợp. Như với câu chuyện con rồng trong nhà để xe, tốt hơn cả là, với những tuyên bố không bị bác bỏ hoặc giải thích một cách thỏa đáng, hãy kiềm chế sự nôn nóng của chúng ta, hãy hình thành thái độ bao dung đối với những điều mơ hồ, và hãy chờ đợi – hoặc tốt hơn nữa là tìm kiếm – những bằng chứng ủng hộ hoặc bác bỏ.

Ở một đất nước xa xôi ngoài Nam Hải, người ta truyền tai nhau về một bậc trí giả, một lương y, một vị thánh hiện thân. Ông có thể nói chuyện xuyên thời gian. Ông là một Đại sư giảng phàm. Người ta nói rằng ông đang đến. Ông đang đến...

Năm 1988, các báo, tạp chí và đài truyền hình Australia bắt đầu nhận những tin hay qua băng video và bộ thông tin báo chí.[\[56\]](#) Một bài báo có nội dung:

CARLOS SẼ XUẤT HIỆN TẠI AUSTRALIA

Ai đã thấy sẽ không bao giờ quên được. Nghệ sĩ trẻ xuất sắc đang trò chuyện với họ đột nhiên có vẻ loạng choạng, mạch của anh ấy chậm ở mức nguy hiểm và gần như ngừng hẳn. Nhân viên y tế có chuyên môn, người được giao nhiệm vụ theo dõi thường xuyên, chuẩn bị bật chuông báo động.

Nhưng sau đó, bất ngờ đến đứng tim, mạch lại đập trở lại – nhanh và mạnh hơn hẳn lúc trước. Sức sống rõ ràng đã trở lại cơ thể – nhưng thực thể bên trong cơ thể đó không còn là Jose Luis Alvarez, người nghệ sĩ 19 tuổi với những tác phẩm gồm độc đáo vẫn xuất hiện trong

một số gia đình giàu có nhất nước Mỹ. Thay vào đó, cơ thể đã được Carlos, một linh hồn cao niên với những lời răn dạy vừa gây sốc vừa tạo cảm hứng. Một thực thể đang trải qua một hình thức chết để mở đường cho một thực thể khác: Đó là hiện tượng làm cho Carlos, khi được hoàn hồn nhập xác vào Jose Luis Alvarez, trở thành một nhân vật nổi bật mới trong ý thức Thời đại Mới. Và thậm chí một nhà phê bình đa nghi ở New York cũng nhận định: “Trường hợp mượn xác hoàn hồn đầu tiên và duy nhất này cho thấy bằng chứng hữu hình về một dạng thay đổi bí ẩn ngay trong chức năng sinh lý người của mình.”

Giờ đây Jose, người đã trải qua hơn 170 lần chết và hoán đổi như thế này, nói qua lời của Carlos rằng sẽ tới thăm Australia – theo lời của vị thầy này là “mảnh đất mới lâu đời” vốn là cội nguồn của một thiên khải đặc biệt. Carlos đã tiên đoán rằng trong năm 1988, nhiều thảm họa sẽ cán quét Trái Đất, hai nhà lãnh đạo lớn của thế giới sẽ chết và, về cuối năm, người Australia sẽ nằm trong số những người đầu tiên nhìn thấy một ngôi sao lớn có ảnh hưởng sâu sắc đến sự sống tương lai trên Trái Đất mọc lên.

Chủ nhật, ngày 21

3.00 chiều

Nhà hát lớn

Rạp hát kịch

Tiếp sau một vụ tai nạn xe máy năm 1986, theo giải thích trong bộ thông tin báo chí, Jose Alvarez – khi đó 17 tuổi – bị chấn động nhẹ. Sau khi phục hồi, những người biết anh ta đều nói rằng anh ta đã thay đổi. Thỉnh thoảng anh ta lại phát ra một giọng nói khác hẳn. Rất hoang mang, Alvarez tìm kiếm sự giúp đỡ từ một bác sĩ tâm lý trị liệu, một chuyên gia về những hiện tượng rối loạn đa nhân cách. Chuyên gia tâm thần này “phát hiện ra rằng Jose đang đổi xác cho một thực thể khác biệt được biết đến dưới cái tên Carlos. Thực thể này chiếm cơ thể của Alvarez khi sức sống của cơ thể suy giảm đến một mức độ phù hợp.” Hóa ra Carlos là một linh hồn chưa đầu thai đã 2000 tuổi, một bóng ma không có hình hài cơ thể, mới đây nhất vừa chiếm một thân xác ở Caracas, Venezuela vào năm 1900. Rủi thay, thân xác đó chết ở tuổi 12 trong một lần ngã ngựa. Đây có thể là lý do vì sao, như lời giải thích của chuyên gia trị liệu, Carlos có thể nhập vào xác Alvarez sau vụ tai nạn xe máy. Khi Alvarez rơi vào trạng thái xuất thần, linh hồn của Carlos, được hội tụ nhờ một tinh thể hiếm và lớn, nhập vào cậu và nói ra những kiến thức của nhiều thời đại.

Trong bộ thông tin báo chí còn có một danh sách những lần xuất hiện chính ở các thành phố của Mỹ, một cuốn video về buổi đón tiếp ồn ào dành cho Alvarez/Carlos tại một nhà hát ở Broadway, cuộc phỏng vấn anh ta tại đài phát thanh WOOP ở New York, và những chỉ dẫn khác cho thấy đây là một hiện tượng Thời đại Mới lầy lùnh tại Mỹ. Hai chi tiết chứng minh nho nhỏ: Một bài viết từ một tờ báo ở South Florida ghi “THÔNG BÁO CỦA NHÀ HÁT: Dịp lưu trú ba ngày của nhân vật hoàn hồn mượn xác CARLOS được chuyển tới Thính phòng Tưởng niệm Chiến tranh... để đáp ứng yêu cầu muốn thấy xuất hiện thêm,” và một đoạn trích từ một hướng dẫn chương trình truyền hình được liệt kê như một sự kiện đặc biệt về “THỰC THỂ CARLOS: Nghiên cứu sâu này hé lộ những sự thật đằng sau một trong những nhân vật nổi tiếng và gây tranh cãi nhất.”

Alvarez và người quản lý của anh ta đến Sydney như những thượng khách của hãng Qantas. Họ vi vu khắp nơi trong một chiếc limousine dài hoành tráng màu trắng. Họ sử dụng Phòng Tổng thống của một trong những khách sạn danh tiếng nhất ở thành phố này. Alvarez mặc áo choàng trắng rất lịch lãm gắn một tấm huy chương vàng. Trong buổi họp báo đầu tiên của mình, Carlos nhanh chóng xuất hiện. Nhân vật này tỏ ra mạnh mẽ, có học thức, oai vệ. Các chương trình truyền hình Australia nhanh chóng xếp hàng dài xin lịch xuất hiện của Alvarez, người quản lý và y tá (chuyên kiểm tra mạch đập và thông báo sự hiện diện của Carlos) của anh ta.

Trên chương trình *Today Show* của Australia, họ được người dẫn chương trình George Negus phỏng vấn. Khi Negus nêu ra một vài câu hỏi có tính hoài nghi và rất lý trí, những nhân vật Thời đại Mới bộc lộ ngay phản ứng. Carlos nguyên rủa người dẫn chương trình. Tay quản lý của anh ta giội một cốc nước lên Negus. Cả hai ngang nhiên bỏ đi. Đây là một sự kiện nóng hổi trên

báo lá cải, tầm quan trọng của nó được truyền hình Australia khơi lại. “Nổi giận ngay trên truyền hình: Hắt nước vào Negus” là tiêu đề trang nhất trên tờ *Daily Mirror* số ra ngày 16 tháng 2 năm 1988. Các đài truyền hình tới tấp nhận các cuộc gọi. Một công dân ở Sydney còn khuyên hết sức chú ý đến lời giảng xuống Negus: Đội quân của Satan đã kiểm soát được Liên Hợp Quốc, theo lời người này, và Australia có thể là mục tiêu tiếp theo.

Lần xuất hiện tiếp theo của Carlos là trên tờ *A Currenty Affair* xuất bản tại Australia. Người ta mời tới một người có thái độ hoài nghi và người này cho biết một mẹo vặt của giới ảo thuật để làm cho mạch đập ở tay gần như ngừng lại: Quý vị kẹp một quả bóng cao su dưới nách và ép chặt. Khi người ta chất vật mức độ xác thực của Carlos, anh ta nổi khùng: “Buổi phỏng vấn này chấm dứt!” anh ta la lối.

Vào đúng ngày đã định, Rạp hát kịch của Nhà hát lớn Sydney gần như chật cứng. Một đám đông đầy phấn khích, trẻ cũng như già, háo hức chờ đợi. Vào cửa miễn phí – việc này nhằm trấn an những người còn chút băn khoăn liệu đây có phải là một mưu đồ không. Alvarez ngồi trên một đi văng thấp. Mạch đập của anh ta được theo dõi. Đột nhiên, nó ngừng lại. Có vẻ như anh ta gần chết. Những âm yết hầu rất khê phát ra từ sâu bên trong anh ta. Cử tọa há mồm kinh ngạc và nể sợ. Đột nhiên, cơ thể Alvarez có lực trở lại. Tự thể của anh ta toát ra vẻ tự tin. Từ miệng Alvarez tuôn ra cả một viễn cảnh tinh thần nhân bản lớn lao. Carlos đã ở đây! Khi được phỏng vấn sau đó, nhiều cử tọa cho biết họ đã xúc động và vui mừng như thế nào.

Chủ nhật tiếp theo, chương trình truyền hình quen thuộc nhất ở Australia – được đặt tên là *Sixty Minutes* theo đúng phiên bản ở Mỹ – tiết lộ rằng câu chuyện Carlos chỉ là một trò lừa đảo, từ đầu tới cuối. Các nhà sản xuất nghĩ sẽ rất hữu ích khi khám phá xem có thể dễ dàng tạo ra một thầy lang chữa bệnh bằng đức tin để lừa bịp công chúng và truyền thông như thế nào. Rất tự nhiên, họ liên hệ với một trong những chuyên gia hàng đầu thế giới về lừa gạt công chúng (ít nhất trong số những người không nắm giữ hoặc tham vấn cơ quan chính trị) – ảo thuật gia James Randi.

“Có quá nhiều rối loạn chữa được chính họ và ở con người có khuynh hướng như thế nhằm đánh lừa chính họ và đánh lừa lẫn nhau” – Benjamin Franklin viết vào năm 1784

... và việc sống lâu giúp tôi có những cơ hội thường xuyên được nhìn thấy một số bài thuốc nào đó được khoa trương là chữa được bách bệnh, nhưng chỉ ít lâu sau bị bác bỏ là hoàn toàn vô dụng, tôi không thể không sợ rằng thái độ kỳ vọng vào lợi ích to lớn từ phương pháp điều trị bệnh tật mới sẽ chỉ là một ảo giác lừa bịp. Tuy nhiên, ảo giác ấy có thể hữu dụng ở một số trường hợp.

Ông muốn nói đến thuật thôi miên. Nhưng “thời nào cũng có hành động đại đột riêng của mình.”

Không như Franklin, hầu hết các nhà khoa học cảm thấy việc của họ không phải là vạch trần những trò bịp giả khoa học – đúng ra là những hành động tự lừa dối. Họ cũng có xu hướng không thạo về nó. Các nhà khoa học được sử dụng để đấu tranh với Tự nhiên, đối tượng luôn miễn cưỡng giao nộp những bí mật của mình nhưng lại tranh đấu rất công bằng. Thông thường, họ không hề sẵn sàng cho những đối tượng thực hiện những điều “huyền bí” hết sức chân thật ấy bởi những đối tượng này có những quy tắc khác hẳn. Mặt khác, các nhà ảo thuật lại chuyên về đánh lừa. Họ làm một trong rất nhiều nghề – chẳng hạn như diễn xuất, quảng cáo, tôn giáo quan liêu, và chính trị – trong đó những gì một nhà quan sát ngây thơ có thể hiểu lầm thành nói dối thường bị bỏ qua về mặt xã hội để phục vụ cho một lợi ích cao hơn. Nhiều nhà ảo thuật giả vờ như họ không hề lừa dối, và bóng gió về những sức mạnh có được từ những nguồn rất huyền bí hoặc, sau này, do sinh vật lạ ban cho. Một số người sử dụng kiến thức của họ để vạch mặt những ngón bịp bợm cả trong và ngoài lĩnh vực của họ. Mèo chê mèo dài đuôi là vậy.

Một số ít người ứng phó được với thách thức này một cách mạnh mẽ chẳng kém gì James Randi “Siêu phạm”, người tự nhận một cách chính xác là kẻ dễ nổi khùng. Ông ấy hay nổi khùng không phải vì sự tồn tại dai dẳng sang tận thời đại chúng ta của chủ nghĩa thần bí và mê tín cũ rích, mà vì việc chấp nhận không hề phê phán đối với chủ nghĩa thần bí và mê tín ấy nhằm lừa gạt, làm nhục và thậm chí đôi khi giết hại người khác. Cũng như tất cả chúng ta, ông ấy không

phải là người toàn hảo: Có lúc Randi rất cố chấp và hạ mình, thiếu hẳn thái độ thấu cảm đối với những nhược điểm vốn chính là cơ sở cho tính cả tin của con người. Ông thường được trả tiền cho những bài phát biểu và trình diễn của mình, nhưng không gì so sánh được với những gì ông có thể nhận được nếu ông tuyên bố rằng các meo của ông bắt nguồn từ sức mạnh tâm linh hoặc những thể lực thần thánh hay ở bên ngoài Trái Đất. (Hầu hết những ảo thuật gia chuyên nghiệp, trên toàn thế giới, dường như đều tin vào tính xác thực của những hiện tượng tâm linh – theo thăm dò ý kiến với chính họ). Là một ảo thuật gia, ông đã cố gắng ‘bóc mẽ’ những người tự cho là có khả năng nhìn từ xa, những người có năng lực “ngoại cảm”, và những thầy lang chữa bệnh bằng đức tin chuyên đánh lừa công chúng. Ông chứng minh những trò bịp đơn giản mà nhờ chúng, những chuyên gia bẻ cong thìa bằng ý nghĩ đã dẫn dụ các nhà vật lý lý thuyết danh tiếng đi đến chỗ suy diễn về các hiện tượng vật lý mới. Ông được đông đảo giới khoa học công nhận và là người nhận được Giải thưởng của Quỹ MacArthur (được gọi là “thiên tài”). Một nhà phê bình đã từng trách rằng ông quá “ám ảnh với thực tiễn.” Tôi rất muốn nói như vậy với đất nước chúng ta và loài người chúng ta.

Randi đã nỗ lực hơn bất kỳ ai khác trong thời gian gần đây nhằm vạch trần thái độ tự phụ và gian lận trong lĩnh vực chữa bệnh bằng đức tin béo bở. Ông sàng lọc những thứ không có giá trị. Ông tố giác những lời đồn thổi. Ông theo dõi dòng thông tin “thần diệu” gửi đến Peter Popoff, thầy lang lưu động chữa bệnh bằng đức tin theo trào lưu Thiên Chúa giáo chính thống – không phải bằng cảm hứng tinh thần từ Chúa, mà ở tần số radio 39,17 megahertz, do người vợ ở hậu trường của ông truyền phát đi. [57] Ông khám phá ra rằng những người đứng lên khỏi xe lăn của họ và được tuyên bố rằng đã được chữa khỏi bệnh thực ra chưa bao giờ phải ngồi xe lăn cả – họ được một trợ thủ mời ngồi lên đó mà thôi. Ông thách đố các thầy lang chữa bệnh bằng đức tin đưa ra được bằng chứng y học nghiêm túc khẳng định giá trị những tuyên bố của họ. Ông mời các cơ quan chính quyền địa phương và liên bang để thực thi các đạo luật chống gian lận và lạm dụng y học. Ông công kích báo chí vì né tránh vấn đề này. Ông vạch trần thái độ coi thường của những thầy lang này đối với bệnh nhân và giáo dân của mình. Nhiều người là những lang băm có chủ định – sử dụng ngôn ngữ và các biểu tượng Phúc Âm Thiên Chúa giáo hoặc Thời đại Mới để lợi dụng điểm yếu của con người. Có lẽ có điều gì đó liên quan đến những động cơ không dễ vụ lợi.

Hay phải chăng tôi quá khắt khe? Trò lừa bịp trong chữa bệnh bằng đức tin khác gì với gian lận trong khoa học? Liệu có công bằng khi nghi ngờ cả một nghề chỉ vì vài con sâu? Dường như với tôi, ít nhất cũng có hai khác biệt quan trọng. Thứ nhất, không một ai nghi ngờ rằng khoa học thực sự có tác dụng, cho dù thỉnh thoảng lại xuất hiện những tuyên bố nhằm lẫn và sai lệch. Nhưng vấn đề liệu có *bất kỳ* phương thuốc chữa bệnh bằng đức tin “thần kỳ”, ngoài khả năng tự chữa bệnh của cơ thể, nào không lại là chuyện rất khác. Thứ hai, việc vạch ra những gian lận và sai sót trong khóa hầu như do chính khoa học đảm nhiệm. Nguyên tắc kiểm soát chính nó – nghĩa là các nhà khoa học nhận thức được khả năng nhầm lẫn và gian lận. Nhưng việc vạch ra trò lừa gạt và sai sót trong chữa bệnh bằng đức tin gần như chưa bao giờ do chính những thầy lang chữa bệnh bằng đức tin làm cả. Trên thực tế, điều đáng quan tâm là nhà thờ và giáo đường tỏ ra rất do dự khi xử phạt những trò lừa bịp có thể chứng minh được trong giới của họ.

Khi y học truyền thống bó tay, khi chúng ta phải đối mặt với đau đớn và cái chết, dĩ nhiên chúng ta hướng tới những khả năng khác để hy vọng. Và, nói cho cùng, một số bệnh bắt nguồn từ tâm lý. Nhiều bệnh ít nhất có thể cải thiện được chỉ bằng một tư duy tích cực. Thuốc trấn an là thuốc giả, thường là những viên đường. Các công ty dược thường xuyên so sánh hiệu quả thuốc của họ với các loại thuốc trấn an được cung cấp cho những bệnh nhân mắc cùng một loại bệnh nhưng những người này không có cách nào nói rõ được sự khác biệt giữa thuốc thật và thuốc trấn an. Thuốc trấn an có thể hiệu quả đến kinh ngạc, đặc biệt với lạnh, lo lắng, suy nhược, đau, và các triệu chứng dễ hình thành do tâm lý. Endorphine – những protein não nhỏ bé có tác dụng như morphine – có thể kích thích bằng niềm tin. Một loại thuốc trấn an chỉ hiệu quả nếu bệnh nhân tin rằng đó là một loại thuốc hiệu quả. Trong giới hạn ngặt nghèo này, dường như niềm hy vọng có thể được chuyển hóa thành hóa sinh.

Một ví dụ điển hình, hãy xem xét tình trạng buồn nôn và nôn mửa thường đi kèm phương

pháp hóa trị dành cho các bệnh nhân ung thư và AIDS. Buồn nôn và nôn mửa cũng có thể sinh ra từ tâm lý – chẳng hạn vì sợ. Thuốc ondansetron hydrochloride giúp giảm mạnh tỷ lệ mắc những triệu chứng này; nhưng có đúng là nhờ thuốc hay do tâm lý kỳ vọng mà có kết quả ấy? Trong một nghiên cứu khách quan (double-blind: Xem chú thích.... Trang....), có đến 96% số bệnh nhân đánh giá thuốc có hiệu quả. Và 10% số bệnh nhân sử dụng thuốc trấn an trông giống hệ cũng có đánh giá như vậy.

Khi ứng dụng tính chất lừa dối của lựa chọn quan sát, những lời cầu nguyện không được đáp lại có xu hướng bị lãng quên hoặc gạt bỏ. Mặc dù vậy, vẫn có thiệt hại: Một số bệnh nhân không khỏi bệnh bằng niềm tin đã tự trách cứ bản thân – có lẽ đó là lỗi của chính họ, có lẽ họ chưa đủ tin tưởng. Người ta nói với họ rằng thái độ hoài nghi là trở ngại cả cho tín điều lẫn cho quá trình chữa bệnh (bằng thuốc trấn an).

Gần như một nửa số người Mỹ tin rằng có cái gọi là chữa bệnh bằng tâm linh hoặc tinh thần. Trong suốt tiến trình lịch sử của loài người, những phương thuốc màu nhiệm từng được gắn với rất nhiều thầy lang, cả có thật lẫn tưởng tượng. Bệnh tràng nhạc, một loại lao, ở Anh được gọi là “tai họa của Vua”, và được cho là chỉ có thể chữa khỏi khi đức vua chạm tay vào. Các nạn nhân kiên nhẫn xếp hàng để được chạm vào người; đức vua lại phải chịu thêm một nghĩa vụ nặng nề nữa, và – bất chấp thực tế là dường như chưa có ai được chữa khỏi – việc này vẫn tiếp tục suốt nhiều thế kỷ.

Một thầy lang chữa bệnh bằng đức tin người Ai-len rất nổi tiếng ở thế kỷ 17 là Valentine Greatraks. Ông thấy rằng, trước sự ngạc nhiên của chính ông, mình có năng lực chữa bệnh, kể cả cảm cúm, ung bướu, “đau nhức”, và bệnh phong. Nhu cầu muốn ông chữa bệnh lớn đến mức ông không có thời gian làm gì khác. Ông than phiền rằng ông bị *buộc phải* trở thành một thầy lang. Phương pháp của ông là trục xuất những con quỷ gây ra bệnh. Tất cả các bệnh, theo ông quan niệm, là do các linh hồn xấu xa gây ra – ông nhận biết và gọi hẳn tên nhiều linh hồn trong số đó. Một người ghi chép biên niên sử đương đại, được Mackay trích dẫn, đã chép

Ông tự hào là rất quen với những mưu đồ của lũ quỷ sứ còn hơn cả việc ông quen với những chuyện của con người... Vì thế niềm tin dành cho ông rất lớn, đến mức những người mù nghĩ rằng họ nhìn thấy ánh sáng mà họ không hề thấy – người điếc tưởng tượng rằng họ nghe được – người què cho rằng họ đi được bình thường, và người bại liệt thì phục hồi khả năng sử dụng chân tay. Ý niệm về sức khỏe khiến cho người bệnh quên mất bệnh của mình trong chốc lát; và sức tưởng tượng, vốn không hề kém hiệu nghiệm ở những người chỉ thuần túy tò mò hơn là mấy so với những người bệnh tật, đem lại quan niệm sai lệch cho những người tò mò, do khát vọng được nhìn thấy, trong khi có tác dụng như một phương thuốc giả tạo cho những người bệnh luôn khát khao được chữa khỏi bệnh.

Trong nền văn học thế giới, có vô số bài viết không chỉ về những căn bệnh được chữa khỏi bằng đức tin dành cho thầy thuốc, mà cả về những người tàn tạ và chết do bị một thầy mo nguyên rủa. Một ví dụ khá điển hình được Alvar Nunez Cabeza de Vaca, người đã ngao du nhiều nơi, từ Florida tới Texas và cả Mexico vào những năm 1528-1536 cùng với một vài bạn đồng hành và trong những điều kiện thiếu thốn cùng cực, kể lại. Nhiều cộng đồng người Mỹ bản địa khác nhau mà ông gặp đều có xu hướng tin vào những sức mạnh chữa bệnh siêu nhiên của những người nước ngoài râu đen, da trắng lạ lẫm và người bạn đồng hành da đen của họ đến từ Morocco, Esterbanico. Cuối cùng, cả làng kéo ra để gặp họ, dâng tất cả tài sản của họ dưới chân những người Tây Ban Nha và van xin được chữa bệnh. Việc này mở đầu khá vừa phải:

Họ tìm cách biến chúng tôi thành những thầy thuốc, mà chẳng hề kiểm tra chúng tôi hay tìm hiểu khả năng, vì họ chữa bệnh bằng cách hà hơi vào người bệnh... và họ ra lệnh cho chúng tôi làm việc tương tự... Cách thức chúng tôi chữa bệnh là bằng cách tạo ra dấu thập tự trên người họ và hà hơi lên họ rồi đọc một bài kinh bắt đầu bằng câu “Cha của chúng con” (Pater Noster) và một bài kinh cầu nguyện Đức mẹ Đồng trinh (Ave Maria)... Ngay khi chúng tôi vẽ biểu tượng thánh giá trên người họ, tất cả những người được chúng tôi cầu nguyện đều bảo với những người khác rằng họ thấy khỏe khoắn...

Ít lâu sau, họ chữa đến những người què quặt. Cabeza de Vaca cho biết ông cứu được một người thoát chết. Sau đó,

Chúng tôi bị một nhóm người rất đông cứ bám theo chúng tôi vây lại... họ vô cùng háo hức được đến và chạm vào chúng tôi và họ dai đến mức sau ba tiếng, chúng tôi vẫn không tài nào thuyết phục được họ để chúng tôi yên.

Khi một bộ lạc cầu xin những người Tây Ban Nha đừng bỏ đi, Cabeza de Vaca và các bạn đồng hành đã nổi cáu. Sau đó,

Một điều lạ lùng xảy ra... Nhiều người trong số họ bị ốm, và tám người chết ngày hôm sau. Trên cả vùng đất này, ở những nơi biết đến chuyện này, họ sợ chúng tôi đến mức dường như việc nhìn thấy chúng tôi cũng khiến họ gần như chết vì sợ.

Họ van nài chúng tôi đừng nổi giận, cũng đừng mong cho ai trong số họ phải chết thêm nữa; và họ đều tin rằng chính chúng tôi đã giết chết họ đơn giản bằng cách mong muốn như vậy.

Năm 1858, một trường hợp hiện thân của Đức mẹ Maria Đồng trinh được ghi nhận ở Lourdes, Pháp; Mẹ của Chúa khẳng định tín điều về thụ thai trinh tiết của bà vốn được Giáo hoàng Pius IX công bố chỉ 4 năm trước đó. Kể từ đó, cả trăm triệu người đã tìm tới Lourdes với hy vọng được chữa khỏi bệnh, nhiều người bị những căn bệnh mà y học thời đó bó tay. Giáo hội Công giáo La Mã bác bỏ tính xác thực của rất nhiều trường hợp khỏi bệnh kỳ diệu, chỉ chấp nhận 65 trường hợp trong gần một thế kỷ rưỡi (bị ung thư, lao, viêm mắt, chốc lở, viêm phế quản, liệt, và các bệnh khác, nhưng không hề tái tạo chân tay hay tủy sống). Trong số 65

trường hợp, phụ nữ áp đảo nam giới với tỷ lệ 10:1. Tỷ lệ chữa bệnh màu nhiệm ở Lourdes sau đó là 1:1.000.000; khả năng khỏi bệnh sau khi đến Lourdes của quý vị ngang bằng với khả năng quý vị trúng số hoặc chết trong một vụ tai nạn máy bay – kể cả chuyến bay đưa quý vị đến Lourdes.

Tỷ lệ thuyên giảm tự phát đối với tất cả các bệnh ung thư, khi gộp chung lại, ước chừng nằm trong khoảng từ 1:10.000 đến 1:100.000. Nếu không quá 5% số người tìm đến Lourdes là để chữa bệnh ung thư thì chỉ có khoảng 50 đến 500 trường hợp khỏi bệnh ung thư “một cách kỳ diệu.” Vì chỉ có 3 trong số 65 ca khỏi bệnh đã được kiểm chứng mắc bệnh ung thư nên tỷ lệ khỏi bệnh tự phát ở Lourdes dường như thấp hơn cả khả năng nếu các nạn nhân cứ việc ở nhà, không đi đâu chữa trị cả. Dĩ nhiên, nếu quý vị nằm trong số 65 trường hợp trên, sẽ rất khó thuyết phục được quý vị rằng chuyến đi của quý vị tới Lourdes không phải là nguyên nhân thuyên giảm bệnh của quý vị... *Nó đã xảy ra, ắt là do vậy.* Tình hình tương tự cũng đúng với những thầy lang chữa bệnh bằng đức tin.

Sau khi nghe rất nhiều bệnh nhân của mình nói về phương pháp được cho là chữa bệnh bằng đức tin, một bác sĩ ở Minnesota tên là William Nolen đã dành ra một năm rưỡi cố gắng theo dõi các trường hợp ấn tượng nhất. Liệu có bằng chứng y học nào cho thấy đúng là có bệnh trước khi “chữa trị” không? Nếu có, phải chăng *thật sự* bệnh biến mất sau khi chữa trị, hay chúng ta chỉ nghe thầy lang hoặc bệnh nhân nói vậy? Ông phát hiện ra nhiều trường hợp đối trá, kể cả trường hợp “phẫu thuật tâm linh” đầu tiên ở Mỹ. Nhưng ông không tìm thấy trường hợp chữa khỏi bất kỳ bệnh hữu cơ (không phải bắt nguồn từ tâm lý) nghiêm trọng nào. Không có trường hợp nào sỏi mật hoặc viêm khớp mãn tính tăng dần, lấy ví dụ như vậy, được chữa khỏi, ung thư hoặc bệnh tim mạch lại càng ít. Khi lá lách của một đứa trẻ bị rách, Nolen lưu ý, thì chỉ việc tiến hành phẫu thuật đơn giản và đứa trẻ sẽ hoàn toàn ổn. Nhưng đứa trẻ đó tới một thầy lang chữa bệnh bằng đức tin thì nó sẽ chết chỉ trong một ngày. Bác sĩ Nolen kết luận:

Khi các thầy lang [chữa bệnh bằng đức tin] chữa những bệnh hữu cơ nghiêm trọng, họ phải chịu trách nhiệm về nỗi đau đớn và bất hạnh không được nói thành lời... Những thầy lang này trở thành kẻ sát nhân.

Thậm chí một cuốn sách mới đây ủng hộ tính hiệu quả của việc cầu nguyện khi chữa bệnh (cuốn *Lời vàng chữa bệnh* – Healing Words – của Larry Dossey) cũng lúng túng trước thực tế rằng một số bệnh dễ chữa trị hoặc giảm bớt hơn rất nhiều so với những bệnh khác. Nếu cầu nguyện có tác dụng, tại sao Chúa không thể chữa khỏi bệnh ung thư hoặc cho một chi đã bị tàn phế mọc trở lại? Tại sao vẫn có rất nhiều điều đau khổ có thể tránh được mà lẽ ra Chúa có thể ngăn chặn đến vậy? Tại sao Chúa luôn phải được nghe các tín đồ cầu nguyện? Tại sao Ngài không hề biết cần triển khai những phương pháp chữa trị nào? Dossey cũng mở đầu bằng một trích dẫn từ Thạc sĩ Stanley Krippner (được mô tả là “một trong những nhà điều tra đáng tin cậy nhất đối với rất nhiều phương pháp chữa bệnh phi chính thống được sử dụng trên toàn thế giới”):

Dữ liệu nghiên cứu về phương pháp chữa bệnh từ xa dựa trên cách cầu nguyện khá hứa hẹn, nhưng quá ít ỏi để có thể rút ra bất kỳ kết luận vững chắc nào.

Điều này đúc rút được sau hàng triệu lời cầu nguyện trải qua hàng thiên niên kỷ.

Như trải nghiệm của Cabeza de Vaca, ý nghĩ có thể *tạo ra* một số bệnh nhất định, thậm chí cả những bệnh chết người. Khi những bệnh nhân bị bịt mắt bị đánh lừa để tin rằng họ vừa bị người ta chạm một loại lá như sơn độc hoặc sồi độc, họ liền sinh ra chứng viêm da tiếp xúc mẩn đỏ rất kinh. Những gì biện pháp chữa bệnh bằng đức tin có thể hỗ trợ chính là những bệnh có thể trấn an hoặc làm giảm bớt bằng ý nghĩ: Một số dạng đau lưng và đau gối, đau đầu, nói lắp, ung nhọt, ức chế, sốt mùa cỏ khô, suyễn, liệt và mù cuồng loạn, và mang thai giả (đi kèm hiện tượng mất kinh và trứng rụng). Đây đều là những bệnh trong đó trạng thái tâm lý có thể đóng vai trò then chốt. Ở cuối thời kỳ trung đại, những trường hợp khỏi bệnh gắn với việc Đức mẹ Maria Đồng trinh hiện thân hầu hết đều là bệnh liệt bán phần hoặc toàn thân ngắn hạn bắt nguồn từ tâm lý. Hơn nữa, quan niệm phổ biến khi đó là chỉ những tín đồ mộ đạo mới có thể được chữa khỏi. Không có gì ngạc nhiên là những đề nghị khẩn nài gửi tới một trạng thái tâm

lý gọi là đức tin có thể làm giảm những triệu chứng sinh ra do, ít nhất phần nào, một trạng thái tâm lý khác, có lẽ không khác biệt nhiều lắm.

Nhưng vẫn còn hơn thế: Lễ hội Mùa Thu hoạch là một dịp nghỉ lễ quan trọng trong các cộng đồng người Hoa truyền thống ở Mỹ. Trong tuần trước lễ hội, người ta nhận thấy tỷ lệ tử vong trong cộng đồng giảm 35%. Trong tuần tiếp theo, tỷ lệ tử vong tăng lên 35%. Các nhóm người không phải gốc Hoa tham gia thí nghiệm có kiểm soát không hề có hiệu ứng gì. Quý vị có thể nghĩ rằng do tự sát, nhưng ở đây chỉ tính những trường hợp chết tự nhiên. Quý vị có thể nghĩ rằng ức chế hoặc bội thực gây ra hiện tượng này, nhưng điều này lại khó có thể giải thích cho việc giảm tỷ lệ tử vong ngay trước lễ hội. Hiệu ứng lớn nhất là ở những người bị bệnh tim mạch, vốn là bệnh chịu ảnh hưởng do ức chế. Ung thư có hiệu ứng nhỏ nhất. Theo một nghiên cứu chi tiết hơn, hóa ra những biến động trong tỷ lệ tử vong xảy ra chủ yếu ở phụ nữ từ 75 tuổi trở lên. Lễ hội Mùa Thu hoạch do những phụ nữ cao tuổi nhất trong gia đình chủ trì. Họ có thể khống chế được cái chết trong vòng một hoặc hai tuần để thực hiện trách nhiệm hành lễ của mình. Một hiệu ứng tương tự cũng xuất hiện ở những nam giới Do Thái vào những tuần tập trung cho lễ Quá hải – một nghi thức trong đó nam giới cao tuổi đóng vai trò thủ lĩnh – và tương tự như vậy, trên toàn thế giới với lễ sinh nhật, lễ tốt nghiệp và vân vân.

Trong một nghiên cứu gây tranh cãi hơn, các nhà tâm thần học ở Đại học Stanford chia 86 phụ nữ bị ung thư vú di căn thành hai nhóm – một nhóm được khuyến khích kiểm tra tâm lý sợ chết và kiểm soát mạng sống của họ, còn nhóm kia không nhận được hỗ trợ tâm lý đặc biệt nào. Trước sự ngạc nhiên của các nhà nghiên cứu, nhóm hỗ trợ không chỉ bớt đau đớn hơn mà họ còn sống lâu hơn – trung bình thêm 18 tháng.

Người đứng đầu nghiên cứu Stanford, David Spiegel, suy luận rằng nguyên nhân có thể là do cortisol và các “hormone ức chế” khác chuyên làm suy yếu hệ miễn dịch bảo vệ của cơ thể. Những người có tâm trạng cực kỳ buồn nản, những sinh viên trong giai đoạn thi cử, và tang quyến đều có lượng tế bào bạch cầu giảm hẳn. Hỗ trợ tâm lý tốt không có tác dụng nhiều đến những dạng ung thư phức tạp, nhưng nó có thể giúp giảm bớt cơ hội bị lây nhiễm thứ cấp ở một người đã bị ung thư hoặc quá trình điều trị căn bệnh này làm cho yếu đi nhiều.

Trong cuốn sách viết năm 1903 gần như đã bị quên lãng, *Khoa học Thiên Chúa giáo* (Christian Science), tác giả Mark Twain viết

Sức mạnh trí tưởng tượng của một người tác động lên cơ thể người ấy để chữa lành hoặc làm cho cơ thể ốm yếu chính là nguồn sức mạnh mà không ai trong chúng ta sinh ra lại không có. Người đầu tiên có sức mạnh ấy, và người cuối cùng cũng sở hữu nó.

Thỉnh thoảng, một số dạng đau đớn hoặc lo lắng, hoặc những triệu chứng khác, của những căn bệnh nặng có thể được những thầy lang chữa bệnh bằng đức tin làm cho thuyên giảm – tuy nhiên, không hề ngăn chặn được sự phát triển của bệnh. Nhưng lợi ích không nhỏ tí nào. Đức tin và cầu nguyện có thể làm giảm một số triệu chứng bệnh tật và việc điều trị chúng, làm dịu việc chịu đựng đau đớn, và thậm chí kéo dài mạng sống thêm một chút. Khi đánh giá cái đạo được gọi là Khoa học Thiên Chúa giáo, Mark Twain – nhà phê bình nghiêm khắc nhất thời đó – lại thừa nhận rằng đạo này đã sử dụng sức mạnh ám thị cứu vớt được nhiều mạng sống hơn là số trường hợp tử vong mà họ gây ra bằng việc dùng biện pháp cầu nguyện thay cho điều trị y tế.

Sau khi Tổng thống John F. Kennedy mất, rất nhiều người Mỹ đã báo lại rằng họ từng tiếp xúc với hồn ma của ông. Trước những bàn thờ ở nhà có hình ông, đã xuất hiện những trường hợp khỏi bệnh rất màu nhiệm. “Ông ấy dành mạng sống của mình cho nhân dân,” một người rất tin vào cái đạo chết yếu này đã giải thích như vậy. Theo *Bách khoa thư Tôn giáo ở Mỹ* (Encyclopedia of American Religions), “Với các tín đồ, Kennedy được coi như một vị thần.” Chuyện tương tự có thể thấy ở hiện tượng Elvis Presley, và tiếng hô rất thành tâm: “Vua sống mãi.” Nếu những hệ thống niềm tin như vậy có thể xuất hiện một cách bột phát thì hãy nghĩ xem một chiến dịch được tổ chức chu đáo, và đặc biệt là cầu thả, có thể làm được gì thêm nữa.

Đáp lại yêu cầu của họ, Randi gợi ý với chương trình *Sixty Minutes* của Australia rằng họ đã tạo ra một trò bịp từ những thứ tạp nham – sử dụng một người không hề được đào tạo về ảo

thuật và diễn thuyết trước công chúng, và không có kinh nghiệm gì về thuyết giáo. Khi suy nghĩ về âm mưu này, ông ta để mắt tới Jose Luis Alvarez, nhà điêu khắc trình diễn trẻ tuổi đang thuê nhà của Randi. Tại sao lại không chứ? Alvarez trả lời. Khi tôi gặp Alvarez, anh ta dường như thông minh, hài hước và chín chắn. Anh ta đã được đào tạo chuyên sâu, kể cả về cách họp báo và xuất hiện trên truyền hình. Anh ta không hề phải suy nghĩ câu trả lời, mặc dù đó là vì anh ta có một thiết bị tiếp sóng radio gần như vô hình gắn ở tai để Randi còn “nhắc bài.” Các đại diện của *Sixty Minutes* đã kiểm tra màn trình diễn của Alvarez. Nhân vật Carlos đúng là sản phẩm do Alvarez tạo ra.

Khi Alvarez và “nhà quản lý” của mình – cũng là người được tuyển mộ cho công việc này mà không cần kinh nghiệm từ trước – đến Sydney, đã có James Randi kín đáo từ bên ngoài thì thầm nhắc bài vào thiết bị truyền phát của anh ta. Mọi tài liệu chứng minh đều được làm giả. Lời nguyện, hành động hắt nước, và tất cả những gì còn lại đều được luyện trước để thu hút sự chú ý của truyền thông. Họ đã làm được. Nhiều người có mặt ở Nhà hát Lớn chỉ vì sự chú ý của truyền hình và báo chí. Một loạt báo ở Australia thậm chí còn in những tờ rơi đúng nguyên văn lấy từ “Quỹ Carlos.”

Sau khi *Sixty Minutes* phát sóng, toàn bộ giới truyền thông Australia còn lại hết sức giận dữ. Họ nói rằng họ đã bị lợi dụng, bị lừa dối. “Có những quy định pháp lý liên quan đến việc cảnh sát sử dụng những đối tượng khiêu khích,” Peter Robinson lớn tiếng trên tờ *Australian Financial Review*,

Chắc chắn có giới hạn đối với việc truyền thông có thể đi xa tới đâu trong việc tạo ra một hình hướng sai lệch... Tôi đơn giản là không thể chấp nhận rằng việc nói dối lại là một cách đưa tin sự thật... Mọi cuộc thăm dò ý kiến công chúng đều cho thấy rằng công chúng có sự nghi ngờ khả năng truyền thông không nói hết toàn bộ sự thật, hoặc họ bóp méo mọi chuyện, hoặc họ phóng đại, hoặc họ thiên lệch.

Ông Robinson còn sợ rằng Carlos có thể tạo ra niềm tin vào vấn đề nhận thức sai lệch khá phổ biến này. Các bài báo có tựa đề từ “Carlos đánh lừa tất cả như thế nào” đến “Trò lừa đảo thật ngớ ngẩn.” Các báo không tung hô Carlos đều tự khen mình đã biết tỏ ra thận trọng. Negus nói với chương trình *Sixty Minutes* “Ngay cả những người rất chính trực cũng thể mắc sai lầm,” và phủ nhận việc bị đánh lừa. Ông ấy nói rằng bất kỳ ai gọi ông là một thầy đồng thì đều “nhằm lẫn về định nghĩa.”

Chương trình *Sixty Minutes* và Randi nhấn mạnh rằng truyền thông Australia đã không hề cố gắng kiểm chứng bất kỳ thiện ý nào “của Carlos”. Anh ta chưa bao giờ xuất hiện tại bất cứ thành phố nào được nêu tên. Cuộn băng video cho thấy Carlos trên sân khấu ở một nhà hát New York chính là một quà tặng từ các nhà ảo thuật Penn và Teller, những người đã có mặt ở đó. Họ đề nghị khán giả vỗ tay thật lớn; Alvarez, mặc áo choàng và đeo huy chương, bước lên sân khấu; khán giả vỗ tay, Randi ghi hình anh ta, Alvarez vẫy chào tạm biệt, chương trình tiếp tục. Và không hề có đài phát thanh nào ở thành phố New York với ký hiệu liên lạc WOOP cả.

Những lý do nghi ngờ khác có thể tìm thấy trong các bài viết của Carlos. Nhưng vì tri thức hiện hành quá thấp, vì tính cả tin – Thời đại Mới và Cũ – quá phổ biến, vì tư duy hoài nghi ít được vận dụng, nên ít có thái độ phê phán. Quỹ Carlos chào bán (thực tế, họ cực kỳ thận trọng không hề bán bất kỳ thứ gì cả) một “TINH THỂ ATLANTIS”:

Năm tinh thể độc đáo này cho đến giờ mới chỉ được tìm thấy bởi đại sư đáng kính trong những chuyến du hành của ngài. Không thể giải thích được bằng khoa học, mỗi tinh thể đều chứa nguồn năng lượng gần như thuần khiết... [và có] những sức mạnh chữa bệnh rất lớn. Những thứ này thực chất là năng lượng tinh thần hóa thạch và là một ân huệ lớn để chuẩn bị cho Trái Đất bước vào Thời đại Mới... Trong năm tinh thể, đại sư luôn đeo một tinh thể Atlantis trên người mình để bảo vệ và tăng cường các hoạt động tinh thần. Hai tinh thể được trao cho những người thành tâm ở Hoa Kỳ để đáp lại sự đóng góp lớn lao của họ như đại sư đề nghị.

Hoặc dưới tiêu đề “NƯỚC CỦA CARLOS”:

Thỉnh thoảng đại sư lại tìm được thứ nước tinh khiết đến mức ngài thu lấy một ít và truyền năng lượng vào đó để giúp đỡ người khác, một quy trình rất khổ công. Để tạo ra được những

thứ vốn rất ít ỏi, đại sư phải trai tịnh và lấy một lượng tinh thể thạch anh thuần khiết cho vào các bình thủy tinh. Sau đó ngài và các bình tinh thể được bố trí vào một chậu đồng lớn hơn, đã được đánh bóng và giữ ấm. Trong thời gian 24 tiếng, đại sư trút năng lượng vào nguồn nước tinh thần... Nước không cần phải đổ ra khỏi bình để sử dụng. Chỉ cần giữ bình và tập trung ý nghĩ vào việc chữa trị vết thương hoặc bệnh cũng sẽ đem lại kết quả kỳ diệu. Tuy nhiên, nếu quý vị gặp bất hạnh thì chỉ cần chấm một chút xiu thứ nước năng lượng này cũng sẽ lập tức có tác dụng.

Hoặc “NƯỚC MẮT CỦA CARLOS”:

Màu đỏ lan tới các bình chứa mà đại sư đã thiết kế để đựng nước mắt cũng đủ chứng minh cho sức mạnh của những bình này, nhưng tác dụng của chúng trong quá trình thiền định đã được những người từng trải qua quá trình này mô tả như là “một sự Hòa hợp tuyệt diệu.”

Rồi có cả một cuốn sách nhỏ, *Những lời dạy của Carlos*, mở đầu bằng:

TA LÀ CARLOS

TA ĐẾN VỚI CÁC NGƯỜI

TỪ NHIỀU KIẾP TRONG QUÁ KHỨ.

TA CÓ MỘT BÀI HỌC LỚN

DẠY CHO CÁC NGƯỜI.

HÃY LẮNG NGHE CẨN THẬN.

HÃY ĐỌC THẬT KỸ.

HÃY NGHĨ THẬT CHÍN.

CHÂN LÝ Ở ĐÂY.

Lời dạy đầu tiên đặt câu hỏi “Tại sao chúng ta có mặt ở đây...?” Câu trả lời là: “Ai có thể nói xem câu trả lời là gì? *Có nhiều câu trả lời cho bất kỳ câu hỏi nào, và tất cả các câu trả lời đều đúng. Luôn như vậy. Các người có hiểu không?*”

Cuốn sách yêu cầu chúng ta không được mở sang trang tiếp theo cho tới khi chúng ta hiểu rõ trang chúng ta đang đọc. Đây là một trong vài yếu tố khiến cho việc đọc hết sách trở nên khó khăn.

“Hỡi những kẻ ngờ vực,” sau đó cuốn sách hé lộ, “ta chỉ có thể nói thế này: Hãy để họ lấy những gì họ muốn. Họ sẽ chẳng đi đến đâu cả – có lẽ một không gian nhỏ nhoi. Còn người tin tưởng được gì? **MOI THỨ!** Mọi câu hỏi đều được trả lời, vì tất cả và bất kỳ câu trả lời nào cũng đều là câu trả lời đúng. Và mọi câu trả lời đều đúng! Hãy biện luận xem, kẻ ngờ vực.”

Hoặc: “Đừng đề nghị phải giải thích mọi điều. Đặc biệt, người phương Tây luôn đòi hỏi phải mô tả vòng vèo tại sao cái này, và tại sao cái kia. Hầu hết những gì bị hỏi đều rất rõ ràng. Tại sao phải phiền phức tìm hiểu những vấn đề như thế?... Bằng niềm tin, tất cả mọi điều đều trở thành đúng.”

Trang cuối của cuốn sách có một từ duy nhất viết bằng cỡ chữ lớn: Chúng ta ủng hộ “**SUY NGHĨ!**”

Toàn bộ nội dung cuốn *Những lời dạy của Carlos* do Randi viết. Ông ấy và Alvarez thảo nhanh nội dung với một máy tính xách tay chỉ trong vài tiếng đồng hồ.

Truyền thông Australia cảm thấy bị một đối tượng trong giới của họ phản bội. Chương trình truyền hình hàng đầu ở đất nước này lại đi chệch đường theo hướng trưng ra những chuẩn mực thấp kém trong việc kiểm tra sự thật và tâm lý cả tin vốn rất phổ biến ở những cơ quan chuyên về tin tức và vấn đề xã hội. Một số chuyên gia phân tích truyền thông thanh minh cho điều này trên cơ sở là rõ ràng nó không quan trọng; nếu *đúng* là quan trọng thì người ta đã kiểm tra. Có một vài trường hợp nhận lỗi. Không một ai bị đánh lừa chịu xuất hiện trong một chương trình đánh giá lại “Vụ Carlos” được lên kế hoạch vào ngày Chủ nhật tiếp theo trên *Sixty Minutes*.

Dĩ nhiên, trong toàn bộ vụ này, không gì đặc biệt về Australia cả. Alvarez, Randi và những kẻ đồng lõa có thể lựa chọn bất kỳ quốc gia nào trên Trái Đất và mọi việc vẫn y như vậy. Thậm chí

những người bố trí cho Carlos tiếp xúc với khán giả truyền hình cả nước thừa biết cách đặt ra một vài câu hỏi mang tính hoài nghi – nhưng họ không thể cưỡng được việc mời ông ta xuất hiện trước nhất. Tình trạng đấu tranh “huynh đệ tương tàn” ngay trong giới truyền thông chiếm lĩnh các tit bài ngay sau khi Carlos ra đi. Xuất hiện những bình luận khó hiểu về vụ việc. Vấn đề ở đây là gì? Cái gì đã được chứng minh?

Alvarez và Randi chứng minh rằng không khó gì thao túng niềm tin của chúng ta, rằng chúng ta dễ bị dắt mũi như thế nào, công chúng dễ bị đánh lừa như thế nào khi họ trơ trọi và thêm khát có gì đó để tin tưởng. Nếu Carlos lưu lại Australia lâu hơn và tập trung nhiều hơn vào việc chữa bệnh – bằng cách cầu nguyện, bằng cách tin vào chính mình, bằng cách đặt hy vọng vào thứ nước mắt đóng chai của mình, bằng cách xoa các tinh thể – thì chắc chắn nhiều người sẽ cho biết họ được chữa khỏi nhiều loại bệnh, đặc biệt là những bệnh tâm lý. Thậm chí chẳng cần gì giả dối hơn ngoài sự xuất hiện của ông ta, và những sản phẩm ăn theo, một số người cũng sẽ cảm thấy khỏe hơn nhờ có Carlos.

Đây lại là hiệu ứng trấn an ghi nhận ở hầu hết những thầy lang chữa bệnh bằng đức tin. Chúng ta tin rằng mình đang uống một loại thuốc rất công hiệu và cơn đau sẽ biến mất – ít nhất cũng được một thời gian. Và khi chúng ta tin mình đã nhận được một bài thuốc tinh thần hiệu nghiệm, có khi chính bệnh tật cũng biến mất – ít nhất một thời gian. Một số người lập tức tuyên bố rằng họ đã khỏi bệnh ngay cả khi họ chưa hề được chữa bệnh. Theo dõi chi tiết của Nolen, Randi, và nhiều người khác về những người được cho biết họ đã được chữa bệnh, và đồng ý rằng đúng là như vậy – trong các buổi chữa bệnh được truyền hình của các thầy lang chữa bệnh bằng đức tin Mỹ – không tìm ra được lấy một người bị mắc bệnh hữu cơ nghiêm trọng được chữa khỏi trên thực tế. Ngay cả sự cải thiện đáng kể bệnh trạng của họ cũng rất mơ hồ. Theo những trải nghiệm của Lourdes, quý vị có thể phải tìm hết 10.000 đến 1 triệu trường hợp mới tìm ra được một trường hợp khỏi bệnh thật sự.

Một thầy lang chữa bệnh bằng đức tin có thể có hoặc không hề khởi nghiệp với ý định gian dối. Nhưng trước sự ngạc nhiên của chính người đó, các bệnh nhân dường như có biến chuyển tốt lên. Những cảm xúc của họ là chân thực, thái độ biết ơn của họ là thật tâm. Khi thầy lang bị chê trách, những người như vậy sẽ đứng về phía ông ta. Một vài người có tuổi tham gia buổi lên đồng ở Nhà hát Lớn Sydney đã nổi khùng sau vụ việc *Sixty Minutes*: “Không cần để tâm những gì tụi nó nói,” họ bảo với Alvarez, “chúng tôi tin ngài.”

Những thành công kiểu này có thể đủ để thuyết phục nhiều tay lang băm – cho dù lúc đầu họ có hoài nghi đến đâu – rằng thực tế họ có sức mạnh huyền bí. Có thể không phải lúc nào họ cũng thành công. Sức mạnh có rồi lại mất đi là chuyện thường, họ tự nhủ mình. Họ phải có thời gian mới phục hồi lại được. Nếu thỉnh thoảng họ phải lừa dối một chút thì đó là vì một mục đích cao hơn, họ tự nhủ. Câu chuyện của họ được chính người tiêu dùng kiểm nghiệm. Nó rất có tác dụng.

Hầu hết những nhân vật như thế này chỉ muốn moi tiền của quý vị. Đó là một tin thú vị. Nhưng điều khiến tôi lo ngại là một gã Carlos sẽ tìm tới những con mồi lớn hơn – vị trí lãnh đạo hấp dẫn và quyền thế. Tất cả chúng ta đều mong muốn có một nhà lãnh đạo xuất sắc, trong sạch và có uy tín. Chúng ta sẽ chớp lấy cơ hội ủng hộ, tin tưởng và cảm thấy hài lòng. Hầu hết các phóng viên, biên tập viên và sản xuất chương trình sẽ né tránh việc thẩm tra kỹ càng với thái độ hoài nghi. Có ai lại bán cho quý vị những lời cầu nguyện hoặc tinh thể hay nước mắt đâu. Có lẽ người ta sẽ bán cho quý vị chiến tranh, hoặc một gã bung xung, hay một mớ niềm tin hoàn thiện hơn của Carlos rất nhiều. Cho dù đó là gì thì nó cũng sẽ đi kèm với những cảnh báo về những hiểm họa của thái độ hoài nghi.

Trong bộ phim lừng danh *Phù thủy xứ Oz* (The Wizard of Oz), Dorothy, Bù nhìn rơm, Tiều phu, và Sư tử Nhát gan bị hăm dọa – trên thực tế là khiếp sợ – bởi nhân vật bí ẩn quá cỡ gọi là Oz Vĩ đại. Nhưng chú chó nhỏ Toto của Dorothy lại lôi tuốt tấm rèm che và làm Oz Vĩ đại lộ nguyên hình là một cỗ máy do một gã nhỏ thó, béo phệ và sợ sệt vốn cũng chỉ là một kẻ tha hương ở cái xứ sở lạ lùng này y như họ, điều khiển.

Tôi nghĩ chúng ta rất may là James Randi đã hạ màn. Nhưng dựa hẳn vào ông ta để bóc mẽ tất cả đám lang băm, những kẻ bịp bợm, và lũ ba hoa khoác lác trên thế giới cũng sẽ nguy hiểm

chẳng khác gì việc tin vào chính những kẻ ấy. Nếu chúng ta không muốn bị lừa, chúng ta cần làm việc này vì chính mình.

Một trong những bài học đáng buồn nhất trong lịch sử là: Nếu chúng ta bị lừa bịp quá lâu, chúng ta có xu hướng bác bỏ bất kỳ bằng chứng nào phơi bày trò lừa bịp đó. Chúng ta không còn quan tâm đến việc tìm kiếm sự thật nữa. Trò lừa bịp sẽ chiếm ngự chúng ta. Đơn giản là quá đau xót khi phải thừa nhận, thậm chí với chính chúng ta, rằng chúng ta bị xỏ mũi. Một khi quý vị để một gã lang băm điều khiển mình, quý vị gần như chẳng bao giờ giành lại chủ động được nữa. Cho nên những trò bịp bợm cũ có xu hướng tiếp tục tồn tại khi những trò mới xuất hiện.

Các buổi gọi hồn chỉ diễn ra trong các phòng tối, nơi những hồn ma có thể nhìn thấy lờ mờ. Nếu chúng ta để ánh sáng lớn hơn một chút, để chúng ta có cơ hội nhìn thấy những gì đang diễn ra, các hồn ma liền biến mất. Họ ngại ngùng, chúng ta được giải thích như vậy, và một số người tin liền. Trong các phòng thí nghiệm cân tâm lý học ở thế kỷ 20, có “hiệu ứng người quan sát”: Những người được xem là các thầy đồng có tài đều thấy rằng sức mạnh của họ bị giảm mạnh bất cứ khi nào xuất hiện những người có thái độ hoài nghi, và biến mất hoàn toàn nếu có mặt một ảo thuật gia bậc thầy như James Randi. Cái họ cần là bóng tối và tâm lý cả tin.

Một cô gái nhỏ từng là người đồng lõa trong một âm mưu lừa đảo nổi tiếng ở thế kỷ 19 – thuật đánh đồng thiếp trong đó các hồn ma trả lời các câu hỏi bằng cách vung nắm đấm để phát ra tiếng kêu thật lớn – lớn lên và thú nhận đó là một trò lừa bịp. Cô làm cho khớp ngón chân cái kêu răng rắc. Cô chứng minh cách thực hiện việc này. Nhưng việc công khai xin lỗi bị tảng lờ và, khi được thừa nhận, bị lãng mạ. Thuật đánh đồng thiếp khiến người ta tin tưởng đến mức nó khó lòng bị từ bỏ chỉ dựa vào tuyên bố của một người đánh đồng thiếp tự thú nhận, thậm chí nếu cô ta chính là người khởi xướng mọi chuyện. Người ta bắt đầu đồn thổi câu chuyện cô bị những người theo chủ nghĩa duy lý cuồng tín ép phải thú nhận.

Như tôi đã mô tả ở phần trước, những tay bịp bợm người Anh thú nhận đã tạo ra “các vòng tròn trên cánh đồng,” những hình kỷ hà được tạo ra trên những đồng hoa màu. Hoàn toàn không phải những nghệ sĩ sinh vật lạ lấy cánh đồng lúa mỳ làm phương tiện, mà chỉ là hai anh chàng với một tấm ván, một sợi dây, và một chút bất bình thường. Thậm chí khi họ chứng minh cách thực hiện của mình, những người tin theo vẫn không chấp nhận. Theo họ, có lẽ *một* số vòng tròn trên cánh đồng là giả nhưng có quá nhiều hình như vậy, và một số hình quá phức tạp. Chỉ có những người ngoài Trái Đất mới có thể tạo ra. Thế rồi nhiều người khác ở Anh thú nhận. Nhưng các vòng tròn trên cánh đồng ở nước ngoài như Hungary chẳng hạn, người ta phản đối, thì phải giải thích sao đây? Rồi lại có đám thiếu niên người Hungary thú nhận đã bắt chước. Nhưng thế còn...?

Xin hãy kiểm chứng sự nhẹ dạ của một chuyên gia tâm thần điều trị cho một phụ nữ tự nhận là đối tượng bị sinh vật lạ bắt cóc. Chuyên gia trị liệu này rất nhiệt thành với những câu chuyện tưởng tượng mà bà ấy nghĩ ra. Nhưng khi bà ấy tuyên bố tất cả chỉ là giả, phản ứng của ông ấy là gì? Kiểm tra lại những phác đồ hoặc hiểu biết của mình về ý nghĩa của những trường hợp này chẳng? Không. Đã nhiều lần ông ấy gợi ý (1) cho dù bà ấy không tự nhận thức được điều đó thì thực tế bà ấy vẫn từng bị bắt cóc; hoặc (2) bà ấy bị khủng – nói cho cùng, bà ấy phải đi gặp bác sĩ tâm thần, phải không nào?; hoặc (3) ông ấy đã biết thừa trò bịp ngay từ đầu và chỉ đưa cho bà ấy sợi dây để bà ấy tự trói mình.

Nếu thỉnh thoảng phủ nhận bằng chứng thuyết phục hơn là thừa nhận rằng chúng ta sai, thì đây cũng là thông tin đáng giá về chính chúng ta.

Một nhà khoa học đăng một quảng cáo trên tờ báo Paris cung cấp lá số tử vi miễn phí. Ông ấy nhận được khoảng 150 phúc đáp và cái nào cũng cung cấp chi tiết thời gian và nơi sinh, như yêu cầu. Sau đó mỗi người phúc đáp được nhận lá số tử vi của riêng mình, kèm theo một bản câu hỏi hỏi xem lá số tử vi chính xác đến đâu. Chín mươi tư phần trăm người trả lời (và 90% gia đình cùng bè bạn họ) trả lời rằng họ có thể nhận diện mình trong lá số tử vi. Tuy nhiên, lá số tử vi này lại là của một tên giết người hàng loạt ở Pháp. Nếu một nhà chiêm tinh có thể biết được điều này mà không cần gặp đối tượng của mình thì hãy nghĩ xem một ai đó nhạy bén với

những sắc thái của con người và không quá tỉ mỉ còn có thể làm được đến đâu.

Tại sao chúng ta lại dễ dàng tin vào những người xem tướng số, đồng cốt, xem chỉ tay, bói trà, bói bài Tây, và bói cỏ thi như vậy? Dĩ nhiên, họ lưu ý đến đặc điểm, nét mặt, quần áo và câu trả lời của chúng ta trước những câu hỏi có vẻ vô thưởng vô phạt. Một số người trong bọn họ rất giỏi việc này, và đây là những lĩnh vực mà nhiều nhà khoa học dường như không hề biết đến. Cũng có hẳn một mạng máy tính cho các đồng cốt “chuyên nghiệp”, cung cấp cho đồng nghiệp của họ những chi tiết về đời sống khách hàng chỉ trong nháy mắt. Một công cụ quan trọng được gọi là “đọc nguội,” tức là một nhận định về bản chất đối nghịch, được cân bằng một chút, mà bất kỳ ai cũng sẽ nhận ra chút ít sự thật. Đây là một ví dụ:

Có những lúc anh/chị hướng ngoại, niềm nở, quảng giao, nhưng cũng có lúc anh/chị lại hướng nội, thận trọng, và kín đáo. Anh/chị thấy không nên quá cởi mở bộ lộ mình cho người khác. Anh/chị thích chút ít thay đổi và đa dạng, và sẽ không hài lòng khi bị trói buộc trong những hạn chế và giới hạn. Bề ngoài có kỷ luật và tự chủ, nhưng bên trong anh/chị có xu hướng hơi lo lắng và không vững vàng. Có thể anh/chị có một số điểm yếu về cá tính, nhưng nhìn chung anh/chị có thể bù đắp lại những điểm đó. Anh/chị có rất nhiều năng lực chưa được sử dụng, khiến anh/chị chưa phát huy được lợi thế của mình. Anh/chị có xu hướng phê phán chính mình. Anh/chị có nhu cầu muốn người khác thích mình và ngưỡng mộ mình.

Gần như tất cả mọi người đều thấy đặc điểm này rất dễ nhận ra, và nhiều người cảm thấy nó tả chính xác về họ. Có một điều ngạc nhiên nho nhỏ: Tất cả chúng ta đều là con người.

Danh sách “bằng chứng” mà một số chuyên gia trị liệu nghĩ rằng chứng minh cho việc lạm dụng tình dục lúc nhỏ (chẳng hạn, cuốn *Dũng cảm chữa trị* – The Courage to Heal – của Ellen Bass và Laura Davis) rất dài và chán ngắt: Nó bao gồm cả chứng rối loạn giấc ngủ, bội thực, biếng ăn và háu ăn, rối loạn tình dục, lo lắng mơ hồ, và thậm chí cả khả năng không nhớ được việc bị lạm dụng tình dục lúc nhỏ. Một cuốn sách khác, của nhà hoạt động xã hội E. Sue Blume, liệt kê nhiều dấu hiệu cho thấy có hiện tượng loạn luân bị lãng quên: Đau đầu, ngờ vực hoặc không hề biết ngờ vực, ham mê tình dục thái quá hoặc lãnh cảm, và sùng bái cha mẹ ai đó. Trong những yếu tố chẩn đoán để phát hiện những gia đình “lệch lạc” đã được Charles Whitfield liệt kê có cả “các biểu hiện đau đớn”, cảm giác “hoạt bát hơn” khi gặp khủng hoảng, lo lắng về “những nhân vật quyền thế”, và “cố gắng khám bác sĩ hoặc trị liệu tâm lý”, nhưng không có cảm giác “rằng ‘có gì đó’ không ổn và thiếu thiếu.” Giống như dạng đọc nguội, nếu bản danh sách này đủ dài và toàn diện thì tất cả mọi người đều sẽ thấy có “triệu chứng.”

Việc xem xét kỹ lưỡng với thái độ hoài nghi không phải là bộ công cụ duy nhất để nhổ tận gốc những chuyện vớ vẩn và hành động ác động nhằm vào những người ít có khả năng tự vệ và phải dựa vào tình thương của chúng ta nhất, mà mọi người còn đưa ra chút hy vọng khác nữa. Đây cũng là lời nhắc nhở kịp thời rằng các buổi tụ họp quần chúng, phát thanh và truyền hình, báo in, tiếp thị điện tử, và công nghệ đặt thư tạo điều kiện để những dạng nói dối khác tiếm nhiệm vào nền chính trị cơ thể – lợi dụng những người nản chí, thiếu thận trọng, và không có khả năng tự vệ trong một xã hội đang phải sàng lọc những bệnh hoạn chính trị vốn vẫn chưa được điều trị một cách hiệu quả.

Những chuyện vô lý, những trò bịp, lối tư duy cầu thả, lừa đảo, và những ước muốn trá hình dưới dạng sự thật đều không bị hạn chế trước ảo thuật và lời khuyên mơ hồ về những vấn đề trong lòng. Tiếc thay, chúng vẫn len lỏi vào những vấn đề kinh tế, tôn giáo, xã hội và chính trị chủ lưu của mọi dân tộc.

Chương 14. PHẢN KHOA HỌC

Không hề có chân lý khách quan. Chúng ta tự tạo ra chân lý của mình. Không hề có thực tiễn khách quan. Chúng ta tự tạo ra thực tiễn của mình. Có những cách nhận biết về mặt tinh thần, bí ẩn hoặc nội tại ưu việt hơn hẳn những cách nhận thức bình thường của chúng ta. Nếu một trải nghiệm có vẻ là thật thì nó là thật. Nếu một ý tưởng có vẻ đúng với bạn thì nó là đúng. Chúng ta không có khả năng thu nhận kiến thức về bản chất thật của thực tiễn. Chính khoa học rất phi lý hoặc bí ẩn. Nó chỉ là một hệ thống niềm tin hoặc tín điều khác hay là những chuyện tưởng tượng, không hề có minh chứng nhiều hơn những lĩnh vực khác. Không thành vấn đề liệu những niềm tin có đúng hay không, chừng nào chúng vẫn có ý nghĩa với bạn.

Tổng kết những niềm tin Thời đại Mới, lấy từ

Theodore Schick và Lewis Vaughn

Nghĩ về những điều huyền bí như thế nào: Suy nghĩ phê phán cho một Thời đại Mới
(How to Think About Weird Things: Critical Thinking for a New Age)

(Mountain View, CA: Mayfield Publishing Company, 1995)

Nếu khuôn khổ khoa học đã định hình hợp lý về mặt sai sót (hoặc tùy tiện, hoặc không phù hợp, hoặc không yêu nước, hoặc nghịch đạo, hoặc chủ yếu phục vụ cho quyền lợi của những kẻ có quyền) thì có lẽ chúng ta có thể tránh được rắc rối của việc hiểu được những gì quá nhiều người nghĩ là một khối kiến thức phức tạp, khó khăn, đầy chất toán học, và khác thường. Khi đó, tất cả các nhà khoa học đều bị trừng phạt thích đáng. Đồ kỹ khoa học có thể gia tăng. Những người theo đuổi những con đường đến với tri thức khác, những người ngấm ngấm tin rằng khoa học rất đáng khinh bỉ, lúc này đều có thể có chỗ đứng trên Mặt trời.

Tỷ lệ thay đổi trong khoa học chính là nguyên nhân dẫn đến một số tranh cãi nảy lửa. Khi chúng ta hiểu được điều gì đó các nhà khoa học đang nói đến thì họ sẽ bảo chúng ta rằng nó không còn đúng nữa. Và thậm chí nếu nó đúng thì cũng có vô số những điều mới mẻ – những điều chúng ta chưa bao giờ nghe nói đến, những điều khó tin, những điều mang ý nghĩa khiến ta không an tâm – mà họ thông báo mới phát hiện gần đây. Các nhà khoa học có thể bị đánh giá là đang lừa gạt chúng ta, muốn đảo lộn mọi thứ, và nguy hiểm về mặt xã hội.

Edward U. Condon là một nhà vật lý Mỹ xuất chúng, một người tiên phong trong lĩnh vực cơ khí lượng tử, người từng tham gia phát triển ra đa và vũ khí hạt nhân trong Thế chiến II, giám đốc nghiên cứu của Công ty Corning Glass, giám đốc Cục Tiêu chuẩn Quốc gia, và là chủ tịch Hội Vật lý Mỹ (cuối đời, ông còn là giáo sư vật lý tại Đại học Colorado, nơi ông chủ trì một nghiên cứu khoa học gây tranh cãi về UFO do Không lực tài trợ). Ông là một trong những nhà vật lý đã bị các nghị sĩ – kể cả nghị sĩ Richard M. Nixon, người kêu gọi thu hồi giấy phép an ninh mật của ông – chất vấn về lòng trung thành dành cho Hoa Kỳ vào cuối những năm 1940 và đầu những năm 1950. Vì Chủ tịch cực kỳ yêu nước của Ủy ban Hạ viện về Các hoạt động phi Mỹ (HCUA), Hạ Nghị sĩ J. Parnell Thomas từng gọi nhà vật lý này là “Tiến sĩ Bao cao su,” [58] “mắt xích yếu nhất” trong hệ thống an ninh Mỹ, và – đã có thời điểm – “mắt xích khuyết thiếu.” Quan điểm của ông về những yếu tố bảo lãnh theo Hiến định có thể thu lượm từ phản ứng dưới đây trước luật sư của một nhân chứng: “Các quyền mà quý vị có là những quyền do Ủy ban này trao cho các vị. Chúng tôi sẽ quyết định các vị có quyền gì và không có quyền gì trước Ủy ban.”

Albert Einstein từng công khai kêu gọi tất cả những người tụ tập trước Ủy ban HCUA từ chối hợp tác. Năm 1948, Tổng thống Harry Truman – tại Hội nghị Thường niên của Hiệp hội Tiến bộ Khoa học Mỹ, và có mặt Condon ngồi bên cạnh – đã kịch liệt phản đối Hạ Nghị sĩ Thomas và HCUA với lập luận rằng nghiên cứu khoa học thiết yếu “không thể thực hiện được bằng việc tạo ra một bầu không khí trong đó không ai cảm thấy an toàn trước tình trạng đồn thổi, ngồi lê đôi mách và nói xấu vô căn cứ.” Ông gọi những hoạt động của HCUA là “thứ phi Mỹ nhất chúng ta phải đấu tranh ngày hôm nay. Đó là bầu không khí ở một nước chuyên chế.” [59]

Nhà viết kịch Arthur Miller viết *Thử thách nghiệt ngã* (The Crucible) nói về những phiên tòa xử phù thủy Salem thời kỳ này. Khi vở kịch ra mắt ở Châu Âu, Miller bị Bộ Ngoại giao Mỹ từ chối cấp hộ chiếu với lý do việc ông ra nước ngoài không có ích lợi cho Hoa Kỳ. Vào đêm khai

mạc tại Brussels, vở kịch được chào đón với những tràng pháo tay nồng nhiệt, khiến cho Đại sứ Hoa Kỳ phải đứng lên và cúi chào. Khi bị dẫn ra trước HCUA, Miller bị buộc tội ám chỉ rằng những điều tra của Quốc hội có thể có gì đó chung với những phiên tòa phù thủy; ông đã đáp lại “So sánh là điều tất yếu, thưa ngài.” Ít lâu sau đó, Thomas bị tổng giam vì tội lừa gạt.

Có một mùa hè ở trường học nơi tôi là sinh viên của giáo sư Condon. Tôi nhớ rất rõ câu chuyện ông kể về việc bị dẫn ra trước ban xác minh lòng trung thành:

“Tiến sĩ Condon, ở đây nhấn mạnh rằng ông đã từng ở tuyến đầu của một phong trào cách mạng về vật lý được gọi là” – và đến đây người thẩm tra đọc từng từ chậm rãi và rất cẩn thận – “cơ khí lượng tử. Điều đó tạo ấn tượng cho buổi điều trần này rằng nếu ông có thể ở tuyến đầu của một phong trào cách mạng thì... ông cũng có thể ở tuyến đầu của một phong trào khác.”

Condon nhanh nhẹn đáp lại rằng lời cáo buộc hoàn toàn không đúng. Ông không phải là một nhà cách mạng về vật lý. Ông giơ cao tay phải: “Tôi tin vào Định lý Archimedes, được hình thành từ thế kỷ 3 trước Công nguyên. Tôi tin vào những quy luật chuyển động của hành tinh của Kepler, được phát hiện vào thế kỷ 17. Tôi tin vào các định luật của Newton...” Và ông cứ tiếp tục nói, viện dẫn tên tuổi sáng chói của Bernoulli, Fourier, Ampere, Boltzmann, và Maxwell. Màn vấn đáp của nhà vật lý này không hữu hiệu nhiều với ông. Phiên tòa không chấp nhận yếu tố hài hước đối với một vấn đề nghiêm trọng như vậy. Nhưng theo tôi nhớ, có chính yếu họ có thể kết tội ông là rằng hồi học trung học, ông có làm công việc đi phân phát một tờ báo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa tới từng nhà bằng xe đạp.

Hãy tưởng tượng quý vị rất muốn hiểu cơ khí lượng tử là về cái gì. Trước hết, quý vị phải có được một chút kiến thức cơ khí nền, và việc nắm vững từng tiểu ngành toán học của bộ môn này sẽ đưa quý vị đến ngưỡng cửa tiếp theo. Đối lại, quý vị phải học về số học, hình học Euclid, đại số bậc trung học, tích phân và vi phân, các phương trình vi phân từng phần và thông thường, vi phân véc tơ, những hàm số đặc biệt của vật lý toán học, đại số ma trận, và lý thuyết tập hợp. Với hầu hết sinh viên vật lý, khối kiến thức này có thể khiến họ mất toàn bộ thời gian từ năm lớp 3 đến đầu đại học – gần 15 năm. Một quá trình nghiên cứu như vậy thực tế lại không hề liên quan đến việc học tí gì về cơ khí lượng tử, mà chỉ thuần túy là thiết lập khung toán học cần để tiếp cận nó một cách chuyên sâu.

Công việc của người phổ biến kiến thức khoa học, cố gắng đưa một hiểu biết sơ khai nào đó về cơ khí lượng tử tới với đại chúng vốn chưa hề biết đến những nghi thức khai tâm này, rất cực nhọc. Thực tế, theo quan điểm của tôi, chưa hề có trường hợp phổ cập thành công nào về cơ khí lượng tử cả – một phần vì lý do này. Những điều phức tạp về mặt toán học kết hợp với thực tế là lý thuyết lượng tử hoàn toàn khác thường. Cảm giác chung gần như vô ích trong việc tiếp cận nó. Richard Feynman từng nói, đặt câu hỏi tại sao lại như thế là điều không hay. Không ai biết tại sao lại như thế cả. Nó chỉ đơn thuần là như vậy.

Giờ giả sử chúng ta sắp tiếp cận một tôn giáo ít biết nào đó hay học thuyết Thời đại Mới hoặc hệ thống niềm tin shaman giáo với thái độ hoài nghi. Chúng ta có một tư duy mở; chúng ta hiểu rằng ở đây có gì đó thú vị; chúng ta tự giới thiệu mình với các chuyên gia và hỏi họ một bản tổng kết dễ hiểu. Thay vào đó, chúng ta được nói rằng vấn đề thực chất quá khó để lý giải một cách đơn giản, rằng có rất nhiều những “điều huyền bí,” nhưng nếu chúng ta sẵn lòng trở thành một thầy dòng trong 15 năm thì đến cuối quãng thời gian đó, chúng ta có thể bắt đầu sẵn sàng để xem xét vấn đề một cách nghiêm túc. Tôi nghĩ rằng hầu hết chúng ta sẽ nói rằng chúng ta không có thời gian; và nhiều người sẽ ngờ rằng thời gian 15 năm bỏ ra chỉ để đặt chân đến ngưỡng cửa của hiểu biết chính là bằng chứng cho thấy toàn bộ vấn đề chỉ là một trò lừa gạt: Nếu nó quá khó hiểu cho chúng ta thì không phải là nó cũng quá khó để chúng ta bình phẩm một cách thấu đáo ư? Như thế, trò lừa gạt hoàn toàn tự do tự tại rồi.

Vậy học thuyết Thời đại Mới hoặc thần học hoặc shaman giáo khác như thế nào với cơ khí lượng tử? Câu trả lời là thậm chí nếu chúng ta không thể hiểu nó thì chúng ta vẫn có thể xác nhận rằng cơ khí lượng tử có ích. Chúng ta có thể so sánh những dự đoán định lượng của lý thuyết lượng tử với bước sóng đo được của các vạch quang phổ của những nguyên tố hóa học, cơ chế hoạt động của các chất bán dẫn và helium lỏng, các bộ vi xử lý, những loại phân tử nào hình thành từ các nguyên tử cấu thành của chúng, sự tồn tại và các thuộc tính của sao lùn

trắng, điều gì xảy ra trong maser và laser, và những nguyên liệu nào dễ bị ảnh hưởng với những lợi từ tính nào. Chúng ta không cần phải hiểu lý thuyết thì mới hiểu những gì nó dự báo. Chúng ta không phải là những nhà vật lý hoàn hảo thì mới đọc được những gì các thí nghiệm hé lộ. Trong mọi ví dụ này – và nhiều ví dụ khác – những dự đoán của cơ khí lượng tử đều được xác nhận một cách ấn tượng, và với độ chính xác cao.

Nhưng một pháp sư có thể nói với chúng ta rằng học thuyết của ông ấy đúng bởi vì nó cũng có tác dụng – không phải về những vấn đề chuyên biệt của vật lý toán học mà về những gì thật sự đáng quan tâm: Ông ấy có thể cứu mọi người. Rất tốt, chúng ta hãy tích lũy số liệu thống kê về những phương thuốc của các pháp sư, và xem xem liệu chúng có phát huy tác dụng tốt hơn các loại thuốc trấn an không. Nếu đúng như vậy, chúng ta sẵn sàng công nhận rằng ở đây có điều gì đó – thậm chí nếu đó chỉ là một số bệnh bắt nguồn từ tâm lý, và có thể chữa khỏi hoặc thuyên giảm nhờ những thái độ đúng đắn và trạng thái tâm lý. Chúng ta cũng có thể so sánh hiệu quả của những hệ thống shaman giáo khác nhau.

Vấn đề liệu pháp sư có nắm được tại sao những phương thuốc của ông ấy kiến hiệu hay không lại là câu chuyện khác. Trong cơ khí lượng tử, chúng ta có hiểu biết về Tự nhiên mà dựa trên đó, dần dần từng bước và mang tính định lượng, chúng ta đưa ra những dự đoán về những gì sẽ xảy ra nếu một thí nghiệm nào đó, chưa bao giờ được thử nghiệm, được tiến hành. Nếu thí nghiệm xác minh cho dự đoán – đặc biệt nếu xác minh về mặt số lượng và chính xác – thì chúng ta tự tin rằng chúng ta biết những gì mình đang làm. Có vài ví dụ mang đặc tính này trong giới pháp sư, tu sĩ, và cổ vấn Thời đại Mới. Một nét đặc trưng quan trọng nữa được gợi ý trong cuốn sách viết năm 1931 nhà đề *Lý trí và tự nhiên* (Reason and Nature) của Morris Cohen, một triết gia kho học lừng danh:

Chắc chắn, đa số người dân không được đào tạo đều có thể chấp nhận những kết quả của khoa học dựa trên uy tín. Nhưng rõ ràng có sự khác biệt quan trọng giữa một thiết chế mở và mời tất cả mọi người tìm tòi, nghiên cứu những phương pháp của nó, và đề xuất sự tiến bộ, với một thiết chế coi việc chất vấn những phẩm chất của nó là điều nguy hại, chẳng hạn [Hong y] Newman quy kết những người tỏ ra nghi ngờ tính chất không thể sai lầm của Kinh Thánh... Khoa học lý trí xem những 'phiếu đổi hàng' của nó là luôn có thể được đền bù theo yêu cầu, trong khi chủ nghĩa độc tài phi lý trí xem nhu cầu đền bù là thiếu đức tin và phản bội.

Truyền thuyết và văn hóa dân gian của nhiều nền văn hóa tiền hiện đại có giá trị giải thích hoặc ít nhất cũng là giá trị giúp ích cho trí nhớ. Trong những câu chuyện mà mọi người có thể đánh giá và thậm chí chứng kiến, chúng mã hóa môi trường. Chòm sao nào đang xuất hiện hoặc hướng của dải Ngân hà vào một ngày nhất định trong năm có thể được ghi nhớ qua một câu chuyện về cặp tình nhân được đoàn tụ hoặc một chiếc xuồng vượt qua dòng sông thiêng. Vì việc nhận diện bầu trời rất cần cho trồng trọt, thu hoạch và theo dõi thú săn nên những câu chuyện như vậy có giá trị thực tiễn quan trọng. Chúng cũng có thể hữu ích như những bài kiểm tra xạ ảnh tâm lý hoặc như những yếu tố bảo đảm về vị trí của loài người trong Vũ trụ. Nhưng điều đó không có nghĩa là dải Ngân hà thật sự là một con sông hoặc đúng là có một chiếc xuồng bắc ngang con sông ấy trước mắt chúng ta.

Chất ký ninh thu được từ một chất lỏng chiết xuất trong vỏ của một loại cây đặc biệt trong vùng rừng mưa nhiệt đới Amazon. Làm cách nào con người tiền hiện đại lại phát hiện được rằng có một thứ trà làm từ cây này, trong số tất cả những loại cây trong rừng, giúp làm thuyên giảm những triệu chứng của bệnh sốt rét? Chắc chắn họ phải thử mọi thứ cây và thảo mộc – rễ, thân, vỏ, lá – thử nhai chúng, nghiền chúng, pha nước uống. Quá trình này cấu thành một loạt thử nghiệm khoa học kéo dài qua nhiều thế hệ – những thử nghiệm nay không thể lặp lại vì những lý do liên quan đến đạo đức nghề y. Hãy nghĩ xem có bao nhiêu thứ nước vỏ cây từ những loại cây khác đều vô dụng, hoặc làm cho bệnh nhân nôn mửa và thậm chí tử vong. Trong trường hợp như thế, thầy thuốc xóa tên thứ thuốc tiềm năng này khỏi danh sách, và tiếp tục với bài thuốc tiếp theo. Những dữ liệu dược-dân tộc học không thể có được một cách hệ thống hoặc thậm chí có ý thức. Bằng phương pháp thử để sàng lọc, và bằng việc ghi nhớ thật kỹ những gì có công hiệu, cuối cùng người ta cũng tìm ra – sử dụng những thuộc tính dồi dào trong vương quốc thảo mộc để tích lũy một pho dược điển hữu ích. Hoàn toàn cần thiết, những thông tin cứu mạng có thể thu được từ y học dân gian và không thể bằng cách nào khác. Chúng

ta nên làm nhiều hơn là chỉ khai thác những kho báu trong kho tàng tri thức dân gian trên toàn thế giới.

Tương tự như vậy với việc dự đoán thời tiết ở một vùng thung lũng gần Orinoco: Hoàn toàn có khả năng là những con người thời tiền công nghiệp đã chú ý đến những quy luật trải qua nhiều thiên niên kỷ, những dấu hiệu báo trước, những mối quan hệ nhân quả ở một địa danh cụ thể mà các giáo sư khí tượng thủy văn tại một trường đại học xa xôi nào đó hoàn toàn không biết đến. Nhưng điều đó không phải là các pháp sư của những nền văn hóa như vậy có thể dự đoán được thời tiết ở Paris hay Tokyo, chứ đừng nói đến khí hậu toàn cầu.

Một số loại kiến thức dân gian rất quý và vô giá. Số khác lại là những ẩn dụ và hệ thống hóa. Y-dân tộc học là như vậy; còn vật lý học thiên thể thì không. Chắc chắn đúng là tất cả những tín hiệu và tất cả những huyền tích đều đáng để nghe. Nhưng không hề đúng khi cho rằng tất cả những niềm tin dân gian đều có giá trị như nhau – nếu chúng ta đang nói về không phải tư duy bên trong mà là về việc hiểu thực tiễn bên ngoài.

Trong nhiều thế kỷ, khoa học chịu sự tấn công của những gì có thể gọi là phản khoa học, chứ không phải giả khoa học. Khoa học, và giới học thuật nói chung, theo luận điểm ngày nay, quá chủ quan. Một số người thậm chí còn cho rằng nó hoàn toàn chủ quan, giống như lịch sử, theo lời họ nói. Lịch sử nhìn chung do những kẻ chiến thắng viết ra để biện minh cho những hành động của mình, để khuấy động nhiệt huyết yêu nước, và để trấn áp những đòi hỏi chính đáng của những đối tượng bị chế ngự. Khi không có một chiến thắng áp đảo xảy ra, mỗi bên sẽ viết ra những nội dung tự khoa trương về những gì *thật sự* đã diễn ra. Lịch sử Anh quốc trách cứ người Pháp, và ngược lại; lịch sử Hoa Kỳ cho tới rất gần đây vẫn bỏ qua những chính sách trên thực tế về không gian sinh tồn và diệt chủng đối với người Mỹ bản địa; lịch sử Nhật Bản về những sự kiện dẫn tới Thế Chiến II giảm thiểu những hành động tàn ác của người Nhật, và gợi ý rằng mục đích chính của họ là nhằm giải phóng Đông Á khỏi chế độ thuộc địa Châu Âu và Mỹ; Ba Lan bị xâm lược năm 1939, các nhà sử học Đức Quốc xã khẳng định như vậy, bởi vì Ba Lan đã tấn công Đức một cách tàn bạo và vô cớ; các nhà sử học Xô viết ngụy tạo rằng quân đội Xô viết giết tất cả các cuộc cách mạng ở Hungary (1956) và Tiệp Khắc (1968) được mời tới trong tiếng hoan hô reo mừng của nhân dân các nước bị xâm lược chứ không phải bởi giới lãnh đạo bù nhìn thân Nga; các nhà sử học Bỉ có xu hướng bưng bít những hành động tàn ác mà họ phạm phải khi Congo là thái ấp riêng của Vua Bỉ; giới sử học Trung Quốc hoàn toàn quên đi 10 triệu cái chết do “Đại nhảy vọt” của Mao Trạch Đông; Chúa tha thứ và thậm chí tán thành chế độ nô lệ là điều thường xuyên được lặp lại từ bục giảng kinh và trong các trường học ở những xã hội Thiên Chúa giáo duy trì chế độ nô lệ, nhưng các chính thể Thiên Chúa giáo đã giải phóng nô lệ của họ hầu như im lặng về vấn đề này; một sử gia xuất chúng, đọc nhiều và mực thước như Edward Gibbon sẽ không đời nào chịu gặp mặt Benjamin Franklin khi họ cùng xuất hiện trong một quán rượu vùng quê ở Anh – bởi vì Franklin không hài lòng với cuộc Cách mạng Mỹ. (Franklin tình nguyện cung cấp tư liệu gốc cho Gibbon khi ông chuyển từ quá trình suy tàn và sụp đổ của Đế chế La Mã sang quá trình suy tàn và sụp đổ của Đế chế Anh. Franklin hoàn toàn đứng về Đế chế Anh, nhưng thời gian biểu của ông sớm hơn hai thế kỷ).

Những câu chuyện lịch sử này thường được viết ra bởi những sử gia học thuật đáng kính, vốn là trụ cột của chế độ. Sự bất đồng quan điểm cục bộ nhanh chóng bị dẹp bỏ. Tính khách quan bị hy sinh vì những mục đích cao hơn. Từ thực tế đau buồn này, một số người tiến tới chỗ kết luận rằng không có cái gọi là lịch sử, không có khả năng kiến tạo lại những sự kiện thực tế; rằng tất cả những gì chúng ta có là những lý lẽ tự biện minh đầy thiên kiến; và rằng kết luận này mở rộng từ lịch sử tới tất cả mọi lĩnh vực tri thức, kể cả khoa học.

Và ai dám phủ nhận rằng có những chuỗi sự kiện lịch sử thực tế, với những sợi chỉ nhân quả thực tế, thậm chí nếu chúng ta bị hạn chế về khả năng tái thiết chúng trong bức tranh tổng thể hoàn chỉnh của chúng, thậm chí nếu tín hiệu bị cuốn phăng trong cả một đại dương những lời tự khen ồn ào? Hiếm học của tính chủ quan và thiên kiến thấy rõ ngay từ khởi đầu lịch sử. Thucydides đã cảnh báo điều này. Cicero viết

Quy luật đầu tiên là nhà sử học sẽ chẳng bao giờ dám ghi lại những gì sai trái; thứ hai, ông ấy sẽ chẳng bao giờ dám tiết lộ sự thật; thứ ba, trong công trình của ông ấy sẽ không hề có sự nghi

ngờ về tính thiên vị hay thiên kiến.

Lucian ở Samosata, trong cuốn *Lịch sử nên được viết như thế nào* (How History Should Be Written), xuất bản năm 170, đã nhấn mạnh “Sử gia cần biết không tỏ ra sợ hãi và liên khiết; một nhân vật độc lập, yêu sự ngay thẳng và sự thật.”

Những nhà sử học chính trực chịu trách nhiệm tìm cách tái hiện lại chuỗi sự kiện thực tế, cho dù điều ấy có thể vô cùng thất vọng hoặc gây hoang mang. Giới sử học biết cách kìm nén thái độ phần nộ tự nhiên của mình trước những lời nhục mạ đối với đất nước họ và khi thích hợp, họ thừa nhận rằng những nhà lãnh đạo quốc gia của họ có thể phạm phải những tội ác ghê tởm. Họ có thể phải né tránh những người yêu nước bị xúc phạm như là một chướng ngại nghề nghiệp. Họ công nhận rằng những câu chuyện về các sự kiện đã đi qua những kính lọc thiên lệch của con người, và rằng bản thân giới sử học cũng thiên lệch. Những người muốn biết điều gì xảy ra trên thực tế sẽ rất thông thạo những quan điểm của giới sử học ở các quốc gia khác, đã từng là thù địch. Tất cả những gì có thể hy vọng là một tập hợp những chi tiết gần đúng. Bằng những bước đi chậm chạp, và qua việc cải thiện kiến thức tự có, hiểu biết của chúng ta về các sự kiện lịch sử sẽ cải thiện.

Có gì đó tương tự trong lĩnh vực khoa học. Chúng ta có thiên kiến; chúng ta tiếp nhận những định kiến thịnh hành từ môi trường xung quanh mình như mọi người khác. Các nhà khoa học thỉnh thoảng lại ủng hộ và hậu thuẫn cho nhiều học thuyết có hại (kể cả những gì được cho là “tính ưu việt” của một nhóm chủng tộc hoặc giới tính so với nhóm khác căn cứ trên những chỉ số kích cỡ não bộ hoặc bước hợp sọ hay các bài kiểm tra IQ). Các nhà khoa học thường lưỡng lự khi gây khó chịu cho giới giàu có và quyền thế. Đôi khi, vài người trong số họ còn gian dối và ăn cắp. Một số người làm việc cho Đức Quốc xã – nhiều người không hề tỏ ra may mắn hối hận về mặt đạo đức. Các nhà khoa học cũng thể hiện những định kiến gắn với chủ nghĩa sô vanh và với những hạn chế về mặt tri thức của chúng ta. Như tôi đã thảo luận ở phần trước, các nhà khoa học cũng chịu trách nhiệm cho những công nghệ giết người – có lúc sáng chế chúng vì mục đích, có lúc không nhận thức đầy đủ về những tác dụng phụ ngoài mong muốn. Nhưng, trong hầu hết những trường hợp như vậy, cũng chính các nhà khoa học đã thổi lên hồi còi cảnh báo cho chúng ta về mối hiểm nguy.

Các nhà khoa học phạm sai lầm. Theo đó, chính công việc của nhà khoa học là công nhận những điểm yếu của chúng ta, kiểm tra rất nhiều quan niệm, và tự phê bình một cách cương quyết. Khoa học là một sự nghiệp chung với cỗ máy sai-sửa thường chạy trơn tru. Nó có lợi thế áp đảo trước lịch sử, bởi vì trong khoa học, chúng ta có thể làm được thí nghiệm. Nếu quý vị không chắc về những đàm phán dẫn tới Hiệp ước Paris vào những năm 1814-1815, việc xem lại các sự kiện là một khả năng không dễ làm. Quý vị chỉ có thể lục tìm những tài liệu cũ. Quý vị thậm chí không thể đặt những câu hỏi về những người đã tham dự. Tất cả những người ấy đều đã chết.

Nhưng với nhiều câu hỏi trong khoa học, quý vị có thể tái hiện lại sự kiện bao nhiêu tùy ý, kiểm chứng nó theo những cách thức mới, kiểm nghiệm cả loại giả thuyết khác nhau. Khi những công cụ mới được tạo ra, quý vị có thể tiến hành thí nghiệm lại và xem xem những gì hiện ra từ sự nhạy cảm đã được cải thiện của mình. Trong những ngành khoa học lịch sử mà quý vị không thể tái hiện lại, quý vị có thể kiểm chứng những trường hợp liên quan và bắt đầu nhận ra những yếu tố chung của chúng. Chúng ta không thể làm cho các vì sao nổ tung tùy ý chúng ta, cũng không thể tiến hóa một loài động vật có vú từ tổ tiên của nó qua nhiều thử nghiệm. Nhưng chúng ta có thể tái tạo một số đặc điểm vật lý của những vụ nổ sao bằng trong phòng thí nghiệm, và chúng ta có thể so sánh chi tiết những chỉ dẫn di truyền của các loài động vật có vú và bò sát.

Đôi khi có nhận định rằng khoa học tùy hứng hoặc phi lý chẳng mọi nhận định khác về tri thức, hoặc là bản thân lý trí cũng là một ảo giác. Nhà cách mạng Mỹ Ethan Allen – thủ lĩnh nhóm Những chàng trai Green Mountain trong vụ chiếm giữ Pháo đài Ticonderoga – đã có một vài nhận định về chủ đề này:

Những người vô hiệu hóa lý trí nên nghiêm túc xem xét xem liệu họ có bác bỏ lý trí bằng hoặc không cần đến lý trí không; nếu vận dụng lý trí thì họ thiết lập nguyên tắc là họ đang tìm

cách hạ bệ: Nhưng nếu họ tranh luận mà không cần lý trí (họ phải làm vậy để phù hợp với chính họ), họ đã ở ngoài phạm vi thuyết phục lý trí, họ cũng không đáng được hưởng một luận cứ hợp lý.

Độc giả có thể đánh giá chiều sâu của nhận định này.

Bất kỳ ai tận mắt chứng kiến tiến bộ của khoa học đều thấy một nhiệm vụ cá nhân mạnh mẽ. Luôn có vài người – đơn thuần do ngạc nhiên và chính trực, hoặc thất vọng trước những thiếu hụt của vốn tri thức hiện tại, hoặc đơn thuần cảm thấy chán nản với chính mình vì không đủ khả năng hiểu được những gì mọi người khác đều hiểu – đi đến chỗ đặt ra những câu hỏi mang tính phá đám. Rất ít nhân vật lương thiện xuất hiện trong một vùng biển ngẫu đục bởi sự đổ kỵ, tham vọng, nói xấu sau lưng, trấn áp bất đồng chính kiến, và tự cao tự đại. Trong một số lĩnh vực, những lĩnh vực rất hữu ích, cách hàng xử như vậy gần như là chuẩn mực.

Tôi nghĩ rằng hỗn loạn xã hội và điểm yếu rất con người ấy giúp ích cho sự nghiệp khoa học. Đã có một khuôn khổ trong đó bất kỳ nhà khoa học nào cũng đều có thể chứng minh người khác sai và bảo đảm tất cả mọi người khác đều biết về điều đó. Thậm chí khi động cơ của chúng ta hết sức hèn hạ thì chúng ta vẫn gặp được điều gì đó mới mẻ.

Harold C. Urey, người đoạt giải Nobel hóa học từng tâm sự với tôi rằng khi ông về già (lúc đó ông đã ngoài 70), ông trải qua những nỗ lực phối hợp nhằm chứng minh rằng ông ấy sai. Ông mô tả điều này như là hội chứng “hông súng nhanh nhất miền Tây”: Chàng trai có thể rút súng nhanh hơn tay súng lão luyện lưng danh sẽ thừa hưởng tiếng tăm và thái độ nể trọng dành cho ông ấy. Ông phàn nàn rằng điều đó rất khó chịu nhưng nó thực sự giúp định hướng những anh chàng quá tự tin tiếp cận những lĩnh vực nghiên cứu quan trọng mà họ sẽ chẳng bao giờ tự mình bước vào.

Là con người, các nhà khoa học đôi khi cũng dính đến quá trình sàng lọc trực quan: Họ thích nhớ những trường hợp trong đó họ đúng và quên những khi họ sai. Nhưng trong nhiều trường hợp, những gì “sai” lại đúng một phần, hoặc kích thích người khác tìm ra cái đúng. Một trong những nhà vật lý học thiên thể năng nổ nhất thời đại chúng ta là Fred Hoyle, người chịu trách nhiệm về những đóng góp to lớn cho hiểu biết của chúng ta đối với sự tiến hóa của các vì sao, quá trình tổng hợp của các nguyên tố hóa học, vũ trụ học, và nhiều thứ khác. Thỉnh thoảng, ông lại thành công nhờ luôn đúng, thậm chí trước khi bất kỳ ai hiểu rằng có điều gì đó cần giải thích. Có lúc ông thành công do sai – bằng cách khiêu khích, bằng việc gợi ý những khả năng kỳ quặc khiến cho giới quan sát và thực nghiệm cảm thấy phải kiểm chứng. Nỗ lực phối hợp sôi sục nhằm “chứng minh Fred sai” có lúc thất bại và có lúc thành công. Trong gần như mọi trường hợp, nó mở rộng cương giới của tri thức. Thậm chí Hoyle khi kỳ quặc nhất – chẳng hạn, đề xuất rằng virus cúm và HIV được trút xuống Trái Đất từ các sao chổi, và rằng các hạt bụi giữa các vì sao chính là vi khuẩn – cũng dẫn tới những tiến bộ đáng kể về kiến thức (mặc dù không đưa ra được gì hỗ trợ cho những quan điểm cụ thể này).

Thỉnh thoảng, có thể rất hữu ích cho các nhà khoa học khi liệt kê một số sai lầm của họ. Việc này có thể đóng một vai trò đáng kể trong việc soi sáng và phi thần thoại hóa quy trình khoa học cũng như trong việc mang lại kiến thức cho các nhà khoa học trẻ hơn. Ngay cả Johannes Kepler, Isaac Newton, Charles Darwin, Gregor Mendel, và Albert Einstein đều phạm phải những sai lầm nghiêm trọng. Nhưng sự nghiệp khoa học luôn dàn xếp được mọi việc để cho nỗ lực chung vượt lên: Những gì ai đó trong chúng ta, thậm chí là người xuất sắc nhất, bỏ sót thì một người khác, cho dù là người kém cỏi và ít tiếng tăm nhất, lại có thể phát hiện ra và chỉnh sửa.

Với bản thân tôi, tôi hướng tới những cuốn sách trước kia để thuật lại một số trường hợp tôi đúng. Hãy để tôi đề cập đến một vài trường hợp trong đó tôi sai: Có lần, khi không hề có tàu vũ trụ nào hướng tới Sao Kim, ban đầu tôi nghĩ áp suất khí quyển cao gấp vài lần trên Trái Đất, chứ không phải vài chục lần. Tôi nghĩ những đám mây của Sao Kim được cấu thành chủ yếu từ nước, nhưng hóa ra chúng chỉ có 25% nước. Tôi nghĩ có thể có dạng kiến tạo phiến trên Sao Hỏa, trong khi những quan sát gần của tàu vũ trụ hiện nay không hề cho thấy dấu hiệu gì của kiến tạo phiến. Tôi nghĩ nhiệt độ hồng ngoại cao của hành tinh Titan có thể là do hiệu ứng nhà kính khá cao ở đó; như hóa ra đó là do quá trình đảo ngược nhiệt độ tầng bình lưu. Ngay trước khi Iraq châm lửa những giếng dầu ở Kuwait vào tháng 1 năm 1991, tôi đã cảnh báo rằng một lượng lớn khói có thể bay cao làm ảnh hưởng đến nông nghiệp ở nhiều vùng Nam Á; và đúng như các sự kiện diễn ra, nó tạo thành một màn đen quánh lúc giữa trưa và nhiệt độ sụt giảm 4-6°C trên Vịnh Ba Tư, nhưng không có nhiều khói đạt đến cao tầng bình lưu và Châu Á không bị

ảnh hưởng. Tôi không nhấn mạnh đến khả năng có thể thay đổi của những tính toán.

Các nhà khoa học khác nhau sẽ có những cách suy đoán khác nhau, một số người thận trọng hơn những người khác rất nhiều. Chừng nào những ý tưởng mới có thể kiểm chứng được và giới khoa học không quá võ đoán thì sẽ không có tổn hại gì; trên thực tế, có thể tạo ra những tiến bộ đáng kể. Trong bốn ví dụ đầu tiên tôi vừa đề cập trong đó tôi sai, tôi cố gắng hiểu rõ một thế giới ở xa thông qua một vài đầu mối nhưng lại không có những điều tra kỹ càng của các tàu vũ trụ. Trong quy trình tự nhiên của một vụ nổ hành tinh, nhiều dữ liệu xuất hiện, và chúng ta thấy vô số ý tưởng cũ bị bác bỏ bởi những sự thực mới.

Các nhà hậu hiện đại từng phê phán ngành thiên văn học của Kepler bởi vì nó hình thành từ các quan điểm tôn giáo đơn thần trung cổ của ông; phê phán sinh học tiến hóa của Darwin vì được thúc đẩy bằng mong muốn duy trì tầng lớp xã hội đặc quyền đặc lợi mà ông xuất thân từ đó, hoặc mong muốn bảo vệ thuyết vô thần trước đó của ông; và vân vân. Một số nhận định này là chính xác. Một số thì không. Nhưng tại sao việc các nhà khoa học đưa vào nghiên cứu của họ những định kiến và thiên hướng tình cảm gì lại quan trọng – với điều kiện là chúng hết sức chân thật và những người khác có những khuynh hướng khác nhau kiểm chứng được kết quả của họ? Có lẽ không ai cho rằng quan điểm bảo thủ đối với tổng của 14 và 27 khác hẳn với quan điểm tự do, hoặc là hàm toán học vốn là đạo hàm của chính nó là số mũ ở bắc bán cầu nhưng lại là một hàm nào khác ở nam bán cầu. Bất kỳ hàm tuần hoàn đều nào cũng đều có thể là kết quả của độ chính xác tùy ý của cấp số Fourier trong toán học Hồi giáo cũng như Ấn Độ giáo. Các môn đại số phi giao hoán (trong đó A gấp B không tương đương với B gấp A) có ý nghĩa và nhất quách cho những người nói ngôn ngữ Ấn-Âu chẳng khác gì cho những người nói ngôn ngữ Finno-Ugric. Toán học có thể được đánh giá cao hoặc bị phớt lờ, nhưng nó đúng ở mọi nơi – không lệ thuộc vào chủng tộc, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo, hệ tư tưởng.

Về phía cực ngược lại, có những câu hỏi như có đúng chủ nghĩa biểu hiện trừu tượng có thể là nghệ thuật “lớn”, hay nhạc rap là thứ âm nhạc “lớn” hay không; kiểm chế lam phát hoặc thất nghiệm quan trọng hơn không; văn hóa Pháp có ưu việt hơn văn hóa Đức không; hay có nên áp dụng cấm giết người ở cấp độ quốc gia không. Ở đây, những câu hỏi này quá đơn giản, hoặc là những mệnh đề lưỡng phân không đúng, hoặc là những câu trả lời tùy thuộc vào các giả định không được nói ra. Ở đây, những định kiến cục bộ có thể quyết định câu trả lời rất nhiều.

Vậy trong một thể liên tục chủ quan này, từ những hình thức văn hóa gần như độc lập hoàn toàn đến gần như lệ thuộc hoàn toàn vào chúng, khoa học nằm ở đâu? Mặc dù những vấn đề định kiến và chủ nghĩa sô vanh văn hóa chắc chắn trởi dậy, và mặc dù nội dung của khoa học liên tục được trau chuốt hơn nhưng khoa học rõ ràng gần gũi với toán học hơn là với thời trang rất nhiều. Quan điểm cho rằng những phát kiến của khoa học nhìn chung võ đoán và thiên lệch không hề thiên vị tí nào, mà rất quý giá.

Các sử gia Joyce Appleby, Lynn Hunt, và Margaret Jacob (trong cuốn *Nói lên sự thật về lịch sử* – *Telling the Truth About History*, 1994) phê phán Isaac Newton: Họ nói rằng ông đã phủ nhận quan điểm triết học của Descartes bởi vì nó có thể thách thức tôn giáo truyền thống và dẫn tới rối loạn xã hội và thuyết vô thần. Những phê phán như vậy chẳng khác gì nhận định rằng các nhà khoa học cũng chỉ là con người. Việc Newton đã bị những dòng tri thức thời đại ông vui đập như thế nào dĩ nhiên là mối quan tâm của giới sử học; nhưng nó ít có ý nghĩa đối với sự thật về những định đề của ông. Vì chúng nhìn chung được chấp nhận nên chúng phải thuyết phục được những người vô thần cũng như người hữu thần. Đây chính là những gì đã xảy ra.

Appleby và các đồng nghiệp của bà cho rằng “Khi Darwin hình thành lên thuyết tiến hóa, ông là một người vô thần và duy vật,” và gợi ý rằng tiến hóa là một sản phẩm của một chương trình nghị sự vô thần có chủ định. Họ hoàn toàn lẫn lộn giữa nguyên nhân và kết quả. Darwin đã suýt trở thành một giáo sĩ của Giáo hội Anh khi ông lên còn tàu H.M.S. *Beagle*. Những ý niệm tôn giáo của ông, như chính ông nói về chúng, có thời điểm mang tính kinh điển rất cao. Ông thấy tất cả mọi Tín điều Anh giáo đều hoàn toàn đáng tin cậy. Thông qua quá trình tìm hiểu về Tự nhiên, qua con đường khoa học, dần dần ông thấy rằng ít nhất một phần tôn giáo của ông là sai. Đó là lý do tại sao ông thay đổi quan điểm tôn giáo của mình.

Appleby và các đồng nghiệp của bà cảm thấy kinh hãi trước mô tả của Darwin về “đạo đức thấp kém của những người man rợ... sức mạnh lý trí không đầy đủ của họ... sức mạnh tự kiểm chế rất yếu [của họ],” và tuyên bố rằng “Giờ đây nhiều người sốc với quan niệm phân biệt chủng tộc của ông.” Nhưng không hề có phân biệt chủng tộc, tôi có thể nói vậy, trong dẫn giải của Darwin. Ông ám chỉ đến những cư dân ở Tierra del Fuego vốn phải chịu tình trạng khan hiếm cùng cực ở tỉnh khô cằn nhất gần Nam Cực của Argentina. Khi ông mô tả một phụ nữ gốc Phi ở Nam Mỹ, người thà chết chứ không chịu làm nô lệ, ông đã lưu ý rằng chính vì định kiến đã khiến chúng ta không nhìn nhận sự kháng cự của bà ấy là hào hùng chẳng kém gì một hành động tương tự của một mệnh phụ thuộc một gia đình quý tộc La Mã. Bản thân ông cũng gần như bị tổng cổ khỏi tàu *Beagle* bởi Thuyền trưởng FitzRoy vì có quan điểm chống lại thái độ phân biệt chủng tộc của ông Thuyền trưởng này. Darwin vượt xa hầu hết những người đương thời của ông trong vấn đề này.

Nhưng một lần nữa, thậm chí nếu ông không phải như vậy thì điều này tác động thế nào đến sự thật hoặc sai lệch của quá trình chọn lọc tự nhiên? Thomas Jefferson và George Washington có nhiều nô lệ; Albert Einstein và Mohandas Gandhi đều là những người chồng và người cha không hoàn hảo. Bản danh sách này còn kéo dài vô tận. Chúng ta đều có sai sót và là những sinh vật của thời đại chúng ta. Liệu có công bằng khi đánh giá chúng ta bằng những chuẩn mực chưa hề được biết đến của tương lai? Một số thói quen của thời đại chúng ta chắc chắn sẽ bị các thế hệ sau xem là man rợ – có lẽ vì nhất quyết trẻ nhỏ và thậm chí cả trẻ sơ sinh nên ngủ một mình thay vì ngủ với cha mẹ; hoặc kích động những cảm xúc dân tộc chủ nghĩa như một phương tiện để giành được sự tán thành của dân chúng và đạt được chức vụ chính trị cao hơn; hoặc cho phép mua chuộc và tham nhũng tồn tại như một cách sống; hoặc nuôi sinh vật cảnh; hoặc ăn thịt động vật và giam giữ tinh tinh; hoặc hình sự hóa việc người lớn sử dụng thuốc hưng phấn (euphoriant); hoặc cho phép con cái chúng ta lớn nên mà không hiểu biết gì.

Đôi khi, lúc hồi tưởng lại, một ai đó lại nổi bật lên. Trong cuốn sách của tôi, nhà cách mạng Mỹ sinh trưởng tại Anh, Thomas Paine, là người như vậy. Ông vượt xa thời đại mình. Ông dũng cảm phản đối chế độ quân chủ, chế độ quý tộc, phân biệt chủng tộc, chế độ nô lệ, mê tín và phân biệt giới tính khi mà tất cả những yếu tố này đang cấu thành lên kho tri thức truyền thống. Ông rất kiên định khi phê phán tôn giáo truyền thống. Ông viết trong cuốn *Kỷ nguyên lý trí* (The Age of Reason): “Bất cứ khi nào chúng ta đọc những câu chuyện tục tĩu, những chuyện bại hoại dâm dục, những vụ hành quyết tàn bạo, thái độ hận thù độc ác vốn đầy kín hơn một nửa Kinh Thánh, thì chắc chắn là chúng ta gọi đây là thế giới của quỷ chứ không phải thế giới của Chúa. Nó... tồn tại để tha hóa và biến con người thành hung bạo.” Đồng thời, cuốn sách cũng thể hiện thái độ kính trọng sâu sắc nhất dành cho một Đấng Sáng tạo Vũ trụ, chủ thể mà sự tồn tại được Paine cho rằng rất hiển nhiên khi chỉ cần nhìn qua thế giới tự nhiên. Nhưng lên án nhiều chi tiết trong Kinh Thánh trong khi lại tin vào Chúa dường như là một quan điểm bất khả thi đối với hầu hết những người cùng thời với ông. Các nhà thần học Thiên Chúa giáo kết luận ông bị say rượu, điên khùng hoặc đôi bại. Học giả Do Thái David Lavi cấm những tín đồ đồng đạo của mình chạm tay, chứ đừng nói đọc, đến cuốn sách. Paine phải chịu nhiều điều vì những quan điểm của ông (kể cả bị tổng giam sau Cách mạng Pháp vì quá kiên định chống lại tình trạng chuyên chế), đến mức ông trở thành một ông già đau khổ.^[60]

Đúng, hiểu biết sâu sắc của Darwin có thể có thể bị đảo ngược và lạm dụng một cách lỗi bịch: Những ông trùm cướp bóc tham lam có thể giải thích những hành vi cắt cổ của họ bằng viện dẫn đến Học thuyết Xã hội Darwin; chế độ Đức Quốc xã và những kẻ phân biệt chủng tộc khác có thể dùng luận điệu về “sự tồn tại của những người sung sức nhất” để biện minh cho chính sách diệt chủng. Nhưng Darwin không tạo ra John D. Rockefeller hay Adolf Hitler. Lòng tham, Cách mạng Công nghiệp, hệ thống doanh nghiệp tự do, và tình trạng giới giàu có tha hóa chính phủ cũng đủ để giải thích cho chủ nghĩa tư bản thế kỷ 19. Chủ nghĩa vị chủng, xu hướng bài ngoại, hệ thống tôn ti xã hội, lịch sử rất dài của phong cách phản Semit ở Đức, Hiệp ước Versailles, những cách nuôi dạy trẻ ở Đức, lạm phát, và Đại Suy thoái dường như rất phù hợp để giải thích con đường đi tới quyền lực của Hitler. Chắc chắn những yếu tố này và các sự kiện tương tự sẽ xảy ra có hoặc không có Darwin. Và học thuyết Darwin hiện đại càng chứng minh rõ ràng nhiều đặc điểm ít tàn nhẫn hơn, một số trong đó không phải lúc nào cũng được những

ông trùm cướp bóc và những vị nguyên thủ tôn thờ – chẳng hạn chủ nghĩa vị tha, tri thức chung, niềm say mê – có thể rất cần thiết cho sự tồn tại.

Nếu chúng ta có thể kiểm duyệt Darwin, thì những dạng kiến thức nào khác cũng có thể bị kiểm duyệt? Ai sẽ làm công việc kiểm duyệt? Ai trong chúng ta đủ khôn ngoan để biết thông tin và vốn hiểu biết nào chúng ta có thể bỏ qua, và thông tin và kiến thức nào sẽ cần thiết trong 10 hoặc 100 hay 1000 năm nữa trong tương lai? Chắc chắn chúng ta có thể suy xét xem những loại máy móc và sản phẩm nào được phát triển thì sẽ toàn. Trong bất kỳ tình huống nào, chúng ta cũng đều phải đưa ra những quyết định như thế, bởi vì chúng ta không có những nguồn lực để theo đuổi tất cả mọi công nghệ có thể có. Nhưng kiểm duyệt kiến thức, yêu cầu người khác những gì họ phải suy nghĩ, là kẻ hớ dấn tới bộ máy cảnh sát tư tưởng, quy trình ra quyết định ngớ ngẩn và kém cỏi, và sự đi xuống về lâu dài.

Những nhà lý luận nhiệt thành và các chế độ chuyên chế thấy áp đặt quan điểm của họ và trấn áp những tiếng nói khác là điều rất tự nhiên và dễ dàng. Các nhà khoa học của Đức Quốc xã, chẳng hạn nhà vật lý đoạt giải Nobel Johannes Stark, phân biệt rõ “khoa học Do Thái” kỳ cục và ảo tưởng, kể cả thuyết tương đối và cơ khí lượng tử, với “khoa học Aryan” thiết thực và thực tiễn. Một ví dụ khác: “Một kỷ nguyên mới của cách giải thích kỳ bí về thế giới đang trỗi dậy,” Adolf Hitler nói, “một cách giải thích dựa trên ý chí chứ không phải kiến thức. Không hề có chân lý, dù theo nghĩa đạo đức hay khoa học.”

Như ông mô tả với tôi ba thế kỷ sau, ngay từ năm 1922, nhà di truyền học người Mỹ Hermann J. Muller bay từ Berlin tới Moscow trên một chiếc máy bay nhẹ để tận mắt nhìn thấy xã hội Xô viết mới. Chắc chắn ông rất thích thú trước những gì mình thấy, bởi vì – sau khi ông phát hiện ra rằng phóng xạ gây ra những biến dị (một phát hiện sau này đem lại cho ông giải Nobel) – ông đã chuyển đến Moscow để giúp thành lập ngành di truyền hiện đại tại Liên Xô. Nhưng đến giữa thập niên 1930, một kẻ bất tài bịp bợm có tên Trofim Lysenko lại gây được chú ý và sau đó là sự ủng hộ nhiệt tình của Stalin. Lysenko cho rằng ngành di truyền học – mà ông ta gọi là “Mendelism-Weissemanism-Morganism” theo tên một số người sáng lập ra lĩnh vực này – có nền tảng triết học không thể chấp nhận được, và rằng di truyền học “đúng đắn” về mặt triết học, ngành di truyền học tôn sùng chủ nghĩa duy vật biện chứng cộng sản, sẽ đem lại những kết quả rất khác. Cụ thể, ngành di truyền học của Lysenko cho phép trồng thêm một vụ lúa mì vào mùa đông – một tin tốt lành đối với một nền kinh tế Xô viết quay cuồng do chính sách tập thể hóa nông nghiệp bắt buộc của Stalin.

Bằng chứng của Lysenko rất đáng ngờ, không hề có kiểm soát mang tính thực nghiệm, và những kết luận đao to búa lớn của ông ta hoàn toàn đối nghịch với cả một khối lượng lớn những dữ liệu trái ngược hẳn. Khi quyền lực của Lysenko tăng lên, Muller nhiệt thành tranh luận rằng di truyền học Mendel kinh điển hoàn toàn hòa hợp với chủ nghĩa duy vật biện chứng, trong khi Lysenko, kẻ tin vào sự kế thừa những đặc điểm thu được và phủ nhận nền tảng vật chất của tính di truyền, là một kẻ “duy tâm”, hoặc còn tệ hơn nữa. Muller rất được ủng hộ bởi N.I. Vavilov, từng là chủ tịch Viện Khoa học Nông nghiệp Toàn Liên bang.

Trong một bài phát biểu năm 1936 trước Viện Khoa học Nông nghiệp, lúc này do Lysenko chủ trì, Muller đã có bài diễn văn gây chấn động trong đó có những câu này:

Nếu những người xuất sắc trong nghề ủng hộ những lý thuyết và quan điểm vô lý thấy rõ trước tất cả mọi người, thậm chí dù họ không hiểu tí gì về di truyền học – nhưng những quan điểm do ngài Chủ tịch Lysenko và những người có suy nghĩ như ông ấy đề xướng gần đây – thì lựa chọn trước chúng ta sẽ giống như lựa chọn giữa thuật phù thủy và y học, giữa chiêm tinh và thiên văn học, giữa giả kim và hóa học.

Ở một quốc gia đầy những vụ bắt bớ tùy hứng và khủng bố của cảnh sát, bài phát biểu này cho thấy thái độ chính trực và lòng can đảm mầu mỡ – nhiều người nghĩ là điên rồ. Trong cuốn *Vụ án Vavilov* (1984), nhà sử học Xô viết lưu vong Mark Popovsky mô tả những lời này được kèm theo bằng “tiếng hoan hô vang dội từ cả khán phòng” và vẫn “được ghi nhớ bởi tất cả những người có tham gia vào buổi đó hiện còn sống.”

Ba tháng sau, Muller được một nhà di truyền học phương Tây đến thăm tại Moscow và người này thể hiện sự ngạc nhiên trước một bức thư được lưu hành rộng rãi, do Muller ký, trong đó

lên án việc phổ biến “Mendelism-Weissmanism-Morganism” ở phương Tây và kêu gọi tẩy chay Đại hội Di truyền học Quốc tế sắp diễn ra. Chưa từng nhìn thấy, chứ đừng nói ký tên, một lá thư như vậy, Muller giận dữ kết luận rằng đó là thứ giả mạo do Lysenko tạo ra. Muller lập tức viết một bản tố cáo Lysenko gửi tới tờ *Pravda* (Sự thật) và gửi cả một bản sao cho Stalin.

Ngày hôm sau, Vavilov đến gặp Muller trong tâm trạng có phần bối rối, thông báo với ông rằng ông, Muller, vừa tình nguyện tham gia phục vụ cuộc Nội chiến Tây Ban Nha. Bức thư gửi tới *Pravda* đã đặt cuộc sống của Muller vào nguy hiểm. Ngày hôm sau, ông rời khỏi Moscow, chỉ để lẩn tránh, như sau này ông được nghe kể lại, NKVD, cơ quan cảnh sát chìm. Vavilov không may mắn như vậy, và chết mòn mỏi vào năm 1943 tại Siberia.

Với sự chống lưng liên tục từ Stalin và sau này là Khrushchev, Lysenko thắng tay trấn áp ngành di truyền học kinh điển. Các sách giáo khoa sinh học ở Liên Xô vào đầu những năm 1960 nói rất ít đến các nhiễm sắc thể và di truyền học kinh điển giống như nhiều giáo trình sinh học Mỹ nói về tiến hóa ngày nay. Nhưng không hề có vụ lúa mỳ mùa đông mới mẻ nào mọc cả; những câu thần chú của cụm từ “chủ nghĩa duy vật biện chứng” không hề lọt tới tai DNA của các loài cây đã được thuần dưỡng; nền nông nghiệp Xô viết vẫn ở tình trạng thê thảm; và hiện nay, một phần vì lý do này, nước Nga – đứng ở đẳng cấp thế giới trong nhiều ngành khoa học khác – vẫn gần như tụt hậu trong lĩnh vực sinh học phân tử và kỹ thuật di truyền. Hai thế hệ các nhà sinh học hiện đại đã bị bỏ lỡ. Chủ thuyết Lysenko tồn tại mãi cho tới năm 1964, trong một loạt các cuộc tranh cãi và bỏ phiếu tại Viện Khoa học Xô viết – một trong vài thiết chế duy trì được mức độ độc lập nhất định trước các nhà lãnh đạo của đảng và nhà nước – trong đó nhà vật lý nguyên tử Andrei Sakharov đóng vai trò nổi bật.

Người Mỹ có xu hướng lắc đầu ngạc nhiên trước trải nghiệm của Liên Xô. Ý tưởng cho rằng một hệ tư tưởng do nhà nước áp đặt hoặc định kiến phổ biến nào đó sẽ trói buộc tiến bộ khoa học dường như là điều không thể tưởng tượng nổi. Trong suốt 200 năm, người Mỹ tự hào là những người thực tiễn, thực dụng, phi ý thức hệ. Và ngành giả khoa học tâm lý và nhân chủng phát triển mạnh ở Hoa Kỳ – về chủng tộc chẳng hạn. Dưới cái lốt “sáng tạo luận”, tiếp tục có nỗ lực nhằm ngăn chặn việc dạy lý thuyết tiến hóa – ý tưởng hòa hợp mạnh mẽ nhất trong toàn bộ lĩnh vực sinh học, và rất cần thiết cho các ngành khoa học khác, từ thiên văn học đến nhân chủng học – ở các trường học.

Khoa học rất khác với nhiều hoạt động khác của con người – dĩ nhiên không phải ở chỗ những người làm khoa học bị ảnh hưởng của nền văn hóa nơi họ trưởng thành, không phải ở chỗ có lúc đúng và có lúc sai (vốn rất phổ biến với mọi hoạt động của con người), mà ở chỗ đam mê của nó dành cho việc hình thành lên những giả thuyết có thể đem ra kiểm nghiệm, ở công cuộc tìm kiếm những thí nghiệm cuối cùng giúp khẳng định hoặc phủ nhận các ý tưởng, ở sức mạnh tranh luận độc lập, và ở thái độ sẵn sàng từ bỏ những ý tưởng đã được chứng minh là không đúng. Nếu chúng ta không nhận thức được những hạn chế của chính mình, nếu chúng ta không tìm kiếm thêm dữ liệu, nếu chúng ta không sẵn sàng thực hiện những thí nghiệm có kiểm soát, nếu chúng ta không tôn trọng bằng chứng, chúng ta sẽ không có nhiều động lực để trong công cuộc tìm kiếm chân lý của mình. Khi đó, do chủ nghĩa cơ hội và tính nhút nhát, chúng ta có thể ngã nghiêng vì mọi ‘làm gió’ tư tưởng, mà không có lấy một giá trị lâu dài để bầu vùi.

Chương 15.

GIÁC NGỦ CỦA NEWTON

Cầu Chúa giúp chúng con tránh khỏi tình trạng đơn thị và giấc ngủ của Newton.

William Blake

Trích từ một bài thơ có trong một lá thư gửi Thomas Butts
(1802)

Ngu dốt sinh ra tự tin thường xuyên hơn so với kiến thức: Chính những người biết ít, chứ không phải những người biết nhiều, mới quả quyết rằng vấn đề này hay vấn đề kia sẽ chẳng bao giờ được khoa học giải quyết.

Charles Darwin

Lời giới thiệu, *Nguồn gốc con người* (The Descent of Man)
(1871)

Với cụm từ “giấc ngủ của Newton”, nhà thơ, họa sĩ và nhà cách mạng William Blake dường như muốn nói đến ảo giác đường hầm theo luật viễn cận trong môn vật lý của Newton, cũng như quá trình thoát ly (chưa hoàn toàn) của chính Newton khỏi chủ nghĩa thần bí. Blake nghĩ quan niệm về các nguyên tử và các phân tử của ánh sáng rất buồn cười, và ảnh hưởng của Newton đối với chúng ta là rất “xấu xa.” Một quan điểm phê bình khoa học phổ biến là nó quá hạn hẹp. Vì khả năng dễ mắc sai lầm đã được minh chứng của chúng ta, khoa học loại trừ rất nhiều ý tưởng mang tính khích lệ, những khái niệm vui, chủ nghĩa thần bí nghiêm túc, và những điều kỳ diệu đến sững sờ. Không có bằng chứng vật chất, khoa học không chấp nhận thần linh, linh hồn, thiên thần, ma quỷ, hoặc những thực thể pháp của Đức Phật. Hay là những vị khách sinh vật lạ.

Nhà tâm lý học Mỹ Charles Tart, người tin rằng bằng chứng về khả năng ngoại cảm rất thuyết phục, đã viết:

Một nhân tố quan trọng cho sự thịnh hành hiện nay của những ý tưởng “Thời đại Mới” là một phản ứng chống lại những tác động vô nhân đạo và phi tinh thần hóa của *thuyết khoa học vạn năng*, một niềm tin triết học (giả danh là khoa học khách quan và gắn liền với sự bám chắc về tình cảm của trào lưu chính thống được cải đạo theo Thiên Chúa giáo) cho rằng chúng ta *chẳng là gì hơn là những con người*. Việc bám lấy bất kỳ điều gì và mọi điều được gắn nhãn “tinh thần” hoặc “tâm linh” hoặc “Thời đại Mới” mà không cần suy nghĩ dĩ nhiên là hành động ngớ ngẩn, vì nhiều ý tưởng này thực tế hoàn toàn sai, tuy chúng cao thượng hoặc tạo cảm hứng. Mặt khác, mỗi quan tâm Thời đại Mới này là sự thừa nhận chính đáng đối với một số thực tiễn của bản chất con người: Con người luôn đã và tiếp tục có những trải nghiệm có vẻ mang tính “tâm linh” hoặc “tinh thần.”

Nhưng tại sao những trải nghiệm “tâm linh” lại thách thức quan niệm cho rằng chúng ta được cấu thành từ vật chất chứ không phải là gì khác? Ít có nghi ngờ rằng, trong thế giới thường nhật, vật chất (và năng lượng) có tồn tại. Bằng chứng là tất cả những gì quanh chúng ta. Ngược lại, như tôi đã đề cập ở phần trước, bằng chứng về cái gì đó phi vật chất được gọi là “tinh thần” hoặc “linh hồn” gây nghi ngờ rất nhiều. Dĩ nhiên, mỗi chúng ta có một đời sống nội tâm phong phú. Khi xem xét tính phức tạp vô cùng của vật chất, làm thế nào chúng ta có thể chứng minh rằng đời sống nội tâm của chúng ta không hoàn toàn là do vật chất? Giả dụ như vậy, có nhiều điều về ý thức con người mà chúng ta không hoàn toàn hiểu hết và chưa thể giải thích về mặt sinh học thần kinh. Con người có nhiều hạn chế, và không ai biết điều đó hơn các nhà khoa học. Nhưng vô số lĩnh vực của thế giới tự nhiên từng được xem là huyền diệu chỉ cách đây vài thế hệ nay đã được hiểu thấu đáo về mặt vật lý và hóa học. Ít nhất một số bí ẩn hiện nay sẽ được giải quyết hoàn toàn bởi con cháu chúng ta. Thực tế là lúc này chúng ta không thể tạo ra được hiểu biết chi tiết về những trạng thái ý thức khác nhau về mặt hóa học não bộ không ám chỉ về sự tồn tại của một “thế giới tinh thần” hơn bao nhiêu so với một đóa hướng dương xoay theo Mặt trời trong suốt hành trình của vòng dương ngang qua bầu trời chính từng được xem là bằng chứng của một phép màu theo đúng nghĩa đen của nó trước khi chúng ta hiểu về cơ chế quang dưỡng và các hormone của thực vật.

Và nếu thế giới, trong mọi khía cạnh, không tương thích với những mong ước của chúng ta, thì liệu đây là lỗi của khoa học, hay của những người áp đặt mong ước của họ lên thế giới? Tất cả các loài động vật có vú – và nhiều loài động vật khác – trải qua nhiều dạng tình cảm: Sợ hãi, tham lam, hy vọng, đau đớn, yêu thương, căm ghét, nhu cầu được dẫn dắt. Con người có thể nghiền ngẫm về tương lai nhiều hơn, nhưng trong tình cảm của chúng ta, không có gì là ‘độc quyền’ dành cho chúng ta. Mặt khác, không có loài nào thực hiện khoa học nhiều và giỏi như chúng ta. Khi đó, làm sao khoa học có thể bị xem là “vô nhân đạo” chứ?

Thậm chí, dường như vẫn còn bất công: Một số người trong chúng ta chết đói trước khi chúng ta qua thời kỳ thơ ấu, trong khi những người khác – chỉ ngẫu nhiên sinh ra – lại sống cuộc đời nhung lụa. Chúng ta có thể sinh ra trong một gia đình thấp hèn hoặc một chủng tộc bị coi thường, hoặc chào đời với một số dị tật nào đó; chúng ta đi hết cuộc đời với nhiều bất công đeo bám, và rồi chúng ta chết đi, vậy thôi ư? Chẳng có gì ngoài một giấc ngủ vĩnh viễn và không hề có mơ mộng ư? Công lý nằm ở đâu đây? Như thế này thật ảm đạm, nghiệt ngã và nhẫn tâm. Lẽ nào chúng ta không có một cơ hội thứ hai trên một sân chơi bình đẳng? Sẽ tốt biết bao nếu chúng lại được sinh ra trong những hoàn cảnh liên quan đến việc chúng ta đã thực thi phần mình như thế nào ở kiếp sống trước đó, cho dù khi ấy những bất công có đeo bám chúng ta đến thế nào đi nữa. Hay nếu có thời điểm phán xét sau khi chúng ta chết đi thì khi đó – với điều kiện là chúng ta đã làm rất tốt với cái tư cách chúng ta được giao phó ở kiếp sống này, và khiêm tốn, trung thực cùng nhiều điều khác – chúng ta nên được thưởng vì đã vui sống cho tới phút chót ở một nơi vĩnh viễn tránh xa mọi đau khổ và lộn xộn của thế giới. Đó là viễn cảnh nếu thế giới này biết quan tâm, được sắp đặt trước, và công bằng. Đó là viễn cảnh nếu những người đang phải chịu đau đớn và khổ não nhận được sự an ủi mà họ xứng đáng được nhận.

Vì thế, các xã hội dạy dỗ hài lòng với hiện trạng sống của chúng ta, với kỳ vọng về phần thưởng sau khi chết, có xu hướng đề phòng cách mạng. Hơn nữa, tâm lý sợ chết, mà ở một số khía cạnh có tính thích ứng trong cuộc đấu tranh tiến hóa để tồn tại, lại không thích hợp trong chiến tranh. Những nền văn hóa dạy về cõi âm sung sướng dành cho những người anh hùng – hoặc thậm chí cho những người chỉ làm theo những gì do giới chức sai bảo – có thể có được một lợi thế cạnh tranh.

Do đó, ý tưởng về phần tinh thần trong bản chất của chúng ta vẫn tồn tại sau khi chết, quan niệm về cõi âm, rất dễ đem rao giảng với các tôn giáo và quốc gia. Đây không phải là một vấn đề chúng ta có thể lường trước thái độ hoài nghi rất phổ biến. Người ta sẽ muốn tin vào nó, thậm chí nếu bằng chứng rất ít hoặc gần như bằng không. Đúng, những tổn thương não bộ có thể làm cho chúng ta đánh mất nhiều mảng lớn trong ký ức của mình, hoặc biến chúng ta từ chỗ vui buồn thất thường đến chỗ lẳng lẽ, hoặc ngược lại; và những thay đổi trong cơ chế hóa chất của não có thể thuyết phục chúng ta rằng có một âm mưu to lớn chống lại chúng ta, hoặc làm cho chúng ta nghĩ rằng mình nghe thấy Giọng nói của Chúa. Nhưng như một chứng cứ thuyết phục, điều này gợi ý rằng cá tính, nhân cách, ký ức của chúng ta – và nếu quý vị muốn, cả linh hồn – đều cư ngụ trong vật chất của não bộ, không chú ý đến nó và tìm nhiều cách để né tránh sức nặng của bằng chứng rất dễ.

Và nếu có những thiết chế xã hội hùng mạnh khẳng định cho rằng có cõi âm thì không có gì ngạc nhiên những người biệt giáo có xu hướng thừa thốt, lẳng lẽ và phật ý. Một số tôn giáo phương Đông, Thiên Chúa giáo và Thời đại Mới, cũng như học thuyết Plato, cho rằng thế giới là không thực, rằng những khổ ải, cái chết và bản thân vật chất đều là ảo ảnh; và rằng chẳng có gì thực sự tồn tại ngoại trừ “Ý thức.” Ngược lại, quan điểm khoa học thịnh hành lại là ý thức chỉ là cách chúng ta nhận thức những gì não bộ thực hiện; như thế nó là một thuộc tính của hàng trăm nghìn tỷ mối liên hệ thần kinh trong não bộ.

Có một ý kiến học thuật, với nguồn gốc từ thập niên 1960, cho rằng mọi quan điểm đều vô đoán như nhau, “đúng” hoặc “sai”, và cũng chỉ là một ảo giác. Có lẽ, đây là một cố gắng nhằm giành lại ưu thế so với các nhà khoa học là những người từ lâu vẫn cho rằng phê bình văn học, tôn giáo, mỹ học, và nhiều mảng triết học và đạo đức đều là những ý kiến khách quan, bởi vì chúng không thể chứng minh được như một định lý trong hình học Euclid cũng chẳng thể đem kiểm chứng thực nghiệm được.

Có những người muốn mọi thứ đều khả thi, muốn thực tiễn của họ không bị ngăn trở. Họ cảm thấy rằng, trí tưởng tượng và nhu cầu của chúng ta đòi hỏi nhiều hơn những gì tương đối ít ỏi mà khoa học dạy và chúng ta tin tưởng. Nhiều ví cổ vấn Thời đại Mới – nữ diễn viên Shirley MacLaine nằm trong số này – còn tiến đến chỗ bám lấy thuyết duy ngã, khẳng định rằng thực tiễn duy nhất chính là ý nghĩ của chính họ. “Tôi là Chúa,” họ nói như vậy. “Tôi thật sự nghĩ chúng ta đang tạo ra thực tiễn của chính mình,” MacLaine từng nói với một người có thái độ hoài nghi. “Tôi nghĩ tôi đang tạo ra anh ngay ở đây.”

Nếu tôi mơ được đoàn tụ với một người cha hay đứa con đã mất, ai sẽ nói với tôi rằng điều đó *thật sự* không hề xảy ra? Nếu tôi có ảo giác chính mình đang lửng lơ trong không gian và nhìn xuống Trái Đất, có lẽ tôi thật sự đã ở đó; ai là các nhà khoa học, những người thậm chí không hề chia sẻ trải nghiệm này, để nói với tôi rằng tất cả chỉ diễn ra trong đầu tôi? Nếu tôn giáo của tôi dạy rằng những lời không thể sai lầm và không thể thay đổi của Chúa cho biết Vũ trụ đã vài nghìn tuổi, thì các nhà khoa học sẽ mang tội bất kính, cũng như sai lầm, khi họ nói vũ trụ đã vài tỷ tuổi.

Thật bực mình, khoa học tuyên bố đặt ra những giới hạn cho những gì chúng ta có thể làm, thậm chí về mặt nguyên tắc. Ai nói rằng chúng ta không thể di chuyển nhanh hơn ánh sáng? Người ta thường nói như thế về âm thanh, phải không nào? Ai sẽ ngăn cản chúng ta đo đặc vị trí và động lượng của một điện tích, nếu chúng ta thật sự có những công cụ mạnh? Nếu chúng ta rất thông minh thì tại sao chúng ta lại không thể tạo ra một cỗ máy chuyển động vĩnh cửu “nhóm một” (một loại máy tạo ra nhiều năng lượng hơn mức cung ứng cho nó), hay một cỗ máy chuyển động vĩnh cửu “nhóm hai” (loại máy không bao giờ ‘kiệt sức’)? Ai dám đặt ra những giới hạn cho tài khéo léo của con người?

Trên thực tế, Tự nhiên làm được. Trên thực tế, một tuyên bố rất ngắn gọn và tương đối toàn diện về những quy luật của Tự nhiên, về cách vận hành của Vũ trụ, đã bao hàm trong danh mục những hành vi bị cấm như thế. Giả khoa học và mê tín có xu hướng công nhận rằng Tự nhiên không có giới hạn gì cả. Thay vào đó, “mọi thứ đều có thể.” Hai lĩnh vực này hứa hẹn một ngân sách sản xuất vô hạn, nhưng thường thì những môn đồ của họ lại thấy thất vọng và bị phản bội.

Một lý do bất mãn liên quan nữa là khoa học quá chất phác, quá “giản lược hóa”; nó hình dung một cách ngây thơ rằng cuối cùng sẽ chỉ có một vài quy luật của Tự nhiên – có lẽ thậm chí là những quy luật khá đơn giản – để giải thích mọi điều, rằng toàn bộ sự tinh vi xảo diệu của thế giới, toàn bộ những tinh thể tuyết, màng tơ nhện, những giải thiên hà xoáy tròn ốc, và sự hiểu biết của con người rất cục đều có thể “tinh giản” thành những quy luật như vậy. Giản lược hóa dường như dành không thật sự lưu tâm tới tính chất phức tạp của Vũ trụ. Với một số người đây có vẻ như là ‘đưa con lai’ kỳ quái giữa thói ngạo mạn và sự lười biếng về mặt trí thức.

Với Isaac Newton – người mà trong thâm tâm của những người chỉ trích khoa học đã nhân cách hóa “tính chất đơn thị” – khoa học giống như một đồng hồ Vũ trụ. Hiểu theo đúng nghĩa đen của cách gọi này. Những chuyển động theo quỹ đạo đều đặn và có thể dự đoán được của các hành tinh quanh Mặt Trời, hoặc Mặt Trăng quanh Trái Đất, được mô tả với độ chính xác cao bằng cùng một phương trình vi phân dùng để dự đoán chuyển động qua lại của một con lắc hoặc dao động của một lò xo. Ngày nay chúng ta có xu hướng nghĩ chúng ta chiếm được một vị thế cao quý nào đó, và thấy thương hại cho những người theo trường phái Newton tội nghiệp vì có một thế giới quan hạn hẹp như vậy. Nhưng ngay trong những giới hạn hợp lý nhất định, các phương trình điều hòa dùng để mô tả cơ chế đồng hồ thực sự cũng mô tả những chuyển động của các vật thể thiên văn trong toàn Vũ trụ. Đây là quan hệ song song có ảnh hưởng sâu rộng chứ không phải tầm thường.

Dĩ nhiên, không hề có những bánh răng trong Thái dương hệ, và các bộ phận cấu thành lên chiếc đồng hồ lực hấp dẫn không hề tiếp xúc nhau. Các hành tinh nói chung có những chuyển động phức tạp hơn là con lắc và lò xo. Tương tự, mô hình đồng hồ cũng ngừng chạy trong những trường hợp nhất định: Trải qua những thời kỳ rất dài, các lực hấp dẫn của những thế giới xa xôi – những lực kéo dường như có thể hoàn toàn không đáng kể với một vài quỹ đạo – có thể hình thành, và một thế giới nhỏ nhoi nào đó có thể bất ngờ đi chệch khỏi hành trình

thông thường của nó. Tuy nhiên, hiện tượng kiểu như chuyển động hỗn loạn cũng được ghi nhận trong các đồng hồ con lắc; nếu chúng ta di dời quả lắc ra quá xa đường trục giao thì một chuyển động bất thường liền xuất hiện. Nhưng Thái dương hệ duy trì thời gian tốt hơn bất kỳ đồng hồ cơ học nào, và toàn bộ ý tưởng duy trì thời gian nảy sinh từ chuyển động quan sát được của Mặt Trời và các vì sao.

Thực tế đáng ngạc nhiên là cùng một ngành toán học áp dụng được cho cả các hành tinh và đồng hồ. Nó không cần phải như thế này. Chúng ta không áp đặt nó cho Vũ trụ. Vũ trụ vốn vẫn thế. Nếu đây là giản hóa luận thì nó cũng thế mà thôi.

Cho tới giữa thế kỷ 20, vẫn tồn tại một niềm tin rất mạnh – trong giới thần học, triết học, và nhiều nhà sinh học – rằng sự sống không thể “rút gọn” thành những quy luật vật lý và hóa học, rằng có một “sức sống,” một “cái tự mục đích”, một Đạo, một mana làm cho các sinh vật vận hành. Nó làm cho sự sống có sinh khí. Không thể nhìn ra được các nguyên tử và phân tử lý giải cho tính chất phức tạp và tinh tế, sự ăn khớp của hình thức với chức năng, của một thực thể sống. Các tôn giáo trên thế giới được viện dẫn: Chúa hoặc các vị thần truyền sức sống, linh hồn, vào những vật vô tri. Nhà hóa học ở thế kỷ 18 là Joseph Priestley đã cố gắng tìm ra “sức sống.” Ông đem cân một con chuột ngay trước và sau khi nó chết. Trọng lượng của nó giữ nguyên. Tất cả những nỗ lực như vậy đều thất bại. Nếu có linh hồn, rõ ràng nó không có trọng lượng – tức là, nó không được cấu tạo từ vật chất.

Tuy nhiên, ngay cả những nhà duy vật sinh học cũng có những e dè; có lẽ, nếu không có linh hồn cây cối, động vật, nấm và vi khuẩn thì vẫn cần có một nguyên tắc khoa học chưa phát hiện được nào đó để hiểu được sự sống. Chẳng hạn, nhà sinh lý học người Anh J. S. Haldane (cha của J.B.S. Haldane) đã đặt câu hỏi vào năm 1932:

Lý thuyết cơ giới của sự sống có thể đem lại đưa ra lý giải dễ hiểu gì cho... quá trình phục hồi trước bệnh tật và những vết thương? Đơn giản là không hề có, ngoại trừ những hiện tượng này quá phức tạp và kỳ lạ đến mức chúng ta chưa thể hiểu được chúng. Chính xác thì nó cũng giống hệt với những hiện tượng sinh sản có liên quan chặt chẽ. Chúng ta không thể hình thành bằng bất kỳ hình thức tưởng tượng nào một cơ chế tinh vi và phức tạp có khả năng, giống như một sinh vật sống, sinh sản ra chính nó vô hạn định.

Nhưng chỉ vài thập kỷ sau, kiến thức về miễn dịch học và sinh học phân tử của chúng ta đã làm sáng tỏ được những bí ẩn đã từng không thể lĩnh hội được này.

Tôi nhớ rất rõ khi cấu trúc phân tử của DNA và bản chất của bộ mã di truyền lần đầu tiên được giải thích vào thập niên 1950 và 1960, các nhà sinh học nghiên cứu về toàn bộ giới sinh vật đã kết tội những đề xuất mới của ngành sinh học phân tử vì giản hóa luận như thế nào. (“Họ sẽ không bao giờ hiểu nổi ngay cả một con giun với cái DNA của họ”). Dĩ nhiên rút gọn mọi thứ thành một “sức sống” không hẳn là giản hóa luận. Nhưng giờ đây rõ ràng là toàn bộ sự sống trên Trái Đất, mọi dạng sống, đều có thông tin di truyền được mã hóa trong các a xít nucleic và cơ bản đều sử dụng những ký hiệu như nhau để thực hiện những chỉ dẫn di truyền. Chúng ta đã biết cách đọc bộ mã. Chỉ vài chục phân tử hữu cơ được sử dụng đi sử dụng lại trong sinh vật học cho rất nhiều chức năng. Các gen chịu trách nhiệm lớn về các xơ nang và bệnh ung thư vú đã được xác định. 1,8 triệu thành của chiếc thang DNA của loại vi khuẩn cúm *Haemophilis influenza*, bao gồm 1743 gen của nó, đã được lập chuỗi. Chức năng cụ thể của hầu hết những gen này đã được xác định chi tiết – từ sản xuất và nhân lên hàng trăm phân tử phức hợp, tới chống chọi với nhiệt và kháng sinh, tới làm tăng tỷ lệ biến dị, tới tạo ra những bản sao giống hệt của loài vi khuẩn này. Nhiều phần trong các bộ gen của nhiều sinh vật khác (kể cả giun tròn *Caenorhabditis elegans*) hiện đã được lập bản đồ. Các nhà sinh vật học phân tử đang bận rộn ghi chép lại chuỗi ba tỷ nucleotide giúp chỉ rõ cách tạo ra một con người. Thêm một hoặc hai thập kỷ nữa, họ sẽ hoàn thành. (Liệu lợi ích sẽ cao hơn rủi ro hay không dường như không thể biết chắc).

Tính liên tục của vật lý hạt nhân, hóa học phân tử, và cái tinh túy của tinh túy, bản chất của sinh sản và di truyền, giờ đây đã được xác lập. Không cần viện dẫn bất kỳ nguyên tắc khoa học mới mẻ nào. Có vẻ như là có một số lượng nhỏ những thực thể đơn giản có thể vận dụng để hiểu tính chất phức tạp vô cùng cũng như sự đa dạng của các dạng sống. (Ngành di truyền học phân

tử cũng dạy rằng mỗi sinh vật có những đặc điểm riêng của nó).

Giản hóa luận thậm chí còn được xác lập tốt hơn trong lĩnh vực vật lý và hóa học. Ở phần sau tôi sẽ mô tả việc hợp nhất ngoài dự tính những hiểu biết của chúng ta về điện, từ tính, ánh sáng và tính tương đối vào một khuôn khổ duy nhất. Trong nhiều thế kỷ, chúng ta đã biết rằng một vài quy luật tương đối đơn giản không chỉ giải thích mà còn dự đoán chính xác và mang tính định lượng rất nhiều hiện tượng kỳ lạ, không chỉ trên Trái Đất mà trong toàn Vũ trụ.

Chúng ta nghe nói – chẳng hạn từ nhà thần học Langdon Gilkey trong cuốn *Tự nhiên, thực tiễn và thần thánh* (Nature, Reality and the Sacred) của ông – rằng khái niệm các quy luật của Tự nhiên là như nhau ở khắp mọi nơi đơn giản chính là một định kiến được áp đặt lên Vũ trụ bởi các nhà khoa học sai lầm và hoàn cảnh xã hội của họ. Ông mong muốn có những loại “kiến thức” khác, có giá trị trong bối cảnh của chúng giống như khoa học. Nhưng trật tự của Vũ trụ không phải là một giả định; nó là một thực tế được quan sát. Chúng ta nhận ra ánh sáng từ các chuẩn tinh xa xôi chỉ vì các quy luật về điện từ là như nhau dù ở cách xa đây cả 10 tỷ năm ánh sáng. Các quang phổ của những chuẩn tinh này có thể nhận ra được chỉ vì các nguyên tố hóa học như nhau hiện diện ở đó giống như tại đây, và vì những quy luật về cơ khí lượng tử như nhau được áp dụng. Chuyển động của các thiên hà quanh một thiên hà khác cũng theo đúng định luật trọng lực của Newton. Các thấu kính lực hấp dẫn và hiện tượng xoay tròn kéo dài của các ẩn tinh nhị phân cho thấy tính tương đối chung trong các tầng sâu của không gian. Chúng ta *có thể* sống trong một Vũ trụ với những quy luật khác nhau tại mọi khu vực, nhưng chúng ta thì không. Thực tế này gợi ra những cảm giác sùng kính và sợ hãi.

Chúng ta có thể sống trong một Vũ trụ trong đó không thể hiểu được bất kỳ điều gì chỉ bằng một vài quy luật đơn giản, trong đó Tự nhiên phức tạp vượt xa khả năng lĩnh hội của chúng ta, trong đó những quy luật áp dụng trên Trái Đất không có giá trị trên Sao Hỏa, hoặc ở một chuẩn tinh xa xôi. Nhưng bằng chứng – không phải là những định kiến, mà là bằng chứng – lại chứng minh khác. Thật may cho chúng ta, chúng ta sống trong một Vũ trụ trong đó rất nhiều thứ *có thể* “rút gọn” thành một số lượng rất ít những quy luật tương đối đơn giản của Tự nhiên. Nếu không, chúng ta có thể sẽ thiếu hẳn năng lực tri thức để hiểu thế giới này.

Dĩ nhiên, chúng ta có thể phạm sai lầm trong việc áp dụng một chương trình giản hóa luận vào khoa học. Có thể có những lĩnh vực mà, với tất cả những gì chúng ta biết, không thể giản lược thành một vài quy luật đơn giản. Nhưng dưới ánh sáng của những phát hiện trong vài thế kỷ qua, dường như sẽ là ngớ ngẩn nếu than phiền về giản hóa luận. Đây không phải là một khiếm khuyết mà là một trong những thắng lợi chủ yếu của khoa học. Và, dường như với tôi, những phát hiện của nó quá phù hợp với nhiều tôn giáo (mặc dù nó không *chứng minh* giá trị của chúng). Tại sao một vài quy luật đơn giản của Tự nhiên lại có thể giải thích nhiều điều và thống trị toàn bộ Vũ trụ bao la này? Đây không phải là những gì quý vị có thể kỳ vọng từ một Đấng sáng tạo Vũ trụ ư? Tại sao một vài người theo tôn giáo lại phản đối chương trình giản hóa luận trong khoa học, ngoại trừ xuất phát từ tình yêu đặt nhằm chỗ dành cho chủ nghĩa thần bí?

Những cố gắng nhằm điều hòa tôn giáo và khoa học đã có trong chương trình nghị sự tôn giáo trong nhiều thế kỷ – ít nhất với những người không khẳng khái bám lấy cách giải thích theo nghĩa đen đối với Kinh Thánh và Kinh Qu’ran mà không hề có chỗ cho phúng dụ hoặc ẩn dụ. Những thành tích lớn của thần học Thiên Chúa giáo La Mã là các cuốn *Summa Theologica* và *Summa Contra Gentiles* (“Bài Do Thái”) của Thánh Thomas Aquinas. Xuất hiện từ mớ rối ren của triết học Hồi giáo phức tạp thâm nhập vào thế giới Cơ Đốc giáo ở các thế kỷ 12 và 13 là những cuốn sách của người Hy Lạp cổ đại, đặc biệt là Aristotle – những tác phẩm nói về việc kiểm chứng thành tích cao. Phải chăng vốn hiểu biết cổ xưa nay tương thích với Thánh ngôn của Chúa?[\[61\]](#) Trong *Summa Theologica*, Aquinas tự đặt cho mình nhiệm vụ dung hòa 631 câu hỏi giữa nguồn Thiên Chúa giáo và các nguồn khác. Nhưng làm thế nào thực hiện được việc này khi có tranh chấp rõ rệt? Việc này không thể hoàn thành được nếu không có nguyên tắc tổ chức nào đó, một cách thức ưu việt để nhận biết thế giới. Aquinas hướng tới nhận thức chung và thế giới tự nhiên – tức là khoa học được sử dụng như một thiết bị sửa lỗi. Với việc thay đổi cả nhận thức chung và Tự nhiên, ông tìm cách dung hợp toàn bộ 631 vấn đề. (Mặc dù khi bị

thức bách, câu trả lời như mong muốn được thừa nhận một cách đơn giản. Đức tin luôn nhận được sự tán đồng của Lý trí). Những cố gắng tương tự nhằm dung hợp cũng thấm đẫm trong văn học Do Thái Talmud và hậu Talmud cũng như triết học Hồi giáo trung đại.

Nhưng các giáo lý ở trung tâm của tôn giáo có thể được kiểm nghiệm về mặt khoa học. Bản thân việc này đã làm cho một số tín đồ và chức sắc tôn giáo đề phòng khoa học. Lễ ban thánh thể, như Nhà thờ rao giảng, trên thực tế và không phải chỉ như một ẩn dụ, có phải là thịt của Jesus Christ, hay đó chỉ là – về mặt hóa học, ở cấp độ hiển vi, và bằng nhiều hình thức khác – thứ bánh xốp mà một tu sĩ đưa cho quý vị?[62] Phải chăng thế giới sẽ bị hủy diệt vào cuối chu kỳ 52 năm của Sao Kim trừ phi con người chịu hy sinh cho các vị thần?[63] Phải chăng đàn ông Do Thái không bị cắt bao quy đầu sẽ sống tệ hơn những người đồng đạo tuân theo thỏa ước cổ xưa trong đó Chúa yêu cầu một mảnh bao quy đầu từ mọi tín đồ nam? Phải chăng có người sinh sống ở rất nhiều hành tinh khác, như giáo phái Mormon rao giảng? Phải chăng những người da trắng được một nhà khoa học điền tạo ra từ những người da đen, như phong trào Quốc gia Hồi giáo[64] khẳng định? Phải chăng Mặt Trời trên thực tế không mọc được nếu nghi thức hiến sinh của người Hindu bị bỏ nhãng (như chúng ta được nghe quả quyết như vậy trong *Satapatha Brahmana*)?

Chúng ta có thể thu được chút hiểu sâu sắc về nguồn gốc đời thường của tục cầu nguyện bằng cách khảo sát hoạt động cầu nguyện của các tôn giáo và nền văn hóa không mấy quen thuộc. Ví dụ, đây là những gì được viết trong một bản kinh văn hình nêm trên một con dấu hình trụ ở Babylon từ thiên niên kỷ thứ hai trước Công nguyên:

Ôi, Ninlil, Mẹ đất, trên giường cưới của người, trong niềm vui sướng của người, đứng ra hòa giải cho ta với Enlil, người yêu quý của người. [Ký tên] Mili-Shipak, Pháp sư xứ Ninmah.

Đã có cả một thời gian dài kể từ khi có một pháp sư tại Ninmah, hoặc thậm chí một Ninmah. Bất chấp thực tế là Enlil và Ninlil là những vị thần chính – người dân ở khắp thế giới phương Tây vẫn minh cầu nguyện họ suốt 2000 năm – phải chăng Mili-Shipak tội nghiệp trên thực tế đang cầu xin một bóng ma, một sản phẩm trí tưởng tượng của ông ấy và được xã hội chấp nhận? Và nếu như vậy, chúng ta thì sao? Hay đây là một sự báng bổ, một câu hỏi cấm kỵ – giống như thái độ nghi ngờ trong những tín đồ thờ Enlil?

Cầu nguyện có hiệu quả không? Những lời nào thì có hiệu quả?

Có một loại cầu nguyện trong đó người ta nài xin Chúa can thiệp vào lịch sử nhân loại hoặc chỉ cần giải quyết một sự bất công hay thảm họa tự nhiên có thật hoặc tưởng tượng nào đó – chẳng hạn, khi một giám mục từ Tây Mỹ cầu Chúa can thiệp và chấm dứt một đợt khô hạn tai hại. Tại sao lại cần cầu nguyện? Chẳng lẽ Chúa lại không biết có hạn hán sao? Hay ngài không biết rằng nó đe dọa những giáo dân của vị giám mục? Những hàm ẩn về những giới hạn của một vị chúa quyền uy và thông tuệ ở đây là gì? Vị giám mục yêu cầu các tín đồ của mình cũng cầu nguyện. Phải chăng Chúa chắc chắn sẽ can thiệp khi có nhiều người cầu nguyện những điều tốt đẹp hoặc công lý hơn là khi chỉ có một vài người? Hãy xem xét đề nghị dưới đây, được in năm 1994 trên *Tuần tin tức cầu nguyện và hành động: Nguồn thông tin Thiên Chúa giáo hằng tuần của Iowa*:

Các người có thể cùng ta tham gia cầu nguyện rằng Chúa sẽ thiêu cháy chương trình sinh đẻ có kế hoạch tại Des Moines bằng một hình thức mà không ai có thể nhầm là do bất kỳ người nào đó châm lửa, khiến cho các nhân viên điều tra sẽ phải nghĩ tới những nguyên nhân (khó giải thích) màu nhiệm, và các tín đồ Thiên Chúa giáo sẽ phải nghĩ đến Bàn tay của Chúa hay không?

Chúng ta đã thảo luận về chữa bệnh bằng đức tin. Vậy còn tuổi thọ thông qua cầu nguyện thì sao? Nhà thống kê thời Victoria là Francis Galton cho rằng – mọi thứ khác là ngang bằng – các vua Anh đều sống thọ, bởi vì hàng triệu người trên khắp thế giới hằng ngày đều tụng lên câu kinh chân thành “Chúa cứu rỗi Nữ hoàng” (hoặc Đức vua). Nhưng ông cũng chỉ ra rằng họ sống không thọ bằng các thành viên khác của tầng lớp quý tộc giàu có. Hàng chục triệu người đồng thanh công khai mong muốn (mặc dù không hẳn là họ cầu nguyện) rằng Mao Trạch Đông sẽ sống “vạn tuế.” Gần như tất cả mọi người ở Ai Cập cổ đại đều khẩn các vị thần để cho Pharaoh sống “mãi mãi.” Những lời cầu nguyện tập thể này không có tác dụng. Những thất bại ấy cho ta

dữ liệu.

Bằng cách đưa ra những tuyên bố, cho dù chỉ là trên nguyên tắc và ta có thể kiểm chứng được, rằng có những tôn giáo thâm nhập vào đấu trường khoa học, mặc dù miễn cưỡng. Các tôn giáo không còn đưa ra những lời khẳng định về thực tiễn mà không ai dám bác bỏ nữa – với điều kiện là họ không nắm giữ quyền lực thế tục, họ không cưỡng ép niềm tin. Đối lại, điều này khiến cho tín đồ của một số tôn giáo giận dữ. Thỉnh thoảng, họ lại đe dọa những người hoài nghi bằng những hình phạt tương tượng thảm khốc. Hãy xem khả năng dưới đây của William Blake trong cuốn sách vô thưởng vô phạt *Những dấu hiệu vô tội* (Auguries of Innocence) của ông:

Kẻ dạy trẻ Ngờ vực

Sẽ chẳng bao giờ thoát khỏi Năm mờ mịt nát

Người trân trọng Đức tin con trẻ

Sẽ chiến thắng Địa ngục và Tử thần

Dĩ nhiên nhiều tôn giáo – hết lòng sùng đạo, kính sợ, đạo đức, nghi thức, cộng đồng, gia đình, cứu tế, và công bằng chính trị-xã hội – không hề bị thách thức bằng bất kỳ phương thức nào, mà là được tôn vinh, bằng những phát hiện của khoa học. Không nhất thiết phải có xung đột giữa khoa học và tôn giáo. Ở một cấp độ, cả hai cùng chung những vai trò hòa hợp và tương đương nhau, và mỗi lĩnh vực đều cần có lĩnh vực kia. Tranh luận công khai và sôi nổi, thậm chí thần thánh hóa sự nghi ngờ, là một truyền thống Thiên Chúa giáo có từ thời John Milton viết cuốn *Areopagitica* (1644). Một số bộ phận đạo Thiên Chúa và đạo Do Thái chủ lưu theo đuổi và thậm chí đã từng vận dụng ít nhất một phần đức tính khiêm tốn, tự phê, tranh luận lý trí, và đặt câu hỏi về vốn tri thức mà khoa học đưa ra. Nhưng các tông phái khác, đôi khi được gọi là bảo thủ hoặc chính thống – và hiện nay dường như họ đang nổi lên, với những tôn giáo chủ lưu gần như không thể nghe và nhìn thấy đâu – lại chọn cách bày tỏ lập trường về những vấn đề bị bác bỏ, và vì thế có phần sợ khoa học.

Các truyền thống tôn giáo thường rất phong phú và đa dạng đến mức chúng đem lại vô số cơ hội để canh tân và sửa chữa, đặc biệt là khi những cuốn thánh thư có thể bị hiểu một cách ẩn dụ và phúng dụ. Giáo hội Công giáo La Mã đã công nhận vào năm 1992 rằng Galileo đúng, rằng Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời: Một hành động muộn mạt ba thế kỷ, nhưng vẫn rất can đảm và được hoan nghênh. Công giáo La Mã hiện đại không tranh cãi về thuyết Vụ nổ Lớn, về Vũ trụ 15 tỷ năm, về những dạng sống đầu tiên xuất hiện từ các phân tử tiền sinh vật, hoặc về việc nhân loại tiến hóa từ những tổ tiên giống vượn – mặc dù họ có quan điểm riêng về “thụ hồn.”^[65] Hầu hết các tín điều Do Thái và Tin Lành chủ lưu đều có quan điểm kiên định như nhau.

Trong một cuộc thảo luận thần học với các lãnh đạo tôn giáo, tôi thường hỏi họ sẽ phản ứng sao nếu một nguyên lý trung tâm trong đức tin của họ bị khoa học bác bỏ. Khi tôi đặt câu hỏi này với Đạt Lai Lạt Ma đương nhiệm, vị Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, ngài không ngần ngại trả lời khác hẳn với những lãnh đạo tôn giáo bảo thủ hay chính thống: Trong trường hợp như vậy, ngài nói, Phật giáo Tây Tạng sẽ phải thay đổi.

Thậm chí, tôi đặt câu hỏi, nếu đó là một nguyên lý *thật sự* trung tâm, như (tôi tìm kiếm ví dụ) đầu thai chẳng hạn?

Kể cả như vậy, ngài trả lời.

Tuy nhiên – ngài nháy mắt nói thêm – sẽ rất khó bác bỏ chuyện đầu thai.

Hiển nhiên, Đạt Lai Lạt Ma nói đúng. Học thuyết tôn giáo được bảo vệ để không bị bác bỏ sẽ không có mấy lý do lo lắng về sự tiến bộ của khoa học. Ý tưởng lớn, phổ biến ở nhiều đức tin, về một Đấng Sáng tạo Vũ trụ là một học thuyết như vậy – rất khó chứng minh hoặc phủ nhận.

Moses Maimonides, trong cuốn *Cầm nang những điều khó hiểu* (Guide Perplexed), cho rằng Chúa chỉ có thể thật sự nhận biết được nếu có sự nghiên cứu cởi mở và tự do về cả vật lý và thần học (I, 55). Điều gì sẽ xảy ra nếu khoa học chứng minh một Vũ trụ lâu đời vô hạn định? Khi đó thần học sẽ phải sửa chữa một cách nghiêm túc [II, 25]. Trên thực tế, đây là một phát

hiện của khoa học có thể phủ nhận về một Đấng Sáng tạo – bởi vì một vũ trụ lâu đời vô hạn định sẽ chẳng bao giờ được tạo ra cả. Nó sẽ luôn tồn tại ở đó.

Có những học thuyết, mỗi quan tâm và lo lắng khác cũng tỏ ra lo ngại về những gì khoa học sẽ tìm ra. Có lẽ, họ gợi ý, tốt hơn cả là không nên biết. Nếu đàn ông và đàn bà hóa ra có những xu hướng di truyền khác nhau thì chẳng lẽ điều này sẽ không được sử dụng như một lý do để đàn ông lột lột đàn bà ư? Nếu có một thành phần bạo lực mang tính di truyền, thì điều này có thể biện minh cho việc một sắc tộc này đàn áp một sắc tộc khác không? Nếu bệnh tâm thần chỉ là cơ chế hóa học của não bộ thì điều này lại không làm sáng tỏ những cố gắng của chúng ta nhằm nắm bắt thực tiễn hoặc chịu trách nhiệm về hành động của mình ư? Nếu chúng ta không phải là một công trình đặc biệt của Đấng Sáng tạo Vũ trụ, nếu những quy luật đạo đức cơ bản của chúng ta chỉ đơn thuần được tạo ra bởi những nhà làm luật cũng có khả năng phạm sai lầm thì cuộc đấu tranh của chúng ta nhằm duy trì một xã hội nền nếp lại không bị hủy hoại ư?

Tôi cho rằng, trong mọi trường hợp này, cả tôn giáo và thế tục, chúng ta sẽ tốt hơn nhiều nếu chúng ta biết được khả năng gần đúng nhất với sự thật – và nếu chúng ta giữ lấy cho mình một sự thẫu triệt về những sai lầm mà nhóm lợi ích hoặc hệ thống niềm tin của chúng ta đã phạm phải trong quá khứ. Trong mọi trường hợp, những hậu quả thảm khốc tưởng tượng của việc biết rõ sự thật đều bị phóng đại. Và một lần nữa, chúng ta chưa đủ thông thái để biết điều gì nói dối, hoặc thậm chí sắc thái nào của sự thật, có thể phục vụ cho mục đích xã hội cao hơn nào đó – đặc biệt về lâu dài.

Chương 16.

KHI CÁC NHÀ KHOA HỌC BIẾT TỘI

Trí tuệ của con người – sẽ phát triển đến đâu? Đó là giới hạn cho sự nhâng nháo liều lĩnh của nó? Nếu thói độc ác và đời sống loài người hòa quyện một cách cân xứng, nếu đứa con trai sẽ luôn trưởng thành trong sự đồi bại vượt xa cả cha mình, thì các vị thần phải cho thêm một thế giới nữa mới có thể đủ chỗ cho những kẻ tội lỗi.

Euripides

Hippolytus

(428 trước Công nguyên)

Trong một cuộc họp sau chiến tranh với Tổng thống Harry S. Truman, J. Robert Oppenheimer – giám đốc khoa học của Dự án vũ khí hạt nhân Manhattan – đã cay đắng nhận xét rằng các nhà khoa học có bàn tay đẫm máu; giờ đây họ đã biết tội. Sau đó, Truman chỉ đạo các trợ lý của mình rằng ông sẽ không bao giờ muốn gặp lại Oppenheimer nữa. Đôi khi, các nhà khoa học lại bị khiển trách vì làm những việc độc ác, và đôi khi vì đã cảnh báo về những ứng dụng độc ác mà khoa học có thể phải tham gia.

Thông thường, khoa học được giao nhiệm vụ vì người ta nói rằng nó và các sản phẩm của nó trung tính về mặt đạo đức, mơ hồ về mặt đạo đức, nên dễ sử dụng để phục vụ cả cái xấu lẫn cái tốt. Đây là một cáo trạng đã có từ lâu. Có lẽ nó xuất hiện từ thời kỳ đồ đá làm công cụ và thuần phục lửa. Vì công nghệ luôn đi cùng với tổ tiên chúng ta từ trước khi có con người đầu tiên, vì chúng ta là một giống loài biết sử dụng công nghệ, cho nên vấn đề này không hẳn là vấn đề khoa học mà là bản chất con người. Nói thế này, tôi không có ý là khoa học không phải chịu trách nhiệm cho việc lạm dụng những phát hiện của mình. Nó có trách nhiệm rất lớn, và các sản phẩm của nó càng mạnh thì trách nhiệm của nó càng lớn.

Như các loại vũ khí tân công và chất dẫn xuất thị trường, công nghệ nào cho phép chúng ta thay đổi môi trường toàn cầu vốn có ích cho chúng ta thì đều cần thận trọng. Đúng, chính loài người đã gây nên tất cả. Đúng, chúng ta đang phát triển những công nghệ mới như chúng ta vẫn luôn làm vậy. Nhưng khi những điểm yếu mà chúng ta luôn có lại hợp lực với khả năng làm hại trên quy mô lớn chưa từng có thì chúng ta sẽ cần có thêm thứ gì đó – một chuẩn mực đạo đức cũng cần phải thiết lập trên quy mô lớn chưa từng có.

Thỉnh thoảng, các nhà khoa học lại tìm cách đạt được bằng cả hai hướng: Nhận được sự tôn vinh vì những ứng dụng khoa học làm giàu cho cuộc sống của chúng ta, nhưng lại né tránh những công cụ chết người, cố ý và vô ý, vốn cũng xuất phát từ nghiên cứu khoa học. Triết gia người Australia John Passmore đã viết trong cuốn *Khoa học và những chỉ trích* (Science and Its Critics)

Tòa án dị giáo Tây Ban Nha tìm cách né tránh trách nhiệm trực tiếp về việc thiêu sống những người dị giáo bằng cách ném họ vào bàn tay thế tục; họ giải thích một cách đạo đức giả rằng việc tự họ thiêu sống những người này sẽ hoàn toàn không đúng với các nguyên lý Thiên Chúa giáo. Chỉ rất ít người trong chúng ta cho phép Tòa án dị giáo dễ dàng phủi sạch bàn tay đẫm máu của mình; Tòa án dị giáo biết rất rõ điều gì sẽ xảy ra. Tương tự như vậy, ở đâu ứng dụng công nghệ của những phát kiến khoa học rõ ràng và minh bạch – như khi một nhà khoa học nghiên cứu về các chất khí tấn công hệ thần kinh – ông ấy không thể cho rằng những ứng dụng như thế “không phải việc của ông ấy”, với lập luận rằng chính các thế lực quân sự, chứ không phải các nhà khoa học, mới sử dụng khí độc để giết người hoặc gây thương tích. Điều này thậm chí càng rõ ràng hơn khi nhà khoa học giúp đỡ chính phủ, để đổi lại những khoản tiền thưởng. Nếu một nhà khoa học, hoặc một triết gia, chấp nhận tiền từ một cơ quan như cục nghiên cứu hải quân, thì ông ta đang lừa dối nếu như ông ta biết công việc của mình sẽ vô ích với họ và phải chịu trách nhiệm về kết quả nếu như ông ta biết rằng nó sẽ có ích. Ông ta là một chủ thể, một chủ thể phù hợp, được ca ngợi hoặc bị chỉ trích liên quan đến bất kỳ sự cách tân nào khởi nguồn từ công trình của ông ta.

Một trường hợp quan trọng mà lịch sử đưa ra là sự nghiệp của nhà vật lý sinh tại Hungary,

Edward Teller. Khi còn rất trẻ, Teller có ấn tượng với cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa Bela Kuhn tại Hungary, trong đó tài sản của những gia đình trung lưu như ông bị sung công, và do mất một chân trong một vụ tai nạn xe hơi, khiến ông bị đau đớn suốt đời. Những đóng góp ban đầu của ông gồm từ các quy tắc chọn lọc cơ học lượng tử và vật lý thể rắn đến vũ trụ học. Chính ông là người đã lái xe trở nhà vật lý Leo Szilard đến gặp Albert Einstein đang đi nghỉ tại Long Island vào tháng 7 năm 1939 – một cuộc gặp gỡ dẫn tới bức thư lịch sử của Einstein gửi cho Tổng thống Franklin Roosevelt nhấn mạnh rằng, trong bối cảnh những sự kiện chính trị và khoa học ở nước Đức Quốc xã, Hoa Kỳ cần phát triển một loại bom phân hạch hay “hạt nhân”. Được tuyển dụng vào làm việc cho Dự án Manhattan, Teller đến Los Alamos và ngay lập tức từ chối cộng tác – không phải vì ông mất can đảm trước những gì một quả bom hạt nhân có thể gây ra, mà vì ngược lại: Vì ông muốn nghiên cứu một thứ vũ khí hủy diệt mạnh hơn, bom khinh khí, hay nhiệt hạch, hoặc là bom khinh khí. (Trong khi một quả bom nguyên tử có giới hạn định về năng lượng hủy diệt hay công suất thì bom khinh khí lại không hề có hạn chế như vậy. Nhưng một quả bom khinh khí lại cần một quả bom hạt nhân làm ngòi nổ).

Sau khi bom nhiệt hạch được sáng chế, sau khi Đức và Nhật đầu hàng, sau khi chiến tranh kết thúc, Teller vẫn là người kiên trì ủng hộ những gì gọi là “Siêu việt”, được sử dụng để hăm dọa Liên Xô. Lo ngại về một Liên Xô đang tái thiết, cứng rắn hơn và quân sự hóa dưới thời Stalin và chứng hoang tưởng cấp quốc gia tại Mỹ mang tên McCarthy giúp cho con đường của Teller rất thuận lợi. Mặc dù vậy, cũng có một trở ngại lớn liên quan đến Oppenheimer, người vừa trở thành Chủ tịch Ủy ban Tư vấn cho Hội đồng Năng lượng Nguyên tử (AEC) hậu chiến. Teller cung cấp một bản khai phê phán trước một phiên điều trần của chính phủ, nghi ngờ lòng trung thành của Oppenheimer đối với Hoa Kỳ. Nhìn chung người ta nghĩ rằng sự liên can của Teller đóng vai trò chính cho những gì xảy ra sau đó: Mặc dù lòng trung thành của Oppenheimer không bị phủ nhận bởi ban thẩm định nhưng quyền ưu tiên an ninh của ông ấy bị bác, ông phải nghỉ việc ở AEC, và con đường của Teller tiến tới dự án Siêu việt hoàn toàn thênh thang.

Kỹ thuật chế tạo vũ khí nhiệt hạch nói chung được gắn với tên tuổi Teller và nhà toán học Stanislaw Ulam. Hans Bethe, nhà vật lý đoạt giải Nobel đứng đầu Tổ Lý thuyết trong Dự án Manhattan và là người đóng vai trò chính trong việc phát triển cả bom nguyên tử và bom khinh khí, xác nhận rằng gợi ý ban đầu của Teller không hoàn hảo, và rằng cần có công sức của nhiều người để biến vũ khí nhiệt hạch thành hiện thực. Với những đóng góp về kỹ thuật cơ bản từ một nhà vật lý trẻ có tên Richard Garwin, “thiết bị” nhiệt hạch đầu tiên của Hoa Kỳ được kích nổ vào năm 1952 – nó quá cồng kềnh nên không thể vận chuyển bởi một tên lửa hay quả bom được; nó cứ nằm chềnh ềnh ngay tại vị trí nó được lắp ráp và nổ tung. Quả bom khinh khí đích thực đầu tiên là một sáng chế của Liên Xô, phát nổ một năm sau đó. Đã xảy ra tranh cãi xem liệu Liên Xô có phát triển vũ khí nhiệt hạch hay không nếu như Hoa Kỳ không, và liệu Hoa Kỳ có cần đến một loại vũ khí nhiệt hạch để ngăn cản Liên Xô sử dụng bom khinh khí của họ hay không – vì khi đó Hoa Kỳ đã sở hữu cả một kho vũ khí phân hạch. Ưu thế rõ hơn của bằng chứng hiện tại là Liên Xô – thậm chí trước khi cho nổ quả bom phân hạch đầu tiên của họ – đã có bản thiết kế khả thi cho một loại vũ khí nhiệt hạch. Đó là “bước đi logic tiếp theo.” Nhưng việc Liên Xô theo đuổi vũ khí phân hạch được hỗ trợ bởi vốn kiến thức mà người Mỹ đang nghiên cứu.

Từ quan điểm của tôi, những hậu quả của chiến tranh hạt nhân toàn cầu trở nên nguy hiểm hơn nhiều với việc phát minh ra bom khinh khí, bởi vì những vụ nổ trên không của các loại vũ khí nhiệt hạch có khả năng thiêu trụi các thành phố, tạo ra lượng khói rất lớn, làm nguội và che kín Trái Đất, và sinh ra mùa đông hạt nhân trên quy mô toàn cầu lớn hơn rất nhiều. Đây có lẽ là tranh luận khoa học gay gắt nhất mà tôi từng tham gia (từ khoảng những năm 1983-1990). Cuộc tranh luận có nhiều khi do động cơ chính trị. Những hàm ẩn chiến lược của mùa đông hạt nhân gây lo ngại cho những người ủng hộ một chính sách trả đũa quy mô lớn nhằm ngăn cản một cuộc tấn công hạt nhân, hoặc cho những người muốn nắm lấy khả năng tấn công quy mô lớn trước. Dù ở trường hợp nào thì những hậu quả môi trường cũng gây ra tình trạng tự phá hủy cho bất kỳ quốc gia nào tung ra số lượng lớn vũ khí nhiệt hạch, thậm chí không cần đối thủ trả đũa. Một mẩu chính trong chính sách chiến lược cho nhiều thế kỷ, và lý do tích trữ hàng chục nghìn thứ vũ khí hạt nhân, đột nhiên trở nên giảm sút mức độ tin cậy rất nhiều.

Mức giảm nhiệt độ toàn cầu được dự đoán trong tài liệu khoa học đầu tiên (1983) về mùa đông hạt nhân là 15-20°C; ước tính hiện nay là 10-15°C. Hai giá trị đều rất thống nhất nếu xét những yếu tố không chắc chắn tối giản trong tính toán. Cả hai mức giảm nhiệt độ đều cao hơn độ chênh lệch nhiệt độ toàn cầu hiện tại và nhiệt độ toàn cầu của Kỷ Băng hà cuối cùng. Những hậu quả lâu dài của chiến tranh nhiệt hạch toàn cầu được ước tính bởi một nhóm gồm 200 nhà khoa học quốc tế, với kết luận rằng trong thời kỳ mùa đông hạt nhân, nền văn minh toàn cầu và hầu hết người dân trên Trái Đất – kể cả những người sống xa vùng trung vĩ độ (mid-latitude) bắc – sẽ gặp nguy hiểm, chủ yếu do nạn đói. Nếu chiến tranh hạt nhân quy mô lớn xảy ra, với những thành phố là mục tiêu, thì nỗ lực của Edward Teller và các cộng sự tại Hoa Kỳ (và nhóm đối tác do Andrei Sakharov ở Liên Xô đứng đầu) có thể phải chịu trách nhiệm về kết cục “hạ màn” đối với tương lai loài người. Bom khinh khí cho đến giờ là loại vũ khí khủng khiếp nhất từng được sáng chế.

Khi mùa đông hạt nhân được phát hiện vào năm 1983, Teller nhanh chóng cho rằng (1) ngành vật lý đã lầm, và (2) phát hiện này đã có từ nhiều năm trước dưới sự giám hộ của ông ấy tại Phòng thí nghiệm Quốc gia Lawrence Livermore. Trên thực tế, không hề có bằng chứng về một phát hiện trước, và bằng chứng quan trọng mà những người ở mọi quốc gia viện dẫn để thông báo cho lãnh đạo đất nước mình về những tác động của vũ khí hạt nhân đều không nhận ra mùa đông hạt nhân. Nhưng nếu Teller đúng thì rõ ràng ông ấy không có ý thức khi không chỉ ra phát hiện này cho các bên bị tác động – những công dân và lãnh đạo tại đất nước của ông ấy và cả thế giới. Như trong bộ phim *Tiến sĩ Strangelove* của Stanley Kubrick, việc phân loại vũ khí tối thượng – để không ai biết rằng nó có tồn tại và nó có thể làm được gì – chính là điều ngu xuẩn tột cùng.

Với tôi dường như không thể có chuyện bất kỳ con người bình thường nào lại không bị phiền phức khi giúp tạo ra một sáng chế như vậy, thậm chí có gạt mùa đông hạt nhân sang bên. Những áp lực, cố ý thức hoặc vô thức, đối với những người chịu trách nhiệm về sáng chế này chắc chắn rất lớn. Cho dù những đóng góp thực tế của ông là gì thì Edward Teller cũng vẫn được nhiều người xem là “cha đẻ” của bom khinh khí. Trong một bài viết rất đáng ngưỡng mộ vào năm 1954, tạp chí *Life* đã mô tả ông “gần như quyết tâm một cách cuồng tín” trong việc chế tạo bom khinh khí. Tôi nghĩ rằng, sự nghiệp tiếp theo của ông có thể được hiểu như một nỗ lực nhằm thanh minh cho những gì ông tạo ra. Teller cho rằng, không có vẻ gì bất hợp lý, bom khinh khí duy trì hòa bình, hoặc ít nhất ngăn ngừa chiến tranh nhiệt hạch, bởi vì những hậu quả của chiến tranh giữa các cường quốc hạt nhân giờ đây quá nguy hiểm. Chúng ta vẫn chưa có chiến tranh hạt nhân phải không? Nhưng tất cả những luận điểm như vậy đều mặc định rằng các quốc gia nắm giữ vũ khí hạt nhân, không có ngoại lệ, đang và sẽ luôn có lý trí, và rằng giận dữ, trả đũa và điên cuồng sẽ không bao giờ xảy ra với lãnh đạo của họ (hay giới quan chức quân sự và cảnh sát chìm chịu trách nhiệm về vũ khí hạt nhân). Trong thế kỷ của Hitler và Stalin, điều này dường như quá ngây thơ.

Teller là một thế lực chính trong việc ngăn chặn một hiệp ước toàn diện về cấm thử nghiệm vũ khí hạt nhân. Ông gây khó khăn rất nhiều cho việc đạt tới Hiệp ước Cấm thử nghiệm Hạn chế (phía trên mặt đất) vào năm 1963. Lý lẽ của ông cho rằng thử nghiệm phía trên mặt đất rất cần thiết để duy trì và “cải thiện” các kho vũ khí hạt nhân, rằng việc phê chuẩn hiệp ước sẽ “mở đường cho an toàn tương lai của đất nước chúng ta,” trên thực tế chỉ có vẻ hợp lý bề ngoài. Ông cũng là một người nhiệt thành đề xướng về an toàn và hiệu quả chi phí của các nhà máy điện phân hạch, tự nhận mình là trường hợp thương vong duy nhất trong vụ tai nạn hạt nhân Đảo Three Mile tại Pennsylvania vào năm 1979; ông cho biết ông bị đau tim khi đang tranh luận về vấn đề này.

Teller tán thành cho nổ vũ khí hạt nhân từ Alaska đến Nam Phi, để khơi thông các hải cảng và kênh mương, để phá bỏ những ngọn núi gây trở ngại, để thực hiện những công đoạn di dời đất khối lượng lớn. Khi ông đề xuất một dự án như vậy với Nữ hoàng Frederika của Hy Lạp, người ta nói rằng bà đã trả lời, “Cảm ơn ngài, Tiến sĩ Teller, nhưng Hy Lạp đã đổ nát quá đủ rồi.” Muốn thử nghiệm thuyết tương đối lớn của Einstein chẳng? Vậy thì hãy nổ vũ khí hạt nhân ở mặt bên kia của Mặt Trời, Teller đề xuất như vậy. Muốn hiểu được thành phần hóa học của Mặt Trăng ư? Vậy đưa một quả bom khinh khí lên Mặt Trăng và cho nó nổ, rồi kiểm chứng quãng

ánh sáng và cầu lửa.

Cũng trong thập niên 1980, Teller đã gửi tới Tổng thống Ronald Reagan ý niệm về Chiến tranh Không gian – được họ gọi là “Sáng kiến Phòng thủ Chiến lược” (SDI). Reagan dường như tin vào câu chuyện tưởng tượng của Teller rằng có thể chế tạo một thiết bị la de X quang kích thước bằng chiếc bàn, hoạt động bằng bom khinh khí trong quỹ đạo và có khả năng hủy diệt 10.000 đầu đạn của Liên Xô trong nháy mắt, và đem lại khả năng bảo vệ thực sự cho các công dân Hoa Kỳ trong trường hợp có chiến tranh nhiệt hạch toàn cầu.

Những người biện hộ cho Chính phủ Reagan nói rằng, cho dù phóng đại về năng lực, trong đó có những phóng đại cố ý, thì SDI vẫn chịu trách nhiệm về sự sụp đổ của Liên Xô. Không hề có bằng chứng xác thực củng cố cho luận điểm này. Andrei Sakharov, Yevgeny Velikhov, Roald Sagdeev, và các nhà khoa học khác cố vấn cho Tổng thống Mikhail Gorbachev đều nói rõ rằng nếu Hoa Kỳ thật sự tiến tới chương trình Chiến tranh giữa các vì sao, phản ứng an toàn và tiết kiệm nhất của Liên Xô sẽ là tăng thêm kho vũ khí hạt nhân và các hệ thống phóng hiện có của mình. Bằng cách này, Chiến tranh Không gian có thể làm tăng, chứ không phải giảm, nguy cơ chiến tranh nhiệt hạch. Ở bất kỳ mức độ nào thì chi phí của Liên Xô cho hệ thống phòng thủ không gian chống lại các tên lửa của Hoa Kỳ đều không đáng kể nếu đem so sánh – nhưng lại rất có ý nghĩa châm ngòi cho sự sụp đổ của nền kinh tế Xô viết. Sự sụp đổ của Liên bang Xô viết liên quan rất nhiều đến sự thất bại của nền kinh tế mệnh lệnh, nhận thức ngày càng tăng về mức sống ở Phương Tây, thái độ bất bình lan rộng từ một hệ tư tưởng cộng sản chủ nghĩa hấp hối, và – mặc dù ông ấy không có ý định về một kết cục như vậy – sự thúc đẩy của Gorbachev đối với chính sách *glasnost* (mở cửa).

Hàng vạn nhà khoa học và kỹ sư Mỹ đã công khai cam kết rằng họ sẽ không làm việc cho dự án Chiến tranh Không gian hoặc nhận tiền từ tổ chức SDI. Đây là một ví dụ về sự bất hợp tác đầy dũng cảm và ngày càng lan rộng của giới khoa học (với một sự trả giá cá nhân nào đó) đối với một chính phủ dân chủ tạm thời, ít nhất là như vậy, đi lầm đường.

Teller cũng ủng hộ phát triển các đầu đạn hạt nhân xuyên thấu – để các trung tâm điều khiển ngầm dưới lòng đất và các hầm trú ẩn được chôn sâu dành cho giới lãnh đạo (và gia đình họ) của một quốc gia thù địch có thể bị phát hiện và tiêu diệt; và những đầu đạn hạt nhân 0,1-kiloton sẽ tấn công tới tận một quốc gia thù địch, xóa sạch cơ sở hạ tầng của họ “mà không cần gây thương vong gì”: Dân thường sẽ được cảnh báo trước. Chiến tranh hạt nhân sẽ rất nhân đạo.

Khi tôi viết cuốn sách này, Edward Teller – đã ngoài 80 nhưng vẫn rất hăng hái và giữ nguyên được trí lực của ông ấy – vừa hình thành một chiến dịch, với các đối tác trong cơ quan vũ khí hạt nhân của Liên Xô cũ, nhằm phát triển và cho nổ các thể hệ vũ khí nhiệt hạch công suất cao mới trong vũ trụ, để phá hủy hoặc làm chệch hướng các tiểu hành tinh có thể va chạm với Trái Đất. Tôi lo ngại rằng thí nghiệm vội vã với quỹ đạo của các tiểu hành tinh gần kề có thể sẽ gây ra nhiều nguy hiểm cho loài người chúng ta.

Tiến sĩ Teller và tôi đã gặp riêng nhau. Chúng tôi tranh luận tại các hội nghị khoa học, trên báo chí trong nước, và trong một phiên họp kín của Quốc hội. Chúng tôi có rất nhiều bất đồng, đặc biệt về Chiến tranh Không gian, mùa đông hạt nhân, và phòng thủ tiểu hành tinh. Có lẽ tất cả những điều này khiến tôi có cái nhìn thất vọng về ông ấy. Mặc dù ông ấy luôn là một người đam mê công nghệ và nhiệt thành chống chủ nghĩa cộng sản, nhưng nhìn lại cuộc đời ông ấy, dường như với tôi, tôi còn thấy điều gì đó ngoài nỗ lực tuyệt vọng nhằm biện minh cho bom khinh khí: Những ảnh hưởng của nó không tệ như quý vị nghĩ. Nó có thể được sử dụng để bảo vệ thế giới trước những loại bom khinh khí khác, vì khoa học, vì các công trình dân dụng, để bảo vệ nhân dân Hoa Kỳ trước các loại vũ khí nhiệt hạch của một kẻ thù, để phát động chiến tranh một cách nhân đạo, để cứu vớt hành tinh này khỏi những hiểm họa ngẫu nhiên từ vũ trụ. Bằng cách nào đó, ở đâu đó, ông ấy muốn tin rằng, vũ khí hạt nhân, và ông ấy, sẽ được loài người thừa nhận như là cứu tinh chứ không phải đối tượng hủy diệt họ.

Khi nghiên cứu khoa học đem lại cho các quốc gia và lãnh đạo chính trị những sức mạnh ghê gớm, trên thực tế là đáng sợ, thì nhiều nguy hiểm cũng xuất hiện: Một nguy hiểm là một số nhà khoa học có thể mất tất cả ngoại trừ vẻ khách quan bề ngoài. Lúc nào cũng vậy, quyền lực có xu

hướng tha hóa. Trong trường hợp này, thiết chế bí mật đặc biệt nguy hại, và mọi hình thức kiểm soát và cân bằng của một nền dân chủ trở nên vô cùng giá trị. (Teller, người thành đạt trong nền văn hóa bí mật, cũng liên tục công kích điều này). Giám đốc CIA từng nhận xét vào năm 1995 rằng “tuyệt mật có sức tha hóa tuyệt đối.” Cuộc tranh luận công khai và quyết liệt nhất thường chính là hình thức bảo vệ duy nhất chống lại việc lạm dụng công nghệ một cách mạo hiểm. Khía cạnh phê bình của phản đề có thể là gì đó rất rõ ràng – rằng nhiều nhà khoa học hoặc thậm chí những người không có chuyên môn đều có thể tiếp cận được miễn sao không có hình phạt đối việc nói ra. Hoặc có thể là gì đó tinh tế hơn, điều gì đó gây chú ý cho một sinh viên đại học vô danh ở một nơi nào đó rất xa Washington D.C. – người sẽ chẳng bao giờ có cơ hội trình bày vấn đề, nếu như các luận cứ được giữ kín và coi là bí mật.

Lĩnh vực nỗ lực nào của loài người không nhập nhằng về mặt đạo đức? Ngay cả những thiết chế dân gian được cho là đem lại cho chúng ta lời khuyên về cách ứng xử và đạo đức dường như cũng đầy rẫy những mâu thuẫn. Hãy xem xét những câu cách ngôn này: Dục tốc bất đạt. Đúng, nhưng việc hôm nay chớ để ngày mai. An toàn vẫn tốt hơn là phải hối hận; nhưng không vào hang cọp sao bắt được cọp con. Có lửa ắt có khói; nhưng không thể trông mặt bắt hình dong được. Tiết kiệm được đồng nào là hay đồng ấy; nhưng chết có đem đi được đâu. Trâu chậm thì uống nước đục; nhưng thằng điếc thì không biết sợ sủng. Ba cây chụm lại nên hòn núi cao; nhưng nhiều thầy thì thối ma.^[66] Đã có lúc người ta lên kế hoạch hoặc bao biện cho hành động của mình dựa trên những câu đối lập nhau như vậy. Trách nhiệm đạo đức của nhà cách ngôn là gì? Hoặc của nhà chiêm tinh Hoàng đạo, chuyên gia đoán bài Tarot, hay nhà tiên tri báo lá cải nữa?

Hãy cùng xem xét những tôn giáo chủ lưu. Trong sách Tiên tri Micah, chúng ta được yêu cầu làm những điều đúng đắn và biết nhân từ; trong Xuất Ai Cập ký (Exodus) chúng ta bị cấm phạm tội sát nhân; trong sách Luật Leviticus chúng ta được lệnh phải yêu thương láng giềng như chính bản thân mình; còn trong sách Phức Âm, chúng ta được thúc giục phải yêu thương kẻ thù của mình. Nhưng hãy nghĩ đến những song máu tạo ra bởi những tín đồ cuồng nhiệt của những cuốn sách trong đó ghi rõ những lời hô hào hoa mỹ này.

Trong sách Lịch sử Joshua và phần thứ hai của Dân số ký, việc tàn sát đàn ông, đàn bà, trẻ em, cho tới gia súc ở nhiều thành phố trên toàn vùng đất Canaan lại được tôn vinh. Jericho bị phá hủy hoàn toàn trong một *kherem* hay “thánh chiến.” Lý lẽ bào chữa duy nhất cho vụ tàn sát này là tuyên bố của những kẻ sát nhân rằng, trước đó rất lâu tổ tiên của họ đã được hứa hẹn rằng mảnh đất này là đất của họ để đổi lại việc cắt bao quy đầu các bé trai và tiếp nhận một loạt nghi thức đặc biệt. Trong các thánh thư không tìm thấy mảy may ăn năn hay một chút băn khoăn về những chiến dịch tiêu diệt này. Thay vào đó, Joshua “hủy diệt toàn bộ những gì biết hô hấp, như lệnh của Chúa Trời Israel” (Joshua 10:40). Và những sự kiện này không hề ngẫu nhiên, mà là trọng tâm của một đợt công kích chính của Kinh Cựu ước. Những câu chuyện tàn sát tương tự (và trong trường hợp những người Amalekite là diệt chủng) có thể tìm thấy trong nhiều cuốn sách của Saul, Esther, và nhiều chỗ khác trong Kinh Thánh, với những ngòi vức về mặt đạo đức. Dĩ nhiên, điều này khiến các nhà thần học tự do ở thời đại sau rất băn khoăn.

Người ta nói rằng Quỷ sứ có thể “trích dẫn Kinh Thánh tùy mục đích của hắn.” Kinh Thánh đầy rẫy những câu chuyện về mục đích đạo đức đối lập nhau mà mọi thể hệ đều có thể tìm ra lý lẽ biện minh cho gần như bất kỳ hành động nào – từ tội loạn luân, chế độ nô lệ, và giết người hàng loạt đến tình yêu thánh thiện nhất, lòng can đảm, và tự hy sinh. Và hiện tượng rối loạn đa nhân cách đạo đức này không chỉ giới hạn với đạo Do Thái và Thiên Chúa giáo. Quý vị có thể thấy nó cả trong Hồi giáo, truyền thống Hindu giáo, và trên thực tế là gần như tất cả các tôn giáo trên thế giới. Có lẽ, khi đó sẽ không còn nhiều nhà khoa học mơ hồ về mặt đạo đức.

Tôi tin rằng, nhiệm vụ của giới khoa học là cảnh báo cho công chúng biết về những nguy hiểm có thể có, đặc biệt là những nguy hiểm phát sinh từ khoa học hoặc có thể tiên liệu được qua việc sử dụng khoa học. Quý vị có thể nói rằng, một nhiệm vụ như thế mang tính chất tiên tri. Rõ ràng, những cảnh báo cần rất sáng suốt và không khoa trương hơn thực tế của những hiểm họa; nhưng nếu chúng ta có sai sót thì những sai sót ấy cần phải an toàn.

Trong số những cư dân săn bắt-hái lượm!Kung San ở Hoang mạc Kalahari, khi hai người đàn

ông, có lẽ do bị viêm kích thích tố sinh dục, bắt đầu tranh cãi thì những người phụ nữ sẽ đến lấy đi số tên độc và mọi vũ khí có thể gây nguy hiểm của họ. Ngày nay, những mũi tên độc của chúng ta có thể phá hủy cả nền văn minh toàn cầu và tiêu diệt loài người chúng ta. Cái giá phải trả cho sự mơ hồ về đạo đức giờ đây quá cao. Vì lý do này – chứ không phải vì việc tiếp cận tri thức – nên trách nhiệm đạo đức của các nhà khoa học cũng phải cao, cực cao, cao chưa từng thấy. Tôi mong rằng những chương trình khoa học bậc đại học sẽ đặt ra những câu hỏi này một cách công khai và có hệ thống với các nhà khoa học và kỹ sư trong tương lai. Và đôi khi tôi tự hỏi liệu trong xã hội chúng ta, phụ nữ – và trẻ em – có lấy đi những mũi tên độc để khỏi gây tai họa không.

Chương 17.

CUỘC HÔN NHÂN CỦA THÁI ĐỘ HOÀI NGHI VÀ NHỮNG ĐIỀU KỲ DIỆU

Chẳng có gì tuyệt vời đến mức không thể là sự thật.

Nhận xét được gán cho
Michael Faraday
(1791-1867)

Hiếu biết, chưa được kiểm chứng và không có hậu thuẫn, là một sự bảo đảm không đầy đủ của chân lý.

Bertrand Russell
Chủ nghĩa thần bí và logic
(1929)

Khi chúng ta được yêu cầu tuyên thệ tại các tòa án ở Mỹ – rằng chúng ta sẽ nói “sự thật, toàn bộ sự thật, và không có gì ngoài sự thật” – chúng ta đang được đề nghị điều bất khả thi. Việc này đơn giản là vượt ra quyền năng của chúng ta. Trí nhớ của chúng ta đầy sai sót; thậm chí chân lý khoa học cũng chỉ là xấp xỉ; và chúng ta gần như không biết gì về Vũ trụ. Tuy nhiên, một mạng sống có thể lệ thuộc vào lời khai của chúng ta. Việc tuyên thệ nói sự thật, toàn bộ sự thật, và không có gì ngoài sự thật *trong khi khả năng chúng ta lại hạn chế* là một đề nghị công bằng. Mặc dù vậy, không có câu tuyên thệ rõ này, điều đó là không thể. Nhưng việc xác định tư cách như vậy, dù phù hợp với thực tiễn của con người, là không thể chấp nhận được đối với bất kỳ hệ thống pháp luật nào. Nếu mọi người đều chỉ nói sự thật ở một mức độ do những phán xét cá nhân quyết định thì khi đó những sự thật có tính buộc tội hoặc nguy hiểm có thể bị giấu đi, các sự kiện bị che khuất, tội lỗi bị giấu giếm, trách nhiệm bị né tránh, và công lý bị bác bỏ. Cho nên luật pháp cố gắng đạt tới một chuẩn mực không thể có về tính chính xác, và chúng ta cố gắng hết sức mình.

Trong quá trình lựa chọn hội thẩm đoàn, tòa án cần bảo đảm rằng cáo trạng sẽ dựa trên bằng chứng. Việc này tạo ra những nỗ lực nhằm loại bỏ định kiến. Cần nhận thức về sự không hoàn hảo của loài người. Liệu cá nhân hội thẩm viên có biết quan tòa cấp quận, hoặc công tố viên, hoặc luật sư bào chữa không? Thế còn thẩm phán hoặc các hội thẩm viên khác? Liệu có phải người đó hình thành quan niệm về trường hợp này không phải từ những sự thật được trình ra trước tòa mà từ công luận trước khi xét xử hay không? Liệu người đó sẽ xem bằng chứng từ phía cảnh sát có sức nặng hay nhẹ hơn so với bằng chứng từ các nhân chứng của bị cáo? Liệu người đó có thiên kiến đối với sắc tộc của bị cáo không? Liệu hội thẩm viên có sống trong khu dân cư nơi tội ác diễn ra, và có thể điều đó ảnh hưởng đến phán xét của người ấy không? Liệu người ấy có nền tảng khoa học về những vấn đề mà các nhân chứng chuyên gia sẽ xác nhận không? (Điều này thường là một luận điểm chống lại người đó). Có ai trong số người quen hoặc thành viên gia đình của người đó là làm trong lĩnh vực thực thi pháp luật không? Bản thân người đó đã từng có bất đồng gì với cảnh sát mà có thể ảnh hưởng đến phán xét của người đó tại tòa không? Có bất kỳ bạn thân hoặc người quen nào từng bị bắt giữ vì cùng một tội danh như vậy chưa?

Hệ thống luật học của Mỹ công nhận rất nhiều yếu tố, thiên hướng, thiên kiến, và trải nghiệm có thể che khuất ý kiến của chúng ta, hoặc ảnh hưởng đến tính khách quan của chúng ta – đôi khi thậm chí chúng ta không hề biết. Phải đi cả một chặng đường dài, có lẽ quá dài, mới bảo vệ được quy trình phán xử trong một phiên tòa hình sự trước những nhược điểm của những người phải quyết định có tội hay vô tội. Dĩ nhiên, ngay cả khi đó quy trình này đôi khi vẫn thất bại.

Tại sao chúng ta lại chấp nhận bất kỳ chuyện gì khi tìm hiểu thế giới tự nhiên, hoặc khi cố gắng quyết định những vấn đề chính trị, kinh tế, tôn giáo, và đạo đức quan trọng?

Nếu được ứng dụng một cách nhất quán, khoa học sẽ gây ra một gánh nặng khó nhọc nhất

định để đổi lại những món quà phong phú của nó: Chúng ta buộc phải xem xét *bản thân* và các thiết chế văn hóa của chúng ta một cách khoa học, cho dù điều này có thể khó chịu đến đâu – không được chấp nhận một cách mù quáng bất cứ điều gì chúng ta nghe nói; cố gắng hết mức giải quyết những hy vọng, thói tự cao tự đại và cả những niềm tin chưa được kiểm chứng; nhìn nhận bản thân đúng với thực tế. Liệu chúng ta có thể tận tình và dũng cảm đối theo chuyển động của các hàng tinh hoặc hệ di truyền của vi khuẩn đến bất kỳ đâu nghiên cứu có thể dẫn ta đến, nhưng lại tuyên bố nguồn gốc của vật chất hoặc hành vi của con người là điều cấm kỵ không? Bởi vì sức mạnh giải thích của khoa học rất lớn nên một khi quý vị đã hiểu rõ lập luận khoa học, quý vị luôn háo hức áp dụng nó ở mọi nơi. Tuy nhiên, trong quá trình tìm hiểu sâu chính bản thân mình, chúng ta có thể nghi ngờ những quan điểm đem lại cảm giác dễ chịu trước những điều đáng sợ của thế giới. Tôi nhận thức được rằng một số phần thảo luận trong chương trước có thể có đặc điểm như vậy.

Khi các nhà nhân loại học khảo sát hàng nghìn nền văn hóa và sắc tộc riêng biệt cấu thành nên gia đình nhân loại, họ đã rất ấn tượng vì chỉ có một vài đặc điểm luôn hiện diện cho dù xã hội có lạ lùng đến đâu. Ví dụ, có những nền văn hóa – người Ik ở Uganda là một dạng như vậy – trong đó toàn bộ 10 Điều giới răn dường như bị phớt lờ một cách có hệ thống. Có những xã hội từ bỏ những đứa trẻ sơ sinh và người già, có xã hội ăn thịt kẻ thù, có xã hội dùng vỏ sò hoặc lợn hay thiếu nữ như tiền. Nhưng họ đều có kiêng tránh loạn luân, họ đều sử dụng công nghệ, và gần như tất cả đều tin vào một thế giới siêu nhiên của các vị thần thánh – thường được kết nối với môi trường tự nhiên nơi họ cư trú và sự phồn thịnh của động thực vật mà họ ăn. (Những nền văn hóa có một vị thần tối cao sống trên trời có xu hướng hung bạo nhất – ví dụ đối với kẻ thù của họ. Nhưng đây chỉ là một mối tương quan thống kê; liên hệ nhân quả không được hình thành, mặc dù mọi suy luận hiện diện rất tự nhiên).

Trong mọi xã hội như vậy, có một thế giới huyền tích và ẩn dụ cùng tồn tại với thế giới thường nhật. Có nhiều nỗ lực nhằm điều hòa hai thế giới, và bất kỳ vướng mắc nào ở các khớp nối đều có xu hướng bị bỏ qua. Chúng ta chia nhỏ ra. Một số nhà khoa học cũng thực hiện cách này, dễ dàng bước đi giữa thế giới hoài nghi của khoa học và thế giới thể tục của niềm tin tôn giáo mà không hề lỡ nhịp. Dĩ nhiên, sự 'lệch pha' giữa hai thế giới càng lớn thì càng khó cảm thấy thoải mái, với lương tâm thanh thản.

Trong một đời sống ngắn ngủi và không chắc chắn, dường như rất nhẩn tâm khi làm bất kỳ việc gì có thể lấy đi của người ta niềm ai ủi dựa trên niềm tin khi mà khoa học không thể chữa được những khổ đau của họ. Những người không thể chịu đựng được gánh nặng khoa học đều tự do bỏ qua các quy tắc của nó. Nhưng chúng ta không thể xem khoa học là những thứ tạp nham, ứng dụng nó khi chúng ta thấy an toàn và phớt lờ nó khi chúng ta cảm thấy bị đe dọa – một lần nữa, vì chúng ta chưa đủ hiểu biết để làm như vậy. Ngoại trừ việc giữ kín bộ não trong những khoang kín riêng biệt, làm sao có thể vừa đi lại bằng máy bay, vừa nghe radio hoặc uống kháng sinh trong khi cho rằng Trái Đất chỉ khoảng 10.000 năm tuổi hoặc rằng tất cả những người sinh ở cung Nhân mã đều thích giao du và hòa nhã?

Hình như tôi đã nghe một người hoài nghi là kẻ hợm hĩnh và khinh người? Chắc chắn rồi. Tôi thậm chí có lúc còn nghe thấy sắc thái khó chịu đó trong chính giọng nói của mình, khiến tôi rất mất tinh thần khi nhớ lại. Con người có những điểm không hoàn hảo ở cả hai mặt của vấn đề này. Thậm chí khi được áp dụng một cách thận trọng thì thái độ hoài nghi khoa học có thể vẫn có thể bị xem là ngạo mạn, giáo điều, nhẩn tâm, và tùy tiện trước những cảm xúc và niềm tin sâu thẳm của người khác. Và phải nói rằng, một số nhà khoa học và người hoài nghi áp dụng công cụ này như một thứ dụng cụ cùn nhụt, không mấy khéo léo. Đôi khi cứ như thể kết luận hoài nghi xuất hiện trước, mọi lý lẽ bị gạt bỏ trước, chứ không phải sau, rồi bằng chứng mới được kiểm nghiệm. Tất cả chúng ta đều nuôi dưỡng niềm tin của mình. Ở một mức độ nào đó, chúng mang tính tự định nghĩa. Khi một ai đó nghi ngờ hệ thống niềm tin của chúng ta là không có cơ sở đầy đủ – hoặc, như Socrates, đơn thuần là đặt ra những câu hỏi gây lúng túng mà chúng ta chưa nghĩ tới, hoặc chứng minh rằng chúng ta gạt bỏ mất những giả định cơ bản then chốt – thì đó không đơn thuần là một cuộc tìm kiếm tri thức. Có cảm giác đó giống như một hành động công kích cá nhân.

Nhà khoa học đầu tiên đề xuất coi thái độ nghi ngờ như là đức tính cơ bản của một tư duy

tìm tòi đã nói rõ rằng đây là một công cụ chứ không phải một kết cục. René Descartes viết, Tôi không bắt chước những người hoài nghi chỉ biết nghi ngờ vì mục đích nghi ngờ, và vờ như luôn do dự; ngược lại, toàn bộ mục đích của tôi là đi tới một sự chắc chắn, và gạt bỏ hết lớp cát và đất bồi cho tới khi tôi đào tới lớp đá hoặc sét nằm bên dưới.

Theo cách thức chủ nghĩa hoài nghi đôi khi áp dụng cho những vấn đề công chúng quan tâm, có một khuynh hướng xem thường, chiếu cố, phớt lờ thực tế rằng, dù có bị đánh lừa hay không, những người ủng hộ mê tín và giả khoa học đều là những con người với những cảm xúc thật, những người, giống như người có thái độ hoài nghi, đang cố gắng hình dung ra thế giới vận hành như thế nào và chúng ta có vai trò gì trong thế giới ấy. Trong nhiều trường hợp, động cơ của họ là khoa học. Nếu văn hóa của họ không cho họ tất cả những công cụ họ cần để theo đuổi cuộc tìm kiếm vĩ đại này, thì chúng ta hãy phê phán bằng thái độ cảm thông. Không ai trong chúng ta được trang bị đầy đủ cả.

Rõ ràng, có những hạn chế trong cách sử dụng thái độ hoài nghi. Có một phân tích chi phí-lợi nhuận nào đó cần phải áp dụng, và nếu sự thoải mái, niềm an ủi và hy vọng mà chủ nghĩa huyền bí và mê tín đem lại là rất lớn, và những hiểm họa của việc tin theo tương đối thấp, thì chúng ta không nên nghi ngại nữa chăng? Nhưng vấn đề rất phức tạp. Hãy tưởng tượng rằng quý vị bước vào một chiếc taxi ở một thành phố lớn và ngay lúc quý vị ổn định chỗ ngồi, người lái xe bắt đầu diễn thuyết về những tội lỗi và điều ti tiện của một sắc dân khác. Phải chăng các xử lý tốt nhất của quý vị là im lặng, với suy nghĩ trong đầu rằng im lặng chính là đồng tình? Hay trách nhiệm đạo đức của chúng ta là tranh cãi với anh ta, thể hiện sự tức giận, thậm chí rời khỏi taxi – bởi vì quý vị biết rằng mọi sự đồng ý im lặng sẽ khuyến khích anh lần tiếp theo, và mọi sự phản đối quyết liệt sẽ khiến anh ta phải suy nghĩ kỹ lần tiếp theo? Tương tự như vậy, nếu chúng ta dành cho chủ nghĩa huyền bí và mê tín sự đồng ý lặng quá nhiều – thậm chí khi điều đó có vẻ cũng tốt – thì chúng ta đã tiếp tay cho một bầu không khí chung trong đó thái độ hoài nghi bị coi là khiêm nhã, khoa học bị coi là phiền phức, và cách suy nghĩ nghiêm túc cổ phần ngọt ngào và không thích hợp. Việc nghĩ ra một sự cân bằng cần trọng rất cần suy xét cho đúng.

Ủy ban Điều tra Khoa học về những điều huyền bí là một tổ chức của các nhà khoa học, viện sĩ, ảo thuật và những người khác ủng hộ hình thức tìm hiểu kỹ càng với thái độ hoài nghi đối với giả khoa học đang phát triển mạnh. Ủy ban được thành lập bởi nhà triết học Paul Kurtz tại Đại học Buffalo vào năm 1976. Tôi là hội viên của tổ chức này ngay từ đầu. Tên viết tắt của Ủy ban, CSICOP, được phát âm là “sci-cop” – như thể đây là một tổ chức của các nhà khoa học thực thi chức năng của cảnh sát. Những người bị các phân tích của CSICOP ‘đánh’ thỉnh thoảng lại than phiền: Ủy ban rất thù nghịch với mọi ý tưởng mới, họ nói vậy, đây là một Tòa án dị giáo mới, thế nào cũng sẽ đi quá đà trong việc hạ uy tín người khác, và vân vân.

CSICOP không hoàn hảo. Trong một số trường hợp nhất định, thái độ phê phán như vậy có thể được biện minh ở một mức độ nào đó. Nhưng từ quan điểm của tôi, CSICOP thực hiện một chức năng xã hội quan trọng – như một tổ chức nổi tiếng mà truyền thông có thể áp dụng khi họ muốn nghe tiếng nói thứ hai trong câu chuyện, đặc biệt khi một tuyên bố kỳ lạ nào đó của giả khoa học được đánh giá là đáng quan tâm. Thường vẫn là (và nhiều mảng truyền thông thời sự toàn cầu vẫn như vậy) mọi thuật sĩ biết bay, sinh vật lạ ghé thăm, thầy đồng, và thầy lang chữa bệnh bằng đức tin, khi được truyền thông đưa tin, đều sẽ được đối xử không chút phê phán. Đài truyền hình hoặc báo hay tạp chí không hề nhớ đến những tuyên bố tương tự trước đây đã được chứng minh là những âm mưu và trò lừa bịp. CSICOP chính là một đối trọng, mặc dù chưa phải là một tiếng nói đủ lớn, trước sự cả tin giả khoa học vốn dường như là bản chất thứ hai của truyền thông.

Một trong những phim hoạt hình tôi ưa thích thể hiện một ông thầy bói chăm chú xem bàn tay và kết luận “Anh rất cả tin.” CSICOP xuất bản một nhị cá nguyệt san mang tên

The Skeptical Inquirer. Ngày tạp chí ra, tôi cầm từ văn phòng về nhà và miệt mài xem hết các trang, tự hỏi xem sẽ có những hiểu nhầm mới mẻ nào được phơi bày. Luôn có những trò lừa bịp mà tôi không bao giờ nghĩ tới. Những vòng tròn trên cánh đồng! Sinh vật lạ đến và tạo ra những vòng tròn hoàn hảo và những thông điệp toán học trên ruộng lúa mì!... Ai nghĩ ra được

điều này chứ? Chắc chắn không phải là một thầy đồng nghệ thuật rồi. Những người nông dân giản dị. Ban đầu, tôi rất ấn tượng với khả năng sáng tạo của những câu chuyện này. Nhưng sau đó, khi suy nghĩ tĩnh táo hơn, tôi luôn nhận ra những câu chuyện này rất mơ hồ và giống nhau; đúng là một mớ những ý tưởng cũ rích, không giàu tưởng tượng, chủ nghĩa sô vanh, những hy vọng, và sự sợ hãi khoắc áo sự thật. Những luận điểm, xét từ quan điểm này, rất đáng ngờ. Đó là tất cả những gì họ có thể cho rằng do người ngoài Trái Đất thực hiện... tạo ra những vòng tròn trên ruộng lúa mì ư? Quả là một sự tưởng tượng không thành công! Với mọi văt đẽ, khía cạnh khác của giả khoa học luôn bị phơi bày và chỉ trích.

Nhưng khiếm khuyết chính mà tôi nhìn thấy trong trào lưu hoài nghi chính là tính phân cực của nó: Chúng ta đối lập với Họ – cái cảm giác rằng *chúng ta* có sự độc quyền về chân lý; rằng những người khác tin vào tất cả những học thuyết ngu ngốc thì đều là bọn khờ; rằng nếu anh hiểu biết thì anh sẽ lắng nghe chúng tôi; còn nếu không, anh đúng là “hết thuốc chữa.” Quan điểm này rất không có tính xây dựng. Nó không truyền tải thông điệp một cách rõ ràng. Nó dồn những người hoài nghi vào nhóm thiểu số vĩnh viễn; trong khi đó, một cách tiếp cận mang tính thông cảm ngay từ đầu đã thừa nhận gốc rễ nhân bản của giả khoa học và mê tín có thể lại được chấp nhận rộng rãi hơn nhiều.

Nếu chúng ta hiểu điều này, thì dĩ nhiên chúng ta cảm thấy không chắc chắn và nỗi đau của những người bị bắt cóc, hoặc những người không dám rời khỏi nhà nếu không xem lá số tử vi của mình, hoặc những người đặt mọi hy vọng của họ vào những tinh thể từ lục địa Atlantis. Và sự thông cảm đó dành cho những người đồng cảm trong một quá trình tìm kiếm chung cũng có tác dụng làm cho khoa học và phương pháp khoa học bớt khó chịu hơn, đặc biệt với lớp trẻ.

Nhiều hệ thống niềm tin giả khoa học và Thời đại Mới nảy sinh từ thái độ bất mãn với những giá trị và quan niệm truyền thống – và do đó bản thân chúng là một dạng hoài nghi. (Điều tương tự cũng xảy ra với nguồn gốc của các tôn giáo). David Hess, trong cuốn *Khoa học và Thời đại mới* (Science and the New Age) cho rằng

Thế giới những niềm tin và tập quán huyền bí không thể bị hạ thấp thành thế giới của những kẻ quái gở, lập dị, và bịp bợm. Rất nhiều người ngay thật đang khám phá nhiều cách tiếp cận đối với những câu hỏi mang ý nghĩa cá nhân, tâm linh, chữa bệnh, và trải nghiệm huyền bí nói chung. Với người hoài nghi, công cuộc tìm kiếm của họ có thể cuối cùng lại dừng lại ở một ảo giác, nhưng hạ uy tín chắc chắn chỉ là một công cụ khoa trương hiệu quả cho dự án duy lý của họ nhằm khiến [mọi người] công nhận những gì mà đối với người hoài nghi có vẻ như lỗi suy nghĩ sai lệch hoặc kỳ quái.

... người hoài nghi có thể thu thập manh mối từ ngành nhân loại học văn hóa và phát triển một thái độ hoài nghi phức tạp hơn bằng cách hiểu rõ các hệ thống niềm tin khác nhau từ góc độ của những người nắm giữ chúng và bằng cách đặt những niềm tin này trong bối cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa của họ. Kết quả là, thế giới huyền bí có thể bớt là một khuynh hướng ngó ngàng nhằm tới chủ nghĩa phi lý và giống như một thành ngữ mà qua đó các bộ phận xã hội thể hiện xung đột, tình thế lưỡng nan, và bản sắc... của họ.

Ở mức độ những người hoài nghi có lý thuyết tâm lý hoặc xã hội học về những niềm tin Thời đại Mới, có xu hướng rất đơn giản: Những niềm tin huyền bí đang “an ủi” những người không thể giải quyết được thực tiễn của một vũ trụ vô thần, hoặc niềm tin của họ là sản phẩm của một bộ máy truyền thông vô trách nhiệm vốn không khuyết khích công chúng suy nghĩ với tư duy phê phán...

Nhưng tư duy phê phán công bằng của Hess nhanh chóng suy thoái thành những than phiền rằng các nhà cận tâm lý “để cho sự nghiệp của mình bị hủy hoại bởi những đồng nghiệp đa nghi,” và rằng những người hoài nghi thể hiện “một kiểu nhiệt huyết tôn giáo nhằm bảo vệ thế giới quan duy vật và vô thần vốn luôn công kích những gì được gọi là ‘trào lưu chính thống khoa học’ hoặc ‘chủ nghĩa duy lý phi lý’.”

Đây là một lý do chung nhưng với tôi lại cực kỳ khó hiểu – trên thực tế còn huyền bí. Một lần nữa, chúng ta biết rất nhiều về sự tồn tại và các thuộc tính của vật chất. Nếu có thể hiểu một hiện tượng cụ thể xét về mặt vật chất và năng lượng thì tại sao chúng ta lại đặt giả thuyết rằng có gì đó – điều gì đó chưa có bằng chứng vững vàng – chịu trách nhiệm? Nhưng lời than phiền

rất dai dẳng: Những người hoài nghi sẽ không chấp nhận rằng có một con rồng phun lửa vô hình trong nhà để xe của tôi bởi vì tất cả đều là những người duy vật vô thần.

Trong cuốn *Khoa học ở Thời đại Mới* (Science in the New Age), thái độ hoài nghi được thảo luận, nhưng nó lại không được hiểu rõ, và chắc chắn là không được thực hành. Tất cả các loại tuyên bố huyền bí được trích dẫn, những người hoài nghi bị “mổ xẻ” nhưng quý vị chẳng bao giờ có thể học được gì từ việc đọc thấy rằng có nhiều cách để quyết định xem liệu những tuyên bố mang tính Thời đại Mới và cận tâm lý đối với tri thức là hứa hẹn hay sai lầm. Như trong nhiều tài liệu hậu hiện đại, tất cả đều là vấn đề người ta cảm thấy mạnh mẽ đến đâu và những định kiến của họ là gì.

Robert Anton Wilson, trong cuốn *Tòa án dị giáo mới: Chủ nghĩa duy lý phi lý và thành trì khoa học* (The New Inquisition: Irrational Rationalism and the Citadel of Science, Phoenix: Falcon Press, 1986) mô tả những người hoài nghi như “Tòa án dị giáo mới.” Nhưng với hiểu biết của tôi, không có người hoài nghi nào áp đặt niềm tin cả. Trên thực tế, trên hầu hết các phim tài liệu và chương trình giao lưu truyền hình, người hoài nghi ít được chú ý và gần như không có thời gian lên hình. Tất cả những gì đang diễn ra là một số học thuyết và phương pháp bị phê phán – tệ hơn nữa là bị nhạo báng – trên những tạp chí như *The Skeptical Inquirer* với lượng phát hành tới vài vạn bản. Những người theo trào lưu Thời đại Mới không bị điều, như ở các thời kỳ trước, ra trước các tòa án hình sự, cũng không bị đánh đập vì có ảo giác, và họ chắc chắn không hề bị thiêu sống. Tại sao lại sợ phê phán? Phải chăng họ không quan tâm đến việc xem liệu niềm tin của mình đứng vững ra sao trước những phản đề mà những người hoài nghi có thể đặt ra?

Có lẽ 1% thời gian, người nào có một ý tưởng không thể ngủi, cảm nhận và nhìn ra được so với giả khoa học hóa ra sẽ đúng. Có lẽ một loài bò sát chưa được phát hiện còn sót lại từ thời kỳ Phấn trắng trên thực tế sẽ được tìm thấy tại hồ Loch Ness hoặc Cộng hòa Congo; hoặc chúng ta sẽ tìm thấy di vật của một loài tiên tiến không phải người ở đâu đó trong hệ Mặt Trời. Ở thời điểm viết cuốn sách này, có ba tuyên bố trong lĩnh vực ESP mà, theo ý kiến tôi, đáng để nghiên cứu một cách nghiêm túc: (1) chỉ bằng suy nghĩ, con người có thể tác động hệ thống tạo số ngẫu nhiên trong máy vi tính; (2) những người bị mất cảm giác nhẹ có thể nhận được tư tưởng hoặc hình ảnh “chiếu” lên họ; và (3) trẻ nhỏ đôi khi biết được các chi tiết của một sự kiện sống trước đó, và khi kiểm chứng thì hóa ra rất chính xác và họ chúng không có cách nào biết được điều đó ngoại trừ đầu thai. Tôi chọn những nhận định này không phải vì tôi nghĩ chắc chắn chúng đúng (tôi không nghĩ như vậy), mà chỉ như những ví dụ về các luận điểm *có thể* đúng. Ba nhận định này ít nhất cũng có sự hậu thuẫn thực nghiệm nào đó, mặc dù vẫn còn mơ hồ. Dĩ nhiên, tôi có thể sai.

Vào giữa thập niên 1970, một nhà thiên văn học tôi ngưỡng mộ đã soạn ra một tuyên ngôn khiêm tốn gọi là “Những lý lẽ phản đối môn chiêm tinh” và đề nghị tôi nhuận sắc. Tôi đánh vật với ngôn từ của ông ấy, và cuối cùng tôi thấy không thể đứng tên – không phải vì tôi nghĩ chiêm tinh có giá trị gì đó, mà vì tôi cảm thấy (và giờ vẫn cảm thấy) rằng giọng điệu nhận định rất độc đoán. Cuốn sách chỉ trích môn chiêm tinh vì có nguồn gốc được bao bọc trong mê tín. Nhưng điều này cũng đúng với tôn giáo, hóa học, y học và cả thiên văn học, đó mới chỉ là đề cập tới bốn lĩnh vực. Vấn đề không phải là môn chiêm tinh xuất phát từ vốn kiến thức kém cỏi và sơ đẳng nào, mà là giá trị hiện tại của nó là gì. Khi đó đã có nghiên cứu về những động cơ tâm lý của những người tin vào chiêm tinh. Những động cơ này – chẳng hạn cảm nhận về sự bất lực trong một thế giới phức tạp, nhiều khê và khó lường – có thể giải thích lý do tại sao chiêm tinh nhìn chung không được nghiên cứu thấu đáo, nhưng chẳng đáng kể với vấn đề liệu nó có tác dụng hay không.

Nhận định nhấn mạnh rằng chúng ta có thể không nghĩ tới cơ chế mà nhờ đó môn chiêm tinh có thể có tác dụng. Đây chắc chắn là một điểm thích hợp nhưng tự nó lại không thuyết phục. Không có cơ chế nào từng được biết đến liên quan tới quá trình trôi dạt lục địa (hiện được gộp vào lĩnh vực kiến tạo mảng) khi lĩnh vực này được Alfred Wegener khởi xướng đầu thế kỷ 20 để giải thích cho rất nhiều dữ liệu khó hiểu trong địa chất học và cổ sinh vật học. (Những vĩa đá và hóa thạch chứa quặng đường như chạy liên tục từ vùng Đông Nam Mỹ tới tận Tây Phi;

phải chẳng hai lục địa này từng chạm nhau và Đại Tây Dương chỉ mới xuất hiện trên hành tinh chúng ta?). Quan điểm này nhìn chung bị tất cả những nhà địa vật lý tên tuổi bác bỏ vì họ tin chắc rằng các lục địa cố định, không hề nổi trên bất kỳ cái gì, và do đó không thể “trôi dạt” được. Thay vào đó, quan niệm chủ yếu ở thế kỷ 20 về địa vật lý hóa ra lại là kiến tạo mảng; hiện nay chúng ta hiểu rằng các mảng lục địa trên thực tế nổi và “trôi dạt” (hoặc đúng hơn là được một loại băng tải chạy bằng động cơ nhiệt cực lớn của ruột Trái Đất vận chuyển), và tất cả các nhà địa vật lý tên tuổi ấy đều sai. Những lý lẽ phản bác giả khoa học dựa trên cơ chế không có sẵn có thể sẽ nhầm lẫn – mặc dù nếu các lý lẽ vi phạm các quy luật vật lý đã được xác định thì những ý kiến phản bác như vậy dĩ nhiên có trọng lượng rất lớn.

Nhiều ý kiến phê bình rất có giá trị đối với môn chiêm tinh có thể được hình thành chỉ trong một vài câu: Chẳng hạn, việc chấp nhận biến động của các điểm xuân/thu phân khi công bố “Thời kỳ Bảo bình” và việc bác bỏ biến động của các điểm phân khi lập lá số tử vi; việc không chú ý đến khúc xạ khí quyển; danh sách những đối tượng trên trời được cho là quan trọng vốn chủ yếu chỉ là những đối tượng nhận biết được bằng mắt thường mà Ptolemy đã biết đến từ thế kỷ 2, và bỏ qua rất nhiều đối tượng thiên văn mới được phát hiện kể từ thời kỳ đó (đâu là chiêm tinh về các tiểu hành tinh gần Trái Đất?); những yêu cầu không nhất quán về thông tin chi tiết khi so sánh với kinh độ và vĩ độ chào đời; thất bại của chiêm tinh trong quá trình kiểm nghiệm các cặp song sinh giống hệt nhau; những khác biệt chính trong các lá số tử vi do các nhà chiêm tinh khác nhau lập ra từ thông tin sinh giống hệt nhau; và tình trạng thiếu quan hệ tương liên được minh chứng giữa tử vi và những kiểm chứng tâm lý học như Kiểm kê Cá tính nhiều pha Minnesota.

Những gì tôi sẽ đứng tên là một nhận định mô tả và bác bỏ những nguyên lý chính của niềm tin vào chiêm tinh. Một nhận định như vậy sẽ có sức thuyết phục hơn rất nhiều so với những gì thực tế được lưu hành và xuất bản. Nhưng chiêm tinh, vốn đã đi cùng chúng ta 4000 năm có dư, hiện nay dường như còn thông dụng hơn bao giờ hết. Ít nhất có đến một phần tư số người Mỹ, theo nhiều thăm dò ý kiến, “tin” vào chiêm tinh. Một phần ba nghĩ rằng chiêm tinh dựa vào dấu hiệu Mặt Trời là “khoa học.” Bộ phận học sinh tin vào chiêm tinh tăng từ 40% lên 59% trong khoảng thời gian từ 1978 đến 1984. Có lẽ số chiêm tinh gia ở Hoa Kỳ nhiều hơn số nhà thiên văn gấp 10 lần. Tại Pháp, có nhiều chiêm tinh gia hơn là các giáo sĩ Công giáo La Mã. Giới khoa học không hề có thái độ bác bỏ một cách hẹp hòi liên quan đến những nhu cầu xã hội mà chiêm tinh – không thành vấn đề nó không có giá trị gì – giải quyết, và khoa học cũng không làm vậy.

Như tôi đã cố gắng nhấn mạnh, ở trung tâm của khoa học là một sự cân bằng rất quan trọng giữa hai thái độ dường như đối lập – một bên là sự cởi mở đối với những ý tưởng mới, cho dù kỳ quặc hoặc phản trực giác, và bên kia là sự xem xét với thái độ hoài nghi nghiêm ngặt đối với mọi ý tưởng, cũ và mới. Đây chính là cách những chân lý sâu xa được sàng lọc từ những điều vô nghĩa. Tập hợp lối tư duy sáng tạo và tư duy hoài nghi, phối hợp lại, giúp cho khoa học đi đúng đường. Mặc dù vậy, hai thái độ dường như đối lập này cũng có chút căng thẳng.

Hãy xem xét nhận định này: Khi tôi bước đi, thời gian – được đo bằng đồng hồ đeo tay của tôi hoặc bằng quá trình già đi của tôi – chậm lại. Tương tự, tôi thu gọn lại theo hướng chuyển động. Tương tự, tôi ngày càng đồ sộ hơn. Đã ai từng chứng kiến một chuyện như thế này chưa? Rất dễ bác bỏ những điều như thế. Đây là một nhận định khác: Vật chất và phản vật chất đều là thời gian, trải qua Vũ trụ, được tạo ra từ hư không. Đây là nhận định thứ ba: Sẽ có một lúc nào đó, xe hơi của quý vị tự lao qua tường gạch nhà để xe của quý vị và sáng hôm sau thấy nằm chềnh ềnh ngoài phố. Tất cả những nhận định này đều buồn cười! Nhưng nhận định đầu là một tuyên bố có tính tương đối đặc biệt, và hai nhận định còn lại là kết quả của cơ học lượng tử (chúng được gọi là những biến thiên chân không và đi xuyên rào cản^[67]). Dù muốn hay không thì đó cũng là cách thế giới vận hành. Nếu quý vị khẳng định cho rằng nó ngớ ngẩn, thì quý vị sẽ mãi mãi chỉ khép kín với một vài phát hiện chính về những quy luật điều khiển Vũ trụ.

Nếu quý vị chỉ hoài nghi thì không có ý tưởng mới nào vượt qua được quý vị. Quý vị chẳng bao giờ học được gì. Quý vị trở thành một kẻ yếm thế quái gở tin rằng thế giới bị điều khiển bởi những điều vô lý. (Dĩ nhiên, có nhiều dữ liệu ủng hộ quý vị). Vì những phát hiện chính ở

ranh giới của khoa học là rất hiếm nên kinh nghiệm có xu hướng khẳng định cho tính cực cần của quý vị. Nhưng thỉnh thoảng, một ý tưởng mới hóa ra lại hoàn toàn đúng, có giá trị và tuyệt vời. Nếu quý vị quá tuyệt đối hoài nghi một cách cương quyết, quý vị sẽ bỏ lỡ (hoặc không bằng lòng) những phát hiện đang thay đổi trong khoa học, và dù bằng cách nào thì quý vị cũng sẽ cản trở hiểu biết và tiến bộ. Chủ nghĩa hoài nghi thuần túy là chưa đủ.

Đồng thời, khoa học đòi hỏi thái độ hoài nghi kiên quyết và mạnh mẽ nhất, bởi vì đa số những ý tưởng đều sai, và cách duy nhất để sàng lọc lúa mì từ vỏ trấu chính là thử nghiệm và phân tích. Nếu quý vị cởi mở với quan điểm về tính cả tin và không có may mắn thái độ hoài nghi về mình, thì quý vị không thể nhận biết được những ý tưởng đầy hứa hẹn từ những điều vô giá trị. Chấp nhận mọi quan điểm, ý tưởng, và giả định mà không nghi ngờ gì thì chẳng khác gì không hiểu biết gì cả. Những ý tưởng đối lập với nhau; chỉ có thông qua xem xét với thái độ hoài nghi thì chúng ta mới có thể quyết định được. Một số ý tưởng thật sự tốt hơn hẳn những ý tưởng khác.

Việc hòa trộn hợp lý hai hình thức tư duy này chính là trọng tâm cho thành công của khoa học. Những nhà khoa học giỏi đều thực hiện cả hai. Về phần họ, họ tự nhủ với mình, họ đào xới nhiều ý tưởng mới, và phê phán chúng một cách hệ thống. Hầu hết các ý tưởng không bao giờ tự tìm đến với thế giới bên ngoài. Chỉ có những ý tưởng vượt qua được quá trình tự sàng lọc ngặt nghèo mới xuất hiện để được bộ phận còn lại của cộng đồng khoa học phê bình.

Vì đặc điểm tự phê bình và phê bình cho nhau rất bền bỉ này, và do dựa vào thực nghiệm như yếu tố phân xử cho các giả thuyết tranh đấu với nhau, nên nhiều nhà khoa học có xu hướng thiếu tự tin khi mô tả tâm trạng bản khoả của chính họ trước sự xuất hiện của một phỏng đoán quá mới. Đây là một điều đáng tiếc, bởi vì những khoảnh khắc hoan hỉ hiếm hoi này làm cho nỗ lực khoa học sáng tỏ và đầy nhân bản.

Không một ai có thể hoàn toàn cởi mở hoặc hoàn toàn hoài nghi. Tất cả chúng ta đều phải vẽ ra ranh giới ở đâu đó. Một câu ngạn ngữ xưa của người Trung Hoa khuyên “Quá tin tưởng vẫn tốt hơn là quá hoài nghi”, nhưng câu này là từ một xã hội cực kỳ bảo thủ trong đó sự ổn định được đánh giá cao hơn rất nhiều so với tự do và nơi các nhà cai trị rất quan tâm đến chuyện không bị thách thức. Tôi tin rằng, hầu hết các nhà khoa học sẽ nói “Quá hoài nghi vẫn tốt hơn là quá tin tưởng.” Nhưng cả hai điều đều không dễ. Thái độ hoài nghi một cách có trách nhiệm, tỉ mỉ, mạnh mẽ đòi hỏi thói quen tư duy dứt khoát vốn cần phải thực hành và đào tạo mới có được. Tính cả tin – tôi nghĩ từ đúng hơn phải là “cởi mở” hoặc “ngạc nhiên” – cũng không dễ mà có. Nếu chúng ta thật sự cởi mở với những ý tưởng phản trực giác trong vật lý hoặc tổ chức xã hội hay bất kỳ điều gì khác, chúng ta phải nắm vững những ý tưởng này. Điều đó không có nghĩa là cởi mở với một định đề chúng ta không hiểu.

Cả hoài nghi và những điều kỳ diệu đều là những kỹ năng cần mài giũa và thực hành. Cuộc hôn nhân hòa hợp của chúng trong tư duy của mọi học sinh nên là mục tiêu chính cho nền giáo dục công. Tôi rất muốn thấy cảnh hạnh phúc ở trong nước được khắc họa trên truyền thông, đặc biệt là truyền hình: Một cộng đồng những người thực sự đang tạo ra sự hòa hợp – đầy những điều kỳ diệu, cởi mở với mọi quan điểm, không bác bỏ điều gì ngoại trừ vì lý do chính đáng, nhưng đồng thời, và như bản chất thứ hai, đòi hỏi những chuẩn mực nghiêm ngặt về bằng chứng – và những chuẩn mực này được áp dụng cho những gì họ muốn bác bỏ mà không bị trừng phạt, ít nhất cũng với mức độ nghiêm túc như áp dụng cho những gì họ yêu mến.

Chương 18. GIÓ GÂY BỤI

Gió gây bụi vì nó muốn thổi,
Cuốn đi vết chân chúng ta.

Tiêu bản văn hóa dân gian thổ dân
W.H.I Bleek và L.C. Lloyd sưu tầm
L.C. Lloyd chủ biên (1911)

Mỗi lần một người hoang dã lần theo dấu vết con mồi của mình, anh ta đều quan sát rất tỉ mỉ, và độ chính xác của cách lập luận quy nạp và diễn dịch, khi áp dụng cho những vấn đề khác, sẽ bảo đảm tiếng tăm cho người làm khoa học... Lao động trí óc của một “thợ săn hay chiến binh giỏi” vượt xa rất nhiều so với một người Anh bình thường.

Thomas H. Huxley

Tuyển tập các bài luận (Collected Essays), Tập II, *Darwiniana: Tiểu luận* (London: Macmillan, 1907), tr. 175-6 [từ “Phê bình Darwin” (1871)]

Tạo sao lại có quá nhiều người thấy khoa học khó học và khó dạy đến vậy? Tôi đã thử gọi ý một số lý do – mức độ chính xác của nó, những khía cạnh phản trực giác và gây băn khoăn, khả năng bị lạm dụng, sự độc lập trước giới chức, và vân vân. Nhưng còn có gì đó sâu xa hơn chăng? Alan Cromer là một giáo sư vật lý tại Đại học Northeastern ở Boston, người rất ngạc nhiên khi thấy nhiều sinh viên không thể nắm bắt được những khái niệm cơ bản nhất trong lớp vật lý của ông. Trong cuốn *Cảm giác lạ thường: Bản chất dị giáo của khoa học* (Uncommon Sense: The Heretical Nature of Science, 1993), Cromer đề xuất rằng khoa học khó vì nó mới mẻ. Chúng ta, một giống loài đã có vài trăm nghìn năm tuổi, phát hiện ra phương pháp khoa học chỉ cách đây vài thế kỷ, ông nói vậy. Cũng như nghề viết lách, vốn chỉ mới vài thiên niên kỷ, chúng ta chưa nắm bắt được là bao – hoặc ít nhất chưa có sự nghiên cứu nghiêm túc và thấu đáo.

Ông gợi ý rằng, ngoại trừ một chuỗi các sự kiện lịch sử không chắc chắn, chúng ta sẽ chẳng bao giờ sáng tạo ra khoa học:

Thái độ thù nghịch với khoa học, đứng trước những thắng lợi và lợi ích hiển nhiên của nó, là... bằng chứng cho thấy nó là gì đó bên ngoài dòng chảy phát triển của có người, có lẽ là một may mắn.

Nền văn minh Trung Hoa đã sáng chế ra ván in di động, thuốc súng, pháo hoa, la bàn từ tính, địa chấn kế, và những quan sát cùng niên biểu rất có hệ thống về các thiên hà. Các nhà toán học Ấn Độ sáng chế ra số 0, chìa khóa cho môn số học và do đó cho cả khoa học định lượng. Nền văn minh Aztec phát triển một loại lịch tốt hơn rất nhiều so với lịch của nền văn minh Châu Âu, tác nhân nhận chìm và hủy hoại văn minh Aztec; họ đã có thể dự đoán được vị trí của các hành tinh, và trong những thời kỳ dài hơn trong tương lai. Nhưng không một nền văn minh nào trong số này, theo Cromer, phát triển được phương pháp khoa học mang tính thực nghiệm, hoài nghi và thẩm tra. Toàn bộ phương pháp đó xuất xứ từ Hy Lạp cổ đại:

Việc người Hy Lạp phát triển lối suy nghĩ khách quan có vẻ cần nhiều nhân tố văn hóa cụ thể. Trước hết là các cuộc nhóm họp nơi mọi người lần đầu tiên học cách thuyết phục người khác bằng hình thức tranh luận một cách hợp lý. Thứ hai là một nền kinh tế hàng hải giúp ngăn ngừa tình trạng cô lập và chủ nghĩa địa phương hẹp hòi. Thứ ba là sự tồn tại của một thế giới nói tiếng Hy Lạp rất rộng nơi lũ khách và học giả có thể đi lại thoải mái. Thứ tư là sự tồn tại của một tầng lớp thương nhân độc lập có thể thuê giáo viên của riêng họ. Thứ năm là các trường ca *Iliad* và *Odyssey*, những kiệt tác văn học vốn cũng chính là những ví dụ hoàn hảo về lối suy nghĩ dựa trên lý trí. Thứ sáu là một tôn giáo văn chương không do các tu sĩ thống lĩnh. Và thứ bảy là tính bền bỉ của những nhân tố này trong cả 1000 năm.

Việc tất cả những nhân tố này hợp lại với nhau thành một nền văn minh vĩ đại là điều khá ngẫu nhiên; nó không xảy ra hai lần.

Tôi rất tán đồng với luận điểm này. Người Ionia cổ đại là những người đầu tiên mà nay chúng ta biết là đã tranh luận một cách có hệ thống rằng những quy luật và sức mạnh của Tự nhiên,

chứ không phải các vị thần, mới chịu trách nhiệm về trật tự và thậm chí sự tồn tại của thế giới. Như Lucretius tổng kết quan điểm của họ, “Tự nhiên hoàn toàn tự do và không hề có những vị chúa tể kiêu căng được xem là thực hiện tất cả mọi điều mà không cần sự can thiệp của các vị thần.” Ngoại trừ tuần đầu tiên của các khóa triết học nhập môn, các tên gọi và khái niệm về người Ionia xưa gần như không bao giờ được nhắc đến trong xã hội chúng ta. Những người phủ nhận các vị thần có xu hướng bị lãng quên. Chúng ta không sốt ruột giữ gìn ký ức về những người hoài nghi như vậy, những ý tưởng của họ càng không. Những người hung cổ gắng giải thích thế giới bằng vật chất và năng lượng có thể xuất hiện rất nhiều lần trong nhiều nền văn hóa, chỉ để bị xóa nhòa bởi những tu sĩ và triết gia chịu trách nhiệm hình thành nên tri thức truyền thống – như cách tiếp cận của người Ionia gần như bị lãng quên hoàn toàn sau thời Plato và Aristotle. Với nhiều nền văn hóa và nhiều thí nghiệm kiểu này, có thể chỉ vào những dịp hiếm hoi thì một ý tưởng mới bén rễ được.

Cây cối và động vật được thuần dưỡng và nền văn minh bắt đầu chỉ mới 10.000-12.000 năm trước. Thí nghiệm của Ionia đã 2.500 năm tuổi. Nó gần như bị xóa bỏ. Chúng ta có thể thấy những bước tiến tới khoa học tại Trung Hoa, Ấn Độ cổ đại và những nơi khác, cho dù thất thường, không hoàn chỉnh và ít đem lại kết quả. Nhưng giả sử người Ionia chưa bao giờ tồn tại, và khoa học cùng toán học của người Hy Lạp chưa bao giờ phát triển. Khi đó liệu có khả năng là, trong lịch sử loài người, khoa học sẽ lại vẫn xuất hiện không? Hoặc, nếu xét đến nhiều nền văn hóa và nhiều rắc rối lịch sử, thì phải chăng chưa chắc sự kết hợp đúng đắn của các nhân tố sẽ phát huy tác dụng ở đâu đó khác, sớm hoặc muộn – trên những hòn đảo của Indonesia chẳng hạn, hoặc ở vùng Caribbean ở ngoại vi một nền văn minh Mesoamerica chưa hề bị những kẻ đi xâm chiếm thuộc địa đụng tới, hoặc ở các thuộc địa của Na Uy trên bờ biển Bắc Hải?

Tôi nghĩ rằng, trở ngại đối với lối suy nghĩ khoa học không phải là độ khó của vấn đề. Những thành tựu tri thức phức tạp chính là trụ cột của ngay cả những nền văn hóa bị áp chế. Các pháp sư, thuật sĩ, và nhà thần học đều rất giỏi trong lĩnh vực nghệ thuật khó hiểu và bí truyền của họ. Không, trở ngại mang tính chính trị và có thứ bậc. Ở những nền văn hóa thiếu những thách thức không quen thuộc, cả bên trong và bên ngoài, nơi không cần đến thay đổi cơ bản, thì những ý tưởng mới không được khuyến khích. Trên thực tế, dị giáo có thể bị tuyên bố là nguy hiểm; suy nghĩ có thể siết chặt; và những hình phạt đối với những ý tưởng bị cấm đoán có thể được áp đặt – tất cả không gây hại nhiều lắm. Nhưng trong những hoàn cảnh chính trị, sinh học và môi trường khác nhau và hay thay đổi, việc chỉ đơn thuần sao chép lại những cách thức cũ không còn có tác dụng nữa. Khi đó, một phần thưởng sẽ chờ đợi những người cởi mở với những gì Vũ trụ dạy họ, thay vì bám theo truyền thống hoặc cố tìm cách gán những điều mình ưa thích cho Vũ trụ vật chất hoặc xã hội. Mỗi xã hội phải quyết định xem sự an toàn nằm ở đâu trong dòng chảy liên tục giữa thái độ cởi mở và thái độ cứng nhắc.

Toán học Hy Lạp là một bước tiến vĩ đại. Mặt khác, khoa học Hy Lạp – những bước đi đầu tiên của nó rất sơ đẳng và thường thiếu thực nghiệm – được sàng lọc bằng sai sót. Bất chấp thực tế là chúng ta không thể nhìn trong bóng tối mịt mù, họ vẫn tin rằng ảo giác tùy thuộc vào một dạng ra đa tỏa ra từ mắt, bật lại từ những gì chúng ta đang nhìn, và quay trở lại mắt. (Tuy nhiên, họ lại đạt được tiến bộ đáng kể trong môn quang học). Bất chấp những điểm tương đồng thấy rõ giữa trẻ nhỏ và mẹ chúng, họ vẫn tin rằng sự di truyền chỉ do tinh dịch nam giới truyền tải, còn phụ nữ chỉ là một chủ thể tiếp nhận thụ động. Họ tin rằng chuyển động ngang của một hòn đá được ném đi giúp nâng nó lên, cho nên nó mất nhiều thời gian chạm tới mặt đất hơn là một hòn đá rơi từ cùng một độ cao tại cùng một thời điểm. Vốn say mê hình học đơn giản, họ tin rằng hình tròn là “hoàn hảo;” bất chấp “Hình người trên Mặt Trăng” và các vết đen trên Mặt Trời (thỉnh thoảng nhìn thấy bằng mắt thường lúc hoàng hôn), họ cho rằng các thiên hà cũng “hoàn hảo;” do đó, các quỹ đạo hành tinh phải là hình tròn.

Thoát ly với mê tín chưa đủ để khoa học phát triển. Một người cần phải có ý niệm về việc nghiên cứu kỹ lưỡng Tự nhiên, về việc làm thí nghiệm. Có một số ví dụ rất hay – chẳng hạn, cách đo đường kính Trái Đất của Eratosthenes hoặc thí nghiệm đồng hồ nước của Empedocles chứng minh bản chất vật chất của không khí. Nhưng ở một xã hội trong đó lao động chân tay bị xem thường và bị coi là chỉ phù hợp cho đám nô lệ, như trong thế giới Hy Lạp cổ đại, thì phương

pháp thực nghiệm không phát triển. Thông thường, mê tín và bất công do những thế lực thế tục và giáo hội bắt tay nhau áp đặt cho xã hội. Không có gì lạ khi các cuộc cách mạng chính trị, thái độ hoài nghi đối với tôn giáo, và sự vươn lên của khoa học có thể đi cùng nhau. Giải phóng khỏi mê tín là một điều kiện cần thiết nhưng chưa phải là điều kiện đủ cho khoa học.

Đồng thời, không thể phủ nhận được rằng những nhân vật trung tâm trong quá trình chuyển đổi từ mê tín thời trung cổ sang khoa học hiện đại chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi ý tưởng về một vị Chúa Tối cao sáng tạo ra Vũ trụ và thiết lập không chỉ những điều giới răn mà con người phải sống theo, mà còn cả những quy luật để chính Tự nhiên cũng phải tuân thủ. Nhà thiên văn học người Đức ở thế kỷ 17 Johannes Kepler, người có ảnh hưởng rất lớn đối với vật lý học Newton, đã mô tả việc ông theo đuổi khoa học như một mong ước muốn biết về ý nghĩ của Chúa. Trong thời đại chúng ta, các nhà khoa học hàng đầu, kể cả Albert Einstein và Stephen Hawking, đã mô tả công cuộc tìm kiếm của họ bằng những thuật ngữ gần như giống hệt. Triết gia Alfred North Whitehead và sử gia về công nghệ Trung Quốc Joseph Needham cũng gợi ý rằng những gì còn thiếu trong sự phát triển của khoa học ở các nền văn hóa không phải Phương Tây chính là thuyết một thần.

Nhưng tôi nghĩ rằng có bằng chứng đối lập với toàn bộ luận điểm này, vẫn đang kêu gọi chúng ta qua nhiều thiên niên kỷ...

Nhóm đi săn bám theo vết chân hươu và mùi còn thú. Họ dừng lại một lúc tại một khoảng rừng. Quỳ mọp xuống đất, họ kiểm tra bằng chứng một cách cẩn thận. Vết chân mà họ đang bám theo bị một vết khác cắt qua. Họ nhanh chóng thống nhất xem loài động vật nào đã tạo ra vết chân này, có bao nhiêu con, đang độ tuổi và thuộc giống đực hay cái, có con nào bị thương không, chúng đi nhanh tới mức nào, chúng đã đi qua được bao lâu, có cánh thợ săn nào bám theo không, liệu nhóm của họ có thể đuổi kịp con mồi không, và nếu như vậy, sẽ mất bao lâu nữa. Quyết định được đưa ra, họ dùng tay xóa dấu vết họ sẽ bám theo, phát ra những âm thanh khe khẽ như gió thoảng qua hàm răng, và bắt đầu. Mặc dù mang theo cung và tên độc, họ vẫn tiếp tục cuộc chạy đua viết dã kéo dài hàng giờ liền. Gần như họ luôn đọc được những thông điệp trên mặt đất một cách chính xác. Họ nghĩ tới linh dương hoặc hươu đuôi vằn, đúng với số lượng và trông tình trạng như họ ước đoán. Cuộc đi săn thành công. Thịt được mang về khu lán tạm. Tất cả mọi người đều hả hê.

Đoạn văn đi săn ít nhiều khá điển hình này nói về người!Kung San ở Hoang mạc Kalahari, tại các nước Cộng hòa Botswana và Namibia, những người mà, buồn thay, hiện nay đang bên bờ vực tuyệt chủng. Nhưng trong nhiều thập kỷ, họ và lối sống của họ được các nhà nhân chủng học nghiên cứu. Người!Kung San là điển hình cho hình thức tồn tại săn bắt-hái lượm mà loài người chúng ta từng dành phần lớn thời gian – cho tới 10.000 năm trước, khi cây cối và động vật được thuần hóa và điều kiện của con người bắt đầu thay đổi, có lẽ là mãi mãi. Họ là những người lần theo dấu vết với kỹ năng phi thường đến mức họ được quân đội Nam Phi dưới thời phân biệt chủng tộc tuyển mộ để săn đuổi nạn nhân trong những cuộc chiến chống lại “các nhà nước tuyển đầu.”[\[68\]](#) Việc tiếp xúc với quân đội Nam Phi da trắng càng làm tăng nhanh quá trình suy vong lối sống của người Kung San bằng nhiều cách khác nhau – nó vốn đã dần dần suy vong qua nhiều thế kỷ do tiếp xúc với nền văn minh Châu Âu.

Họ đã làm thế nào? Làm sao họ có thể nói được nhiều điều như vậy dù mới chỉ nhìn qua? Chỉ nói rằng họ là những nhà quan sát sắc bén không giải thích điều gì cả. Thực tế họ đã làm gì? Theo nhà nhân chủng học Richard Lee:

Họ xem xét kỹ càng hình dạng những dấu lõm. Các dấu chân của một con vật di chuyển nhanh cho thấy sự đối xứng kéo dài hơn. Một con vật hơi khập khiễng thường chú ý tới cái chân bị đau, giảm bớt trọng lực lên nó, và để lại vết chân mờ hơn. Một con vật nặng nề để lại vết lõm sâu và rộng hơn. Các chức năng tương liên như thế này đã nằm trong đầu của người thợ săn.

Theo thời gian, dấu chân bị bào mòn đi một chút. Vách của vết lõm có xu hướng sụt xuống. Cát do gió thổi đọng lại ở đáy vết lõm. Có lẽ một ít lá cây, cành khô, hoặc cỏ bị thổi bay vào đó. Quý vị chờ đợi càng lâu thì quá trình bào mòn càng nhiều.

Phương pháp này rất giống với những gì các nhà thiên văn học hành tinh sử dụng để phân tích các miệng hố sót lại do va chạm với các vật thể từ vũ trụ: Những yếu tố khác tương đương nhau thì miệng hố càng nông, tuổi thọ của nó càng cao. Các miệng hố có vách sụt xuống, với tỉ số chiều sâu so với đường kính trung bình và các hạt mịn tích tụ ở bên trong có xu hướng cổ hơn – bởi vì chúng phải đủ lâu để các quá trình bào mòn này xảy ra.

Các nguồn gây ra phân rã có thể khác biệt giữa thế giới này với thế giới khác, hoặc giữa hoang mạc này với hoang mạc khác, hoặc thời đại này với thời đại khác. Nhưng nếu quý vị biết ý nghĩa của chúng, quý vị có thể quyết định được nhiều điều, từ chi tiết miệng vết chân thú rõ hay mờ trở đi. Nếu những dấu vết của côn trùng hoặc loài động vật khác chồng lên các vết móng guốc thì điều này cũng ảnh hưởng đến tính chất của chúng. Độ ẩm dưới bề mặt của đất và tỉ lệ đất khô dần sau khi bị một móng guốc cày tung lên sẽ quyết định vách của vết móng guốc dễ sụt lở đến mức độ nào. Tất cả những vấn đề này đã được người!Kung nghiên cứu rất kỹ càng.

Bầy thú đang chạy rất ghét sức nóng của Mặt Trời. Các loài động vật sẽ sử dụng bất cứ bóng râm nào chúng tìm được. Chúng tat hay đổi lộ trình để tận dụng bóng râm của một khoảng rừng. Nhưng chỗ nào có bóng râm lại tùy thuộc vào thời gian trong ngày, bởi vì Mặt Trời di chuyển ngang qua bầu trời. Buổi sáng, khi Mặt Trời mọc lên ở phía đông, bóng râm đổ về phía tây của vật thể. Cuối buổi chiều, khi Mặt Trời lặn xuống phía tây, bóng râm lại đổ về phía đông. Từ sự đổi hướng của vết chân, có thể nói được bầy thú đã đi qua được bao lâu. Cách tính toán này sẽ rất khác nhau tùy vào các mùa khác nhau trong năm. Cho nên thợ săn phải luôn nắm rõ trong đầu mình một loại lịch thiên văn dự đoán được chuyển động của Mặt Trời.

Với tôi, tất cả những kỹ năng lần theo dấu vết tài tình này chính là khoa học đưa vào hành động.

Những người săn bắt-hái lượm không chỉ là chuyên gia trong việc lần theo dấu vết các loài động vật; họ còn biết rất rõ dấu vết của người. Mọi thành viên của nhóm thợ săn đều có thể nhận biết được qua dấu chân của họ; đặc điểm này cũng quen thuộc như khuôn mặt họ vậy. Laurens van der Post mô tả

Các xa nhà nhiều dậm và tách bạch hẳn với phần còn lại, Nxou và tôi, đang theo dấu một con hươu đực bị thương, đột nhiên tìm thấy một loạt dấu vết khác hợp với dấu vết của chúng tôi. Anh ấy làm bầm vẽ hài lòng và nói đó là vết chân của Bauxhau mới in chưa đầy vài phút trước. Anh ấy khẳng định Bauxhau đang chạy rất nhanh và rằng chỉ lát nữa chúng tôi sẽ thấy cậu ấy và cả con thú. Chúng tôi leo lên đỉnh một trảng cát trước mặt và Bauxhau ở đó, đang lột da con thú.

Hay Richard Lee, cũng sống chung với người!Kung San, đã kể lại một thợ săn đã nhận xét như thế nào khi xem xét qua vài dấu vết, “Ồ, nhìn xem, Tunu đang ở đây cùng với người anh rể của ông ấy. Nhưng con trai ông ấy đâu?”

Đây có thật sự là khoa học không? Phải chăng mọi chuyên gia truy tìm dấu vết trong quá trình học hỏi đều ngồi xổm hàng giờ liền, theo dõi quá trình thay đổi chậm chạp của một vết chân linh dương? Khi nhà nhân chủng học hỏi câu hỏi này, câu trả lời là những người thợ săn luôn sử dụng những phương pháp như vậy. Họ quan sát cha họ và những thợ săn giỏi khác trong quá trình học việc. Họ học bằng cách bắt chước. Các nguyên tắc chung được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Những biến số ở địa phương – tốc độ gió, độ ẩm của đất – được cập nhật khi cần thiết trong ở mỗi thế hệ, hoặc theo mùa, hoặc qua từng ngày.

Nhưng các nhà khoa học hiện đại cũng làm đúng như vậy. Mỗi lần chúng ta cố gắng đánh giá độ tuổi của một miệng hố trên Mặt Trăng hay Sao Thủy hoặc Triton, mặt trăng lớn nhất của Sao Hải Vương qua độ bào mòn của nó, chúng ta không tiến hành tính toán từ đầu. Chúng ta lục lại một tài liệu khoa học nào đó và đọc những con số đã kiểm nghiệm là đúng được đúc rút ra có lẽ từ một thế hệ trước. Các nhà vật lý không có được các công thức Maxwell hoặc cơ học lượng tử ngay từ đầu. Họ cố gắng hiểu các nguyên tắc và toán học, học quan sát ích lợi của nó, họ lưu ý đến cách Tự nhiên tuân theo các quy tắc này, và học thuộc lòng những kiến thức khoa học này, biến chúng thành của riêng mình.

Nhưng phải có ai đó là người đầu tiên nghĩ ra tất cả những phác đồ truy tìm dấu vết này, có lẽ

là một thiên tài thời đồ đá cũ, hoặc chắc chắn là nhiều thiên tài kế tiếp nhau ở những thời đại và địa điểm hoàn toàn tách biệt. Trong các phác đồ truy tìm dấu vết của người!Kung không hề có gợi ý gì về các phương pháp thần diệu – xem các vì sao vào đêm trước hoặc ruột của một con vật, hay đồ xúc xắc, hoặc đoán mộng, hoặc gọi hồn, hoặc bất kỳ hình thức nào trong vô số những tuyên bố giả mạo về tri thức mà con người liên tiếp chứng kiến. Ở đây có một câu hỏi cụ thể, rõ ràng: Con mồi đi đường nào và đặc tính của nó là gì? Quý vị cần một câu trả lời chính xác mà phép thuật và thần thánh không thể đưa ra – hay ít nhất không đủ thường xuyên để xua đi cái đói. Thay vào đó, những người săn bắt-hái lượm – những người rất không mê tín trong đời sống hằng ngày của họ, ngoại trừ những điều nhảy lên đồng quanh đồng lửa và dưới ảnh hưởng của những chất kích thích nhẹ – đều rất thực tiễn, có động cơ, sống thành nhóm, và thường rất vui vẻ. Họ sử dụng các kỹ năng đã được sàng lọc từ những thành công và thất bại trong quá khứ.

Tư duy khoa học gần như chắc chắn luôn đi cùng chúng ta ngay từ đầu. Quý vị thậm chí có thể nhìn thấy nó ở loài tinh tinh khi đi tuần ranh giới lãnh thổ của chúng, hoặc khi chuẩn bị que để chọc vào tổ mối nhằm kiếm một nguồn protein ít ỏi nhưng rất cần thiết. Sự phát triển của các kỹ năng truy tìm dấu vết đem lại một lợi thế lựa chọn mang tính tiến hóa rất mạnh mẽ. Những nhóm nào không thể nghĩ ra nó sẽ ít có nguồn protein hơn và ít hậu duệ hơn. Những nhóm có xu hướng khoa học, những nhóm có khả năng kiên trì quan sát, những nhóm có xu hướng nghĩ ra sẽ kiếm được nhiều thức ăn hơn, đặc biệt là protein, và sống trong những môi trường đa dạng hơn; họ và dòng dõi của họ sẽ phát triển. Điều tương tự rất đúng với các kỹ năng đi biển của người đa đảo. Xu hướng khoa học đem lại những phần thưởng vật chất.

Hoạt động thu lượm thực phẩm quan trọng khác của các xã hội tiền nông nghiệp là hái lượm. Để hái lượm, quý vị phải biết thuộc tính của nhiều loại thực vật, và quý vị chắc chắn phải có khả năng nhận biết các loài với nhau. Các nhà thực vật học và nhân chủng học đã liên tục thấy rằng trên khắp thế giới, những người săn bắt-hái lượm đều phân biệt được nhiều loại thực vật với độ chính xác của các nhà phân loại Phương Tây. Họ vạch ra lãnh địa của mình với độ khéo léo của một chuyên gia vẽ bản đồ. Một lần nữa, tất cả những điều này là một tiền đề để tồn tại.

Cho nên nhận định cho rằng, giống như trẻ em không đủ phát triển để hiểu một số khái niệm toán học hoặc logic, những người “nguyên thủy” không có khả năng về mặt tri thức để nắm bắt khoa học và công nghệ, là điều vớ vẩn. Dấu vết thực dân chủ nghĩa và phân biệt chủng tộc này bị bác bỏ bởi những hoạt động hằng ngày của những người sống du cư và gần như không có tài sản tư hữu, một vài nhóm săn bắt-hái lượm còn sót lại – những người giữ gìn quá khứ xa xăm của chúng ta.

Trong các tiêu chí của Cromer về “tư duy khách quan,” chúng ta có thể tìm thấy ở người săn bắt-hái lượm một hình thức tranh luận quyết liệt, nền dân chủ tham gia trực tiếp, đi nhiều hiểu rộng, không cần đến giới tu sĩ, và sự bền bỉ của những nhân tố này không chỉ trong 1000 mà là 300.000 năm hoặc hơn thế. Theo các tiêu chí của ông, những người săn bắt-hái lượm có khoa học. Tôi nghĩ đúng là như vậy. Hoặc đã là như vậy.

Những gì Ionia và Hy Lạp cổ đại đem lại không phải chỉ là những phát minh hay công nghệ hoặc kỹ thuật, mà là ý tưởng về cách điều tra thật hệ thống, quan niệm cho rằng các quy luật của Tự nhiên, chứ không phải các vị thần thất thường, mới điều khiển thế giới. Nước, không khí, đất và lửa đều lần lượt là những cách “giải thích” tiềm năng cho bản chất và nguồn gốc của thế giới. Mỗi cách giải thích như vậy – được xác định bởi một triết gia tiền Socrate khác nhau – có rất nhiều chi tiết sai lầm. Nhưng cách giải thích, một hướng thay thế cho sự can thiệp của thần thánh, là hiệu quả và mới mẻ. Tương tự, trong lịch sử Hy Lạp cổ đại, chúng ta có thể thấy gần như *tất cả* những sự kiện quan trọng nảy sinh từ sự thất thường của các vị thần trong tác phẩm của Homer, chỉ có một vài sự kiện thấy trong Herodotus, và đặc biệt là không hề có trong Thucydides. Trong vài trăm năm, lịch sử đã đi từ chỗ do các vị thần dẫn dắt tới chỗ do con người dẫn dắt.

Một cái gì đó na ná như những quy luật của Tự nhiên đã từng thoáng hiện trong một xã hội đa thần giáo, trong đó một số học giả chế giễu một hình thức của thuyết vô thần. Cách tiếp cận thời tiền Socrate, bắt đầu từ khoảng thế kỷ 4 trước Công nguyên, này bị chặn đứng bởi Plato,

Aristotle, và sau đó là các nhà thần học Thiên Chúa giáo. Nếu mớ bong bong nhân quả lịch sử khác đi – nếu những điều dự đoán xuất sắc của những người theo thuyết nguyên tử về bản chất của vật chất, tính đa dạng của các thế giới, sự rộng lớn của vũ trụ và thời gian được đánh giá cao và vun đắp, nếu công nghệ cải tiến của Archimedes được dạy, nếu ý niệm về các quy luật bất biến của Tự nhiên mà con người phải tìm ra và hiểu được truyền bá rộng rãi – thì tôi tự hỏi giờ đây chúng ta sẽ sống trong kiểu thế giới gì.

Tôi không nghĩ khoa học khó dạy bởi vì con người vốn không sẵn sàng tiếp cận nó, hoặc vì nó ra đời chỉ do may mắn, hoặc vì, nhìn chung, chúng ta không có trí thông minh để nắm bắt nó. Thay vào đó, niềm đam mê lớn lao dành cho khoa học mà tôi nhìn thấy ở những học sinh lớp 1 và bài học từ những người săn bắt-hái lượm còn sót lại đều nói rất hùng hồn: Xu hướng dành cho khoa học đã ăn sâu trong chúng ta, ở mọi thời đại, địa điểm và nền văn hóa. Nó chính là phương tiện cho sự tồn tại của chúng ta. Nó là quyền tập ầm của chúng ta. Khi chúng ta không khuyến khích con cái theo đuổi khoa học, bằng thái độ thờ ơ, không chú ý, sự kém cỏi, hoặc sợ sệt thái độ hoài nghi, thì chúng ta đang tước bỏ của chúng, lấy đi của chúng những công cụ cần để quản lý tương lai của chúng.

Chương 19.

LÀM GÌ CÓ CÂU HỎI NGÓ NGẮN

Cho nên chúng tôi cứ hỏi đi hỏi lại
Cho tới khi một năm đất
Bị miệng chúng tôi –
Nhưng đó có phải là câu trả lời?

Heinrich Heine
“Lazarus”
(1854)

Ở Đông Phi, trong hồ sơ các loại đá niên đại khoảng 2 triệu năm, quý vị có thể tìm thấy một loạt công cụ chế tác mà tổ tiên của chúng ta đã thiết kế và sử dụng. Cuộc sống của họ tùy thuộc vào việc chế tạo và sử dụng những công cụ này. Dĩ nhiên, đây là công nghệ Thời kỳ Đá Mới. Theo thời gian, những loại đá đặc biệt phù hợp được sử dụng để đập, xắt, bóc, cắt, và đục. Mặc dù có nhiều cách chế tác công cụ đá nhưng cái đáng chú ý là ở một nơi nào đó trong cả chuỗi thời gian dài, các công cụ được chế tác bằng cách thức như nhau – điều đó có nghĩa là phải có những thiết chế giáo dục từ hàng trăm nghìn năm trước, thậm chí nếu đó chỉ là một hệ thống học việc. Trong khi rất dễ chỉ ra những điểm tương đồng, cũng không khó gì hình dung ra sự tương đương của các giáo sư và sinh viên đóng khổ này, các khóa thí nghiệm, các kỳ thi, các bậc xếp hạng đánh trượt, các lễ tốt nghiệp, và giáo dục sau tốt nghiệp.

Khi đào tạo không thay đổi trong suốt một thời gian dài, các truyền thống được truyền lại nguyên vẹn cho thế hệ sau. Nhưng khi những gì cần học hỏi thay đổi rất nhanh, đặc biệt chỉ trong một thế hệ duy nhất, thì càng khó biết được những gì cần dạy và dạy như thế nào. Khi đó, sinh viên than phiền về tính thích hợp của những điều được dạy và học; thái độ kính trọng đối với những bậc cao niên giảm sút. Các giáo viên thất vọng trước tình trạng các chuẩn mực giáo dục dần suy thoái, cả sinh viên và giáo viên đều cầu dạy chính mình một kỹ năng quan trọng – học cách học.

Ngoại trừ trẻ nhỏ (vốn chưa đủ hiểu biết để đặt ra những câu hỏi quan trọng), chỉ vài người trong chúng ta dành thời gian thắc mắc tại sao Tự nhiên lại như thế này; Vũ trụ đến từ đâu, hay liệu có phải nó vẫn luôn ở đó; liệu thời gian một ngày nào sẽ trôi ngược lại và kết quả xảy ra trước nguyên nhân không; hay liệu có những giới hạn đối với những gì con người có thể biết không. Thậm chí có những đứa trẻ, và tôi đã gặp một vài cháu, muốn biết một lỗ đen trông như thế nào; mảnh vật chất nhỏ nhất là gì; tại sao chúng ta lại nhớ quá khứ nhưng không phải tương lai; và tại sao lại có một Vũ trụ.

Thỉnh thoảng, tôi lại có may mắn dạy một lớp nhà trẻ hoặc lớp một. Nhiều cháu nhỏ là những nhà khoa học bẩm sinh – mặc dù vẫn còn rất hoài nghi về những điều kỳ diệu. Chúng rất tò mò, háo hức muốn tìm hiểu kiến thức. Những câu hỏi khơi gợi và hiểu biết được chúng tích tụ đặt ra. Chúng thể hiện sự nhiệt tình rất lớn. Tôi còn được hỏi những câu hỏi nối tiếp với câu hỏi trước đó. Chúng chưa bao giờ nghe nói đến khái niệm về “câu hỏi ngó ngắn.”

Nhưng khi nói chuyện với học sinh trung học, tôi thấy khác hẳn. Chúng ghi nhớ “sự thật.” Nhìn chung, niềm vui khám phá, cuộc sống sau những sự thật đó, không hề có ở chúng. Chúng đã đánh mất rất nhiều phản ứng ngạc nhiên thú vị, và còn lại rất ít thái độ hoài nghi. Chúng lo lắng về chuyện đặt ra những câu hỏi “ngó ngắn;” chúng sẵn sàng chấp nhận những câu trả lời chưa thích đáng; chúng không đặt ra những câu hỏi nối tiếp; căn phòng chỉ toàn những cái liếc mắt để đánh giá thái độ tán đồng của bạn bè xung quanh. Chúng đến lớp với những câu hỏi được viết ra trên các mẫu giấy, mà chúng đã lên kiểm tra, chờ đợi đến lượt mình và không nhớ tới bất kỳ tranh luận nào mà bạn bè đã đưa ra vào lúc đó.

Có gì đó đã xảy ra giữa lớp 1 và lớp 12, và đó không chỉ là vấn đề tuổi dậy thì. Tôi đoán rằng đó một phần là áp lực bạn bè *không muốn* người khác giỏi hơn (trừ trong thể thao); một phần vì xã hội dạy cách hài lòng tạm thời; một phần vì ấn tượng rằng khoa học hoặc toán học sẽ không mua được cho quý vị một chiếc xe hơi thể thao; một phần vì học sinh không mấy kỳ

vọng; và một phần vì không có nhiều phần thưởng hoặc hình ảnh nhân vật tiêu biểu trong thảo luận về khoa học hoặc công nghệ – hoặc thậm chí trong việc học hỏi. Số ít còn quan tâm là thì đều bị chọc ghẹo là “lập dị”, “tinh tướng” hoặc “hâm hấp.”

Nhưng vẫn còn điều gì đó: Tôi thấy nhiều người lớn thoái thác khi trẻ em nêu ra những câu hỏi khoa học. Tại sao Mặt Trăng lại tròn? Trẻ em hỏi như vậy. Tại sao cỏ lại màu xanh? Giấc mơ là gì? Ta có thể đào một cái hố sâu bao nhiêu? Sinh nhật của thế giới là ngày nào? Tại sao chúng ta lại có ngón chân? Quá nhiều giáo viên và phụ huynh trả lời với thái độ bực dọc hoặc bong đùa, hoặc nhanh chóng chuyển sang chuyện khác: “Thế em muốn Mặt Trăng thế nào, hình vuông chẳng?” Trẻ em nhanh chóng nhận ra rằng kiểu câu hỏi như thế này khiến người lớn bực bội. Chỉ thêm một vài trải nghiệm nữa như thế này, đứa trẻ sẽ chẳng màng gì đến khoa học. Tại sao người lớn lại phải giả vờ hiểu biết khoa học đối với trẻ em dưới 6 tuổi, cả đời tôi cũng không hiểu được. Có gì sai với việc thừa nhận rằng chúng ta không biết gì đó? Lòng tự trọng của chúng ta quá yếu?

Thêm nữa, nhiều câu hỏi đi vào những vấn đề rất sâu của khoa học, một số còn chưa được giải quyết thấu đáo. Tại sao Mặt Trăng lại hình tròn có liên quan đến sự thật rằng lực hấp dẫn là lực trung tâm kéo mọi thứ về phía trung tâm, và đến độ cứng của đá. Cỏ màu xanh dĩ nhiên là nhờ sắc tố diệp lục – chúng ta đều biết điều đó khi học trung học – nhưng tại sao cây cỏ lại có chất diệp lục? Nghe có vẻ ngớ ngẩn, vì Mặt Trời tỏa ra năng lượng lớn nhất ở sắc vàng và lục trong quang phổ. Tại sao cây cỏ khắp thế giới lại loại bỏ ánh nắng có bước sóng dồi dào nhất? Có lẽ đây là một tai nạn từ lịch sử cổ xưa của sự sống trên Trái Đất. Nhưng vẫn có gì đó chúng ta chưa hiểu liên quan đến lý do tại sao cỏ lại xanh.

Có nhiều phản ứng hay hơn là làm cho trẻ cảm thấy hỏi những câu hỏi sâu tạo ra một sai lầm mang tính xã hội. Nếu chúng ta có ý tưởng cho câu trả lời, chúng ta có thể cố gắng giải thích. Thậm chí một cố gắng không hoàn chỉnh cũng tạo ra cảm giác an tâm và khích lệ. Nếu chúng ta không có ý tưởng cho câu trả lời, chúng ta có thể tra từ điển bách khoa. Nếu chúng ta không có từ điển, chúng ta có thể dẫn trẻ tới thư viện. Hoặc chúng ta có thể nói: “Chú chưa có câu trả lời. Có lẽ chưa ai biết cả. Có lẽ khi cháu lớn lên, cháu sẽ là người đầu tiên tìm ra.”

Có những câu hỏi rất ngây thơ, những câu hỏi tẻ ngắt, những câu hỏi trúc trắc, những câu hỏi đặt ra sau khi có người hỏi tự trách móc bản thân. Nhưng mọi câu hỏi đều là một lời kêu gọi được tìm hiểu thế giới.^[69] Không có cái gọi là câu hỏi ngớ ngẩn.

Những đứa trẻ tò mò, thông minh là nguyên khí của quốc gia và thế giới. Chúng cần được quan tâm, bồi dưỡng, và khuyến khích. Nhưng chỉ khuyến khích thôi thì chưa đủ. Chúng ta còn phải trao cho chúng những công cụ cần thiết để suy nghĩ.

Một tiêu đề báo ghi: “Chính thức chúng ta rất không ưa khoa học.” Qua các bài thi dành cho lứa tuổi 17 ở nhiều vùng trên thế giới, Hoa Kỳ đứng chót bảng về đại số. Trong các bài kiểm tra giống nhau, trẻ em Hoa Kỳ đạt trung bình 43% trong khi trẻ Nhật đạt 78%. Trong cuốn sách của tôi, 78% là khá cao – nó tương đương với C+, hoặc thậm chí có lẽ là B-; 43% tương đương với F. Trong một bài kiểm tra hóa học, chỉ có học sinh ở 2 trong số 13 quốc gia có kết quả kém hơn Hoa Kỳ. Anh, Singapore và Hong Kong đạt kết quả cao đến mức họ gần như ngoại hạng, và 25% số học sinh Canada 18 tuổi biết rõ về hóa học, tương đương với 1% số học sinh trung học phổ thông Mỹ (trong chương trình hóa học thứ hai, và hầu hết đều theo học các chương trình sắp xếp “nâng cao”). Kết quả cao nhất trong số 20 lớp 5 ở Minneapolis cũng thua xa con số 1 trong số 20 lớp ở Sendai, Nhật Bản, và 19 trong số 20 lớp ở Đài Bắc, Đài Loan. Học sinh Hàn Quốc vượt xa học sinh Mỹ ở tất cả các lĩnh vực toán học và khoa học, và trẻ 13 tuổi ở British Columbia (thuộc Tây Canada) vượt xa bạn bè cùng trang lứa người Mỹ (ở một số khu vực, chúng còn giỏi hơn cả bạn bè Hàn Quốc). Trong số trẻ em Mỹ, 22% nói chúng không thích trường học; chỉ có 8% trẻ Hàn Quốc nói vậy. Nhưng hai phần ba trẻ Mỹ, trong khi chỉ có ¼ ở Hàn Quốc, nói rằng chúng “giỏi toán học.”

Những xu hướng ảm đạm như vậy đối với học sinh trung bình tại Hoa Kỳ thỉnh thoảng lại được “đền bù” bởi thành tích của những sinh viên xuất sắc. Năm 1994, các sinh viên Mỹ tại Olympiad Toán học Quốc tế tổ chức ở Hong Kong đã đạt được số điểm tuyệt đối chưa từng có tiền lệ – đánh bại 360 sinh viên khác đến từ 68 quốc gia trong các môn đại số, hình học và lý

thuyết số học. Một trong số sinh viên, Jeremy Bem, 17 tuổi, đã nhận xét “Các bài toán là những câu đố logic. Không có lộ trình thông thường – tất cả rất sáng tạo và nghệ thuật.” Nhưng ở đây tôi không lo lắng về việc tạo ra một thế hệ những nhà khoa học và toán học hạng nhất, mà là một dân số không ‘mù chữ’ về mặt khoa học.

Sáu mươi ba phần trăm người Mỹ trưởng thành không nhận thức được rằng loài khủng long cuối cùng chết trước khi con người đầu tiên xuất hiện; 75% không biết rằng các chất kháng sinh giết được vi khuẩn nhưng không diệt được virus; 57% không biết rằng “các điện tích nhỏ hơn cả nguyên tử.” Thăm dò dư luận cho thấy khoảng một nửa người Mỹ trưởng thành không biết rằng Trái Đất quay quanh Mặt Trời và mất một năm cho chu trình đó. Tôi có thể thấy trong các lớp học bậc đại học của tôi tại Đại học Cornell những sinh viên xuất sắc không biết rằng các vì sao mọc và lặn vào ban đêm, và thậm chí rằng Mặt Trời cũng là một ngôi sao.

Do sách khoa học viễn tưởng, hệ thống giáo dục, NASA, và vai trò của khoa học trong xã hội, người Mỹ được tiếp cận với những tri thức của Copernicus cao hơn một người trung bình. Một cuộc thăm dò năm 1993 do Hội Khoa học Công nghệ Trung Quốc thực hiện cho thấy, giống như tại Mỹ, chưa đầy một nửa số người ở Trung Quốc biết rằng Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời một lần một năm. Có thể rất thú vị là hơn bốn thế kỷ rưỡi sau Copernicus, hầu hết người dân trên Trái Đất vẫn nghĩ, trong thâm tâm họ, rằng hành tinh của chúng ta đứng bất động tại trung tâm Vũ trụ, và rằng chúng ta rất “đặc biệt.”

Đây là những vấn đề điển hình trong “văn chương khoa học.” Kết quả thật kinh khủng. Nhưng chúng đánh giá điều gì? Học thuộc lòng những lời tuyên bố của giới chức. Điều lẽ ra họ nên đặt câu hỏi là *làm thế nào chúng ta biết* – rằng kháng sinh có sự phân biệt giữa các loại vi khuẩn, rằng điện tích còn “nhỏ hơn” cả nguyên tử, rằng Mặt Trời là một ngôi sao mà Trái Đất quay xung quanh trong vòng một năm. Những câu hỏi như thế là một số đo chính xác về hiểu biết khoa học của công chúng, và kết quả của những kiểm nghiệm như vậy rõ ràng vẫn rất nản.

Nếu quý vị chấp nhận sự thật từ mọi ngôn từ trong Kinh Thánh, khi đó Trái Đất phải phẳng. Điều tương tự với kinh Qu’ran. Khi đó, việc tuyên bố rằng Trái Đất hình tròn có nghĩa là quý vị là một kẻ vô thần. Năm 1993, cơ quan tôn giáo tối cao của Saudi Arabia, Sheik Abdel-Aziz Ibn Baaz, đã đưa ra một sắc lệnh tuyên bố rằng thế giới phẳng. Bất kỳ ai tin Trái Đất tròn đều không tin vào Chúa trời và sẽ bị trừng phạt. Trong rất nhiều điều vô lý, bằng chứng rõ ràng cho thấy Trái Đất hình cầu, do nhà thiên văn học người Greco-Ai Cập ở thế kỷ 2 là Claudius Ptolemaeus tích lũy, được truyền bá sang Phương Tây bởi các nhà thiên văn học người Hồi giáo và Arab. Vào thế kỷ 9, họ đặt tên cho cuốn sách của Ptolemy trong đó chứng minh hình cầu của Trái Đất là *Almagest* (Điều vĩ đại nhất).

Tôi gặp rất nhiều người bức tức với thuyết tiến hóa, những người rất thích được là sản phẩm do Chúa tạo ra hơn là ra đời từ những lực hóa học và vật lý không nhìn thấy đầu trải qua thời gian dài. Họ cũng có xu hướng ngại tìm kiếm bằng chứng. Bằng chứng chẳng có mấy thứ đáng quan tâm: Những gì họ muốn tin là sự thật thì họ tin chính là sự thật. Chỉ có 9% người Mỹ chấp nhận phát hiện quan trọng của sinh học hiện đại rằng con người (và tất cả các loài khác) dần dần tiến hóa nhờ những quá trình tự nhiên từ một chuỗi liên tiếp các sinh vật cổ xưa hơn và không cần đến sự can thiệp của thần thánh nào cả. (Khi được hỏi họ chấp nhận thuyết tiến hóa hay không, 45% người Mỹ đáp có. Con số này là 70% ở Trung Quốc). Khi bộ phim Công viên kỷ Jurass được trình chiếu ở Israel, nó bị một số giáo sĩ Chính thống giáo lên án vì nó chấp nhận thuyết tiến hóa và vì nó dạy rằng khủng long sống cách đây 100 triệu năm – trong khi, như được tuyên bố tại mọi lễ cưới Do Thái và Lễ mừng Năm mới Rosh Hashonah, Vũ trụ chưa đến 6000 năm tuổi. Bằng chứng rõ ràng nhất về sự tiến hóa của chúng ta có thể tìm thấy trong bộ gen của chúng ta. Nhưng mỉa mai thay, tiến hóa vẫn đang bị bác bỏ bởi những người mà DNA của chính họ khẳng định điều đó – trong các trường học, tại tòa án, trong các nhà xuất bản sách giáo khoa, và liên quan đến câu hỏi chúng ta có thể gây ra đau đớn đến mức nào cho các loài động vật khác mà không vượt qua ngưỡng đạo đức.

Trong thời Đại Suy thoái, các giáo viên được bảo đảm về việc làm, có lương cao, và được kính trọng. Dạy học là một nghề được ngưỡng mộ, một phần vì học tập được thừa nhận như con đường thoát khỏi nghèo đói. Ngày nay, điều đó không còn mấy đúng nữa. Và vì thế giảng dạy khoa học (và những môn khác) cũng thường xuyên được thực hiện một cách không thích hợp

và rất tẻ nhạt, những người làm công việc giảng dạy, thật ngạc nhiên, có rất ít hoặc không hề được đào tạo về những môn của họ, thiếu kiên nhẫn về phương pháp và nóng vội muốn có được những phát hiện khoa học – và đôi khi bản thân họ không phân biệt được khoa học với giả khoa học. Những người có đào tạo hời hợt thường tìm những công việc hưởng lương cao hơn ở đâu đó.

Trẻ em cần kiến thức thực hành với phương pháp thực nghiệm chứ không phải chỉ đọc về khoa học trong một cuốn sách. Chúng ta có thể nghe nói về quá trình oxy hóa của sáp khi giải thích về ngọn lửa nến. Nhưng chúng ta có cảm nhận sinh động hơn về những gì diễn ra nếu chúng ta chứng kiến ngọn nến cháy trong một chiếc chuông thủy tinh cho tới khi khí carbon dioxide được tạo ra trong quá trình cháy phủ kín bắc nến, chặn mất quá trình tiếp xúc với oxy, và ngọn lửa dập tắt. Chúng ta có thể được dạy về các ti thể trong tế bào, cách chúng thực hiện quá trình oxy hóa thức ăn giống như ngọn lửa đốt cháy sáp nến, nhưng sẽ hoàn toàn khác hẳn khi nhìn thấy chúng dưới kính hiển vi. Chúng ta có thể nghe nói về oxy rất cần thiết cho sự sống của các sinh vật nhưng lại không tốt cho loài khác. Nhưng chúng ta bắt đầu thật sự hiểu khi chúng ta kiểm chứng luận điểm này trong một chiếc chuông thủy tinh bị hút cạn oxy. Khí oxy đã làm gì cho *chúng ta*? Tại sao chúng ta chết nếu thiếu nó? Khí oxy trong không khí đến từ đâu? Nguồn cung cấp oxy bền vững đến mức nào?

Thử nghiệm và phương pháp khoa học có thể được dạy trong nhiều vấn đề chứ không chỉ là khoa học. Daniel Kunitz là một bạn học của tôi thời trung học. Anh ấy dành cả đời trong vai trò một giáo viên khoa học xã hội rất sáng tạo ở trường trung học. Muốn cho học sinh hiểu về Hiến pháp Hoa Kỳ ư? Quý vị có thể đọc nó lên, từng Điều một, và sau đó thảo luận tại lớp – nhưng, buồn thay, điều này sẽ khiến hầu hết học sinh buồn ngủ. Hay quý vị có thể thử phương pháp của Kunitz xem: Quý vị cấm học sinh đọc Hiến pháp. Thay vào đó, quý vị giao cho các em, cứ em cho mỗi bang, tham gia một Hội nghị Hiến pháp. Quý vị tóm tắt một cách chi tiết cho từng nhóm trong số 13 nhóm này về những quyền lợi cụ thể của bang và khu vực của họ. Đoàn đại biểu Nam Carolina, ví dụ như vậy, được nói về tính ưu việt của bông, sự cần thiết và vấn đề đạo đức của nạn buôn bán nô lệ, hiểm họa này sinh do miền Bắc công nghiệp, vân vân. Mười ba đoàn đại biểu nhóm họp, với sự chỉ dẫn của khoa, nhưng chủ yếu từ các em, phải viết ra một bản hiến pháp trong vài tuần. *Sau đó*, các em mới đọc Hiến pháp thật. Các em học sinh đã dành quyền tuyên bố chiến tranh cho Tổng thống. Các đại biểu năm 1787 thì giao quyền đó cho Quốc hội. Tại sao? Các em học sinh đã giải phóng nô lệ. Còn Hội nghị Hiến pháp chính thức thì không. Tại sao? Cách làm này đòi hỏi giáo viên phải chuẩn bị nhiều hơn và sinh viên phải làm việc nhiều hơn, nhưng trải nghiệm thì không thể quên. Không khó khi nghĩ rằng các quốc gia trên Trái Đất sẽ tốt hơn nếu mọi công dân đều được trải qua một trải nghiệm so sánh.

Chúng ta cần nhiều tiền hơn cho công tác đào tạo và lương của giáo viên, và cho các phòng thí nghiệm. Nhưng trên toàn nước Mỹ, vấn đề ngân sách trường học thường bị bác. Không ai gợi ý rằng tiền thuế được dùng cho ngân sách quốc phòng, hay để bao cấp nông nghiệp, hoặc để loại bỏ các chất thải độc hại. Tại sao lại chỉ có giáo dục? Tại sao không hỗ trợ nó từ tiền thuế chung ở cấp địa phương và bang? Thế còn một loại thuế giáo dục đặc biệt cho những ngành có nhu cầu đặc biệt đối với nhân công được đào tạo về mặt kỹ thuật thì sao?

Học sinh Mỹ không thực hiện đủ nhiệm vụ ở trường. Có 180 ngày trong một niên khóa tiêu chuẩn tại Hoa Kỳ, so với 220 ở Hàn Quốc, khoảng 230 ở Đức, và 243 ở Nhật Bản. Trẻ em tại một số nước này đến trường cả vào thứ Bảy. Một học sinh trung học bình thường ở Mỹ dành 3,5 tiếng mỗi tuần cho bài tập về nhà. Tổng thời gian dành cho học tập, trong và ngoài lớp học, chỉ khoảng 20 tiếng mỗi tuần. Học sinh *lớp 5* ở Nhật trung bình dành 33 tiếng mỗi tuần. Nhật Bản, chỉ bằng nửa dân số Hoa Kỳ, mỗi năm sản sinh ra số nhà khoa học và kỹ sư có trình độ cao nhiều gấp đôi Hoa Kỳ.

Trong suốt 4 năm trung học, sinh viên Mỹ dành chưa tới 1.500 tiếng cho những môn học như toán, khoa học, và lịch sử. Sinh viên Nhật, Pháp và Đức dành số thời gian nhiều gấp đôi. Một báo cáo năm 1994 do Bộ Giáo dục Hoa Kỳ thực hiện lưu ý:

Một ngày học thông thường hiện nay cần phải phù hợp với toàn bộ những yêu cầu đối với những gì được gọi là “công việc mới của nhà trường” – giáo dục về an toàn cá nhân, vấn đề người tiêu dùng, AIDS, bảo tồn và năng lượng, cuộc sống gia đình, và đào tạo lái xe.

Vì thế, do những thiếu hụt của xã hội và bất cập của giáo dục ở nhà, chỉ khoảng ba tiếng được dành ra mỗi ngày cho các môn học thuật cơ bản đối với bậc trung học.

Có một quan niệm rất phổ biến rằng khoa học “quá khó” đối với người bình thường. Chúng ta có thể thấy quan niệm này được phản ánh trong con số thống kê rằng chỉ khoảng 10% học sinh trung học Mỹ từng chọn một khóa học về vật lý. Điều gì làm cho khoa học đột nhiên “quá khó” như vậy? Tại sao nó không quá khó cho những công dân ở tất cả các nước khác vốn đang vượt xa Hoa Kỳ? Điều gì đã xảy ra với các thiên tài khoa học Mỹ, cải cách công nghệ, và lao động chăm chỉ? Người Mỹ từng rất tự hào về những nhà phát minh của họ, những người đi đầu trong lĩnh vực điện báo, điện thoại, đèn điện, máy hát, ô tô, và máy bay. Ngoại trừ máy vi tính, tất cả những thứ đó dường như là chuyện của quá khứ. Toàn bộ “sự tài hoa Yankee” đã đi đâu cả rồi?

Hầu hết trẻ em Mỹ không hề ngu độn. Một phần lý do chúng không chăm học là chúng ít nhận được những lợi ích vật chất khi chúng làm như vậy. Khả năng (tức là hiểu biết mọi việc trên thực tế) về kỹ năng nói, toán học, khoa học và lịch sử hiện nay không làm tăng thu nhập cho thanh niên trong tám năm đầu tiên sau khi học rời trường trung học – nhiều người trong số họ làm dịch vụ thay vì những công việc mang tính công nghiệp.

Trong những ngành sản xuất của nền kinh tế, mặc dù vậy, câu chuyện thường lại khác hẳn. Chẳng hạn, có các nhà máy đồ nội thất đang có nguy cơ ngừng kinh doanh – không phải vì không có khách hàng, mà vì có quá ít công nhân có thể thực hiện được những phép tính đơn giản. Một công ty điện tử lớn báo cáo rằng 80% số đơn xin việc của họ không thể qua được bài kiểm tra toán *lớp 5*. Hoa Kỳ đã mất khoảng 40 tỉ đô la một năm (chủ yếu thất thoát năng suất và chi phí giáo dục bổ túc) bởi vì công nhân không biết đọc, viết, làm tính hoặc suy nghĩ, với mức độ quá trầm trọng.

Trong một khảo sát của Ủy ban Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ đối với 139 công ty công nghệ cao tại nước này, các nguyên nhân chính của tình trạng suy giảm nghiên cứu và phát triển có thể quy cho chính sách quốc gia gồm (1) thiếu chiến lược dài hạn để giải quyết vấn đề; (2) quá ít chú ý đến đào tạo các nhà khoa học và kỹ sư tương lai; (3) quá đầu tư vào “quốc phòng,” và không đầu tư đủ cho nghiên cứu và phát triển dân sự; và (4) quá ít chú ý đến giáo dục trước đại học. Thiếu quan tâm sẽ dẫn đến ngu dốt. Nỗi ám ảnh khoa học cũng là căn bệnh truyền nhiễm.

Những người ở Mỹ có quan điểm khoa học hữu ích nhất có xu hướng là nam thanh niên da trắng, giàu có, trình độ đại học. Nhưng ba phần tư số công nhân mới ở Mỹ trong thập kỷ tiếp theo sẽ là phụ nữ, không phải người da trắng, và là di dân. Sự thất bại trong việc làm tăng nhiệt tình của họ – đây là không nói gì đến sự phân biệt đối xử chống lại họ – không chỉ là bất công, mà còn là điều ngu dốt và thất sách. Nó sẽ tước đi của nền kinh tế những công nhân có kỹ năng vốn rất cần thiết.

Hiện nay, những sinh viên gốc Hy Lạp và gốc Phi đang đạt kết quả trong các bài kiểm tra khoa học tiêu chuẩn tốt hơn so với cuối thập niên 1960, nhưng họ là những người duy nhất như vậy. Lỗ hổng toán học trung bình giữa học sinh tốt nghiệp trung học da trắng và da đen ở Hoa Kỳ vẫn còn rất lớn – hai đến ba bậc học; nhưng khoảng cách giữa học sinh tốt nghiệp trung học da trắng ở Hoa Kỳ và ở Nhật Bản, Canada, Anh quốc, hoặc Phần Lan còn lớn gấp hơn hai lần (trong đó học sinh Mỹ ở phía sau). Nếu quý vị biếng nhác vì thiếu động cơ và được giáo dục kém, quý vị sẽ không hiểu biết nhiều – không hề có bí mật gì ở đây. Người Mỹ gốc Phi cận Sahara có bố mẹ được học đại học có thành tích học đại học chẳng kém gì với bạn bè da trắng vùng nông thôn và có cha mẹ học đại học. Theo một số thống kê, việc tuyển một trẻ nghèo vào một chương trình Head Start^[70] làm tăng gấp đôi cơ hội cho em đó có công ăn việc làm sau này; một người hoàn thành chương trình Upward Bound^[71] chắc chắn sẽ được học đại học cao gấp 4 lần. Nếu chúng ta nghiêm túc, chúng ta biết cần phải làm gì.

Vậy còn cao đẳng và đại học? Có những bước đi rõ ràng cần thực hiện: Vị thế được cải thiện dựa vào thành công trong giảng dạy, và việc thăng thưởng của giáo viên dựa vào thành tích sinh viên của họ trong các kỳ thi chuẩn hóa mà cả học sinh lẫn người chấm đều không biết nội dung; lương cho giáo viên tiếp cận được những gì họ có thể thu được trong ngành; tăng thêm học bổng, học bổng nghiên cứu, và trang thiết bị thí nghiệm; các giáo trình và sách giáo khoa giàu sức tưởng tượng, tạo cảm hứng trong đó các thành viên chủ chốt của khoa đóng vai

trò chính; các khóa thí nghiệm bắt buộc đối với mọi sinh viên muốn tốt nghiệp; và sự quan tâm đặc biệt đến những người vốn không có truyền thống khoa học. Chúng ta cũng có thể khuyến khích những nhà khoa học học dành thêm thời gian cho giáo dục công – giáo trình, bài giảng, các bài viết trên báo và tạp chí, xuất hiện trên truyền hình. Và có thể rất nên thử một khóa học bắt buộc về lối tư duy hoài nghi và các phương pháp khoa học dành cho sinh viên các năm đầu.

Nhân vật thần bí William Blake đắm đắm nhìn Mặt Trời và thấy các thiên thần ở đó, trong khi những người khác, người trần mắt thịt hơn, “chỉ nhận thấy một vật có kích cỡ và màu sắc tựa như một đồng guinea vàng.” Phải chăng Blake thật sự nhìn thấy các thiên thần trên Mặt Trời, hay đó là một nhầm lẫn giác quan hoặc nhận thức? Tôi biết chẳng có bức ảnh Mặt Trời nào cho thấy bất kỳ điều gì kiểu đó cả. Phải chăng Blake đã nhìn thấy những gì các máy ảnh và kính viễn vọng không nhìn thấy? Hay lời giải thích nói dối trong đầu Blake nhiều hơn so với bên ngoài? Hay sự thật về bản chất của Mặt Trời như khoa học hiện đại hé lộ không hề tuyệt vời như vậy: Không có thiên thần hay đồng tiền vàng nào cả, chỉ là một khối cầu khổng lồ có thể chứa được cả 1 triệu Trái Đất, và ở lõi của nó là những hạt nhân của các nguyên tử được nén chặt với nhau, khí hydro được chuyển hóa thành khí helium, năng lượng tiềm tàng trong khí hydro suốt hàng tỉ năm được giải phóng, nhờ đó Trái Đất và các hành tinh khác được sưởi ấm và thấp sáng, và quá trình tương tự được lặp lại 400 tỉ lần ở đâu đó trong dải Ngân hà?

Bản thiết kế, những chỉ dẫn chi tiết và các lệnh làm việc để tạo ra quý vị từ con số không sẽ điền kín khoảng 1000 tập bách khoa thư nếu được viết ra bằng tiếng Anh. Nhưng mọi tế bào trong cơ thể quý vị đều có một loạt bách khoa thư kiểu này. Một chuẩn tinh ở xa đến mức ánh sáng chúng ta nhìn thấy từ nó bắt đầu hành trình qua các thiên hà từ trước khi Trái Đất hình thành. Mọi con người trên Trái Đất đều là hậu duệ của cùng tổ tiên không hẳn là người ở vùng Đông Phi cách đây vài triệu năm, nên tất cả chúng ta đều là anh em họ với nhau.

Bất cứ khi nào tôi nghĩ về phát hiện nào đó trong số này, tôi lại cảm thấy chộn rộn phấn khởi. Tim tôi đập rộn lên. Tôi không sao tìm được. Khoa học là một sự ngạc nhiên và hưng phấn. Mỗi lần một con tàu vũ trụ bay qua một thế giới mới, tôi lại thấy mình vô cùng sửng sốt. Các nhà khoa học nghiên cứu về hành tinh tự hỏi: “Ồ, phải chăng *điều đó* vẫn vậy? Tạo sao chúng ta lại không nghĩ đến nhỉ?” Nhưng tự nhiên *luôn* ảo diệu, tinh vi và tinh tế hơn so với những gì chúng ta có thể hình dung ra. Nếu xét đến những giới hạn rành rành của loài người chúng ta, những gì đáng ngạc nhiên là chúng ta có thể thâm nhập sâu đến vậy vào những bí mật của Tự nhiên.

Gần như mọi nhà khoa học đều trải qua, ngay khoảnh khắc phát hiện hoặc đột nhiên hiểu ra, một cảm giác kinh ngạc đầy thành kính. Khoa học – khoa học thuần túy, khoa học không vì bất kỳ ứng dụng thực tiễn nào ngoại trừ phục vụ chính nó – là một vấn đề tình cảm rất sâu xa với những người theo đuổi nó, cũng như với những người không phải nhà khoa học nhưng luôn say mê tìm hiểu những gì được khám phá.

Và, như trong một câu chuyện trinh thám, đó là niềm vui được nghĩ ra những câu hỏi then chốt, được nghiên cứu những cách giải thích khác nhau, và thậm chí có lẽ được thúc đẩy quy trình phát hiện khoa học. Hãy xem những ví dụ được lựa chọn ngẫu nhiên này, một số rất đơn giản, một số thì không:

- Liệu có thể có một số nguyên chưa phát hiện ra nằm giữa 6 và 7 không?
- Liệu có thể có một nguyên tố hóa học chưa tìm thấy nằm giữa số nguyên tử 6 (carbon) và số nguyên tử 7 (nitrogen) không?
- Đúng, chất bảo quản mới gây ra ung thư ở chuột. Nhưng điều gì xảy ra nếu quý vị phải đưa cho một người, rõ ràng nặng hơn một con chuột rất nhiều, một *pound* (0,45kg) mỗi ngày cái thứ chất sinh ra ung thư? Trong trường hợp đó, có lẽ chất bảo quản mới không hề nguy hiểm đến vậy. Có lẽ lợi ích của việc bảo quản thực phẩm trong thời gian dài lấn át hẳn nguy cơ ung thư nhỏ xíu chẳng? Ai quyết định được? Người ta cần dữ liệu gì để đưa ra một quyết định cần trọng?
- Trong một hòn đá 3,8 tỉ năm tuổi, quý vị tìm thấy tỉ số đồng vị carbon đặc trưng cho các sinh vật ngày nay, và khác hẳn với các trầm tích vô cơ. Liệu quý vị có suy

luận về sự sống phong phú trên Trái Đất cách đây 3,8 tỉ năm? Hay những tàn dư hóa học của những sinh vật hiện đại hơn đã xâm nhập vào trong hòn đá? Hay có một cách để các đồng vị tách khỏi các quá trình sinh học trong tảng đá?

- Các số đo nhạy cảm của dòng điện trong não người cho thấy khi những ký ức nhất định hoặc các quá trình thần kinh xảy ra, những khu vực cụ thể của não đi vào hoạt động. Liệu có phải ý nghĩ, ký ức, và cảm xúc của quý vị đều được tạo ra bởi bảng mạch cụ thể của các neuron thần kinh không? Liệu nó có khả năng kích thích những mạch mới hoặc thay đổi những mạch cũ trong não theo một cách thức làm thay đổi ý kiến, ký ức, cảm xúc, những suy diễn logic hay không? Liệu sự xáo trộn như thế có nguy hiểm không?
- Giả thuyết của quý vị về nguồn gốc của Hệ Mặt Trời dự đoán có nhiều đĩa khí và bụi phẳng trong khắp dải Ngân hà. Quý vị nhìn qua kính thiên văn và quý vị thấy những chiếc đĩa phẳng ở khắp mọi nơi. Quý vị hân hoan kết luận rằng giả thuyết của mình đã được khẳng định. Nhưng hóa ra những cái đĩa mà quý vị nhìn thấy là những thiên hà xoắn ốc ở rất xa dải Ngân hà, và quá to lớn nên không thể là những hệ mặt trời mới xuất hiện. Liệu quý vị có từ bỏ giả thuyết của mình không? Hay quý vị cần tìm kiếm một dạng đĩa khác? Hay đây chỉ là một biểu hiện về thái độ không sẵn sàng từ bỏ một giả định bị nghi ngờ?
- Một căn bệnh ung thư đang phát triển phát đi một điện tín gửi tới các tế bào lót liền kề các mạch máu: “Chúng tôi cần máu,” điện tín cho biết. Các tế bào màng trong lập tức tạo ra các cầu nối mạch máu để cung cấp máu cho các tế bào ung thư. Quá trình này xảy ra như thế nào? Liệu điện tín có bị chặn hay hủy bỏ không?
- Quý vị trộn màu tím, xanh lam, xanh lục, vàng, da cam, và đỏ để có được một thứ màu nâu u ám. Sau đó quý vị pha cùng các màu đó nhạt đi và quý vị có màu trắng. Chuyện gì đã xảy ra?
- Trong bộ gien của người và nhiều động vật khác có các chuỗi thông tin di truyền lặp lại rất dài. Một số chuỗi này gây ra các bệnh di truyền. Có phải chính các đoạn DNA đó là những a xít nucleic đánh lừa, tự tái tạo để phục vụ chính chúng, không thèm đếm xỉa gì đến tình trạng của cơ quan mà chúng cư ngụ?
- Nhiều động vật có hành vi rất lạ ngay trước khi xảy ra động đất. Phải chăng chúng biết điều gì đó mà các nhà địa chấn học không biết?
- Từ ngữ chỉ “Chúa” của người Hy Lạp và Aztec cổ đại gần như giống nhau. Phải chăng đây là bằng chứng về mối liên hệ hoặc sự tương đồng nào đó giữa hai nền văn minh, hay chúng ta nên nghĩ đến những trùng hợp xảy ra tình cờ như vậy giữa hai ngôn ngữ hoàn toàn không có liên hệ gì? Hoặc, như Plato suy nghĩ trong cuốn *Cratylus*, một số từ ngữ nhất định được hình thành trong chúng ta từ lúc sinh ra?
- Quy tắc Nhiệt động học thứ 2 nói rằng trong toàn bộ Vũ trụ, tình trạng lộn xộn tăng lên khi thời gian trôi đi. (Dĩ nhiên, các thể giới và sự sống cùng trí thông minh có thể xuất hiện, đi kèm với sự suy giảm về trật tự ở đâu đó trong Vũ trụ). Nhưng nếu chúng ta sống trong một Vũ trụ trong đó quá trình mở rộng của Big Bang hiện tại chậm lại, dừng hẳn và được thay thế bằng một quá trình co ngót, thì khi đó liệu Quy tắc thứ 2 này có bị đảo ngược? Liệu kết quả có thể xảy ra trước nguyên nhân không?
- Cơ thể con người sử dụng a xít hydrochloric đặc trong dạ dày để tiêu hủy thức ăn và hỗ trợ tiêu hóa. Tại sao a xít hydrochloric lại không làm hỏng dạ dày?
- Những ngôi sao già nhất dường như, vào thời điểm tôi viết sách này, già hơn cả Vũ trụ. Giống như tuyên bố cho rằng một người quen có những đứa con còn già hơn cả bà ấy, quý vị không cần phải hiểu biết nhiều mới nhận ra rằng có người đã nhầm lẫn. Đó là ai?
- Hiện nay công nghệ tồn tại để di chuyển từng nguyên tử, cho nên những thông điệp dài và phức tạp có thể được viết ra ở quy mô siêu nhỏ. Cũng có thể tạo ra những máy móc chỉ bằng kích cỡ phân tử. Những ví dụ bước đầu cho cả hai “công

nghe nano” này hiện đã được chứng minh. Điều này sẽ đưa chúng ta tới đâu trong vài thập kỷ nữa?

- Trong một vài phòng thí nghiệm khác nhau, những phân tử phức tạp đã được tìm ra và trong những điều kiện thích hợp, chúng tạo ra bản sao của chính mình trong ống nghiệm. Một số phân tử như thế này, giống như DNA và RNA, được cấu thành từ các nucleotide; số khác thì không. Một số sử dụng các enzyme để tăng tốc độ của quá trình hóa học; số khác thì không. Đôi khi, có sai sót trong quá trình sao chép; từ lúc đó trở đi, sai sót được sao chép ở các thế hệ phân tử liên tiếp nhau. Do đó, ta có những loại phân tử tự nhân bản hơi khác nhau một chút, một số sinh sản nhanh hơn và hiệu quả hơn số khác. Những phân tử này phát triển nhanh. Theo thời gian, các phân tử trong ống nghiệm trở nên ngày càng hiệu quả. Chúng ta bắt đầu chứng kiến quá trình tiến hóa của các phân tử. Điều này đem lại hiểu biết đến đâu về nguồn gốc sự sống?
- Tại sao băng thường có màu trắng, nhưng băng vĩnh cửu thuần khiết lại có màu lam?
- Sự sống đã được tìm thấy cách bề mặt Trái Đất vài dặm. Sai nó lại xuống sâu đến vậy?
- Người Dogon ở Cộng hòa Mali được một nhà nhân chủng học người Pháp nói rằng có truyền thuyết cho biết ngôi sao Thiên Lang có một ngôi sao đồng hành cực nặng. Thiên Lang trên thực tế có một bạn đồng hành như vậy, mặc dù cần phải có một ngành thiên văn khá tinh vi mới phát hiện ra nó. Do đó, (1) phải chăng người Dogon là hậu duệ của một nền văn minh bị lãng quên từng nắm giữ những kính thiên văn quang học cỡ lớn và ngành vật lý học thiên thể lý thuyết? Hay (2) họ được những người ngoài Trái Đất chỉ dẫn? Hay (3) người Dogon nghe nói về sao lùn trắng đồng hành với Thiên Lang từ một vị khách người Châu Âu? Hay (4) nhà nhân chủng học Pháp đã nhầm lẫn và người Dogon trên thực tế chưa bao giờ có truyền thuyết như thế?

Tại sao các nhà khoa học lại thấy khó giải thích rõ ràng về khoa học? Một số nhà khoa học – bao gồm cả một số người rất giỏi – nói với tôi rằng họ rất thích phổ cập, nhưng lại cảm thấy họ thiếu khả năng trong lĩnh vực này. Hiểu biết và giải thích, họ nói vậy, không phải là hai việc giống nhau. Bí quyết ở đây là gì?

Tôi nghĩ chỉ có một: Đừng nói với đại chúng như khi quý vị nói với các đồng nghiệp làm khoa học. Có những thuật ngữ truyền tải được ý nghĩa của quý vị ngay lập tức và rất chính xác đối với các chuyên gia cùng ngành. Quý vị có thể phân tích những cấu trúc này hằng ngày trong công việc chuyên môn của mình. Nhưng chúng lại không khác gì là những điều huyền bí đối với những người không có chuyên môn. Hãy sử dụng thứ ngôn ngữ đơn giản nhất có thể. Trên hết, hãy nhớ mọi điều như thế nào trước khi bản thân quý vị nắm bắt được bất kỳ điều gì quý vị đang giải thích. Hãy nhớ đến những hiểu nhầm mà quý vị mắc phải, và lưu ý đến chúng. Hãy ghi nhớ trong đầu rằng đã có lần khi quý vị không hiểu nổi bất kỳ chi tiết nào như thế này. Hãy tóm lược những bước đầu tiên đã dẫn dắt quý vị từ chỗ không biết gì đến với tri thức. Đừng bao giờ quên rằng trí thông minh bẩm sinh được phân bố rất rộng trong loài người chúng ta. Trên thực tế, đây chính là bí quyết thành công của chúng ta.

Nỗ lực cần có không đáng kể, nhưng lợi ích thì rất lớn. Những cạm bẫy tiềm ẩn bao gồm cả việc quá đơn giản hóa, nhu cầu tiết kiệm khả năng chuyên môn (và định lượng), không đủ tin tưởng dành cho nhiều nhà khoa học, và những đặc điểm riêng chưa đầy đủ rút ra giữa phép loại suy hữu dụng với thực tiễn. Rõ ràng, cần phải có những thỏa hiệp.

Quý vị càng tạo ra được những luận cứ như vậy thì sẽ càng rõ là cách tiếp cận nào có tác dụng và cách nào không. Có sự sàng lọc tự nhiên của những ẩn dụ, hình ảnh, loại suy và giai thoại. Sau một thời gian, quý vị thấy rằng mình có thể đến bất kỳ đâu mình muốn, vững bước trên những bàn đạp đã được người tiêu dùng kiểm nghiệm. Khi đó, quý vị có thể điều chỉnh những luận cứ của mình theo nhu cầu của một nhóm cử tọa nào đó.

Giống như một số biên tập viên và người dẫn chương trình truyền hình, một số nhà khoa học

tin rằng công chúng quá dốt nát hoặc ngu ngốc nên không hiểu được khoa học, rằng công việc phổ cập hóa về cơ bản là một sự nghiệp chắc chắn thất bại, hoặc thậm chí tương đương với việc kết thân, nếu không nói là chung sống, với kẻ thù. Trong số rất nhiều ý kiến phê phán luận điểm này – cùng với tính chất ngạo mạn không thể chịu nổi của nó và hoàn toàn không màng tới rất nhiều ví dụ về quá trình phổ cập khoa học cực kỳ thành công – có ý kiến cho rằng nó mang tính tự khẳng định. Và đối với các nhà khoa học, cũng tự chuốc lấy thất bại:

Sự hậu thuẫn quy mô lớn của chính phủ dành cho khoa học còn khá mới mẻ, chỉ mới từ Thế chiến II – mặc dù việc những người giàu có và quyền thế bảo trợ cho một số nhà khoa học lâu hơn rất nhiều. Với việc kết thúc Chiến tranh Lạnh, quân chủ bài quốc phòng vốn đem lại sự hậu thuẫn cho tất cả các hình thức khoa học cơ bản trở thành quân bài khó sử dụng thấy rõ. Chỉ một phần vì lý do này, hầu hết các nhà khoa học, theo tôi nghĩ, hiện cảm thấy rất thoải mái với ý tưởng về phổ cập khoa học. (Vì gần như toàn bộ sự ủng hộ dành cho khoa học đều từ túi tiền của dân mà ra, cho nên những nhà khoa học phản đối việc phổ cập sẽ không khác gì đánh đu với việc tự sát). Những gì công chúng hiểu và đánh giá cao chắc chắn càng được ủng hộ. Tôi không có ý nói rằng phải viết những bài báo cho tạp chí *Scientific American*, lấy ví dụ như vậy, sẽ được những người say mê khoa học và các nhà khoa học trong những lĩnh vực khác tìm đọc. Tôi không nói về việc giảng dạy những khóa giới thiệu cho sinh viên đại học. Tôi không nói về những nỗ lực nhằm truyền đạt điều cốt lõi và cách tiếp cận khoa học trên báo, tạp chí, trên phát thanh và truyền hình, trong các bài giảng cho đại chúng, và trong các sách giáo khoa bậc tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Dĩ nhiên, cần đưa ra những đánh giá trong việc phổ cập. Chớ làm phức tạp hoặc tỏ thái độ kẻ cả. Khi cố gắng khơi gợi sự quan tâm của công chúng, các nhà khoa học thỉnh thoảng lại đi quá xa – chẳng hạn, trong việc rút ra những kết luận tôn giáo phi lý. Nhà thiên văn học George Smoot mô tả phát hiện của mình về những tín hiệu không đều rất nhỏ thu được trong quá trình phát xạ vô tuyến đến từ vụ nổ Big Bang là “trực tiếp nhìn thấy Chúa trời.” Leon Lederman, người đoạt giải Nobel vật lý, mô tả hạt Higgs, một khối vật chất giả định đang hình thành, là “hạt của Chúa”, và đặt tên như vậy cho một cuốn sách. (Theo ý kiến của tôi, chúng đều là các hạt của Chúa). Nếu hạt Higgs không tồn tại thì giả thuyết về Chúa có bị bác bỏ không? Nhà vật lý Frank Tipler gợi ý rằng các máy vi tính trong tương lai xa sẽ chứng minh được sự tồn tại của Chúa và phục hồi cơ thể của chúng ta.

Các tạp chí định kỳ và truyền hình có thể khơi gợi sự sắc sảo khi chúng đem lại cho ta một nét đại cương về khoa học, và điều này rất quan trọng. Nhưng – ngoài quá trình học việc hoặc những lớp và buổi hội thảo được thiết kế thật tốt – cách tốt nhất để phổ cập khoa học là thông qua sách giáo khoa, sách phổ thông, CD-ROM, và các đĩa từ. Quý vị có thể nghiền ngẫm mọi việc, tiến triển theo nhịp độ của chính mình, xem lại những phần khó, so sánh các tài liệu, đào sâu nghiên cứu. Việc này phải được thực hiện cho đúng, và ở trường học nhìn chung không được như vậy. Ở đó, như triết gia John Passmore nhận xét, khoa học thường được trình bày

Như một vấn đề về cách học các nguyên tắc và áp dụng chúng theo những quy trình rập khuôn. Nó được học qua sách giáo khoa, không phải bằng cách đọc những công trình của các nhà khoa học lớn hay thậm chí những đóng góp hằng ngày cho nền văn học khoa học... Một nhà khoa học mới bắt đầu, khác với người nghiên cứu nhân văn, không có liên hệ tức thì gì với thiên tư cả. Trên thực tế... các khóa học ở trường có thể thu hút nhằm người lao vào khoa học – những cô bé và cậu bé không có năng lực sáng tạo và chỉ *thích* những điều rập khuôn.

Tôi cho rằng phổ cập khoa học sẽ thành công nếu, trước hết, nó làm được nhiều điều hơn là chỉ làm lóe lên chút ngạc nhiên. Để làm được điều đó, cần phải cung cấp được kiến thức đại cương về những phát hiện của khoa học mà không cần giải thích quá nhiều xem làm thế nào đạt được những phát hiện ấy. Khắc họa một đích đến dễ dàng hơn là vẽ ra cả hành trình. Nhưng, ở những chỗ có thể, những người phổ cập cần cố gắng nêu ra một vài sai sót, những khởi đầu sai lầm, những kết cục bế tắc, và tình trạng rối loạn vô vọng thấy rõ trong cả hành trình. Ít nhất lúc này hay lúc khác, chúng ta cần đưa ra bằng chứng và để cho người đọc rút ra kết luận của chính họ. Điều này sẽ biến cải quá trình đồng hóa kiến thức mới thành phát hiện của cá nhân. Khi quý vị tự mình có được phát hiện – thậm chí nếu quý vị là người cuối cùng trên Trái Đất nhìn thấy ánh sáng – quý vị sẽ không bao giờ quên được.

Khi còn là thanh niên, tôi rất có cảm hứng nhờ những cuốn sách khoa học phổ thông và những bài viết của George Gamow, James Jeans, Arthur Eddington, J.B.S. Haldane, Julian Huxley, Rachel Carson, và Arthur C. Clarke – tất cả đều được đào tạo, và đa phần là những nhân vật hàng đầu trong lĩnh vực khoa học. Sự thịnh hành của những cuốn sách khoa học được viết tốt, giải thích kỹ càng, giàu sức tưởng tượng và chạm đến trái tim cũng như khối óc chúng ta dường như trong 20 năm qua còn lớn hơn bất kỳ thời điểm nào trước đó, và số lượng và sự đa dạng của các nhà khoa học đang viết những cuốn sách như thế chắc chắn cũng chưa từng có. Trong số những người phổ cập khoa học đương đại xuất sắc nhất, tôi nghĩ đến Stephen Jay Gould, E.O. Wilson, Lewis Thomas, và Richard Dawkins trong lĩnh vực sinh học; Steven Weinberg, Alan Lightman, và Kip Thorne trong vật lý; Ronald Hoffmann về hóa học; và những tác phẩm trước kia của Fred Hoyle về thiên văn học. Isaac Asimov có thể viết về mọi thứ. (Và mặc dù đòi hỏi phải có kiến thức về vi tích phân, nhưng với tôi dường như Tập I bộ *Những bài giảng nhập môn về vật lý* (Introductory Lectures on Physics) của Richard Feynman lại là tác phẩm phổ cập khoa học thú vị, khơi gợi và truyền cảm hứng nhất). Tuy nhiên, những nỗ lực hiện nay rõ ràng chưa đi đến đâu cả. Và dĩ nhiên, nếu chúng ta không đọc, chúng ta không thể thu được gì từ những tác phẩm đó, cho dù chúng có gợi cảm hứng đến đâu.

Tôi rất muốn chúng ta giải thoát Ngài “Buckley” và hàng triệu người như ông ấy. Tôi cũng muốn chúng ta không còn là những học sinh trung học trì độn, thờ ơ, thụ động chấp nhận, và thiếu trí tưởng tượng. Loài người chúng ta cần, và xứng đáng có được, những con người có đầu óc rộng mở và có kiến thức cơ bản về cách vận hành của thế giới.

Tôi khẳng định rằng khoa học là một công cụ cực kỳ cần thiết cho bất kỳ xã hội nào có hy vọng tồn tại trong thế kỷ tới với những giá trị cơ bản được gìn giữ nguyên vẹn – không chỉ là khoa học của những người theo đuổi nó, mà là khoa học được toàn thể cộng đồng người hiểu và theo đuổi. Và nếu các nhà khoa học không đem lại được điều này, thì ai sẽ làm được đây?

Chương 20. NHÀ CHÁY ^[72]

Đức Phật trả lời Xá Lợi Phất Tôn giả: ^[73]

“Ví như tại một khu dân cư của một thủ phủ, có một đại trưởng giả, tuổi già, lắm của, nhiều nhà đất và tôi tớ. Ngôi nhà của ông rộng lớn nhưng chỉ có một cửa. Nhiều người, một trăm hai trăm cho đến năm trăm, cùng ở trong đó. Nhưng ngôi nhà ấy, lâu gác nhà chính cũng đã hư cũ, tường vách lở rã, chân cột hư mục, rường nhà và đòn nóc đã xiêu nghiêng cả. Và đột nhiên bốn phía cùng lúc dậy lửa, đốt cháy nhà cửa. Con của đại trưởng giả có đến mười người, hai mươi người, hoặc đến ba mươi người, vẫn ở trong ngôi nhà ấy.

“Đại trưởng giả thấy lửa dữ bốn phía dậy lên thì hết sức kinh sợ, nghĩ rằng dầu ta có thể do nơi cái cửa của ngôi nhà đang cháy này mà thoát ra một cách an toàn, nhưng các con ta thì ở trong nhà lửa như vậy mà vẫn ham chơi giỡn, không hay không biết, không kinh không sợ. Hơi lửa đã xấp đến nơi mình, nóng rát như cắt mà lòng vẫn không chán không lo, không có ý gì thoát chạy.”

Trích từ *Diệu pháp Liên hoa kinh (Saddharmapundarika)*

Edward Conze biên tập (Harmondsworth, Middlesex, Anh: Penguin Book, 1959)

Một trong những lý do tôi thấy rất thú vị khi viết cho tạp chí *Parade* chính là phản hồi. Với 80 triệu độc giả, quý vị thực sự có thể lấy mẫu ý kiến của các công dân Hoa Kỳ. Quý vị có thể hiểu người ta nghĩ như thế nào, những lo lắng và hy vọng của họ là gì, và thậm chí có lẽ họ đã lạc đường ở đâu.

Một bản rút gọn của chương trước, nhấn mạnh đến thành tích của học sinh và giáo viên, đã được xuất bản trên *Parade*. Tôi nhận được vô số thư. Một số người phủ nhận chuyện có vấn đề; số khác lại nói rằng người Mỹ đang đánh mất trí thông minh sắc bén và hiểu biết. Một số người nghĩ rằng có những giải pháp dễ dàng; số khác cho rằng vấn đề ăn quá sâu nên khó giải quyết được. Nhiều ý kiến thực sự làm tôi ngạc nhiên.

Một giáo viên lớp 10 tại Minnesota phát bản sao bài viết và đề nghị sinh viên của mình nói với tôi những gì họ nghĩ. Đây là những gì một số học sinh trung học Mỹ viết (chính tả, ngữ pháp, cách đặt dấu chấm câu đúng như trong những thư gốc ^[74]):

- Không phải mọi học sinh Mỹ đều ngu dốt Chúng cháu chỉ xếp hạng thấp hơn ở trường mà thôi.
- Có lẽ cũng đúng khi cho rằng chúng cháu không thông như ở các nước khác. Vì thế chúng ta chỉ cần nhập khẩu tất cả những sản phẩm của chúng ta và sau đó chúng ta không phải chi tiền cho những thứ này.
- Và nếu các nước khác đang giỏi hơn, có vấn đề gì đâu, của họ chắc chắn rồi cũng tìm đến Hoa Kỳ cơ mà?
- Xã hội ta đang rất ổn với những phát hiện mà chúng ta đang làm. Việc này diễn ra từ từ, nhưng thuốc chữa ung thư rồi cũng sẽ có.
- Hoa Kỳ có hệ thống học tập của mình và có thể không tiến bộ như của họ, nhưng thế cũng tốt rồi. Nếu không, cháu nghĩ bài viết của ông rất có tính giáo dục.
- Không phải đứa trẻ nào ở trường này cũng thích khoa học. Cháu thật sự không hiểu quan điểm của bài viết. Cháu nghĩ rằng trán chết. Cháu chẳng quan tâm bất kỳ thứ gì như thế.
- Cháu đang học để trở thành luật sư và nói thật cháu hoàn toàn đồng ý với cha mẹ cháu khi họ nói cháu có vấn đề quan điểm đối với khoa học.
- Đúng là một số trẻ Mỹ không cố gắng, nhưng chúng cháu có thể thông minh hơn bất kỳ nước nào khác nếu chúng cháu muốn thế.
- Thay vì bài tập về nhà, bọn trẻ sẽ xem ti vi. Cháu phải đồng ý rằng cháu làm như vậy. Cháu đã giảm bớt từ khoảng 4 tiếng một ngày.
- Cháu không tin đó là lỗi của hệ thống trường học. Cháu nghĩ cả nước chưa được chú ý đầy đủ cho trường học. Cháu biết mẹ cháu thích nhìn cháu chơi bóng rổ hoặc bóng đá, còn hơn là giúp cháu làm bài tập. Hầu hết bọn trẻ cháu biết đều có

thể ít quan tâm đến việc bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ của mình.

- Cháu không nghĩ trẻ em Mỹ ngu ngốc. Chỉ là chúng không học đủ chăm vì hầu hết trẻ làm việc... Nhiều người nói người châu Á thông minh hơn Mỹ và họ giỏi mọi thứ, nhưng điều đó không đúng. Họ không giỏi thể thao. Họ không có thời gian chơi thể thao.
- Chính cháu đang chơi thể thao, và cháu cảm thấy các bạn khác ở đội cháu muốn thể hiện trong môn thể thao đó hơn là ở trường.
- Nếu chúng ta muốn xếp hạng nhất, chúng ta có thể đến trường cả ngày và không có cuộc sống xã hội nào hết.
- Cháu có thể thấy tại sao nhiều giáo viên khoa học phát điên với bác vì xúc phạm công việc của họ.
- Có lẽ nếu các giáo viên có thể thú vị hơn, học sinh sẽ muốn học... Nếu khoa học được làm cho thú vị, học sinh sẽ muốn học. Để làm được việc này, cần được bắt đầu từ sớm, không phải chỉ dạy thực tế và con số.
- Cháu thật sự thấy khó tin vào những thực tế đó về Hoa Kỳ trong lĩnh vực khoa học. Nếu chúng ta tụt xa đến thế, thì làm sao Michael Gorbachev lại đến Minnesota và Montana đến Control Data để xem cách chúng ta vận hành máy tính và các việc như thế nào?
- Khoảng 33 tiếng cho học sinh lớp 5! Theo ý cháu thế là quá nhiều, thế gần như bằng số giờ làm việc toàn thời gian. Cho nên thay vì làm bài tập về nhà chúng cháu có thể đi kiếm tiền.
- Khi bác nói rằng chúng ta quá thua kém về khoa học và toán, tại sao bác không thử nói với chúng cháu điều này một cách nhẹ nhàng hơn?... Chẳng có mấy tự hào với đất nước của bác cùng khả năng của nó.
- Cháu nghĩ thực tế của bác không thuyết phục và bằng chứng rất hời hợt. Tóm lại, bác nêu ra một điểm thú vị.

Tóm lại, những học sinh này không nghĩ có vấn đề; và nếu có, thì không thể làm gì nhiều. Nhiều cháu than phiền rằng các bài giảng, các buổi thảo luận trong lớp học, và bài tập về nhà “chán chết.” Đặc biệt với một thế hệ MTV bị vây bọc trong những rối loạn do thiếu quan tâm với nhiều cấp độ nghiêm trọng khác nhau, thì đúng là rất chán. Nhưng dành ba hoặc bốn cấp học chỉ để cộng, trừ, nhân, chia các con số sẽ khiến bất kỳ ai cũng chán – và bị kích là lý thuyết xác suất sơ đẳng trong tầm tay của những học sinh này. Tương tự như vậy với các dạng thực vật và động vật không có tiến hóa; lịch sử được trình bày như những cuộc chiến, ngày tháng, và những vị vua không có vai trò quyền lực, tham lam, bất tài, và ngu dốt; tiếng Anh không có từ mới du nhập và các từ cũ thì mất dần; và hóa học không rõ các nguyên tố hình thành từ đâu. Phương tiện thức tỉnh những sinh viên này sẵn có trong tay và bị phớt lờ. Vì hầu hết học sinh chỉ lớn lên với một phần rất nhỏ những gì chúng được dạy khắc ghi vĩnh viễn trong bộ nhớ lâu dài của chúng nên chẳng lẽ gieo vào chúng những chủ đề đã được kiểm nghiệm vốn không hề tẻ nhạt... và niềm say mê học hỏi lại không cần thiết ư?

Hầu hết người lớn viết ra suy nghĩ đều có một vấn đề lớn. Tôi nhận được nhiều thư từ các vị phụ huynh nói về những đứa trẻ tò mò sẵn sàng học hành chăm chỉ, say mê khoa học nhưng lại không có các nguồn thích đáng ở trường học hay cộng đồng để thỏa mãn những mối quan tâm của chúng. Một số thư khác nói về những phụ huynh chẳng biết gì về khoa học nhưng sẵn sàng hy sinh tiện nghi của mình để con cái họ có được những cuốn sách khoa học, kính hiển vi, kính thiên văn, máy vi tính, hoặc dụng cụ hóa học; về những vị phụ huynh dạy con cái rằng chăm chỉ sẽ giúp chúng thoát khỏi nghèo túng; về một người bà mang chè tới cho một học sinh thức khuya làm bài tập; về sức ép không được xuất sắc ở trường vì “điều đó làm những đứa trẻ khác mất mặt.”

Đây là một ví dụ – không phải một cuộc thăm dò ý kiến, mà là nhận xét mang tính đại diện – về những phản ứng khác từ các phụ huynh:

- Phụ huynh có hiểu rằng bạn không thể trở thành một con người trọn vẹn nếu bạn ngu dốt không? Ở nhà có sách không? Kính hiển vi nữa? Từ điển bách khoa? Họ có khuyến khích trẻ học tập không?

- Phụ huynh phải dạy tính kiên nhẫn và bền bỉ. Món quà quan trọng nhất họ có thể mang lại cho con cái mình chính là thói quen chăm học, nhưng họ không chỉ nói về điều đó. Những trẻ học cách chăm chỉ sẽ là những trẻ thấy cha mẹ chúng chăm chỉ và không bao giờ từ bỏ.
- Con tôi rất ham thích khoa học, nhưng nó không tiếp thu được gì ở trường hay trên truyền hình cả.
- Con tôi được xem là có tài, nhưng nhà trường không có chương trình làm giàu kiến thức khoa học. Có người khuyên tôi gửi cháu tới một trường tư, nhưng chúng tôi không đủ khả năng theo học trường tư.
- Có áp lực bạn bè rất lớn; những đứa trẻ xấu hổ không muốn “nổi bật” bằng việc giỏi khoa học. Khi con gái tôi bước sang tuổi 13 và 14, mối quan tâm cả đời của nó dành cho khoa học dường như biến mất.

Phụ huynh cũng có rất nhiều điều để nói về giáo viên, và một số nhận xét của giáo viên có ảnh hưởng đến phụ huynh. Chẳng hạn, có người than phiền rằng giáo viên được đào tạo *cách* giảng dạy nhưng không được đào tạo xem dạy *cái gì*; rằng nhiều giáo viên vật lý và hóa học không có bằng cấp về vật lý hay hóa học và “không thoải mái và không đủ khả năng” dạy khoa học; rằng bản thân giáo viên cũng rất lo ngại về khoa học và toán học; rằng họ không thích bị đặt câu hỏi, hoặc họ trả lời, “Tất cả có trong sách. Hãy tìm đọc.” Có người than phiền rằng giáo viên sinh học là người theo thuyết “Sáng tạo luận”; có người thì cho rằng không phải vậy. Đây là một số nhận xét khác của và về giáo viên:

- Chúng ta đang nuôi dưỡng ra một đám khôn ngoan nửa vời.
- Ghi nhớ dễ hơn là suy nghĩ. Trẻ con phải được dạy cách suy nghĩ.
- Giáo viên và giáo trình đang “xuống cấp” đến mấu thức thấp nhất.
- Tại sao huấn luyện viên bóng rổ lại dạy hóa học?
- Giáo viên được yêu cầu dành nhiều thời gian hơn cho vấn đề kỷ luật và “giáo trình xã hội.” Không hề có động lực sử dụng cách nhìn nhận của chính chúng tôi. Người ta luôn coi thường chúng tôi.
- Hãy bỏ hình thức bổ nhiệm giáo viên chính thức ở trường phổ thông và cao đẳng. Hãy loại bỏ những kẻ vô tích sự. Hãy dành quyền sử dụng và sa thải cho hiệu trưởng và giám thị.
- Niềm vui dạy học của tôi liên tục bị ngăn trở bởi những vị hiệu trưởng quân phiệt.
- Giáo viên cần được thưởng dựa trên thành tích – đặc biệt thành tích của học sinh trong các bài thi tiêu chuẩn cấp quốc gia, và những tiến bộ trong thành tích của sinh viên ở những kỳ thi như vậy qua các năm.
- Giáo viên đang áp chế đầu óc con cái chúng tôi bằng việc nói với chúng rằng chúng chưa đủ “thông minh” – chẳng hạn, để theo đuổi sự nghiệp vật lý. Tại sao không để cho học sinh cơ hội theo học khóa học?
- Con trai tôi được khen mặc dù nó đọc kém hơn bạn bè trong lớp hần hai cấp học. Lý do mang tính xã hội, chứ không phải giáo dục. Nó sẽ chẳng bao giờ đuổi kịp bạn bè trừ phi nó đúp lại.
- Khoa học cần được dạy ở tất cả các chương trình của trường học (và đặc biệt ở trường trung học). Nó cần được phối hợp cẩn thận với các khóa toán học mà học sinh theo học cùng lúc.
- Hầu hết bài tập về nhà là “công việc bận rộn” hơn là điều giúp bạn suy nghĩ.
- Tôi nghĩ Diane Ravitch [*New Republic*, ngày 6 tháng 3 năm 1989] nói rằng điều đó giống như: “Như một nữ sinh tại trường trung học Hunter ở thành phố New York giải thích gần đây, ‘Tôi dùng từ Như, nhưng tôi chẳng bao giờ nói về nó... Kém cỏi lại tốt. Nếu bạn quan tâm đến trường lớp và thể hiện điều đó, bạn là một đứa chảnh’... Văn hóa đại chúng – qua truyền hình, phim ảnh, tạp chí, và video – không ngừng lái nhái thông điệp cho các thiếu nữ rằng nổi tiếng, gợi cảm, và ‘ngon’ thì tốt hơn là thông minh, tài giỏi, và thẳng thắn... Năm 1986, các nhà nghiên cứu phát hiện thấy một đặc tính phản học thuật tương tự nhau ở cả

trường trung học và các nữ sinh tại Washington D.C. Họ lưu ý rằng những sinh viên có năng lực phải đối mặt với áp lực bạn bè rất lớn không cho chúng thành công ở trường. Nếu các em học giỏi, chúng có thể bị kết tội ‘chơi trội’.”

- Các trường học có thể dễ dàng công nhận và khen thưởng cho những trẻ xuất sắc về khoa học và toán học. Tại sao lại không chứ? Tại sao không phải là những chiếc áo khoác đặc biệt có tên trường? Vinh danh tại các buổi họp toàn trường và trên báo trường hoặc báo địa phương? Doanh nghiệp đại phương và các tổ chức xã hội có những phần thưởng đặc biệt? Điều này không mấy tốn kém và có thể thắng thế áp lực bạn bè.
- Headstart là chương trình duy nhất hiệu quả... để nâng cao hiểu biết khoa học và mọi điều khác của trẻ em.

Cũng có nhiều ý kiến gây tranh cãi và rất sôi nổi cho thấy người ta cảm nhận như thế nào về chủ đề này. Đây là một vài ví dụ:

- Tất cả những đứa trẻ thông minh thời nay muốn kiếm tiền nhanh, cho nên chúng trở thành luật sư chứ không phải các nhà khoa học.
- Tôi không muốn quý vị cải thiện giáo dục. Như thế thì làm gì có ai lái taxi.
- Vấn đề trong giáo dục khoa học là Chúa chưa được tôn thờ xứng đáng.
- Quan điểm của trào lưu chính thống cho rằng khoa học “nhân đạo” và bị ngờ vực chính là lý do khiến không có ai hiểu khoa học. Các tôn giáo đều sợ lỗi tư duy hoài nghi là cốt lõi của khoa học. Các sinh viên bị tẩy não rằng không nên chấp nhận tư duy khoa học trước khi họ lên đại học.
- Khoa học không tin chính mình. Nó phục vụ cho giới chính trị. Nó làm ra vũ khí, nó dối trá về những “nguy hiểm” của cần sa, nó phớt lờ những hiểm họa của chất độc da cam, vân vân.
- Các trường công không tốt. Hãy bỏ đi. Chỉ nên duy trì các trường tư thôi.
- Chúng ta hãy để những người ủng hộ thái độ thụ động, lối tư duy rối rắm, và chủ nghĩa xã hội hung hăng hủy hoại những gì từng là một hệ thống giáo dục tuyệt vời.
- Hệ thống trường học không đủ tiền. Vấn đề là đàn ông da trắng, thường là huấn luyện viên, điều hành các trường sẽ chẳng bao giờ (và tôi không có ý nói không bao giờ) thuê một trí thức cả... Họ quan tâm đến đội bóng đá hơn là giáo trình và chỉ thuê những gã người máy tầm thường chỉ biết kính Chúa và chuyên vấy cờ đến dạy. Những học sinh nào có thể được đào luyện từ những ngôi trường chỉ biết áp chế, trừng phạt và phớt lờ lối tư duy logic?
- Hãy giải phóng các trường khỏi cái thòng lọng của ACLU (Liên đoàn Đặc quyền Dân sự Mỹ), NEA (Hiệp hội Giáo dục Quốc gia), và những tổ chức khác liên can đến việc làm hỏng tính kỷ luật và năng lực ở các trường.
- Tôi sợ ông không hiểu gì về đất nước nơi ông sống. Người dân dốt nát và sợ sệt đến lạ. Họ sẽ không chịu chấp lắng nghe bất kỳ ý kiến [mới mẻ] nào... Ông không biết điều đó ư? Hệ thống tồn tại được chỉ vì nó có một dân số ngu dốt sợ Chúa. Có lý do nhiều người [có học] không có việc làm.
- Thỉnh thoảng tôi được đề nghị giải thích những vấn đề công nghệ cho nhân viên Quốc hội. Xin hãy tin tôi, có vấn đề về giáo dục khoa học ở đất nước này.

Không có giải pháp duy nhất nào cho vấn đề ‘mù chữ’ về khoa học – hoặc toán học, lịch sử, tiếng Anh, địa lý, và nhiều kỹ năng khác mà xã hội chúng ta cần có thêm. Trách nhiệm thuộc về nhiều người – phụ huynh, cử tri, các ban lãnh đạo trường học, truyền thông, giáo viên, giới quản lý, chính quyền địa phương, bang và liên bang, dĩ nhiên thêm cả chính học sinh nữa. Ở mọi cấp học, giáo viên đều than phiền rằng vấn đề nằm ở những bậc học đầu tiên. Và có thể các giáo viên lớp 1 rất thất vọng với việc dạy trẻ nhỏ những thiếu hụt về kiến thức do tình trạng suy dinh dưỡng, thiếu sách vở ở nhà, hoặc một nền văn hóa bạo lực trong đó thời gian rồi để suy nghĩ không hề có.

Nhờ trải nghiệm của chính mình, tôi biết rất rõ một đứa trẻ có thể được hưởng lợi đến mức

nào từ cha mẹ là những người ít học, và có thể vượt qua điều này. Thậm chí những tiến bộ nhỏ trong giáo dục, kỹ năng giao tiếp, và niềm say mê học hành ở một thế hệ cũng có thể đem lại những cải thiện lớn hơn nhiều ở thế hệ tiếp theo. Tôi nghĩ đến điều này mỗi lần nghe thấy lời than phiền rằng các “chuẩn mực” nhà trường đang giảm sút, rằng một tấm bằng cử nhân không “có ý nghĩa” như trước kia.

Dorothy Rich, một giáo viên rất có tư duy đổi mới ở Yonkers, New York, tin rằng điều quan trọng hơn cả các môn học thuật đặc biệt chính là việc rèn giũa những kỹ năng chủ chốt mà bà ấy liệt kê là “tự tin, kiên trì, quan tâm, phối hợp nhóm, cảm nhận chung và giải quyết vấn đề.” Tôi thêm vào đó tư duy hoài nghi và năng khiếu thắc mắc.

Đồng thời, trẻ có khả năng và kỹ năng đặc biệt cần được bồi dưỡng và khích lệ. Chúng là kho báu của quốc gia. Những chương trình đầy thách thức dành cho “trẻ có năng khiếu” đôi khi bị chê bai là “luyện gà nòi.” Tại sao những chương trình rèn luyện tích cực đối với các cầu thủ bóng đá, bóng chày và bóng rổ và các cuộc thi giữa các trường lại không phải là luyện gà nòi? Sau rốt, chỉ có những vận động viên có tài nhất mới tham gia. Ở đây có một tiêu chuẩn kép rất thất säch, trên quy mô toàn quốc.

Vấn đề trong giáo dục công về khoa học và các môn khác còn sâu xa tới mức rất dễ tuyệt vọng và kết luận rằng có thể chẳng bao giờ giải quyết được chúng. Nhưng, ở các thành phố lớn và những thị trấn nhỏ vẫn có những thiết chế đem lại lý do để hy vọng, những nơi giúp khơi gợi, đánh thức tính tò mò đang chìm trong giấc ngủ, và kích thích nhà khoa học hiện diện trong mỗi người chúng ta:

- Khối thiên thạch chứa quặng sắt to tướng ở trước mặt bạn đầy những lỗ thủng y như một miếng pho mát Thụy Sĩ. Bạn thận trọng tiến đến chạm vào nó. Nó có cảm giác mịn và lạnh. Ý nghĩ xuất hiện trong đầu bạn là đây là một vật thể của thế giới khác. Làm thế nào nó tới được Trái Đất? Điều gì xảy ra trong vũ trụ khiến nó bay đi?...
- Buổi triển lãm trưng bày những bản đồ London thế kỷ 18, và tình trạng lây lan bệnh dịch tả khủng khiếp. Những người ở một nhà nào đó lây bệnh từ những nhà hàng xóm. Bằng cách truy nguyên đợt lây nhiễm, bạn có thể biết được nó khởi phát từ đâu. Việc này giống như một thám tử. Và khi bạn xác định được nguồn gốc bạn tìm ra đó là một nơi có những cống rãnh lộ thiên. Bạn hiểu rằng có lý do sống còn lý giải tại sao các thành phố hiện đại lại có hệ thống vệ sinh đầy đủ. Bạn nghĩ đến tất cả những thành phố và thị trấn cùng làng mạc trên thế giới chưa có được hệ thống ấy. Bạn nghĩ đến khả năng có một cách đơn giản và tiết kiệm hơn để làm việc này...
- Bạn đang bò qua một đường hầm tối đen, dài dằng dặc. Có những chỗ rẽ, lên và xuống rất đột ngột. Bạn đi qua một khu rừng toàn những thứ có long tơ, những thứ như hạt, những thứ tròn tròn cứng rắn và to. Bạn hình dung xem nó là thứ gì. Bạn nghĩ về việc chúng ta quá ít dựa vào xúc giác của mình. Trong bóng tối và im lặng, chỉ có mình bạn với suy nghĩ của mình. Trải nghiệm thật thú vị...
- Bạn kiểm tra kế hoạch chi tiết tái hiện một đám rước của các thầy tu leo lên một trong những thánh điện đồ sộ của người Sumer, hoặc một ngôi mộ sơn vẽ rực rỡ ở Thung lũng các Vua tại Ai Cập cổ đại, hoặc một ngôi nhà ở La Mã cổ đại, hoặc một đường phố ở đầu thế kỷ 20 tại một thị trấn nhỏ ở Mỹ. Bạn nghĩ đến tất cả những nền văn minh đó, khác hẳn với nền văn minh của bạn, và nếu bạn sinh ra trong những nền văn minh ấy, bạn sẽ nghĩ về chúng hoàn toàn tự nhiên như thế nào, bạn sẽ coi xã hội *của bạn* – nếu bạn được nghe nói về nó – là kỳ cục như thế nào...
- Bạn bóp lọ thuốc nhỏ mắt, và một giọt nước rơi ra trên bàn soi kính hiển vi. Bạn nhìn hình ảnh được phóng to. Giọt nước đầy sự sống – những sinh vật kỳ lạ đang bơi lội, bò, chạy; những cao trào rượt đuổi, thắng và thua. Đây là một thế giới của những xinh vật còn kỳ lạ hơn bất kỳ bộ phim khoa học viễn tưởng nào...
- Ngồi trong rạp hát, bạn thấy mình ở bên trong đầu của một cậu bé 11 tuổi. Bạn nhìn ra qua mắt cậu ta. Bạn bắt gặp những vấn đề khó khăn hằng ngày của cậu ta:

Đám bạn chuyên bắt nạt, những người lớn chuyên quyền, những va chạm với đám con gái. Bạn nghe thấy giọng nói trong đầu cậu ta. Bạn chứng kiến những phản ứng thần kinh và hormone của cậu ta trước môi trường xã hội. Và bạn tự hỏi làm cách nào *bạn* tìm hiểu bên trong...

- Theo những chỉ dẫn đơn giản, bạn gõ các câu lệnh. Trái Đất sẽ như thế nào nếu chúng ta tiếp tục đốt than, dầu mỏ và khí đốt, và tăng gấp đôi lượng khí carbon dioxide trong khí quyển? Nó sẽ còn nóng thêm đến mức nào? Băng vùng cực sẽ tan đến đâu? Các đại dương sẽ dâng cao thêm bao nhiêu? *Tại sao* chúng ta lại thải nhiều carbon dioxide vào khí quyển như vậy? Chuyện gì xảy ra nếu chúng ta thải carbon dioxide vào khí quyển nhiều thêm gấp 5 lần? Tương tự, làm thế nào ai đó có thể biết khí hậu tương lai sẽ ra sao? Điều này khiến bạn nghĩ...

Thời thơ ấu của tôi, tôi được đưa tới Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Mỹ tại New York. Tôi đã sững sờ trước những bức tranh tầm sâu – những đại diện như thật của các động vật và môi sinh của chúng trên khắp thế giới. Những con chim cánh cụt trên vùng băng Nam Cực lơ mờ; những con hươu đuôi trắng ở thảo nguyên Phi châu rực rỡ; một gia đình gorilla, con đực đang đấm ngực, ở một trảng rừng rợp bóng; một con gấu xám Bắc Mỹ đứng trên chân sau, cao tới 3-4m, và đăm đăm nhìn thẳng vào mắt tôi. Đây là những khung hình tĩnh ba chiều mà một ông thần đèn nào đó đã chụp được. Con gấu sau đó có cử động không? Con gorilla có chớp mắt không? Liệu vị thần có quay lại, giải lời nguyền và cho phép những sinh vật tuyệt vời này tiếp tục cuộc sống của chúng như tôi há hốc mồm chứng kiến không?

Trẻ em luôn có ham thích được sờ mó không sao cưỡng lại nổi. Nhớ lại những ngày đó, hai từ nghe thấy nhiều nhất trong các bảo tàng là “đừng sờ.” Nhiều thập kỷ trước, gần như không có gì mang tính “thực hành” trong các bảo tàng khoa học hay lịch sử tự nhiên cả, thậm chí không có một bể thủy triều mô phỏng mà quý vị có thể bắt một con cua lên và xem xét. Thứ gần gũi nhất với một cuộc triển lãm tương tác mà tôi biết là những chiếc cân Mô hình vũ trụ Hayden, mỗi cái đại diện cho một hành tinh. Với trọng lượng khoảng 18kg trên Trái Đất, nếu quý vị sống trên Sao Mộc, quý vị sẽ nặng 45kg. Nhưng buồn thay, trên Mặt Trăng, quý vị sẽ chỉ nặng 3,1kg; trên Mặt Trăng dường như quý vị sẽ không hề hiện diện ở đó.

Ngày nay, trẻ em được khuyến khích sờ, chọc, xem qua một lượt cả biểu đồ cây hỏi và đáp qua máy tính, hoặc tạo ra những tiếng động buồn cười và xem các sóng âm thanh như thế nào. Thậm chí những trẻ không thu được gì từ triển lãm, hoặc thậm chí không hiểu tí gì về triển lãm, thường cũng thu được gì đó hữu ích. Quý vị tới những bảo tàng này và quý vị tận mắt chứng kiến những cảnh tượng kỳ diệu, ngỡ ngàng thấy trẻ con đua nhau chạy từ chỗ trưng bày này sang chỗ khác, những nụ cười thỏa mãn vì được khám phá. Những điều đó rất phổ biến. Gần như rất nhiều người trong chúng ta tới đó mỗi năm chẳng khác gì tham dự liên khúc các trận đấu bóng rổ, bóng chày và bóng đá chuyên nghiệp.

Những triển lãm này không thay thế được những chỉ dẫn ở trường hoặc ở nhà, nhưng chúng thức tỉnh và kích thích. Một bảo tàng khoa học lớn sẽ truyền cảm hứng cho trẻ đọc sách, hoặc tham gia một khóa học, hoặc quay lại bảo tàng để tham gia khám phá – và quan trọng nhất, để học lấy phương pháp tư duy khoa học.

Một đặc điểm tuyệt vời nữa của nhiều bảo tàng khoa học hiện đại là một rạp chiếu phim trình chiếu các phim IMAX hoặc OMNIMAX. Trong một số trường hợp, màn hình cao tới 10 tầng nhà và vây kín quanh quý vị. Bảo tàng Vũ trụ và Hàng không Quốc gia của viện Smithsonian, bảo tàng nổi tiếng nhất trên Trái Đất, trình chiếu ra mắt tại Nhà hát Langley của nó một số bộ phim hay nhất loại này. Bộ phim *Bay lượn* (To Fly) vẫn khiến tôi ghen hòng sau 5 hay 6 lần xem. Tôi từng gặp nhiều thủ lĩnh tôn giáo của các giáo phái xem phim *Hành tinh Xanh* (Blue Planet) và thay đổi quan điểm ngay tại chỗ theo hướng bảo vệ môi trường Trái Đất.

Không phải tất cả các cuộc triển lãm và bảo tàng khoa học đều mẫu mực. Có một vài trường hợp vẫn là chương trình mang tính thương mại cho những công ty góp tiền để quảng bá sản phẩm của họ – động cơ xe hơi hoạt động ra sao hoặc “độ sạch” của một loại nhiên liệu hóa thạch khi so với loại khác. Có quá nhiều bảo tàng nhận là khoa học nhưng thật sự lại chuyên về công nghệ hoặc y tế. Có quá nhiều cuộc triển lãm sinh học vẫn còn ngại đề cập đến quan niệm then chốt của sinh học hiện đại: Tiến hóa. Các sinh vật “phát triển” hoặc “xuất hiện” nhưng

không bao giờ tiến hóa cả. Tình trạng thiếu vắng con người trong tầng hóa thạch sâu bị xem nhẹ. Chúng ta không được xem gì về tính chất gần như giống nhau về cấu trúc cơ thể và DNA giữa con người và tinh tinh hoặc gorilla. Chẳng có gì được trưng bày về các phân tử hữu cơ phức tạp trong vũ trụ hoặc những thế giới khác, cũng không có về các thí nghiệm cho thấy các yếu tố của sự sống đang hình thành với số lượng lớn ở những bầu khí quyển đã biết của các thế giới khác và bầu khí quyển có thể đúng của Trái Đất xưa. Một ngoại lệ đáng chú ý: Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên của Viện Smithsonian từng có một triển lãm khó quên về tiến hóa. Triển lãm bắt đầu với hai con gián trong một gian bếp hiện đại với các hộp ngũ cốc để ngỏ và những loại thực phẩm khác. Để nguyên trong vài tuần, nơi này nhưng nhúc nhích, hàng đàn tìm thấy ở mọi nơi, tranh giành nhau số thức ăn lúc này còn rất ít, và lợi thế di truyền dài hạn mà một con gián thích nghi tốt hơn một chút có thể so với các đối thủ cạnh tranh của nó trở nên rõ rệt. Cũng như vậy, nhiều nhà mô hình vũ trụ vẫn nhiệt thành tìm kiếm các chòm sao hơn là du hành tới những thế giới khác, và mô tả quá trình tiến hóa của các thiên hà, các vì sao, và các hành tinh; họ cũng có một thiết bị chiếu hình dạng côn trùng luôn hiện hữu để quét lên bầu trời.

Có lẽ không thể thấy cuộc triển lãm ở bảo tàng tuyệt vời nhất. Không có chỗ: George Awad là một trong những nhà chế tạo mô hình kiến trúc hàng đầu ở Mỹ, chuyên về các tòa nhà chọc trời. Anh ấy cũng là một sinh viên nhiệt thành với thiên văn học, người đã tạo ra một mô hình Vũ trụ rất ngoạn mục. Bắt đầu với một khung cảnh rất thực tế trên Trái Đất, và bám theo một dự án do các nhà thiết kế Charles và Ray Eames đề xuất, anh ấy đã đạt được nhiều tiến bộ theo cấp số 10 trong việc cho chúng ta thấy toàn bộ Trái Đất, Hệ Mặt trời, dải Ngân hà và Vũ trụ. Đây là một trong những công cụ hay nhất mà tôi biết để giải thích về quy mô và bản chất của Vũ trụ cho trẻ em. Isaac Asimov đã mô tả nó như “cách thể hiện giàu trí tưởng tượng nhất về vũ trụ mà tôi từng thấy, hoặc có thể nghĩ ra. Tôi có thể lang thang trong đó hàng giờ, nhìn ngắm gì đó mới mẻ ở mỗi chỗ rẽ mà tôi chưa hề thấy trước đó.” Các tiêu bản của sản phẩm này lẽ ra nên được phổ cập trên cả nước – để kích thích trí tưởng tượng, gợi cảm hứng, và dạy học. Nhưng thay vào đó, Awad lại không thể đưa mô hình triển lãm này tới bất kỳ bảo tàng khoa học lớn nào ở Hoa Kỳ. Không một ai sẵn sàng dành cho nó không gian sàn cần có cả. Khi tôi viết đến đây, nó vẫn nằm trơ trọi trong nhà kho.

Số dân ở thành phố Ithaca, New York, của tôi nhiều gấp đôi tổng số khoảng 50.000 sinh viên của cả Đại học Cornell và Đại học Ithaca ở thời điểm trong năm học. Đa dạng về mặt sắc tộc, được bao bọc trong vùng đất nông nghiệp, như nhiều nơi ở vùng Đông Bắc, nơi này đã hứng chịu sự suy giảm cơ sở sản xuất từ thế kỷ 19 của mình. Một nửa số trẻ em ở Trường Tiểu học Beverly J. Martin, nơi con gái chúng tôi theo học, sống dưới mức nghèo khổ. Đó là những đứa trẻ mà hai giáo viên khoa học tình nguyện, Debbie Levin và Ilma Levine, thấy lo nhất. Đường như không hẳn là với một số học sinh ở Cornell, lấy ví dụ như vậy, thậm chí bầu trời không phải là giới hạn. Những học sinh khác lại không có cơ hội tiếp cận sức mạnh của giáo dục khoa học. Bắt đầu từ thập niên 1960, chúng đến trường học đều đặn, kéo theo chiếc xe kéo thư viện di động chở đầy các hóa chất gia dụng và những đồ đạc quen thuộc khác để truyền tải một chút gì đó của phép màu khoa học. Chúng mơ ước tạo ra một nơi cho trẻ con đến, nơi chúng có thể có cảm nhận riêng về khoa học.

Năm 1983, Levin và Levine đăng một quảng cáo nhỏ trên tờ báo địa phương của chúng tôi để mời cả cộng đồng tới thảo luận về ý tưởng này. Năm mươi người đến dự. Từ nhóm đó đã ra đời ban giám đốc đầu tiên của Trung tâm Sciencenter. Chỉ trong vòng một năm, họ đã bố trí được không gian triển lãm ở tầng một của một tòa nhà văn phòng chưa ai thuê. Khi chủ nhà tìm được một đối tác thuê, những con nòng nọc và giấy quỳ lại được gói ghém và chở tới một cửa hàng mặt tiền bỏ không.

Có thêm nhiều lần chuyển địa điểm cho tới khi một người Ithaca có tên Bob Leathers, một kiến trúc sư nổi tiếng thế giới về thiết kế các sân chơi cải tiến do cộng đồng xây dựng, vẽ và tặng bản thiết kế của một Trung tâm Sciencenter cố định. Quà tặng từ các công ty địa phương cung cấp đủ tiền để mua một mảnh đất bỏ không từ chính quyền thành phố và sau đó thuê một giám đốc điều hành, Charles Trautmann, một kỹ sư dân dụng ở Cornell. Ông ấy và Leathers tới dự hội nghị thường niên của Hiệp hội Thợ xây Quốc gia tại Atlanta. Trautmann kể lại việc họ đã nói về “một cộng đồng háo hức nhận lấy trách nhiệm giáo dục thanh thiếu niên và vận động

quyên góp nhiều vật liệu chính như cửa sổ, cửa trời, và gỗ” như thế nào.

Trước khi họ tiến hành xây dựng, cần phải đập bỏ một số trạm bơm cũ tại địa điểm. Các thành viên của một hiệp hội ở Cornell được tuyển mộ. Với những chiếc mũ cứng và cuốc chim, họ vui vẻ dọn dẹp khu vực xây dựng. “Đây là việc đáng làm,” họ nói. Chỉ trong hai ngày, họ chở đi toàn bộ 200 tấn gạch vụn.

Những gì tiếp theo chính là hình ảnh của một nước Mỹ mà nhiều người trong chúng ta sợ rằng đã biến mất. Với truyền thống dựng nhà của những người định cư tiên phong, các thành viên của cộng đồng – thợ đóng gạch, bác sĩ, thợ mộc, giáo sư đại học, thợ ống nước, nông dân, người rất trẻ, và người rất già – tất cả đều xắn tay áo để xây dựng Trung tâm Sciencenter.

“Tiến độ bảy ngày một tuần liên tục được duy trì,” Trautmann nói, “cho nên bất kỳ ai cũng có thể giúp đỡ bất kỳ lúc nào. Mọi người đều được giao một công việc. Những tình nguyện viên có kinh nghiệm thì xây cầu thang, trải thảm và ốp gạch, chỉnh chang cửa sổ. Số khác thì sơn, đóng đinh, và chuyên chở vật liệu.” Khoảng 2.200 thị dân đã đóng góp hơn 40.000 giờ công. Khoảng 10% công việc xây dựng do những người phạm những tội nhẹ đảm đương; họ thích làm việc gì đó cho cộng đồng hơn là ngồi không trong tù. Mười tháng sau, Ithaca có bảo tàng khoa học do cộng đồng xây dựng duy nhất trên thế giới.

Trong số 75 hiện vật triển lãm tương tác nhấn mạnh đến cả các quá trình và các nguyên tắc của khoa học có: Magicam, một kính hiển vi mà khách tham quan có thể sử dụng để nhìn lên một màn hình màu và sau đó chụp ảnh bất kỳ vật gì với độ phóng đại gấp 40 lần; liên kết công duy nhất trên thế giới với Mạng Dò tìm Ánh sáng Quốc gia đặt trên vệ tinh; một máy ảnh khá to kích thước 1,8×2,7m; một hồ hóa thạch chứa đá phiến sét ở địa phương nơi khách tham quan có thể tìm kiếm hóa thạch từ 380 triệu năm trước và giữ làm kỷ niệm; một con trăn Mỹ dài 2,4m có tên “Spot”; và một loạt thí nghiệm, máy vi tính, và hoạt động rất ấn tượng.

Vẫn có thể tìm gặp được Levin và Levine ở nơi này vì họ là những tình nguyện viên toàn thời gian chuyên dạy dỗ các công dân và nhà khoa học tương lai. Quỹ DeWitt Wallace-Reader’s Digest đã ủng hộ và mở rộng giấc mơ của họ muốn tiếp cận những đứa trẻ vốn bình thường sẽ bị khước từ quyền lợi bẩm sinh đối với khoa học. Thông qua chương trình Youth-ALIVE quy mô toàn quốc của Quỹ, thanh thiếu niên Ithaca nhận được sự chỉ bảo rất nhiệt tình để phát triển khoa học, khả năng giải quyết xung đột và các kỹ năng nghề nghiệp.

Levin và Levine nghĩ khoa học nên thuộc về tất cả mọi người. Cộng đồng của họ tán thành và có cam kết thực hiện giấc mơ đó. Trong năm đầu tiên của Trung tâm Sciencenter, 55.000 đã tới thăm từ tất cả 50 bang và 60 quốc gia. Không hề ít với một thành phố nhỏ. Điều đó làm cho quý vị tự hỏi chúng ta có thể làm gì nữa nếu chúng ta hợp tác cùng nhau vì một tương lai tốt hơn cho con cái chúng ta.

HẾT.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

[1] Enrico Fermi (29 tháng 9 năm 1901 – 28 tháng 11 năm 1954) là một nhà vật lý Mỹ sinh tại Italia, được tặng giải thưởng Nobel Vật lý năm 1938 cho công trình về phóng xạ cảm biến. Ông nổi tiếng với những đóng góp cho việc phát triển lý thuyết lượng tử, vật lý hạt và hạt nhân, cùng môn cơ khí thống kê. Thời kỳ Thế chiến II, ông làm việc tại Đại học Chicago và những nghiên cứu của ông tại đây đã dẫn tới việc xây dựng lò phản ứng hạt nhân đầu tiên trên thế giới mang tên Chicago Pile-1 trên một sân quần vợt bên dưới phần mái che phía tây của sân vận động Alonzo Stagg Field trong khuôn viên trường. Phản ứng dây chuyền hạt nhân tự lực đầu tiên được tiến hành tại CP-1 ngày 2 tháng 12 năm 1942. – ND.

[\[2\]](#) Subrahmanyan Chandrasekhar (19 tháng 10 năm 1910 – 21 tháng 8 năm 1995) là nhà vật lý thiên văn người Mỹ gốc Ấn Độ, người đoạt giải Nobel Vật lý năm 1983 cùng với William A. Fowler với những phát hiện quan trọng dẫn tới lý thuyết về các giai đoạn phát triển muộn của các sao đỏ siêu khổng lồ. Chandrasekhar từng làm việc tại Đại học Chicago từ năm 1937 cho tới khi qua đời năm 1995 ở tuổi 84. – ND.

[\[3\]](#) Harold Clayton Urey (29 tháng 4 năm 1893 – 5 tháng 1 năm 1981) là nhà vật lý hóa học người Mỹ với công trình tiên phong về chất đồng vị đem lại cho ông giải Nobel Hóa học năm 1934. Ông đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển bom nguyên tử và đặc biệt có nhiều đóng góp cho các lý thuyết về sự phát triển dạng sống hữu cơ từ vật chất vô cơ. – ND.

[4] Hermann Joseph Muller (tức H. J. Muller) (21 tháng 12 năm 1890 – 5 tháng 4 năm 1967) là nhà di truyền học, nhà giáo dục người Mỹ đoạt giải Nobel, nổi tiếng với công trình về hiệu ứng vật lý và gien của phóng xạ (đột biến gien X-quang). Muller thường xuyên cảnh báo về những hiểm họa lâu dài của bụi phóng xạ do thử nghiệm hạt nhân và chiến tranh hạt nhân, giúp nâng cao nhận thức của công chúng trong lĩnh vực này. Ông cũng là người đầu tiên mô tả những gì sau này được đặt thuật ngữ là “tính phức tạp tối giản”, được sử dụng trong luận điểm của những người theo chủ thuyết sáng tạo, đối lập với lý thuyết tiến hóa. – ND.

[5] Gerard Peter Kuiper (7 tháng 12 năm 1905 – 24 tháng 12 năm 1973 tại Mexico City) là nhà thiên văn học người Mỹ gốc Hà Lan, được lấy tên đặt cho vành đai Kuiper. Kuiper phát hiện hai vệ tinh tự nhiên của các hành tinh trong hệ mặt trời là vệ tinh Miranda của Sao Thiên vương và vệ tinh Nereid của Sao Hải vương. Ông cũng phát hiện ra khí CO₂ trong bầu khí quyển của Sao Hỏa và sự tồn tại của bầu khí quyển có khí methane phía trên vệ tinh Titan của Sao Thổ vào năm 1944. Kuiper cũng là người đi tiên phong quan sát bằng tia hồng ngoại sử dụng máy bay Convair 990 vào những năm 1960. Ông hỗ trợ xác định địa điểm hạ cánh trên Mặt trăng cho chương trình Apollo và cũng phát hiện ra một số sao nhị nguyên, như KUI 79. Kuiper chủ yếu làm việc tại Đại học Chicago, trước khi chuyển tới Tucson, Arizona năm 1960 để thành lập và là giám đốc Phòng Thí nghiệm Mặt trăng và Hành tinh tại Đại học Arizona. – ND.

[\[6\]](#) Ebla (nay là Tell Mardikh, tỉnh Idlib, Syria) là một đô thị cổ cách thành phố Aleppo khoảng 55 km về tây nam. Đây là một đô thị-thành bang quan trọng trong hai thời kỳ, lần đầu vào cuối thiên niên kỷ thứ 3 trước Công nguyên và lần hai vào giữa năm 1800 và 1650 trước Công nguyên. Địa danh này nổi tiếng với các thẻ bài Ebla, một tàng thư gồm khoảng 20.000 tấm thẻ có ký tự hình nêm, niên đại khoảng năm 2250 trước CN, viết bằng văn tự Sumeria để ghi lại ngôn ngữ của người Eblait — một ngôn ngữ chưa được biết đến. Địa điểm này được xác nhận vào năm 1968, khi các nhà khảo cổ học Italia thuộc Đại học Rome La Sapienza tìm được một bức tượng nữ thần Ishtar có mang tên Ibbit-Lim, một vị vua của Ebla trong quá trình khai quật Tell Mardikh. Các thẻ bài được tìm thấy tại một cung điện có niên đại khoảng năm 2500-2000 trước CN trong thập kỷ tiếp theo. – ND.

[\[7\]](#) Luật Gresham được đặt theo tên Sir Thomas Gresham (1519-1579), nhà tài chính người Anh dưới triều đại Tudor. Đây là một nguyên tắc kinh tế, khẳng định rằng khi một chính phủ quá coi trọng giá trị một loại tiền tệ và xem nhẹ một loại khác thì loại tiền bị xem nhẹ sẽ biến mất khỏi quá trình lưu thông, trong khi loại tiền được coi trọng sẽ tràn ngập. Nguyên tắc này được diễn đạt nôm na là “Tiền xấu đẩy tiền mạnh”. Quy luật này áp dụng khi có hai loại tiền hàng hóa cùng lưu thông và đòi hỏi được cùng chấp nhận là có giá trị mặt (giá trị in trên mặt đồng tiền) như nhau để dùng cho các giao dịch kinh tế. Đồng tiền được coi trọng có xu hướng lẫn át đồng tiền bị xem nhẹ và đây là kết quả của việc kiểm soát giá. – ND.

[\[8\]](#) Mặc dù cũng có thể tính thêm cả Theodore Roosevelt, Herbert Hoover và Jimmy Carter. Nước Anh có một nhân vật tương tự là Thủ tướng Margaret Thatcher. Những nghiên cứu của bà về hóa học, một phần dưới sự chỉ dẫn của nhà khoa học đoạt giải Nobel Dorothy Hodgkins, là chìa khóa cho sự ủng hộ mạnh mẽ và rất thành công của Anh quốc đối với việc cấm sử dụng trên quy mô toàn đối với CFC hủy hoại tầng ozone. – TG.

[9] Faustus (nguyên văn tiếng Đức là Faust) là nhân vật chính trong một truyền thuyết cổ của Đức, một học giả rất thành công nhưng cũng rất bất mãn với cuộc sống của mình nên đã có một thỏa ước với quỷ sứ, đánh đổi linh hồn mình để lấy tri thức vô hạn và những lạc thú trần tục. Câu chuyện về Faust là cơ sở cho nhiều tác phẩm văn học, hội họa, điện ảnh và âm nhạc. Tên gọi Faust thường được dùng để chỉ một thỏa thuận trong đó một nhân vật đầy tham vọng hy sinh đạo đức để đạt được quyền lực và thành công. – ND.

[\[10\]](#) Bên bàn ăn tối gần đây, tôi đã hỏi các thực khách có mặt – tuổi đời từ 30 tới 60 – xem bao nhiêu người trong số họ còn sống được đến hôm nay nếu không có thuốc kháng sinh, máy điều hòa nhịp tim, và toàn bộ những “vũ khí” còn lại của y học hiện đại. Chỉ một cách tay giơ lên. Và không phải của tôi. – TG.

[\[11\]](#) “Không một nhân vật tôn giáo duy lý nào tin điều này. Thật lỗi thời,” một trong những tài liệu tham khảo của cuốn sách này đã viết như vậy. Nhưng nhiều “nhà sáng tạo luận khoa học” không chỉ tin mà còn có những nỗ lực ngày càng mạnh và thành công nhằm giảng dạy điều này ở trường học, viện bảo tàng, vườn thú và sách giáo khoa. Tại sao? Bởi vì việc cho thêm “các vị cha”, tuổi của các giáo trưởng và những người khác trong Kinh thánh, tạo ra một nhân vật như vậy, và Kinh thánh thì “không thể sai lầm.” – TG.

[\[12\]](#) Mặc dù tôi thấy khó nhìn ra một mối liên hệ vũ trụ sâu sắc hơn so với những phát hiện kỳ lạ của vật lý học thiên thể hạt nhân hiện đại: Ngoại trừ hydrogen, tất cả các nguyên tử cấu thành lên chúng ta – sắt trong máu chúng ta, calcium trong xương, carbon trong não – đều được sản xuất ở những ngôi sao đỏ khổng lồ cách xa hàng nghìn năm ánh sáng và từ hàng tỉ năm trước. Tôi rất thích nói rằng chúng ta là ‘tinh tú thể’ (starstuff). – TG.

[\[13\]](#) Đúng như nhà vật lý tiên phong Benjamin Franklin từng đề cập “Trong khi tiến hành những thí nghiệm này, chúng ta đã xây nên bao nhiêu hệ thống, mà chúng ta nhanh chóng thấy chính mình có nghĩa vụ phải phá bỏ?” Ít nhất, ông nghĩ, thí nghiệm đáp ứng được việc “giúp làm cho gã Con Người tự phụ phải khiêm nhường lại.” – TG.

[\[14\]](#) Nguyên văn tiếng Anh là “mare”, xuất phát từ tiếng Latin mang nghĩa “đại dương.” – ND.

[\[15\]](#) Tên các vùng biển trên Mặt trăng ở đây được dịch qua thuật ngữ tiếng Hán. Nguyên văn trong tiếng Anh lần lượt là Mare Imbrium (Biển Mưa), Mare Serenitatis (Biển Lặng), Mare Tranquilitatis (Biển Yên tĩnh), và Mare Humorum (Biển Âm thấp). – ND.

[\[16\]](#) Đầu tháng 5/2003 khối đá này đã sụp đổ. – ND.

[\[17\]](#) Những trường hợp này rất khác với thánh tích được gọi là Tấm vải niệm Turin, di vật cho thấy một hình ảnh quá giống với hình người đến mức không thể là một kết cấu tự nhiên bị hiểu sai được. Phương pháp xác định niên đại carbon-14 cho thấy rằng di vật này không phải là tấm vải niệm của Jesus mà là một trò bịp mang tính sùng đạo có từ thế kỷ 14 – thời kỳ khi mà việc sản xuất ra những thánh tích tôn giáo mang tính lừa dối là một ngành thủ công gia đình rất phát đạt và lợi nhuận cao. – TG.

[18] Nguyên văn tiếng Anh: Mandrake. Mandrake là tên gọi chung cho các thành viên của giống thực vật Mandragora, đặc biệt là loài Mandragora officinarum, thuộc họ cà dươc (Solanaceae). Vì phong gia có rễ giống hình người nên từ lâu chúng đã sử dụng trong các nghi thức ma thuật. Theo truyền thuyết, khi rễ cây bị đào lên, nó sẽ hét rất to và giết chết tất cả những ai nghe thấy. Một số tác giả thời xưa từng ghi chép lại cách đào rễ cây này: Phải đào xung quanh cây cho tới khi phần dưới rễ lộ ra, sau đó buộc một con chó vào cây và người đào phải tránh đi. Con chó đi theo chủ sẽ kéo rễ cây lên và chết thay cho chủ. Trong tập *Harry Potter và Căn phòng bí mật*, rễ cây phong gia được Giáo sư Sprout trồng để chữa cho một số nhân vật bị hóa đá khi nhìn không trực diện vào mắt của Tử xà Basilisk. – ND.

[19] George Ivanovich Gurdjieff (1877?-1949) là một thầy giáo tinh thần rất có ảnh hưởng từ đầu đến giữa thế kỷ 20. Ông dạy rằng đa số con người sống cả đời trong trạng thái “mộng du” thôi miên, và rằng có thể tiến đến một cấp độ ý thức cao hơn và đạt được toàn bộ tiềm năng con người. Gurdjieff phát triển một phương pháp để làm được điều này, gọi là “Công trình” theo những nguyên tắc và chỉ dẫn của ông. Phương pháp của Gurdjieff nhằm đánh thức ý thức của ai đó rất khác với các phương pháp của các thầy tu hay thuật sĩ yoga, cho nên phương pháp của ông cũng được gọi là “Con đường thứ tư”. Có lúc ông mô tả phương pháp của mình là “Thiên Chúa giáo bí truyền.” Ông khẳng định rằng những lời dạy mà ông đưa tới phương Tây từ những trải nghiệm và chuyến du hành của mình cho thấy chân lý tìm thấy trong các tôn giáo cổ có liên quan đến sự tự nhận thức trong đời sống thường nhật của con người và vị trí của loài người trong vũ trụ. – ND.

[\[20\]](#) Praxiteles thành Athens, là điêu khắc gia nổi tiếng nhất ở thế kỷ 4 trước Công nguyên. Ông là người đầu tiên điêu khắc hình tượng phụ nữ khỏa thân với kích thước bằng người thật. Mặc dù không tác phẩm điêu khắc nào của Praxiteles còn tồn tại nhưng các bản sao chép thì rất nhiều. – ND.

[21] Ý tưởng chung này không có gì mới, ít nhất đã có ít nhất một thế kỷ từ thời kỳ xuất hiện câu chuyện về kênh mương Sao Hỏa của Percival Lowell. Xin lấy một trong rất nhiều ví dụ: Trong cuốn sách năm 1936 nhan đề *Tàu vũ trụ bay xuyên không gian: Buổi bình minh của du hành liên hành tinh* (Rockets Through Space: The Dawn of Interplanetary Travel) của mình, P. E. Cleator đã suy luận: “Trên Sao Hỏa, những phế tích đổ nát của các nền văn minh cổ có thể được tìm thấy, âm thầm chứng minh cho thời hoàng kim của một thế giới đang suy tàn.” – TG.

[22] Nguyên văn: *ziggurat* (các đền thờ thần hình kim tự tháp) là những cấu trúc đồ sộ được xây dựng ở thung lũng Lưỡng Hà cổ đại và phía tây cao nguyên Iran, có hình dạng kim tự tháp bậc thang gồm nhiều tầng chồng lên nhau. Mỗi *ziggurat* là một phần của một quần thể đền thờ bao gồm sân, các phòng kho, phòng tắm, khu sinh hoạt, và có một thành phố được xây dựng bao quanh. Đỉnh mỗi *ziggurat* là điện thờ. Một chức năng thiết thực của *ziggurat* chính là nơi cao ráo cho các thầy tế tránh nước lụt dâng lên hằng năm ở vùng này. Chức năng thứ hai là bảo đảm an ninh. Vì chỉ có thể vào điện thờ bằng ba lối cầu thang nên có thể dễ dàng ngăn không cho những người lạ nhòm ngó các nghi thức tiến hành trong điện thờ. – ND.

[\[23\]](#) Chẳng hạn, tờ *Publishers Weekly* số ra ngày 4 tháng 9 năm 1994: “Theo một cuộc thăm dò của Gallop, hơn ba triệu người Mỹ tin rằng họ đã bị sinh vật lạ bắt cóc.” – TG.

^[24] Elmo Roper (1900—1971), người Mỹ, là người đầu tiên thực hiện thăm dò ý kiến một cách khoa học để đưa ra các dự báo chính trị. Ông đã ba lần dự đoán đúng việc tái đắc cử của Tổng thống Franklin D. Roosevelt vào các năm 1936, 1940 và 1944. – ND.

[25] Bong bóng Mississippi là một dự án tài chính tại Pháp ở thế kỷ 18 tạo ra một cơn sốt đầu cơ và kết thúc bằng hiện tượng sụp đổ tài chính. Dự án này do John Law, nhà thám hiểm, nhà lý thuyết kinh tế kiêm phù thủy tài chính người Scot, kiến tạo. Năm 1716 Law thành lập ngân hàng Banque Générale, có quyền phát hành giấy bạc. Năm sau, ông thành lập Công ty Compagnie d'Occident, sau đổi tên là Compagnie des Indes, độc quyền phát triển các lãnh thổ rộng lớn của Pháp tại thung lũng Sông Mississippi ở Bắc Mỹ. Nhu cầu mua cổ phần của Compagnie des Indes để kiếm lời tăng mạnh, dẫn tới một cơn sốt đầu cơ và tiếp đến là bùng nổ thị trường chứng khoán khắp Châu Âu. Chính phủ Pháp lợi dụng tình hình này để in một số lượng lớn tiền giấy, dẫn đến tình trạng lạm phát phi mã. Kết cục là năm 1720, giá trị của cổ phiếu sụt giảm, gây ra vụ sụp đổ thị trường chứng khoán tại Pháp và nhiều nước khác.

South Sea là một công ty cổ phần của Anh thành lập năm 1711, được độc quyền kinh doanh tại các thuộc địa Nam Mỹ của Tây Ban Nha. Hiện tượng đầu cơ cổ phiếu của công ty đã dẫn tới một bong bóng kinh tế lớn gọi là Bong bóng South Sea vào năm 1720, gây ra tình trạng phá sản cho nhiều người.

Cơn cuồng loạn hoa Tulip là một giai đoạn trong thời hoàng kim của Hà Lan trong đó giá hợp đồng cho giống hóa tulip tăng vọt và sau đó đột ngột sụt giảm. Ở đỉnh điểm của cơn sốt, vào tháng 2 năm 1637, một số cây tulip giống có giá cao gấp 10 lần thu nhập hằng năm của một thợ thủ công lành nghề. Thời kỳ này được coi là bong bóng đầu cơ đầu tiên được ghi nhận. Thuật ngữ “tulip mania” hiện nay thường được sử dụng mang nghĩa ẩn dụ để chỉ bất kỳ bong bóng kinh tế lớn nào. – ND.

[\[26\]](#) Có quá nhiều vệ tinh nhân tạo trên cao đến mức chúng thường xuyên tạo ra những hiện tượng lóa mắt ở đâu đó trên thế giới. Hai hoặc ba chiếc bốc cháy trong bầu khí quyển Trái Đất mỗi ngày, các mảnh vỡ cháy bùng bùng thường rất dễ thấy bằng mắt thường. – TG.

[27] Nguyên gốc “signal-to-noise” (thường viết tắt là SNR hoặc S/N) là chỉ số dùng trong khoa học và kỹ thuật để so sánh mức độ của một tín hiệu mong muốn với mức độ tiếng ồn (nhiều) nền. Nếu tỉ số cao hơn 1:1 nghĩa là tín hiệu lớn hơn tiếng ồn. Tỉ số tín hiệu-nhiều cũng được dùng để chỉ tỉ số giữa thông tin hữu ích với các dữ liệu sai lệch hoặc không liên quan xuất hiện trong đàm thoại hoặc trao đổi. Chẳng hạn, trên các diễn đàn thảo luận trực tuyến, thư rác (spam) bị xem là “nhiều” ảnh hưởng đến “tín hiệu”. – ND.

[\[28\]](#) Nguyên gốc “eyes only”, là cụm thuật ngữ dùng để phân loại những tài liệu mà chỉ đích danh người nhận mới được xem. – ND.

[29] Định lý cuối cùng của Fermat (còn gọi là Định lý lớn Fermat) là một trong những định lý toán học nổi tiếng. Định lý này được Pierre de Fermat phỏng đoán lần đầu năm 1637 trên lề một ấn bản *Arithmetica* trong đó ông nói rằng đã có cách chứng minh nhưng quá dài không đủ viết trên lề. Nội dung định lý nói rằng: Không có ba số nguyên dương a , b , và c nào có thể thỏa mãn phương trình $a^n + b^n = c^n$ với bất kỳ giá trị nguyên nào của n lớn hơn 2. Cho tới đầu thế kỷ 20, các nhà toán học chỉ chứng minh định lý này đúng với $n=3, 4, 5, 7$ và các bội số của nó. Nhà toán học người Đức Ernst Kummer đã chứng minh định lý này đúng với mọi số nguyên tố tới 100 (trừ 3 số nguyên tố phi chính quy là 37, 59 và 67). Cuối cùng nó được Andrew Wiles chứng minh năm 1995 sau gần 8 năm ròng nghiên cứu. – ND.

[30] Phỏng đoán Goldbach (Goldbach's Conjecture) là một trong những vấn đề lý thuyết số và toán học chưa có lời giải lâu đời nhất. Ngày 7 tháng 6 năm 1742, nhà toán học Đức Christian Goldbach viết một lá thư gửi Leonhard Euler trong đó ông đề xuất phỏng đoán: "Mọi số tự nhiên có thể viết dưới dạng tổng của hai số nguyên tố thì đều có thể viết dưới dạng tổng của nhiều số nguyên tố." Sau đó ông đề xuất một phỏng đoán thứ hai ở bên lề lá thư: "Mọi số tự nhiên lớn hơn 2 đều có thể viết dưới dạng tổng của ba số nguyên tố." Hai phỏng đoán này hiện được xem là tương đương. Euler phúc đáp trong một lá thư ngày 30 tháng 6 cùng năm và nhắc Goldbach về một cuộc trò chuyện trước đó của họ, trong đó Goldbach nói đến phỏng đoán ban đầu của mình: "Mọi số tự nhiên chẵn lớn hơn 2 đều có thể viết dưới dạng tổng của hai số nguyên tố." Cũng trong thư này, Euler nói rằng "mọi số tự nhiên chẵn đều là tổng của hai số nguyên tố. Tôi xem đây là một định lý hoàn toàn đúng, mặc dù tôi không chứng minh được." Phỏng đoán Goldbach không giải được suốt hơn 250 năm, cho đến năm 1930, nhà toán học Nga L. G. Snhirenman mới chỉ chứng minh trường hợp nhỏ: Mọi số chẵn $n \geq 4$ có thể biểu diễn thành tổng của 20 số nguyên tố. Năm 1937 nhà toán học Nga I.M. Vinogradov đã chứng minh bài toán với số lẻ khá lớn là số lớn hơn số $e^{16.038}$, $e \approx 2,71828\dots$ – ND.

[\[31\]](#) Nghĩ ra những câu hỏi mà không con người nào hiện nay biết câu trả lời nhưng lại có thể lập tức nhận ra ngay câu trả lời đúng là một bài tập thú vị. Nghĩ ra những câu hỏi trong những lĩnh vực ngoài toán học sẽ càng khó hơn. Có lẽ chúng ta nên tổ chức một cuộc thi và thu thập những câu trả lời hay nhất về “Mười câu hỏi cho sinh vật lạ.” – TG.

[\[32\]](#) Thời gian gần đây hơn, Bà Hill có viết rằng trong các vụ bắt cóc của sinh vật lạ trên thực tế, “không hề thấy có sự quan tâm về tình dục. Tuy nhiên, họ thường xuyên tự tiện sử dụng một số đồ đạc [của người bị bắt cóc

[\[33\]](#) Từ “science” có nghĩa là “tri thức” trong tiếng Latin. Đã xảy ra tranh cãi, kể cả chúng ta không tìm hiểu thêm. – TG.

[34] Tương tự như vậy, trong cùng tác phẩm, “Bão tố nổi lên do phù thủy được chứng thực bởi rất nhiều người, đến mức tôi nghĩ không cần thiết phải kể lại.” Trong cuốn sách năm 1668 nhan đề *Cả tin và ngờ vực* (Of Credulity and Incredulity), nhà thần học Meric Casaubon cho rằng phù thủy có tồn tại vì nói cho cùng tất cả mọi người đều tin như vậy. Bất kỳ điều gì nhiều người tin thì phải là sự thật. – TG.

[\[35\]](#) **Mosheh ben Maimon**, thường được gọi là **Moses Maimonides**, là một triết gia Do Thái nổi bật thời Trung Cổ và là một trong những học giả Thánh kinh Do Thái viết nhiều nhất giai đoạn này. Ông sinh tại Córdoba, thuộc Đế chế Almoravid (nay là Tây Ban Nha) vào năm 1135, và mất tại Ai Cập năm 1204. Ông là giáo sĩ, thầy thuốc và triết gia tại Morocco và Ai Cập. – ND.

[36] Macrobius Ambrosius Theodosius là một học giả La Mã sống vào đầu thế kỷ 5, nổi tiếng với những tác phẩm như *Saturnalia*, một bản trích yếu về tri thức cổ và tôn giáo La Mã cổ đại, *Commentarii in Somnium Scipionis* (“Dẫn giải về giấc mơ của Scipio”), một nguồn quan trọng cho trường phái Plato ở phương Tây sử dụng chữ Latin suốt thời Trung Đại, và *De differentiis et societatibus graeci latinique verbi* (“Về sự khác và giống nhau của động từ Hy Lạp và Latin”) nay đã thất lạc. – ND.

[\[37\]](#) Hình thức hành quyết này được Tòa án dị giáo chấp nhận nhằm bảo đảm đúng với một câu có chủ định của luật giáo hội (Hội đồng Tours, 1163): “Nhà thờ ghê tởm cảnh máu đổ.” – TG.

[38] Trong lãnh địa u ám của những kẻ săn tiền thưởng và những kẻ báo tin ăn tiền, tình trạng suy đồi ghê tởm thường chính là quy luật – trên toàn thế giới và trải dài suốt lịch sử loài người. Xin lấy ví dụ gần như ngẫu nhiên, vào năm 1994, để có tiền, một nhóm thanh tra bưu chính từ Cleveland đồng ý bí mật truy lùng những người phạm sai sót; sau đó họ vạch ra những vụ án hình sự chống lại 32 nhân viên bưu điện vô tội. – TG.

[\[39\]](#) Jacques Fabrice Vallée (sinh ngày 24 tháng 12 năm 1939 tại Pontoise, Pháp) là một nhà tư bản mạo hiểm, nhà khoa học máy tính, tác giả, và cựu phi hành gia hiện đang sống tại San Francisco, bang California.

Trong ngành khoa học chính thống, Vallée nổi tiếng vì đồng phát triển ra quy trình vẽ bản đồ Sao Hỏa sử dụng máy tính đầu tiên cho NASA. Ông cũng là người tham gia sáng tạo ARPANET, tiền thân của Internet. Vallée còn là một nhân vật quan trọng trong nghiên cứu các vật thể bay không xác định (UFO), được biết đến trước hết với quan điểm bênh vực cho tính hợp pháp khoa học của giả thuyết ngoài Trái Đất. – ND.

[40] Vào những thập kỷ cuối của Cộng hòa La Mã, một nhóm quý tộc gồm những nguyên lão bất mãn, đứng đầu là Lucius Sergius Catilina, âm mưu chống lại La Mã. Nhận được mật báo vào đêm 18 tháng 10 năm 63 trước Công nguyên, hôm sau, Chấp chính quan Marcus Tullius Cicero thông báo cho toàn thể Nguyên lão viện biết âm mưu phản loạn. Ngày 21 tháng 10, Nguyên lão viện phê chuẩn “Giải pháp cuối cùng của Nguyên lão viện”, trao cho các quan chấp chính toàn quyền hành động và ban hành tình trạng thiết quân luật. Catiline rời khỏi La Mã ngày 6 tháng 11 để lãnh đạo cuộc nổi dậy. Phe ông tiếp cận với bộ tộc Allobroges ở xứ Gauls. Những người Allobroges thông báo mọi chi tiết về âm mưu chống La Mã cho giám quan La Mã của họ và người này báo lại cho Cicero. Theo chỉ dẫn từ La Mã, những người Allobroges vờ theo phe nổi dậy để Cicero bố trí quân mai phục tại cầu Milvian. Những lãnh đạo phe nổi dậy bị bắt và bị hành quyết không cần xét xử vào tháng 12 năm 63. Sau đó, Nguyên lão viện huy động quân đánh Catiline và giết chết ông tại Pistoria. – ND.

[\[41\]](#) Cáo buộc hiến máu (blood libel hoặc blood accusation) là cáo buộc sai cho rằng các nhóm thiểu số tôn giáo, thường là người Do Thái, giết trẻ em, nhất là trẻ em Thiên Chúa giáo, để dùng máu nướng bánh thánh cho những nghi thức tôn giáo và ngày lễ nhất định. Trong lịch sử, những cáo buộc này – cùng với các cáo buộc đầu độc và bang bố — là một chủ đề chính trong thời kỳ bài Do Thái ở Châu Âu. – ND.

[\[42\]](#) Quintus Septimius Florens Tertullianus (160-225) là một tác giả Thiên Chúa giáo sơ khai đến từ Carthage thuộc La Mã. Ông là tác giả Thiên Chúa giáo đầu tiên đưa ra một tập văn Thiên Chúa giáo Latin. Ông cũng là một nhà biện giải và cây bút luận chống lại dị giáo. Tertullian được gọi là “cha đẻ của Thiên Chúa giáo Latin” và là người sáng lập thuyết thần học phương Tây. Ông nổi tiếng nhất với vai trò là cây viết Latin xưa nhất sử dụng thuật ngữ Chúa ba ngôi (Trinity). Quan điểm của ông ban đầu bị giáo hội xem là dị giáo nhưng sau này được Chính Thống giáo chấp nhận. – ND.

[\[43\]](#) Và sau đó, trong một câu gọi cho chúng ta nhớ rằng mô hình sinh vật lạ bắt cóc người rất gần gũi với tôn giáo Chúa cứu thế và mang lại thái bình cho thế giới, Mack kết luận “Tôi là cầu nối giữa hai thế giới ấy.” – TG.

[\[44\]](#) Không thể gọi họ một cách đơn giản là nhân chứng – bởi vì việc có đúng là họ đã chứng kiến bất kỳ điều gì (hoặc ít nhất là bất kỳ điều gì ở thế giới bên ngoài) đó vẫn còn là một vấn đề then chốt. – TG.

[\[45\]](#) Theo Kinh Thánh, Armageddon là địa điểm diễn ra trận đánh trong thời kỳ phán xét. Theo cách diễn giải của Thiên Chúa giáo, Đấng Cứu thế sẽ trở lại Trái Đất và đánh bại những kẻ chống Chúa và Quỷ Satan trong trận chiến Armageddon. Thuật ngữ này cũng được sử dụng để chỉ bất kỳ kịch bản Ngày Tận thế nào. Từ này có thể xuất xứ từ tiếng Do Thái *har mēgiddō*, nghĩa là “Núi Megiddo”, nơi diễn ra nhiều trận đánh thời xưa. Megiddo hiện đại là một thị trấn cách 40 km về phía tây nam ở cực nam Biển Galilee thuộc khu vực Sông Kishon. – ND.

[\[46\]](#) Trích từ một bức thư do tạp chí *The Skeptical Inquirer* nhận được; nhờ sự giúp đỡ của Kendrick Frazier. – TG.

[\[47\]](#) Đây là một vấn đề ảnh hưởng đến những phiên xét xử ở tòa án. Những nghiên cứu hồi cố cho thấy rằng một số thành viên hội thẩm đoàn đã hình thành định kiến từ rất sớm – có lẽ trong những lập luận đầu tiên – và sau đó bám lấy những bằng chứng có vẻ hợp với những ấn tượng ban đầu của họ và bác bỏ bằng chứng đối lập. Phương pháp nhiều giả thuyết có thể chấp nhận được không hề tồn tại trong đầu họ. – TG.

[48] “Occam’s razor” là quy luật về tính chi li, kinh tế hoặc tính cô đọng. Nguyên tắc này gợi ý ta lựa chọn trong những giả thuyết cạnh tranh nhau giả thuyết nào có ít giả định nhất và do đó đưa ra cách giải thích đơn giản nhất. Quy luật này được gán cho nhà logic học, thần học và thầy dòng Franciscan người Anh ở thế kỷ 14, Cha William xứ Ockham (d’Okham). Trong khoa học, quy luật Occam được dùng như một quy tắc hướng dẫn chung để chỉ dẫn các nhà khoa học trong việc phát triển những mô hình lý thuyết chứ không phải như một phán quyết trọng tài giữa các mô hình đã được công bố. Trong phương pháp khoa học, quy luật Occam không được xem là một nguyên tắc logic không thể bác được, và chắc chắn càng không phải là một kết quả khoa học. – ND.

[\[49\]](#) Nguyên văn “double-blind”. Thuật ngữ này dùng để mô tả một nghiên cứu trong đó cả bên thẩm định và người tham gia đều không hề biết tính chất của phương pháp điều trị mà người tham gia nhận được. – ND.

[\[50\]](#) Một công thức mang tính hoài nghi hơn của nhà sử học La Mã Polybius:
Vì quần chúng không kiên định, toàn những ước muốn ngang ngược, dễ kích động và chẳng bận tâm đến hậu quả, chắc chắn trong họ ngập tràn nỗi sợ hãi giữ cho họ trong khuôn khổ trật tự. Do đó, người cổ đại đã rất thành công khi sáng tạo ra các vị thần, và niềm tin vào sự trừng phạt sau khi chết đi. – TG.

[51] Ví dụ mà tôi thích là câu chuyện này, kể về nhà vật lý người Italia Enrico Fermi, vừa mới đặt chân đến bờ biển nước Mỹ, được chọn ngay vào Dự án vũ khí hạt nhân Manhattan, và được đưa tới gặp gỡ trực diện với các đô đốc Hoa Kỳ giữa lúc Thế Chiến 2 đang diễn ra:

- Cho nên đó là một vị tướng xuất sắc, người ta nói với ông.
- Thế nào là một vị tướng xuất sắc? Fermi hỏi lại.
- Tôi đoán đó là một vị tướng đã đánh thắng nhiều trận chiến liên tiếp.
- Bao nhiêu?

Sau khi trao qua đổi lại, họ thống nhất con số 5.

Bao nhiêu phần trăm tướng lĩnh Mỹ thuộc hạng xuất sắc?

Sau khi trao qua đổi lại thêm, họ thống nhất con số vài phần trăm.

Nhưng hãy tưởng tượng, Fermi đáp lại, rằng không hề có cái gọi là một vị tướng xuất sắc, rằng tất cả các đội quân đều ngang nhau, và rằng thắng một trận chỉ đơn thuần là vấn đề cơ hội. Khi đó cơ hội thắng một trận đánh là $1/2$; hai trận là $1/4$, ba trận là $1/8$, bốn trận là $1/16$, và năm trận liên tiếp là $1/32$ – tức là khoảng 3%. Quý vị sẽ *nghĩ rằng* chỉ vài phần trăm tướng lĩnh Mỹ đánh thắng 5 trận liên tiếp – thuần túy do cơ hội. Giờ, có ai trong số họ thắng được 10 trận liên tiếp không...? – TG.

[52] Hoặc: Trẻ em xem các chương trình truyền hình bạo lực có xu hướng bạo lực hơn khi chúng lớn lên. Nhưng có đúng là truyền hình gây ra bạo lực, hay trẻ bạo lực thích xem những chương trình bạo lực hay không? Rất có khả năng cả hai giả thuyết đều đúng. Những người biện hộ cho bạo lực truyền hình cho rằng bất kỳ ai đều có thể phân biệt được giữa truyền hình với thực tại. Nhưng các chương trình trẻ em sáng thứ Bảy hiện chiếu trung bình 25 cảnh bạo lực mỗi giờ. Chỉ ít, điều này giúp các em nhỏ thờ ơ với thái độ hung hăng và tàn nhẫn. Và nếu những người lớn nhạy cảm có thể mang những ký ức sai lệch trong óc họ thì chúng ta có thể reo rắc được gì vào con cái chúng ta khi chúng ta để chúng tiếp xúc với khoảng 100.000 hành động bạo lực trước khi chúng tốt nghiệp tiểu học? – TG.

[\[53\]](#) Nostradamus (1503-1566) là tên Latin hóa của Michel de Nostredame, dược sĩ và nhà tiên tri người Pháp, tác giả quyển *Những lời tiên tri* (Les Propheties), một bộ sưu tập lừng danh những điều tiên tri của ông được xuất bản năm 1555. Quyển sách là một tập hợp những bài đoán thi gồm 4 câu, mỗi nhóm 100 câu nói về một thế kỷ. Lời lẽ trong quyển sách này mơ hồ, khó hiểu, miêu tả những biến cố được tiên liệu sẽ xảy đến cho thế giới từ giữa thế kỷ 16 cho đến tận tận thế, theo dự kiến là vào năm 3797. – ND.

[\[54\]](#) Vi phạm các quy tắc đối với “các nhà tiên tri và phù thủy” mà Thomas Ady đưa ra năm 1656: “Khi gặp những điều đáng ngờ, họ phải đưa ra những câu trả lời đáng ngờ... Nếu có những khả năng chắc chắn hơn, họ phải đưa ra những câu trả lời chắc chắn hơn.” – TG.

[55] *Nỗi hãi hùng Amityville: Một truyện có thật* là cuốn sách của Jay Anson, xuất bản tháng 9 năm 1977. Đây cũng là cơ sở cho 10 bộ phim phát hành từ 1979 đến 2011. Người ta cho rằng cuốn sách dựa trên những trải nghiệm huyền bí trong đời thật của gia đình Lutz, nhưng gây rất nhiều tranh cãi và kiện cáo liên quan đến tính xác thực của nó. Tháng 12 năm 1975, George và Kathy Lutz cùng ba con riêng của Kathy chuyển đến căn nhà số 112 Ocean Avenue, một căn nhà có từ thời thuộc địa Hà Lan ở Amityville, một vùng ngoại ô thuộc bờ nam Long Island, New York. Mười ba tháng trước khi gia đình Lutz chuyển tới, Ronald DeFeo Jr. Đã bắn chết 6 người trong gia đình mình tại ngôi nhà này. Sau 28 ngày, gia đình Lutz chuyển đi vì cho rằng họ gặp nhiều hiện tượng huyền bí đáng sợ xảy ra tại đây. – ND.

[\[56\]](#) Bộ thông tin báo chí là một tập hợp đóng gói sẵn những tài liệu quảng bá của một người, một công ty hoặc tổ chức phân phát cho truyền thông để quảng bá, nhất là trong các cuộc họp báo. Bộ thông tin này thường gồm: Thông tin cơ bản, trong đó có lịch sử của công ty hoặc cá nhân; Bảng thống kê ghi rõ các đặc điểm, số liệu thống kê hoặc lợi nhuận; Tiểu sử của ban lãnh đạo chủ chốt, cá nhân, nghệ sĩ, v.v...; Trang bìa báo cũ; Ảnh hoặc những hình ảnh khác (độ phân giải cao) của ban lãnh đạo, logo, sản phẩm, v.v...; Một thông cáo báo chí; Thông tin liên hệ với truyền thông (thường là bộ phận quan hệ công chúng hoặc người phát ngôn); Đĩa CD, DVD, tiêu đề phần mềm, băng video, v.v...; Tài liệu quảng cáo đi kèm, chẳng hạn, bưu thiếp, tờ bướm, quảng cáo trên báo, v.v... – ND.

[\[57\]](#) Những trợ thủ của bà đã phỏng vấn nhiều bệnh nhân cả tin chỉ trong vòng 1-2 tiếng. Làm thế nào vị thầy thuốc lưu động lại biết được những triệu chứng và cả địa chỉ nhà của họ, ngoại trừ thông qua Chúa? Âm mưu này của Peter Popoff này, bị Randi vạch trần, được tiểu thuyết hóa trong bộ phim *Bước nhảy niềm tin* (Leap of Faith) năm 1993. – TG.

[\[58\]](#) Chơi chữ trong tiếng Anh, từ “condom” (bao cao su) viết gần giống với tên của Condon. – ND.

[\[59\]](#) Nhưng trách nhiệm của Truman đối với tình trạng sẵn lòng phù thủy diễn ra cuối thập niên 1940 và đầu thập niên 1950 cũng rất lớn. Sắc lệnh 9835 năm 1947 của ông cho phép điều tra quan điểm và các mối quan hệ của mọi nhân viên liên bang, không cần đến quyền đối chất với người cáo buộc hoặc thậm chí, trong hầu hết trường hợp, không cần quyền được biết cáo buộc là gì. Những người tỏ ra yếu kém sẽ bị xử bắn. Bộ trưởng Tư pháp Tom Clark đã lập một danh sách các tổ chức “lật đổ” dài đến mức đã có thời điểm danh sách này bao gồm cả Hiệp hội Người tiêu dùng. – TG.

[\[60\]](#) Paine là tác giả cuốn sách mỏng đầy tính cách mạng *Cảm giác chung* (Common Sense). Xuất bản ngày 10 tháng 1 năm 1776, cuốn sách bán được hơn nửa triệu bản trong vài tháng tiếp theo và khích lệ nhiều người Mỹ hướng tới sự nghiệp giành độc lập. Ông là tác giả của ba cuốn sách bán chạy ở thế kỷ 18. Các thế hệ sau chê trách ông vì những quan điểm tôn giáo và xã hội của ông. Theodore Roosevelt gọi ông là một “kẻ vô thần dơ bẩn” – mặc dù ông có niềm tin sâu sắc vào Chúa. Có lẽ ông là nhà cách mạng Mỹ nổi tiếng nhất nhưng lại không được dựng đài tưởng niệm ở Washington D.C. – TG.

[\[61\]](#) Đây không phải là điều khó xử với nhiều người khác. “Tôi tin tưởng; do đó tôi hiểu” Thánh Anselm nói vào thế kỷ 11. – TG.

[\[62\]](#) Có thời điểm, câu trả lời cho câu hỏi này là vấn đề sinh tử. Miles Philips là một thủy thủ anh, bị mắc cạn tại Mexico thuộc Tây Ban Nha. Ông và các bạn đồng hành bị giải tới trước Tòa án dị giáo vào năm 1574. Họ được hỏi “Các anh có tin rằng bánh thánh mà linh mục giơ cao trên đầu ngài, và rượu vang trong cốc rượu lễ, đích thực là xương thịt và máu toàn hảo của Đấng Cứu rỗi Christ, có hay không? Trước câu hỏi đó,” Philips cho biết, “nếu chúng tôi không trả lời ‘Có!’ thì không có cách gì trừ cái chết.” – TG.

[63] Vì nghi lễ này thực tế không được tiến hành trong năm thế kỷ nên chúng ta có thể quy kết vài chục nghìn trường hợp hiến sinh tự nguyện và không tự nguyện cho các vị thần Aztec và Maya, những người cam chịu số phận mình với đức tin bình thản và kiến thức rất tự tin rằng họ chết để cứu Vũ trụ. – TG.

[64] Tiếng Anh “Nation of Islam” (NOI) là một phong trào tôn giáo tạp nham mới do Wallace D. Fard Muhammad thành lập vào tháng 7 năm 1930 tại Detroit, Michigan. Mục đích của phong trào là cải thiện điều kiện tinh thần, tâm lý, xã hội và kinh tế của người Mỹ da đen tại Hoa Kỳ và của cả loài người. Ước tính phong trào có khoảng 20.000-50.000 thành viên cốt lõi. Hầu hết thành viên sống ở Hoa Kỳ nhưng cũng có một số cộng đồng ở Canada, Anh, Pháp, Trinidad và Tobago. – ND.

[65] Nguyên bản “ensoulment”, là một khái niệm tôn giáo chỉ thời điểm một sinh linh có linh hồn, cho dù là được tạo mới trong một bào thai đang phát triển hay đã tồn tại trước và nhận linh hồn ở một giai đoạn phát triển cụ thể. Người ta vẫn đang tranh cãi xem quá trình thụ hồn diễn ra chính xác ở độ tuổi nào của bào thai: Một quan điểm phổ biến, có từ thời Aristotle, cho rằng linh hồn con người nhập vào thân xác đang hình thành ở khoảng ngày thứ 40 (nam) hoặc 90 (nữ). Các quan điểm khác thì cho rằng tiếp hồn diễn ra ở thời điểm thụ thai; khi đứa trẻ hít thở lần đầu tiên sau khi sinh ra; ở thời điểm hình thành hệ thần kinh và não; lúc có hoạt động não bộ đầu tiên; hoặc khi bào thai có thể sống độc lập trong tử cung. – ND.

[66] Nguyên văn đoạn cách ngôn trong tiếng Anh: “Haste makes waste. Yes, but a stitch in time saves nine. Better safe than sorry; but nothing ventured, nothing gained. Where there’s smoke, there’s fire; but you can’t tell a book by its cover. A penny saved is a penny earned; but you can’t take it with you. He who hesitated is lost; but fools rush in where angels fear to tread. Two heads are better than one; but too many cooks spoil the broth.” – ND.

[\[67\]](#) Thời gian chờ đợi trung bình cho mỗi trường hợp hỗn độn ngẫu nhiên dài hơn *rất nhiều* so với tuổi của Vũ trụ kể từ Vụ nổ Big Bang. Nhưng, tuy không chắc có thực, về nguyên tắc nó có thể xảy ra ngay ngày mai. – TG.

[68] Nguyên văn “Frontline States” (FLS), một tổ chức được lập ra nhằm đạt được chế độ cai trị dân chủ theo đa số tại Nam Phi. Tổ chức này không còn tồn tại nữa. Các thành viên trước đây gồm Angola, Botswana, Lesotho, Mozambique, Tanzania, Zambia, Zimbabwe. Mối quan hệ của Hoa Kỳ với FLS đạt đến cao trào dưới chính quyền Carter nhằm thúc đẩy nhân quyền. – ND.

[\[69\]](#) Tôi không tính loạt câu hỏi “tại sao” mà những bé hai tuổi thỉnh thoảng lại đặt ra với cha mẹ – có lẽ chỉ nhằm tìm cách kiểm soát hành vi của người lớn. – TG.

[70] Head Start là chương trình của Bộ Y tế và Dịch vụ Con người Hoa Kỳ nhằm cung cấp các dịch vụ giáo dục toàn diện, y tế, dinh dưỡng và sự tham gia của phụ huynh dành cho trẻ có thu nhập thấp cùng gia đình. Khởi đầu năm 1965, Head Start ban đầu là một chương trình học hè để dạy cho trẻ em nghèo trong một vài tuần những gì cần biết để bắt đầu học mẫu giáo. Chương trình được mở rộng vào các năm 1981 và 2007. Đây là một trong những chương trình kéo dài nhất nhằm giải quyết tình trạng nghèo khó tại Hoa Kỳ. Cho đến cuối năm 2005, hơn 22 triệu trẻ ở độ tuổi vỡ lòng đã được tham gia chương trình. – ND.

[\[71\]](#) Upward Bound là chương trình giáo dục tại Hoa Kỳ do chính quyền liên bang tài trợ. Đây là một trong nhiều chương trình mang tên TRIO, ra đời theo Luật Giáo dục Đại học 1965. Các chương trình Upward Bound được Bộ Giáo dục Hoa Kỳ triển khai và giám sát với mục tiêu cung cấp cho một số nhóm học sinh trung học (người có thu nhập thấp, người có cha mẹ không học đại học, người sống tại vùng nông thôn) những cơ hội tốt hơn để học đại học. – ND.

[73] Xá Lợi Phất (tên tiếng Phạn: Sariputra) là một trong Thập đại đệ tử của Đức Phật. Ngài xuất thân từ một gia đình Bà-la-môn. Sau khi Phật ngộ Đạo, Xá Lợi Phất cùng bạn thân là Mục Kiền Liên (Mahamaudgalyayana) gia nhập Tăng-già và mang danh hiệu là “Trí tuệ đệ nhất”. Theo kinh sách, Tôn giả là người rất hoà nghi nhưng khi gặp và thấy gương mặt trang nghiêm sáng ngời, phong độ thanh thoát của A Thuyết Thị (Assaji), Tôn giả liền hỏi ông tin tưởng nơi ai. A Thuyết Thị trả lời bằng bài “Duyên khởi kệ” trứ danh:

Nhược pháp nhân duyên sinh

Pháp diệt nhân duyên diệt

Thị sinh diệt nhân duyên

Phật Đại sa-môn thuyết.

Các pháp nhân duyên sinh

Cũng theo nhân duyên diệt

Nhân duyên sinh diệt này

Phật Đại sa-môn thuyết.

Nghe xong, Xá Lợi Phất liền trực nhận ngay về lí “Có sinh thì có diệt,” thuật lại cho Mục Kiền Liên rồi hai người xin Phật cho gia nhập Tăng-già, trở thành đệ tử. – ND.

[74] Do những điểm không tương đồng về mặt ngôn ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt nên có nhiều chi tiết sẽ không thể dịch sang tiếng Việt. – ND (Lưu ý biên tập viên sách: Ở phần dịch nội dung này, tôi đã cố ý tạo ra những câu văn ngô nghê, những lỗi sai chính tả, cách dùng từ, lặp từ vụng về tương đương với nguyên tác để phần nào diễn tả được những điểm yếu của học sinh Mỹ mà tác giả muốn nhấn mạnh).